

TRẦN HỢP

CÂY CẢNH

Hoà
Việt Nam



· NHÀ XUẤT BẢN
NÔNG NGHIỆP

TRẦN HỢP

CÂY CẢNH, HOA VIỆT NAM

(Trừ họ Phong lan : Orchidaceae)

ORNAMENTAL PLANTS AND FLOWERS IN VIETNAM

(In lần thứ 2, có sửa chữa bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
TP. HỒ CHÍ MINH - 2000



LỜI MỞ ĐẦU

Trong kho tài nguyên của hệ thực vật nước ta, nhóm cây có hình dạng kỳ lạ, hương sắc hoa độc đáo, được gây trồng làm cảnh, có lẽ là nhóm cây phong phú và phức tạp hơn cả về số lượng Taxon. Một mặt, hệ cây có "*bản địa*" qua nhiều thế kỷ phát hiện, tuyển chọn và khai thác, đã đóng góp cho nhóm cây cảnh một số lượng loài khá dồi dào. Con số này vẫn luôn luôn được bổ sung làm giàu cho sự thống kê các loài cây có ích ở nước ta. Đây là những loài cây đã có quá trình sử dụng gắn bó chặt chẽ với tín ngưỡng, thẩm mỹ, tình cảm và đời sống tinh thần của dân tộc Việt Nam. Mặt khác, với vị trí địa lý - khí hậu đặc biệt của nước ta, trải qua biết bao thế hệ tiếp xúc với lịch sử trồng trọt, kiến trúc và nền văn hóa - mỹ thuật thế giới - cả phương Đông lẫn phương Tây, đã có cả một quá trình lâu dài để dẫn giống, nhập nội và thuần chủng nhiều loài "*kỳ hoa, dị thảo*" từ khắp các phương trời. Số Taxon ngoại lai, đang được gây trồng trên mọi miền đất nước ta cũng có một số lượng đơn vị phân loại khó thống kê nổi. Nó không những nhiều loài mà nguồn gốc từ các vùng nguyên sản cũng rất phức tạp, vì nhiều loài cây đã đi qua nhiều vùng trái đất để sau cùng mới đến "*ngụ cư*" ở nước ta, và trong quá trình di chuyển, các biến thái địa lý xảy ra rất mãnh liệt làm cho hình dạng, màu sắc bị thay đổi nhiều, có khi khác hẳn với "*tổ tiên*" của chúng. Các Taxon nhập nội này, phần chủ yếu đều do sự dẫn giống có ý thức của các nhà trồng trọt, các nhà vườn hay các nghệ nhân, các nhà tài tử nghiệp dư. Họ thường là những người tiên phong và có đầu óc ưa sưu tầm những "*của hiếm vật lạ*" từ khắp các nước trên thế giới. Còn một phần nhỏ khác, do cây cỏ tự tìm đến "*nơi quê hương thứ hai*" một cách ngẫu nhiên bằng nhiều phương thức khác nhau theo các luồng di cư.

Trải qua nhiều thế hệ chọn lọc tự nhiên và nhân tạo, tất cả các cây làm cảnh hiện đang sống hòa đồng với nhau dưới bàn tay chăm sóc của con người, đã góp phần tạo nên cảnh quan xinh tươi, đa sắc, đa hương của "*hệ thực vật Việt Nam*", gắn bó với cuộc sống tinh thần ngàn năm văn hiến của dân tộc ta. Không những thế, hàng ngày hàng tháng, số lượng cây có hoa đặc sắc, cây có hình dáng hấp

dẫn vẫn luôn luôn không ngừng được bổ sung do các nhà vườn, các nhà sưu tầm cây ọc tò mò và luôn đổi mới mang về. Những Taxon được gây trồng có nguồn gốc nước ngoài trong những năm gần đây, từ các nhà vườn khắp năm châu bốn biển, mang nhiều sắc thái rất đặc biệt với màu sắc, hương thơm, hình dáng kỳ lạ, trợn hơn hẳn với các loài đến trước, làm cho vườn cây cảnh nước ta vốn đã đa dạng, lại càng thêm phong phú, phức tạp. Sự tiến bộ trong nền khoa học về tạo giống đã đẻ ra nhiều sản phẩm độc đáo, vượt qua khỏi trí tưởng tượng của loài người. Nhiều thế hệ tuyển chọn gắt gao theo nhiều dòng chủng xa lạ làm cho các con cháu sau này xa cách hẳn với các dòng thuần chủng ban đầu. Các thành công về cây cảnh mới để hấp dẫn thị trường thế giới cũng đã góp phần làm giàu cho nhóm cây cảnh nước ta, làm cho việc theo dõi lý lịch của chúng gặp nhiều bất lợi cho các nhà khoa học, các nhà vườn kinh doanh.

Do các đặc điểm độc đáo và riêng biệt của nhóm cây có hoa và làm cảnh hiện có ở nước ta, làm cho việc "kiểm kê" thật chính xác số lượng Taxon vô cùng khó khăn, nhất là đi sâu để ghi chép các đơn vị phân loại ở cấp bậc dưới loài. Cho đến nay, chúng tôi chỉ mới có khả năng đề cập đến đơn vị phân loại học cơ bản là LOÀI (Species) cùng với một số CHỨNG (Varieties) được biết khá chắc chắn với các đặc điểm phân biệt rành rọt. Các "tên gọi" khác, tuy khá phổ biến, do các nhà vườn hay các nhà kinh doanh đặt ra với mục đích thương mại hay để lôi kéo sự hiếu kỳ, mặc dù chúng tôi có tư liệu, nhưng cũng chưa dám đề cập ở đây. Vì các tên này được đặt ra một cách tùy tiện của các nhà vườn, thường là tên của người trong gia đình, tên các vua quan không gắn gì với cây cảnh, ít có giá trị khoa học. Ngay ở tên khoa học, những bộ "THỰC VẬT CHÍ" các nước nơi nguyên sản của các cây cảnh đã dẫn giống vào Việt Nam, cũng đa số chỉ mô tả đến các loài và chủng, hầu như chưa đề cập đến các Taxon bậc thấp hơn. Hy vọng với thời gian tới, khi có đầy đủ tư liệu tra cứu và mẫu vật hoàn thiện, sẽ có dịp bổ sung.

Một khó khăn nữa trong việc sắp xếp trong nhóm cây làm cảnh là cùng một cây lại có nhiều cách sử dụng làm cảnh khác nhau, nó tùy thuộc vào mục đích sử dụng và hoàn cảnh gây trồng, nên thường có khuynh hướng chia chúng thành các nhóm nhỏ để tiện việc thống

kê, trình bày và theo dõi. Nhiều tài liệu trước đây hoặc chỉ sắp xếp theo thứ tự vần chữ cái tất cả các loài cây có khả năng làm cảnh (theo tên thường dùng hay theo danh pháp khoa học). Một số tài liệu khác nhằm mục đích phục vụ cho ý đồ của người sử dụng mà chia thành nhóm cây trồng ở vườn, cây trồng ở bao lơn, cây trồng ở cửa sổ, cây trồng trong nhà... Để tiện nhận biết cây, các nhà làm vườn lại thống kê cây làm cảnh theo các đặc điểm gây trồng như cây hàng năm, cây lâu năm, cây có củ, cây thân gỗ... Tóm lại, theo chúng tôi, việc phân chia cây làm cảnh ra các nhóm nhỏ, vừa phải thể hiện được chức năng phục vụ cơ bản của các loài cây đó, vừa phải theo một trật tự nhất định, tốt nhất có một hệ thống phân loại học. Vì, mặc dù một loài cây làm cảnh nào đó, tuy có nhiều khả năng phục vụ đời sống tinh thần của con người, nhưng vẫn nổi bật lên một đặc tính chủ yếu trong việc làm cảnh. Sau đây là phác thảo sơ bộ các nhóm cây làm cảnh trong hệ thực vật làm cảnh⁽¹⁾ hiện có ở nước ta.

- I. Nhóm cây leo, cây hàng rào
- II. Nhóm cây làm cảnh bằng thân
 - II. A - Nhóm cây thân cột
 - II. B - Nhóm cây thân rỗng.
 - II. C - Nhóm cây thân mọng nước.
- III. Nhóm cây làm cảnh bằng lá
 - III. A - Nhóm cây lá xanh : Quyết thực vật
 - III. B - Nhóm cây lá kim : Thực vật hạt trần
 - III. C - Nhóm cây lá rộng : Thực vật hạt kín.
- IV. Nhóm cây làm cảnh bằng hoa
 - IV. A - Nhóm cây thân cỏ
 - IV. B - Nhóm cây thân gỗ
- V. Nhóm cây làm cảnh bằng quả
- VI. Nhóm cây làm cảnh ở nước.

⁽¹⁾ Không kể họ Phong lan (Orchidaceae). Xin xem "Phong lan Việt Nam" (1998) của tác giả (Nhà xuất bản Nông Nghiệp - Hà Nội).

Tuy nhiên, khi trình bày các nhóm cây làm cảnh, nếu gặp một loài có thể sử dụng nhiều mặt khác nhau, thì ngoài việc mô tả công dụng chính sẽ ghi chú các công dụng khác kèm theo để các nhà kinh doanh có thể khai thác các công dụng phụ đó làm tăng tính hấp dẫn của cây cỏ trong thương mại. Để bổ sung cho phần "tên gọi" Việt Nam chưa được hoàn chỉnh ở các Taxon nhập nội, sẽ ghi kèm theo các tên thông thường bằng tiếng Anh hay Pháp để có cơ sở tra cứu trên các sách nước ngoài.

Mặt khác, trong quá trình giới thiệu các taxon hiện đang được gây trồng làm cảnh, cố gắng chừng mực nhất định sẽ kết hợp giới thiệu thêm một ít loài gần gũi hiện đang mọc hoang dại nhưng có khả năng làm cảnh, để các nhà sưu tầm, cải tạo giống có thể quan tâm. Đây là một công việc lớn, cần có sự cộng tác của nhiều nhà Phân loại học thực vật, cũng như các nhà thẩm mỹ học, kiến trúc để tuyển chọn trong hệ cây cỏ nước ta, các loài cây còn đang bị lãng quên, làm giàu thêm cho gia đình cây làm cảnh.

Do chưa có đủ điều kiện để thống kê đầy đủ các loài cây làm cảnh trên phạm vi cả nước và thiếu nhiều tài liệu tra cứu, nên cuốn sách không thể tránh khỏi nhiều thiếu sót, chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp, bổ sung của các nhà khoa học, các nghệ nhân, các nhà vườn để chỉnh lý và bổ khuyết cho lần xuất bản sau.

Trong quá trình sưu tầm nghiên cứu và định loại, chúng tôi đã được sự hỗ trợ rất lớn và đầy nhiệt tâm của các nhà khoa học và các nghệ nhân trong cả nước. Nhân dịp này, chúng tôi xin chân thành cảm ơn và mong rằng sự giúp đỡ quý báu đó sẽ tạo điều kiện mãi cho chúng tôi trong công việc thống kê thật đầy đủ sau này các loài cây cảnh và các nhóm cây khác có giá trị kinh tế của đất nước ta.

TÁC GIẢ

ORNAMENTAL PLANTS AND FLOWERS IN VIETNAM

Species of plants having their specified forms : leaves, flowers, fruits of various splendid colours and their beauty suitable to be used in ornamentation are abundant and complicated in the botany system in Vietnam. It includes plants originated from species growing wildy in the forest, on the pastoral lands lying in every part of Vietnam, and plants of acclimatized species introduced from many countries in the world. (Specially from tropical countries of South America and Africa). Through a long process of selection, these species of plants became familiar, closely connected with religion, aesthetic sense and feeling of Vietnamese people. In any part of the country, in each nation, in every family or in each individual, it exists a closed connection with some determined ornamental plants, because besides of species of plants useful for the material human life, the plants having perfume and colour have contributed to build spiritual life more and more abundant and diversified of everybody in social communities. Ornamental plants have interfered, penetrated into the life of every member of Vietnam, it make the sufficient statistics of all varieties to meet with a great deal of difficulties. Presently, if only species are mentioned, it can be counted at about 1000 species that the Vietnamese are planting and breeding as ornamental plants. However, a great number of plants introduced from foreign countries with their beautiful leaves, flowers, fruits possess various complicated varieties and forms. This is the result of a permanent and oriented breeding of gardeners aiming at increasing the attractiveness of the plants in order to serve every human delight inquirements. Thus, the abundance of ornamental plant group becomes more and more complicated. This book is limited only in the introduction of popular ornamental plants of which the growing in outspreading in Vietnam.

The forepart of this book introduces ornamental plants in general

and the most important part (of this book) is stood list statistically in alphabetic order (for Vietnamese language) the groups of ornamental plants in Vietnam.

In the first steps, the ornamental plants and flowers in Vietnam can be divided into following groups:

- I. Group of climbing plants, fencing plants.
- II. Group of ornamental trunk plants:
 - II. A - Group of columnar trees
 - II. B - Group of hollow trunk trees
 - II. C - Group of succulent trunk trees
- III. Group of ornamental leaf plants.
 - III. A - Green leaves plants of ferns (Pteridophytes)
 - III. B - Green leaves plants of Cycads and conifers (Gymnosperms)
 - III. C - Green or colours leaves of flowering plants (Angiosperms)
- IV. Group of ornamental flower plants.
 - IV. A - Flower plants of grass
 - IV. B - Flower plants of shrubby and shadowy trees
- V. Group of ornamental fruit trees
- VI. Group of ornamental aquatic plants.

Each group will be presented with Vietnamese names of different species in alphabetic order. Each formal Vietnamese name of plant will be followed by some regional popular names, then by scientific name and similar names which can be easily found in other scientific books, its botanical family name will be also mentioned. Equivalent species names in English or French will be also referred to in order to facilitate the consultation in foreign documents.

In every species, plants will be shortly described about their shapes successively: roots, trunk, leaves, flowers, fruits in order to identify easily in the nature. Then, the book will mention the

flowering and fructifying seasons planting methods, the process of taking care, and a little bit of the art of displaying the ornamental plants for delight. Every species can have many uses in ornamentation, hence beside of the description of the main uses, other secondary uses in ornamentation are also listed, so the gardeners are exploiting every aspect of these species. If each category of plants possesses several different varieties and forme, the book only present briefly their main characteristics in order to distinguish them clearly from the fundamental species. Due to the cross - breeding through several generations with various unclear origins, the change of their forms becomes more complicated. The gardeners give them many different names for their commercial purposes, less scientific value, hence the book only introduces various classified units of the varieties relatively settled and popularized in planting.

Besides the ornamental species which are universally planted in Vietnam, this book also presents a few species actually growing wildly but being able to be used in ornamentation (beautiful trunk, leaves, flowers or fruits) in order to form documents for the consultation of businessmen who like to exploit new species of ornamental plants.

I. NHÓM CÂY LEO, CÂY HÀNG RÀO

I.1. CÂY AC - Ó

Bear's breach; Acanthe à feuille entière

Acanthus integrifolius T. Anders

Họ Ô - rô (Acanthaceae)

Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều thành bụi dày. Cành non dài, mềm mọc vươn lên cao, màu xanh bóng. Cây xanh quanh năm. Cụm hoa ngắn, mọc ra ở nách lá gồm ít hoa lớn, mọc sát nhau. Hoa màu trắng rất dễ rụng và mau tàn. Quả rất hiếm. Mùa hoa rất ngắn vào đầu mùa mưa (tháng 4 - 5) (Hình 1).



H.1. Ac ó *Acanthus integrifolius* T.And.

Cây được gây trồng rất phổ biến làm hàng rào, ngăn tường, ở các thành phố. Do cành nhánh mọc nhanh vươn dài, dễ uốn nên có thể làm cây uốn cong, hay làm cây viền các lối đi, các bồn hoa trong công viên. Cây rất dễ trồng bằng các đoạn cành. Cắt các đoạn cành bánh tẻ dài khoảng 20 cm, cắm nơi đất ẩm ngay nơi định làm hàng rào hay lối đi. Cây chóng cho rễ và nảy chồi dài. Ngoài giá trị làm cảnh, cây còn làm thuốc.

I.2. CÂY ANG - TI - GÔN (Tigôn, Hiếu nữ, Hoa nho)

Mountain rose; Love's chain; Corallite; Liane Antigone, Rose de Montana

Antigonon leptopus Hook. et Arn.

Họ rau răm (Polygonaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ (Méhicô) được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước và nhập trồng làm cảnh ở nước ta khá lâu.

Cây leo, thân gỗ, có củ mọc sâu trong đất. Thân mềm phân cành nhánh nhiều, dài, mềm, dáng rất đẹp. Lá đơn mọc cách, đầu lá kéo dài hình mũi, gốc lá hình tim sâu, mặt lá răn teo, mềm, màu xanh nhạt. Lá xanh quanh năm, nhưng lá già khô héo không rụng, làm cho lá non mới mọc xếp đè lên lá khô, giàn cây bị nặng và dày, che bóng nhiều. Do đó vào cuối mùa khô hay đầu mùa xuân (ở các tỉnh miền Bắc) cần cắt tỉa các cành già thu gom lá khô để giàn cây được thoáng, cành non mọc ra nhiều. Đỉnh cành non dài, mọc vươn cao do có nhiều tua cuốn mảnh, đôi khi buông xuống. Cụm hoa ở đỉnh cành, sát với các lá ngọn. Hoa nhỏ bé xếp sát nhau thành một chùm dài, màu hồng nhạt, tươi, bóng, hoa ít khi nở xòe rộng, vì khi các cánh hoa mở hết là hoa bắt đầu rụng. Cụm hoa lại cho hoa nở dần từ gốc lên đỉnh, nên mùa hoa kéo dài (gần như quanh năm) và chùm hoa luôn có nụ (hoa đẹp khi còn nụ). Nụ hoa hình tim có 3 cạnh. Quả có 3 cạnh tròn, bọc trong bao hoa còn lại (Ảnh 1).

Cây rất dễ trồng bằng cách tách các nhánh mầm từ gốc cây mẹ hay bằng hạt. Cây mọc chậm lúc đầu, sau phân nhánh nhiều và vươn dài. Cây con sau 3 - 4 tháng ở vườn ươm có thể bứng bầu đem trồng nơi cố định. Ở Huế, cây trở thành hoang dại ở các bờ rào và hoa nở liên tục trong năm.

Hiện nay, ở các tỉnh miền Nam còn gây trồng 1 chủng là :

I.2.a- Cây Angtigôn trắng (*Antigonon leptopus* Hook. et Arn. var. *albiflora* Hort.) Hoa màu trắng, bóng, đẹp.

I.3 - CÂY ÁNH HỒNG (Lá tỏi)

Garlic vine

Pachyptera hymenaea (DC.) Gentry

(*Bignonia floribunda* Hort.)

Họ Núc nác (Bignoniaceae)

Cây leo, thân gỗ lớn, mọc chậm, nhất là vào mùa khô. Cây phân cành nhánh nhiều, cành non mềm, vươn dài, sống dựa hay leo bằng các tua cuốn mảnh ở đỉnh lá kép. Lá có 2 đôi lá phụ, mọc đối, dày, nhẵn, xanh bóng, khi nát có mùi hôi như tỏi. Cụm hoa lớn, mang nhiều hoa lớn hình ống dài trên chia 2 môi nhỏ xếp sát vào nhau,

thường có 3 chiếc ở mỗi nhánh. Hoa màu tím hồng đậm, nhạt khác nhau trong cụm hoa nên rất hấp dẫn, mềm, bóng, nhưng dễ rụng, nát. Ít khi gặp quả. Mùa hoa ngắn, hoa nở rộ vào đầu mùa khô (tháng 10 - 12) hay giữa mùa mưa, ở các cánh già, hoa nở dày đặc che kín cả lá, rất lộng lẫy (Ảnh 2). Đôi khi lá rụng hết vào mùa khô.

Cây được gây trồng rất phổ biến ở các tỉnh miền Nam nước ta vừa làm cây hàng rào, trên các giàn leo, vừa làm cây uốn cổng biệt thự.

Cây dễ trồng, dễ uốn, rất thích hợp nơi đất thoáng rộng ở công viên, bờ tường hay giàn leo trong vườn gia đình, mọc khỏe, nảy chồi nhanh, thường nhân giống bằng các đoạn cành bánh tẻ hay các chồi rễ. Cành giâm dài khoảng 15 - 20 cm, có mắt ngủ, đem cắm nơi đất ẩm, tơi xốp. Cây trồng cần đất tốt, thoát nước; nơi đất khô xấu cây cần cỗi, rụng lá và mọc chậm.

I.4 - CÂY BẠC THAU (Thảo bạc tím)

Small wood - rose, Elephant climber, *Argyrée remarquable*

Argyreia nervosa (Burm.f.) Boi (*Argyreia speciosa* Sweet.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Indonesia...) nhưng được gây trồng rất rộng rãi ở các tỉnh miền Nam nước ta.

Cây leo lớn, gốc thân hóa gỗ, sống lâu năm, phân cành nhánh nhiều, dài, mềm, cuốn bằng thân. Thân cành đều có lông mềm, màu trắng bạc, lá lớn, dài đến 20 cm, thuôn nhọn ở đỉnh và chia thùy dạng tim ở gốc, dày, mềm màu xanh bóng, nhẵn ở mặt trên, có lông màu bạc trắng ở mặt dưới. Cụm hoa hình xim ngắn mang nhiều hoa dày đặc, nhưng thường chỉ nở 1 - 3 chiếc. Hoa lớn màu tím hồng hợp thành phễu lớn, loe rộng ở đỉnh, mép rần reo, tròn đều. Quả có cánh dài còn lại và dày, rất ít khi gặp. Cây có hoa nở rộ và đẹp gần như quanh năm, nhưng tập trung nhiều vào mùa mưa (Ảnh 3).

Cây mọc khỏe, lớn nhanh, lá rộng, cành mềm dài chóng che kín giàn leo, rất thích hợp cho các giàn lớn nơi công viên hay giàn che mát nơi đất trống, quán bán hàng nhỏ. Cây rất dễ trồng bằng các

đoạn cành (đôi khi bằng hạt). Chọn các cành khỏe, dày, bánh tẻ, vùi xuống nơi đất ẩm, thoát nước, cành dễ cho chồi mới và rễ. Chỉ sau 1 năm, cành đã leo kín giàn.

I.5 - CÂY BÌM BÌM (Bìm đẹp, Bìm hi lạp)

Liseron, Morning glory tree

Ipomoea cairica (L.) Sw (*Convolvulus cairica* L.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây có nguồn gốc từ nhiều nước ở châu Á nhiệt đới, và được sử dụng làm cảnh từ rất lâu đời. Cây mọc hoang dại rất phổ biến khắp nước ta và được gây trồng làm cây hàng rào, vì dễ trồng và cho hoa khá đẹp.

Cây leo dài bằng thân cuốn mềm, phần gốc hơi hóa gỗ. Cành nhánh nhiều, dài, mảnh, nhẵn. Lá mọc cách có 5 lá phụ xếp chân vịt, mỏng màu xanh bóng, mềm nhẵn, cuống lá có 2 lá kèm giả do chồi nách sinh ra, hình dạng như lá. Cụm hoa ở nách lá, mang ít hoa. Hoa to, mềm, màu tím nhạt, chóng tàn. Cánh tràng hợp thành hình phễu loe rộng ở đỉnh, mép phễu nguyên, nhưng có vạch dọc phân chia rõ 5 thùy. Quả nang, khô hình cầu, gốc có đài còn lại (Ảnh 4).

Cây tuy ít hấp dẫn nhưng lá luôn xanh tươi, hoa nở đều gần như quanh năm, màu sắc khá đẹp, nên được ưa chuộng trồng làm cây hàng rào nhất là vùng nông thôn.

Cây mọc khỏe, rất dễ trồng bằng hạt. Lấy hạt già, gieo ngay nơi chân hàng rào hay nơi cố định, nếu đầy đủ độ ẩm chỉ sau ít ngày đã có cây nhỏ.

I.6 - CÂY BÌM BÌM BIẾC (Hắc sủu, Kiên ngư)

Volubilis, Morning glory, Ipomée à feuilles de lierre

Ipomoea nil (L.) Roth. (*I. hederacea* Jacq.

Pharbitis hederacea Choisy; *Pharbitis nil* Choisy)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới và Australia, nhưng hiện nay mọc và gây rộng rãi ở các nước châu Á nhiệt đới, từ Nhật Bản đến xích đạo. Ở Việt Nam cây mọc hoang từ Bắc vào Nam

và được gây trồng vừa làm cảnh vừa làm thuốc.

Cây leo bằng thân cuốn, phân nhánh nhiều, dài và mảnh. Cành non phủ đầy lông. Lá mọc cách, gốc lá dạng tim, trên chia 3 thùy nhọn, mặt trên màu xanh bóng, nhẵn, mặt dưới nhạt hơn và có lông, cuống lá mảnh, nhẵn. Cụm hoa ngắn, dạng xim, thường nở 1 - 3 hoa, mọc ra từ kẽ lá. Hoa lớn, màu hồng tím hay lam nhạt. Cánh tràng hợp thành ống dài, loe rộng hình phễu ở đỉnh. Quả nang hình cầu nhẵn, bao bọc trong các cánh đài còn lại. Cây cho hoa nở rộ vào mùa hè (tháng 4 - 6) và quả chín tháng 7 - 10 (Ảnh 5).

Cây leo khỏe, mọc dài, rất dễ trồng bằng hạt. Thu hoạch quả già, đập sạch phơi khô. Hạt còn là vị thuốc. Cây không yêu cầu đất nghiêm khắc. Có thể gieo hạt ở chân giậu, sau ít ngày hạt nảy mầm và mọc rất nhanh.

Có một vài chủng cho hoa đẹp là :

1 - 6 - a - *Ipomoea nil* (L.) Roth. var. *limbata* Hort. (*I. limbata* Hort) có cánh tràng màu tím đỏ, gốc trắng.

1 - 6 - b - *Ipomoea nil* (L.) Roth. var. *marmorata coelestina* Hort. Cây có hoa lớn, mép và vạch màu xanh lam tươi.

1 - 6 - c - *Ipomoea nil* (L.) Roth. var. *marmorata rosea* Hort. Cây có hoa ở mép màu hồng.

1 - 6 - d - *Ipomoea nil* (L.) Roth. var. *foliis marmoratis* Hort. Cây có mép lá vàng, cánh tràng hoa màu hồng.

1 - 6 - e - *Ipomoea nil* (L.) Roth. var. *grandiflora* Hort. Cây có hoa màu xanh, lớn.

1.7 - CÂY BÌM BÌM ĐỎ

Star *Ipomoea*, *Ipomée à fleur rouge*, *Ipomée écarlate*

Ipomoea coccinea L. (*Quamoclit coccinea* Moench.)

Họ bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây leo mập, thân hóa gỗ ở gốc, sống lâu năm, phân cành nhánh nhiều, leo cao, nhẵn. Lá nguyên mọc cách, thuôn dài ở đỉnh, xẻ thùy hình tim ở gốc, đôi khi phiến lá chia thùy nông và có 5 gân gốc. Cuống lá mảnh, yếu. Cụm hoa thưa, có cuống chung dài, mảnh, mang ít hoa. Hoa nhỏ dài, màu đỏ đẹp, mềm, bóng. Cánh tràng hợp thành ống hẹp dài, đỉnh loe rộng, có 5 thùy đều nhau. Quả nang, hình cầu

có cánh dài còn lại (Hình 2).

Cây có dáng đẹp, trông làm cảnh nơi hàng rào thấp hay nơi lùm bụi rất thích hợp. Hoa nở đều gần như quanh năm. Cây dễ trồng bằng hạt. Chọn quả già gieo ngay nơi định trồng ở hàng rào, tưới nước ẩm đều đặn, hạt chóng nảy mầm và cây mọc khỏe cho thân dài, sau một năm đã có hoa.

Có vài chủng cho hoa đẹp là :

I.7.a - *Ipomoea coccinea* L. var. *hederifolia* Gray. Cây có lá xẻ 3 - 5 thùy, hoa lớn.



H.2. Bìm bìm đỏ. *Ipomoea coccinea* L. var. *herderioli* Gray

I.7.b - *Ipomoea coccinea* L. var. *lutea* Hort. Cây có hoa màu vàng.

I.8 - CÂY BÌM BÌM LAM (Mao kiên ngư)

Ipomoea purpurea (L.) Kunth.

(*Pharbitis hispida* Choisy, *Convolvulus majus* Hort.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây leo nhờ thân cuốn. Lá nguyên không xẻ thùy, mọc cách có cuống dài, phiến lá mềm, xanh bóng. Cụm hoa ngắn ở nách lá, thường chỉ nở 1 - 2 hoa. Hoa lớn màu lam tím, bóng nhẵn có 5 tia giữa các cánh hoa, màu đỏ làm cho hoa có màu sắc khá hấp dẫn. Quả ít thấy. Cây có mùa hoa khá dài, tập trung chủ yếu vào mùa mưa (Hình 3).

Cây dễ trồng bằng hạt. Cây mọc khỏe, vươn dài, chóng có hoa, thường được trồng làm cây cảnh nơi giàn thấp. Cây còn làm thuốc.

I.8.a - *Ipomoea purpurea* Kunth.
var. *alba* Hort. Cây có hoa trắng.

I.8.b - *Ipomoea purpurea* Kunth.
var. *atro-caerulea* Hort. Cây có hoa
màu xanh đậm.

I.8.c - *Ipomoea purpurea* Kunth.
var. *atro-sanguinea* Hort. Cây có hoa
màu tím đậm.

I.8.d - *Ipomoea purpurea* Kunth.
var. *azurea* Hort. Cây có hoa màu
xanh da trời

I.8.e - *Ipomoea purpurea* Kunth.
var. *carinata* Hort. Cây có hoa màu
đỏ tươi.

I.8.f. *Ipomoea purpurea* Kunth.
var. *huberi* Hort. Cây có lá mép trắng
bạc, hoa nhiều màu có viền trắng.

I.8.g - *Ipomoea purpurea* Kunth.
var. *flore-pleno* Hort. Hoa có 2 vòng
cánh tràng.

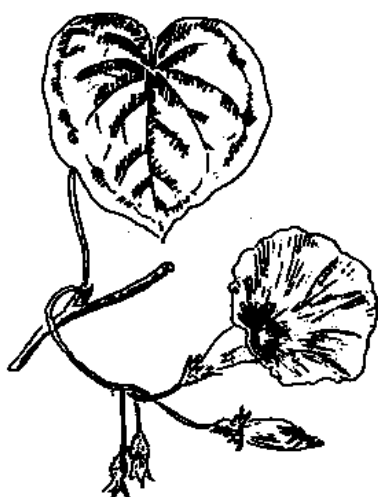
I.9 - CÂY BÌM BÌM NGÓN (Bìm tay,
Tầm sét)

Ipomoea mauritiana Jacq.
(*Ipomoea paniculata* (L.) R.
Br.; *Ipomoea palmata* Hort.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu
Phi nhiệt đới.

Cây leo, có củ lớn, mập, thân
khỏe, cuốn và phân cành nhánh
nhiều, nhẵn. Lá lớn, xẻ thùy chân vịt
sâu thành 5 - 7 ngón, gốc lá hình tim.
Phiến lá màu xanh bóng nhẵn, mềm.
Cuống lá khá dài mảnh. Cụm hoa mọc



H.3. Bìm bìm lam -
Ipomoea purpurea Kunth.



H.4. Bìm bìm ngón -
Ipomoea digitata L.

ra từ nách lá, mang nhiều hoa trên cuống chung phân đôi. Hoa lớn, màu hồng, bóng, mềm, khá hấp dẫn. Cánh tràng hợp thành hình phễu, loe rộng ở đỉnh. Quả nang hình cầu, mở bằng 4 mảnh. Hạt có lông màu hung vàng (Hình 4). Cây có hoa nở rộ vào mùa mưa (Tháng 5 - 7) và mùa hoa khá dài.

Cây có dáng đẹp, lá và hoa đều khá hấp dẫn nên được gây trồng rộng rãi từ Bắc vào Nam, để làm cây hàng rào, làm cảnh ở giàn leo. Ngoài ra cây còn cho củ làm thuốc, giải khát.

Cây trồng dễ dàng bằng hạt. Cây mọc khỏe. Có thể gieo hạt trực tiếp nơi gốc các giàn leo hay bờ tường.

Có một chủng với hoa hấp dẫn hơn là:

I.9.a - *Ipomoea mauritiana* Jacq. var. *insignis*. Hort. (*I. insignis* Ker.). Lá không xẻ ngón, gần như nguyên hay chia thùy, mặt dưới lá màu tím nhạt.

I.10 - CÂY BÌM BÌM NHUNG (Thảo bạc mềm)

Argyreia mollis (Burm.f.) Choisy (*A. argentea* Miq.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây mọc hoang dại nơi đất trống, vùng đồi khô hay ven rừng thưa, nhưng do có hoa đẹp nên được gây trồng làm cây cảnh, cây hàng rào khá phổ biến.

Cây có thân mềm, phân cành nhánh nhiều, leo cao, cành non và mặt dưới lá có lông dày như nhung màu trắng bạc. Lá đơn mọc cách nguyên, thuôn dài cả gốc lẫn đỉnh, màu xanh trắng, mặt trên lá có lông nằm áp sát mặt phiến. Cuống lá mảnh, mềm. Cụm hoa hình xim ngắn, mọc ra từ nách lá, thường chỉ nở có 4 - 5 hoa. Hoa có kích thước



H.5. Bìm bìm nhung -
Argyreia mollis Choisy

trung bình, màu đỏ phủ lông trắng dày ở mặt ngoài. Cánh tràng hợp thành ống, đỉnh loe rộng hình phễu, chia 5 thùy đều (hình 5).

Cây mọc khỏe, leo dài phân nhánh nhiều, nên làm cây hàng rào rất thích hợp. Cây dễ trồng bằng hạt, nảy mầm nhanh nơi đất tơi xốp, ẩm. Chỉ sau 10 - 15 ngày gieo đã cho cây con. Cây không đòi hỏi nhiều về đất, nên có thể trồng rộng rãi từ vùng đồng bằng đến đồi núi khô, đất xấu.

I.11 - CÂY BÌM BÌM TÍM

Volubilis; Ipomoea tricolore, Bolle de jour

Ipomoea rubro - coerulea L.

(*Convolvulus minor* Hort., *I. hookeri* G. Don).

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Mehico), được gây trồng làm cây cảnh, cây hàng rào rất rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới khác. Ở Việt Nam, cây được trồng ở các tỉnh miền Bắc và vùng núi cao Nam Trung Bộ.

Cây leo nhờ thân, cuốn, gốc thân dày, mập, hóa gỗ, sống lâu năm. Lá nguyên, hay chia 3 thùy thuôn nhọn đầu, mỏng màu xanh, bóng, nhẵn. Cụm hoa ngắn, mọc ra từ nách lá, mang 1 - 3 hoa. Hoa lớn màu tím xanh đậm, hay xanh da trời đậm, nhạt dần chuyển thành màu vàng ở họng. Cánh hoa mảnh dễ nát và héo. Quả nang.

Cây có lá xanh quanh năm, xếp thưa; mùa hoa kéo dài, màu sắc long lanh nên rất được ưa chuộng trồng làm cảnh, thường được trồng nơi hàng rào, bờ tường thấp hay giàn leo. Cây có thể gieo trồng bằng hạt vào đầu mùa mưa, hạt chóng nảy mầm, cây mọc khỏe, nhanh và sớm có hoa.

Trên thế giới, loài này có nhiều chủng và Taxon lai, cho hoa đẹp và dễ gây trồng, nhưng hiện nay ở Việt Nam các chủng đó chưa được gây trồng.

Có thể nhập để trồng các chủng sau :

I.11.a - *Ipomoea rubro - coerulea* L. var. *vittatus* Hort. Cây có hoa màu xanh và trắng.

I.11.b - *Ipomoea rubro - coerulea* L. var. *compactus* Hort. Cây lùn có thể trồng ở chậu làm cảnh.

I.12 - CÂY BÌM BÌM TÍM ĐẬM

Ipomée de lear, Blue Dawn - Flower

Ipomoea congesta R. Br.

(*Ipomoea learii* Paxt., *Pharbitis learii* Lindl.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây cũng có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới hay ở Srilanka. Cây leo mập, khỏe, thân hóa gỗ ở gốc. Lá mọc cách, dạng bầu dục thuôn, chia 3 thùy nhọn. Lá nhẵn ở mặt trên, có lông mềm, dày ở mặt dưới. Cụm hoa ở nách lá, nhiều hoa. Hoa lớn, màu xanh lam đậm hay lam tím đậm, có nổi các gân dạng vạch của các thùy tràng.

Cây cho hoa đẹp, thường gây trồng làm cảnh nơi hàng rào. Cây trồng bằng hạt, mọc nhanh, chóng có hoa và hoa nở đều, gần như quanh năm.

I.13 - CÂY BÌM BÌM TRẮNG

Ipomée alba

Ipomoea alba L.

(*Calomyction speciosum* Choisy; *C. aculeatum* Ochse.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây có nguồn gốc phân bố rộng rãi ở các nước Đông Nam châu Á, ở Việt Nam, cây mọc hoang dại phổ biến vùng đồi núi thấp. Hiện nay cũng được trồng làm cảnh, làm cây hàng rào vì cho hoa đẹp.

I.14 - CÂY BÌM BÌM TRẮNG KHÓI (Bìm mập)

Liane d'argent

Ipomoea carnea Jacq. sub sp. *fistulosa* (Chois.) Austin

(*Ipomoea crassicaulis* (Benth.) Roxb.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây mọc hoang dại dọc bờ nước hay ven đường các tỉnh miền

Nam Việt Nam và được nhân dân các thành phố đem gây trồng rộng rãi làm cây cảnh, cây hàng rào hay che bóng các giàn leo.

Cây mọc thành bụi dày, gốc hóa gỗ, cứng lớn, khỏe, phân cành nhánh dài, vươn cao sống dựa hay cuốn một chút, rất đẹp. Cành có nhựa mủ trắng và có lông, phần đỉnh kéo dài mềm. Lá non màu xanh bóng, mềm, có lông mịn, lúc già khô cứng, màu xanh đậm pha vàng, nhưng rất lâu rụng. Lá lớn, gân nổi rõ, gốc lá hình tim tròn, đầu lá thuôn dài thành mũi nhọn. Cuống lá mập, cứng. Cụm hoa ở nách lá, hoa nở dần, mỗi lần chỉ 1 - 2 hoa, sau đó lại nở tiếp các hoa khác trên cùng cụm hoa. Hoa lớn, màu trắng hơi xám nhạt như màu khói nhang, dạng phễu dài, đỉnh loe rộng chia 5 thùy nông tròn đều. Quả nang lớn đến 2 cm, hạt đen. Cây có mùa hoa kéo dài, gần như quanh năm, nhưng nở rộ vào mùa mưa (Ảnh 6)

Cây mọc khỏe, làm thành lùm bụi dày, lại vươn cành cao nên được ưa chuộng gây trồng làm cây hàng rào, uốn cổng hay che bóng cho giàn cứng. Cây được gây trồng chủ yếu bằng hạt hay giâm cành. Hạt chóng nảy mầm, mọc nhanh.

I.15 - CÂY BỘI TINH

Sphenodesma thorelii Dop.

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây mọc trong rừng thưa, vùng đồi núi cao miền Bắc và miền Trung nước ta, đôi khi được gây trồng làm cây hàng rào.

Cây gỗ nhỏ, mọc bụi, cành dài sống dựa hay leo, lúc non phủ đầy lông màu vàng hoe. Lá đơn mọc đối, dạng thuôn, gốc tròn, đầu kéo dài. Cụm hoa dạng chùm dày đặc, có lông. Lá bắc lớn giống lá, xếp tỏa tròn dạng cánh sao, thường 5 - 6 chiếc, trong gốc có 5 - 7 hoa. Hoa nhỏ bé, cánh hoa hợp thành ống ngắn. Hoa nở chủ yếu vào



H.6. Bội tinh -
Sphenodesma thorelii Dop.

mùa khô (Hình 6).

Cây có dáng đẹp, cụm hoa hấp dẫn. Cây dễ trồng bằng hạt. Ươm ở vườn, sau 3 - 4 tháng, bứng cây con đem trồng nơi hàng rào hay gốc già leo.

Có 1 chủng với dạng lá đặc sắc :

I.15.a - *Sphenodesma thorelii* Dop. var. *cordifolia* Dop. - Cây cho lá với gốc chia thùy hình tim nhỏ.

I.16 - CÂY BỘI TINH XANH (Bội tinh ngũ hùng)

Sphenodesma pentandra Jacq.

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây gỗ leo, cành dài có 4 cạnh tròn, lúc non có lông sau nhẵn. Lá đơn dạng trái xoan, tròn ở gốc, thuôn dài ở đỉnh. Cụm hoa lớn, mang hoa dày đặc. Lá bắc xếp hoa thị 6 chiếc trong mang hoa nhỏ, màu xanh, thơm. Quả hạch cứng có đài còn lại bao bọc.

Cây có dáng đẹp, hoa hấp dẫn, mọc rất phổ biến ở vùng đồi núi từ Bắc vào Nam, nên có thể khai thác làm cây hàng rào được.

I.17 - CÂY BÔNG XANH (Pê - tra)

Blue bird vine; Purple wreath; Queen's wreath; Sandpaper vine; *Petrea volubile*

Petrea volubilis Jacq.

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc ở châu Mỹ nhiệt đới (Cuba và Brazil) và được gây trồng rất phổ biến ở nước ta từ Bắc vào Nam làm cây cảnh và cây hàng rào.

Cây leo hay sống dựa, phần cành nhánh nhiều có thể leo cao đến 6 - 7 m. Cành nhánh, dài mềm và cong xuống. Lá nguyên mọc đối có dạng thuôn bầu dục, tròn hay gần hình tim ở gốc, hơi có mũi nhọn ở đỉnh, màu xanh đậm, nhám, dai, bóng và có cuống rất ngắn.

Hoa nhỏ nhưng xếp dày đặc làm thành chùm, dài đến 30 cm, đẹp uốn cong xuống. Hoa màu xanh tím, cánh dài hợp thành ống màu trắng có lông, trên chia 5 thùy. Cánh tràng hợp thành ống hình trụ

ngắn trên chia 5 thùy. Quả cứng có 1 - 2 hạt và ngoài có cánh dài còn lại (Ảnh 7).

Cây dễ trồng, cho hoa nở gần như quanh năm, vì chùm dài, hoa nở dần nên chùm hoa lâu tàn. Cây có thể trồng bằng hạt hay giâm cành.

Hiện nay, các nhà làm vườn hay nghệ nhân ở các tỉnh miền Nam nước ta còn trồng một chủng cho hoa trắng là :

I.17a - Cây bông xanh hoa trắng

Petra volutblis Jacq. var. *alba* Hort.

I.18 - CÂY BỤP (Bông búp; Râm bụt; Bông cấn)

Rose of china, Chinese Hibiscus; Ketmie Rose de chine; Shoe flower

***Hibiscus rosa - sinensis* Linn. (*H. sinensis* Hort.)**

Họ Bông (Malvaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á (có lẽ từ Trung Quốc). Cây bụi lớn, cao 4 - 5 m. Cành nhánh rất dày đặc, mọc sát gốc. Lá hình bầu dục, nhọn đầu, tròn ở gốc, màu xanh bóng, mềm, nhẵn, mép có răng to.

Hoa lớn, mọc ở nách lá. Cuống hoa dài thẳng hay cong đưa hoa lộ ra ngoài đám lá. Hoa có 6 - 7 tiểu đài hình sợi nhọn và mảnh. Cánh tràng 5 chiếc màu hồng đỏ, rất lớn xếp xoắn sát đè lên nhau. Nhị nhiều tập hợp trên một trụ dài thẳng hay hơi cong. Bầu có 5 vòi xếp tỏa ở đỉnh trụ nhị. Quả nang tròn, nhiều hạt (Ảnh 8).

Cây rất dễ trồng bằng giâm cành, mọc khỏe, phân cành nhánh dài nhiều và cho hoa đẹp, nở gần như quanh năm. Có thể để cây mọc vươn cao, uốn cong thành cổng, cắt xén phẳng làm thành bờ tường hay trồng thành bụi dày trong công viên.

Các nhà vườn hiện nay đã lai để tạo ra rất nhiều chủng cho hoa có kích thước lớn, cánh hoa nhiều hay ít, phẳng hay xoắn, màu sắc thay đổi, từ màu vàng nhạt đến màu tím đậm. Sơ bộ có vài chủng sau :

*** CÁC CHÙNG CÓ CÁNH HOA KÉP :**

I.18.a - Cây Búp vạch tím

Ketmie à fleurs presque violacées

Hibiscus rosa - sinensis L. var. *subviolaceus* Hort.

Cây cho hoa màu hồng đậm với các vạch màu tím.

I.18.b - Cây Búp vằn

Ketmie à fleurs zébrées

Hibiscus rosa - sinensis L. var. *zebrinus* Hort.

Cây cho hoa màu vàng trắng có nhiều vằn không đều nhau màu đỏ tía.

I.18.c - Cây Búp xòe

Ketmie écarlate

Hibiscus rosa - sinensis L. var. *kermesinus* Hort.

Cây cho hoa lớn, cánh tràng mở rộng, mép răn reo, màu đỏ tía.

I.18.d - Cây Búp xoắn

Ketmie à fleurs semi - pleines

Hibiscus rosa - sinensis L. var. *miniatus semiplenus* Hort.

Cây cho hoa lớn, cánh tràng cuộn lại, răn reo, màu đỏ son.

*** CÁC CHÙNG CÓ CÁNH HOA ĐƠN :**

I.18.e. Cây Búp đơn bóng

Ketmie très brillante

Hibiscus rosa - sinensis L. var. *brillantissimus* Hort.

Cây cho hoa lớn, cánh tràng xòe rộng, xoắn lại, màu hồng đậm dần trong phía họng.

I.18.g - Cây Búp đơn vàng

Ketmie de Caller

Hibiscus rosa - sinensis L. var. *calleri* Hort.

Cây cho hoa màu vàng nhạt, trong họng gốc cánh tràng màu đỏ sẫm.

I.18.h - Cây Búp đơn lá đốm.

Ketmie de cooper à feuilles panachées

Hibiscus rose - sinensis L. var. *cooperi foliis variegatis* Hort.

Cây cho lá có màu xanh, nhưng có nhiều đốm lớn màu trắng, màu xanh đậm hay có mép màu đỏ.

I.18.i - Cây Búp đơn đốm đỏ

Ketmie brillante

Hibiscus rosa - sinensis L. var. *fulgidus* Hort.

Cây có hoa lớn, cánh hoa rần reo, gốc họng có đốm đỏ đậm.

I.19 - CÂY BỤP KÍN (Hoa tai)

Malvavisque arborescent,
Turks cap, Mauve des Indes.

Malvaviscus arboreus Cav.
(*Achania malvaviscus*
Swartz)

Họ bông (Malvaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước miền Nam châu Mỹ.

Cây gỗ nhỏ hay bụi cao, phân cành nhánh sát gốc, lá gần như nguyên hay chia 3 thùy, đầu nhọn, gốc hình tim, mép có răng, màu xanh nhạt, bóng.

Hoa có cuống dài, có lông. Tiểu đài gồm 8 sợi, dài, màu xanh. Cánh tràng màu hồng đậm, hay đỏ, xoắn vào nhau và buông thõng xuống, không bao giờ nở xòe ra. Nhị nhiều, thành cột dài, thò ra ngoài cánh hoa, đỉnh có 10 đầu nhụy xếp tỏa tròn. Quả có 5 cạnh tròn (Ảnh 9).



H.7. Búp rìa
Hibiscus schizopetalus Hook.f.

Cây trồng làm cảnh thành bụi hay làm hàng rào, mọc khỏe, cành nhánh dài, xanh quanh năm và mùa hoa kéo dài. Cây rất dễ trồng bằng giâm cành.

I.20 - CÂY BỤY RÌA (Râm bụi sê)

Ketmie à pétales découpés, Japanese lanterns, Coral hisbiscus, chandelier.

Hibiscus schizopetalus (Mast.) Hook.f.

Họ Bông (Malvaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Phi nhiệt đới, được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới làm cây cảnh, cây hàng rào. Cây gỗ nhỏ, cành nhiều, mảnh, không lông. Lá hình bầu dục nhọn, nhẵn, mép có răng. Hoa màu hồng tươi, có cánh hoa phân thành những dải nhỏ, xoắn lại, xòe rộng và cong ra ngoài. Cuống hoa rất mảnh, dài và có đốt ở phần giữa, và thường thông xuống với phần dài nhất là cột nhị (Hình 7).

I.21 - CÂY BỤY XI - RY

Rose of Sharon, Blacking plant, Ketmie de syrie, Mauve en arbre, Guimaube en arbre. Shrubby Althea)

Hibiscus syriacus L.

Họ Bông (Malvaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á. Cây mọc thành bụi, phân cành nhiều thành dày đặc, cao đến 3 m, phần gốc thường không có lá, trơ cành nhánh màu xám trắng, mọc thẳng. Lá đơn, phiến lá xẻ thùy sâu không đều, mép khía răng thô, màu xanh bóng nổi rõ các gân. Hoa có màu sắc thay đổi (tùy theo các chủng). Cánh tràng xếp sát nhau, mềm xoắn lại và



H.8. Cam thảo dây
Abrus precatorius L.

xòe rộng đến 10 cm (Ảnh 10).

Đặc sắc hơn cả thuộc loài này có chủng :

I.21.a - Cây búp Xi - ry tím

Hibiscus syriacus L. var. *coeleste* Hort.

Cây cho hoa màu tím đậm, cánh đơn, lớn. Cây được gây trồng làm cảnh ở các vườn, nơi công viên vùng khí hậu mát, ẩm.

I.22 - CÂY CAM THẢO DÂY (Dây cườm, Dây chi chi, Tương tư đậu)

Arbre a chapelets. Weather - plant, Crab's eye vine

Abrus precatorius L.

(*A. pauciflorus* Desv.; *Glycine abrus* L.)

Họ Đậu (Fabaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Đông Dương, Malaysia...) và được gây trồng khá phổ biến ở nông thôn.

Cây leo dài, gốc lớn hóa gỗ, mập, cành gãy mảnh, dài, vỏ thân có nhiều xơ. Lá kép lông chim nhỏ, dễ rụng, cuống chung ngắn.

Cụm hoa dạng chùm ở nách lá, mang nhiều hoa màu vàng hay hồng. Cánh tràng có cánh cờ lớn lật lên trên. Quả thuôn dài 5 cm, hơi có lông, xoắn lại, có 3 - 5 hạt cứng màu đỏ bóng. (Hình 8).

Cây mọc rất phổ biến ở nước ta, hoang dại hay gây trồng, vừa làm hàng rào, vừa lấy vỏ thân và rễ làm thuốc. Cây mọc rất dễ bằng hạt hay giâm các đoạn cành. Vào mùa mưa, cắt các đoạn cành bánh tẻ, giâm nơi ẩm mát, hay gieo hạt trực tiếp nơi bờ rào, ven bờ nước, hạt nảy mầm nhanh.

I.23 - CÂY CÁT ĐÀNG (cây Dây bông xanh)

Black eyed Susan; Thunbergie à grandes fleurs

Thunbergia grandiflora Roxb.

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ (Bengal) và các nước châu Á nhiệt đới khác. Hiện nay cây được gây trồng rất rộng rãi ở nước ta để làm cảnh trên các giàn leo, cây mập, to, cành nhánh dài mềm, cuốn vào giá thể, hay xoắn vào nhau. Lá đơn, mọc đối có cuống dài, phiến lá

hình bản rộng, gốc hình tim, mép chia thùy nông, đầu lá nhọn, màu xanh đậm. Cành non thường buông thõng và mang hoa cũng thõng dài ở nách lá, thường nở hai hoa một lần. Hoa có cánh tràng hợp thành ống ngắn loe rộng ở đỉnh, màu xanh pha tím, gốc và họng màu vàng, đỉnh hình phễu chia 5 thùy không đều. Quả nang nhẵn có mỏ, hạt nhám (Ảnh 11).

Cây trồng dễ dàng bằng các đoạn thân, cắt các đoạn bánh tẻ dài khoảng 15 cm có khoảng 1 - 2 mắt, giâm nơi ẩm mát, cây không kén đất, chỉ cần thoáng, không bị úng nước. Giâm cành vào mùa xuân và mùa thu (ở miền Bắc) đầu mùa mưa (ở miền Nam). Sau nửa tháng, cây sẽ nảy mầm, sau 3 - 4 tháng ở vườn ươm, có thể bứng bầu đem trồng nơi cố định. Cây mọc khỏe sau một năm đã có thể cho bóng mát nơi giàn leo và sau 2 năm đã có hoa. Cây sống lâu, xanh tươi quanh năm và cho hoa nở bền.

I.24 - CÂY CÁT ĐÀNG CÁNH (Dây bông cánh)

Black eyed Susan vine; Thunbergia

***Thunbergia alata* Boj. ex Sims.**

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Phi nhiệt đới, và được nhập vào nước ta từ khá lâu để gây trồng làm cây cảnh. Cây ưa khí hậu mát nên được gây trồng chủ yếu ở các tỉnh miền Bắc hay vùng núi Nam Trung bộ.

Cây leo, mềm, thân cuộn. Lá đơn, mọc đối, cuống lá có cánh rộng. Phiến lá nguyên thuôn dài có mũi ở đỉnh, gốc hình tim sâu, màu xanh đậm pha vàng. Hoa mọc đơn độc hay đôi một ở nách lá, màu vàng, ở giữa họng màu nâu tím đậm. Màu sắc của cánh hoa có thể thay đổi tùy các chủng khác



H.9. Cát đằng cánh - *Thunbergia alata* Boj.

nhau. Quả nang có lông. Hạt hình cầu (Hình 9).

Có thể kể một vài chủng thông dụng :

I.24.a - Cây Cát đằng cánh trắng

Thunbergia alata Boj. var. *alba* Paxt.

Hoa có cánh tràng màu trắng và họng màu tím đen.

I.24.b - Cây Cát đằng cánh vàng

Thunbergia alata Boj, var. *aurantiaca* Kuntze.

Hoa có cánh tràng màu vàng cam với các vệt đen.

I.24.c - Cây Cát đằng cánh vằn

Thunbergia alata Boj. var. *fryeri* Hort.

Hoa có cánh tràng màu vàng nhạt có các vằn màu trắng.

I.24.d - Cây Cát đằng cánh lá trắng

Thunbergia alata Boj. var. *variegata* Hort.

Mép lá có viền màu trắng. Cây cho hoa màu vàng với họng màu tím đậm.

I.25 - CÂY CÁT ĐẰNG THƠM (Dây bông thơm)

Thunbergia odorant

***Thunbergia fragrans* Roxb.**

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Angti (châu Mỹ) và được trồng rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới khác. Cây leo dài do thân cuốn. Lá nguyên, mọc đối, hình bầu dục có gốc thuôn nhọn hay hình tim. Hoa mọc đơn độc ở nách lá. Cánh tràng hợp hình ống màu trắng hay màu trắng kem, họng màu tím bóng. Quả nang, nhẵn, có mỏ, hạt tròn.

Cây được gây trồng làm cây leo ở giàn, khá phổ biến ở các tỉnh vùng đồng bằng và trung du nước ta, vì vừa cho hoa đẹp lại có hương thơm.

Có thể chọn để gây trồng hai chủng khác cũng có hoa đẹp.

I.25.a - Cây Cát đằng thơm lông

Thunbergia fragrans Roxb. var. *vestita* Nees in Wall.

Cây có thân, lá và quả có lông. Hoa không thơm.

I.25.b - Cây Cát đằng thơm nhẵn

Thunbergia fragrans Roxb. var. *heterophylla* Clarke.

Cây có thân, lá, quả nhẵn. Hoa trắng không thơm.

I.26 - CÂY CÁT ĐẰNG THON

Laurel clockvine

Thunbergia laurifolia Ldl.

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á (Ấn Độ). Ở Việt Nam cây mọc hoang nơi bờ bãi, chân núi đá. Cây leo dài, lá dạng bầu dục thon, đôi khi góc hình tim, mép răng cưa thưa. Cụm hoa chùm buông dài xuống. Hoa lớn, màu lam tím, họng màu vàng.

I.27 - CÂY CẨM CÙ

Wax - flower, Hoya charnu

Hoya carnosa R.Br. (*Asclepias carnosa* L.)

Họ Thiên lý (Asclepiadaceae)

Cây có nguồn gốc ở Australia, hoặc Ấn Độ (vùng nhiệt đới và á nhiệt đới). Cây sống phụ, leo, thân cuốn dài, phân nhiều cành nhánh và phủ lông tơ thưa. Lá mọc đối, màu xanh đậm và bóng ở mặt trên, hơi xám ở mặt dưới, dày, nạc, tròn ở gốc, tù hay mũi nhọn ở đỉnh, cuống đỏ đậm và đôi khi có tuyến. Cụm hoa hình tán, nhiều hoa dày đặc. Hoa lớn, hình dao, thơm, màu trắng phớt hồng hay tía, cứng, có cuống dài. Tràng phụ hình trái xoan hơi lõm ở mặt trên, phồng ở mặt dưới, có mép cuộn xuống và đầu trong dựng đứng thành mũi nhọn dài (Hình 10). Cây cho hoa nở rộ vào mùa hè (tháng 5 - 7).



H.10. Cẩm cù
Hoya carnosa R.Br.

Cây đã được tuyển chọn làm cây cảnh, cây trang trí ở nhiều nước trên thế giới vì có dạng đặc sắc và hoa nở đẹp, thơm. Cây được gây trồng bằng các đoạn thân có rễ phụ và cách gây trồng như các loài phong lan sống phụ (cho bám trực tiếp trên khúc gỗ hay đem trồng ở chậu với mùn, than, gạch vụn). Cây mọc khỏe, vươn dài, phân cành nhánh nhiều, nhưng lá xếp thưa nên tác dụng che bóng ít, chỉ làm cây trang trí, và phụ ở các giàn leo.

Ngoài cây nhập nội nói trên, có thể khai thác một vài loài Cẩm cù mọc hoang dại trong rừng nước ta để làm cảnh cho các giàn leo trồng Phong lan được.

1.28 - CÂY CẨM CÙ NHIỀU HOA (Hồ hoa nhiều hoa)

Hoya multiflore

Hoya multiflora Blume

(*Cyrtoceras multiflorum* Heyn. (*C. lindleyanum* Hort.)

Hoa mọc thành tán thưa, buông thõng xuống, màu trắng hơi vàng.

1.29. CÂY CẨM CÙ TIM (Hồ hoa xẻ)

Hoya à femilles cordeés.

Hoya obovata Dece. in. DC.

var. *kerrii* (Craib.) Cost.

Cây có lá dày mập, lớn, đỉnh rộng và lõm hình tim. Hoa màu trắng hay hồng nhạt.

1.30. CÂY CHÌA VÔI (Bạch liềm)

Cissus

Cissus modeccides Planch.

(*Cissus vitiginea* Lour. (non. L.); *C. triloba* Merr.)

Họ Nho (Vitaceae)

Cây nhỏ, leo cao 2 - 4 m, thân nhẵn. Cành gần hình trụ màu xanh mốc đôi khi hơi đỏ hay xanh nước biển, tua cuốn đơn, dạng sợi.



H.11. Chìa vôi - *Cissus modeccoides* Planch.

Lá đơn, hình tim ở gốc, chia trên 5 - 7 thùy chân vịt, hay đơn nguyên hình mũi mác, mép lá khía răng rất nhỏ, như các sợi lông hướng lên ngọn.

Cụm hoa mọc ra đối diện với lá, dạng ngù, ngắn hơn lá, có cuống ngắn. Hoa màu vàng nhạt. (Hình 11).

Cây mọc hoang, phổ biến ở vùng đồng bằng và đồi núi nước ta, đôi khi được nhân dân gây trồng làm cây hàng rào, vì mọc khỏe, dễ trồng, xanh quanh năm. Cây trồng chủ yếu bằng hạt.

I.31. CÂY CHÙM ỚT (Rạng đông; Hoa xác pháo)

Liane aurore; Orange trumpet; Flame vine; Golden shower; Venus's flower, *Bignonia gracieux*.

Pyrostegia ignea (Vahl.) Presl. (*P. venusta* Baill. *Biogonia venusta* Ker. *Tecoma venusta* Ch. Lem.)

Họ Núc nác (Bignoniaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, được gây trồng chủ yếu ở miền Bắc và các tỉnh miền núi Nam Trung bộ, làm cây cảnh, cây giàn leo.

Cây leo nhỡ, thân mềm, cành hơi gãy khúc, vươn dài, lúc non hơi có lông. Lá mọc đối, ở gốc thường kép có 3 lá phụ, còn ở đỉnh thường chỉ có 2 lá phụ và tua cuốn ở giữa.

Lá mọc dày đặc, vừa rụng lá cũ vừa thay lá mới nên cây xanh quanh năm, phiến lá mỏng, nhẵn, bóng, màu xanh đậm.

Hoa hợp thành chùy lớn, mang nhiều hoa. Cuống chung mềm làm cả chùm hoa rủ xuống. Hoa lớn, dài, màu vàng cam rất đẹp. Cánh tràng hợp lại thành ống dài, hẹp, hơi cong và loe ở đỉnh, trên chia thùy, màu nhạt ở thùy và đậm dần dọc theo ống nhất là ở gốc. Hoa nở vào mùa xuân (ở miền Bắc) và gần như quanh năm (ở các tỉnh vùng núi phía Nam). (Ảnh 12)

Cây rất dễ trồng, không kén chọn đất nhiều (tránh đất úng nước). Gây giống bằng giâm cành. Chọn cành bánh tẻ dài khoảng 15 - 20 cm và giâm vào mùa xuân, tưới nước đều để cây luôn ẩm ướt, và che bóng lúc cây mới nảy chồi. Sau khi cành giâm có chồi dài trên 10 cm có thể bứng bầu đem trồng nơi giàn leo (khi cây cao 30 - 40 cm). Cây giâm sau 1 năm đã cho hoa. Cây mọc khỏe, leo giàn nhanh và chóng cho bóng mát.

I.32. CÂY DẠ HƯƠNG (Dạ lý hương)

Night blooming jessamine; Queen of the night; Eight o'clock jasmin, Jasmine de nuit

Cestrum nocturnum Linn.

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước miền Nam châu Mỹ, (Pêru) và được gây trồng rộng rãi ở nước ta, từ Bắc vào Nam. Cây bụi dày, gốc hóa gỗ và cành nhánh vươn dài, sống dựa. Thường cây được cắt xén đều đặn làm cây bờ tường, cây hàng rào. Lá đơn, mọc cách màu xanh nhạt, nhẵn, bóng, gốc thuôn dài có cuống ngắn. Hoa nhiều, tập hợp thành chùy ở đầu cành hay nách lá. Hoa màu vàng lục nhạt hay lục nhạt, thơm ngát về đêm. Cánh tràng hợp thành ống dài, trên loe thành phễu hẹp và chia 5 thùy hình trái xoan nhọn. Quả mọng màu lam hay đen nhạt. Hạt dẹt.

Cây rất dễ trồng bằng giâm cành, mọc khỏe đâm ra nhiều chồi và mùa hoa gần như quanh năm (ở miền Bắc hoa nở chủ yếu vào mùa xuân). Cây được nhân dân ta ưa chuộng vì mọc dày, lá thưa, hoa có hương thơm và không đòi hỏi nhiều về đất trồng.

Để làm cảnh với hoa đẹp, có thể nhập trồng các loài khác, như:

I.33. CÂY DẠ HƯƠNG ĐỎ

Cestreau élégant

Cestrum elegans Schlecht.

Cây có nguồn gốc ở Mêhicô và dễ trồng bằng giâm cành. Cành giâm sau 3 - 4 tháng có thể bứng trồng nơi hàng rào. Hoa màu đỏ tía đẹp, thơm, nở gần quanh năm có một chủng đẹp là :



H.12. Dạ hương vàng -
Cestrum aurantiacum Ldl.

I.33.a. *Cestrum elegans* Schlecht. var. *smithii* Hort. Cây có hoa màu hồng.

I.34. CÂY DẠ HƯƠNG VÀNG

Cestrum à fleurs orange

Cestrum aurantiacum Lindl.

Cây có nguồn gốc ở Guatemala, có hoa màu vàng cam tươi, đẹp và thơm (Hình 12)

I.35. CÂY DÂY CÔNG CHÚA (Móng rồng)

Climbing ylang ylang, Tail grape, ylang ylang de chine, *Artabotrys très odorant*

Artabotrys odoratissima R. Br.

(*A. uncinatus* (Lam.) Merr.)

Họ Na (Annonaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Đông dương, Indônêxia, Malaysia). Cây gỗ, leo nhờ móc và mấu, phân cành nhánh dài cứng, vỏ màu xám trừ các đoạn cành non, màu xanh bóng. Lá đơn, mọc cách, màu xanh. Lá đơn, mọc cách, màu xanh bóng đậm, nhẵn. Hoa thường đơn độc hay hai chiếc mọc ra từ nách lá. Cuống hoa lúc non thẳng, sau cuộn lại thành móc. Hoa màu lục, với 3 cánh ngoài lớn thắt lại và gắn với nhau ở gốc, đầu cánh thuôn nhọn xòe rộng, 3 cánh trong ngắn hơn và cũng dính nhau ở gốc. (Hình 13)

Cây có hoa chủ yếu nở vào mùa khô (ở miền Nam) và đầu mùa hè (ở miền Bắc). Hoa rất thơm, cành nhánh lại dài, cứng lá xanh quanh năm có thể cắt



H.13. Dây công chúa – *Artabotrys odoratissima* R.Br.

xén làm cây hàng rào hay uốn làm cây leo ở cổng lớn. Cây được gây trồng bằng giâm cành, chiết cành hay bằng hạt. Có thể chiết giâm cành vào mùa xuân (giâm cành khá phức tạp nên phải làm đúng kỹ thuật, chọn cành bánh tẻ, đất tơi xốp và tưới nước ẩm thường xuyên). Sau 1 tháng cành chiết hay giâm bắt đầu có rễ. Còn gieo hạt thì sau 1 năm có thể bứng cây con đem trồng, cần bón phân nơi hố trồng, sau 2 năm gieo hạt đã có hoa (giâm, chiết chỉ sau 1 năm đã có hoa).

I.36. CÂY DÂY GIUN (Sử quân tử, Dây lằng)

Rangoon creeper; *Quisqualis de l' Inde*

Quisqualis indica Linn.

(*Q. pubescens* Burn; *Q. sinensis* Lindl.)

Họ Bàng (Combretaceae)

Cây có nguồn gốc phân bố rộng rãi từ châu Á đến châu Phi nhiệt đới. Ở nước ta, cây vừa được trồng làm cây hàng rào, làm cảnh cho hoa đẹp và thơm, vừa trồng lấy quả, hạt làm thuốc. Cây còn mọc hoang dại nhiều ở các vùng trung du và miền núi nước ta. Cây gỗ, leo, lớn, phân cành nhiều, cành non dài mảnh. Lá đơn mọc đối, xanh quanh năm và tán khá dày. Hoa trắng, vàng hay hồng, đỏ xen lẫn nhau, mọc thành chùm ở đầu cành, dạng cánh ống dài, trên chia 5 thùy. Quả có 5 cánh nhỏ, khô không mở (Ảnh 13)

Cây rất dễ trồng bằng gieo hạt hay giâm cành. Thường hoa nở rộ vào mùa khô (các tỉnh phía Nam) và vào mùa hè (các tỉnh phía Bắc) sau đó cho quả. Sau khi phơi khô, bóc vỏ, lấy hạt ngâm vào nước ấm trong 6 giờ, rồi gieo vào đất xốp, ẩm. Sau 1 tháng, hạt sẽ nảy mầm và sau 2 năm, cây đã có hoa. Nếu giâm cành, thì chọn cành bánh tẻ, cắt 1 đoạn dài 20 cm, ngâm vào nước lã khoảng 20 phút, sau đó cắm xuống đất nơi vườn ươm hay ngay chân hàng rào. Cây mọc khỏe, nảy mầm tốt, và sau 1 năm đã có hoa.

I.37. CÂY DÂY KIM ĐỒNG

Tristellateia australis A. Richard

Họ Dùi đục (Malpighiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (chủ yếu ở Malaysia và Australia).

Cây leo bằng thân cuốn, cành nhánh dài. Lá dày, nhẵn, màu xanh bóng, có 2 tuyến ở gốc. Cụm hoa dạng chùm ở đầu cành. Hoa có kích thước trung bình màu vàng, có 5 cánh, xếp tỏa rộng, mang nhị ở giữa màu vàng chuyển màu đỏ. Quả có 8 cánh.

Cây được trồng làm cây cảnh, cây hàng rào phổ biến ở các tỉnh phía Nam vì cho hoa đẹp và có hương thơm mát. Cây trồng bằng hạt, mọc khỏe, leo khá cao, cành nhánh vươn dài nhanh.

I.38. CÂY DÂY MY Ê (Dây sừng dê)

Porcelaine; Cream fruit tree, Climbing oleander

Strophanthus gratus (Wall. ex Benth.) Baill.

(*Raupellia grata* Wall. et Hook.)

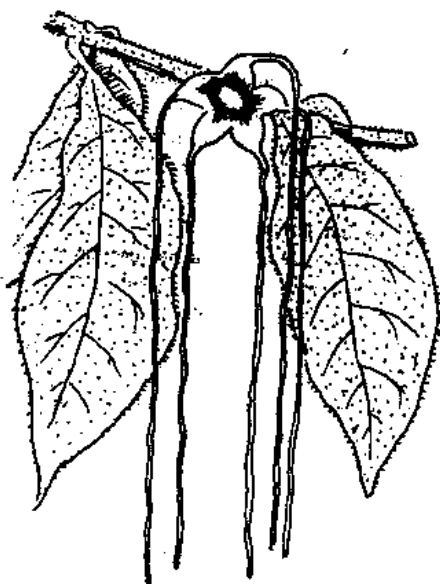
Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới, cho hạt và rễ cây làm thuốc, tuy nhiên vì có hoa đẹp nên được gây trồng làm cảnh.

Cây sống dựa, cành nhánh vươn dài, nhẵn, có nhựa mủ trong. Lá dày, mọc đối, thuôn dài, gốc tù, cuống ngắn. Cụm hoa ở đỉnh cành mang ít hoa. Hoa lớn, màu tím nhạt, bóng. Cánh tràng hợp thành ống loe rộng; chia 5 thùy lớn, gốc có 10 vảy.

Quả gồm hai đại xếp thẳng ngang, dài, bóng.

Cây có dáng leo đặc sắc lại cho hoa đẹp và mọc khỏe rất được ưa chuộng trồng làm giàn leo hay sống dựa nơi hàng rào. Gây giống chủ yếu bằng các đoạn cành. Giâm cành nơi đất ẩm, mát vào mùa mưa. Cây chống cho rễ và chồi. Sau 1 năm đã có cành dài, làm giàn sống dựa.



H.14. My ê lông -
Strophanthus hispidus DC.

Để trông làm cảnh đẹp, hiện nay có thể nhập một loài khác cho hoa khá độc đáo :

I.39. CÂY DÂY MY Ê LÔNG

Strophante

***Strophanthus hispidus* DC.**

Cây cũng có nguồn gốc từ châu Phi nhiệt đới. Cây sống dựa, mập, cành non và lá phủ đầy lông cứng. Lá thuôn dài đều cả hai đầu. Hoa mọc ra ở nách lá, màu vàng có họng màu đỏ, cánh trắng có hai phần phụ kéo rất dài buông xuống. Quả gồm 2 đại xếp thẳng ngang thuôn dài nhọn. Hạt có chùm lông trên cán dài (Hình 14)

I.40. CÂY DÂY TÂM PHONG (Dây Búp búp)

Balloon vine; Heart pea; Pois de coeur

***Cardiospermum halicacabum* Linn.**

Họ Bồ hòn (Sapindaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi, châu Mỹ nhiệt đới, du nhập vào nước ta một cách tự nhiên để ngày nay mọc hoang dại rất phổ biến suốt từ Bắc vào Nam trong các bãi cỏ, đồi hoang, nơi hàng rào, ven đường.

Cây thân cỏ hay gốc hóa gỗ, leo dài và cuốn bằng tua cuốn mảnh. Lá mọc cách có cuống dài, phiến lá nhẵn, kép 2 - 3 lần, thùy có răng tù lớn.



H.15. Dây tâm phong
Cardiospermum halicacabum L.

Hoa nhũ màu trắng xanh nhạt, xếp lại thành chùm với đôi cuống hoa cuối cùng biến thành tua cuốn. Hoa lưỡng tính, nhỏ, màu vàng xanh. Quả có 3 cánh mỏng. Hạt tròn màu đen, phía rốn có áo hạt giả

(Hình 15).

Cây có dáng mềm mại, lá xanh nhạt, thưa có thể làm cây leo hàng rào được. Cây mọc chủ yếu bằng hạt, chóng nảy mầm.

I.41. CÂY DÂY THIÊN LÝ (Hoa lý; Dạ lý hương)

Tonkin creeper, Chinese violet

Telosma cordata (Durm.f.) Merr.

(*Perguaria odoratissima* Sm. *Pergularia monor* Andr.

Asclepias cordata Burm. f.)

Họ Thiên lý (Asclepiadaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Đông Nam châu Á, và ở nước ta cây được gây trồng rất rộng rãi từ nông thôn đến thành thị để vừa làm cây cảnh, rau ăn và làm thuốc.

Cây nhỡ, leo, phân cành nhánh nhiều và khi non có lông. Lá đơn, nguyên, mọc đối, màu xanh lục bóng, gốc lá hình tim. Ở miền Bắc, cây rụng lá vào mùa đông nên làm cây che bóng hợp vệ sinh.

Hoa nhiều, mọc thành xim dạng tán ở nách lá. Hoa màu vàng lục nhạt rất thơm về tối. Hoa nở tập trung vào mùa hè nên nhân dân ta rất ưa trồng để thưởng thức mùi thơm mát dịu vào những ngày nóng bức, lại có thể lấy hoa non làm rau mát, bổ. Quả dài dài (Hình 16).

Cây rất dễ trồng bằng giâm cành. Cành giâm dài khoảng 10 - 15 cm (loại bánh tẻ) cắm sâu 4 - 5 cm nơi đất đã làm kỹ và luôn ẩm ướt. Cần che nắng và gió cho cành giâm. Sau nửa tháng, cành giâm đã có rễ và nảy chồi sau khi cành non dài 20 - 30 cm bứng bầu đem trồng nơi giàn leo. Cây mọc khỏe, cành nhiều và dài, nếu bón đủ phân. Cây cho hoa, nở gần quanh năm.



H.16. Dây thiên lý
Telosma cordata Merr.

I.42. CÂY DÂY TÓC TIÊN (Tóc tiên)

Cypres vine, Faux jalap, Jasmin de l' Inde, Ipomée quamoclit

Ipomoea quamoclit L.

(*Quamoclit pinnata* Boj.; *Q. vulgaris* Chois.)

Họ Bìm bìm (Convolvulaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới. Hiện nay nhiều nước nhiệt đới khác đã gây trồng rộng rãi làm cây cảnh, cây hàng rào thấp. Dây nhỏ, mảnh, leo bằng thân quấn. Cành nhẵn, mềm xanh bóng. Lá sè dạng lông chim sâu thành các sợi, chỉ rộng khoảng 1 mm, hai thùy gốc sát với cuống thường chẻ đôi, xanh quanh năm.

Cụm hoa ở nách lá. Hoa nhỏ, màu đỏ tươi, bóng. Cánh tràng hợp thành ống hẹp, dài khoảng 3 cm, xòe ra ở miệng chia 5 thùy đều nhau hình tam giác gần vuông góc với ống tràng. Quả thuôn hình trứng có 4 hạt. (Ảnh 14)

Cây rất dễ trồng bằng hạt. Gieo hạt già trực tiếp nơi chân giàn leo, nếu đầy đủ độ ẩm, chỉ sau 5 - 10 ngày đã có cây con mọc leo lên giàn. Cây có lá đặc sắc và hoa đẹp nở gần quanh năm, đôi khi cho cuống trên các khuôn lông bằng tre có hình dạng khác nhau làm cây trang trí.

I.43. CÂY DÂY TRUNG CHÂU

Butterfly pea

Centrosema pebescens Benth.

Họ Đậu (Fabaceae)

Cây mọc hoang dại ở các vùng đồi núi nước ta, nhưng có thể gây trồng làm cây hàng rào được, vì có hoa đẹp. Cây leo bằng thân cuốn, nhẵn. Lá kép lông chim có 3 lá phụ, màu xanh bóng. Cụm hoa ở nách lá. Hoa có kích thước trung bình, màu đỏ sẫm với 1 cánh cờ lớn mở rộng, dạng tròn dài. Quả dài dẹt, nhiều hạt.

Ngoài ra, có thể nhập một loài khác, có nguồn gốc từ các nước miền Nam châu Mỹ để làm cây cảnh, hàng rào là : *Centrosema plumieri* cây leo nhỏ, sống hàng năm. Lá kép 3 lá nhỏ. Hoa màu trắng có vạch màu đỏ tía sẫm ở giữa, khá hấp dẫn, làm cây leo thấp rất đẹp.

I.44. CÂY DÂY VÁC NHẬT (Ồ liêm mẫu)

Cayratia japonica (Thunb.) Gagnep.

(*Cissus japonica* Willd.)

Họ Nho (Vitaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản Java Australia, cây nhỡ leo, nhẵn hay có lông. Cành hình trụ, nhẵn có khía. Tua cuốn 2 - 3 nhánh. Lá kép có 5 lá phụ xếp chân vịt. Lá phụ giữa lớn nhất, mép có răng cưa. Cụm hoa ở nách lá dạng ngù hay tán. Hoa nhỏ, màu trắng. Quả hình cầu, to bằng ngón tay út có 3 - 4 hạt. Cây mọc khỏe, xanh quanh năm và hoa nở đều trong các tháng. Cây mọc tốt ở vùng núi cao, khí hậu ẩm mát, vừa làm cây hàng rào, vừa làm cây thuốc, nên nhân dân gây trồng nhiều. Cây được trồng bằng hạt, dễ nảy mầm, mọc nhanh, chịu được đất xấu.

I.45. CÂY DƯA GANG TÂY (Chùm bao dưa)

Giant Granadilla, Barbadine, Grenadille

Passiflora quadrangularis L.

Họ Lạc tiên (Passifloraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Jamaica...) ngày nay rất nhiều nước đã gây trồng làm cây cảnh, cây leo che bóng và lấy quả ăn, làm thuốc. Ở nước ta cây được trồng rộng rãi ở các tỉnh thành suốt từ Bắc vào Nam.

Cây leo lớn, gốc thân hóa gỗ, phân nhiều cành nhánh dài, cạnh vuông và dẹt thành cánh. Lá đơn, mọc cách dạng trái xoan, đầu thuôn, gốc xẻ thùy trái tim, màu xanh bóng, cuống lá dài, có 2 tuyến. Tua cuốn đối diện với lá mập, lớn màu xanh bóng, đơn.

Hoa rất lớn, mọc ra ở kẽ lá, thơm và đẹp. Cánh dài có 5 chiếc, màu xanh ở mặt ngoài, màu đỏ ở mặt trong. Cánh tràng mềm dần deo, màu hồng tím ở mặt trên, màu trắng nhạt ở mặt dưới, với nhiều vạch trắng và tím mảnh. Phía trong cánh tràng có 2 vòng phấn phụ. Vòng ngoài gồm các sợi dài màu tím xen với các đoạn màu trắng. Vòng trong cũng gồm các sợi ngắn hơn. Tất cả dần deo và có màu xen nhau. Quả mọng lớn, đường kính 15 cm, dài 20 cm, thuôn, hạt có cơm. (Hình 17).

Cây có lá xanh quanh năm, hoa sặc sỡ và thơm nên rất được ưa chuộng gây trồng. Cây trồng bằng hạt, và muốn có quả phải thụ phấn nhân tạo. Cây mặc dù cho quả mát bổ, nhưng nhân dân ta thường trồng làm giàn che cho các vườn, mái hiên hay cổng lớn.

Hiện nay, các nhà vườn còn trồng chủng có lá đẹp làm cảnh là:

I.45.a. Cây Dưa gang tây vẫn

Passiflora quadrangularis L.
var. *variegata* Hort. (*P. variegata* Hort., *P. aucubifolia* Hort.)

Cây cho lá lớn, màu xanh bóng với các vạch và đốm màu vàng rất đẹp.

I.46. CÂY ĐẬU BIẾC

Butterfly pea,

Clitoris à Fleur bleue

***Clitoria ternatea* L.**

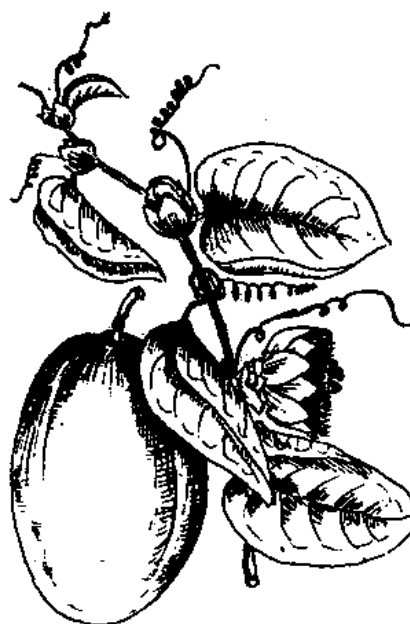
(*Clitoria spectabilis* Salisb.;

Ternatea vulgaris H.B. et K.)

Họ Đậu (Fabaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Ấn Độ, Srilanka...). Cây thảo leo, cuốn nhờ thân, mọc khá cao. Lá kép lông chim lẻ, có 5 - 7 lá nhỏ, màu xanh bóng mềm, có lông rải rác cả hai mặt.

Hoa màu xanh lơ, hồng hoặc trắng (tùy theo các chủng) mọc đơn độc ở nách lá. Hoa lớn đẹp. Cánh



H.17. Dưa gang tây -
Passiflora quadrangularis L.



H.18. Đậu biếc
Clitoria ternatea L.

tràng có lá cờ lớn màu xanh biếc với đốm lớn ở giữa màu vàng cam. Quả màu hung có lông, hình dãi, thắt lại ở các đốt. Hạt dẹt có điểm màu lục và màu đen, có rốn rộng và cong. Cây cho hoa đẹp, và lá thưa, nên được gây trồng rộng rãi ở trong vườn trên các giàn thấp hay thẳng đứng nơi bờ tường. Cây trồng chủ yếu bằng hạt. (Hình 18)

Hiện nay các nhà vườn đã tạo ra nhiều màu sắc của hoa trong các giàn leo, như :

I.46.a. Cây Đậu biếc trắng

Clitoria ternatea L. var. *alba* Hort.

Cây cho hoa màu trắng

I.46.b. Cây Đậu biếc lam

Clitoria ternatea L. var. *coerulea* Hort. (*C. caerulea* Hort.)

Cây cho hoa màu xanh da trời.

Đặc biệt : *Cây Đậu biếc kép*

Clitoria ternatea L. var. *flora pleno* Hort.

Cánh hoa kép xoắn lại, màu lam đậm

I.47. CÂY ĐẬU KHẾ (Đậu vương, Đậu rồng, Đậu xương rồng)

Goa bean, Princess-bean; Winged - bean; Pois carré

***Psophocarpus tetragonolobus* DC.**

Họ Đậu (Fabaceae)

Cây có nguồn gốc từ Môritani (Tây - Bắc châu Phi) và được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới (chủ yếu ở Đông Nam châu Á) để lấy quả ăn và làm cây leo che bóng. Cây sống hàng năm, có rễ phồng lên thành củ. Thân và cành đều có khía, nhẵn. Lá kép có 3 lá nhỏ mọc cách. Cụm hoa ở nách lá, cuống chung dài mang ở đỉnh 3 - 6 hoa. Hoa có kích thước trung bình màu xám xanh hay hơi tím. Quả non màu xanh lá cây đậm, có 4 cánh có răng, rách không đều, thót lại ở 2 đầu. Hạt hơi dẹt màu nâu.

Cây được gây trồng hàng năm vào mùa thu đông (miền Bắc) và đầu mùa mưa (miền Nam) bằng hạt già. Cây mọc khỏe chóng thành giàn và cho quả khá nhiều, nếu bón đầy đủ phân tro.

I.48. CÂY ĐẬU KIẾM (Đậu rựa, Đậu tắc)

Sword - bean; Horse - bean; Jack bean; Chickasaw Lima;
Pois sabre

Canavallia ensiformis (L.) DC. (*C. microcarpa* (DC.) Merr.)

Họ Đậu (Fabaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới châu Á và châu Phi. Hiện nay cây được gây trồng rộng rãi làm cây lương thực và cây che bóng ở giàn.

Cây leo, mập, khỏe, mọc rất cao, gốc hóa gỗ. Lá kép 3 lá nhỏ, màu xanh đậm, mặt dưới màu nhạt, mỏng. Cụm hoa mọc ra từ nách lá. Hoa màu trắng hay hơi hồng. Quả hơi cong hình chữ S, dẹt, mép song song, 1 bên có 3 khía lồi. Hạt trắng xám hay đỏ. (Hình 19)

Cây trồng dễ dàng bằng hạt già, và sau 2 năm trồng lại 1 lần. Cây mọc khỏe, lấy quả non và hạt ăn được.

I.49. CÂY ĐẬU THƠM

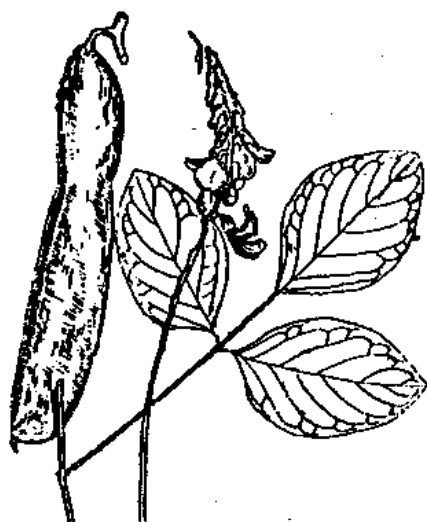
Sweet pea, Pois de senteur, Gesse odorante, Pois musqué

Lathyrus odoratus Linn.

Họ Đậu (Fabaceae)

Cây có nguồn gốc từ quần đảo Xi-rin (Ý) và được gây trồng rộng rãi khắp thế giới làm cây cảnh leo đẹp. Ở nước ta cây được gây trồng chủ yếu ở các tỉnh miền Bắc.

Cây leo cao khoảng 1 - 3 m, phân cành nhánh thưa. Lá kép với hai đôi lá phụ. Cuống lá có cánh và đầu cuống giữa các lá phụ kéo dài thành tua cuốn. Gốc cuống lá có hai lá kèm lớn.



H.19. Đậu kiếm – *Canavallia ensiformis* DC.

Cụm hoa thành chùm mang ít hoa mọc ra ở nách lá. Hoa lớn, có 1 cánh cờ lớn, lật lên, có hương thơm dễ chịu và có màu sắc thay đổi tùy từng chủng từ màu trắng qua màu hồng, đỏ rồi tím. Hoa nở dày đặc, che hết cả lá trên giàn thưa rất hấp dẫn, có thể cắt cụm hoa cắm lọ. Quả đậu dẹt (Hình 20).

Cây trồng bằng gieo hạt. Ở miền Bắc hạt thường gieo vào mùa thu thì cuối đông đầu xuân cho hoa nở. Cây ưa đất tốt chịu được mát, lạnh, không chịu được nóng, hạn hoặc đọng nước. Có thể gieo hạt ngay tại chân giàn leo. Làm rãnh dọc theo giàn, bỏ phân lót, rồi gieo hạt, phủ mùn rác để đủ ẩm. Sau nửa tháng đã có cây con leo lên giàn, cần cắm giá đỡ cây ngay khi cây chỉ cao 10 - 20 cm (nếu không cây sẽ bò lan xuống đất). Chăm sóc cây bằng tưới nước, bón thúc, làm cỏ và có thể bấm ngọn cho cây đẻ nhiều nhánh. Sau 100 - 120 ngày, cây ra hoa, và tiếp tục kéo dài mùa hoa trong 2 - 3 tháng. Cuối vụ hoa để lại trên giàn các hoa khô cho đậu quả (có thể chọn một số cây khỏe làm giống riêng).

Hiện nay các nhà làm vườn đã tạo ra rất nhiều chủng cho hoa có màu sắc khác nhau. Sơ bộ có thể kể :

I.49a. Cây Đậu thơm màu hồng điều

Lathyrus odoratus L. var. Anne Vestey Hort.

I.48.b. Cây Đậu thơm màu xanh

Lathyrus odoratus L. var. John Ness. Hort.



H.20. Đậu thơm
Lathyrus odoratus L.

I.49.c. Cây Đậu thơm màu xanh đậm

Lathyrus odoratus L. var. Leamington Hort.

I.49.d. Cây Đậu thơm màu hồng nhạt họng trắng

Lathyrus odoratus L. var. Pink Pride Hort.

I.49.e. Cây Đậu thơm màu trắng xám

Lathyrus odoratus L. var. White Ensign Hort.

I.49.g. Cây Đậu thơm-nhiều màu

Lathyrus odoratus L. var. Knee-hi Hort.

Ngoài ra các nhà vườn còn lai tạo để cho hoa với cánh tràng lớn, có cấu trúc như hoa Phong lan.

I.50. CÂY ĐĂNG TIÊU (Dây đăng tiêu)

Trumpet-creeper; Trumpet honeysuckle, Trumpet vine; jasmin de Virginie

Campsis radicans Seem. (*Tecoma radicans* Juss.)

Họ Núc nác (Bignoniaceae.)

Cây có nguồn gốc từ các nước Bắc châu Mỹ và được nhập nội gây trồng làm cây cảnh chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc và núi cao Nam Trung bộ nước ta.

Cây nhỡ, leo mạnh, có rễ khí sinh ngắn ở các đốt thân. Gốc cây hóa gỗ và phân cành nhánh nhiều. Lá kép lông chim 2 lần, mọc đối.

Hoa nhiều, mọc tập trung thành ngù ở ngọn cành. Hoa màu đỏ da cam, buồng thông xuống, khá bền, hình chuông, trên chia 5 thùy. Quả nang dài, 2 đầu nhọn, cứng. Hạt có cánh. Cây thường rụng hết lá vào mùa đông và đâm chồi mới vào mùa xuân. Hoa nở gần như quanh năm nên



H.21. Đăng tiêu - *Campsis radicans* Seem.

được ưa chuộng gây trồng làm cảnh, cây hàng hiên. (Hình 21).

Cây dễ trồng bằng giâm cành, chiết hay vít cành xuống đất, các đốt cành dễ nảy chồi và cho rễ nhiều. Cành giâm sau 10 ngày có thể bứng đem trồng (cây cao khoảng 20 cm). Cây giâm sau 1 năm đã có hoa, có thể lấy các chồi từ rễ để trồng.

Ở miền Bắc, hiện nay có gây trồng các chủng là :

I.50.a. Cây Đắng tiêu đơn.

Campsis radicans Seem. var. *atropurpurea* Vose.

I.50.b. Cây Đắng tiêu kép vàng

Campsis radicans Seem. var. *flava* Rehd.

Cây cho hoa màu vàng cam.

I.50.c. Cây Đắng tiêu kép đỏ cam.

Campsis radicans Seem. var. *speciosa* Voss.

Cây cho màu đỏ cam

I.50.d. Cây Đắng tiêu đỏ

Campsis radicans Seem. var. *praecox* Schneid.

Cây có hoa màu đỏ tươi.

I.50.e. Cây Đắng tiêu vàng

Campsis radicans Seem. var. *aurea* Hort.

Cây có hoa màu vàng.

I.51. CÂY HÀM CỌP (Cát đằng cọp)

Thunbergia du Mysore

***Thunbergia mysorensis* T. Anders.**

(*Hexacentris mysorensis* Wight.)

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, được gây trồng ở các tỉnh miền núi Nam Trung bộ (Lâm Đồng, Tây Nguyên). Cây leo, cuốn bằng cành nhánh, mềm, dài. Lá mọc đối, đơn, gốc tròn rộng, đầu nhọn dài, mép lá rần reo, nhẵn, màu xám bóng. Cụm hoa dài 40 - 60 cm, buồng thông xuống, mang hoa lớn xếp dày đặc, sát nhau. Hoa có 2 môi

không đều, màu vàng kim ở họng, màu vàng nâu có vạch đậm ở thùy và ở ống hoa. (Ảnh 15)

Mùa hoa gần quanh năm (tập trung vào mùa mưa), dễ trồng bằng các đoạn cành, mọc khỏe, phân cành nhánh nhiều từ gốc. Cây ưa khí hậu mát lạnh, đất tốt, ẩm và thoát nước.

Có thể nhập 1 chủng cho hoa vàng tuyền là :

I.51.a. Thunbergia mysorensis T. Anders. var. *lutea* Hort.

I.52. CÂY HẠT BÍ NHỎ (Mộc tiền)

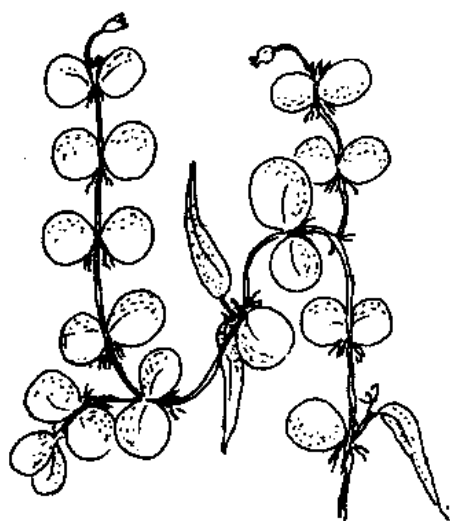
Dischidia nummulaire

Dischidia nummularia R. Br.

Họ Thiên lý (Asclepiadaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Đông dương, Australia...), mọc hoang dại rất phổ biến ở các vùng ẩm nước ta và thường được thu hái cùng với các loài Phong lan sống phụ để trồng làm cảnh.

Cây nhỏ bé, có dáng bò dài, áp sát với vỏ cây gỗ lớn (sống phụ). Thân mảnh, dài, mềm, cong queo có mủ trắng. Lá mọc đối, mập, dày, tròn, gần như không có cuống, có 2 - 3 cặp gân phụ mịn. Cụm hoa dạng tán nhỏ, gần như không có cuống, mọc ra ở nách hay gần đỉnh cành. Hoa nhỏ màu đỏ, ống ngắn, trên chia thùy hẹp. Quả dài thon có mũi nhọn. Hạt có mào lông. (Hình 22)



H.22. Hạt bí nhỏ – *Dischidia nummularia* R.Br.

I.53. CÂY HẠT BÍ TÚI (Mộc tiền bầu)

Leaf Pitcher plant

***Dischidia rafflesiana* Wall.**

Họ Thiên lý (Asclepiadaceae)

Cây phân bố khá rộng rãi ở các nước nhiệt đới như Malaysia vùng nhiệt đới Australia, Đông Dương... ở Việt Nam cây mọc từ vùng rừng ẩm miền núi đến các vùng khô cằn trong rừng Khộp (Tây Nguyên).



H.23. Hạt bí túi – *Dischidia rafflesiana* Wall.

Cây sống phụ leo dài mọc thành từng bụi trên cành nhánh cây gỗ lớn. Thân mập, có mủ trắng. Lá có hai dạng. Lá thường thì mập, tròn, dày màu xanh trắng như bột. Lá khác hình túi, dạng ống, có cạnh và có một lỗ hổng nhỏ ở gần cuống. Trong túi thường chứa nước và sâu bọ nhỏ, do đó trong túi thường có các rễ phân nhánh.

Cụm hoa dạng tán thưa, hoa nhỏ màu vàng xanh nhạt. Quả 1 đại. Hạt nhỏ, có mào lông. (Hình 23).

Cây có dáng kỳ lạ, xanh tươi quanh năm, dễ trồng bằng các đoạn thân, lại có thể chịu được khô hạn, nên có thể trồng làm giàn cho Phong lan, mặc dù tán lá thưa.

I.54. CÂY HOA GIẤY (Mộc diêu, Biện lý)

**Golden glow; Bougainvillier; Belle Américaine;
*Bougainvillea élégant***

***Bougainvillea spectabilis* Willd.**

(*B. speciosa* Lindl. non Schintzl.; *B. splendens* Hort.)

Họ Hoa giấy (Nyctaginaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil (Nam châu Mỹ) và được gây trồng rất rộng rãi làm cây cảnh leo ở các tỉnh phía Nam nước ta (thậm chí làm cây uốn thế, trồng ở chậu)

Cây leo, thân gỗ lớn, mập, khỏe, mọc nhanh, cành nhánh nhiều vươn dài. Lá đơn mọc cách, phiến hình trái xoan hay thuôn dài ở đỉnh, tròn ở gốc. Gốc cuống lá có gai hơi cong. Lá xanh quanh năm và có thể rụng vào mùa đông ở các tỉnh phía Bắc.

Hoa lớn do lá bắc màu sắc sỡ làm thành. Lá bắc dạng lá, màu sắc từ trắng đến vàng tím, đỏ, xếp 3 chiếc một trên 1 chùm ngắn và bọc lấy hoa hình ống dài ở phía trong, màu tía và có lông dày ở phía ngoài, màu vàng nhạt ở phía trong. Quả bế tròn hay cụt ở ngọn, thất lại ở gốc. Hạt màu nâu hung bóng, hiếm thấy. (Ảnh 16)

Cây dễ trồng, thích hợp với khí hậu nhiệt đới Nam Việt Nam. Gây giống chủ yếu bằng giâm cành (phía Bắc vào mùa xuân, phía Nam vào mùa mưa). Cành giâm dài 10 - 20 cm, cắm sâu 6 - 8 cm, giữ ẩm thường xuyên và che bóng cho cành giâm. Sau 10 ngày cành nảy chồi và sau 20 ngày rễ mới phát sinh. Khi cành dài 30 - 40 cm (khoảng 2 tháng) có thể đem trồng nơi giàn leo. Khi cây leo dài có thể cắt sửa theo ý muốn nơi gây trồng vì cây cho chồi mầm nhiều.

Các nhà vườn ở nước ta gây trồng nhiều dạng hoa có màu sắc khác nhau, lai ghép để cho trên một cây có đủ các màu sắc của hoa. Các loại có màu sắc khác nhau có thể thuộc các chủng khác nhau, hoặc có loài riêng rẽ, vì nguồn gốc lai tạo không rõ ràng.

Sơ bộ có thể kể các chủng và loài như :

I.54.a. Cây hoa giấy đỏ gạch

Bougainvillea spectabilis Willd. var. *laterita* Lemaire,
(*B. brasiliensis* Neuw.)

Cây cho hoa có lá bắc màu đỏ gạch.

I.55. CÂY HOA GIẤY HỒNG

Bougainvillea glabra Choisy

Họ Hoa giấy (Nyctaginaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil. Cây leo, cành vươn dài, gốc có nhiều

gai cong. Lá màu xanh đậm nhẵn, nhọn ở đỉnh, tròn hay trái xoan ở gốc. Chùm hoa lớn. Hoa có lá bắc màu hồng dạng trái xoan nhọn, gốc hình tim.

I.55.a. Cây Hoa giấy hồng tím

Bougainvillea glabra Choisy. var. *sanderiana* Hort.

Cây cho hoa màu đỏ hồng tím, tươi. Cây nhỏ bé, cành ngắn.

I.55.b. Cây Hoa giấy hồng vân

Bougainvillea glabra Choisy var. *variegata* Hort.

Cây cho lá màu xanh bóng với các vạch màu trắng.

I.56. CÂY HOA KÈN

Easter Herald trumpet

Beaumontia fragrans Pierre

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc ở Nam bộ - Việt Nam và được gây trồng làm cảnh từ lâu đời vì cho hoa rất thơm và đẹp.

Cây bụi, leo hay sống dựa, lớn, mập cao đến 18 m, có nhựa mủ màu trắng đục. Lá đơn mọc đối, dày, màu xanh bóng. Cụm hoa là chùm tán dày ở đầu cành, có lông mịn mang nhiều hoa màu trắng dạng phễu loe ở đỉnh, chia 5 thùy sâu. Ngoài hoa có lá bắc lớn. (Hình 24).



H.24. Hoa kèn - *Beaumontia fragrans* Pierre

Cây cho hoa rất thơm và đẹp, nên được gây trồng làm cây hàng rào hay uốn làm cổng ra vào.

I.57. CÂY HOA KÈN LỚN

Nepal trumpet flower; *Beaumontia a grandes fleurs*

Beaumontia grandiflora Wall.

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ và được gây trồng ở các tỉnh phía Nam nước ta.

Cây gỗ, có cành nhánh lớn dài, sống dựa. Lá mọc đối, phiến hình trái xoan thuôn dài, mặt dưới có lông, mặt trên xanh bóng, đôi khi mép có viền vàng nổi rõ các gân bên. Cụm hoa ở đầu cành, dạng tán dày có nhiều lá bắc dễ rụng. Hoa lớn mọc sát nhau, màu trắng, dạng thành ống dài thót ở gốc mở rộng ở đỉnh, chia 5 thùy sâu mọc xòe ra và nổi rõ 5 nhị dài dính vào nhau.

Cây cho hoa lớn đẹp và thơm, nên được gây trồng làm cảnh, làm cây giàn leo.



I.58. CÂY HỒ ĐĂNG HAI MÀU

(Cây Dây chia vôi đỏ)

Begonia cissus; Cissus discolor

***Cissus discolor* Vent. ex Planch.**

(*C. velutinus* Lindl.)

Họ Nho (Vitaceae = Ampelidaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Đông Nam châu Á (Java, Malaysia...)

Cây leo dài, thân nhẵn, mảnh gãy khúc. Lá có dạng hình tim thuôn dài, màu xanh bóng với các vệt màu trắng và có lông mặt trên, mặt dưới màu đỏ tím. Tua cuốn chẻ đôi, đối diện với lá.

Hoa màu vàng xanh nhạt mọc tập trung thành xim ngắn, kích thước nhỏ bé. Quả mọng, có 1 hạt (Hình 25).

Cây mọc khỏe, dễ trồng, phân nhánh nhiều lại cho lá có màu đặc sắc nên thường được gây trồng làm cây hàng rào. Cây có thể trồng bằng hạt hay các đoạn thân cành.

Có vài chủng đẹp, dễ gây trồng là :

I.58.a. Cây Hồ đăng hai màu mềm

***Cissus discolor* Vent. var. *mollis* Planch.**

**H.25. Hồ đăng hai màu -
Cissus discolor Vent.**

Cây leo, lá có màu trắng ở mặt trên, màu đỏ tươi ở mặt dưới. Quả màu đỏ bóng.

I.58.b. Cây Hồ đằng hai màu vằn.

Cissus discolor Vent. var. *marmorata* Hort.

Cây leo, lá màu xanh đậm có mép trắng bạc và gân màu đỏ máu. Đây là chủng cho cây đẹp nhất.

I.59. CÂY HỒ ĐẰNG VUÔNG (Cây chùa vôi vuông, Cây trị rắn)

Cissus quadrangularis (L.) Planch.

(*Vitis quadrangularis* Wall.)

Họ Nho (Vitaceae)

Cây leo mọc hoang dại, có khu phân bố khá rộng, từ châu Á qua châu Phi. Cây phân cành nhánh dài, dày, khỏe. Thân có 4 cánh rõ và gân như có đốt (thắt lại ở các chỗ có lá hay phân cành) thân màu xanh bóng phủ lông mềm màu trắng xám. Lá dày mọc cách, dạng trái xoan dài và xẻ dạng trái tim, nguyên hay chia 3 thùy, mép có răng ngắn, thưa và không đều nhau. Tua cuốn mảnh, dài. Cụm hoa dạng chùm ngắn mọc ra từ nách lá. Hoa nhỏ màu xanh trắng. Quả mọng màu đỏ, một hạt.

Cây mọc phổ biến, leo dày, mọc thành bụi lớn nên thường được trồng làm hàng rào. Cây có thể gây trồng bằng hạt hay bằng đoạn thân có rễ, cây mọc khỏe, phân cành nhánh nhiều, uốn cong.

I.60. CÂY HUỲNH ANH (Dây Huỳnh, Dai vàng, Bông vàng)

Willow leaved Allamando; Allamanda cathartique;

Allamanda purgative

Allamanda cathartica L. (*A. hendersoni* Hort.)

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước thuộc Nam châu Mỹ (Brazil, Guyan), nhưng được gây trồng rộng rãi ở nước ta, nhất là ở các tỉnh phía Nam để làm cảnh và làm hàng rào, làm giàn leo.

Cây gỗ, cành nhánh dài mềm, sống dựa hay leo, có nhựa mủ màu trắng. Lá đơn, mọc đối hay vòng với 3 - 6 chiếc, màu xanh bóng, mềm, mỏng, khi non màu pha hồng. Hoa lớn màu vàng tươi mọc

thành xim ngắn ở ngọn cành. Quả nang có gai, ít hạt (Ảnh 17).

Cây cho hoa nở quanh năm (ở miền Nam) và tập trung vào mùa hè (ở miền Bắc). Hoa đẹp, mềm, mau tàn, nhưng trong 1 chùm hoa, hoa nở dần từng đôi một, nên trên cành luôn có hoa, có nụ.

Cây rất dễ trồng, mọc nhanh, vươn cao nên có thể uốn làm thành cổng ra vào. Cây được gây trồng giống dễ dàng bằng giâm cành. Chọn các đoạn từ cành bánh tẻ đến cành già. Sau 10 ngày, cành giâm nảy mầm, và sau 6 tháng có thể đem trồng ở giàn leo. Có thể dùng cách vít cành xuống đất, chỗ tiếp xúc với đất sớm đâm rễ, và cây chóng ra hoa.

Có mấy chủng khác nhau, vì màu sắc của hoa :

I.60.a. Cây Huỳnh anh vằn nâu

Allamanda cathartica L. var. *hendersonii* Hort.

Hoa có màu vàng cam, họng có vệt màu nâu ở phía ngoài.

I.60.b. Cây Huỳnh anh lớn

Allamanda cathartica L. var. *nobilis* Bailey et Raffil.

I.60.c. Cây Huỳnh anh vằn đỏ

Allamanda cathartica L. var. *schottii* Bailey et Raffil.

Hoa màu vàng, họng màu cam và có vệt đỏ ở mặt ngoài.

I.60.d. Cây Huỳnh anh kép

Allamanda cathartica L. var. *flora pleno* Hort.

Hoa màu vàng, cánh kép.

I.61. CÂY HUỲNH ANH LÁ HẸP

Small Allamanda

Allananda nerifolia Hook. f.

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ. Cây leo sống dựa, chỉ cao 1 - 2 m. Lá mọc vòng 4 chiếc, thuôn hẹp dài 8 - 14 cm rộng 2 - 4 cm. Cụm hoa có 5 - 10 hoa màu vàng tươi. Hoa hình ống hẹp ngắn.

1.62. CÂY KIM ANH (Thích lệ tử, Đường quân tử)

Cherokee Rose

Rosa laevigata Michx. (*R. sinica* Murr. *R. cherokensis* Don,
R. ternata Poir., *R. nivea* DC., *R. camellia* Hort.)

Họ Hoa hồng (Rosaceae)



H.26. Kim anh, – *Rosa laevigata* Michx.

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan đến Việt Nam.

Cây mọc hoang dại chủ yếu ở miền đồi núi miền Bắc nước ta và miền núi Nam Trung Bộ. Nhân dân rất ưa chuộng trồng làm hàng rào vì cây có nhiều cành dài mang gai nhọn cong, lại có thể lấy quả già phơi khô làm thuốc.

Cây nhỡ leo, phân cành nhánh nhiều, mềm sống dựa trên giàn hay được cắt xén làm cây hàng rào. Lá kép 3 lá nhỏ (rất ít khi 5 chiếc), mép có răng cưa, mặt trên lá màu lục sẫm, mặt dưới màu nhạt hơn.

Hoa lớn thường mọc đơn độc, màu trắng có hương thơm, cuống hoa mập và có lông chơm chớm. Cánh đài dính ở gốc làm thành ống có nhiều lông màu vàng cứng. Nhị rất nhiều không đều nhau. Lá noãn nhiều. Quả giả lớn hình trứng hay hình cầu, chín màu vàng cam hay đỏ nhạt, có lông thưa cứng. Cây thường cho hoa nở vào cuối xuân, đầu hạ và quả chín vào thu đông (Hình 26).

Cây rất dễ trồng bằng giâm cành, chọn các cành bánh tẻ dài khoảng 20 cm, rồi đem cắm trên đất làm kỹ, đủ ẩm và tưới xối. Có thể chiết hay vít cành xuống đất cho ra rễ rồi cắt đem trồng.

Hiện nay các nhà vườn cho lai loài này với *Rosa banksiae* R. Br. để cho ra *Rosa fortuneana* Lindl., hoa lớn, cánh kép, màu trắng.

1.63. CÂY KIM NGÂN HOA (Dây kim ngân)

Common Honey-suckle; chèvrefeuille, Japanese Honey-suckle

***Lonicera japonica* Thunb.**

Họ Cơm cháy (Caprifoliaceae)

Cây có nguồn gốc từ nhiều nước ở châu Á, riêng Việt Nam, cây mọc hoang dại rất phổ biến ở vùng đồi núi miền Bắc Việt Nam và đã được gây trồng làm cây hàng rào và làm thuốc.

Cây leo bằng thân cuốn, phân cành nhánh nhiều, dài, khi non có lông ngắn. Lá đơn nguyên, mọc đối, màu xanh đậm. Cụm hoa mọc dày đặc trên các nách lá ở về phía gần dưới ngọn cành, thường xếp từng đôi một. Hoa lúc mới nở màu trắng sau chuyển dần sang màu vàng nâu và có hương thơm nhẹ. Hoa có dáng đẹp dạng ống, hơi cong và chia 2 môi, không đều, môi trên có 4 thùy, môi dưới chỉ có 1 thùy và lật ra. Quả mọng, có nhiều hạt (Hình 27)



H.27. Kim ngân hoa –
Lonicera japonica Thunb.

Cây cho hoa nở gần như quanh năm ở các tỉnh miền núi ở phía Nam và vào mùa hè (tháng 4 - 5) ở các tỉnh phía Bắc.

Cây trồng không kén đất, có thể chịu được khô hạn và trái nắng và thường được gây trồng bằng giâm cành. Ở phía Bắc, nhân giống vào mùa xuân, chọn cành bánh tẻ dài 15 cm, sau 10 ngày, cành giâm

nảy mầm và sau 3 tháng có thể đem trồng nơi giàn leo. Sau 1 năm cây đã nở hoa.

Hiện nay, trên thế giới loài Kim ngân hoa được các nhà làm vườn tạo ra nhiều chủng đẹp như :

I.63.a. Cây Kim ngân gân vàng

Lonicera japonica Thunb. var. *aureo - reticulata* Nichols,

Lá có gân màu vàng bóng.

I.63.b. Cây Kim ngân hoa tàu.

Lonicera japonica Thunb. var. *chinensis* Bak.

Lá có mép khía răng cưa, mặt phiến gần như nhẵn.

I.63.c. Cây Kim ngân hoa trắng

Lonicera japonica Thunb. var. *halliana* Nichols

Cây có hoa màu trắng, nổi gân vàng.

I.64. CÂY LẠC TIỀN CẢNH (Trùm bao trứng, Dây chanh mỹ)

**Purple Passion fruit; Passion flower; Purple granadilla;
Granadille, Pome liane, Passiflore à fruit doux**

***Passiflora edulis* Sims. (*P. incarnata* L. var. *edulis* Hook.)**

Họ Lạc tiên (Passifloraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Brazil) hiện được nhiều nước trên thế giới gây trồng vừa làm cây leo cho hoa đẹp, vừa cho quả ăn được.

Cây leo, cành nhánh nhiều. Lá chia 3 thùy, nhẵn, mép lá khía răng. Cuống lá có 2 tuyến ở phía trên. Tụ cuốn đơn.

Hoa màu trắng hồng, lớn mọc xòe rộng. Hoa thơm (Hình 28).



*H.28. Lạc tiên cảnh -
Passiflora edulis Sims.*

Quả lớn bằng quả trứng gà, màu tím khi chín. Hạt có cơm màu vàng cam, vị chua, mùi thơm mát, dịu.

Cây mọc khỏe, cành dài và lá rộng nên làm cây che bóng ở giàn rất thích hợp. Cây chủ yếu được gây trồng ở các tỉnh miền Bắc và vùng núi cao miền Trung vì cây ưa khí hậu mát ẩm và đất tốt, và được gây trồng bằng hạt.

I.65. LÂM NHUNG

Janoetes, shower orchid

Congea tometosa Roxb. var. *subvestita* Munir.

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Đông nam châu Á và được gây trồng rất rộng rãi làm cảnh, giàn leo ở các tỉnh miền Trung (Nam Trung Bộ).

Cây leo, thân gỗ mập, cành nhánh dài, phủ lông vàng. Lá đơn, mọc đối, nhẵn ở mặt trên, phủ lông vàng ở mặt dưới. Chùm hoa dài trên cuống chung thẳng cứng và tập trung rất nhiều chùm ở nách lá làm cho đầu cành dày đặc hoa. Hoa có tổng bao do 3 - 4 lá bắc giống cánh dài có lông. Hoa nhỏ trung bình. Cánh tràng hợp hình ống trên chia 2 môi. Hoa màu hồng tím nhạt, cánh hoa dễ rụng, nhưng lá bắc còn lại khá lâu. Quả cứng, nhỏ, khô.

Cây có dạng đặc sắc, mọc khỏe, leo dài và chùm hoa lớn, đẹp, nên được ưa chuộng gây trồng làm hàng rào, giàn leo. Cây chủ yếu được gây trồng bằng hạt, gieo hạt ở vườn ươm, sau khi cây cao 20 cm thì bứng bầu đem trồng ở chân giậu.

I.66. CÂY LÂM NHUNG ÁO

Congea pedicellata Munir (*Congea vestita* Griff.)

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, được gây trồng làm ở các giàn leo lớn nơi công viên. Cây leo thân gỗ, phân cành nhánh dài sống dựa. Lá đơn mọc đối, dạng thuôn bầu dục dài. Cụm hoa lớn ở đầu cành, mang nhiều hoa xếp hoa thị, nhỏ, màu tím, dạng ống dài cong, trên chia 2 môi, nhị thò ra ngoài. Lá bắc tổng bao xếp

thành hình sao, lớn, dày nguyên hay hơi có thùy ở đỉnh, rất bền làm cho tán cây luôn sặc sỡ. (Ảnh 18).

Cây trồng bằng giâm cành, mọc khỏe, ưa sáng, và chịu được khô, nóng.

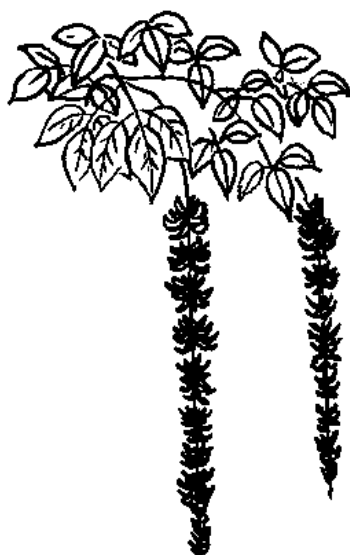
I.67. CÂY MÓNG CỌP XANH (Vuốt cọt)

Jade wine, Philippine jade vine.

Strongylodon macrobitrys L.

Họ đậu (Fabaceae)

Cây có nguồn gốc từ Philippine (châu Á) được gây trồng làm cảnh ở Đà Lạt (Lâm Đồng). Cây leo thân gỗ, cuốn bằng thân, cành dài. Lá mọc cách có 3 lá nhỏ dạng bầu dục nhọn, gốc tròn, mép nguyên. Cụm hoa rất lớn và mang hoa dày đặc buông thõng. Hoa màu xanh có cánh cờ gần tròn lật ra sau và hai cánh dưới hẹp hợp lại, cong như móng cọt. Hoa có lá bắc lớn ở gốc. Quả ít thấy, thuôn dài mỏng, màu xanh xám nhạt, khi mở xoắn lại. Hạt tròn dẹt. Cây còn ít thấy rộng rãi, hiện nay có nhân giống bằng cách giâm các đoạn cành. Cụm hoa đẹp, hấp dẫn, có thể làm cây cảnh rộng rãi được. (Hình 29).



H.29. Móng cọt xanh –
Strongylodon macrobitrys

I.68. CÂY MƠ TAM THỂ

Stink vine, Chinese Fever Plant.

Paederia tomentosa Bl. (*P. sacandens* (Lour.) Merr. var. *tomentosa* (Bl.) Hand.-Mazz.)

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây mọc hoang dại nơi bờ bụi, bãi hoang, trái nắng và được gây trồng chủ yếu lấy lá làm thuốc. Tuy nhiên vì cây có dáng lá đặc sắc, cụm hoa tuy nhỏ nhưng có màu hấp dẫn, lại có tác dụng che bóng cho

giàn cây nên được nhân dân ta gây trồng nhiều làm cây hàng rào, làm cảnh.

Cây leo bằng thân cuốn, cành nhánh dài, mềm. Lá mọc đối dạng thuôn dài đầu nhọn, gốc tròn hay hình tim, dày, mềm, màu xanh tối hay pha đỏ, tím loang lổ, thường có lông mềm. Cụm hoa ở nách lá hay đầu cành. Hoa nhỏ màu tím nhạt có khi pha thêm vàng ở gốc và đỏ ở mép, ngoài có lông. Quả hình cầu có dài còn lại. (Hình 30)



H.30. Mơ tam thể – *Paederia tomentosa* Bl.

Cây dễ trồng bằng cách giâm các đoạn cành. Cây mọc khỏe, leo cao, cho lá xanh quanh năm, nhân dân vùng nông thôn rất ưa chuộng.

1.69. CÂY NẮP ẤM

Pitcher plant

Nepenthes mirabilis (Lour.) Druce

Họ Nắp ấm (Nepenthaceae)

Cây mọc nơi sinh lầy, ẩm ướt, ven khe các đụn cát dọc vùng biển nước ta. Thân thảo leo dài. Lá thuôn dài, dày, dai, gân giữa kéo dài thành tua cuối tận cùng bằng 1 bình hình trụ có nắp và có cánh dọc theo thân bình, màu xám nâu hồng có đốm đỏ. Cụm hoa chùm dày ở đỉnh. Quả nang thuôn dài.

Các nhà vườn thường nhập các loài lai của Thái Lan, điển hình là *Nepenthes* x *Coccinea* (lai từ *Distillatoria* x *Mirabilis*) và *Nepenthes distillatoria* L., gốc từ Srilanka.

I.70. CÂY NGỌC NỮ (Rồng nhả ngọc, Lồng đèn)

Clerodendrum, Peragut de Thomson, Glory Bower, Bleeding heart bag flower

***Clerodendron thomsonae* Balf. (*Cl. balfouri* Hort.)**

Họ Cỏ roi ngựa (*Verbenaceae*)

Cây có nguồn gốc từ các nước ở bờ biển phía Tây châu Phi (Ghi nê, Nigêria, Congo...) và được gây trồng rộng rãi ở khắp nước ta làm cây cảnh.

Cây leo, cao khoảng 2 - 5 m, cành non có 4 cạnh và phủ lông mịn, cành dài mềm và vươn cao. Lá nguyên, mọc đối, hình trứng rộng, gốc lá hình tim hay thuôn, đầu nhọn, mặt trên phiến phủ lông mịn.

Hoa hợp lại thành xim ở nách lá phía gần đầu cành. Gốc hoa có lá bắc dạng lá, có lông. Cánh dài phồng lên dạng màng trắng hoặc xám, phía gốc hợp lại thành ống ngắn. Cánh tràng màu đỏ sẫm hợp lại thành ống dài, trên chia 5 thùy hình trái xoan. Nhị 4 chiếc, dài, thò ra ngoài. (Ảnh 19).

Cây cho hoa màu sắc đẹp lại nở gần như quanh năm (ở các tỉnh phía Nam) và tập trung vào mùa thu (ở các tỉnh phía Bắc). Cây dễ trồng bằng hạt hay các đoạn cành, thường dùng làm cây trang trí ở vườn hoa, công viên hay leo ở bờ tường.

Ở các tỉnh phía Nam, nhân dân ta còn gây trồng phổ biến một số chủng có hoa đẹp khác như sau :

I.70.a. Cây Ngọc nữ đỏ

***Clerodendron thomsonae* Balf. var. *balfourianum* Hort.**

(*C. balfouri* Hort., *C. magnificum* Hort.)

Hoa có cánh tràng màu đỏ nằm trong cánh dài màu trắng.

I.70.b. Cây Ngọc nữ hồng

***Clerodendron thomsonae* Balf. var. *delectum* Hort.**

(*C. delectum* Hort., *C. delicatum* Hort.)

Loại cho hoa đẹp nhất. Hoa có cánh tràng màu hồng ở trong cánh dài màu trắng.

Ngoài ra, các nhà làm vườn còn tạo ra Taxon lai giữa hai loài : *Clerodendron thomsonae* Balf. với *Clerodendron splendens* G. Don.

(cũng là một loài dây leo) để cho ra loài *Clerodendron speciosum* Hort., với hoa có cánh tràng màu đỏ sẫm trong cánh đài nhỏ bé hơi gầy khúc, màu hồng với các vạch màu đỏ. Loài này rất có giá trị trên thị trường.

I.71. CÂY NGÓT NGOẼO (Huệ lồng đèn)

Climbing Lily, Cloriosa Lily, Gloriosa superba

Gloriosa superba L.

(*G. simplex* Don.; *Methonica superba* Lamk.)

Họ Ngót ngoẻo (Melanthiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á và châu Phi nhiệt đới.

Cây mọc hoang dại vùng đồi núi ven biển miền Trung nước ta và được gây trồng rất rộng rãi làm cây thuốc và làm cảnh.

Cây sống lâu năm do có thân rễ phình lên thành củ nạc mọc tập trung thành bụi dày, thân vươn dài, quấn hay bò trên các cây khác. Thân mềm, nhẵn bóng. Lá mọc cách, mọc đối hay mọc vòng, phiến lá gần như sát với cành và ở đỉnh kéo dài thành tua cuốn giúp cây vươn lên cao.

Hoa mọc đơn độc hay xếp sát nhau thành ngù giả ở ngọn cành. Hoa lớn, đẹp, rất hấp dẫn vì có dạng kỳ lạ. Bao hoa có 6 mảnh lớn trải rộng, hơi có cựa (khi nở có thể cong lại về phía cuống hoa để lộ toàn bộ phần nhị, nhụy), hình giải, mép nhăn reo lượn sóng màu đỏ rất đẹp ở hai phần ba phía đỉnh, còn phần dưới có màu vàng tươi. Màu sắc chuyển tiếp dần và rất hài hòa. Nhị 6 chiếc, có chỉ nhị rất to, dài, bao phấn màu vàng tươi, dính lưng và lắc lư rất duyên dáng. Quả nang mở 3 mảnh, thuận dài, nhiều hạt, khi chín màu đỏ tươi.

Hoa nở rải rác gần như quanh năm, thường tập trung vào mùa hè và mùa thu (Ảnh 20).

Cây thường được trồng bằng thân rễ (gọi là củ nạc) hay hạt. Cây trồng khá phức tạp vì dễ héo chết. Cần bảo quản rễ mềm cho tốt và làm giàn che lúc còn non.

Hiện nay các nhà vườn còn tạo một chủng :

I.71.a. *Gloriosa superba* Linn. var. *grandiflora* Hort. cho hoa lớn màu tươi, đậm hơn.

I.72. CÂY NHÀI (Lài)

Arabian Jasmine, Jasmine

Jasminum sambac (L.) Ait.

Họ Nhài (Oleaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ. Cây bụi, nhỡ, nửa thẳng đứng, nửa mọc bò dài. Cành non mảnh có lông mềm. Lá đơn nguyên mọc cách, màu xanh bóng cả ở 2 mặt, ở phần lá hơi gợn sóng, mềm.

Cụm hoa ở ngọn có ít hoa. Hoa lớn trung bình, màu trắng, thơm ngát. Cánh dài hợp hình ống dài có lông, trên chia 10 thùy hình dải. Cánh tràng dày hợp ở gốc trên chia 10 thùy hình bầu dục. Quả màu đen có đài bao bọc ở ngoài.

Cây được gây trồng rất rộng rãi ở nông thôn cũng như các thành phố lớn để làm cảnh, cho hoa thơm ướp chè, làm thuốc.

Cây trồng uốn lại thành các bụi dày làm cảnh, ít khi để bò dài làm cây leo, thường trồng làm bờ rào, lùm bụi hay bờ tường.

I.73. CÂY NHÀI LEO (Lài nhiều hoa)

Snowy jasmine star jasmine

Jasminum multiflorum (Burm.) Andr.

Họ Nhài (Oleaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Hoa và Bắc Ấn Độ, Mianma, hiện nay được gây trồng ở nước ta, từ Bắc vào Nam.

Cây bụi, có cành nhánh dài bò ngang, sống dựa. Cành non có lông dày. Lá có lông ở cả hai mặt, màu xanh bóng, mỏng, cuống lá ngắn. Cụm hoa mọc ở nách lá, hay đầu cành mang nhiều hoa, xếp dày đặc. Hoa màu trắng bóng, đẹp và thơm, lâu tàn.

Cây được gây trồng rộng rãi làm cảnh, vì có hoa đẹp, thơm có thể trồng bằng cách chiết cành hay giâm các đoạn cành bánh tẻ, cành giâm chổng nẩy mầm dài và vươn cao, thường được trồng làm hàng rào hay uốn trên giàn.

I.74. CÂY NHÀI VÀNG (Chè vàng, Dây cẩm văn)

Jasminum subtriplinerve Blume

Họ Nhài (Oleaceae)

Cây mọc hoang dại rất phổ biến ở nước ta, từ Bắc vào Nam. Cây nhỏ, mọc bụi hay cành nhánh dài mềm, sống dựa, do đó vừa làm cây hàng rào vừa làm giàn leo. Thân cây cứng chia thành đốt và phân nhiều cành nhánh. Lá mọc đối thuôn kéo dài thành mũi ở đỉnh và hơi tròn ở gốc. Cụm hoa ở đầu cành mang 7 - 9 hoa xếp dạng xim. Hoa màu trắng, đẹp, có cánh dài mềm kéo dài màu hồng nâu. Quả hình cầu khi chín màu vàng, có đài còn lại ở gốc (Hình 31).



H.31. Nhài vàng - *Jasminum subtriplinerve* Bl.

Cây dễ trồng bằng giâm cành. Cắt các đoạn thân, cành dài 15 - 20 cm, cắm nơi đất ẩm ngay chỗ làm hàng rào, sau 1 tháng sẽ cho chồi và đã có rễ.

I.75. CÂY NHO

Grapes, Grape- vine, Vigne

Vitis vinifera L.

Họ Nho (Vitaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Trung Cận Đông (châu Á) và vùng ôn đới khô ẩm châu Âu, nơi khí hậu mát và khô, ít mưa, nhiều nắng, nhiệt độ mùa thu không quá thấp.

Cây trồng chủ yếu lấy quả ăn, nhưng ở các thành phố vẫn có tập quán trồng cây làm cây che bóng giàn leo giống như cây cảnh, mặc dù cho ít quả và chua. Cây leo bằng cành có tua cuốn. Gốc hóa gỗ bong mủ. Lá mọc cách, dạng chân vịt chia 5 - 7 thùy và khía

răng không đều ở mép. Cụm hoa dạng chùm xim hai ngã. Hoa đều. Quả mọng hình trứng, có 4 hạt.

Hiện nay ở Việt Nam gây trồng Nho có 2 xuất xứ cơ bản :

- Các tỉnh phía Bắc hoặc miền núi, trồng Nho có gốc ở các nước Tây Âu : *Vitis vinifera occidentalis* đòi hỏi nhiều rét, độ ẩm cao.

- Ngược lại gần đây có dẫn giống loại Nho chịu được nóng khô, có nguồn gốc từ các nước Phương đông : *Vitis vinifera orientalis*, chỉ gây trồng nhiều ở các tỉnh miền Trung (Phan Rang, Phan Thiết...) cho quả ăn thơm ngon, ngọt. Trong sản xuất lấy quả ăn, vùng Phan Rang có nhiều chủng như :

I.75.a. *Nho đen nhỏ* : *Vitis vinifera* L. form. *auden*, quả tuy nhỏ, thơm, ngọt.

I.75.b. *Nho đen lớn* : *Vitis vinifera* L. form. *ribber*, quả rất lớn, đẹp, thơm ngọt trung bình.

I.75.c. *Nho đỏ* : *Vitis vinifera* L. form. *cardinal*. Quả màu tím đỏ đẹp, thơm ngọt, trồng phổ biến nhất.

I.75.d. *Nho trắng* : *Vitis vinifera* L. form. *malaga*. Quả màu nhạt, ngọt thơm, vỏ mỏng.

I.76. CÂY NHÓT (Hồ đào tử)

Elaeagnus latifolia L.

Họ Nhót (Elaeagnaceae)

Cây mọc hoang dại ở các rừng thưa miền Bắc nước ta, và thường được gây trồng làm cây hàng rào, lấy quả ăn và làm thuốc.

Cây nhỡ, phân cành nhánh rất nhiều từ gốc. Cành dài mềm, sống dựa, đôi khi có gai, nên làm hàng rào tốt. Lá mọc cách, màu xanh bóng ở mặt trên, màu trắng bạc, có nhiều lông mịn ở mặt dưới. Cụm hoa ngắn, mang hoa nhỏ bé. Quả màu đỏ dạng thuôn đều, dài, mặt ngoài nhẵn bóng, có nhiều lông trắng hình sao.

Cây mọc rất phổ biến ở nông thôn miền Bắc Việt Nam, có thể gây trồng dễ dàng bằng ương hạt hay chiết cành.

Cây có thể vừa làm hàng rào, vừa làm cảnh bằng quả chín mọng.

1.77. CÂY RÂU ÔNG LÃO (Dây vàng sán)

***Clematis umbellifera* Gagnep.**

Họ Mao lương (Ranunculaceae)

Cây mọc hoang dại ở các tỉnh miền Bắc Việt Nam. Cây sống dựa, leo dài, cành non dài, có lông trắng. Lá kép có 9 - 15 lá phụ, nguyên, có lông trắng. Cụm hoa lớn mọc ra từ nách lá, dạng tán đơn hay kép. Hoa nhỏ, quả có chùm lông dài.

Cây có dáng kỳ lạ, cụm hoa khi chín có dáng đặc sắc, nên thường được gây trồng làm cây hàng rào ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta.

1.78. CÂY RUỐI (Duối nhám)

***Streblus asper* Lour.**

Họ Dâu tằm (Moraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, được trồng làm hàng rào và sử dụng làm cây uốn thế tốt, vì mọc khỏe dễ uốn tía và dáng đẹp. Cây bụi, cao khoảng 5 - 10 m, thân sần sùi, cong queo, nhiều u lồi và vỏ dày, cành dài, sù sì và mọc khỏe, nhiều. Tán lá dày, có mủ trắng. Lá đơn mọc cách; nhám, hình trái xoan dài, đầu tù, gốc hẹp dần, mép gợn sóng có răng cưa màu xanh đậm, gân nổi rõ ở mặt dưới. Cuống có lông. Cụm hoa ở nách lá. Cụm hoa đực hình đầu, gốc lá bắc mang 10 - 12 hoa xếp sát nhau, cánh dài 4 màu xanh, 4 nhị, chỉ nhị cong vào trong nụ, xếp đối diện cánh dài. Hoa cái mọc đơn độc trên cuống dài, lá bắc rộng dính ngay dưới cánh dài. Cánh dài 4 thùy bao kín bầu non. Bầu nhụy có 2 vòi dính nhau ở gốc, trên rời, 1 noãn. Quả nạc, màu vàng trong dài còn lại.

Mùa hoa từ tháng 1 - 3.

Cây dễ trồng bằng hạt hay giâm cành.

1.79. CÂY RUỐI Ô RÔ (Ô rô núi)

***Streblus ilicifolia* (Kurz.) Corn. (*Taxotrophis ilicifolia* (Kurz.) Vidal)**

Họ Dâu tằm (Moraceae)

Cây gỗ nhỏ, cao 2 - 8 m, phân cành thấp, dạng bụi. Gốc thân sù

sì và vỏ dày cứng. Cành non mềm, ngắn, có gai to. Lá hình bầu dục, hay hình giáo thuôn, nhọn cả hai đầu, có 1 - 3 gai, phiến màu xanh đậm, bóng nhẵn, mép khía răng sâu, nhọn.

Cụm hoa đơn tính. Cụm hoa đực dạng bông dày, lá bắc xếp 2 dãy. Hoa nhỏ có 3 - 5 cánh dài. Nhị 3 - 5, xếp đối diện cách dài, bao phấn gần vuông. Cụm hoa cái ở nách lá, không cuống, xếp 2 - 3 hoa một chỗ. Cánh dài 3 - 4 tròn, làm thành chén bao lấy bầu. Bầu có 2 vòi. Quả chín có dài bao bọc ở ngoài.

Mùa hoa tháng 1' - 4.

Cây mọc rộng rãi ở rừng núi đá, mọc khỏe, dễ trồng, dễ chăm sóc và uốn nắn dễ dàng, do đó thường được thu hái hay cắt giâm cành làm cây uốn thế, cây cảnh lùn trồng ở chậu. Cây có lá xanh quanh năm và dáng đẹp.

I.80. CÂY SÀN SÁT

Humulus japonicus Sieb. et Zucc.

(*H. scandens* (Lour.) Merr.)

Họ Gai mèo (Cannabaceae)

Cây mọc hoang dại nơi bờ rào, bụi rậm, ven đường, các bãi cỏ trải nắng.

Cây leo sống dai, phân cành nhánh nhiều, có thể dài tới 6 - 8 m. Lá và cành ken kín bờ tường rào, nên được ưa chuộng. Lá mọc đối ở gốc, mọc cách ở trên, cuống lá và cành đều ráp, khô, mảnh. Phiến lá chia thùy chân vịt, màu xanh xám. Cụm hoa đực hình chùy, cụm hoa cái dạng xim, gần hình cầu. Hoa không cuống, có lá bắc giống như đài. Quả bế màu vàng nhạt.

Cây không đẹp nhưng mọc phổ biến, dễ gây trồng bằng hạt. Để làm cảnh, các nhà vườn thường trồng chủng :

- *Humulus japonicus* Sieb. et Zucc. var. *variegatus* Hort., cây cho lá có viền và vạch trắng.

I.81. CÂY TÂM XUÂN

Rosier grim pant; Rambler rose; Climber rose

Rosa multiflora Thunb. (*R. polyantha* Sieb., *R. thyrsoiflora* Leroy, *R. intermedia* Carr., *R. wichurae* Koch.)

Họ Hoa hồng

(Rosaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á vùng núi phía Bắc. Ở Việt Nam cây mọc chủ yếu ở các tỉnh miền Bắc, vùng núi Nam Trung bộ và được gây trồng làm cảnh, làm hàng rào từ lâu đời.

Cây thân gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều, màu xanh bóng, mềm, sống dựa hay leo dài nhờ gai. Lá kép lông chim một lần, có 5 - 7 lá phụ trên cuống chung cũng có gai, lá màu xanh đậm, nhẵn, mép khía răng cưa đều và nhỏ.



H.32. Tâm xuân -
Rosa multiflora Thunb.

Cụm hoa ở đầu cành, mang hoa thưa, lớn, làm thành một chùm hẹp. Hoa màu hồng, hơi trắng hay hồng đậm. Cánh tràng nhiều, mỏng, mềm, xếp nhiều vòng, dễ nát. (Hình 32)

Cây mọc khỏe, bò hay leo dài, nở hoa gần như quanh năm. Muốn có hàng rào đẹp thường phải xén hàng năm vì cành vươn dài mềm. Cây được gây trồng dễ dàng bởi giâm cành, hay chiết. Chọn các cành bánh tẻ, cắt dài 20 - 30 cm, cắm vào nơi đất ẩm, tươi mát vào đầu mùa mưa (các tỉnh vùng núi phía Nam) hay đầu xuân (các tỉnh phía Bắc). Cành chóng nảy chồi cho rễ mới. Vì cây có nhiều gai, nhọn; cành lại mọc dày nên làm cây hàng rào vừa chắc chắn lại làm cảnh cho hoa đẹp, có thể uốn lại, ken chặt thành cổng ở các lối đi hay biệt thự.

Loài trồng phổ biến ở các tỉnh phía Bắc có lẽ là: *Rosa tunquimensis* Crépin.

I.82. CÂY THANH QUAN (Dâm xanh, Chuối ngọc, Rìa xanh)

Golden Dewdrop; *Duranta*, Brazilian sky flower

***Duranta erecta* L. (*D. repens* L.; *D. plumieri* Jacq.)**

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô (châu Mỹ nhiệt đới) và được gây trồng rộng rãi ở khắp nước ta làm cây cảnh và cây hàng rào.

Cây bụi cao khoảng 1 - 3 m, cành non vươn dài, cong lại, lúc non có lông, sau nhẵn. Lá có hình dạng thay đổi, mép nguyên hay có răng cưa nông ở phía đầu lá. Hoa tập trung ở đầu cành, làm thành chùm dài có nhiều bông mang hoa xếp thưa. Hoa có kích thước trung bình màu tím lam, nhạt. Quả hạch màu vàng, 8 ô, mỗi ô một hạt (Ảnh 21), lâu rụng nên vừa làm cảnh bằng hoa, vừa bằng quả.

Cây ra hoa gần như quanh năm (ở các tỉnh miền Nam) và tập trung vào mùa hạ (các tỉnh phía Bắc). Cây có dáng đẹp và hoa nở đều nên rất được ưa chuộng gây trồng làm hàng rào hay trồng ở chậu làm cây cảnh có dáng cành vươn dài và buông xuống. Cây được gây trồng bằng hạt hay các đoạn cành bánh tẻ. Cây mọc khỏe dễ trồng và sớm có hoa.

Chúng làm cảnh đẹp hơn cả là :

I.82.a. *Duranta erecta* L. var. *variegata* Hort. Lá màu xanh có viền mép và đốm trắng ngà.

I.83. CÂY THANH QUAN TRẮNG (Bông rìa trắng)

***Duranta ellisa* Jacq.**

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây mọc thành bụi lớn, dày, cành non mềm dài, nên cũng được gây trồng làm cây hàng rào và làm cảnh. Cây cho hoa nở đều quanh năm và màu trắng. Quả màu vàng bóng, lâu rụng.

1.84. CÂY THANH TÁO (Thuốc trặc)

Camantine; Logwood; Guérit petit- colique

Gendarussa vulgaris Nees (*Justicia gendarussa* L.)

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây mọc bụi nhỏ, chỉ cao khoảng 1 - 2 m, phân cành nhiều từ gốc, màu xanh hay tía, nhẵn, gần như thành các đốt. Lá mọc đối, cuống ngắn, dạng phiến thuôn dài màu xanh đậm hay tía, mép nguyên. Hoa tập trung ở đầu cành. Hoa có dạng ống dài hơi cong, trên chia 2 môi mở rộng, dễ rụng. Quả nang. Cây cho hoa nở vào mùa hạ, và mùa hoa ngắn.

Cây được gây trồng rất phổ biến ở các tỉnh miền Bắc làm cây hàng rào hay viền các bồn hoa, vì dễ xén đều và phẳng. Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng các đoạn cành, vào mùa xuân hay đầu mùa mưa, cắt đoạn cành dài khoảng 15 cm đem cắm ngay ở chỗ trồng cố định (bờ rào hay ven bồn hoa) chỉ sau vài ngày cành đã nảy mầm cho lá mới và cho rễ non.

Ngoài công dụng làm cảnh, cây còn làm thuốc.



H.33. Thường sơn - *Dichroa febrifuga* Lour.

1.85. CÂY THƯỜNG SƠN

Dichroa febrifuga Lour. (*Adamia versicolor* Fortune)

Họ Thường sơn (Saxifragaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng núi Himalaya kéo dài qua Trung Quốc xuống Malaysia, và mọc dại rất phổ biến ở vùng Trung du miền Bắc, và vùng núi cao Nam Trung bộ nước ta.

Cây nhỏ, cao 1 - 2 m, thân nhẵn, hình trụ, màu tím và phân cành nhánh dài từ gốc. Lá mọc đối, có cuống do mép lá kéo dài,

màu xanh bóng đậm hay màu tím, nhẵn, mép khía răng cưa. Cụm hoa chùy ở đầu cành, mang hoa xếp sát nhau dày đặc, màu xanh hay màu hồng đậm. Quả mọng màu xanh, nhiều hạt. (Hình 33)

Cây được gây trồng làm cây hàng rào ở các tỉnh miền núi, vì mọc khỏe, cành nhiều mọc rậm, dày và dễ cắt xén. Ngoài ra cây còn làm thuốc.

I.86. CÂY THƯỢNG CÁN (Ráy leo lá lớn)

Epipremnum giganteum Schott. in Bonpl.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Malaysia. Dây leo mập, lớn hình trụ, có thể leo cao tới 30 m. Lá dày thuôn hay thuôn dài, gốc hình tim, đầu nhọn ngắn, mép lá song song, kích thước lớn, cuống lá phình rộng ở gốc thành bẹ. Mặt lá xanh bóng, nhẵn, gân lá mảnh sát nhau nổi rõ. Cụm hoa là bông dài. Mo gần hình trụ hơi thuôn. Hoa không có bao hoa, có 4 nhị, chỉ nhị mảnh. Bầu 1 ô, không có vòi, đầu nhị thuôn.

Quả mọng, hạt hình thận (Hình 34)

Cây mọc hoang dại ở rừng ẩm nước ta, nhưng do có dáng đẹp, lá xanh tươi nên được gây trồng làm cảnh, leo bờ lên cây gỗ lớn trong vườn, nơi công viên hay bờ tường. Cây được nhân giống bằng các đoạn thân, cành có rễ. Cắt cành cắm trực tiếp trên đất ẩm, chôn cho rễ và chồi mới.



H.34. Thượng cán -
Epipremnum giganteum Schott.

I.87. CÂY THUỜNG CÁN MỸ RÁCH (Ráy cửa sổ)

Window-leaf

Monstera obliqua expilta (M. *leichtlinii*)

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng Amazôn (châu Mỹ). Cây mọc bụi nhỏ lá thuôn rộng màu xanh bóng đậm, cuống có bẹ dài. Phiến lá thủng tròn theo các gân bên, không đều nhau, rất đẹp (khác với loài *Monstera pertusa* có lỗ nhỏ và đều đặn hơn). Cụm hoa có mo nhỏ, cuống chung mập.

Cây mới nhập trồng ở các nhà vườn ở Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh.

I.88. CÂY THUỜNG CÁN MỸ XẺ

Ceriman, Mexican breadfruit.

Monstera deliciosa Liemb.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, Guatemala (châu Mỹ), trồng làm cảnh rất rộng rãi ở các tỉnh phía Nam nước ta. Cây mọc khỏe, leo dài, bám chặt vào giá đỡ bởi nhiều rễ trên các đốt. Lá lớn, rộng chia thùy lông chim không đều, màu xanh đậm bóng. Cụm hoa bông dày, mo trắng ở ngoài.

Cây chịu được bóng mát, làm cây trang trí rất thích hợp.

I.89. CÂY THUỜNG CÁN XẺ (Ráy leo lá xẻ, Ngót, Trầu trời lá lớn)

Tonga- creeper, *Epipremnum* beau, Mexican bread- fruit; Ceriman

Epipremnum pinnatum (L.) Schott..

(*E. mirabile* Schott.; *Scindapsus decursivus* Zoll.)



H.35. Thuờng Cán xẻ –
Epipremnum pinnatum Schott.

Họ Ráy (Araceae)

Cây leo, có nhiều rễ khí sinh. Thân hình trụ mập, bò dài ở vỏ cây gỗ hay trên vách tường. Lá lúc non thì nguyên hoặc xẻ ít thùy. Lá trưởng thành xẻ thùy lông chim sâu không đều nhau gốc lá hình tim, cuống lá khá dài có mép mỏng và có bẹ.

Cụm hoa là bông mo. Mo có màu lục ở mặt ngoài, màu vàng ở mặt trong, cuống hình trụ mập có nhiều sợi tơ do lá bắc bị rách. Bông hình trụ ngắn hay dài bằng mo. Hoa rất nhiều, lưỡng tính mọc sát nhau làm thành các ô đa giác. Quả mọng (Hình 35).

Cây mọc dại ở rừng miền Trung và Nam nước ta và được gây trồng rất rộng rãi làm cảnh nơi bờ tường, các công trình kiến trúc hay cho leo lên các cây gỗ lớn trong các công viên, vườn biệt thự.

Ngoài ra có thể khai thác một loài khác, mọc dại trong rừng làm cây trang trí cho sân vườn là :

I.90. THƯỢNG CÁN CUỐNG MẬP

Flask philodendron

Philodendron canifolium

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Guyan (châu Mỹ). Cây mọc bụi nhỏ, sống phụ hay bò dài trong đất. Lá thuôn nhọn ở đỉnh, dày, xanh bóng. Cuống mập hơi có rãnh, gân không rõ. Cây đẹp mọc cao lộ khỏi đất nên làm cây trang trí ở chậu thích hợp. Loại lai có phiến lá màu bạc, đẹp hơn là *Philodendron (hastatum × imbe Schott.) × Wendlandii*.

I.91. CÂY THƯỢNG CÁN ĐUÔI PHƯỢNG

***Raphidophora decursiva* (Roxb.) Schott.**

Cây leo lớn, lá xẻ thùy lông chim sâu gần đến gân giữa. Cụm hoa có mo màu vàng.

I.92. CÂY TIÊU DỘI (Tiêu long java)

Poivre long de java

***Piper retrofractum* Vahl.**

Họ Hồ tiêu (Piperaceae)

Cây leo bò sát giá thể do có nhiều rễ khí sinh mọc bám, nên thường gây trồng để phủ kín một mảng tường, hay một bờ rào kín. Thân mảnh, phân nhánh nhiều dày đặc, đầu vươn dài cao. Lá dạng

thuôn dài, đầu có mũi, gốc không cân xứng, tròn, màu xanh đậm, bóng, gân mảnh nổi rõ và có điểm nhiều đốm nhỏ màu xanh nhạt, pha xám. Lá xếp cách nhưng rất sát nhau.

Cụm hoa dạng bông ngắn, dày, đơn tính. Bông đực dài 5 cm, mang hoa xếp sát nhau. Bông cái dài 3 - 4 cm, rộng 1 cm, đều màu xanh pha đen mọc thẳng nổi rõ trên đám lá. Quả mọng, tròn.

Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng các đoạn cành có cả rễ, chọn các đoạn cành đã trưởng thành, giâm ở đất hay bỏ vào giá thể. Cây chóng cho chồi và rễ mới.

I.93. CÂY TIÊU LONG (Tiêu lốt)

Poivre long, Long - pepper, Poivre à queue

Piper longum L.

Họ Hồ tiêu (Piperaceae)

Cây mọc bò dài, do có rễ mọc vào giá thể. Lá dạng thuôn dài, mặt trên xanh bóng, mặt dưới có lông mịn, đầu lá thuôn dài, gốc lá tù hơi lệch, gân nổi rõ. Lá dày đặc trên cành nhánh dài.

Cụm hoa dạng bông mập. Bông đực dài 5 - 6 cm, mang hoa đực trần, dày đặc. Bông cái dài 1 - 2 cm, lúc non màu xanh đậm, khi chín thành quả đỏ.

Cây có dáng đẹp, dễ trồng, xanh quanh năm và lá dày nên được ưa chuộng trồng làm hàng rào nơi bờ tường hay ở vườn. Cây trồng bằng các đoạn cành có rễ, cắt các đoạn cành rồi giâm trên đất ẩm nơi chân tường ẩm và có nắng. Cây chóng nảy chồi và cho rễ mới.

I.94. CÂY TRÀ HÀNG RÀO

Thérier sauvage, Faux théier

Acalypha evrardii Gagn. (*A. fruticosa* Auct.)

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây mọc hoang dại nơi đồi hoang, đất trống, ven rừng, nhưng được gây trồng rất rộng rãi làm cây hàng rào từ Bắc vào Nam.

Cây gỗ nhỏ cao 1 - 4 m, phân cành nhánh nhiều và thường được xén tỉa theo các dạng hàng rào. Lá dạng hình trái lệch, dày, màu xanh đậm, bóng, mép khía răng cưa nhỏ, gân mảnh nổi rõ, xanh quanh năm. Cụm hoa dạng bông, dài 2 - 4 cm mọc ra ở nách lá, màu xanh nhạt. Gốc hoa có lá bắc lớn hình đĩa sâu mép có răng

trong mang hoa đục xếp vòng quanh một hoa cái ở giữa. Quả nang có 3 múi. Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng cách giâm các đoạn cành vào đầu mùa mưa hay mùa xuân (ở các tỉnh phía Bắc).

1.95. CÂY TRẦU KHÔNG

Betel- leaf; Betel pepper; Bétel, Poivrier bétel

Piper bettle L.

Họ Hồ tiêu (Piperaceae)

Cây có nguồn gốc ở vùng châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Malaysia) và được gây trồng rộng rãi làm cây lấy lá ăn trầu. Cây leo thấp, bò sát giá thể do có nhiều rễ mấu bám chặt, sống lâu năm. Lá có dạng khiên, thuôn bầu dục gần tròn, gốc hình tim, cuống dài. Phiến lá màu xanh bóng nhạt hay pha vàng. Cụm hoa dạng bông mậ, mọc đối diện với lá. Quả tròn.

Cây có giá trị làm thuốc, ăn trầu hơn làm cảnh, tuy nhiên cũng có tác dụng làm giàn leo. Gây trồng chủ yếu bằng giâm các đoạn cành bánh tẻ, có 1 - 2 chồi và có rễ phụ.

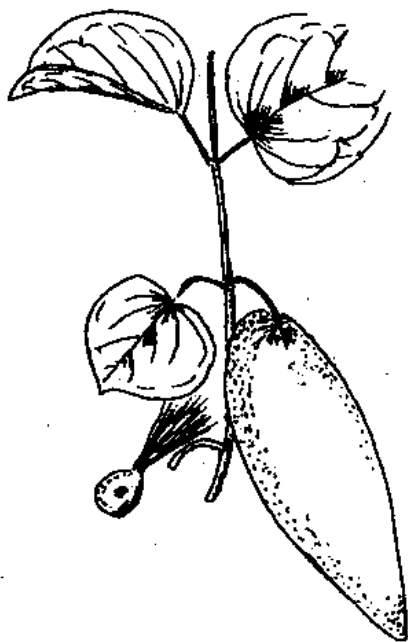
1.96. CÂY TRẦU TRỜI (Ráy leo)

Pothos scandens L.

Họ Ráy (Araceae)

Cây thân cỏ, leo dài, cành non hình trụ, có rãnh nhỏ. Lá rất đa dạng, ngay cả trên một cây, thường hình mũi mác, hoặc hình giải mũi mác, đầu thuôn nhọn, gốc tù, dạng hai phiến nối tiếp nhau. Cụm hoa ở nách lá, ngắn hơn cuống lá, vẩy rất bé. Mo bé. Trục cụm hoa hình trứng. Hoa lưỡng tính.

Cây mọc dại ở rừng nước ta, nhưng do dạng lá đẹp có thể gây trồng làm cảnh, để leo bám lên các cây gỗ lớn trong vườn hay công viên nơi bờ tường ẩm.



H.36. Cây Trâm hùng -
Raphistemma pulchellum Wall.

I.97. CÂY TRẦU TRỜI MỸ

***Philodendron scandens* Koch. et Sello ex. Koch et Bouché (*P. discolor* Hort.)**

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Costa - Rica (châu Mỹ). Cây leo với nhiều rễ khí sinh buông thõng theo thân. Lá hình tim rộng, đầu nhọn, mặt trên phiến lá như nhung, mặt dưới màu đỏ. Cụm hoa có cuống chung dày.

Cây trồng làm cảnh đẹp ở vườn hay trên quang treo. Gần đây còn nhập trồng cây Trầu trời mỹ xẻ - *Philodendron bipinnatifidum* Schott. Có nguồn gốc từ Brazil (châu Mỹ).

I.98. CÂY TRÂM HÙNG

Raphistemma elegant

***Raphistemma pulchellum* (Roxb.) Wall.**

(*Asclepias pulchella* Roxb.)

Họ Thiên lý (Asclepiadaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Mianma quần đảo Molluca) và mọc hoang dại rộng rãi ở các tỉnh miền Trung nước ta. Cây bụi lớn, cành vươn dài và leo cuốn khỏe, nhẵn. Lá đơn mọc đối, gốc hình tim rộng, thuôn dài nhọn đầu. Cuống lá mảnh, dài, có tuyến. Lá màu hồng nhạt khi còn non sau đó chuyển sang màu xanh đậm, bóng.

Cụm hoa mang 4 - 9 hoa. Hoa lớn, màu trắng hay vàng nhạt. Cánh tràng hợp lại thành ống có dạng chuông, trên chia 5 thùy dạng trái xoan bầu dục. Tràng phụ có 5 sợi dài.

Quả lớn, mọng. Hạt dẹt, có lông mào. (Hình 36)

Cây mọc khỏe, dễ gây trồng bằng cách giâm cành. Chọn các cành bánh tẻ dài từ 12 - 15 cm giâm nơi đất ẩm mát. Cây có thể chịu được khô, nóng khi trưởng thành.

I.99. CÂY TRẦU CỔ (Sung thần lùn, Vẩy ốc, Xộp)

Climbing fig; Creeping fig; Barbados ivy, Ivy like creeper;

Ficus à petites feuilles; Figurier stipulé

***Ficus pumila* L.**

(*Ficus repens* Hort.; *Ficus stipulata* Thunb. var. *repens* Hort.)

Họ Dâu tằm (Moraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á; từ Nhật, Trung Quốc xuống các nước Malaysia, Indonesia...

Cây có thân hóa gỗ cứng, lớn, cành nhánh bò leo, vươn dài bám vào vách tường, thân cây gỗ bằng rễ. Lá có hai loại, ở các nhánh tự do, lá lớn hình phiến, gốc hình tim, đầu thuôn dài, có cuống rõ rệt; còn ở các nhánh bò áp vào tường, lá nhỏ



H.37. Trâu cổ - *Ficus pumila* L.

bé, xếp sát nhau, không có cuống, gốc hình tim. Lá mọc dày đặc phủ kín cả giá thể. Các cành vươn dài mang quả phức (dạng sung) lớn, có cuống dài. Quả dạng thuôn lớn dần ở đỉnh, lúc non màu xanh trắng, sau chuyển sang màu đỏ nâu. (Hình 37). Cây rất dễ trồng bằng các đoạn cành có rễ phụ. Cắt các đoạn dài 10 - 20 cm, trồng trực tiếp nơi chân tường, bờ rào. Sau một năm đã che kín giàn.

I.99.a. Cây Trâu cổ nhỏ

Ficus pumila L. var. *minima* Hort. (*Ficus minima* Hort.)

Cây có dáng nhỏ bé, với lá xanh đậm rất nhỏ, có thể trồng nơi các tầng đá trong các chậu cảnh hay hòn non bộ, hoặc leo nơi bờ tường thấp ẩm làm cảnh.

I.100. CÂY TU HÚ ĐÔNG (Lỗi thọ leo, Găng tu hú)

Gmelina asiatica L. (*G. parviflora* Pers.)

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Ấn Độ, Srilanka, Đông Dương). Cây mọc hoang dại nơi đất trống, bãi hoang, nóng, khô nhưng vì mọc thành bụi rậm có gai cứng và hoa đẹp nên thường được gây trồng làm cây hàng rào. Cây gỗ phân cành nhánh dài từ gốc, cành non cong mềm, màu xanh trắng. Lá đơn nguyên hay có thùy mọc đối cùng với gai cong. Lá mềm màu xanh pha vàng, mặt dưới có lông và tuyến nhỏ.

Cụm hoa thưa ở ngọn cành, hoa to, mềm, màu vàng tươi, buông

thông xuống và mau rụng. Quả cứng màu vàng có đài còn lại ở gốc.

Cây rất dễ trồng, mọc khỏe, không kén chọn đất và mau lớn.

1.101. CÂY TU HÚ PHI

Snapdragon tree

***Gmelina philippinensis* Cham. (*G. hystrix* Sch.)**

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây gỗ cành nhánh dày đặc, mọc thẳng hay dựa vào giá thể. Cành có gai lớn nên được trồng làm cây hàng rào. Lá mọc đối đơn nguyên hay chia thùy, phiến lá xanh nhẵn bóng ở mặt trên, mặt dưới màu xanh mốc trắng. Cụm hoa cũng ở đầu cành, hoa xếp dày đặc do lá bắc lớn màu tím nhạt xếp lợp lên nhau. Hoa màu vàng lớn, dạng hình phễu lệch chia thùy ở đỉnh không đều. Quả cứng, tròn, dài, nhẵn và có đài còn lại ở gốc.

Cây ưa vùng đất khô nóng, chịu được loại đất xấu, do đó rất dễ trồng và mọc nhanh. Hiện nay cây được trồng để làm cây uốn thế, trồng trong chậu bày trong phòng.

1.102. CÂY TUYẾN NHA

Salmon yellow; *Odontadenia remarkable*

***Odontadenia macrantha* (Roem. et Sch.) Markgr.**

(*O. grandiflora* Miq.; *O. speciosa* Benth;

***Dipladenia harrisii* Purd.)**

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước thuộc Nam châu Mỹ, và hiện nay được gây trồng ở các tỉnh phía Nam Việt Nam để làm cảnh, làm hàng rào.

Cây bụi, phân cành nhánh dài leo cuốn, có nhựa mủ trắng. Lá đơn, mọc đối, dạng thuôn bầu dục, nhám, màu xanh bóng, đậm. Cụm hoa ở nách lá mang hoa lớn, dạng phễu thơm ngát. Gần họng phía trong từ màu vàng chuyển sang màu vàng cam và đỏ, không có phần phụ, cuống hoa màu đỏ. Quả gồm 2 đại, dài đến 20 cm, hạt có lông và mỏ.

Cây đẹp, hoa thơm lại dễ gây trồng nên được ưa chuộng. Cây có thể trồng bằng chiết hay giâm cành. Cành giâm là cành bánh tẻ, dài 15 - 20 cm. Chọn đất ẩm, mát, đầy đủ phân để giâm. Sau khi cành ra chồi và có rễ, bứng bầu đem trồng nơi cố định. Cành chiết trong vòng một năm đã có nhiều rễ, cắt rồi trồng.

II. NHÓM CÂY LÀM CẢNH BẰNG THÂN

II.A. NHÓM CÂY THÂN CỘT

II.A.1. CÂY BÚNG BĂNG (ĐOÁC)

Sugar Palm, Arbre au sagou

Arenga pinnata (Warmb.) Merr.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây mọc tự nhiên trong rừng ẩm thường xanh nước ta. Thân cột đơn độc, cao trên 10 m. Lá lớn dày, dạng lông chim, tập trung ở đỉnh, màu xanh mướt trắng. Cụm hoa lớn ở nách lá, buông rủ xuống. Hoa nhỏ màu tối (tím). Quả cứng.

Cây thường lấy ruột để cho đường hay cất rượu. Cây có dáng đẹp, đồ sộ trông làm cảnh ở các biệt thự được.

II.A.2. CÂY CAU

Areca nut; Betel nut palm;
Arequier

Areca catechu L.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Đông Nam châu Á (Srilanka, Malaysia, Đông Dương) thường được gây trồng để lấy quả ăn trầu nhưng do dáng cây đẹp, mọc cao nên có thể kết hợp gây trồng làm cảnh nơi vườn cây, sát bờ tường, hay dọc lối đi.

Cây có thân cột cao, mảnh, đường kính thân khoảng 20 cm, nhưng có thể cao trên 10 m. Thân



H.38. Cau – *Areca catechu* L.

có đốt cách nhau khoảng 10 cm. Gốc thân hơi phình rộng, mang nhiều rễ nổi. Đầu thân mang lá mọc dày đặc thành chùm. Lá có bẹ to, mang hai dãy lá nhỏ. Cụm hoa đơn tính cùng gốc. Mo ở bông mo sớm rụng. Trong cụm hoa, hoa đực màu trắng nhỏ, có mùi thơm. Hoa cái ở dưới, lớn hơn và màu xanh. Quả hạch hình trứng thuôn cả 2 đầu, lúc non màu lục bóng nhẵn sau già màu vàng. (Hình 38).

Hiện nay, cây Cau được các nhà làm vườn xử lý trở thành cây nhỏ thấp để trồng làm cảnh. Cây được trồng bằng quả (hạt). Chọn quả già, mập, ươm gieo ở vườn ươm hay ở bầu. Khi nảy mầm và cây lên cao trên 20 cm đem trồng nơi cố định.

II.A.3. CÂY CAU BỤNG (Cau trụ)

Royal Palm; Bottle palm;

Palmier royal

***Roystonea regia* O.F. Cook.**

(*Oreodoxa regia* H.B. et. K.;

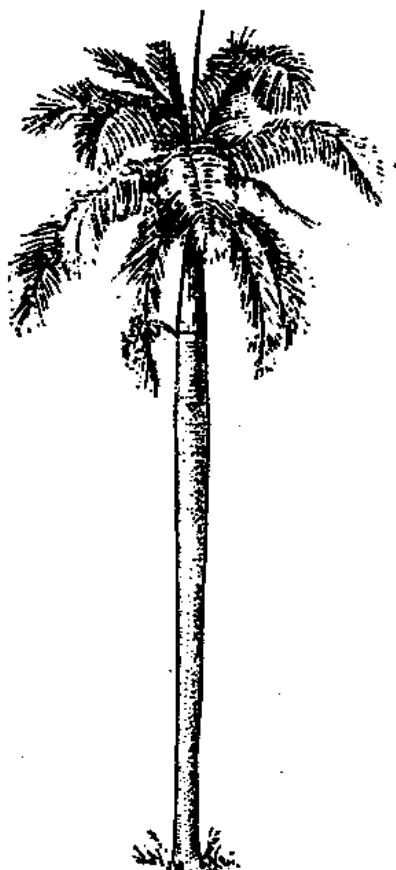
***Oenocarpus regius* Spreng.)**

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, Cuba (châu Mỹ), có dáng đẹp nên được gây trồng rộng rãi làm cây cảnh trong vườn các biệt thự, nơi công viên.

Cây có thân trụ đơn độc, sống lâu năm. Thân tròn dài, cao từ 7 - 20 m, phình lớn ở phần trên gần ngọn, có đốt không rõ, nhẵn. Lá mọc tập trung ở ngọn thân, dài 3 - 4 m, có bẹ rất lớn, dài, màu xanh, phiến lá chia thùy kép lông chim. Cụm hoa lớn mọc ra ở gốc các lá già. Bông mo dài trên 1 m, buồng rủ xuống và phân nhánh nhiều, nhẵn. Hoa đơn tính. Hoa đực màu trắng. Hoa cái rất nhỏ. Quả hình bầu dục, màu nâu đỏ, gốc có cánh dài còn lại (Hình 39).

Cây có dáng khỏe đẹp, điển



H.39. Cau bụng

Roystonea regia O. F. Cook

hình cho các loài cây cảnh nhiệt đới. Cây mọc chậm, gây trồng chủ yếu bằng quả (hạt) trong các vườn ươm, khi cây cao khoảng 1 m mới đem trồng cố định.

II.A.4. CÂY CAU BỤI

Archontophoenix d' Alexandre

***Archontophoenix alexandrae* Wendl. et Drude**

(*Ptychosperma alexandrae* F. V. Muell.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia, hiện đang được gây trồng rộng rãi ở nước ta để làm cảnh. Cây mọc thành bụi dày, cao khoảng 3 - 7 m dáng đẹp vì thân mảnh mai, nhẵn, hơi phình lớn dần ở gốc, có khía đốt, do sẹo lá để lại. Cây cao khoảng 10 m (thường làm nhỏ đi để trồng ở chậu). Lá mọc sát nhau, lúc non có màu hồng, dạng kép lông chim, với các lá phụ thuôn hẹp, mặt trên màu xanh bóng đậm, mặt dưới màu trắng nhạt. Cuống lá cứng, khỏe, mọc thẳng đứng, gốc có bẹ, nhẵn.

Cụm hoa ở nách lá rụng, phân nhánh thưa, dạng chùm bông. Quả chín màu đỏ (hiếm thấy). Cây có dáng đẹp, mọc dày đặc nên rất thích hợp làm cảnh cho các công viên, vườn hoa.

II.A.5. CÂY CAU CẢNH (Cau úc)

**Australian Feather palm, *Ptychosperma de macarthur*,
Murricane palm**

***Ptychosperma macarthurii* H. Wendl.**

(*Kentia macarthurii* Hort.; *Actinophleus macarthurii* Becc.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia, Tân Ghinê, được gây trồng rộng rãi, ở nước ta nhất là các tỉnh phía Nam làm cây cảnh ở chậu hay ở vườn hoa, công viên.

Cây mọc thành bụi thân mảnh có đốt, và cao khoảng 3 m. Lá kép lông chim, dài khoảng 1 m, mặt trên xanh bóng, mặt dưới xanh xám, các lá nhỏ rất nhiều, xếp sát nhau, dài khoảng 20 - 30 cm, đầu lá cắt xéo, có răng. Cụm hoa đơn tính mọc ra từ các đốt trên cùng, sát với tán lá, chùm nhỏ ít phân nhánh. Quả chín đỏ, dài 1 cm (Ảnh 22).

II.A.6. CÂY CAU CHUỘT (Cau bụi cảnh)

Pinanga paradoxa Scheff.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây mọc thành bụi thưa, thân mảnh mọc nghiêng, cao khoảng 1 - 2 m, có đốt đều đặn, màu xanh bóng có điểm các đốm màu nâu. Lá mọc tập trung ở ngọn, dài 30 - 50 cm có bẹ lớn khía rãnh. Phiến lá dạng kép lông chim, với 3 - 4 đôi lá phụ, cong hình lưỡi liềm, thuôn dài, nhọn đầu, đôi lá phụ ở đỉnh thường lớn hơn cả, dính lại với nhau và cong ra như đuôi chim én. Cụm hoa nhỏ bé, hoa thưa đơn tính. Quả thuôn màu đỏ, gốc có đài còn lại.

Cây mọc rộng rãi ở rừng nước ta cũng như ở các nước Đông nam châu Á khác. Do dáng cây đẹp, mọc khỏe, dễ trồng nên có thể làm cảnh ở trong chậu, trong các bãi cỏ nơi công viên hay trong vườn. Gây trồng dễ dàng bằng gieo hạt.

Có thể nhập để trồng một loài khác là :

II.A.7. CÂY CAU CHUỘT MÃ LẠI

Pinanga kuhlii Bl.

Cây có nguồn gốc ở Malaysia, mọc đơn độc, thân cột nhỏ mang các lá kép ở đỉnh.

II.A.8. CÂY CAU ĐỎ BÈ (Cau kiếng đỏ)

Sealing- wax Plam; Palmier rouge

Cyrtostachys lakka Becc.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo của Indonesia và được gây trồng phổ biến ở nước ta làm cây cảnh ở chậu hay trong vườn, trong công viên. Cây mọc thành bụi nhỏ, cao đến 10 m, thân dày mập mang đám lá ở đỉnh (thường cây chỉ cao 1 - 2 m đã có tán lá dày đặc). Lá dài đến 1,5 m dạng kép lông chim, bẹ lớn ôm lấy thân và màu đỏ tươi, cuống lá cũng màu đỏ. Cụm hoa buồng thông xuống lúc non màu xanh, sau màu đỏ. Quả cứng màu đen, gốc đỏ. Cây có dáng đẹp và đặc sắc nên được trồng làm cây cảnh (Ảnh 23). Gây trồng bằng hạt hay tách các chồi nhánh.

Ngoài ra, còn có thể trồng một loài khác là :



Ảnh 1: Ăngtigôn - *Antigonon leptopus* Hook. et Arn.



Ảnh 3: Bạc thau - *Argyreia nervosa* (Burm. f.) Boi



Ảnh 2: Ảnh hồng - *Pachyptera hymenaea* (DC.) Gentry



Ảnh 4: Bìm bìm - *Ipomoea cairica* (L.) Sw.



Ảnh 5: Bìm bìm biếc - *Ipomoea nil* (L.) Roth.



Ảnh 6: Bìm bìm trắng khói
Ipomoea carnea Jacq. subsp. *fistulosa* (Chois.) Austin



Ảnh 7: Bông xanh - *Petrea volubilis* Jacq



Ảnh 8: Búp - *Hibiscus rosa-sinensis* L.



Ảnh 9: Búp kén - *Malvaviscus arborescens* Cav.



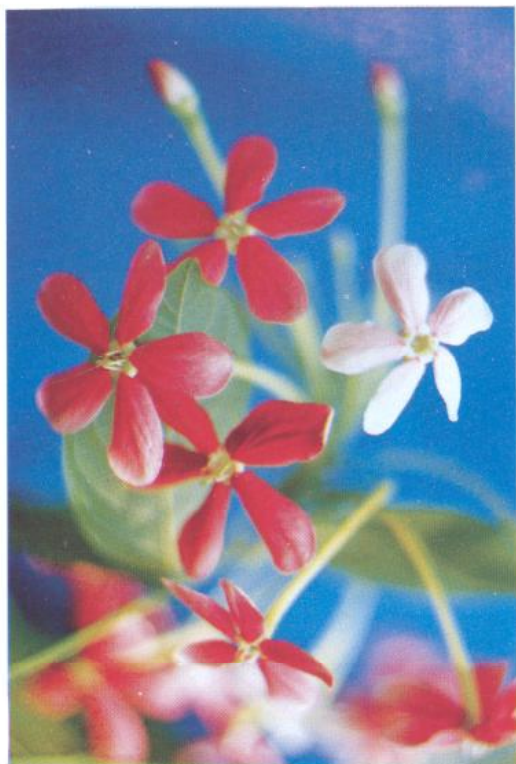
Ảnh 10: Búp Xi-ri - *Hibiscus syriacus* L.



Ảnh 11: Cát Đằng - *Thunbergia grandiflora* Roxb.



Ảnh 12: Chùm ớt - *Pyrostegia ignea* (Vahl.) Presl.



Ảnh 13: Dây giun - *Quisqualis indica* L.



Ảnh 14: Dây tóc tiên - *Ipomoea quamoclit*



Ảnh 15: Hâm cọt - *Thunbergia mysorensis* T. And.



Ảnh 16: Hoa giấy - *Bougainvillea spectabilis* Willd.



Ảnh 17: Huỳnh anh - *Allamanda cathartica* L.



Ảnh 18: Lâm nhung áo
Congea pedicellata Munir.



Ảnh 19: Ngọc nữ
Clerodendron thomsonae Balf.



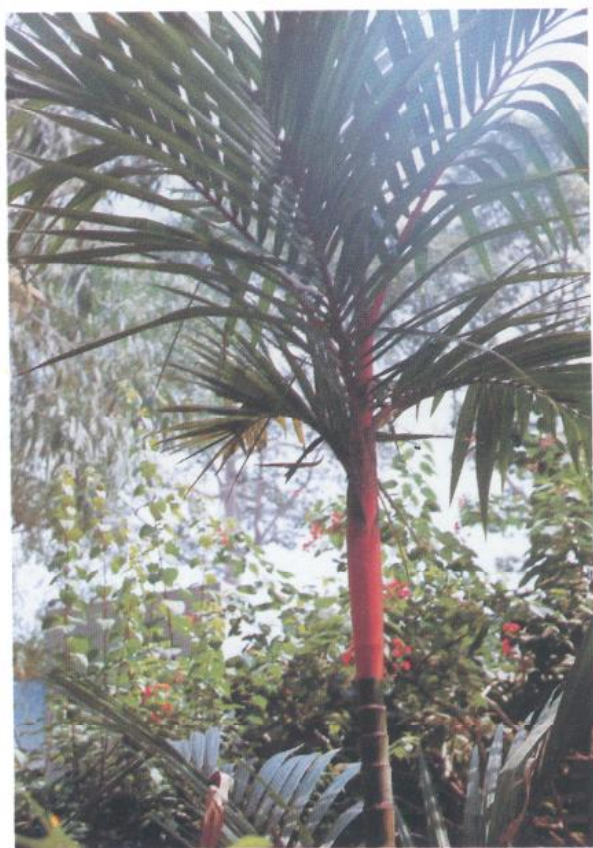
Ảnh 20: Ngót ngoèo - *Gloriosa superba* L.



Ảnh 21: Thanh quan - *Duranta erecta* L.



Ảnh 22: Cau cảnh
Ptychosperma macarthurii
H. Wendl.



Ảnh 23: Cau đỏ bẹ
Cyrtostachys lakka Becc.



Ảnh 24: Cau tua
Dypsis pinnatifrons Mart.



Ảnh 25: Cau vàng
Chrysalidocarpus lutescens
H. Wendl.



Ảnh 26: Dừa - *Cocos nucifera* Linn.



Ảnh 27: Hèo to - *Licuala grandis* H. Wendl.



Ảnh 28: Tre đùi gà - *Bambusa ventricosa* Mc. Cl.



Ảnh 29: Tre vàng sọc - *Bambusa vulgaris* Schrader. var. *aurea* - *variegata* Hort.



Ảnh 30: Lưỡi còp vằn
Sansevieria trifasciata Prain.



Ảnh 31: Nanh heo
Sansevieria cylindrica Boj.



Ảnh 32: Ngô đồng
Jatropha podagrica Hook.



Ảnh 33: Quỳnh
Epiphyllum oxypetalum (DC.) Haw.



Ảnh 34: Quỳnh đỏ
Epiphyllum akermannii Haw.



Ảnh 35: San hô xanh
Euphorbia tirucalli L.



Ảnh 36: Sứ thái
Adenium obesum Roem. et Sch.



Ảnh 37: Thạch trụ thiên
Trichocereus candicans Br. et R.



Ảnh 38: Thu hải đường đá *Begonia rupicola* Miq.



Ảnh 39: Thu hải đường thầu dầu
Begonia ricinifolia Hort.



Ảnh 40: Thu hải đường trắng
Begonia dolifolia Hort.



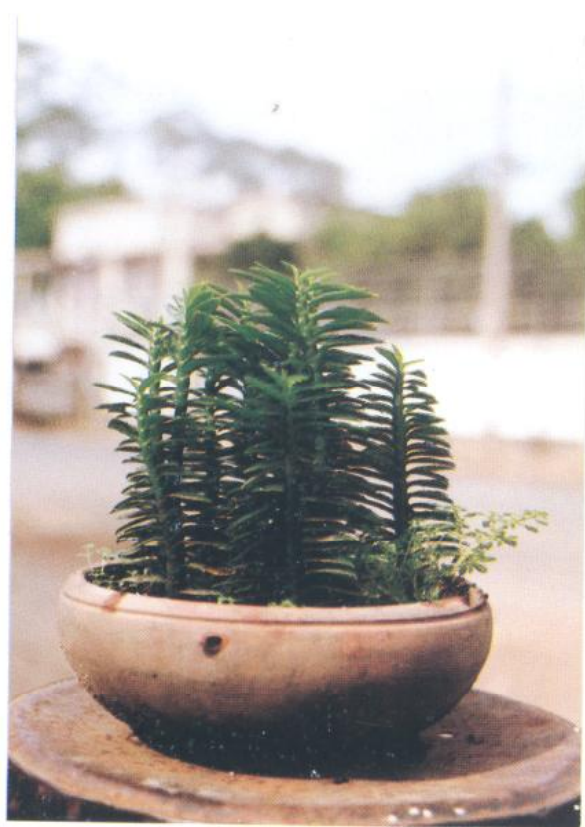
Ảnh 41: Thu hải đường trường xuân - *Begonia semperflorens* Link et Otto.



Ảnh 42: Thù lân - *Trichosporum evardii* Pell. **Tranh.**



Ảnh 43: Thừa Mỹ
Agave americana L.
var. marginata Bail.



Ảnh 44: Thuốc dò
Euphorbia atoto Forst.

II.A.9. CÂY CAU ĐỎ BÈ LỚN

Cystostachys renda Bl.

Họ Cau (Areaceae)

Cây có kích thước lớn gấp đôi loài trên và hạt trong quả tròn chứ không có dạng trái xoan như loài trên. Về màu sắc có thể gây trồng chủng :

II.A.9.a. Cây Cau đỏ bẹ máu

Cyrtostachys renda Bl. var. *duvivierianum* Pynaert.

Cây có cuống và thân màu đỏ tươi chứ không đỏ nâu như loài cau đỏ bẹ. Đây là chủng của loài Cau kiểng đỏ đẹp nhất.

II.A.10. CÂY CAU SÂM BANH

Bottle palm.

Hyophorbe lagenicaulis (H. *amaricaulis* Mart.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ đảo Mascarena, mới nhập gây trồng ở các tỉnh phía Nam nước ta. Cây thân cột đơn độc, gốc phình rộng, mập, nổi rõ các vòng sát nhau do sẹo lá rụng, đỉnh thân thót lại mang lá kép lông chim lớn, dài 1 - 2 m, cuống và gân chính lớn thường cong.

Cây đẹp, hấp dẫn trồng ở chậu hay ở bãi cỏ đều được.

II.A.11. CÂY CAU TRẮNG

Christmas palm

Veitchia merrilli H. Wendl.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Figi, và được gây trồng làm cảnh khá rộng rãi ở các nước nhiệt đới. Cây cao đến 10 m, thân tròn đều, đốt sát nhau (dấu vết lá rụng). Lá kép lông chim ở đỉnh thân, màu xanh bóng, dài đến 1,5 m, lá phụ hẹp nhọn, cuống lá màu xanh trắng. Cụm hoa mọc ra từ các đốt nơi lá rụng, mang hoa đơn tính cùng gốc. Hoa màu trắng. Quả hình trái xoan cứng, dài 2 cm. Cụm hoa và cụm quả thẳng cứng, mập nên khá đẹp.

Cây có dạng đặc sắc, nên rất được ưa chuộng. Trồng bằng hạt.

II.A.12. CÂY CAU TRÚC (Dừa Hawai)

Parlor palm

Chamaedorea elegans

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô (châu Mỹ). Cây mọc bụi, nhỏ, thấp, cao nhất là 3 m. Thân tròn màu xanh có đốt thưa, đều đặn. Lá kép lông chim ở đỉnh, lá phụ nhỏ như lá tre. Cụm hoa ở các đốt già sát đất, màu vàng. Quả hình cầu.

Cây trồng ở chậu, chịu bóng tốt.

Hiện nay, các tỉnh phía Nam có nhập trồng nhiều loài cau Trúc khác có thân nhỏ và lùn hơn trưng bày ở các chậu nhỏ rất đẹp.

II.A.13. CÂY CAU TUA

Dipsis

***Dypsis pinnatifrons* Mart. (*Areca gracilis* Thouars)**

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ Madagasca. Ở Việt Nam, cây được gây trồng làm cảnh nơi công viên hay trong vườn các biệt thự lớn. Cây gỗ lớn, cao đến 10 m, thân hình cột thẳng đều, đường kính đến 15 cm. Lá mọc tập trung ở đỉnh, bẹ lá không ôm tròn thân, phiến lá có dạng kép lông chim, dài 2 - 3 m, lá phụ mảnh thót lại ở đỉnh thành các sợi dài buông rủ xuống (tua). Cụm hoa buông xuống, trên các đốt lá rụng, mo dài 20 cm. Hoa màu vàng nhạt. Quả hình trái xoan. Cây có dáng khô, nhưng mềm mại. Cây trồng bằng hạt hay tách các nhánh ở gốc (Ảnh 24)

II.A.14 - CÂY CAU VÀNG (Cau kiểng vàng, Cau đuôi phượng)

Cane palm, Areca palm, Palmier multipliant

***Chrysalidocarpus lutescens* H. Wendl.**

(*Areca lutescens* Borry.) *Hyophorbe indica* Gaertn.;

***H. commersoniana* Mart.)**

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Môris và Rêunion, được gây trồng làm cảnh rất phổ biến ở các nước nhiệt đới, vì dáng cây đẹp và lá có màu vàng nhạt.

Cây mọc thành bụi dày vì luôn đâm chồi ở bên, cây cao xen lẫn cây nhỏ rất đẹp. Cây chỉ cao 1 - 2 m nếu trồng ở chậu, còn đem trồng ở vườn có thể cao đến 6- 7 m đường kính đến 20 cm. Lá có bẹ mềm bóng, cuống lá tròn và phiến lá dạng kép lông chim màu vàng nhạt. Cụm hoa đơn tính, cùng gốc, lớn, dài đến 40 cm, phân nhánh nhiều và hoa mọc dày đặc. Quả dạng trái xoan, dài 1 cm, màu vàng (Ảnh 25).

Cây rất dễ trồng bằng hạt hay tách ra cây con từ các bụi lớn. Cây mọc khỏe, chịu được đất xấu, nên trồng ở chậu cây vẫn dễ nhánh và sống lâu năm. Ươm gieo hạt (quả) như cau nhà, trong các túi bầu, cây cao 50 cm đem trồng nơi cố định. Mùa mưa, chọn các bụi dày, dùng dao sắc xén thẳng để tách các bụi nhỏ có đủ rễ đem trồng ngay.

II.A.15 - CÂY CHÀ LÀ (Chà là nam, Phượng vũ)

Dwarf Date palm, Dattier nain, Dattier sauvage

***Phoenix loureiri* (Becc.) Kunth. (*P. roebelenii* O'Brien)**

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Châu Á nhiệt đới ẩm ướt (Ấn Độ, Mianma, Đông Dương) mọc hoang dại nơi đất trống, ven rừng.

Cây mọc thành bụi, thấp nhỏ, cao đến 3 - 4 m, đường kính 15 cm, thân xù xì, mốc trắng có dốt với các dây gai đều đặn (do gốc lá rụng còn lại). Lá mọc tập trung ở đỉnh thân, dài 1 - 1,5 m, dạng kép lông chim với các lá phụ dạng thuôn nhọn, cứng. Cụm hoa ngắn, dài khoảng 20 cm, có mo ở ngoài dài 20 cm. Quả mọng có hạch (Hình 40). Cây được gây trồng bằng hạt. Ươm gieo ở vườn, khi cây có một vài lá đem trồng nơi cố định.



H.40. Chà là - *Phoenix loureiri* Kunth.

II.A.16 - CÂY CHÀ LÀ BỤI

Dattier à feuilles penchées

***Phoenix reclinata* Jacq.**

(*P. leonensis* Houtte, *P. zanzibariensis* Hort.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam Châu Phi, nhưng được gây trồng làm cảnh ở rất nhiều nước trên thế giới. Ở Việt Nam, cây được trồng ở chậu hay trong các công viên để làm cảnh, làm cây trang trí.

Cây mọc thành bụi dày. Thân có nhiều sẹo nổi rõ với các gai tày do cuống lá rụng còn lại. Lá mọc sát gốc, dạng kép lông chim thẳng đứng, các lá phụ xếp gần như vòng quanh cuống chung đôi khi xếp chụm lại từng chỗ 2 - 3 lá phụ, làm cho dáng chung của lá khá đặc sắc. Phiến lá màu xanh đậm, bóng cứng, các lá phụ thẳng

nhọn ken vào nhau làm cho cây thành bụi dày, xum xuê. Cuống chung có gai. Cụm hoa đơn tính, lúc non màu xám nhạt, sau chuyển sang màu vàng. Quả nhỏ, xếp dày đặc thành chùm, vỏ quả mỏng. Hạt có đường kính 1 cm.

Cây trồng chủ yếu bằng hạt, ươm gieo ở vườn ươm như các loài cau dừa khác, khi cây cao khoảng 20 - 30 cm bứng bầu đem trồng ở chậu.

II.A.17 - CÂY CHÀ LÀ MIÊN

Phoenix hanceana Naud.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây được khai thác từ các rừng giáp biên giới Campuchia (Tây Ninh) đem về làm cảnh ở các tỉnh phía Nam nước ta. Cây có thân ngắn, mập, phình tròn ở gốc có nhiều sẹo khảm sít nhau do cuống lá rụng. Gốc thân để các nhánh nhỏ. Lá kép lông chim, lá phụ xếp không trên 1 mặt phẳng, thuôn nhọn như gai. Cụm hoa chùm khác gốc. Quả hình trái xoan, dài 1 - 2 cm.

Gần đây, có nhập trồng 1 loài khác là :

- *Cây Chà là quả* - *Phoenix dactylifera* L. Cây cho quả làm mứt, nhưng cây đẹp có thể trồng làm cảnh (nhỏ ở chậu, trồng ở các bãi cỏ trong công viên, biệt thự).

II.A.18 - CÂY CỌ CẢNH

Fortune's Palm, Fan - leaved Palm; *Trachycarpus élevé*

Trachycarpus excelsus H.Wendl.

(*T. fortunei* Wendl.; *Chamaerops exelsa* Thunb.;

C. chinensis Hort.; *C. fortunei* Hook.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc các nước châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản) được gây trồng rất rộng rãi làm cây trang trí nội thất hay ở vườn nơi công viên trên khắp nước ta.

Cây gỗ, thân trụ thẳng, cao đến 15 m, còn thường chỉ cao 8 - 10 m. Khi cây còn non, thân được bao phủ bởi các cuống lá rụng với các sợi tơ màu nâu, mềm. Lá tập trung ở đầu thân, dạng quạt, kép

chân vệt. Cuống lá dài đến 1 m, nhẵn, phiến lá gần tròn, đường kính 50 - 60 cm, chia ra các lá phụ hình giải, màu lục nhạt, gãy rủ xuống.

Cụm hoa ở giữa đám lá, buồng rủ xuống. Mo dày, màu nâu đỏ. Hoa vàng óng, hay vàng lục nhạt. Quả gần tròn màu lục đậm, có 1 hạt hình cầu. Cây làm cảnh đẹp và gây trồng chủ yếu bằng hạt.

Có thể trồng một loài khác có thân lùn, thích hợp ở trong chậu
Trachycarpus nana Becc.

II.A.19 - CÂY CỌ DẦU (Dừa dầu)

Oil palm, Palmier à huile; *Elaeis guineé*

Elaeis guineensis Jacq.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi xích đạo, được nhập vào nhiều nước để gây trồng lấy dầu. Ở nước ta, trước đây có gây trồng để làm cảnh nơi đất rộng ở công viên hay trong vườn, hiện nay được gây trồng rộng rãi hơn để lấy dầu.

Đây là một loài cây có giá trị kinh tế cao vì cho dầu quý, tuy nhiên cây có dáng đẹp, sống lâu, thích hợp với khí hậu nhiệt đới nên được gây trồng làm cảnh. Cây được trồng chủ yếu bằng quả, hạt. Sau khi thu hoạch cần ương gieo ngay, vì hạt có dầu nên rất chóng mất khả năng nảy mầm. Sau khi cây cao 50 - 60 cm mới đem trồng nơi cố định. Cần bón phân và đủ độ ẩm.

II.A.20 - CÂY CỌ ĐỎ (Lá non, Lá gôi, Kè đỏ, Kè nam)

Cabbage palm

Livistona saribus (Lour.) Merr. ex Cheval.

(*L. cochinchinensis* Mart. *L. hoogendorpii* Teysm. et Bnd.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây mọc hoang đại vùng đồi trung du miền Bắc và miền Trung nước ta, nhưng cũng được thu hái hạt gây trồng làm cây cảnh, thậm chí làm cây cảnh nhỏ trồng ở các chậu dùng để trang trí nội thất.

Cây có thân gỗ hình trụ mọc thẳng đứng, cao đến 20 m, đơn độc. Thân non có nhiều gai dày do cuống lá rụng để lại, thân già

nhấn với các sọc đều đặn. Lá hình quạt lớn, đến 2 m. Cuống dài mảnh có gai dài, cứng, màu nâu bóng.

Cụm hoa dày đặc hình chùy. Hoa lưỡng tính, tập trung 3 - 5 hoa ở một điểm. Quả hình cầu có gốc bao hoa còn lại. Hạt hình cầu.

Cây có dáng đẹp, mọc khỏe. Hạt dễ nảy mầm nên có thể gieo trồng làm cây cảnh ở chậu hay trong vườn, dọc lối đi.

II.A.21 - CÂY CỌ MỸ (Kè chỉ)

Lower californica, Washingtonia filifera, Fan palm

***Washington filifera* (Lind.) H. Wendl.**

***(Pritchardia filifera* Lind.;**

***Brahea filamentosa* Hort.)**

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng khô á nhiệt đới châu Mỹ (California, Arizôn), có dáng oai vệ, đẹp nên được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước.

Cây gỗ lớn, cao đến 30 m, nhấn ở gốc, có sọc do lá rụng ở giữa và có lá khô chưa rụng ở phần trên. Lá mọc tập trung ở đỉnh, hình quạt xòe rộng. Phiến lá tròn, đường kính 1 - 1,5 m, xẻ thùy sâu đến một nửa phiến, phần đỉnh kéo dài thành sợi mềm và buông xuống. Cuống mập, mép có gai, gốc có bẹ, đầu có mũi nhọn lộ ra trên phiến.

Cụm hoa lớn dạng chùm gồm nhiều nhánh. Hoa trắng, lưỡng tính.

Quả nhấn cứng một hạt (Hình 41).



H.41. Cọ Mỹ - *Washington filifera* H.Wendl.

Cây có hình dạng đẹp, mọc khỏe, sống lâu năm, nên được ưa trồng làm cảnh trong các vườn lớn hay nơi công viên. Cây được gây giống bằng hạt nơi khí hậu mát, trên đất sâu, ẩm. Cây mọc chậm.

II.A.22. CÂY CỎ SA - BA

Saba en forme de Mauritia

***Sabal mauritiaefromis* Griseb. et H. Wendl.**

***(Trithrinax mauritiaefrome* Karst.)**

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (La Trinité), được gây trồng rộng rãi làm cảnh ở nhiều nước. Cây có thân trụ, cao đến 20 m, mập khỏe, đường kính đến 50 cm. Lá có phiến dạng quạt tròn, đường kính đến 3 - 4 m, phân chia thành thùy nhỏ đầu xẻ đôi, sâu đến nửa phiến, đầu thùy kéo dài dạng sợi màu xanh bóng ở mặt trên, hơi xanh nhạt, pha vàng ở mặt dưới. Cuống lá dài 3 m, cứng khỏe. Cụm hoa lớn mang hoa lưỡng tính. Mỗi hoa có một lá bắc lớn, cánh dài hợp dạng chén, trên chia 3 thùy, 3 cánh tràng, 6 nhị đực, bầu có 3 ô với vòi nhụy 3 cạnh và đầu nhụy hình cầu.

II.A.23 - CÂY CỎ SABA NHẮN (Saba xanh)

Dwarf Palmetto.; Bue Palm

***Sabal galbra* Sarg.**

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, nay được gây trồng rộng rãi làm cảnh ở châu, ở vườn (cây nơi nguyên sản có thể cao hơn). Lá có cuống dài, thẳng đứng, phiến chia chân vịt, thùy dài nhọn đầu. Cụm hoa thưa, mang hoa nhỏ, lưỡng tính (Hình 42).

Cây đẹp, ưa gieo bằng hạt, nơi đất tốt, ẩm sâu. Cây con cần chăm sóc kỹ.



H.42. Cọ Saba nhẵn – *Sabal galbra* Sarg.

II.A.24 - CÂY CỌ TÀU (Cây cọ sè, Lá non xè, Kè tàu)

Livistona de la chine, chines *Livistona* Fountain Palm

Livistona chinensis R. Br. ex Mart. (*L. mauritiana* Wall.;

Latania borbonia Hort.;

Saribus chinensis Bl.)

Họ Cau (Arecaceae)



Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới và á nhiệt đới châu Á (Nam Trung Quốc, Nam Nhật Bản, Bắc Việt Nam).

Cây có dáng đẹp, cao trên 20 m, thân hình trụ, thẳng, nhẵn, với nhiều sẹo do lá rụng. Lá xanh xếp dày đặc ở đỉnh thân, hình quạt, chia thùy đều đặn, đầu thót lại và rủ xuống, màu lục bóng. Cuống lá dày, dài và có gai lớn dẹt và cong.

H.43. Cọ tàu – *Livistona chinensis* R. Br.

Cụm hoa dày đặc có mo lớn bao bọc, cụm hoa phân nhánh 2 - 3 lần. Hoa hình cầu có nhiều cánh, lưỡng tính. Quả thuôn tròn, dài 2 cm, gốc có bao hoa còn lại, màu xanh lục lúc chín (Hình 43).

Cây có dáng và cách xếp lá đẹp, duyên dáng nên thường được gây trồng làm cảnh. Cây nhỏ nảy mầm từ hạt có thể làm cây trang trí nội thất trong các chậu nhỏ. Ươm gieo bằng hạt ở vườn ươm, sau đó bứng bầu đem trồng.

II.A.25 - CÂY CỌ ÚC

Livistona d'Australie

Livistona australis Mart. (*Corypha australis* R. Br.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia, được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở các nước nhiệt đới khác. Ở Việt Nam cây được nhập để gây trồng làm cảnh ở chậu, các công viên, vườn hoa.

Cây có thân cột lớn, mập, cao đến 10 m, và đường kính 50 cm, nhưng thường trồng làm cây lùn không thân ở các chậu nhỏ. Lá dạng quạt, khá lớn, chia thùy sâu gần hết phiến lá, màu xanh đậm bóng. Cuống lá cứng, mập thẳng đứng, dài đến trên 1 m, có gai nhọn, màu đỏ nâu ở gốc rất đẹp. Tất cả lá tập trung ở đầu cành thành tán tỏa rộng. Cụm hoa ít thấy (Hình 44).



H.44. Cọ úc - *Livistona australis* Mart.

Cây trồng bằng hạt, mọc chậm và sống lâu. Cây có dáng đẹp rất thích hợp làm cây trang trí trong phòng.

II.A.26 - CHUỐI RỄ QUẠT

Traveler's Tree; Arbre du voyageur

Ravenala madagascariensis J.F. Gmel.

Họ Thiên diếu (Strelitziaceae)

Cây có nguồn gốc từ Madagasca, nay được trồng rộng rãi ở các nước nhiệt đới khác làm cây cảnh ở vườn, ở công viên. Cây có thân cột lớn, hóa gỗ, có thể cao đến 10 m, mang nhiều vết sẹo lá và gốc cuống lá cứng. Gốc có nhiều chồi, nên dễ ra nhiều cây con nhỏ làm thành bụi. Lá to, trông giống lá chuối, mọc theo 2 dãy trên 1 mặt phẳng, tỏa ra như chiếc quạt. Cuống lá dài hơn phiến, cứng, lõm ở mặt trên. Phiến to, dạng gần chữ nhật, rách theo gân bên, màu xanh bóng. Cụm hoa gồm nhiều hoa xếp thành 2 dãy, ngoài có mo lông hình lòng thuyền, nhọn ở đầu. Hoa có 3 cánh đài, 3 cánh tràng màu trắng. Nhị 6, chỉ nhị mảnh. Quả nang, hạt có áo hạt (Hình 45).



H.45. Chuối rễ quạt – *Ravennala madagascariensis* J. F. Gmel.

Cây có dáng đẹp, mọc khỏe, xanh quanh năm, nên rất được ưa chuộng.

II.A.27 - CÂY DỪA

Cononut Plam; Cocotier

Cocos nucifera L.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, Pôlynêsi, lan tràn và gây trồng rất rộng rãi ở tất cả các nước nhiệt đới vùng Thái Bình Dương (Ảnh 26).

Cây được gây trồng chủ yếu lấy quả làm nước giải khát và lấy dầu, lấy sợi. Tuy nhiên, do dáng cây đẹp nên còn được trồng làm cảnh trong vườn, công viên, nơi ven bờ nước. Hiện nay, các cây dừa mới ươm gieo từ quả có thể làm cây cảnh ở chậu.

II.A.28 - CÂY DỪA RỦ (Dừa xụ lá)

Cocotier flexueux, Cocotier ornemental

Attalea macrocarpa Linden.

(*Cocos flexuosa* Mart.; *Arecastrum romanzollianum* Becc.

Cocos romanzolliana Cham.; *Cocos plumosus* Hook.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil (Nam châu Mỹ) do có dáng đẹp nên được gây trồng làm cảnh ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây gỗ, thân thẳng, cao khoảng 4 - 8 m, xù xì vì các bẹ lá còn lại và lá mọc dài ở phần đoạn trên của thân. Lá lớn dạng kép lông chim dài, lá phụ mềm màu lục, rủ xuống rất đẹp. Có thể trồng một vài chủng khác có dáng đẹp :

II.A.28.a - Cây dừa rủ úc

Cocos flexuosa Mart. var. *australe* Becc. (*Cocos australis* Mart.)

C. datil Grisel. et Dr.; *C. flexuosa* Hort.)

Cây có thân ngắn, gần như chùm lá mọc sát đất (cây mọc dại nơi nguyên sản có thân cột). Lá kép lông chim, mềm, dài 2 - 3 m, lá phụ rủ xuống màu vàng.

II.A.28.b - Cây Dừa rủ chùm

Cocos flexuosa Mart. var. *botryophorum* Becc. (*Cocos botryophorum* Mart.)

Cây có thân cột ngắn, lá mọc tập trung ở đỉnh dạng kép lông chim, lá phụ dạng bản nhỏ, mềm cong rủ xuống, đầu kéo dài.

II.A.29 - CÂY ĐỪNG ĐÌNH (Móc dùn đình, Cổng chào)

Caryota drageonnan, **Smaller fish - tail palm**

Caryota mitis Lour. (*C. sobolifera* Wall., *C. furfuraca* Bl.)

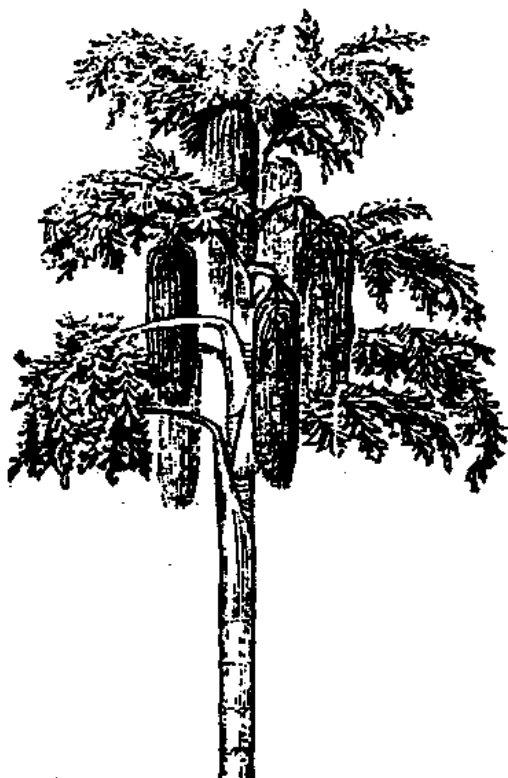
Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các rừng ẩm nhiệt đới của các nước châu Á (Ấn Độ, Mianma, Đông Dương, Malaysia).

Cây mọc thành bụi nhỏ, đâm chồi nhiều ở gốc, thân mảnh, thon đẹp, cao 2 - 3 m, có nhiều sợi do bẹ lá để lại. Lá kép lông chim 2 lần, dài trên 2 m, cuống chung lớn, khía rãnh, lá phụ mọc cách, mép có răng không đều, mép dưới men theo cuống, màu xanh bóng lâu héo.

Cụm hoa dày đặc có 4 - 6 mo, lớn dần ở đỉnh. Bông mo dài 30 - 40 cm, phân nhánh nhiều, buông xuống, mang hoa dày đặc. Hoa đơn tính, màu tím nhạt. Quả hình cầu nhẵn, gốc có đài còn lại, 1 hạt.

Cây gieo trồng bằng hạt hay tách các chồi ở gốc thân.



H.46. Dùn đình ngựa -
Caryota urens L.

II.A.30 - CÂY ĐỪNG ĐÌNH NGŨA (Đùng đình đơn, Móc).

Wine Palm; Toddy Palm; *Caryota brulant*

Caryota urens L.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây mọc đơn độc, thân tròn thẳng, trơn đều, có thể cao 5 - 10 m và đường kính 25 cm, có nhiều vòng sẹo do vết lá rụng. Lá kép lông chim 2 lần, tập trung ở đầu cành, dài 3 - 4 m, cuống lớn. Lá phụ gần như xếp trên 1 mặt phẳng, hình tam giác lệch, mép có răng cưa không đều, đỉnh có dạng như đuôi cá.

Cụm hoa lớn, mọc ra từ nách các lá già, buông thông xuống. Bông mo có cuống chung mập. Hoa tập trung trên các cuống dài, mềm, rũ xuống. Quả hình cầu cứng, hạt hình cầu (Hình 46).

Cây được gây trồng làm cảnh vì dáng cây đẹp, mọc khỏe luôn xanh tươi và được nhân giống bằng hạt.

II.A.31 - CÂY HÈO GAI (Mặt cật gai)

Licuala spinosa Wurm. (*L. ramosa* Bl; *L. horrida* Bl.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc phân bố rất rộng rãi ở các nước châu Á nhiệt đới (Malaysia, Java, Việt Nam).

Cây mọc thành bụi, thưa, cao đến 5 - 7 m, đường kính 5 - 10 cm, uốn cong, do có các đốt do lá rụng. Lá dạng quạt tròn chia thùy sâu đến cuống lá thành các phiến dạng dải, đầu bằng phẳng hay lõm, xếp xòe rộng rất đẹp. Cuống lá mảnh, dài có nhiều gai sát nhau.

Cụm hoa dài 1 - 2 m, gồm nhiều nhánh dạng bông, gốc có mo. Hoa nhỏ. Quả trơn dài. Hạt tròn.

Cây có dáng đẹp, mọc khỏe, xanh tươi quanh năm nên thường được gây trồng làm cảnh nơi công viên, vườn hoa thoáng rộng. Cây được nhân giống bằng tách bụi hay tách các chồi nằm ở gốc.

II.A.32 - CÂY HÈO ẮN

Licuala pelté

Licuala peltata Roxb.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới và Australia, mọc đẹp, thẳng. Thân không rõ đốt. Lá mọc tập trung ở đỉnh, dạng quạt tròn, thùy xếp chân vịt thuôn rộng ở đỉnh. Cụm hoa nhỏ ở gốc các lá già (Hình 47)



Cây trồng làm nền cho các vườn rộng, công viên, tạo cảnh quan nhiệt đới. Cây gây trồng bằng hạt.

H.47. Hào Ắn – *Licuala peltata* Roxb.

II.A.33 - CÂY HÈO LỤI

Licuala fatua Becc.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây bụi thấp, mọc dày đặc, cao 1 m, thân có nhiều đốt sát nhau do sẹo lá để lại, gốc có nhiều rễ nổi rất đẹp. Lá hình quạt tập trung ở đầu thân, cuống có gai, phiến chia thùy sâu. Cụm hoa thẳng đứng có 1 - 4 bông mang hoa xếp dày đặc, ngoài có mo. Quả tròn gốc có đài hình chén còn lại.

II.A.34 - CÂY HÈO BẮC

Licuala tonkinensis Becc.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây mọc bụi, thân sát nhau, có nhiều đốt, cao khoảng 1 m. Lá có dạng chân vịt với 6 - 8 lá phụ, dài 30 - 40 cm. Cuống lá mảnh có gai.

Cụm hoa dài 70 - 80 cm, mang hoa ở đỉnh, gốc có mo. Quả thuôn dài.

II.A.35 - CÂY HÈO NHẼN (Mật cật nhỏ)

Rhapis nain

Rhapis humilis Blume (*R. sirotsik* Sieb.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản) và mọc rộng rãi ở nhiều nước vùng Đông Nam châu Á. Ở Việt Nam cây được trồng làm cảnh nơi công viên, vườn hoa hay trong vườn các biệt thự.

Cây mọc bụi khá dày đặc, cao đến 1 - 2 m, đâm chồi nhiều ở gốc và thân có đốt do sẹo lá để lại, cách xa nhau 2 - 3 cm. Lá dạng quạt có cuống dài, phiến lá xẻ thùy chân vịt, dài 20 cm, đầu nhọn, có 2 - 3 gân. Cụm hoa là buồng dài, dài 20 cm, phủ nhiều lông màu gỉ sắt. Hoa đơn tính. Quả có 1 hạt (Hình 48).



H.48. Hèo nhẻn - *Rhapis humilis* Bl.

Cây có dáng đẹp, chùy lá dày, xanh quanh năm, khá hấp dẫn. Cây gây trồng chủ yếu bằng hạt. Gieo hạt nơi vườn ươm. Tuổi đủ ẩm và bón phân lót. Sau 1 năm có thể đem cây con trồng nơi cố định.

II.A.36 - CÂY HÈO QUẠT (Mật cật)

Lady palm, Ground Rattan cane; Small slender Palm;
Palmier à canne

Rhapis excelsa (Thunb.) Henry

(*R. flabelliformis* L' Herit ex W. Ait.; *R. aspera* Hort.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (từ xích đạo lên đến Nam Trung Quốc).

Cây mọc thành bụi thưa, thân mảnh cao khoảng 1 - 2 m, gốc có nhiều rễ phụ nổi rõ và mọc ra nhiều chồi bên. Thân nhẵn, khía đốt đều đặn và được bao phủ toàn bộ bởi các sợi tơ do bẹ lá còn lại. Lá kép chân vịt, chia 5 - 10 lá nhỏ, màu lục nhạt, mềm, cuống lá mảnh dài hơn phiến lá một chút, nhẵn (Hình 49).

Cụm hoa thẳng đứng, cao 0,5 - 0,7 m, mọc ra ở giữa đám lá, phân nhánh, nhẵn. Hoa màu vàng, đơn tính. Quả hình cầu nhỏ, có 1 hạt hình cầu nhẵn.



H.49. Hèo quạt – *Rhapis excelsa* Henry.

II.A.37 - CÂY HÈO TO (Mật cật to, kè Nhật bản)

Licuala grand, Fan - leaved Palm

Licuala grandis H. Wendl.

(*L. veitchii* Watson.; *Pritchardia grandis* Hort.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (trên các đảo của Thái Bình Dương).

Thân đơn độc ngắn, không cao quá 2 m, mang nhiều lá ở đỉnh, có cuống mảnh. Phiến lá tròn, dạng cái quạt, dài 60 cm đến 1,2 m mép không xẻ, nhưng chia thùy nông, đầu thùy lõm lại thành 2 phiến nhỏ. Phiến lá màu xanh bóng, mềm mại, nổi rõ các gân dạng chân vịt khi non lá gần như xếp lại theo các gân.

Cụm hoa mọc ra từ gốc các lá rụng, nơi đầu thân, dạng chùm dài 20 cm, có 8 - 10 nhánh, cong xuống. Quả hình cầu đường kính 1 cm (Ảnh 27).

Cây có dáng đẹp, lá xanh quanh năm, dễ trồng và chịu được bóng che, nên được trồng ở chậu làm cây trang trí ở vườn và hiên nhà. Cây ưa gieo bằng hạt (quả), mọc chậm, khỏe. Sau 1 năm đem trồng ở chậu được.

II.A.38 - CÂY HÈO NGÓN (Mặt cật ngón)

Licuala radula Gagnep.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ viễn đông, nhưng phân bố khá rộng rãi ở nhiều nước châu Á - Thái Bình Dương.

Cây nhỏ bé, thân ngắn gần sát đất, lá có phiến gần như tròn, chia thùy sâu dạng chân vịt sát đến cuống lá. Thùy lá phẳng, nhẵn bóng, xếp nếp và đỉnh khía răng cưa hình tam giác sâu, cuối răng lại chia 2 thùy nhỏ không đều. Cuống lá dài, mập, ráp và có gai ở mép.

Cụm hoa lớn, mang hoa lưỡng tính.

Cây có dáng hấp dẫn, chùm lá dày, luôn xanh tươi, nên làm cây trang trí ở chậu rất phù hợp. Cây được gây trồng bằng hạt, ưa gieo sau đó bứng bầu đem trồng nơi cố định.

II.A.39 - CÂY KÈ CUỐNG ĐỎ

Red Latan, Latanier rouge

Latania lontaroides (L. commersonii L.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ đảo Mauritius. Cây thân cột mập (nơi nguyên sản cao đến 16 m) màu xám có nhiều sợi ở gốc. Cụm lá ở

đỉnh, dạng quạt, có cuống dài màu đỏ cam. Lá chia thùy sâu nhọn, màu xanh bóng, gân, mép có màu đỏ.

Cây kè cuống đỏ cam

Blue latan palm

Latania loddigesii

Cây mới nhập, có nguồn gốc từ Mauritius. Thân nhẵn lá mọc sát nhau. Cuống dài màu đỏ cam, gốc nhợt dần đến trắng. Lá dạng quạt, phiến sâu nhọn, màu xanh bóng.

II.A.40 - CÂY KÈ QUẠT (Cọ quạt)

Thatch Palm; *Thrinax à petites fleur*, Broom palm, Silver thatch.

Thrinax parviflora Swartz.

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (Cuba, Florit, Jamaica, Haiti).

Cây thuộc loại lùn, do thân ngắn lại, mảnh (nơi nguyên sản có thể cao đến 10 m). Lá có cuống dài đến 80 cm, mảnh, không gai màu xanh bóng với các vạch nhỏ màu trắng nhạt. Phiến lá dạng tròn, chia thùy sâu thành các phiến nhỏ xếp chân vịt. Thùy phiến hình bản nhỏ, thắt lại thành mũi nhọn ở đỉnh, màu xanh bóng đẹp, nhẵn cả hai mặt.

Cụm hoa dạng bông phân nhánh, dài đến 1 m, cuống chung và nhánh mập, cong ra mang nhiều hoa xếp thưa. Hoa nhỏ lưỡng tính. Quả có nhân cứng với một hạt tròn.

Cây có dáng đẹp, tán lá đẹp trồng làm cảnh ở vườn hay trong các chậu lớn rất đẹp. Nhân giống chủ yếu bằng hạt (quả). Cây mọc chậm, nhưng lá lớn, xanh tươi quanh năm.

Có thể nhập để gây trồng 1 loài khác đẹp hơn là:

II.A.41 - CÂY KÈ QUẠT BẠC

Thrinax argentea, silver Thatch

Thrinax argentea Lodd.

(*Palma argentea* Jacq.; *Coccothrinax argentea* Schum.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, thân ngắn có nhiều sợi bao quanh cả thân lẫn gốc lá. Lá có cuống dài, mảnh, nhọn, dẹt, dài đến 2 m, phiến lá gần tròn, đường kính trên 1 m, chia thùy rất sâu thành các phiến rộng đầu mềm rủ xuống và có mũi nhọn, mặt trên lá xanh bóng, mặt dưới lá màu trắng bạc. Cây làm cảnh ở chậu rất đẹp, trang trí nơi thoáng rộng hay trong nhà đều phù hợp. (Hình 50)



H.50. Kè quạt bạc – *Trinax argentea* Lodd.

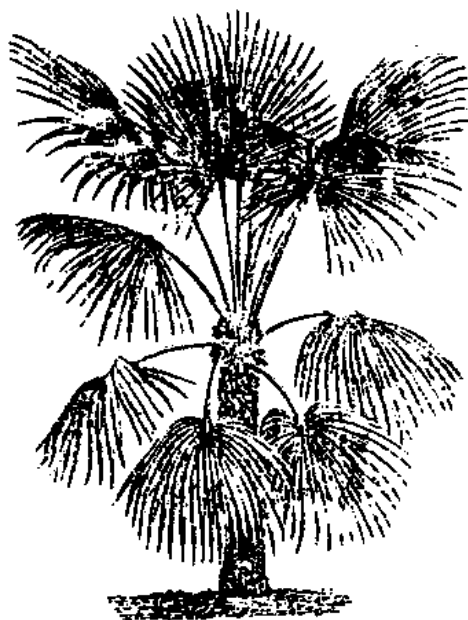
II.A.42. CÂY KÈ QUẠT MỸ

Trithrinax brasiliensis
Mart. (*Thrinax chuco*
Lindl.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, Bolivia (Nam châu Mỹ), được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước nhiệt đới khác.

Cây mập, khỏe. Thân ngắn và dày. Lá mọc ở đỉnh, dạng gần như tròn, màu xanh bóng ở mặt trên, màu xanh nhạt pha vàng ở mặt dưới. Phiến lá chia thùy chên vệt. Cuống lá mập, cứng, dài gần bằng phiến lá, gốc cuống lõm lại dạng bẹ có nhiều sợi và gai nhọn. (Hình 51)



H.51. Kè quạt mỹ –
Trithrinax brasiliensis Mart.

Cây làm cảnh, trang trí ở

chậu hay ở vườn đều rất đẹp do dáng hấp dẫn. Cây được gây trồng bằng quả.

II.A.43. CÂY LÁ BUÔN ĐỎ (Lá buôn to, Lá buôn ẩn, Kè buôn)

Talipot Palm, Talipot de Ceylan, *Corypha parasol*

Corypha elata Roxb.

(*C. gebanga* Bl.; *C. dulcis* Humb. et Bonpl.; *Gebanga rotundifolia* Bl.; *Brahea dulcis* Mart.; *Corypha umbraculifera* L.; *C. frigida* Lodd.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc phân bố từ các nước châu Á nhiệt đới (Miến điện, Srilanca, Indonesia...)

Cây gỗ lớn, thân trụ cao đến 20 m (có khi lớn hơn) phủ đầy gai do cuống lá còn lại, mập, khỏe. Lá hình quạt lớn, cuống lá mập, cứng, dài 2 - 3 m có gai ngắn từng đôi màu nâu. Phiến lá xòe, rộng 2 - 3 m, đầu xè thùy sâu, nhỏ nhọn đều đặn ở giữa các gân. Lá non xếp lại theo các gân.

Cụm hoa dạng chùm bông rất lớn, dài đến 5 - 6 m, mọc thẳng đứng, phân nhánh nhiều, màu xanh đậm. Hoa lưỡng tính nhỏ bé, ngoài có mo lớn thẳng đứng bao bọc. Quả hạch nhân cứng có 1 hạt (Hình 52).

Cây được gây trồng nhiều làm cây phong cảnh cho các công viên lớn hay dọc theo lối đi của các biệt thự có vườn rộng.



H.52. Lá buôn đỏ -
Corypha elata Roxb.

Ở miền Nam nước ta còn có 1 loài cây lá Buôn (*Corypha lecomtei* Becc.) mọc hoang đại vùng đồi núi Nam Trung bộ, là cây mọc khỏe, đẹp và kinh tế cao, có thể gây trồng làm cây cảnh, cây trang trí cho các công viên, đường phố được.

II.A.44. CÂY THẬN TỬ

Erect; Slender stem; *Oncosperma* de Van-Houtte

***Oncosperma van-houtteana* H. Wendl.**

(*Nephrosperma van-houtteana* Balf.; *Areca nobilis* Hort.)

Họ Cau (*Arecaceae*)

Cây làm cảnh rất đẹp, có nguồn gốc từ các đảo Tây xê. Thân dạng trụ lùn, mang lá mọc dày đặc ở đỉnh. Lá kép lông chim lớn, gồm 4 - 6 đôi lá nhỏ vừa dài vừa rộng, mềm cong rủ xuống, màu xanh bóng. Cuống lá mập, cứng có gai mảnh, màu đen. Gốc cuống lá có màu đỏ son, càng xuống bẹ càng đậm, làm cho gốc lá như phủ một lớp phấn đỏ.

Cụm hoa là buồng, phân nhiều nhánh, dài 30 - 40 cm, mang hoa lớn. Hoa đơn tính, ngoài có mo bao bọc. Quả màu đen, dạng hình cầu, có 1 hạt.

II.A.45. CÂY THẬN TỬ SỢI (Nhum)

Palmier à canne, Nibung-palm of Java

***Oncosperma filamentosa* Blume**

(*O. tigillaria* (Jack.) Ridl.)

Họ Cau (*Arecaceae*)

Cây có nguồn gốc rộng rãi ở các nước Đông nam châu Á. Do dáng đẹp nên được gây trồng rộng rãi làm cảnh. Ở các thành phố, nơi công viên hay trong vườn.

Cây thân trụ, mọc thành bụi đẹp, cao khoảng 10 - 20 m mập lớn đến 20 cm. Dọc thân có gai đen xếp theo hàng ngang. Lá mọc tập trung ở đỉnh, dạng kép lông chim có lá nhỏ rủ xuống, mềm màu xanh đậm. Cuống lá chung mập, cứng, gốc có bẹ lớn, dọc cuống có nhiều gai đen kéo dài lên sống lá.

Cụm hoa chùm bông lớn, phân nhánh nhiều dài 40 - 50 cm

mang hoa thưa hoa nhỏ. Quả mang 1 hạt. Cây được ươm gieo bằng quả, hạt.

II.A.46. CÂY THỐT NỐT

Meelallia; *Palmyra Palm*; *Palmier à sucre*; *Ronier*; *Rondier*

Borassus flabellifer L. (*B. flabelliformis* Mart.)

Họ Cau (Arecaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi và châu Á nhiệt đới (từ Ấn Độ trở xuống xích đạo) được gây trồng làm cây cảnh, và cho đường.

Cây có dáng to, đẹp, khỏe nên chỉ thường trồng nơi công viên, vườn lớn hay dọc các lộ rộng. Cây có thân hình trụ mập, phình rộng ở gốc, cao 20 - 25 m. Lá dày, cứng, phiến lá hình quạt xòe rộng gần tròn, đầu phiến chia thùy nhỏ dạng tua nhọn đầu, dọc theo gân, xếp chân vịt. Phiến lá dày cứng, màu xanh đậm bóng, gân nổi rõ. Cuống lá mập, cứng, to, gốc có bẹ và dọc cuống có gai.

Cụm hoa chùm bông lớn, mang hoa đơn tính khác gốc. Bông đực phân nhánh nhiều mang hoa dày đặc. Bông cái phân nhánh ít hoa hơn. Quả tròn màu nâu đậm, lớn 10 - 20 cm, có nhân cứng và 3 hạt.

Cây có dáng cao đẹp tán lá đặc sắc nên được gây trồng làm cảnh phổ biến, và làm nền cho các công trình kiến trúc cổ xưa. Cây được gây trồng bằng quả hạt ở vườn ươm. Sau đó bứng bầu đem trồng ở nơi cố định. Cây mọc chậm, nhưng khỏe, đẹp, lá xanh quanh năm.

II.B. NHÓM CÂY THÂN RỒNG

II.B.1. CÂY BỜM NGỰA (Cỏ đuôi ngựa, Thu thảo)

Pogonatherum crinitum (Thunb.) Kunth.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cỏ lâu năm, mọc thành bụi nhỏ mềm. Thân nhỏ, mảnh, có đốt sát nhau, nhẵn. Lá xếp 2 dãy đều đặn, mềm, màu xanh nhạt, phiến hình giải nhọn, gân mảnh nổi rõ trên phiến thành các đường trắng. Bẹ lá mềm, nhẵn.

Cụm hoa dạng bông mảnh, hơi cong, nhiều lông. Cuống có đốt nhiều lông trắng. (Hình 53)

Cây có dáng bụi đẹp, thanh mảnh, cụm hoa gần như cong về 1 phía, được ưa chuộng trồng làm cây cảnh ở các hòn non bộ như các bụi trúc nhỏ. Cây ưa ẩm dễ mọc, thường mọc đại ở nơi chân tường, vách đá, chân đồi ẩm và ít nắng. Cây gieo giống chủ yếu bằng hạt, cũng có thể tách các bụi để trồng. Cây không kén đất, càng ẩm càng mọc tốt. Cây chịu được bóng che.



H.53. Bờm ngựa –
Pogonatherum crinitum
Kunth.

II.B.2. CÂY CỎ GỪNG (Cỏ ống, Cỏ cựa gà)

Panic, Elora couch grass

Panicum repens L.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cỏ lâu năm. Thân rễ dài 0,5 - 1 m, bò dài dày, mập, mang rễ ở gốc, thẳng đứng ở trên. Thân tròn khía rãnh, có nhiều đốt nhẵn. Lá mọc khá xa nhau, hình mũi mác nhọn đầu, tròn hay hình tim ở gốc, phẳng, thẳng đứng hay cuộn lại, bẹ có lông, phiến lá màu xanh đậm ở mặt dưới, pha trắng ở mặt trên.

Cụm hoa dạng chùy thẳng đứng, hẹp, phân nhánh không đều, dài 7-20 cm, nhánh mảnh. Cây mọc hoang dại ở bờ đất, ven đường, nhưng đáng thanh mảnh có thể trồng làm cảnh ở vườn hay bờ nước.

II.B.3. CÂY CỎ GỪNG GẤP

Panic plissé, Palm grass

***Panicum plicatum* L.**

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Srilanka, nhưng được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới. Cây mọc bụi, sống lâu năm, thân thẳng đứng cao từ 0,4 - 1 m. Lá thuôn dài hay hình giáo bầu dục, mép lá gấp lại dọc theo gân. Cụm hoa thẳng mang hoa thưa : Bông nhỏ xếp ở các đốt mang hoa lưỡng tính hay thoái hóa, cây được ưa chuộng do có dáng cây chùm lá đặc sắc. Đặc biệt có chủng làm cảnh đẹp là :

II.B.3.a. Cây Cỏ gừng gấp vằn

***Panicum plicatum* L. var *foliis niveo-vittatis* Hort.**

Với lá rộng hơn, màu xanh bóng có các vạch dài màu trắng rất nổi.

II.B.4. CÂY CỎ HOA (Cỏ lá tre)

Basket grass, Oplismenus gracieux

***Oplismenus burmannii* (Retz.) P. Beauv**

(*O. imbecilis* Kunth; *Panicum imbecile* Trin.)

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ Tân Caledôni, nhưng được gây trồng và mọc hoang dại ở nhiều nước nhiệt đới.

Cỏ lâu năm, thân nhỏ bé, dáng rất đẹp, mềm bò dài, gãy khúc và phân nhánh nghiêng ở gốc. Lá thuôn hình giáo giáo, gốc có thù không đều, màu xanh bóng, có các vạch mờ, mép rần reo và có lông mềm.

Cụm hoa dạng chùy, dài đến 25 cm, với 5 - 7 bông giả gần như không có cuống dài 1 - 4 cm, xếp xa nhau, màu lục hay hơi hung tía. Quả dính trên lông gai, có răng mịn.

Cây có dáng đẹp, chịu được bóng nên có thể trồng dọc theo lối đi trong vườn hay dưới các tán cây lớn. Tuy nhiên để làm cảnh, nhân dân thường trồng 1 chủng có dạng lá đẹp như :

II.B.4.a. Cây Cỏ hoa vằn

Oplismenus burmannii P. de Beauv. var. *variegatus* Hort.

Lá màu xanh có các vạch rõ màu xanh đậm, màu trắng bóng hay màu hồng. Bông nhỏ của chùm hoa màu hồng.

Cây dễ trồng bằng hạt hay các đoạn thân bò có rễ.

II.B.5. CÂY ĐUÔI VOI (Cỏ voi)

Elephant grass; Napier' Fodder; Herbe à éléphants

***Pennisetum purpureum* Schumach.**

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây sống lâu năm, với thân rễ cứng, hóa gỗ, cao trên 2 m mọc thành bụi dày, tròn, nhẵn, có bẹ lá còn lại. Lá hình dải dài có mũi nhọn đầu, khía rãnh, mềm, màu xanh nhạt, bóng. Mép hơi ráp, bẹ lá dẹt có lông ở mép.

Cụm hoa dạng chùy dài, thưa, màu lục hay màu hung, dài 10 - 15 cm.

Cây mọc khỏe, hoang dại ở khắp mọi nơi, từ ẩm ướt đến khô cằn, cho cụm hoa đẹp, màu bền có thể trồng làm cảnh ở ven lối đi hay lấy cụm hoa làm cây cắm lọ xen với các loài có hoa lớn khác.

II.B.6. CÂY ĐUÔI VOI MỸ (Cỏ mỹ, Kè voi)

Pearl Millet

***Pennisetum typhoides* (Burm.f.) Stapf. et Hub.**

(*P. americanum* (L.) Schum.)

Họ Cỏ (Poaceae)

Cỏ sống hàng năm, rễ dày, nhiều. Thân thẳng đứng, đôi khi bò ở gốc, thường to lớn, tròn nhẵn. Lá thẳng đứng phẳng, hình dải nhọn đầu, hẹp tròn ở gốc, mép lá ráp, có lông. Cụm hoa dạng chùy trụ, rất dày, mỗi nhánh mang một hay nhiều hoa. Cuống bông nhỏ có lông màu hung.

Cây mọc khỏe rất dễ mập, có bông màu hung nâu đẹp và lâu tàn gây trồng bằng hạt, hay thu hoạch các bụi non ở các bãi cỏ hoang dại.

II.B.7. CÂY HOÀN THẢO

Bulrush sedge

***Scirpus wichurai* Boeck.**

Họ Cói (Cyperaceae)

Cỏ sống lâu năm, mọc thành bụi to, thân cao 1 - 1,5 m, thân có 3 cạnh tròn. Lá dài 30 - 50 cm, rộng 1 - 2 cm, mép ráp sắc.

Cụm hoa đáng chùy dày đặc, phân chia rất nhiều nhánh, dài, mang nhiều bông nhỏ, màu nâu.

Quả bế, có 3 cạnh và vòi nhụy còn lại ở đỉnh.

Cây có dáng khỏe mạnh, cụm hoa đẹp, có thể lấy hạt gieo trồng làm cảnh ở các vườn hoa hay làm cây phủ đất.

Có thể nhập nội 1 loài khác làm cảnh đẹp là :

II.B.8. CÂY HOÀN THẢO MÀNH

Isolépide grêle

***Scirpus cernuus* Vahl. (*Isolepis gracilis* Nees)**

Họ Cói (Cyperaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, sống lâu năm, mọc thành bụi dày, thân dài và mảnh. Lá thuôn dài, mảnh. Cả cây đều có màu xanh bóng, cong xuống, trông như một chùm lông đuôi ngựa rủ xuống. Cây có thể chịu bóng một chút, do đó có thể gây trồng ở các chậu cây, hòn non bộ. (Hình 54)



H.54. Hoàn thảo mảnh -
Scirpus cernuus vahl

II.B.9. CÂY HƯƠNG BÀI (Cỏ hương bài)

Vetiveria zizanioides (L.) Nash.

(*Andropogon muricatus* Retz., *V. arundinacea* G...)

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây mọc dại trên các đồi hoang khô, nhiều nắng, đất trơ sỏi đá, nhưng có dầu thơm nên được gây trồng làm cảnh ở vườn.

Cỏ sống lâu năm, thân rễ dày, dài có mùi thơm, cao đến 2 m, mọc thành bụi thành đứng, gốc lớn nhiều đốt nhẵn. Lá hình dải hẹp, nhọn đầu, thẳng, cứng, mép ráp.

Cụm hoa ở thân, dạng chùy thẳng, dài 20 - 30 cm, cuống chung lớn phân nhánh nhiều. Bông nhỏ hẹp, nhọn, màu tím nhạt đôi khi màu vàng nhạt.

Cây mọc khỏe, dễ trồng chịu được hoàn cảnh sống khó khăn, có thể trồng bằng hạt hay thân rễ.

II.B.10. CÂY KIM MÂU (Cỏ cát vĩ)

Eulalia speciosa (Debeaux) O. Ktze.

Họ Cỏ (Poaceae),

Cỏ sống lâu năm, thường cao trên 1 m, thân thẳng đứng tròn, có ít đốt. Lá hẹp, có lông hay không. Phiến lá thẳng đứng, cứng hay hơi cong ra phía ngoài, bẹ lá có lông vàng dày mềm.

Cụm hoa gồm 4 - 8 bông, dài 20 cm, có lông trắng mềm, bóng.

Cây mọc rải rác ở ven rừng, chân đồi, ưa ẩm, chịu được nóng và nắng. Do có dáng cụm hoa đẹp, kỳ lạ nên thường trồng ở vườn rộng ven lối đi, hay cắt chùy bông cắm lọ.

II.B.11. CÂY KIM MÂU VÂN

Zebra grass

Eulalia zebrina Hort.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, có thân và lá màu xanh bóng với các dải màu vàng xám hay màu xanh đậm. Cây đẹp, gây trồng bằng hạt, mọc khỏe thành bụi dày làm cảnh ở chậu rất thích hợp.

II.B.12. CÂY LAU (Cỏ bông lau)

Roseau à flèches

Saccharum arundinaceum Retz.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây mọc phổ biến ở vùng đồi núi cao, khô, nhiều nắng vùng trung du khắp miền của nước ta.

Cây có cụm hoa rất đẹp, đặc sắc, có thể cắt lấy để cắm lọ cao xen với các loài hoa khác. Cụm hoa bên, hấp dẫn, có thể trồng bằng hạt.

II.B.13. CÂY LÔNG HEO (Cỏ nhung)

Mascarene grass; Velvet grass

Zoysia tenuifolia Willd. ex Trin

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ đảo Mascaren, sống lâu năm, thân rễ mảnh, bò dài. Lá nhỏ và ngắn như kim đầu thuôn nhọn, hơi cong, màu xanh bóng, mềm mại, cuống sát nhau, chỉ có 1 gân giữa. Cụm hoa dạng bông nhỏ ở đầu cành, dài 1 - 2 cm, không phân nhánh, mang bông nhỏ xếp thưa, màu xanh.

Cây mọc khỏe, sát mặt đất làm thành các bãi cỏ mịn, nếu dày đủ độ ẩm, thân rễ phát triển che kín mặt đất, không phải cắt vì lá bện vào nhau mịn. Muốn có bãi cỏ đẹp, cần nhổ các loài cỏ tạp khác.

Cây chịu được ẩm mát và hơi nóng. Cần chăm sóc, tưới phân tro đầy đủ để lá không bị héo vàng. Cây được gây trồng nhiều ở các bãi cỏ nhỏ. Gây trồng bằng hạt hay bằng một mảnh đất có cỏ để tự nó phát triển ra xung quanh.

II.B.14. CÂY NỬA

Neohouzeaua dulloo A. Camus

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây mọc thành bụi, thân thẳng đứng, cao đến 10 m, đường kính 4 - 5 cm, hay hơn, lông dài 40 - 60 cm, nhẵn, cứng, mỏng, khi non hơi có lông. Mo cứng, đỉnh hơi lõm hay thẳng, mặt ngoài màu

vàng có lông trắng, thưa, 2 mép cuộn lại, nhiều lông, cành mọc tụm, mỗi cành phụ có 4 - 6 lá. Lá có hình dạng và kích thước thay đổi, đầu nhọn, gốc tròn không đối xứng, mặt ngoài nhẵn, mép có răng cưa ráp.

Cụm hoa ở đầu cành dài 10 - 20 cm mọc tụ ở các đốt riêng rẽ hay ở gốc lá.

Cây mọc rất phổ biến ở vùng đồi núi thấp, chân núi ẩm. Có thể gây trồng thành bụi nơi ven tường trong các công viên hay sát các công trình xây dựng. Cây có dáng bụi đẹp thưa nên rất được ưa chuộng gây trồng làm cảnh. Cây mọc khỏe, đâm chồi nhiều. Nhân giống bằng tách chồi có thân rễ.

II.B.15. CÂY SẮT (Trúc sắt)

Arundinaria sat Bul.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây cao 5 - 6 m, thân rất thẳng, không mọc thành bụi, không có gai. Lá thuôn mũi mác, đầu kéo dài thành mũi, gốc thon, thắt lại thành cuống ngắn, nhẵn ở mặt trên, có lông dài ở mép lá.

Cụm hoa dạng chùy rộng, có bông nhỏ xếp 3 - 5 chiếc ở 1 điểm. Mỗi bông nhỏ có 8 - 20 hoa.

Cây mọc đại chủ yếu ở các tỉnh miền Bắc, trong vùng đồi núi thấp. Cây có dáng thanh mảnh nên có thể gây trồng làm cảnh nơi công viên, đất rộng. Nhân giống chủ yếu bằng các đoạn thân rễ ngầm.

II.B.16. CÂY SẬY CẢNH

Grant Reed, Canne de Provence, Grand roseau

Arundo donax L.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước ở cực lục địa. Cây thân cỏ mọc bụi, đẹp, cao khoảng 1 m, (tùy hoàn cảnh gây trồng), cứng thẳng, phân nhánh ít. Lá nhỏ bé màu xanh bóng, mềm, thưa. Cụm hoa hình chùy, có nhiều nhánh mang bông nhỏ (rất hiếm gặp).

Cây làm cảnh đẹp, rất thích hợp với các kiến trúc châu Á và nơi vườn rộng (Hình 55).

Để làm cảnh các nhà vườn thường trồng *Arundo donax* L. var. *variegata* Hort. cây nhỏ bé hơn, nhưng lá có nhiều vạch trắng.

Arundo donax L. var. *macrophylla* Hort. cây lớn, lá màu vàng đẹp.



H.55. Sậy cảnh – *Arundo donax* L.

II.B.17. CÂY SẮT CONG (Sậy cảnh)

Arundinaria falcata Nees in L.

(*Bambusa falcata* hort.)

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á (Himalaya), mọc thành bụi dày do thân ngầm khỏe, mập, dài. Bụi cao 1 - 3 m, lóng giữa thân dài nhất, mắt có ngăn mỏng. Bẹ ở thân mỏng bằng lóng, lá nhỏ, thuôn dài thành mũi ở đỉnh, gốc gần tròn, màu xanh nhạt pha phần trắng, gân nổi rõ.

Hoa tập trung thành các bông dài 1 cm.

Cây mọc đại ở vùng đồng bằng, do dáng đẹp có thể gây trồng làm cảnh ở vườn hay bờ tường được (làm cây hàng rào). Khi cây lớn có thể cắt xén cho hợp với nơi trồng. Gây trồng bằng các đoạn thân ngầm.

II.B.18. CÂY SẮT NHỎ (Sậy cỏ)

Arundinaria pusilla Chev. et Cam.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây mọc thành bụi lùn, chỉ cao khoảng 0,5 - 1 m, thân nhỏ có chồi, chia đốt đều đặn, lóng thuôn, lá mọc thưa, gốc lá tròn, đầu thuôn dài, đều, nhọn, gân mảnh khá rõ, màu xanh bóng.

Thân mang hoa riêng biệt, gồm 1 - 5 bông ở nách 1 mào, màu đỏ nhạt. Bông nhỏ xếp 3 - 5 chiếc ở mỗi đốt.

Cây mọc ở rừng thưa vùng núi cao Nam Trung bộ, do dáng nhỏ bé đẹp, có thể gây trồng làm cảnh ở vườn được. Thường chọn cây lùn để trồng ở chậu hay các hòn non bộ như các loài Tre khác.

II.B.19. CÂY SẮT SỌC

Arundinaria viridistriata

(*A. auricoma*, *Bambusa argentea* Hort.)

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản. Cây thân cột, mọc bụi cao khoảng 1 m. Thân tròn có đốt rõ, màu xanh. Lá dài 7 - 15 cm, rộng 3 cm, màu xanh bóng có nhiều vạch vàng dọc theo gân.

Cây có tán lá dày, che hết thân, khá đẹp, trồng ở chậu rất thích hợp.

II.B.20. CÂY SẬY (Sậy núi)

Phragmites karka (Retz.) Trin ex Steud.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây sống lâu năm, cao 1 - 3 m, nhẵn, thân đơn hay phân nhánh, gốc thân có bẹ lá còn lại và có rễ. Lá xếp sát nhau, hơi nhọn đầu nhẵn. Cụm hoa dạng chùy thẳng đứng, thuôn, dài 20 - 60 cm, phân nhánh ngang.

Cây mọc hoang dại nơi chân đồi, sườn núi thấp, đất trống nhiều nắng. Thường gây trồng làm cảnh nơi vườn rộng, ven lối đi hay bờ tường làm nền cho các loài cây có hoa khác.

II.B.21. CÂY SẬY TRỐ

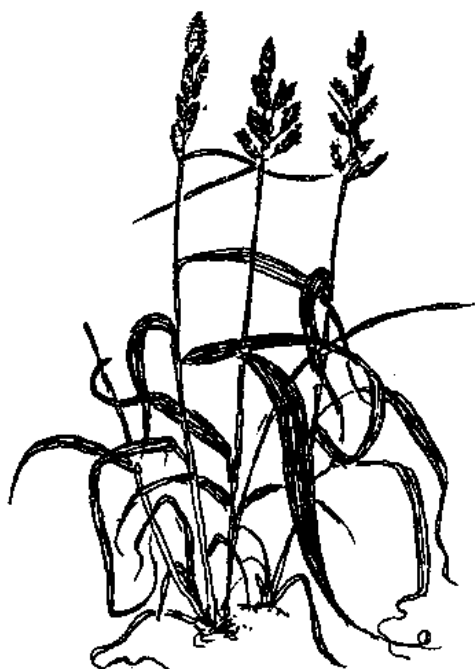
Ribbon grass; Gardener's Garter, Reed canary grass,
Roseau panaché

Phalaris arundinacea L.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Âu và được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước nhiệt đới. Cây mọc bụi cao 2 - 4 m, thân giống cây sậy

đường kính 1 - 1,5 cm, có đốt và rỗng ở giữa. Lá xếp 2 dãy đều đặn, mềm, đầu lá cong ra, mặt trên màu xanh đậm, mặt dưới hơi trắng, không có cuống, gốc lá tròn ôm lấy thân. Cụm hoa dạng chùm rộng ở ngọn thân, dài 15 - 25 cm, phân chia nhiều nhánh không lông, màu xanh bóng, cây có dáng đẹp, đặc trưng cho các loài Tre trúc, nên được gây trồng làm cảnh ở các chậu hay trồng thành bụi ở trong vườn, trong công viên làm cây trang trí. Tuy vậy, đặc sắc hơn cả có chừng :



II.B.21.a. Cây Sậy trở sọc

Ribbon - grass,
Gardener's Garters

Phalaris arundinacea L. var. *picta* L.

Họ cỏ (Poaceae)

Cây mọc thành bụi dày đặc, với lá màu xanh bóng có sọc trắng dọc theo gân chính. (Hình 56).

Cây trồng làm cảnh đẹp ở vườn hay ở chậu. Khi có cụm hoa có thể cắt cả cây đem cắm lọ với các loài hoa khác. Cây được gây trồng bằng hạt hay tách các bụi, dễ trồng và chóng có hoa.

II.B.22. CÂY TRE ĐÙI GÀ (Tre ống điệu)

Buddha's Belly Bamboo

Bambusa ventricosa Mc. Clure

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây mọc thành bụi dày hay thưa, cao hay thấp đều do nơi

trồng, nếu ở trong vườn đất ẩm thoáng có thể cao đến 15 m, còn thường trồng ở chậu chỉ cao 1 - 3 m. Thân cong queo, lóng phình ra ở gốc, sát các đốt, dạng như bầu rượu, xếp chồng chất lên nhau rất đẹp. Vòng đốt hơi cao. Thân màu xanh đậm, khi già có màu hơi vàng. Mo ở đầu bẹ hơi rộng, nhô lên thành hình cung. Lá hình trứng, mũi mác hay mũi mác dài, cuống lá ngắn, đầu lá nhọn, gốc lá tròn hay hơi hình tim.

Rất hiếm thấy ra hoa (Ảnh 28).

Cây mọc nhiều ở các tỉnh miền Bắc và do có dáng đẹp được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi. Cây dễ nhánh và ra măng khỏe nên có thể tách bụi để gây trồng dễ dàng. Cây mọc chậm, có thể uốn thế thành các hình dạng cao thấp khác nhau, nhất là khi trồng ở chậu.

II.B.23. CÂY TRE MẠNH TÔNG LỚN

Giant bamboo

Dendrocalamus giganteus Munro

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Mianma), có kích thước to lớn, do đó thường chỉ trồng làm cảnh trong các vườn bách thảo, coi như 1 loài cây khổng lồ. Thân cao đến 35 m, đường kính trên 20 cm, gốc thân không phân nhánh. Lóng lớn, nhẵn, màu xanh mốc. Lá ở măng có lông vàng ở ngoài. Lá lớn, thuôn tròn và kéo dài ở gốc, đầu có mũi nhọn. Cụm hoa dạng chùm rộng, lớn, mang nhiều bông giả xếp chụm dạng đầu. Quả dính tròn dài.

II.B.24. CÂY TRE MẠNH TÔNG ĐẶC (Tầm vông, Mạ san)

Male bamboo, Solid bamboo

Dendrocalamus strictus (Roxb.) Nees

(*Bambusa stricta* Roxb.)

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Mianma), mọc bụi dày, cao 6 - 25 m, đường kính 7 - 8 cm rỗng hay đặc (mọc nơi khô cần) có mấu phình lên. Các đốt ở gốc thường có rãnh. Lóng dài 30 - 45 cm, nhẵn. Lá dễ rụng, hình mũi mác, đầu

nhọn, gốc tròn có cuống ngắn, cả hai mặt đều có lông.

Cụm hoa dạng chùy lớn, chia nhánh tròn, mọc vòng. Bông nhỏ màu nhạt có lông, lờm chớm gai.

Cây mọc khỏe, hầu như không bị tàn lụi, ngay cả sau khi ra hoa, do đó được gây trồng rất rộng rãi để dùng trong xây dựng, đồ dùng hàng ngày. Đôi khi cây được trồng làm cảnh nơi công viên rộng, hay ở các vườn Bách thảo.

II.B.25. CÂY TRE VÀNG SỌC (Tre trổ)

Yellow or golden Bamboo; Bambou de Madagascar

***Bambusa vulgaris* Schrader ex Wendl. var. *aurea* - *variegata* Hort. (*B. vulgaris* var. *striata* Gamble)**

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á phía Bắc (Ấn Độ, Trung Quốc) được gây trồng ở nước ta từ rất lâu. Cây mọc thành bụi cao 6 - 12 m, có đốt cách xa nhau đều đặn, lông có vách dày. Thân và cành nhánh đều có màu vàng tươi với những sọc xanh dọc theo nhánh rất đẹp. Lóng dài 20 - 30 cm, vòng mo rõ, vòng rãnh hơi gồ lên, gốc dăm nhiều rễ nổi. Thân phân cành thấp, thường mỗi đốt nẩy ra 3 cành chính, mà cành giữa thường lớn và dài hơn cả. Mo phủ đầy lông, lá mo hình tam giác có gân song song nổi rõ. Lá thuôn hình ngọn giáo, gốc tròn, cuống ngắn. Cụm hoa dạng chùm rộng. Bông nhỏ dẹt, nhọn, xếp 2 chiếc ở một chỗ. (Ảnh 29).

Cây được gây trồng rất phổ biến để làm cảnh ở vườn, trong chậu (cắt ngắn cụt ngọn). Cây mọc khỏe dễ trồng bằng tách các cây con từ măng với một phần thân ngầm, có thể lấy các thân già với các mắt ngủ đem nhúng bùn rồi trồng. Cây chóng mọc thành bụi.

II.B.26. CÂY TRÚC CẢNH (Diệp vĩ dụ)

Japanese Bamboo

***Phyllostachys mitis* A. et C. Rivière
(*Bambusa mitis* Hort., non Poir)**

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản. Cây mọc bụi thưa,

gốc có thân rễ bò dài, măng xanh, có đốm tím. Lá ở măng có mép ngắn, phiến rất hẹp. Thân cây mọc thẳng mềm, màu mốc trắng lông có rãnh ở phần mọc ra cành nhánh. Lá dạng giải thon, hẹp màu xanh bóng láng ở mặt trên, mặt dưới mốc trắng. Cụm hoa có nhiều bông làm thành chùy. Cây có dáng đẹp, mềm mại và xanh quanh năm nên được gây trồng rộng rãi làm cảnh.

II.B.27. CÂY TRÚC ĐEN

Black Bamboo, Bambou noir

***Phyllostachys nigra* (Lodd) Munro**

(*Bambusa nigra* Lodd.)

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản, mọc thành bụi nhỏ, cao 2 - 4 m, lông khá xa nhau, có 2 rãnh ở đối diện nhau. Lá mo hình giải lượn sóng có lông mềm, lưỡi mo ngắn, xé mép. Thân cây màu đen láng rất đẹp. Lá hình mũi mác hẹp, mép có răng. Tuổi có 15 - 16 lông to.

Cụm hoa là chùy rộng, gồm nhiều bông. Bông nhỏ thường xếp 1 - 2 chiếc ở một chỗ, màu vàng.

Cây trồng làm cảnh rất đẹp, nhất là các nơi chùa miếu vùng núi. Cây ưa ẩm mát, nên phân bố chủ yếu ở vùng núi miền Bắc Việt Nam, và được trồng ở vùng núi Nam Trung bộ. Cây gây trồng chủ yếu bằng tách các chồi thân ngầm hay tách bụi.

Các nhà vườn thường trồng 1 chủng đẹp làm cảnh là *Phyllostachys nigra* Munro. var. *punctata* Hort. - Thân màu vàng nhạt với các đốm màu nâu đen.

II.B.28. CÂY TRÚC HÓA LONG (Trúc vàng)

Phyllostachys bambusoides* Sieb. et Zucc. var *aurea

(Carr. ex Riv.) Mak.

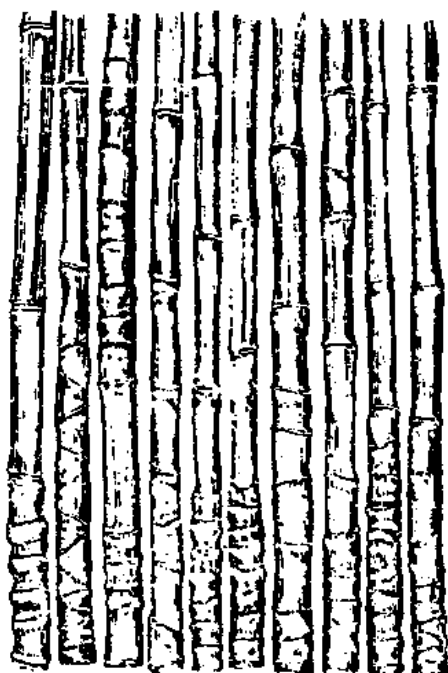
(*Phyllostachys aurea* A. et C. Rivière)

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản. Cây cao 4 - 8 m, lông dài 15 - 25 cm, vòng thân nhô cao, dưới vòng mo và ở vòng đốt

có vòng lông hơi trắng sau đen. Phần đoạn gốc thân, các đốt sát lại với nhau, thẳng nghiêng hay rần reo, lông giữa đốt phình lên xù xì và cong queo làm cho phần vỏ dày lên, gần như đặc. Các đốt có khoảng cách không đều, chỉ dài 1 - 3 cm và tạo nên cây trúc có nhiều dạng hình thù đặc sắc. Lá hình mũi mác thuôn, đầu và gốc đều nhọn, mép ráp. Cụm hoa ở trên các cành già, lá bắc mang bông nhỏ ở đỉnh có phiến lá phát triển. (Hình 57)

Cây có dáng đẹp làm cây cảnh rất hợp, gốc thân có thể làm cán ô, chân đèn hay gậy chống. Cây mọc khỏe và thích hợp với khí hậu mát ẩm. Gây trồng bằng cách tách bụi, có thể trồng làm cảnh ở chậu.



H.57. Trúc hóa long -
Phyllostachys bambusoides
Siebet Zucc. var. *aurea* Mak.

II.B.29. CÂY TRÚC LÙN (Trúc cảnh)

Sasa humilis (Mif) Cam.

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây mọc bụi dày, thân rễ bò và có chồi dài. Thân cao khoảng 1 m, mềm mại, màu xanh bóng, lông dài 5 - 10 cm. Lá ở măng dài, mép có lông mịn, phiến rất hẹp nhỏ. Đốt mịn có 1 nhánh, lá thuôn dài nhọn ở đỉnh, gốc gần tròn, tai có 5 - 7 lông to, cuống rất ngắn. Cây có dáng bụi đẹp, màu xanh bóng, nên được gây trồng làm cảnh rất phổ biến ở công viên hay trong chậu. Tuy nhiên, trong các loài trúc lùn, đáng chú ý nhất là :

II.B.30. CÂY TRÚC LÙN NHẬT

Sasa japonica Mak. (*Arundinaria japonica* Sieb. et Zucc.)

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây mọc bụi, có thân rễ bò dài, thân cao 1 - 5 m, mềm mại, xanh bóng, đốt cách xa nhau đều đặn, mỗi mắt mang 1 nhánh. Lá măng có phiến nhỏ, mép có lông. Lá thuôn dài, nhọn đầu gốc phình rộng và tròn, gân nổi rõ. Cụm hoa là chùm rộng, thưa, phân chi nhánh dạng bông dài 3- 10 cm.

II.B.31. CÂY TRÚC VÀNG

Golden Bamboo, Bambou doré

Phyllostachys aurea

Munro, (*Bambusa aurea* Hort.)

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản. Cây mọc rải thưa, thân nhỏ, cao 2 - 4 m, đường kính 1 - 1,5 cm, màu vàng láng, bóng, có một rãnh sâu. Các lông ở gân gốc ngắn và đặc. Lá màu xanh bóng ở mặt trên, mặt dưới pha trắng màu mốc. Cụm hoa là chùm rộng, gốc có lá nhỏ, chia nhánh nhỏ dạng bông dài 2 - 3 cm.

Cây có màu sắc đẹp, trông làm cảnh thích hợp.

II.B.32. CÂY TRÚC VUÔNG

Chimonobambusa quadrangularis (Fenzi.)
Mak. (*Bambusa quadrangularis* Penzi.)



H.58. Trúc vuông -
Chimonobambusa quadrangularis
Mak

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây mọc chủ yếu ở vùng núi cao miền Bắc Việt Nam và Trung Quốc, Nhật Bản, nhưng do thân cây đặc sắc có thể gây trồng làm cảnh nơi công viên hay trong vườn.

Cây có thân cao 3 - 8 m, đường kính 1 - 4 cm, lông dài 8 - 20 cm, màu xanh bóng, ráp, tiết diện vuông, các đốt ở gốc có rễ ngắn biến thành gai nhọn. Mo rất mỏng hình tam giác, mặt ngoài và mép có lông. Lá thuôn dài nhọn đầu, gốc thuôn kéo dài thành cuống. Mặt trên nhẵn, mặt dưới có lông mềm, gân mảnh thành ô vuông rõ. (Hình 58)

Bông nhỏ màu lục hay lục vàng có 4 - 6 hoa.

II.C. NHÓM CÂY THÂN MỘNG NƯỚC

II.C.1. CÂY CẨM THẠCH (Chân rết, Thuốc dẫu)

Slipper plant; Bird cactus, Redbird cactus, Slipper spurge; Jew bush, Popcorn cactus, Herbe à cors, Pantouflin

Pedilanthus tithymaloides (L.) Poit.

(*Euphorbia tithymaloides* L., *E. canaliculata* Lodd.;

E. carinata Don.)

Họ Thầu dầu

(Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ, hiện được gây trồng làm cây cảnh ở chậu hay cây hàng rào, viền lối đi trong vườn. Cây thân cỏ có nhựa trắng, cao từ 0,4 - 1m. Thân hình trụ màu xanh bóng, gãy khúc, lá mọc cách đều trên mặt phẳng, phiến dày dạng bầu dục, đầu nhọn, gốc tròn, màu xanh nhẵn. Cụm hoa ở đỉnh thân (ít phân cành) ngắn, có cuống ngắn có đốt. Hoa đơn tính màu đỏ. Quả ít thấy. (Hình 59).



H.59. Cẩm thạch -
Pedilanthus tithymaloides
Poit.

Cây có dáng đẹp, mọc khỏe bằng giâm cành, xanh quanh năm, cho hoa nở rộ vào mùa khô. Để trồng làm cảnh, nhân dân thường sử dụng các chủng đẹp như sau :

II.C.1a. Cây Cẩm thạch lùn (Chân rết lùn)

Pedilanthus tithymaloides Poit. var. *nana* Hort.

Cây có thân ngắn, lá mọc sát nhau, màu xanh đậm. Thường trồng làm cảnh ở chậu nhỏ.

II.C.1b. Cây Cẩm thạch vằn (Chân rết vằn)

Pedilanthus tithymaloides Poit. var. *variegatus* Hort.

Thân lóng có sọc trắng, lá có vết ố loang màu trắng hay hồng. Hoa màu đỏ thắm ở trên, xanh ở dưới.

II.C.2. CÂY CÀNG CUA (Xương rồng huỳnh hoa)

Christmas cactus, Crab cactus, Cactus de Noël

***Zygocactus truncatus* (Haw.) K. Schum (*Epiphyllum truncatum* Haw.; *Zygocereus truncatus* Fric. et Krewz.)**

Họ xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, được gây trồng rộng rãi vì dáng cây đặc sắc, hoa đẹp, nhưng thường phải ghép lên gốc các loài xương rồng khác. Cây mọc thành bụi nhỏ, gốc hóa gỗ mập, thân có 2 cánh dẹt (ít khi có 3 cánh) mép khía răng, và thất lại ở đốt, màu xanh bóng, mềm, phân cành nhiều, ngang hay buông thõng xuống, rất thích hợp trồng ở các chậu hay các quang treo. Hoa lớn dài 6 - 8 cm mọc ra từ các cành ở đỉnh, buông thõng xuống. Cánh hoa nhiều, xếp xoắn ốc, màu hồng tím ở ngoài, các cánh trong màu trắng, thơm. (Hình 60)



H.60. Càng cua - *Zygo cactus truncatux* K. Schum

Ở miền Bắc, cây thường nở hoa vào dịp Tết nên rất quý, còn ở miền Nam hoa tập trung nở vào mùa mưa. Cây dễ trồng bằng các đoạn thân.

Để trồng làm cảnh, các nhà vườn thường chọn các chủng :

II.C.2a. *Zygocactus truncatus* K. Sch. var. *delicatus* Borg.

Hoa màu hồng.

II.C.2b. *Zygocactus truncatus* K. Sch. var. *violaceus* Hort.

Hoa màu tím.

II.C.3. CHÂN CHIM BẦU DỤC

Schefflera elliptica (Harms.) Bl.

Họ Ngũ gia bì (Araliaceae)

Cây mọc hoang dại trong rừng nước ta, nhưng có dáng đẹp, mọc khỏe dễ uốn tía nên thường được trồng làm cây cảnh lùn trong các chậu hay cây ở non bộ. Cây sống phụ leo bám trên các cây gỗ lớn khác, mọc vươn cao. Lá kép chân vịt mang 5 - 7 lá phụ, dạng thuôn, dài, mép nguyên, màu xanh đậm bóng, gân nổi rõ. Gốc lá phình rộng ôm thân. Cụm hoa dạng tán lớn, dài bằng lá, mọc ra từ nách lá. Hoa nhỏ. Quả có nhân cứng.



H.61. Chân chim tám lá -
Schefflera octophylla Harms

Cây dễ trồng, sống dai, xanh quanh năm. Trồng bằng các đoạn thân có rễ hay giâm cành.

II.C.4. CÂY CHÂN CHIM TÁM LÁ

(Đáng, Sâm nam)

Schefflera octophylla (Lour.)

Harms.

Cây leo dài, sống phụ hay dựa. Lá kép chân vịt thường có 8 lá nhỏ, hình thuôn dài, đầu nhọn, gốc tròn, mép lá nguyên. Cụm hoa dạng tán tập hợp thành chùy lớn mọc ở nách lá. Hoa nhỏ, trắng, thơm. Quả hạch tròn. (Hình 61)



H.62. Kỳ nam kiến -
Hydnophytum
formicarum Jack

Cây có hoa vào mùa thu đông.

Cây dễ trồng bằng các đoạn thân, làm cây uốn thế hay ở non bộ rất thích hợp.

Gần đây các nhà vườn có nhập gây trồng 1 loài khác cho lá đẹp là :

II.C.5. CÂY CHÂN CHIM VẦN

Variegated elf.

***Schefflera arboricola* var. *variegata* Hort.**

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc. Thân xù xì, mập, mềm sống dựa, phân cành nhiều. Lá kép chân vịt có 7 - 8 lá phụ, màu xanh bóng, mép viền loang lổ màu trắng, rất đẹp. Cụm hoa tán thẳng ở đỉnh. Quả màu đỏ cam hay đen nhạt.

Cây chịu bóng được nên làm cây trang trí nội thất đẹp.

II.C.6. CÂY KỲ NAM KIẾN (Bí kỳ nam)

***Hydnophytum formicarum* Jack**

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc ở Đông Nam châu Á, trong rừng ẩm lá rộng thường xanh vùng núi. Cây sống phụ trên cây gỗ lớn, có củ tròn nhẵn màu xám vàng nhạt với nhiều lỗ không đều màu nâu đen (tổ kiến). Thân ngắn, lá mọc đối, dày, nhẵn, mọc đều đặn và gân phụ mịn. Hoa nhỏ màu trắng, cánh hoa dày. Quả có nhân cứng. Cây có dáng đẹp, lạ, có thể gây trồng làm cảnh trong các quang treo hay bám vào vách đá hòn non bộ. Cây chịu bóng, làm cây trang trí trong phòng khá thích hợp. Hiện nay vẫn thu hái ở rừng làm cây cảnh, nhưng có thể nhân giống bằng tách các phần củ có chồi mầm, ươm gieo nơi ẩm, che bóng. (Hình 62).

II.C.7. CÂY LIÊN ĐÀI

Oyster plant, Echeverie glauque

***Echeveria glauca* Hort. en Baker**

(*Cotyledon glauca* Baker)

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng làm cảnh khá rộng rãi. Cây nhỏ bé, gần như không có thân. Lá nhỏ, rất dài, xếp thành hoa thị ở sát đất, phiến gần tròn rộng ở đỉnh, thuôn ở gốc, màu xanh lục nhạt ánh bạc và vàng. Lá rụng ra khỏi thân có thể nảy

chồi ở gốc làm thành cây mới. Cụm hoa mọc ra ở nách lá trên cuống chung dài, mang 15 - 20 hoa nhỏ bé, màu trắng. (Hình 63).

Cây đẹp, xanh quanh năm, rất phù hợp trồng ở chậu làm cảnh, cây dễ trồng mọc nhanh, nhân giống dễ dàng.

II.C.8. CÂY LIÊN ĐÀI ĐỎ

Echeverie coccinée

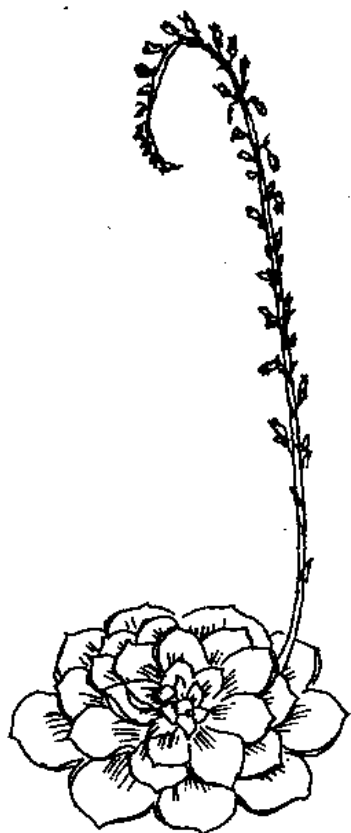
Echeveria coccinea DC.

(*Cotyledon coccinea* Cav.)

Họ thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, thân mập, hóa gỗ ở gốc cao khoảng 0,6 - 1 m, phân cành nhánh nhiều, có lông mảnh màu xám. Lá hình giáo hợp lại thành hoa thị ở ngọn cành. Cụm hoa có cuống chung dài mang 15 - 25 hoa, xếp dạng bông thưa. Hoa màu đỏ cánh dài xòe rộng, cánh trắng 5 hợp thành ống thuôn ở đỉnh, chia 5 thùy ngắn.

Cây mọc khỏe, dễ trồng và nhân giống dinh dưỡng bằng các đoạn thân, cành.



II.C.9. CÂY LIÊN ĐÀI GỪ

Echeverie à fleurs gibbeuses

Echeveria gibbiflora DC.

(*Cotyledon gibbiflora* Moc. et Sessé)

Họ thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng làm cảnh rộng rãi vì dáng cây đặc sắc. Cây có thân mọc thẳng đứng, cao khoảng 60 cm. Lá phẳng, rộng, dạng nêm nhọn đầu, màu vàng, nạc, dày, thu hẹp dần lại từ đỉnh xuống gốc để hợp lại thành hoa thị sát nhau. Cụm hoa trên một cuống chung ngắn, phân thành chùy ở đỉnh. Hoa

H.63. Liên đài - *Echeveria glauca* Hort.

xếp theo 1 bên, nở rất bên, màu đỏ. Cánh đài hợp ở gốc trên chia thùy nhỏ gốc màu trắng, trên màu đỏ cánh tràng cong lại.

Chúng được trồng làm cảnh rộng rãi hơn cả là :

II.C.9a. Echeveria gibbiflora DC. var. metallica Baker

(*Echeveria metallica* Hort.) - có lá lớn, dạng bầu dục, màu vàng ánh kim. Hoa màu vàng nhạt, đỉnh đỏ.



*H.64. Liên đài lệch –
Echeveria secunda Ldl.*

II.C.10. CÂY LIÊN ĐÀI LỆCH

Echeveria secunda Lindl. (*Cotyledon secunda* Baker)

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, gây trồng làm cảnh ở chậu rất đẹp. Cây gần như không có thân. Lá xếp hoa thị ở sát đất hay trên đỉnh thân ngắn. Phiến lá dày, dạng lòng thuyền gần tròn đầu thuôn nhọn. Cây có thể đẻ nhánh sát gốc làm thành bụi cây nhỏ. Phiến lá màu xanh vàng hấy vàng có mép phần đỉnh viền đỏ nhạt. Cụm hoa trên 1 cuống dài, thẳng đứng hay hơi cong, mang 12 - 15 hoa xếp về 1 phía màu đỏ cam, gốc có lá bắc. Hoa có 5 cánh dài nhỏ ở gốc, cánh tràng 5 thuôn hẹp làm thành ống thuôn ở đỉnh. (Hình 64).



H.65. Liên đài thừa –
Echeveria agavoides Lem.

II.C.11. CÂY LIÊN ĐÀI THỪA

Echeverie à port d'Agave

Echeveria agavoides Lem.

(*Cotyledon agavoides* Bak.) (*Inbinu agavoides* Rose)

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô. Cây nhỏ bé thân ngắn sát đất, mọc ra nhiều chồi mang các đám lá xếp hoa thị sát nhau làm thành khối nhỏ. Lá dạng bầu dục nhọn dày, mập, nạc phẳng, thuôn dài nhọn đầu màu đỏ, phiến màu xám xanh cả hai mặt. Cụm hoa trên cuống chung dài khoảng 30 cm, mang 4 - 6 hoa. Hoa có cuống dài, màu đỏ cam. Cánh dài nhỏ bé ở gốc. Cánh tràng dài thuôn làm thành ống hẹp (Hình 65).

Hoa nở bền, hấp dẫn.

II.C.12 - CÂY LÔ HỘI (Nha đam, Lưỡi hổ).

Barbados Aloes , Aloès vulgaire

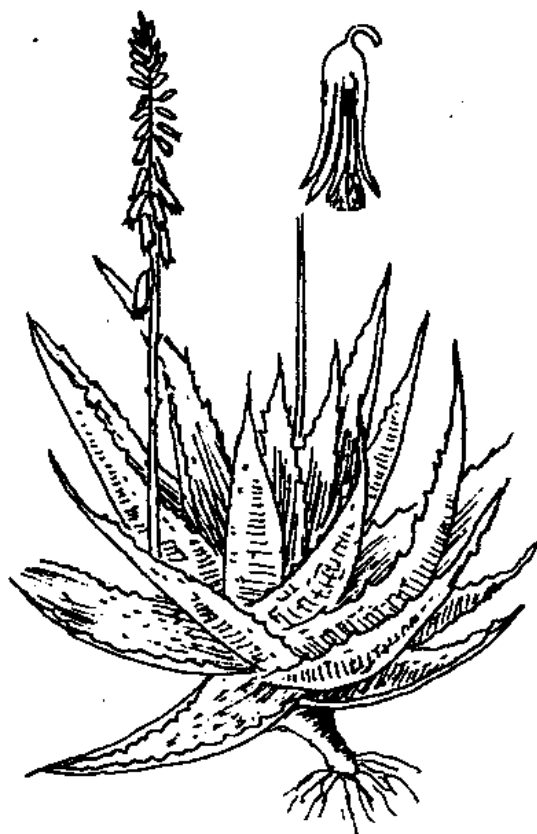
***Aloe vera* Linn. (*A. perforliata vera* Linn.;**

***A elongata* Murr.;**

***A. barbadensis* Mill., *A. vulgaris* Lam., *A. flava* Pers.)**

Họ Lô Hội (Asphodelaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng Trung cận đông nay phát triển rất rộng rãi ở các nước nhiệt đới, để làm cảnh và làm thuốc. Cây nhỏ bé, gốc hóa thân gỗ, ngắn, lá không cuống, mọc vòng rất sát nhau, mập, màu xanh tươi, mép dày có răng cưa thô như gai nhọn, mặt trên lõm có nhiều đốm không đều, màu trắng. Cụm hoa dài khoảng đến 1 m, dạng chùy dài mang nhiều hoa, lúc non mọc đứng sau rủ xuống. Hoa dài 3 - 4 cm, cánh hoa hợp lại thành ống,, trên chia thùy sâu. Quả nang hình trứng thuôn, non màu xanh, sau già màu nâu (Hình 66).



H.66. Lô hội - Aloe vera L.

Để trồng làm cảnh, thường gây trồng các chủng :

II.C.12.a - Aloe vera L. var. *officinalis* Baker.

Hoa màu vàng da cam, cây lớn, lá rộng.

II.C.12.b - Aloe vera L. var. *chinensis* Berg.

Hoa màu đỏ. Cây nhỏ bé hơn.

Cây mọc khô rất dễ trồng bằng tách bụi, vì cây dễ nhánh rất dày đặc, nếu đất tốt chỉ sau một vài năm cây lan tràn thành một thảm dày.

II.C.13 - CÂY LÔ HỘI CẢNH (Mỏ két)

Bee de Perroquet, Aloès panaché

Aloe variegata Linn. (*A. punctata* Haw.)

Họ lô hội (Asphodelaceae)

Cây có nguồn gốc ở Capr, được gây trồng làm cảnh trong chậu nhỏ. Cây nhỏ bé, thân rất ngắn. Lá xếp hoa thị, dạng tam giác, dày mặt trên lõm dạng chữ V, màu xanh bóng với các đốm và mép trắng. Mép lá có răng dạng gai, đầu lá nhọn. Cụm hoa trên 1 cuống chung thẳng, dài, mang nhiều hoa màu đỏ, cánh hoa hợp thành ống ngắn có gân màu xanh xám.

Trồng làm cảnh, thường chọn chủng *Aloe variegata* L. var. *haworthii* Berg. Lá hẹp và có vạch trắng.

Cây dễ trồng và nhân giống bằng tách bụi.

II.C.14 - CÂY LÔ HỘI VẦN (Nha đảm vằn)

Aloès maculé, Aloès d'Abyssinie

Aloe maculata Fork. (*A. abyssinica* Lamk.)

Họ lô hội (Asphodelaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới,, được trồng làm cảnh vì lá có màu sắc đẹp. Cây nhỏ bé, lá mọc sát nhau, không có cuống, phiến hẹp dạng tam giác, đầu nhọn, màu xanh xám, mép có vạch màu đỏ nhạt. Cụm hoa có cuống chung dài, hơi phân nhánh. Hoa màu vàng hay da cam. Cánh hoa hợp thành ống hẹp trên chia thùy ngắn.

Hiện nay ở các tỉnh phía Nam còn nhập để trồng 1 loài khác làm cảnh đẹp là:

II.C.15 - LÔ HỘI VẦN NHỎ

Haworthia limifolia Marloth.

Họ Lô hội (Asphodelaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Phi nhiệt đới, dạng nhỏ, gần như không có thân. Lá dày xếp sát đất, dạng hoa thị, chồng lên nhau. Phiến lá hình tam giác dài, nhọn, mập, màu xanh bóng trên có nhiều vạch ngang mảnh màu trắng, nổi rõ rất đẹp, như da trâu. Toàn bộ cây chỉ cao 10 - 15 cm, nhưng cụm phát hoa dài trên 20 cm, mảnh, mang hoa nhỏ màu tím nhạt, dạng ống dài. Cây rất thích hợp trồng ở chậu, bày trong nhà (bàn trà, cửa sổ, bàn làm việc). Nhân giống bằng tách bụi.

II.C.16 - CÂY LƯỠI CỌP VẦN (Hổ thiệt vằn, Hổ vĩ)

Bowstring - Hemp, Konje Hemp,

Sword - plant, Sansevière, Langue de belle - mère,
Sansevière de Guinée

Sansevieria trifasciata Prain.

(*S. thyrsiflora* Thunb., *S. guineensis* Willd.)

Họ Bồng bồng (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Phi nhiệt đới được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi. Cây gần như không có thân, nhưng thân rễ mập, khỏe, mọc ra chùm 1 - 6 lá dẹt, mập, cứng, hình lòng thuyền rộng, phẳng ở mặt trên có rãnh ở mặt dưới, mép lá có sụn màu đỏ nhạt, lá già có vằn ngang màu đậm mép xanh. Cụm hoa có cuống chung, mập, tròn, màu xanh bóng, cao 30 - 80 cm mọc ra các chùm ngắn 3 - 8 hoa. Hoa màu trắng lục nhạt có đốm nâu, cánh hoa hợp thành ống dài, trên chia thùy hình giải, thơm. Quả mọng có 1 - 3 hạt. (Ảnh 30).

Cây làm cảnh đẹp, dễ trồng bằng tách bụi, ít chăm sóc, mọc khỏe.

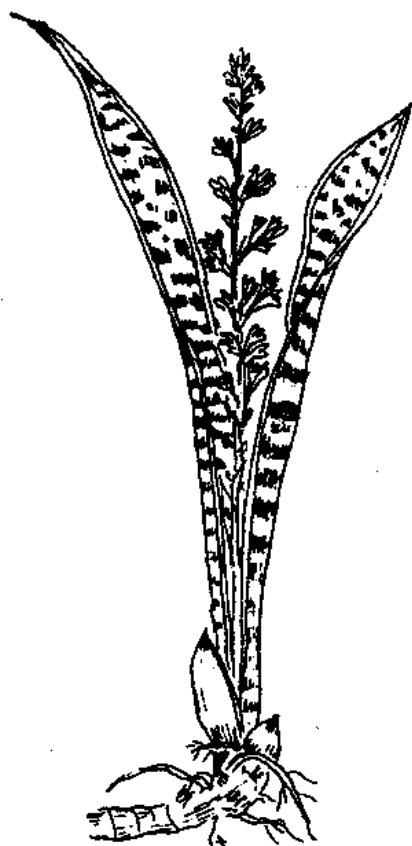
II.C.17 - CÂY LƯỠI CỌP XANH (Hổ thiệt)

Bowstring Hemp, Grande sansevière; Sansevière de ceylan.

Sanseviera zeylanica Willd.

Họ Bông bông (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Xrilanca). Cây thân mọc thành bụi 5 - 10 lá dày, sống lâu năm. Lá lớn mọc thẳng, hình giáo hẹp, nhọn, có rãnh, rất dày, cứng, lượn sóng, màu xanh đậm bóng, mép hóa sụn màu đỏ nhạt và phiến có nhiều vân ngang màu lục nhạt pha trắng, không đều nhau. Cụm hoa dạng bông trên cuống chung mập, thẳng màu xanh, dài khoảng 30 cm, có nhiều lá bắc. Hoa lớn màu trắng lục, dài 3,5 cm, xếp đều đặn. Cánh hoa 6, mềm, dài thuôn. Quả tròn. Cây dễ trồng bằng các đoạn thân rễ (tách bụi), ít chăm sóc, làm cảnh đẹp. Hiện có một chủng được gây trồng làm cảnh phổ biến hơn cả là :



II.C.17.a - Cây lưỡi cọp xanh
mép vàng.

Sanseviera zeylanica Willd.
var. *laurentii* Hort.

(*S. laurentii* Wildem.)

Cây có nguồn gốc từ châu Phi nhiệt đới. Lá có mép nên 1 giải màu vàng nhạt (Hình 67).

H.67. Lưỡi cọp xanh mép vàng
- *Sanseviera zeylanica* Willd.
var. *Laurentii* Hort.

II.C.18 - CÂY LƯỠI MÈO

Sansevière de Hahn

Sansevierea trifasciata Prain. var. *hahnii* Hort.

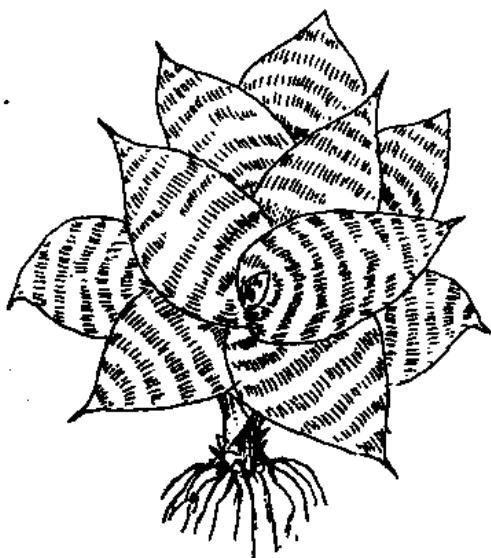
(*Sansevierea hahnii* Hort.)

Cây lùn nhỏ, thân rất ngắn. Lá xếp xoắn dạng hoa thị sát đất, màu xanh đậm bóng với các vân ngang màu xanh xám nhạt cách xa nhau đều đặn. (Hình 68).

Loài này còn có một dạng trồng khá phổ biến là cây lưỡi mèo vàng.

Sansevierea hahnii Hort.
for. golden.

Cây có lá uốn dạng lòng máng, màu xanh nhạt bóng, mép có viền lớn chiếm gần nửa phiến, màu vàng và trong có vân dọc theo phiến lá. Đây là dạng làm cảnh đẹp nhất.



H.68. Lưỡi mèo -
Sansevierea hahnii Hort.

II.C.19 - CÂY MÓC CÂU ĐỎ (Xương rồng gai đỏ)

Parodia mutabilis Backbg.

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Argentina, được gây trồng ở chậu làm cảnh đẹp. Cây có thân dạng tròn trơn, đường kính khoảng 10 cm, gồm nhiều u lồi xếp xoắn ốc đều, trơn nhẵn ở đỉnh. Cụm gai xếp tỏa tròn đều ở đỉnh mỗi u lồi, màu đỏ, thẳng, nhọn đầu, xếp xen lẫn nhau, che phần lớn màu xanh của thân (càng lên đỉnh gai càng dày đặc). Hoa lớn, 1 - 2 chiếc ở đỉnh thân, dài 3 cm màu vàng tươi. Hoa có cuống mập, ngắn, nhiều vảy dài ở gốc. Cánh hoa rộng mềm, xếp nhiều vòng loe rộng ở đỉnh. Nhị nhiều. Bầu có vòi dài chia ngón ở đỉnh.

Cây đẹp, dễ trồng và ra hoa đều vào đầu xuân. Có thể chọn mấy chủng làm cảnh sau :

II.C.19.a - Parodia mutabilis Backbg. var. *carneospiva* Backbg.

Cây có thân với gai trung bình.

II.C.19.b - Parodia mutabilis Backbg. var. *elegans* Backbg.

Cây có thân với gai mảnh.

II.C.19.c - Parodia mutabilis Backbg. var. *ferruginea* Backbg.

Cây có thân gai với gai mập.

II.C.20 - CÂY NÁNG ĐẾ

Beaucarnea recurvata, Pony tail.

Beaucarnea recurvata Ch. Lem.

(*Nolina recurvata* Hemsl.; *Pincinctita tuberculata* Hort.)

Họ Náng đế (Nolinaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng làm cảnh chủ yếu ở các tỉnh phía Nam Việt Nam. Thân mảnh, cao chừng 1 - 2 m, phình rộng ở phía gốc thành một đế lớn hình bán cầu, đường kính 30 - 40 cm, lá nhiều, xếp sát nhau, tỏa tròn, cứng, cong ra ngoài, màu xanh đậm, hình giải, nhọn đầu, dài 1 - 2 m, rộng 2 - 3 cm.

II.C.21 - CÂY NÁNG ĐẾ LÁ DÀI

Beaucarnea longifolia Baker.

(*Nolina longifolia* Hemsl.)

Họ Náng đế (Nolinaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô. Thân cao khoảng 1 m, đôi khi phân ít cành ngắn. Lá xếp dày đặc ở đỉnh thành búi xòe rộng, màu xanh đậm, cứng, đầu nhọn, mép ráp. Cụm hoa dạng chùy lớn, mang hoa đơn tính, nhỏ bé. Quả thuôn dài có hạt đỏ nhạt (hình 69).

Cây có dáng đẹp.

II.C.22 - CÂY NANH HEO

Sanseveère cylindrique

Sansevieria cylindrica Bojer

Họ Bông bông (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Phi nhiệt đới, được gây trồng rộng rãi để làm cảnh ở chậu hay viền lối đi trong vườn. Cây có thân rất ngắn, nhưng thân rễ khỏe, mập, dài, mang 5 - 10 lá, xếp hai dãy trên mặt phẳng. Lá hình trụ nhọn, có bẹ ở gốc, thuôn nhọn ở đỉnh, cao 0,3 - 1 m đường kính 3 - 4 cm, có rãnh, màu xanh đậm bóng có nhiều đốm vằn màu lục nhạt pha trắng làm thành các vằn tròn. Cụm hoa trên cuống chung dài, mập, thẳng đứng, ngắn hơn lá. Hoa màu trắng ngà có đốm hồng. Cánh hoa 6 làm thành 1 ống mảnh trên chia 6 thùy dài. Nhị thò ra ngoài bao hoa. Quả mọng có 1 - 3 hạt (Ảnh 31).

Cây có dáng đẹp, dễ trồng, chịu được bóng, làm cây trang trí nội thất đẹp. Nhân giống bằng tách bụi, cắt các đoạn thân rễ có chồi và có rễ. Cây ít đòi hỏi đất đai, tránh úng ngập nước.

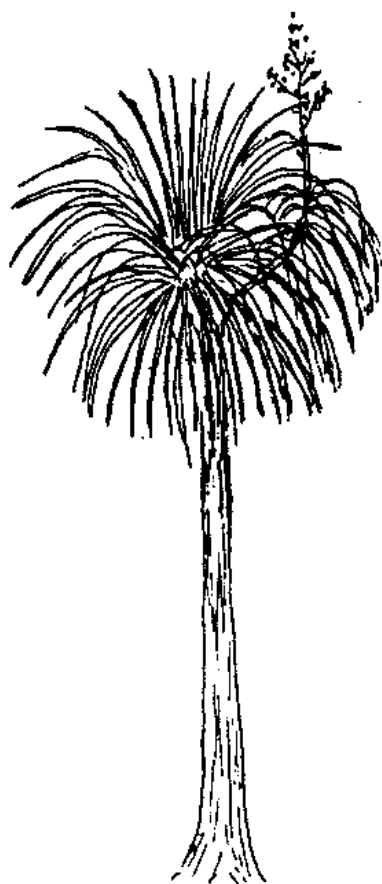
II.C.23 - CÂY NGÀ VOI

Sansevieria canaliculata

Carr. (*S.sulcata* Boj.)

Họ Bông bông (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc ở Madagasca, quần đảo Réunion và các nước



H.69. Náng đế lá dài -
Beaucarnea longifolia Baker.

khác thuộc châu Phi nhiệt đới. Cây mọc thành bụi nhỏ, gốc có thân rễ mập mọc bò, màu đỏ. Lá mọc thẳng đứng, hình trụ có một rãnh dọc khá sâu, đầu thuôn nhọn, gốc có bẹ, màu xanh bóng nhợt.

Cụm hoa dạng chùm hẹp và ngắn, dài khoảng 20 cm. Hoa hình ống dài, trên chia 6 thùy hẹp, màu trắng.

Cây làm cảnh đẹp vì có dạng lá đặc sắc, rất thích hợp trong các chậu và bày trong nhà. Cây sống khỏe, chịu được hoàn cảnh sống khó khăn, gây trồng chủ yếu bằng tách bụi từ các đoạn thân rễ.

II.C.24 - CÂY NGỌC GIÁ

Adam's Needle, Yucca filamanteux

***Yucca filamentosa* Linn.**

(*Y. aloifolia* L., *Y. serrulata* Haw.)

Họ Thùa (Agavaceae)

Cây có nguồn gốc từ Bắc châu Mỹ, được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở vườn, trong chậu hay làm cây phong cảnh. Thân hình trụ thấp (cao khoảng 0,5 m) mang lá dày đặc ở đỉnh. Lá cứng, đầu nhọn như gai, gốc dây có bẹ ôm thân, màu xanh bóng, lâu rụng. Cụm hoa dạng bông lớn mọc thẳng đứng giữa đám lá. Hoa tập trung ở đỉnh, khá lớn (đường kính 4 - 5 cm) có 6 cánh xòe rộng, màu trắng, đẹp, thơm. Quả ít thấy (Hình 70).



H.70. Ngọc giá -
Yucca filamentosa L.

Cây được gây trồng vì có dáng đẹp, dễ mọc và chịu được hoàn cảnh sống khó khăn (khô, nóng). Các chủng có dáng đẹp hơn cả là :

II.C.24.a - Cây Ngọc giá cuộn

Yucca filamentosa L. var. *concava* Baker. (*Y. concava* Haw.)

Lá lõm sâu dạng lòng thuyền.

II.C.24.b - Cây Ngọc giá vân

Yucca filamentosa L. var. *variegata* Hort.

Lá rộng, mép có viền trắng hay vàng nhạt.

II.C.25 - CÂY NGÔ ĐỒNG (Dầu lai củ)

Guatemala Rhubarb, Physic Nut, Tactago

***Jatropha podagrica* Hook.**

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Trung châu Mỹ, được gây trồng làm cảnh ở trong chậu rất đẹp, trồng nhiều nơi đền chùa, danh lam thắng cảnh và vườn trong nhà. Cây nhỏ, thân bụi cao 0,3 - 1 m. Gốc phình rộng thành củ, xù xì, mập, gần hình trụ, trên cong queo, phân nhánh ít. Lá hình khiên rộng, có 3 - 5 thùy cuống lá dính vào 1/3 gần gốc, màu xanh bóng, nhẵn, đẹp. Cụm hoa trên cuống chung dài, mập, màu xanh xám, thẳng. Cụm đế hoa màu đỏ. Hoa có 5 cánh màu đỏ tươi. Bầu hình trái xoan, nhẵn, màu xanh bóng. Quả nang, độc (Ảnh 32).

Cây có dáng đẹp, lá xanh quanh năm và cụm hoa độc đáo, lâu tàn và gần như có quanh năm. Cây được nhân dân rất ưa chuộng, trồng bằng hạt.

II.C.26 - CÂY QUỲNH

Night - flowering cactus, Orchid cacti

***Epiphyllum oxypetalum* (DC.) Haw.**

(*Phyllocactus grandis* Lem.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô (hoặc Monduras, Guatemala và Cuba) là một trong những loài làm ảnh đẹp nhất của họ Xương

rồng. Hiện nay cây được trồng rộng rãi ở nhiều nước. Ở Việt Nam, cây được ưa chuộng vì người ta cho rằng hoa nở đem lại hạnh phúc cho người thưởng ngoạn. Cây mọc vươn dài hay sống dựa, gốc thân hình trụ, còn phần trên và cành đều dẹt như lá có gân giữa cứng, khỏe. Mép thân uốn lượn và có khía tròn, màu xanh bóng, dày. Hoa nở về đêm, lớn, màu trắng gồm nhiều lá bắc hình vẩy ở gốc, phủ kín cuống dài mọc ra từ phần gân giữa của thân. Cánh dài thuôn dài, mảnh, màu trắng. Nhị nhiều, bầu có vòi dài màu trắng. Hoa nở chóng tàn. Hoa nở tập trung vào mùa thu (Ảnh 33).

Cây trồng làm cảnh ở chậu, bờ tường hay balcon rộng. Cây dễ trồng bằng các đoạn thân hay đoạn gốc có rễ (dễ nhánh từ gốc thành bụi). Chăm sóc không phức tạp, cần đủ nắng và đất trung bình.

II.C.27 - CÂY QUỲNH ĐỎ

Epiphyllle d'Aclerman

***Epiphyllum akermannii* Haw.**

(*Phyllocactus akermannii* Valp.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây được gây trồng làm cảnh rộng rãi vùng núi cao (Đà Lạt - Lâm Đồng) cho hoa nở bền và vào ban ngày. Cây có dáng như cây Quỳnh. Thân dẹt màu xanh bóng có múi nhỏ và phân cành ngắn. Hoa lớn nở ở đầu cành, ngoài có lá bắc dạng vẩy. Cánh hoa dài, mảnh màu đỏ tươi ở ngoài, màu đỏ hồng ở trong. Nhị nhiều. Bầu có vòi màu đỏ nhạt (Ảnh 34).

Hoa đẹp làm cây cảnh ở chậu rất thích hợp.

II.C. 28 - CÂY SAN HÔ XANH (Cành giao, Xương khô, Thập nhị)

Milk bush, Finger tree, Indian tree spurge

***Euphorbia tirucalli* Linn.**

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á và châu Phi nhiệt đới,

được trồng làm ở chậu hay thành bụi ở vườn. Cây bụi nhỏ, cao 1 – 6 m, thân mập, dày, phân cành nhiều mọc vòng xum xuê, tiết diện tròn, màu xanh bóng, có nhựa trắng. Lá hẹp, dài 1 – 2 cm, rất chóng rụng, thường tập trung ở đầu cành. Cụm hoa dạng chén ở kẽ các lá và kẽ nhánh. Hoa đực và hoa cái trên hai cây khác nhau. Hoa đực có nhiều nhị. Hoa cái, bầu có 3 vòì chẻ đôi. Quả nang có 3 múi lõi, có lông thưa. Hạt nhỏ, đen (Ảnh 35).

Cây làm cảnh chủ yếu do dáng và cách phân cành, trông như cành xương khô. Cây dễ trồng bằng tách bụi hay các cành nhánh già. Cây ít đòi hỏi đất đai, cần đủ nắng và thoáng. Có thể bày trong nhà làm cây trang trí.

II.C.29. CÂY SỨ THÁI

***Adenium obesum* Roem. et Sch.**

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây mập thân ngắn, phân cành dài, tỏa rộng, có mủ trắng, vỏ màu xám xanh. Lá tập trung ở đầu cành, nhỏ, xanh bóng, gốc thuôn nhọn theo cuống, đầu mở rộng và gần tròn.

Cụm hoa ở đỉnh xếp sát với lá hay trên cành rụng lá. Hoa lớn màu đỏ tươi, mềm, cánh hoa hợp ở gốc thành phễu trên chia 5 thùy xòe rộng, có lông ở gốc. Hoa nở dần vài chiếc một, nên cụm hoa bền, mùa hoa kéo dài gần quanh năm (thường tập trung vào mùa khô). Quả ít gặp.

Cây cho hoa đẹp, dáng cây đặc sắc, vì càng già gốc càng phình rộng như một đế mập.

Cây trồng dễ dàng bằng các đoạn cành: vào mùa mưa, cắt các cành dài, phơi nơi mát cho hơi khô, mới đem trồng ở chậu có đất ẩm. Cành chóng có rễ và mọc thành cây mới. Cây trồng sâu sau nhấc cao dần để rễ lộ ra ngoài đất phình lên thành các u mấu, rất đẹp. Cành dài rất mềm có thể uốn cuộn thành các dáng đẹp tùy ý muốn. Cây dễ trồng và dễ chăm sóc, ưa khí hậu khô nóng (Ảnh 36).

II.C.30 - CÂY TAI HÙM (Hổ nhĩ)

Strawberry geranium, Old man's Beard

Saxifraga stolonifera Merr. (*Saxifraga sarmentosa* Linn.f.)

S. japonica Hort.; *S. chinensis* Lour.)

Họ Tai hùm (Saxifragaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, Trung Quốc và được trồng ở nhiều nước châu Á, châu Âu để làm cảnh và làm thuốc. Cây thân cỏ sống lâu năm, mọc bò dài. Lá mọc từ rễ, hình thận hay gần hình tròn, dày, có lông hung và màu xanh điểm vân trắng theo gân ở mặt trên, màu đỏ với đốm trắng ở mặt dưới, mép lá có răng cưa nhọn hình tam giác. Cuống lá dài cong sát mặt đất. Cụm hoa hình chùy lớn ở ngọn, trên cuống chung lớn, thẳng, chia 7 - 9 nhánh, có lông. Mỗi nhánh có 4 - 7 hoa. Hoa màu hồng



H.71. Tai hùm -
Saxifraga stolonifera Merr.

nhạt, không đều, gồm 3 cánh nhỏ hình bầu dục thuôn với 2 cánh có đốm vàng, một cánh ở giữa có đốm đỏ tươi. Còn hai cánh lớn gấp 3 - 4 lần, hình trái xoan dài. Quả nang mở một đường (hình 71).

Hoa đẹp, nở rộ vào mùa xuân nên được trồng làm cảnh rộng rãi ở các tỉnh miền Bắc, cho hoa đẹp trên đám lá sặc sỡ. Các nhà vườn còn tạo ra một chủng có lá hấp dẫn hơn :

II.C.30.a - *Saxifraga stolonifera* Merr. var. *tricolor* Sieb.
(*S. tricolor* Hort.)

Cây cho lá đẹp có vân màu vàng nhạt và đỏ.

II.C.31 - CÂY TAI CÙI (Xương rồng bàn tay)

Spineless cactus, Nopalie à cochenille

Nopalea cochenillifera (Mill.) Salm - Dyck.

(*N. inaperta* Schott.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Trung châu Mỹ nhiệt đới (Méhicô và Jamaica), nay mọc hoang đại nhiều ở vùng duyên hải nước ta làm cây hàng rào và cây cảnh. Cây mọc thành bụi, cao 1 - 2 m, phần dưới thân hơi hóa gỗ, gần hình trụ, phần trên nạc làm thành đốt kế tiếp và thẳng góc với nhau, dạng dẹt hình trứng, màu xanh bóng, lúc non có lá hình trụ nhỏ, nhọn, sớm rụng, gai xếp sát nhau thành cụm, có lông ngắn màu trắng. Hoa đơn độc, màu đỏ hay vàng, có cánh dài thẳng, cùng với cánh tràng xếp vòng. Nhị nhiều xếp thành vài vòng, thò ra ngoài hoa. Vòi nhụy hình trụ thẳng đứng, cũng thò ra ngoài. Quả mọng, hình trứng, đường kính 4 - 6 cm, không gai. Hạt màu đỏ.

Hoa nở gần như quanh năm.

Để trồng làm cảnh, các nhà vườn thường tạo ra các dáng lùn nhỏ, trồng trong các chậu bày nơi bàn trà.

II.C.32 - CÂY THẠCH TRỤ THIÊN (Xương rồng cột)

Trichocereus candicans (Gill.) Britt. et Rose.

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Achantina, được gây trồng làm cảnh ở các vườn, nơi công viên đất khô, đá sỏi để tạo một cảnh quan đặc sắc. Cây có thân hình cột thuôn, cao khoảng 0,75 m đến 3 m, màu xanh trắng rất đẹp, dọc thân có khoảng 9 - 12 đường gờ nổi như múi, rõ, trên múi có các chùm gai xếp cách nhau đều đặn, sát gần nhau ở đỉnh, gai có 10 - 12 chiếc xếp tỏa tròn gần thẳng đứng, dài, mảnh nhọn, màu trắng. Hoa lớn mọc ra ở gần đỉnh thân, trên cuống dài mập, vươn cong ra mang hoa ở đỉnh màu trắng dài và rộng khoảng 20 cm. Quả hình trái xoan dài. (Ảnh 37)

Cây mọc khô, dễ trồng, dễ nhánh nhiều dễ cắt chiết. Có thể

trông làm cảnh các chủng :

II.C.32.a - Trichocereus candicans Br. et R. var. *roseoflorus* Backbg.

Hoa màu hồng.

II.C.32.b - Trichocereus candicans Br. et R. var. *tenuispinus* (Pfeiff) Backbg.

Hoa màu trắng.

II.C.33 - CÂY THƠM DÚM

Cryptanthus acaulis Beer.

(*Tillandsia acaulis* Lindl., *C. undulatus* Otto et Dietr.)

Họ Dứa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, được gây trồng làm cảnh đẹp ở nhiều nước nhiệt đới. Cây chỉ cao dưới 0,5 m, gần như không có thân. Lá dày xếp hoa thị sát nhau ngay trên mặt đất. Lá màu xanh bóng, thuôn dài lõm dạng lòng thuyền, phiến răn reo, vắn vẹo và tỏa tròn đều. Mép lá có răng cưa nhỏ và mặt phiến có nhiều vân, đốm rất đẹp, đầu lá nhọn, gốc có bẹ sát nhau (Hình 72). Cụm hoa ở giữa đám lá, hoa trắng. Để trồng làm cảnh có thể trồng các chủng sau :

II.C.33.a - Cryptanthus acaulis Beer. var. *discolor* Mez, cây có lá thuôn dài, răn reo, màu ánh bạc ở mặt dưới, mặt trên nhẵn.



H.72 Thơm dùm -
Cryptanthus acaulis Beer.

II.C.33.b - *Cryptanthus acaulis* Beer. var. *ruber* Mez.

Cây có lá ngắn, rần reo màu đỏ nhạt.

II.C.33.c - *Cryptanthus acaulis* Beer. var. *zonatus* Beer.

Cây có lá thuôn dài hình giáo, mép rần reo, có gai nhỏ, phiến có nhiều vân ngang màu trắng. Hoa trắng.

II.C.33.d - *Cryptanthus acaulis* Beer. var. *tivittatus* Regel.

Cây có lá thuôn dài, cuộn lại, rần reo, màu xanh ở mặt trên với 2 vạch màu đỏ nhạt. Hoa trắng.

II.C.34 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG BẮC

***Begonia baviensis* Gagnep.**

**Họ Thu hải đường
(Begoniaceae)**

Cây mọc hoang dại vùng núi đá thuộc các tỉnh miền Bắc nước ta, đôi khi được gây trồng làm cảnh vì có dáng đẹp. Cây thảo, cành mập có nhiều lông mềm màu hung và có khía dọc tía. Lá hình tim lệch ở gốc, trên chia 5 - 7 thùy nhọn, gân chân vịt. Cụm hoa trên cuống chung mập, mọc ra từ kẽ lá, dạng ngù. Hoa lớn. Hoa đực có 4 cánh, nhiều nhị; Hoa cái có 5 cánh. Quả có cánh và phủ lông. (Hình 73). Các tỉnh phía Nam thường khai thác một loài khác làm cảnh là:



**H.73. Thu hải đường bắc
- *Begonia baviensis***

II.C.35 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG CHÂU ĐỐC

***Begonia harmandii* Gagnep.**

Họ Thu hải đường (Begoniaceae)

Cây thân cỏ, có củ tròn mọc nước, với lông cứng thưa. Lá 2 - 4 chiếc, hình gần tròn, gốc xẻ hình tim, đầu thuôn, mép khía răng nông. Cuống lá dài, mảnh, có lông. Cụm hoa trên cuống chung dài, ít hoa. Hoa nhỏ bé màu trắng hay hồng. Hoa đơn tính.

II.C.36 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG ĐÁ

Begonia rupicola Miq.

Họ Thu hải đường (Begoniaceae)

Cây mọc hoang dại vùng núi đá miền Nam nước ta. Cây thân cỏ, ngắn, đôi khi phân nhánh, màu hồng, mọc nước, có đốt. Lá lệch, gốc hơi hình tim không đều, đầu thuôn dài, mép hơi có thùy. Lá dày màu xanh bóng nổi rõ gân ở mặt trên, màu hồng đỏ ở mặt dưới. Cuống lá ngắn. Cụm hoa trên cuống chung ngắn, mang ít hoa màu hồng. Quả có cánh. (Ảnh 38)

Cây được gây trồng làm cảnh vì cả lá và hoa đều khá hấp dẫn. Hiện nay chỉ khai thác cây tự nhiên đem trồng ở chậu hay trên các hòn non bộ. Cây ưa ẩm và chịu được bóng, dễ trồng.

II.C.37 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG MỸ

Begonia de Davis

Begonia davisii Veitch.

Họ Thu hải đường (Begoniaceae)

Cây có nguồn gốc từ Peru, được gây trồng ở chậu rất phổ biến ở miền Trung nước ta (Huế). Cây dạng cỏ không thân, có củ lớn ở gốc, lá dày dạng bầu dục chia thùy hình tim ở gốc, phiến lệch, láng bóng, màu xanh tối mặt trên, hơi đỏ và có mụn lồi ở mặt dưới, có lông dày và gân nổi rõ. Mép lá có răng nhỏ, cuống lá dài màu đỏ. Cụm hoa trên cuống chung dài mọc thẳng đứng, mang hoa ở đỉnh dạng tán. Cuống hoa và hoa màu đỏ. Lá bắc hơi tròn, cánh hoa 4.

Hiện nay các nhà vườn đã tạo ra rất nhiều chủng có màu sắc hoa khác nhau :

II.C.37.a - *Begonia davisii* Veitch. var. *multiflora* - *gracilis*.
Hort.

Cây có hoa đỏ tươi.

II.C.37.b - *Begonia davisii* Veitch. var. *rosea* - *multiflora* Hort.

Cây có hoa màu hồng.

II.C.38 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG NGUYÊN

***Begonia integrifolia* Dalz. in Hook.**

Họ Thu hải đường (Begoniaceae)

Cây mọc vùng núi đá miền Nam trung bộ hay Nam bộ nước ta. Cây có củ nhỏ, thân ngắn, mang 2 - 4 lá. Lá thuôn dài, gốc hơi lõm, đầu có múi, mép gần như nguyên. Cuống lá trung bình. Cụm hoa ngắn có ít hoa. Hoa đực có 4 cánh, hoa cái 5 - 6 cánh. Quả có 3 cánh.

Cây có dáng đẹp, dễ trồng nên được thu hái tự nhiên rồi trồng ở chậu hay hòn non bộ. Để làm cảnh có thể chọn chủng :

II.C.38.a - Begonia integrifolia Dalz. var. *guttata* Gagn.,

Cây cho lá màu xanh điểm đốm trắng.

II.C.39 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG THÀU DẦU

***Begonia ricinifolia* Hort.**

Họ Thu hải đường (Begoniaceae)

Là loài lai giữa *Begonia heracleifolia* Cham. et Schlecht. với *Begonia peponifolia*. Cây có thân ngắn, dày, mỏng. Lá lớn chia thùy chân vịt, màu xanh đồng, nhẵn, bóng. Cụm hoa dài, thẳng, mang nhiều hoa màu hồng hóng vàng ở đỉnh. Hoa nở bên gần như quanh năm. Cây trồng làm cảnh ở chậu rất đẹp. (Ảnh 39)

II.C.40 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG TRẮNG

***Begonia dolifolia* Hort.**

Họ Thu hải đường (Begoniaceae)

Cây mọc thành bụi nhỏ, thân ngắn, nhiều rễ mập. Lá dạng tim lệch, gần tròn, gân chân vịt. Lá xếp sát đất dạng xòe rộng do cuống lá ngắn, màu đỏ. Cụm hoa dài mọc thẳng hay hơi cong, phân chia nhiều nhánh. Hoa trung bình, có 4 cánh hoa màu trắng, hóng vàng. Quả có 3 cánh (Ảnh 40)

Cây có dáng đẹp, mềm mại. Cụm hoa lâu tàn nên làm cảnh ở chậu rất đẹp. Gây trồng bằng hạt hay tách bụi. Cây ưa khí hậu ẩm ướt, có thể chịu bóng một phần, nên làm cây trang trí trong nhà thích hợp.

II.C.41 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG TRƯỜNG XUÂN

Bégonia toujours fleuri, Begonia

Begonia semperflorens Link. et Otto

(*B. spathulata* Willd.)

Họ Thu hải đường (Begoniaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Ở Việt Nam, cây được trồng ở châu để làm cảnh suốt từ Bắc vào Nam. Cây thân cỏ, mập, mọng nước, mọc thẳng, màu xanh bóng hay pha đỏ nhạt. Lá thuôn tù tròn hay hình tim ở gốc, nạc, màu xanh bóng, nhẵn, mép có răng cưa nhỏ, gân nổi rõ và cùng với cuống thường màu đỏ nhạt. Cụm hoa mập, dài, màu đỏ tía hay hồng nhạt. Hoa đực có 4 cánh và nhiều nhị màu vàng. Hoa cái có 5 cánh. Quả có 3 cánh màu hồng. (Ảnh 41)

Đây là loài rất dễ trồng, hoa đặc sắc và được các nhà vườn tạo ra nhiều chủng đẹp :

II.C.41.a - *Begonia semperflorens* Link. et Otto. form. triompha de Lorraine

Hoa màu đỏ hồng (hoa đào), nhị màu vàng kim.

II.C.41.b - *Begonia semperflorens* Link. et Otto. form. gloire de Chatelaine

Cây thấp, hoa màu hồng tươi.

II.C.41.c - *Begonia semperflorens* Link. et Otto. var. *alba* Hort.;

Cây có hoa màu trắng.

II.C.41.d - *Begonia semperflorens* Link. et Otto. var. *atropurpurea* Hort.

Cây có hoa màu đỏ tươi, đậm. Lá cũng màu đỏ.

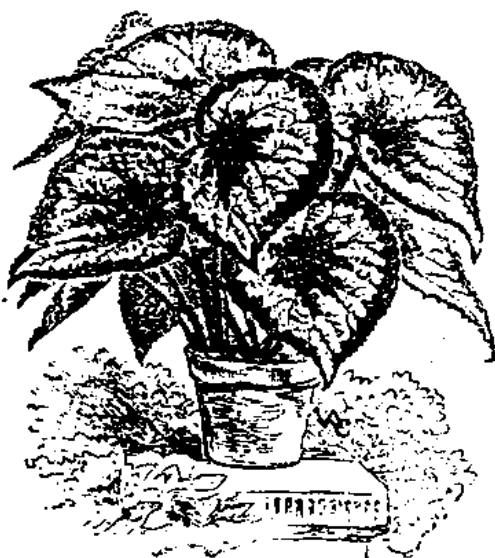
II.C.42 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG VÂN

Begonia rex Putz.

Họ Thu hải đường (Begoniaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng núi châu Á (Ấn Độ) và là một trong các loài cây làm cảnh đẹp nhất của họ Thu hải đường. Cây được

trông rộng rãi trên toàn thế giới. Cây thân cỏ có thân rễ tròn, nạc. Lá 3 - 6 chiếc tập trung ngay ở sát mặt đất có lông. Lá thuôn bầu dục, phiến lệch, gốc hình tim, đầu thuôn nhọn, mặt trên màu xanh thẫm với một dải ánh bạc vòng theo mép lá và cách đều mép lá với gân giữa. Mặt dưới màu đỏ. Cuống lá phủ lông đỏ. Cụm hoa dài, thẳng, phân nhánh, mang hoa lớn màu hồng. Hoa đực có 4 cánh. Hoa cái có 5 cánh (Hình 74).



H.74. Thu hải đường vân -
Begonia rex Putz.

II.C.43 - CÂY THU HẢI ĐƯỜNG XÈ

Begonia lacinié

Begonia laciniata Roxb. (*B. bowringiana* Champ.)

Họ Thu hải đường (Begoniaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Ấn Độ, Trung Quốc). Ở Việt Nam, cây mọc trên vùng núi cao Nam Trung bộ và được gây trồng làm cảnh khá rộng rãi. Cây thân cỏ, mọc thẳng khá cao, gốc có thân rễ bò dài. Thân phân cành nhánh dài và thưa, phủ lông nâu, màu xanh bóng. Lá tròn bầu dục, chia thùy chân vịt sâu và có răng không đều, phủ lông tím đen nhất là ở mặt dưới. Mép lá và gân đều màu xanh pha đỏ. Cụm hoa dài, thẳng, mang hoa màu trắng hay hồng. Quả có 3 cánh.

II.C.44 - CÂY THỦ LÂN

Trichosporum evrardii (Pell.) Trinh. comb. nov.

(*Aeschynanthus evrardii* Pell.)

Họ Tai voi (Gesneriaceae)

Cây sống phụ trên thân cây gỗ lớn trong rừng ẩm thường xanh vùng núi Nam Trung bộ nước ta (Lâm Đồng - Đà Lạt) và do dáng đẹp, hoa lộng lẫy nên được trồng làm cảnh như các loài Phong lan sống phụ khác. Cây có thân mập, mềm mại, kéo dài, mang lá mọc đối xếp cách xa nhau. Lá màu xanh bóng, dày, mép nguyên, không rõ gân. Hoa lớn màu đỏ da cam, hợp thành ống dài loa ở đỉnh có 2 môi hơi cong. Nhị 4 thò ra ngoài hoa. Hoa mọc hơi cong rủ xuống (Ảnh 42).

Cây dễ trồng bằng các đoạn thân cành có rễ và vài đốt lá, dính trên các tấm giơn hay trồng ở chậu có quang treo. Cây mọc dài buông thông xuống rất hấp dẫn.

Ngoài ra có thể nhập để gây trồng làm cảnh các loài có hoa đẹp khác như :

II.C.44.a - Trichospermum pulchrum Bl.

Có hoa màu đỏ tươi.

II.C.45 - CÂY THỪA (Agao mỹ, Dứa mỹ, Lưỡi lê)

Century plant, American Aloe, Émet des rejets Agave d'Amerique

Agave americana Linn. (*A. ramosa* Moench.;

A. altissima Zun.; *A. spectabilis* Salisb.)

Họ Thùa (Agavaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô (châu Mỹ). Thân ngắn gần như không có. Lá hình giáo, thon nhọn ở đỉnh, gốc có bẹ ôm thân, dày, cứng, lớn, màu xanh trắng, bóng, mép có răng và gai nhọn màu đen. Lá xếp hoa thị, dày đặc sát mặt đất. Cụm hoa trên một cuống chung mập, thẳng đứng, cao 5 - 8 m. Đỉnh phân nhánh ngắn ngang, mang rất nhiều hoa màu vàng xanh. Hoa lớn, thẳng đứng. Quả nang. (Hình 75).

Cây mọc rất khỏe, làm cây hàng rào, chắn cát bay, chống cháy có thể trồng làm cảnh ở công viên hay vườn rộng. Khi có hoa, thân lá bắt đầu tàn lụi. Cây con nảy mầm ngay trên cụm hoa tàn và rồi xuống tiếp tục mọc.

Một vài chủng có lá đặc sắc thường được trồng làm cảnh là :

II.C.45.a - Agave americana L. var. *marginata* Bail.

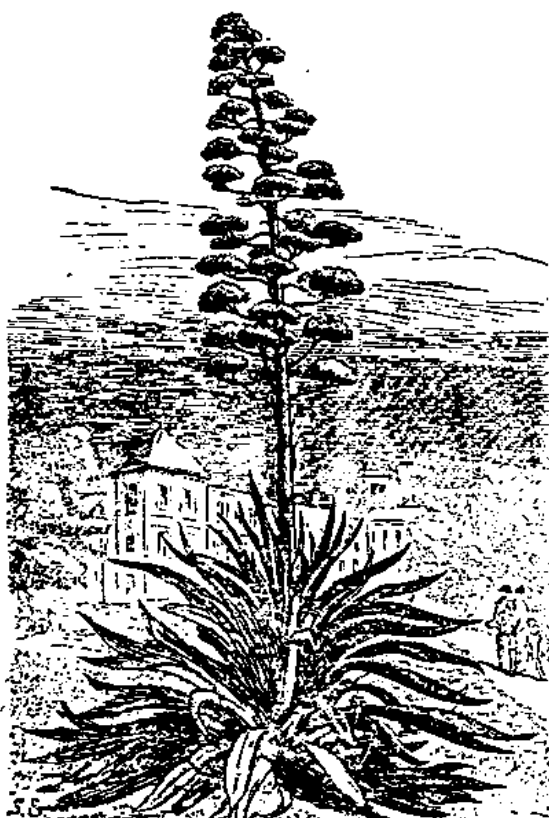
Lá có viền vàng ở mép (Ảnh 43)

II.C.45.b - Agave americana L. var. *medio-picta* Trel.

Lá có mép xanh, vạch vàng lớn ở giữa.

II.C.45.c - Agave americana L. var. *striata* Trel.

Lá xanh có nhiều vạch vàng dọc theo chiều dài.



H.75. Thừa - *Agave americana* L.

II.C.46 - CÂY THỪA

CẢNH (Lưỡi lê)

Cantala fibre, Agave vivipare

Agave cantula Roxb.

(*A. vivipara* L., *A. bulbifera* Salm. - Dyck.)

Họ Thừa (Agavaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô. Thân ngắn. Lá thẳng, hẹp, lõm hình lòng thuyền, màu xanh vàng, nhẵn, bóng, mép có gai nhọn màu nâu. Cụm hoa trên cuống chung thẳng, mập, mang nhiều hoa ở đỉnh. Cây có dáng xếp lá đẹp, màu sắc hấp dẫn nên được trồng làm cảnh ở nhiều nước, trong chậu hay trong các bồn hoa nơi công viên.

II.C.47 - CÂY THỪA NHỎ (Agao lùn)

***Agave angustifolia* Haw. (*A. lucida* Jacq.,
A. jacquiniana Schult.f., *A. wrightii* Prain.)**

Họ Thừa (Agavaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước ở Trung châu Mỹ, nay được trồng rộng rãi ở các nước nhiệt đới khác để làm cảnh. Cây nhỏ, thân ngắn, nên lá gần như mọc sát đất. Lá nhiều, xếp hoa thị, thẳng, màu xanh xám, mướt, mép có răng, đỉnh lá có gai lớn. Cụm hoa trên cuống chung thẳng, mập, cao 2 - 3 m, phân nhánh ở đỉnh, mang nhiều hoa với cánh hoa hợp thành ống. Quả nang, nảy mầm trên cụm hoa và có đủ rễ lá mới rụng.

Cây trồng làm hàng rào và làm cảnh trên các bãi cỏ hay ở chậu. Để làm cảnh nhân dân thường trồng các chủng có lá đẹp là :

II.C.47.a - *Agave angustifolia* Haw. var. *marginata* Trel.

Lá màu xanh bóng, mép có viền trắng hay hơi vàng.

II.C.47.b - *Agave angustifolia* Haw. var. *sargentii* Trel.

Cây nhỏ bé, lá không có vạch, trồng ở chậu rất thích hợp.

II.C.48 - CÂY THỪA XANH (Agao to)

Mauritius Hemp., Green Aloe, Aloes Vert

***Furcraea gigantea* Vent. (*Agave foetida* Linn.,
Aloe foetida Crantz., *Funium piliferum* Willem)**

Họ Thừa (Agavaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Brazil). Cây có thân rất ngắn. Lá thuôn hình giáo hẹp, dài hơn 1 m, phẳng hay hơi gợn sóng, mép nguyên, màu xanh bóng, nhẵn. Cụm hoa trên cuống chung rất dài, trên phân chia nhiều nhánh dài. Hoa lớn, màu trắng nhạt. Rất hiếm thấy quả, nhưng có thể nảy mầm ngay trên cụm hoa già.

Để làm cảnh đẹp, các nhà vườn thường trồng chủng :

**II.C.48.a - *Furcraea gigantea* Vent. var. *mediopicta* Trel.
(*F. gigantea* var. *variegata* Hort., *F. watsoniana* Hort.)**

Lá có sọc dọc theo gân màu vàng nhạt ở giữa.

II.C.49 - CÂY THUỜNG NỮ (Trường sinh phụ)

Agapetes velutina Guill.

Họ Ông ảnh (Vacciniaceae)

Cây sống phụ trên các cành cây gỗ lớn. Thân dạng củ mập phân cành nhiều, dài, cao đến 1 m, lúc non có lông, màu đỏ nâu. Lá thuôn dài, tập trung ở đầu cành. Cụm hoa dạng chùm thưa có 3 - 4 chiếc. Hoa màu xanh chuyển sáng vàng cam, cánh hợp thuôn. Quả tròn, nhiều hạt.

Cây có dáng thân củ đẹp nên được các nhà vườn sưu tầm, gây trồng ở chậu làm giả cây uốn thế. Cây ưa khí hậu ẩm, mát, chịu bóng một phần nên làm cây trang trí nội thất được. Ươm gieo bằng cách tách củ có chồi mầm và rễ. Cây dễ trồng, nhưng mọc chậm và đủ ẩm, lạnh.

II.C.50. CÂY THUỜNG NỮ NÚI

Agapetes poilanei Dop.

Họ Ông ảnh (Vacciniaceae)

Cây sống phụ, dạng bụi nhỏ, gốc cũng có củ mập trên mang cành nhánh dài, có lông. Lá dày, nhỏ, mọc cách, màu xanh bóng láng, đầu hơi lõm. Hoa đơn độc ở nách lá, có cuống cong lại, cánh hoa hợp thành ống dài màu trắng vàng nhạt. Quả nhỏ, tròn.

Cây ưa khí hậu lạnh, ẩm, chịu được bóng, làm cây trang trí ở vườn hay trong nhà đều thích hợp. Hiện nay chỉ khai thác tự nhiên làm cây cảnh, ít được ươm trồng.

II.C.51 - CÂY THUỐC BỎNG (Sống đời)

Airplant, Cathedral bells, Curtain plant, *Bryophyllum a calice*

Kalanchoe pinnata (Lamk.) Pers.

(*Bryophyllum calycinum* Salisb., *Cotyledon pinnata* Lamk.)

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới cả hai bán cầu, nay mọc hoang đại nơi bờ tường, mái nhà, vách đá và được trồng làm cảnh do cụm hoa đẹp, lớn, dài, lâu tàn, cắt cành cắm lo trang trí trong

nhà. Cây thân cỏ, cao 0,5 - 1 m, thân mập tròn có đốt do lá rụng. Lá mọc đối, đơn ở đầu cành và kép lông chim ở gốc với 1 - 5 lá nhỏ mập, dày, mọng nước, mép có răng cưa tròn. Khi tiếp xúc với đất các gốc răng cưa có thể mọc ra cây nhỏ đủ thân, lá, rễ. Cuống lá dài có rãnh. Cụm hoa lớn ở đỉnh thân, mang nhiều hoa thưa, buông thõng xuống, lúc non màu xanh bóng sau chuyển sang màu hồng, đỏ hoặc màu trắng xanh ở gốc, mép thùy màu đỏ.

Cây chỉ làm cảnh bằng cụm hoa. Cây dễ trồng, không cần chăm sóc. Nhân giống bằng cơ quan sinh dưỡng. Nơi đất tốt, cây vươn cao và đâm nhánh nhiều thành bụi dày.

II.C.52 - CÂY THUỐC GIÒI (Đại kích biển)

Sea shore spurge

***Euphorbia atoto* Forst.**

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây mọc rộng rãi trên các bãi cát dọc bờ biển nước ta, có thể lấy trồng làm cây cảnh ở chậu.

Cây sống lâu năm nhờ gốc ngầm, thân nhiều, mọc sát nhau, có mũ trắng, lá gần như không cuống, hình bầu dục, tròn ở đỉnh, gốc hình tim, nhẵn, bóng, xanh đậm. Cụm hoa ở đỉnh, mang hoa đơn tính thưa, ngoài có tổng bao hình chuông. Quả nang nhẵn, hạt hình cầu (Ảnh 44).

Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng các đoạn thân ngầm, chịu được khô, hạn, nóng và chịu được bóng.

Do cây có màu xanh bóng quanh năm nên làm cây trang trí trong phòng được.

II.C.53 - CÂY TRƯỜNG SINH DỆT

Life - plant, Herbe à mal de tête; Langue de femme

***Kalanchoe integra* (Medik.) O. Ktze.**

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây thường được trồng làm cảnh đẹp do dáng cây và hoa đặc sắc. Cây thân cỏ mọc thẳng đứng, mập, tròn hay có cạnh gần vuông. Lá dày, dạng trái xoan dài, mép khía răng, gốc thuôn có

cuống dài. Phiến lá màu xanh nhạt và mốc trắng. Cụm hoa trên cuống chung dài, dạng chùy lớn. Hoa có 4 cánh dài màu xanh, 4 cánh tràng hợp nhau màu vàng tươi. Quả có nhiều hạt (Ảnh 45)
Cây cho hoa vào mùa khô.

Cây mọc khỏe, dễ trồng, chịu được đất khô, nóng, nên được trồng ở chậu hay cắt cành cắm lọ. Nhân giống bằng tách bụi hay các đoạn thân.

II.C.54. CÂY TRƯỜNG SINH HỒNG

Orpine, Live - forever

***Sedum telephium* Linn.**

Họ Thuốc bỏng (Crasulaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Âu hay Bắc châu Mỹ được gây trồng làm cảnh vì cây mọc khỏe, hoa nở dày lâu tàn. Cây sống lâu năm, thân thẳng cao trên 20 cm. Lá thuôn, dẹt, dày mọc gần đối hay đối ở đỉnh, mép khía răng nông, màu xanh bóng pha trắng. Cụm hoa lớn ở đỉnh mang nhiều hoa xếp sát nhau, màu hồng hay trắng có đốm hồng, đôi khi hoàn toàn trắng. Hoa nở rộ, rất đẹp, thích hợp làm cây cảnh ở chậu (Ảnh 46). Loài này có nhiều chủng đều làm cảnh được, ví như :

II.C.54.a - *Sedum telephium* L. var. *borderi* Mast.

Cây có thân màu hồng, hoa màu đỏ thắm.

II.C.55. CÂY TRƯỜNG SINH LÁ XẾ (Sừng hươu, Trường sinh rách)

Life - plant

***Kalanchoe laciniata* (L.) DC**

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây mọc hoang dại nơi đất khô, nhiều nắng có thể gây trồng làm cảnh. Cây thân cỏ, cao khoảng 30 - 50 cm, phân cành nhánh ngắn, mọng nước, mảnh. Lá mọc đối, dày, màu xanh nhạt, phân chia thùy rất sâu thành các giải hẹp không đều nhau, dạng lông chim, mép có răng. Cụm hoa dạng chùy trên cuống chung mập, dài khoảng 30 cm, mang nhiều hoa. Hoa dạng ống dài 1 - 2 cm, màu vàng nhạt ở thùy,

dậm dần xuống gốc. Quả có nhiều hạt. Cây mọc khỏe, dễ trồng và chóng có hoa.

II.C.56. CÂY TRƯỜNG SINH LÁ TO

Kalanchoe spathulata DC.

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây mọc dai khá phổ biến ở nước ta, thường được gây trồng làm thuốc và làm cảnh. Cây thân cỏ, cao khoảng 0,3 - 0,7 m, dày, mập, chia đốt rất ngắn. Lá to, mọc đối, phiến hơi khía răng, thuôn dần ở gốc xuống cuống thành cánh rộng. Cụm hoa ở đỉnh, dạng chùy mang nhiều hoa màu vàng. Hoa có 4 cánh dài, 4 cánh tràng hợp nhau thành ống dài. Quả dai nhiều hạt.

Cây mọc khỏe, đâm nhánh nhiều, ít đòi hỏi đất đai, chịu được khô nóng. Cây dễ trồng, dễ nhân giống bằng chồi thân.

II.C.57. CÂY TRƯỜNG SINH LÁ TRÒN

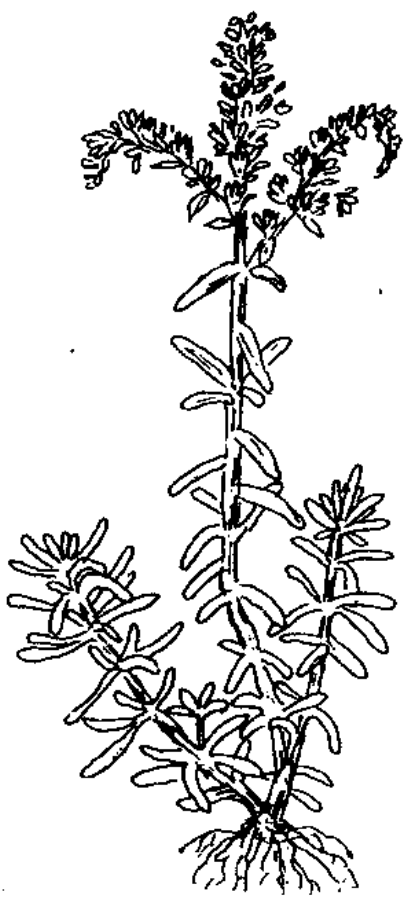
Orpin

Sedum lineare Thunb.

Họ Thuốc bỏng

(Crassulaceae)

Cây thân cỏ, nhỏ bé, thân ngắn, phân nhánh từ gốc. Lá mọc cách, dạng hình trụ, đầu thuôn nhọn, mỏng nước màu xanh trắng bóng, mềm. Cụm hoa ở đỉnh, gốc các lá ngọn, phân nhánh ít và mang hoa nhỏ xếp sát nhau, màu vàng. Hoa nở bền và gần như quanh năm ở các tỉnh miền Nam



H.76. Trường sinh lá tròn -
Sedum lineare Thunb.

(cuối mùa xuân ở các tỉnh miền Bắc) (Hình 76).

Cây đẹp, dễ trồng ở chậu nhỏ bằng các đoạn thân, cành. Cây ít đòi hỏi đất đai, cần đủ nắng. Cây chịu được bóng nên làm cây trang trí trong phòng được.

II.C.58. CÂY TRƯỜNG SINH ỐNG (Trường sinh rắn)

Kalanchoe tubiflora Hamet.

(*Bryophyllum tubiflorum* Haw.)

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây trồng làm cảnh ở chậu khá đẹp, mọc khỏe, vươn cao. Cây thân cỏ, tròn, dài mảnh, dài 0,3 - 1 m, mọc thẳng đứng. Lá hình trụ mập, dày, mọng nước, mọc cách, dài màu xanh đậm có vân và đốm màu hơi đen. Đầu ngọn lá mang nhiều chồi nhỏ, có thể nảy chồi cho ra cây con khi lá rơi rụng xuống đất (đôi khi có ngay trên cây mẹ, với dáng cây nhỏ, có rễ mảnh). Cụm hoa ở ngọn cành mang nhiều hoa màu đỏ. Hoa có 4 cánh dài, bốn cánh tràng hợp nhau thành ống dài. Nhị 8. Lá noãn 4, rời nhau (rất hiếm thấy có hoa).

Cây sinh sản chủ yếu bằng sinh dưỡng nên phát triển mạnh, gây trồng dễ dàng. (Ảnh 47)

II.C.59. CÂY TRƯỜNG SINH XUÂN (Báo hỉ)

Kalanchoe blossfeldiana Poelln.

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)

Cây có nguồn gốc từ Madagasca, được gây trồng làm cảnh vào dịp Tết nguyên đán rất phổ biến ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây có thân ngắn, mập. Lá đơn mọc đối, phiến gần tròn, dày màu xanh bóng, mép nguyên. Cụm hoa lớn ở đỉnh dạng gần tán, mang nhiều hoa xếp sát nhau màu đỏ tươi. Quả ít thấy. Cây ra hoa vào mùa khô. Các nhà vườn thường hãm để hoa nở vào dịp tết. Hoa có 4 - 5 cánh xòe rộng, dưới hợp thành ống ngắn, đẹp, bền, nở dần trong cụm lớn. Sau khi hoa tàn cắt cành, để cây tiếp tục cho hoa năm sau. Cây dễ trồng bằng các đoạn cành, thân (ngay cả cành hoa cũng nảy chồi, ra rễ). Cây ưa đất thoáng, đủ ẩm tránh nhiều nước, và ưa sáng hoàn toàn (Ảnh 48). Cây được trồng ở chậu hay viền lối đi nơi vườn hoa.

Gần đây, các nhà vườn có trồng chủng cho hoa màu vàng là :
II.C.59.a. Kalanchoe blossfeldiana Poelln. var. *aurea* Hort.

II.C.60. CÂY TƯỜNG LIÊN (Thanh long)

Oeil de Dragon

Hylocereus undulatus (Haw.) Britt et Rose
(*Kereus triangulais* Haw.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mehico, nay được trồng rộng rãi làm cây cảnh và lấy quả ăn nơi bờ tường các thành phố của các tỉnh phía Nam, đặc biệt thành khu sản xuất lớn lấy quả ở các tỉnh miền Trung (Ninh Thuận, Bình Thuận). Cây sống dựa hay leo bằng thân, dài trên 1 m, phân nhánh rất nhiều. Thân, cành đều màu xanh bóng, có 3 cánh dẹt, khía răng tròn, đều đặn dày, mép có gai nhỏ. (2 - 4 chiếc ở gốc mỗi thùy răng). Hoa mọc đơn độc ở trên cành, rất lớn, màu xanh vàng nhạt. Cánh dài nhiều hợp với cánh tràng thành ống. Nhị dực nhiều. Quả mập, dạng thốn bầu dục, màu đỏ tía, bóng, nhẵn có nhiều gai mềm do cánh hoa còn lại. Vỏ quả dễ bóc, thịt trắng có nhiều hạt nhỏ, màu đen.

Cây làm cảnh cả cây vì thân mềm mại, tươi bóng quanh năm. Hoa nở chóng tàn nhưng sớm có quả.

II.C.61. CÂY VỢT GAI (Xương rồng dẹt)

Prickly pear Raquette

Opuntia dillenii (Ker. - Gawl.) Haw.

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (Bermuada, bắc Venêzuela) và Australia, nay mọc hoang dại ở vùng cát ven biển hay các vùng đất khô nóng khắp nước ta và có thể gây trồng làm cây hàng rào hoặc cây cảnh ở chậu.

Cây dễ trồng bằng các đoạn thân hình trứng dẹt, chịu được khô, nóng, mặc dù ưa nắng, nhưng chịu bóng nên làm cây trang trí nội thất được.

II.C.62. CÂY VỢT GAI BIỂN

Raquette, Nopal, Dollar cactus, Figuier d'Inde

Opuntia elatior Mill.

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (Panama, Colombia, Venezuela), nay mọc hoang dại dọc theo vùng bờ biển Thái Bình Dương nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây mọc nhiều trên đất cát dọc bờ biển miền Trung và miền Nam.

Cây có gai và mọc khỏe, được làm cây hàng rào, nhưng có dáng kỳ lạ nên cắt tỉa, ép nhỏ làm cây cảnh ở chậu. Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng các đoạn thân.

II.C.63. CÂY VỢT GAI CẢNH (Xương rồng dẹt cảnh)

Figuier de Barbarie, Indian Fig

Opuntia ficus-indica (L.) Mill.

(*Platyopuntia ficus-indica* Fric. et Schelle)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhico, được nhiều nước gây trồng làm cảnh hay lấy quả (Ấn Độ). Cây mọc thẳng, thường xanh, sống lâu năm. Thân gồm nhiều đoạn dẹt hình bầu dục dài, hay thuôn có gai nhỏ, xếp chồng chất lên nhau, gốc hình trụ hóa gỗ. Thân có nhựa và phủ lông mềm màu trắng. Hoa đơn độc ở đỉnh, màu vàng, khá lớn, gốc có nhiều vẩy, cánh hoa nhiều xếp vòng, mềm, thẳng đứng. Nhị nhiều dính gốc cánh tràng. Quả màu vàng với các vẩy màu đỏ nhạt, nhẵn, bóng.

Để trồng làm cảnh, các nhà vườn thường chọn một chủng có dáng đẹp và nhỏ bé.

II.63.a. *Opuntia ficus-indica* Mill. var. *splendida* Web.

II.C.64. CÂY XƯƠNG RỒNG BÀ (Xương rồng năm cạnh, Giang tâm)

Indian spurge tree

***Euphorbia ligularia* Roxb. (*E. neriifolia* L.)**

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, được trồng làm cảnh hay làm cây hàng rào rất phổ biến ở nước ta. Cây gỗ dạng bụi mọc thẳng đứng, phân cành nhánh nhiều, ken sát nhau, có 5 múi dạng khía xoắn, màu xanh lục bóng. Lá tập trung ở ngọn, hình bầu dục ngược, nguyên, hơi mỏng, dày, đầu tròn, gốc thuôn thành cuống rất dễ rụng, lá kèm dạng gai nhọn. Cụm hoa dạng xim ngắn, mọc ra ở nách lá, dạng chén có 5 tuyến dạng tròn, mỗi tuyến có 2 môi. Hoa đơn tính. Quả nang 3 mảnh (Ảnh 49).

Cây dễ trồng bằng các đoạn cành, mọc khỏe, chóng có rễ, sớm phân nhánh. Trồng nơi đủ ẩm, lá mọc dày đặc xanh bóng khá đẹp.

II.C.65. CÂY XƯƠNG RỒNG BÀ NHẮN

***Nopalea dejecta* Salm - Dyck**

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Panama (Trung Mỹ) mọc thành bụi dày cao đến 2 m.

Gai tập trung 6 - 8 chiếc, dài khoảng 4 cm, chồi mầm hình giải thuôn dài 15 cm. Hoa rất ít gặp, lớn khoảng 5 cm. Cây trồng làm cảnh đẹp nơi công viên, vườn rộng nhiều nắng.

II.C.66. CÂY XƯƠNG RỒNG BẠC ĐẦU (Bạch thư)

Old man cactus, Cierge barbe de vicillard

***Cephalocereus senilis* (Haw.) Pfeiff.**

(*Pilocereus senilis* Lem., *Cereus senilis* DC.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhico, được gây trồng làm cảnh đặc sắc. Ở nơi nguyên sản, cây có thể cao đến 15 m và gốc có thể phân nhánh nhưng để làm cảnh thường cắt ngắn, ghép vào gốc các loại xương rồng 3 cạnh khác để làm cây trồng ở chậu, có dạng tròn hay

hơi thuôn dài, với các nhánh song song với nhánh chính. Thân tròn có 20 - 30 múi nông, không rõ che phủ hoàn toàn bởi các lông mềm màu trắng và các gai nhỏ màu vàng nhạt. Hoa nhỏ, nhiều, lộ ra khỏi đám lông, trên thân màu đỏ ở ngoài, màu đỏ nhạt và trắng ở trong. Quả màu tím. (Ảnh 50)

II.C.67. CÂY XƯƠNG RỒNG BẠCH ĐIỀU

***Mammillaria candida* Scheifdw. (*M. sphaerotriche* Lem.)**

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng làm cảnh ở các tỉnh phía Nam nước ta. Cây nhỏ bé, thường được ghép vào các gốc xương rồng mọc khỏe khác. Cây có thân hình cầu phân nhánh ở gốc sát nhau thành búi nhỏ. Thân có nhiều u lồi xếp đều đặn, đỉnh có gai xếp tỏa tròn, dài thưa đan nhau không che kín hết phần thân. Màu xanh đậm. Đỉnh thân có thêm lông mềm như nhung. Hoa nhỏ màu tím đỏ, cánh hoa nhỏ, thuôn, xếp sát nhau làm thành phễu. Nhị màu vàng nổi rõ ở giữa (Ảnh 51) có thể chọn để trồng làm cảnh một chủng có hoa nhạt hơn là :

II.C.67.a. Mammillaria candida Scheidw. var. *rosea* K. Sch.

Hoa màu hồng

II.C.68. CÂY XƯƠNG RỒNG BẠCH THỔ

***Mammillaria plumosa* Web.**

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Bắc Mêhico, được gây trồng làm cảnh ở châu. Cây mọc thành bụi dày thành khối với đường kính thân 7 cm, phủ bởi nhiều lông dài, gốc thân có gai, đỉnh có lông nhung và giữa thân gần như nhẵn. Hoa nhỏ đường kính 1,5 - 2 cm.

Cây dễ trồng bằng cách ghép lên trên một đoạn cây xương rồng mọc khỏe khác (thường là xương rồng 3 - 5 cạnh). Cây chịu được khô hạn, và sỏi đá. Có thể trồng trong chậu nhỏ và hãm làm cây cảnh bày ở bàn hay kệ thấp.

II.C.69. CÂY XƯƠNG RỒNG BẠCH VŨ

Mammillaria bocasana Poselg.

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng làm cảnh ở châu Phi bằng cách ghép với các loài xương rồng mọc khỏe khác (xương rồng 5 cạnh). Thân hình cầu xếp sát nhau thành bụi nhỏ. Thân có nhiều u lồi sát nhau, xếp đều đặn, trên phủ bởi các gai mềm, màu trắng như bông, che kín cả phần thân, làm cho thân như quả cầu lông. Hoa nhỏ mọc ở giữa thân, lộ ra đám lông trắng. Cánh hoa màu trắng vàng xếp sát nhau làm thành ống nhỏ, dài 1,6 cm, đường kính 1,2 cm, che kín phần nhị và bầu ở giữa. (Ảnh 52).

Chủng làm cảnh đẹp thường được gây trồng là :

II.C.69.a - *Mammillaria bocasana* Pos. var. *splendens* Reb.

II.C.70 - CÂY XƯƠNG RỒNG DIỆP LONG (Diệp long nhọn)

Lemon vine, Blade apple, Barbados Gooseberry,
Grosseillin des Barbades

Rhodocactus aculeata (Mill.) Tranh. n. comb.

(*Peireskia aculeata* Mill., *Pereskia foetans* Speg.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ nhiệt đới. Thân dài, mềm, sống dựa có thể dài đến 10 m. Lá mọc cách, dày, mập, nhẵn, màu xanh đậm, dạng bầu dục, đầu nhọn, gốc có cuống và chùm gai dài 3 - 5 cm, nhọn, thẳng. Phiến lá có gân rõ. Cụm hoa dạng chùm ngắn ở đỉnh. Hoa lớn, đường kính 5 - 6 cm, cánh hoa lớn, xếp vòng, màu trắng hay hồng. Quả mọng có đường kính 2 cm, màu vàng.

Cây có dáng đẹp, hoa hấp dẫn nên được ưa chuộng trồng làm cảnh nơi công viên hay bờ tường các biệt thự. Cây dễ trồng bằng các đoạn thân, nếu đất tốt cho lá, xum xuê và hoa nở quanh năm. Cây ưa sáng, nóng, chịu được khô hạn.

Có thể nhập làm cảnh một chủng đẹp là :

II.C.70.a - *Rhodocactus aculeata* Tranh. var. *godseffiana* Hort.

Lá có màu sắc thay đổi, lúc non lúc nhạt, sau trở thành xanh.

II.C.71 - CÂY XƯƠNG RỒNG DIỆP LONG LỚN

Blade apple

Rhodocactus grandifolius (Haw.) Kunth.

(*Peireskia grandifolia* Haw.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc ở Brazil, thường trồng làm cảnh nơi bờ tường vì cây mọc dài, thân vươn cao sống dựa, khỏe, hoặc làm gốc để ghép các loài xương rồng khác. Thân dài đến 5 m, gốc có gai, từng đôi một, dài 3 - 4 cm, phân cành nhiều. Lá rộng, nhẵn, dày, có cuống ngắn, phiến nổi rõ gân giữa, màu xanh bóng, thuôn, mép nguyên. Cụm hoa ở đỉnh. Hoa lớn, cánh hoa mềm, rộng, xếp vòng, màu hồng hay đỏ, gốc trắng, đường kính 3 - 4 cm. Quả hình cầu. (Hình 77).



H.77. Xương rồng diệp long lớn –
Rhodocactus grandifolius Kunth.

Cây cho hoa đẹp, nở đều trong năm. Cây dễ trồng và nhân giống bằng các đoạn thân.

II.C.72 - CÂY XƯƠNG RỒNG DƯA

Lobivia famatimensis (Speg.) Britt et Rose

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Argentina, được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Cây có thân hình trụ ngắn, gốc thuôn, đầu tròn rất phù hợp với việc trồng ở chậu. Dọc thân có từ 18 - 24 múi nông, mép tròn, đều đặn. Trên mép các múi có các đám

gai mảnh xếp cách nhau đều. Gai mảnh thưa, xếp tỏa tròn, đan nhau như mạng. Hoa lớn mọc ở gần đỉnh thân, cuống mập có nhiều vảy ở gốc, trên có cánh hoa mềm, nhiều, rộng, xếp sát nhau, loe rộng ở đỉnh, màu sắc thay đổi tùy các chủng (Ảnh 53). Hiện nay các nhà vườn thường trồng các chủng khác nhau :

II.C.72.a. Lobivia famatimensis Br. et R. var. *albiflora* Krainz.

Hoa màu trắng.

II.C.72.b. Lobivia famatimensis Br. et R. var. *aurantiaca* Backbg.

Hoa màu vàng cam.

II.C.72.c. Lobivia famatimensis Br. et R. var. *denispina* Backbg.

- *Lobivia famatimensis* Br. et R. var. *haematantha* Backbg.

- *Lobivia famatimensis* Br. et R. var. *leucomalla* Backbg.

- *Lobivia famatimensis* Br. et R. var. *setosa* Backbg.

II.C.73. CÂY XƯƠNG RỒNG DƯA GANG

Peanut cactus

***Chamaecereus sylvestri* (Speg.) Britt. et Rose**

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ (Argentina). Thân hình trụ, ngắn, cong, xếp sát nhau thành búi. Thân chia múi nông, trên múi có nhiều đốm trắng sát nhau, gai nhỏ mềm. Hoa màu đỏ vàng, đường kính 4 cm.

II.C.74. CÂY XƯƠNG RỒNG ĐÀO LÊ TIÊN

***Gymnocactus saueri* (Bod.) Backbg.**

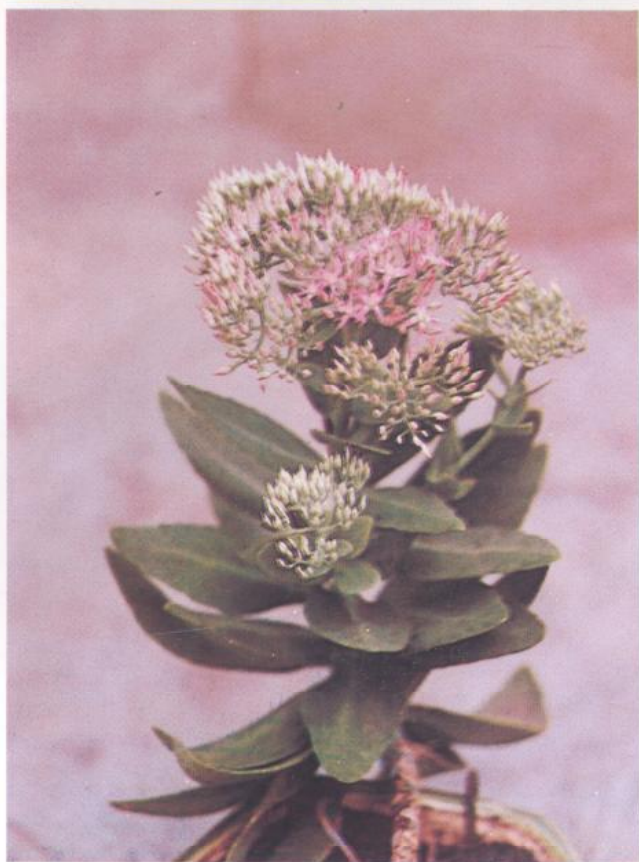
Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mehico, thân hình cầu lùn, cao khoảng 4 cm, đường kính 6 cm, với 13 múi dọc thân dạng u lồi, đỉnh có đám gai dài mảnh thẳng, che kín hết phần thân. Mỗi điểm trên múi có từ 12 - 15 gai, dài 1,5 cm, màu đen và trắng. Hoa mọc ở đỉnh thân, dài 1,5 cm, đường kính 2 cm.

Cây được gây trồng bằng cách ghép lên trên một đoạn thân xương rồng khác. Cây mọc khỏe, ưa sáng, chịu được khô hạn.



Ảnh 45: Trồng sinh dẹt
Kalanchoe integra O. Ktze.



Ảnh 46: Trồng sinh hồng
Sedum telephium L.



Ảnh 47: Trường sinh ống
Kalanchoe tubiflora Hamet.



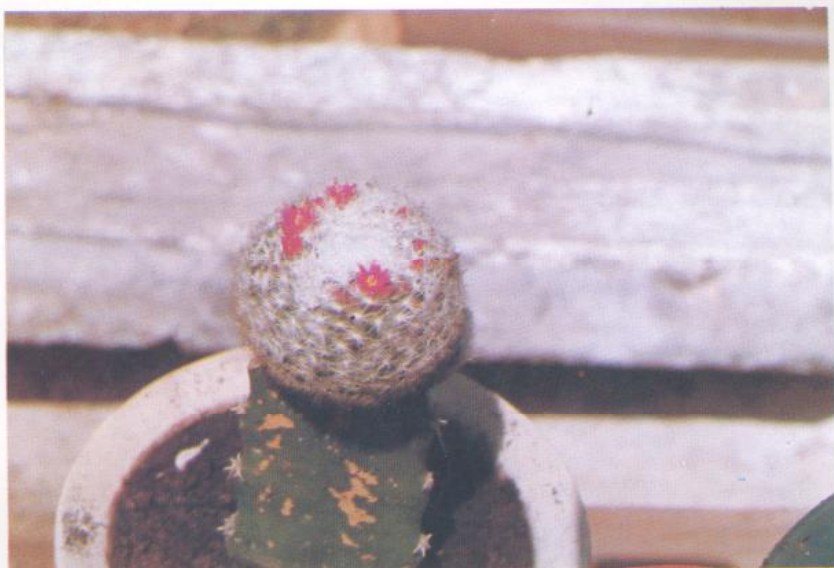
Ảnh 48: Trường sinh xuân
Kalanchoe blossfeldiana Poelln.



Ảnh 49: Xương rồng bà
Euphorbia ligularia Roxb.



Ảnh 50: Xương rồng bạc đầu
Cephalocereus senilis Pfeiff.



Ảnh 51: Xương rồng bạch diều - *Mammillaria candida* Scheidw.



Ảnh 52: Xương rồng bạch vũ
Mammillaria bocasana Poselg.



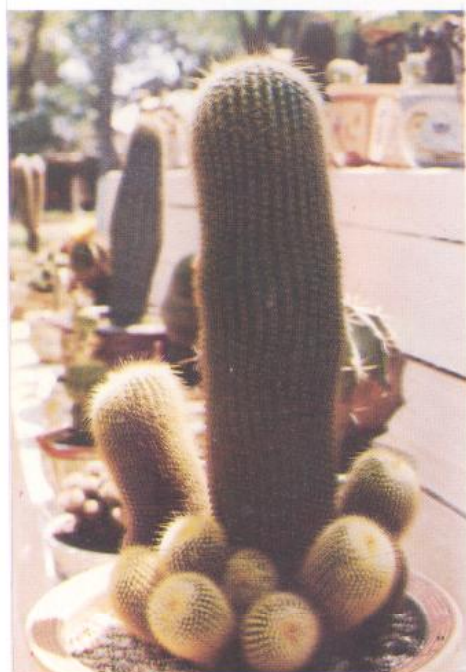
Ảnh 53: Xương rồng dưa
Lobivia famatimensis Britt et Rose.



Ảnh 54: Xương rồng khế
Gymnocalycium damisii Britt et Rose



Ảnh 55: Xương rồng thân tiên vàng
Echinocactus capricornis A. Dietz.



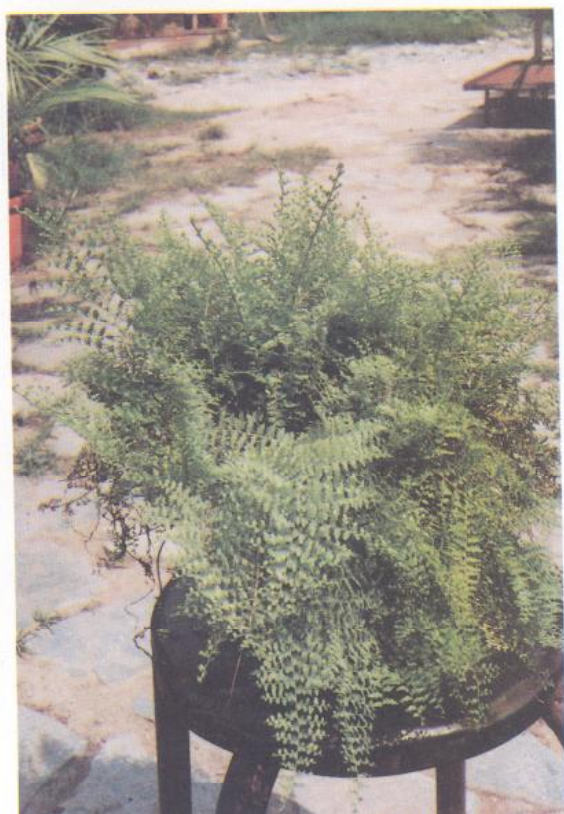
Ảnh 56: Xương rồng trứng
Eriocactus leninghausii Backbg.



Ảnh 57: Xương rồng xoài riêng
Mammillaria centricirrha Lem.



Ảnh 58: Cỏ seo gà trổ
Pteris ensiformis Burm.
var. *victoriae* Bak.



Ảnh 59: Lá mỏng dẹt
Davallia elegans Swartz.



Ảnh 60: Móng trâu - *Nephrolepis cordifolia* C Presl.



Ảnh 61: Móng trâu tròn
Nephrolepis duffii Moore



Ảnh 62: Móng trâu xẻ - *Nephrolepis bis*
Schott. var. *furcans* Bail



Ảnh 63: **Ổ rồng** - *Platycerium grande* J. Smith.



Ảnh 64: **Quyển bá đứng** - *Selaginella frondosa* Warl



Ảnh 65: **Quyển bá trường sinh** - *Selaginella tamariscina* Spring



Ảnh 66: Tóc thần
Adiantum capillus - veneris L.



Ảnh 67: Bách tán
Araucaria excelsa R. Br.



Ảnh 68: Bách xà - *Sabina chinensis* (L.) Antoine



Ảnh 69: Sơn tuế - *Cycas circinalis* L



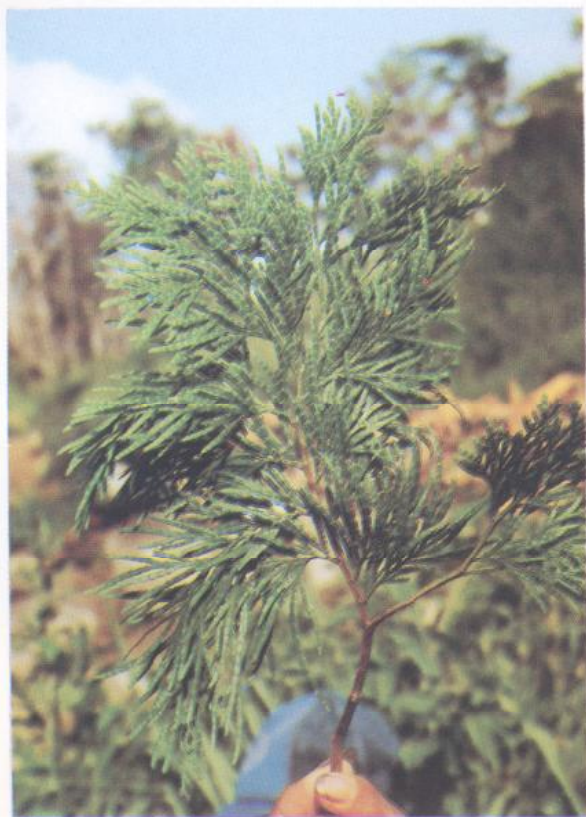
Ảnh 70: Thiên tuế - *Cycas pectinata* Griff.



Ảnh 71: Thông hai lá
Pinus merkusiana Cool. et Gauss.



Ảnh 72: Thông la hán
Podocarpus macrophyllus D. Don



Ảnh 73: Tô hấp bách
Calocedrus macrolepis Kurz.

Ảnh 74: Trắc bách diệp
Thuja orientalis L.





Ảnh 75: Vạn tuế
Cycas revoluta Thumb.

Ảnh 76: Ấm kiếm
Episcia cupreata Hanst.





Ảnh 77: Cô tông - *Codiaeum variegatum* BL. var. *pictum* Muell. Arg.



Ảnh 78: Kim thất nhung - *Gynura aurantiaca* (BL.) DC.



Ảnh 79: Dền lửa - *Amaranthus tricolor* L.
var. *splendens* Bail.



Ảnh 80: Dừa cảnh
Billbergia pyramidalis (Sims.) Lindl.



Ảnh 81: Dừa trổ - *Pandanus veitchii* Hort.



Ảnh 82: Đa - *Ficus elastica* Roxb.



Ảnh 83: **Huyết hệp**
Cordyline stricta Endl.



Ảnh 84: **Huỳnh tinh văn**
Calathea zebrina Lindl.



Ảnh 85: Lá măng - *Asparagus plumosus* Baker. var. *nanus* Hort.



Ảnh 86: Lá trắng
Cordia latifolia Roxb.

II.C.75. CÂY XƯƠNG RỒNG GAI HEO

Ferocactus latispinus (Haw.) Britt. et Rose

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mehico, thân có dạng hình trụ tròn đầu, cao khoảng 40 cm, với 15 - 23 múi dọc thân, nông và thưa, rất đều được bao phủ gần kín bởi các đám gai xếp đều đặn trên mép các múi. Mỗi điểm trên múi có từ 6 - 10 gai, dài 2 - 2,5 cm mảnh, xếp thẳng, tua tủa như lông heo, màu hồng. Hoa nhỏ gồm nhiều cánh hoa thuôn, dài mềm màu hồng đến tím hồng. Quả dài 4 cm.

Cây trồng dễ dàng hoặc trực tiếp trên đất, hoặc ghép lên trên 1 đoạn thân xương rồng khác.

II.C.76. CÂY XƯƠNG RỒNG HỒNG TỬ ĐÌNH

Parodia setosa Backbg.

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Arhentina được gây trồng rộng rãi làm cảnh ở trong chậu hay ở trong vườn nơi đất sỏi cát. Cây có thân dạng hình cầu thuôn dài, cao khoảng 25 cm, đường kính 12 - 15 cm, thuôn tròn ở đỉnh, có nhiều u lồi tròn xếp đồng tâm đều. Trên đỉnh u lồi có cụm gai dài mảnh, xếp tỏa tròn đều sát với nhau, đầu gai nhọn, thẳng, che gần hết phần u lồi ở gốc, nhất là vùng sát đỉnh. Gai màu hồng nổi trên phần thân màu xanh bóng, đẹp. Hoa lớn ở đỉnh, có 1 - 2 chiếc, sát với thân, gần như không có cuống. Cánh hoa lớn xếp sát nhau thành ống rộng ở đỉnh.

II.C.77. CÂY XƯƠNG RỒNG KÈM TRÔNG ĐỎ

Mammillaria hahniana Werd. et Backbg.

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mehico, được gây trồng làm cảnh ở chậu khá phổ biến, ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây có thân hình cầu dẹt, cao 9 cm, đường kính 10 cm, thuôn ở đỉnh, có nhiều múi dạng tháp, gần tròn, đỉnh mang nhiều gai xếp tỏa rộng, dài, hơi cong. Hoa màu đỏ tía, đường kính 1,5 - 2 cm, mọc ra ở gần đỉnh thân. Hoa không bền nhưng hấp dẫn.

Cây trồng bằng cách ghép lên đỉnh một đoạn thân cây xương rồng khác. Cây ưa sáng, nóng và thường được ép để ra hoa vào dịp Tết, làm cảnh, trang trí trong phòng.

II.C.78. CÂY XƯƠNG RỒNG KHẾ

Gymnocalycium damsii (K.Sch.) Britt. et Rose

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc ở Bắc Paraguay, được gây trồng làm cảnh khá phổ biến vì hoa lớn, đẹp. Cây có dạng hình cầu hay hơi bầu dục, gốc phẳng, đầu thuôn tròn, chia múi lớn, dày, gốc dạng khe, đỉnh thành các u lồi nối tiếp nhau dọc theo chiều dài. Trên các u lồi có chùm gai mảnh, xếp tỏa tròn thẳng hay hơi cong, (2 - 8 chiếc) dài 1,2 cm. Thân có khoảng 10 múi dạng quả khế, màu xanh bóng khá hấp dẫn. Hoa lớn, mọc ra ở đỉnh thân 1 - 2 chiếc, dạng phễu dài 6,5 cm đường kính 5 cm. Cánh hoa mềm, thuôn, xếp sát nhau, màu vàng nhạt hay gần trắng (đỉnh màu đậm, nhạt gần ở gốc). Quả tròn, dài 2,5 cm (Ảnh 54)

Hiện nay các nhà vườn có gây trồng nhiều chủng khác nhau để làm cảnh :

II.C.78.a. *Gymnocalycium damsii* Br. et R. var. *centrispinum* Backbg.

II.C.78.b. *Gymnocalycium damsii* Br. et R. var. *rotundulum* Backbg.

II.C.78.c. *Gymnocalycium damsii* Br. et R. var. *torulosum* Backbg.

II.C.78.d. *Gymnocalycium damsii* Br. et R. var. *tucavocense* Backbg.

II.C.79. CÂY XƯƠNG RỒNG KIM CƯƠNG

Homalocephala texensis (Hopffe.) Britt. et Rose

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Texas, Mêhicô... Thân hình cầu rộng, đường kính 30 cm, chia ra khoảng 13 - 27 múi rõ rệt, sâu, mép múi hẹp, thẳng gốc múi thành khe. Trên mép múi có gai xếp tỏa tròn, cách xa nhau. Mỗi điểm có 6 - 7 gai, gốc lớn, đầu nhọn, thẳng hay hơi cong, thưa, làm cho thân vẫn nổi rõ màu xanh bóng, đẹp. Hoa tập trung nhiều ở gần đỉnh thân, dạng phễu dài và rộng khoảng 6 cm, màu vàng cam và hồng. Quả hình cầu màu đỏ có gai nhỏ màu

trắng, thưa, đường kính 4 cm.

Cây là cảnh đẹp, gây trồng ở đất hay ghép trên đỉnh thân cây xương rồng khác.

II.C.80. CÂY XƯƠNG RỒNG LONG CỐT (Nọc trụ)

Hedge cactus, Giant cactus, Torch Thistle, Cierge de Perou

***Cereus peruvianus* (L.) Mill. (*Cactus peruvianus* Linn.; *Piptanthocareus peruvianus* Riec.)**

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc ở các nước Nam châu Mỹ, có dáng đẹp nên được gây trồng làm cảnh ở chậu hay các vườn hoa nhiều nắng. Cây có chiều cao đến 3 m, đường kính 10 - 20 cm, lúc non màu xanh đậm và nhẵn, sau có màu xanh xám, hóa gỗ ở gốc, và phần non có 5 - 8 múi nông, hẹp, có gai và có lông mềm màu xám. Gốc có gai dài hơn. Hoa ít gặp, thường xuất hiện ở phần thấp trên thân, màu trắng và nở về ban đêm. Quả dài 9 cm.

Để làm cảnh, các nhà vườn thường chọn một chủng nhỏ bé và đẹp hơn cả:

II.C.80.a. Cây xương rồng long cốt đá (Đèn cây)

Monstrosus minor, Cierge rocher

***Cereus peruvianus* (L.) Mill. var. *monstrosus* DC. (*Cereus monstrosus* Hort.)**

Cây tuy lùn nhỏ, nhưng hoa lớn, đường kính 15 cm.

II.C.81. CÂY XƯƠNG RỒNG MÓC CẦU

Fish hook cactus

***Ferocactus peninsulæ* Britt. et Rose**

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (California). Thân dạng cầu lớn, sau có thể thuôn cao dần (nơi nguyên sản cao đến 2,5 m) màu xanh vàng bóng, chia múi sâu, gai dài màu đỏ đỉnh cong lại màu nhạt pha vàng. (Thường 3 gai 1 chỗ) Hoa vàng hay đỏ, lớn, đường kính đến 6 cm.

II.C.82. CÂY XƯƠNG RỒNG ÔNG (Xương rồng ba cạnh)

Malay spurge tree, Daluk

Euphorbia antiquorum Linn.

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Srilanka, nay được trồng rộng rãi làm cây hàng rào hay làm cảnh nơi bờ tường, trong chậu. Cây thân gỗ dạng bụi, cao 1 - 5 m, màu xanh, phân cành nhiều, có nhựa trắng cành có 3 khía, thẳng, dẹt, dày, mép có cạnh khía và có gai. Lá nhỏ, dễ rụng, hình trái xoan dài 2 - 3 cm, gốc có lá kèm biến thành hai gai đen. Cụm hoa trên sọc lá rụng, nhỏ bé và màu vàng. Hoa đơn tính.

II.C.83. CÂY XƯƠNG RỒNG ÔNG CÀNH

Euphorbia lactea Haw. (*E. havanensis* Hort.)

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, thân cột tròn, trên chia cành nhánh dày sát nhau, có 3 cạnh mép trắng, vặn xoắn không đều, trên có gai nhỏ, ngắn, thưa. Lá mọc thưa trên đầu cành, màu xanh bóng như thân. Cụm hoa nhỏ, ít gặp.

Cây có dáng kỳ lạ, đẹp, mọc khỏe phân cành nhiều xoắn với nhau thành bụi dày trên một thân cột, rất thích hợp với việc trồng ở chậu lớn, bày nơi cổng nhà, ven lối đi hay tạo cảnh đặc sắc. Cây dễ trồng bằng các đoạn cành. Cây chịu được khô, nóng và ít đòi hỏi đất đai.

II.C.84. CÂY XƯƠNG RỒNG TÀU (Xương rấn, Hồng kích)

Christ's thorn, Crown of Thorns, Euphorbe brillante,
Couronne d'épines, Rose-scarlet

Euphorbia milii Ch. des Moulins

(*E. splendens* Bojer. ex Hook.)

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ đảo Bombon (Madagascar). Cây mọc thành bụi thấp, cao 0,5 - 1 m, phân cành nhánh nhiều, mềm, bò ngang hay hơi đứng, màu xám, có nhiều gai nhọn, dài, thẳng, gốc lớn và

có nhựa trắng. Lá tập trung ở đầu cành, hình bầu dục ngược, đầu tròn, thuôn dần ở gốc thành cuống không rõ. Cụm hoa trên các cuống dài ở đỉnh cành, dạng ngù. Tổng bao hình chuông, có 4 tuyến hình bầu dục. Ngoài có 2 lá bắc lớn hình bầu dục, màu đỏ tươi bọc lấy tổng bao. (Hình 78).



H.78. Xương rồng tàu -
Euphorbia milli Ch.des Moulins

Cây vừa có gai, vừa có dáng hoa đẹp nên được trồng làm cảnh, làm hàng rào, bờ tường hay viền lối đi. Hoa nở gần quanh năm. Cây dễ trồng bằng các đoạn cành. Cắm trực tiếp các cành trên đất, chúng có rễ và vươn dài.

Các nhà vườn thành phố Hồ Chí Minh có nhập trồng các chủng với thân lớn hơn, mọc thẳng, hoa nhiều màu sắc khác nhau, gọi chung là "cây Bát tiên". Thí dụ :

- Bát tiên đỏ - *Euphorbia milii* var. *imperatae* Hort.
- Bát tiên trắng - *Euphorbia milii* var. *albiflora* Hort.
- Bát tiên nhiều màu - *Euphorbia fianarantsoae*.

II.C.85. CÂY XƯƠNG RỒNG THÁI DƯƠNG

Echinocereus viridiflorus Engl. (*Cereus viridiflorus* Engl.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Texas, Mêhicô. Thân mọc đơn độc hay ở gốc có vài chồi mang thân nhỏ bé mọc sát thân chính, hình trụ, hay thuôn dài, có khoảng 13 múi. Mọc múi có các đám gai chừng 12

- 18 chiếc ở mỗi điểm, xếp tỏa tròn, thẳng hay hơi cong, màu trắng hay hơi đỏ. Hoa mọc ra ở bên thân, đường kính 3 cm, dạng phễu kéo dài ở gốc, sâu 3 cm. Cánh hoa màu lục, mép cánh màu đậm, và gốc màu tím. Quả dạng trái xoan, dài 1 cm, màu xanh nhạt.

Để trồng làm cảnh, thường chọn chủng :

II.C.85.a. Echinocereus viridiflorus Engelm. var. *chloranthus* (Engelm.) Backb.

Thân có nhiều múi (13 - 18 múi). Hoa lớn 2,5 cm.

II.C.85.b. Echinocereus vinidiflorus Engelm. var. *davisii* Marsh.

Thân chỉ có 6 - 7 múi.

II.C.86. CÂY XƯƠNG RỒNG THÁI DƯƠNG ĐỎ

Echinocactus pectinatus (Scheidw.) Engelm.
(*Cereus pectinatus* Engelm.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mexico. Thân hình trụ hay hình bầu dục nhỏ bé, dài chừng 20 cm, với 13 - 22 múi dạng vạch, gốc thân có gai dài, phần múi có gai mảnh xếp tỏa tròn, thẳng hay hơi cong, che kín các múi, để lộ phần khe của thân màu xanh (gai xếp ra bên, ở giữa không có gai hoặc gai rất ngắn). Gai ở giữa màu trắng, ở gốc và ở đỉnh có màu thay đổi, tím, vàng hay nâu. Hoa mọc gần ở đỉnh thân dạng phễu, dài 6 - 8 cm màu hồng đỏ ở đỉnh cánh, gốc màu trắng. Cánh hoa xếp sát nhau, mềm. Quả hình cầu màu hồng xanh, có gai.

Có hai chủng thường trồng làm cảnh là :

II.C.86.a. Echinocereus pectinatus Engelm. var. *adustus* K.Sch.

Thân có gai màu nâu đen.

II.C.86.b. Echinocereus pectinatus Engelm. var. *rufispinus* K.Sch.

Thân có gai màu đỏ.

II.C.87. CÂY XƯƠNG RỒNG THÁI DƯƠNG TÍM (Xương rồng cầu vồng)

Rainbow cactus

Echinocereus rigidissimus Engl.

(*Cereus candicans* Hort., *C. rigidissimus* Hort.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mehico hay Arizon được trồng làm cảnh phổ biến vì đẹp hơn cả. Thân hình trụ thuôn đều, hơi phình ở giữa hay gần hình bầu dục, nhỏ bé. Múi thân không rõ nhưng đều đặn, phủ bởi gai xếp tỏa tròn. Mỗi điểm có 16 - 20 gai thẳng phủ gần kín hết múi thân, ở giữa không có gai, màu trắng, vàng hay nâu đỏ, làm thành các giải dọc theo thân, rất đẹp. Hoa lớn, đường kính 7 cm, cánh hoa rộng, mềm màu tím hồng ở đỉnh, màu trắng ở gốc, làm nổi bật đám nhị vàng ở giữa.

II.C.88. CÂY XƯƠNG RỒNG THẦN TIÊN (Thần tiên bất tử)

Echinocactus grusonii Hildmann

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mehicô, được gây trồng làm cảnh ở chậu. Thân dạng hình cầu, phủ kín bởi nhiều gai trong suốt màu vàng làm cho cây như quả bóng vàng. Hoa mọc đơn độc trên phần gần đỉnh. Hoa lớn, màu đỏ, vàng, cánh hoa mềm xếp dày đặc, loe ra ở đỉnh.

Cây trồng làm cảnh ở chậu bằng cách ghép trên đỉnh một đoạn thân cây xương rồng khác.

II.C.89. CÂY XƯƠNG RỒNG THẦN TIÊN VÀNG

India head

Echinocactus capricornis A.Dietz.

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mehicô. Thân hình cầu tròn có múi sâu, dạng quả khế, mép có đốm trắng. Gai tỏa tròn từ các múi của thân, dài và cong. Hoa lớn màu vàng. (Ảnh 55).

II.C.90. CÂY XƯƠNG RỒNG TRỨNG

Eriocactus leninghausii (Hge.jr.) Backbg.

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil (Nam châu Mỹ) được gây trồng làm cảnh ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây có thân cột thấp (nơi nguyên sản có thể cao đến 1 m) dạng tròn đều, mềm, có nhiều dây gai nhỏ dạng lông cứng xếp cách nhau đều đặn làm cho mặt ngoài của thân rất đẹp. Thân đẻ nhánh nhiều ở gốc xen nhau cao thấp khác nhau làm cho chậu cảnh khá hấp dẫn. Hoa đơn độc lớn, đường kính 3 - 4 cm, mọc ở đỉnh thân, màu vàng bóng. Cánh hoa mềm, dạng thuôn dài, lõm lòng thuyền. Nhị nhiều, chụm lại và nổi rõ vôi nhụy cao chia thùy nhiều. (Ảnh 56)

Chúng có dáng đẹp hơn cả là :

II.C.90.a. *Eriocactus leninghausii* Backbg. var. *longispinus*. Ritt.
Thân có dây gai dài, bóng mượt.

Cây trồng ở chậu làm cảnh đẹp, ít đòi hỏi về đất đai, nhưng cần đủ nắng. Cây mọc khỏe trên đỉnh một khúc xương rồng khác.

II.C.91. CÂY XƯƠNG RỒNG XOÀI RIÊNG

Mammillaria centricirrha Lem. (*M. deflexispina* Lem.,
M. schmidtii Sencke, *M. tetracantha* Hort.)

Họ Xương rồng (Cactaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhico, được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây có dạng hình cầu đường kính 12 - 20 cm, có phủ đầy những gai lồi hình tháp, 4 cạnh, mang nhiều gai không đều, thường có 4 - 6 chiếc ở gốc, 1 chiếc ở giữa, hoặc có 2 gai ở giữa và 1 - 2 gai rất ngắn ở gốc (hoặc không có gai gốc), các gai non màu vàng. Hoa nhỏ bé, đường kính 2,5 cm, màu đỏ nhạt, đậm ở gốc. Quả màu đỏ thẫm, nhỏ, đường kính 1 cm. Hạt nhỏ màu nâu xám. (Ảnh 57)

Có một vài chủng, có thể nhập để gây trồng.

II.C.91.a. *Mammillaria centricirrha* Lem. var. *bockii* K.Sch.

U gai nhỏ bé.

II.C.91.b. *Mammillaria centricirrha* Lem. var. *glauca* (Dietr.) Schelle.

Cây có hoa rực rỡ hơn.

III. NHÓM CÂY LÀM CẢNH BẰNG LÁ

III.A. NHÓM CHO LÁ NHỎ XANH : NGÀNH QUYẾT THỰC VẬT

III.A.1. CÂY BÔNG BONG (Bông bong lá nhỏ)

Creeping Fern, *Lygodium grimpani*

Lygodium microphyllum (Cav.) R.Br. (*L. scandens* Sw.)

Họ Bông bong (Schizaeaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á, từ Nam Trung Quốc, Srilanka, xuống các nước nhiệt đới phía Nam. Ở Việt Nam cây mọc rất phổ biến ở ven rừng, nơi đồi hoang đất trống vùng trung du cũng như đồng bằng. Cây mọc dài, cuốn hay chùm lên các cây bụi, nhưng có thể trồng làm cảnh được bằng cách hãm không cho cây vươn dài. Cây có thân rễ khỏe. Lá dài đến hàng thước, phân chia 2 - 3 lần. Lá phụ ở bên hay ở đầu thường xẻ đôi. Phiến lá mỏng, cứng, nhẵn, gân rất mảnh, màu xanh bóng hay pha vàng. Khi lá già mang các ổ tử nang đều đặn ở mép dạng gai dài mềm, làm lá có dáng đẹp.



H.79. Bông bong Nhật -
Lygodium japonicum Swartz.

Cây trồng bằng các đoạn thân rễ, mọc khỏe, chóng cho lá dài, có thể trồng làm nền cho các loài cây có hoa.

III.A.2. CÂY BÒNG BONG NHẬT

Climbing fern, *Lygodium du Japon*

Lygodium japonicum Swartz.

Họ Bòng bong (Schizaeaceae)

Cây mọc rộng rãi ở châu Á từ Trung Quốc, Nhật Bản đến toàn bộ vùng Đông Nam châu Á. Ở Việt Nam cây mọc rất phổ biến ở vùng đồi núi. Cây sống lâu năm, mềm, lá dài 3 - 4 m, leo. Lá kép 2 - 3 lần lá phụ gần hình tam giác, nguyên hay chia thùy, mép có răng không đều. Ổ tử nang dài 3 - 5 mm (Hình 79).

III.A.3. CÂY CẮNG GÀ

Pteris cretica Linn.

Họ Cỏ luống (Pteridaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới, có thân rễ mọc bò dài, phủ lông mềm. Lá mọc thẳng hấy rủ mềm, có hai dạng, hình lông chim, 2 - 6 thùy phiến mọc đối, đôi một, không cuống, thùy phiến ở đỉnh có mép răn reo, và gân nổi rõ. Ổ tử nang dạng vach liên tục ở mép, có áo do mép lá gấp lại. Cây có dáng mềm đẹp, và có rất nhiều chủng khác nhau đều làm cảnh được. Phổ biến hơi cả có :

III.A.3.a. Cây cẳng gà dẹt

Pteris de Crète

Pteris cretica L. var.
wilsonii Hort.



H.80. Cẳng gà dẹt -
Pteris cretica var. *wilsonii* Hort.

Cây có nguồn gốc từ Hi Lạp (đảo Crét), mọc bụi, phiến lá kép lông chim với thùy phiến ở đỉnh lớn nhất phân chia nhiều lần trong 1 mặt phẳng, thùy phiến gốc có cánh rần reo men theo cuống dài. Đây là chủng làm cảnh đẹp nhất. (Hình 80)

III.A.3.b. Cây cảnh gà trắng

Pteris cretica L. var. *albo-lineata* Hort.

Cây có nguồn gốc ở châu Âu, mọc bụi, lá thẳng cuống mập, màu đen nhạt. Lá kép lông chim, phiến thùy cong hình hiem, rần reo, đầu xẻ đôi, mép khía răng và phiến có giải trắng rộng (Hình 81).

III.A.3.c. Cây cảnh gà xanh

Pteris cretica L. var. *mayi* Hort.

Cây mọc bụi nhỏ, lá kép lông chim, thùy phình rộng, chia thùy không đều, mép khía răng, màu xanh bóng.

Tất cả các chủng làm cảnh đều rất thích hợp trồng ở chậu, nhân giống bằng tách bụi với các đoạn thân rễ có chồi mầm. Cây trồng dễ dàng, chịu bóng được nên làm cây trang trí trong nhà khá đẹp.

III.A.4. CÂY CỎ LUỒNG

Pteris quadriaurita Retz.

Họ Cỏ luồng (Pteridaceae)

Cây có nguồn gốc ở các nước nhiệt đới, được gây trồng làm cảnh rộng rãi trên toàn thế giới. Cây có thân rễ ngắn. Lá xếp sát nhau thành bụi thưa, cuống dài, mảnh, kép lông chim, thùy phiến hình giải



H.81. Cây cảnh gà trắng – *Pteris cretica* L. var. *albo-lineata* Hort.

thuôn, nhỏ bé, cong hình liềm, màu xanh bóng, mềm mại, đẹp.



H.82. *Cỏ lưỡng bạc* – *Pteris quadriaurita* Retz. var. *argyrea* Hort.

Để trồng làm cảnh thường chọn các chủng sau :

III.A.4.a. Cây cỏ lưỡng bạc

Pteris à quatre oreillettes var. *argentée*

Pteris quadriaurita Retz. var. *argyrea* Hort. (*P. argyrea* Moore).

Cây có lá màu xanh bóng đậm với phần gốc màu trắng và các vạch lớn màu trắng bạc giữa các thùy. Cây rất đẹp. (Hình 82)

III.A.4.b. Cây cỏ lưỡng đỏ

Pteris quadriaurita Retz. var. *tricolor* Hort.

Cây có lá màu xanh bóng ở mặt trên và màu đỏ ở mặt dưới.

Tất cả các chủng đều rất thích hợp trồng ở chậu, và nhân giống bằng các đoạn thân rễ.

III.A.5. CÂY CỎ SEO GÀ (Lưỡi lân)

Pteris ensiformis Burm.

Họ Cỏ luồng (Pteridaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây mọc hoang dại vùng đồi thấp, khô, nóng ở hầu hết các tỉnh. Cây có thân rễ mọc bò phủ bởi các vẩy hẹp màu nâu nhạt. Lá có 2 dạng : lá không sinh sản dạng kép lông chim với phiến thùy ở đỉnh lớn nhất, dài, nhọn nguyên. Lá sinh sản thường đơn, dạng hình giáo thuôn, hay chia thùy lông chim nông (5 - 7 thùy).

Để trồng làm cảnh các nhà vườn chỉ chọn 1 chủng là :

III.A.5.a. Cây cỏ seo gà trở

Victoria brake fern; *Pteris de la Reine* Victoria

Pteris ensiformis Burm. var. *victoriae* Bak. (*P. victoriae* Hort.)

Cây có lá màu xanh bóng với các vạch trắng (Ảnh 58).

III.A.6. CÂY DƯƠNG XỈ GỖ (Ráng liên tọa bản, Dương xỉ mọc)

Silver tree Fern; *Alsophila glauque*

Cyathea contaminans (Wall.) Cop.

(*Alsophylla contaminans* Wall., *Al. glauca* J. Smith.)

Họ Dương xỉ mọc (Cyatheaceae)

Cây mọc rộng rãi ở các thung lũng ẩm dưới tán rừng rậm từ Bắc vào Nam. Cây có dáng đẹp nên được gây trồng làm cảnh ở vườn hay công viên nơi ẩm ướt, ít nắng. Cây có thân mập hóa gỗ, dạng trụ cao đến 10 m, bóng. Lá tập trung dày đặc, tỏa tròn ở đỉnh thân. Lá lớn dài đến 1 m, màu nâu bóng ở gốc, màu vàng nâu ở đỉnh, bóng nhẵn. Gốc cuống lá có nhiều vẩy màu trắng bóng, dễ rụng. Phiến lá kép hay xẻ lông chim 3 lần. Các lá phụ lại xẻ nhỏ đến tận gân chính làm thành các thùy sâu, màu rơm, láng hay xanh đậm tối ở mặt trên, màu lục nhạt ở mặt dưới. Cả thân lẫn chum lá trông như cây Thiên tuế, nhưng dáng mềm mại hơn.

Cây có dáng đặc sắc điển hình cho các kiểu cây cổ xưa và nhiệt đới, do đó làm cảnh rất đẹp, mặc dù khó trồng vì đòi hỏi ẩm ướt và che bóng.

III.A.7. CÂY DƯƠNG XỈ GỖ BÓNG (Dương xỉ mộc nhẵn)

***Cyathea glabra* (Bl.) Copel.**

Họ Dương xỉ mộc (Cyatheaceae)

Cây có thân trụ, chỉ cao 2 m. Lá có cuống màu đen, bóng, nhẵn, gốc có vẩy màu đen bóng. Phiến lá dày 2 - 3 m, xẻ lông chim 3 lần. Lá phụ lại chia thùy sâu dạng lông chim, có cuống cứng.

Ổ bào tử hình chữ V ngược, nằm giữa các gân phụ và gân chính của lá phụ.

Cây mọc phổ biến ở rừng ẩm ướt, dưới tán cây gỗ lớn, đôi khi gây trồng làm cây cảnh.

III.A.8. CÂY GUỘT (Tế, Ráng tây sơn, Vọt, Ràng ràng)

Kekilla

***Gleichenia linearis* Clarke**

(*Dicranopteris linearis* (Burm.) Underw.)

Họ Guột (Gleicheniaceae)

Cây mọc phổ biến khắp nước ta, nhất là các vùng đồi khô nóng. Cây mọc xen lẫn với bãi cỏ thấp và cây bụi thưa.

Cây có thân rễ mọc ngầm dưới đất và bò lan khá rộng, khỏe, chịu được hoàn cảnh khó khăn. Lá to, phiến rộng, chia nhánh lưỡng phân đều đặn 1 - 2 lần, giữa các nhánh có chồi phủ lông. Tận cùng lá là những lá phụ chẻ lông chim sâu, có thùy dạng thuôn dài, tròn đầu, mép nguyên và cuốn lại, màu xanh, gân mảnh dạng lông chim.

Ổ bào tử nằm vào khoảng giữa các gân nhỏ, cách đều giữa gân và mép lá, lúc non màu xanh mạ, sau nâu dần.

Cây có cuống lá dài nhẵn bóng nâu đậm và phiến lá chia đôi đều đặn, xòe rộng nên làm cánh khá đẹp.

Cây có thể trồng ở chậu hoặc lấy lá cắm lọ với các loài hoa khác, để làm nền cho cả lọ hoa. Cây được khai thác tự nhiên từ các bãi, các đồi, có thể gây trồng bằng các đoạn thân ngầm.

III.A.9. CÂY LÁ MỎNG (Dương xỉ chân thỏ)

Davallia des canaries; Fougère patte de lièvre

Davallia canariensis Swartz.

Họ Vẩy lợp (Davalliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Canari - châu Âu, nhưng được gây trồng rộng rãi ở khắp mọi nơi. Cây có thân rễ dày, phân nhánh bò dài, có nhiều vẩy dày. Lá hình tam giác, dạng kép lông chim 4 lần, phiến rộng ra ở gốc. Lá phụ cuối cùng gần hình tròn, khía răng cưa sâu và có màu xanh đậm, bóng. Cuống nhẵn, dài 15 - 20 cm. Khía rãnh sâu ở mặt trên. Cây mọc lan rộng nên làm cây phủ đất trong bồn hoa rất thích hợp. (Hình 83) Hiện nay cây được trồng ở châu, trên các quang treo ở các tỉnh miền Nam. Nhân giống chủ yếu bằng các đoạn thân rễ.



H.83. Lá mỏng - *Davallia canariensis* Swartz.

III.A.10. CÂY LÁ MỎNG DẸP

Davallia élégant

Davallia elegans Swartz.

Họ Vẩy lợp (Davalliaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Srilanka tới Australia) và làm cây cảnh từ khá lâu. Cây có thân rễ mập, bò dài và có vẩy lớn. Lá lớn dạng kép lông chim 3 lần, phiến hình tam giác, chia thành các thùy thuôn dài và mép khía răng. Cuống lá thẳng đứng, nhẵn (Ảnh 59).

Cây được gây trồng rộng rãi để làm cảnh, và có nhiều chủng khác nhau.

III.A.11. CÂY LANH SA MÀU TỬ (Ráng liên sơn lưỡi dao, Quạt xòe)

Lindsaea cultrata (Willd.) Sw.

Họ Quạt xòe (Lindsaeaceae)

Cây mọc ở đất có thân rễ bò dài, mang nhiều vẩy hẹp màu nâu nhạt. Lá có cuống dài, phần gốc tròn, màu nâu thẫm, phần trên khía răng dọc, màu vàng rơm. Phiến lá hình giáo thuôn, dạng kép lông chim 1 lần, mà các lá phụ ở gốc mọc gần đối, các lá phụ trên mọc so le, dạng hình quạt có cuống, mép dưới uốn cong, mép trên thẳng, chia 3 - 4 thùy nhỏ. Đầu lá kéo dài mềm và thường nảy ra một cây khỏe có đầy đủ rễ và lá có thể tách khỏi cây mẹ cho một cây độc lập. Ổ bào tử thuôn dài ở mép, màu vàng nâu.

Cây mọc hoang đại vùng núi cao Việt Nam có dáng đẹp, mọc khỏe xanh bóng nên trồng làm cảnh ở chậu được. Hiện nay gây trồng chủ yếu trong các quang treo để uốn cong dài ra và cho cây con lơ lửng.

III.A.12. CÂY LANH SA TRÒN

Lindsaea longipes C. Chr. et Tard.

Họ Quạt xòe (Lindsaeaceae)

Cây có thân rễ bò với nhiều vẩy rất hẹp. Lá có cuống dài màu tím, hình 4 cạnh, có rãnh rộng ở phần trên. Phiến lá hình ngọn

giáo hẹp, dạng kép lông chim, gốc và đầu lá hơi thu hẹp lại. Lá phụ mọc so le, khá xa nhau ở gần gốc và xít nhau ở đỉnh, dạng hình thận hay tim, có cuống rất ngắn, mép nguyên.

Ổ bào tử dọc theo mép, màu vàng nhạt.

Cây mọc hoang dại vùng đồi núi miền Trung đáng đẹp nên trồng làm cảnh được.

III.A.13. CÂY LƯỠI RẮN THÔNG (Dải lụa)

Ribbon Fern, Addeer's tongue; Langue de serpent

***Ophioglossum pendulum* L. (*Ophioderma pendulum* Presl.)**

Họ Lưỡi rắn (Ophioglossaceae)

Cây sống phụ trên vỏ các cây gỗ lớn vùng núi cao hay trong các rừng ẩm.

Cây có thân rễ mập, dày, mang rất nhiều rễ. Lá 1 - 5 chiếc hình giải mềm buông thông xuống. Không có cuống rõ ràng, mép lá nguyên, đơn dày, nạc, không rõ gân giữa, nhưng các gân phụ hình mạng tạo nên những ô hình 6 cạnh, nổi rõ như vân, khá đẹp.

Túi bào tử xếp dày đặc trên 1 lá thoái hóa dạng bông, có cuống chung ngắn, dính ngay vào giữa lá không sinh sản, màu vàng nhạt.

Cây có dáng mọc đẹp, phiến lá đặc sắc nên có thể gây trồng làm cảnh trong các quang treo, như các loài phong lan sống phụ ở vùng có khí hậu mát ẩm và chịu bóng một phần.

III.A.14. CÂY MÓNG TRÂU

(Ráng thân lân hình tim; Cốt rắn; Củ khát nước)

Dwarf whitemanii, Nephrolepis à feuilles en coeur

***Nephrolepis cordifolia* (L.) C. Presl.**

(*N. cordata* Hort.; *N. tuberosa* Hook.)

Họ Móng trâu (Nephrolepidaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ nhiệt đới, nay mọc rất rộng rãi vùng nhiệt đới, Á nhiệt đới châu Á, Australia, châu Phi, Tân Tây Lan, vừa hoang dại vừa gây trồng làm cảnh.

Cây có thân rễ bò mang nhiều củ. Thân rễ ngắn, thường mọc đứng phủ nhiều vẩy màu nâu vàng. Lá có cuống màu vàng nhạt hay nâu bóng, có vẩy. Phiến lá hình giáo hẹp, dạng kép lông chim, dày đặc. Lá phụ giữa có tai, và không cuống hình tim (Ảnh 60). Tất cả các lá phụ đều xếp cách nhau đều đặn trên một mặt phẳng. Ổ bào tử nằm ở mép lá, màu nâu nhạt.

Cây mọc hoang dại vùng núi cao miền Bắc và Nam Trung bộ, thành bụi dày hay mỏng, có dáng đẹp, nên được thu hái trồng làm cảnh ở chậu hay ở hòn non bộ. Chúng đẹp hơn cả là :

III.A.14.a. Cây Móng trâu dày

Nephrolepis cordifolia Presl. var. *compacta* de Veitch.

Cây mọc thành bụi dày, rất đẹp, cuống lá cao thấp không đều làm cho dáng cây hấp dẫn. Thường được gây trồng ở chậu.

III.A.15. CÂY MÓNG TRÂU DET (Ráng thận lân đứng)

Swird-fern; Boston-fern, Crisped feath fern, *Nephrolepis elevé*

Nephrolepis exaltata (L.) Schott.

Họ Móng trâu (Nephrolepidaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới châu Phi, châu Mỹ.

Cây mọc bò dài do thân rễ mập. Lá mảnh hình giải nhọn giáo rất dài, cuống lá mập có vẩy, phiến lá dạng kép lông chim, lá phụ nguyên hay hơi khía răng cưa.

Hiện nay, thường gây trồng 1 chủng đặc sắc là :

III.A.15.a. Cây Móng trâu det lông chim

Nephrolepis exaltata (L.) Schott. var. *plumosa* Hort.

Lá có dạng kép lông chim với các lá phụ thẳng ở đỉnh và răn reo làm cho lá giống như lông con chim. Thân rễ ngắn mập làm cho lá mọc tập trung thành bụi, sát nhau. Tất cả có màu xanh bóng, mềm mại, khá hấp dẫn.

III.A.16. CÂY MÓNG TRÂU TRÒN (Ráng thận lân, Lưỡi lân)

Nephrolepis de duff

Nephrolepis duffii Moore

Họ Móng trâu (Nephrolepidaceae)

Cây có nguồn gốc ở Chilê (đảo Duc d'York) - Nam châu Mỹ, nhưng được gây trồng rất rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới khác. Cây nhỏ bé, lùn, gần như không có thân rễ, mà lá mọc sát nhau làm thành bụi, dày ở gốc. Lá có phiến mảnh, mềm, trên cuống dài màu nâu sáng, gốc cuống có nhiều vẩy màu nâu, nhẵn. Lá phụ xếp kép lông chim 1 lần, dạng hình tròn, dài hẹp, cuống ngắn, mọc gần như đối, cách xa nhau đều đặn. Phiến lá thon nhỏ lại ở đỉnh, mềm dạng sợi mảnh thường chia đôi, các lá phụ nhỏ lẫn lẫn, mép cong lại, tròn hay dạng quạt, màu xanh bóng. (Ảnh 61).

Cây mọc bụi dày đẹp, đầu lá vươn dài mềm mại cong vút, rất thích hợp để trồng ở chậu cảnh nhỏ làm cây trang trí trong phòng.

III.A.17. CÂY MÓNG TRÂU XÈ

(Cốt cần chẻ, Ráng thận lân chẻ, Lá rết)

Nord sword fern; Boston fishtail fern

Nephrolepis biserrata (Sw.) Schott. var. *furcans* Bail.

(*N. acuta* Presl.; *N. acuminata* Presl. non Kuhn.)

Họ Móng trâu (Nephrolepidaceae)

Cây có thân rễ ngắn, mọc đứng, làm cho toàn bộ cây thành 1 bụi dày, cao 40 - 60 cm, có nhiều chồi. Lá có cuống dài, màu nâu sáng, mang ở phần gốc nhiều vẩy màu nâu, nhẵn, phiến lá màu lục tươi hay pha vàng, dai, cứng, nhẵn, khá rộng, kép lông chim 1 lần. Lá phụ thuôn ngọn giáo hẹp, gốc tròn, đầu mở rộng xẻ hai, mỗi thùy lại có khía sâu dạng đuôi cá, mở rộng. Lá phụ mọc cách xa nhau đều đặn, và làm cho các lá phụ gần như có nếp đè lên nhau trên một mặt phẳng (Ảnh 62).

Cây có dáng đẹp nên được ưa chuộng trồng làm cảnh trong các chậu làm cây trang trí trong phòng hay treo trên giàn ngoài trời.

III.A.18. CÂY Ổ RỒNG (Ổ rồng kẻ)

Elk's horn fern. *Platycerium grande*

***Platycerium grande* (A. Cunn. msc.) J. Smith.**

Họ Cánh dơi (Cheiropleuriaceae)

Cây có nguồn gốc rộng rãi ở vùng Đông Nam châu Á và Australia.

Cây sống phụ, thân rễ mọc bò không có vẩy. Lá không sinh sản (lá cứng mùn) không có cuống, dạng tròn lớn, phân thùy sâu nguyên hay xẻ đôi. Lá sinh sản buồng thông xuống từng đôi một dài 1 - 2 m, các thùy chia đôi nhiều lần với phân thùy cuối thuôn dài tròn. Mặt lá xanh bóng, dài, nhẵn, mềm.

Ổ bào tử mặt dưới phiến lá, thường tập trung ở nơi chẻ đôi của thùy lá, màu vàng nâu (Ảnh 63).

Cây có dáng kỳ lạ, màu xanh đậm quanh năm, làm cây kiểng trên các vỏ cây gỗ lớn hay trồng trong các quang treo như các loài phong lan sống phụ.

III.A.19. CÂY QUYẾN BÁ BÒ (Quyến bá)

Selaginella de wilddenow

***Selaginella wilddenowii* (Desv.) Baker**

(*S. laevigata* Spring; *S. uncinata arborea* Meteen.;

***S. caesia arborea* Hort.)**

Họ Quyến bá (Selaginellaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Đông Dương, Malaysia...)

Cây khá lớn, có thân dài, bò leo được, dài đến 3 - 4 m. Từ thân rễ mọc ra các lá dạng kép lông chim dạng tam giác trải rộng, dài đến 50 cm, phân chia thành nhiều mặt phẳng, lá tận cùng có dạng bản nhỏ như sợi, màu xanh bóng ở mặt trên, nhẵn. Bào tử diệp 1 loại, rộng.

Cây mọc đại ở rừng thưa, nhưng có dáng đẹp, bóng óng ánh nên thường được gây trồng làm cảnh trong các chậu bày ở trong phòng hay hàng hiên che bóng một phần. Cây được nhân giống bằng tách bụi.

III.A.20. CÂY QUYỂN BÁ CUỘN

Selaginella involvens (SW.) Spring

Họ Quyển bá (Selaginellaceae)

Cây mọc rộng rãi ở vùng núi cao Việt Nam, Nhật Bản, miền Nam Trung Quốc và Philippin.

Cây lùn nhỏ bé, thân rễ bò và có rễ giả tập trung ở gốc thân. Thân mọc thẳng đứng từ một phần gốc bò, phân nhánh, cao 6 - 15 cm có nhiều lá xếp lớp, hình trái xoan, thuôn, áp sát vào thân. Cành ngắn, chia lông chim 3 lần. Lá ở thân chính chỉ có một loại, gốc có tai, mép có lông, lá ở các nhánh có 2 dạng, lá giữa nhỏ, mép có lông, màu xanh đậm ở mặt trên, màu nhạt ở mặt dưới.

Bông thường đơn, rất ít khi 2, nằm ở cuối các cành non, có 4 cạnh.

Cây mọc ở rừng ẩm, chịu bóng một phần do đó làm cây cành trong chậu trang trí nội thất rất thích hợp, thường mọc được ở các hòn đá, non bộ dưới tán các cây lá rộng khác.

III.A.21. CÂY QUYỂN BÁ ĐỨNG (Quyển bá lá dày)

Selaginella frondosa Warb.

Họ Quyển bá (Selaginellaceae)

Cây mọc trong rừng ẩm thường xanh ở hầu hết các tỉnh của nước ta. Cây có thân rễ mập, thân mọc thẳng đứng cao 20 - 40 cm, cành nhiều dẹt mang lá xếp sát nhau, hình tam giác dài, đối xứng (phần gốc). Các cành ở đỉnh, kép lông chim ba lần, lá xếp hơi lợp, màu xanh thẫm, bóng, đẹp. Bông bào tử ở đỉnh, có 4 cạnh, dài 1 - 3 cm (Ảnh 64).

Cây luôn xanh mướt, chịu được bóng, mọc khỏe thành bụi dày rất thích hợp để trồng ở chậu và bày trong nhà. Hiện vẫn thu hái từ thiên nhiên, có thể nhân giống bằng tách phần thân rễ có cành lá.

III.A.22. CÂY QUYẾN BÁ THẬN

Sélaginelle caulescente

***Selaginella caulescens* Spring**

(*S. amaema* Hort.; *S. bellula* Cesati non Moore)

Họ Quyến bá (Selaginellaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Trung Quốc) có thân mọc dày đặc làm thành bụi, mảnh mai, phân nhánh dài đến tận 2 phần 3 gốc và có nhiều chồi bên. Cành nhánh mang nhiều lá hẹp, nhỏ bé nhọn xếp đều đặn tạo ra một mặt phẳng rộng, mà phần phân chia có dạng tam giác đều màu xanh bóng sáng đẹp. Bông có 4 cạnh dài 1 cm ở đầu cành. Hiện nay, loài cây này được các nhà vườn tạo ra nhiều chủng đẹp khác nhau để làm cảnh. Tuy nhiên, trong các chủng của loài này, nổi bật có :

III.A.22.a. Cây Quyến bá thận bạc

***Selaginella caulescens* Spring var. *argentea* Hort.**

(*S. argentea* Hort.)

Cây nhỏ bé. Thân có lá dày đặc dẹt, màu xanh bạc, óng ánh. Cây mọc ở đất, ưa ẩm, che bóng, do đó được trồng ở chậu trang trí trong phòng, hoặc dưới tán các cây gỗ.

III.A.23. CÂY QUYẾN BÁ TRƯỜNG SINH (Trứng vịt)

***Selaginella tamariscina* (Beauv.) Spring**

Họ Quyến bá (Selaginellaceae)

Cây mọc trên vùng đồi khô, đất sỏi hay vách đá vùng bờ biển miền Bắc và Trung nước ta. Cây nhỏ bé, thân rễ mập, kết bện thành một khối dày ở gốc, trên thành bụi khó phân biệt giữa thân và cành. Lá có hình dạng khác nhau, thường hình giáo, hình tam giác cuộn lại khi khô và nở bung ra khi gặp nước. Bông bào tử hình 4 cạnh mọc ra ở đỉnh cành (Ảnh 65).

Cây ưa ẩm nên được trồng ở bờ nước hay trên các hòn non bộ, đôi khi đặt cả cây trên chậu nước nông. Cây chịu được bóng, làm cây trang trí trong nhà được. Hiện nay chỉ thu hái tự nhiên. Có thể nhân giống bằng tách bụi lớn.

III.A.24. CÂY RÂU RỒNG (Thạch tùng vẩy; Thạch tùng thân gập)

Lycopode

Huperzia squarrosa (Forst.) Trevis.

(*Lycopodium squarrosus* Forst.; *L. hookeri* Wall.;

L. epiceaefolium Desv.)

Họ Thông đất (Lycopodiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ). Cây sống phụ, thân thường mập hình trụ, mọc thẳng đứng ở phần gốc, sau gập buồng thông xuống, dài 50 - 60 cm, phân chia 1 - 2 lần. Lá xếp xoắn ốc, hình giải hẹp, nhọn, mọc xòe rộng ra, gần như thẳng đứng, không cuống, các lá ở đỉnh thì ngắn hơn lá ở gốc, màu xanh bóng đậm, xù ra như lông nhím.

Bông ở ngọn không phân nhánh, dài khoảng 10 cm. Lá bào tử giống như lá dinh dưỡng, nhưng ngắn hơn 2 lần, thẳng, nhọn, hơi phình ở gốc.

Cây có dáng rất đẹp có thể gây trồng ngay trên vỏ cây gỗ, trong các chậu, hay bó vào gốc giả thế (gỗ hay Dớn) treo ở vườn hay trong phòng, vì cây chịu bóng 1 phần. Cây mọc khỏe, cần đủ ẩm và mùn. Hiện hay nhân giống bằng cách tách các chồi mầm có đủ rễ.

III.A.25. CÂY RÂU RỒNG LÁ (Râu cây)

Huperzia phlegmaria (L.) Roth. (*Lycopodium phlegmaria* L.)

Họ thông đất (Lycopodiaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng nhiệt đới cực lục địa. Cây sống phụ thân buồng thông xuống, dài khoảng 50 cm, chia nhánh lưỡng phân 1 - 4 lần. Lá xếp xoắn ốc, hình trái xoan thon, không cuống, gốc tròn, đầu thẳng đứng, nhọn, nguyên, dai, xếp tỏa rộng ra.

Bông không có cuống, lá bào tử rất khác biệt với lá thường hình trái xoan, tam giác rộng, bên có mũi nhọn.

Cây mọc rộng rãi ở rừng miền Nam và miền Trung nước ta và được thu hoạch tự nhiên làm cây trang trí trong vườn hay trong nhà.

III.A.26. CÂY RÂU RỒNG TUA (Thạch tùng tua mực, Thạch tùng xoan)

Huperzia obovalifolia (Bonap.) Bon.

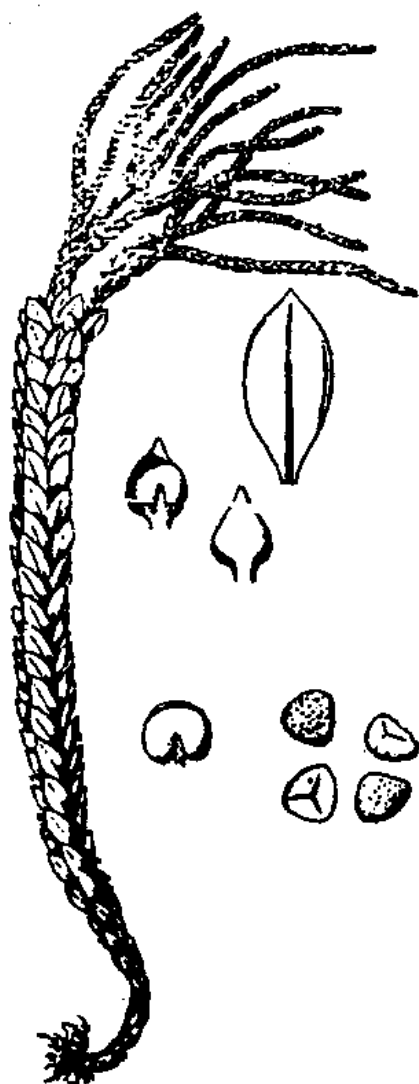
(*Lycopodium obovalifolium* Bonap.)

Họ thông đất (Lycopodiaceae)

Cây sống phụ, thân hình trụ, dài 20 - 40 cm buông thõng xuống, phân chia 2 - 3 lần, cành xếp tỏa ra như tua mực. Lá xếp xoắn ốc, tỏa rộng, hình trái thuôn, không cuống, gân giữa rõ, lồi.

Bông không cuống, lưỡng phân 1 - 2 lần, mọc ra từ ngọn cành. Lá bào tử rất khác biệt với lá thường, hình tròn hơi dài (Hình 84).

Cây mọc rộng rãi trong các rừng ẩm miền Trung nước ta, có thể chịu được lạnh và bóng, nhưng phải khá ẩm. Cây có dáng buông dài đẹp, rất được ưa chuộng trồng làm cảnh ngay trên vỏ cây gỗ lớn hay trong các quang treo, bó vào các mảnh gỗ, mảnh dớn, để cây buông thõng cành nhánh và các chùm bông.



H.84. Râu rồng tua – *Lycopodium obovalifolium* (Bonap.) Bon.

III.A.27. CÂY SỪNG HƯƠNG (Ráng chò chanh)

Antelope years; Corne de Cerf; Elk's horn fern, *Gymnogramme blanc et noir*)

Pityrogramma calomelanos (L.) Link.

(*Gymnogramme calomelanos* Kunze.)

Họ Sừng hươu (*Gymnogrammeaceae*)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ nhiệt đới, với hình dạng rất thay đổi, thường có thân rễ ngắn phủ vẩy màu nâu. Lá mọc chụm cao 20 - 50 cm, cuống đen, có vẩy ở gốc. Phiến dạng kép lông chim 2 lần, thuôn hình giáo. Lá phụ cấp một mọc đối, thuôn dài, chia thùy không đều hay kép một lần nữa, nhẵn, phiến mỏng, mặt trên màu xanh bóng đậm, mặt dưới màu bạc trắng như có bụi phấn nổi lên trên cuống màu đen bóng.



H.85. Sừng hươu – *Pityrogramma calomelanos* Link.

Ổ tử nang xếp dọc theo mép lá, và có áo do mép lá gập lại (Hình 85).

Cây có phiến lá rất đẹp, có thể gây trồng ở chậu làm cảnh ở vườn và trang trí trong phòng được. Cây ưa ẩm và chịu được bóng.

III.A.28. CÂY THÔNG ĐẤT (Thạch tùng nghiên)

Stag - horn - moss

Lycopodiella cernua (L.) Franco et Vahl.

(*Lycopodium cernuum* Linn.)

Họ thông đất (Lycopodiaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng nhiệt đới cả hai bán cầu. Thân thường mọc bò dài trên đất và nảy ra nhiều rễ rải rác, phần đầu mọc thẳng đứng, phân ra nhiều nhánh theo kiểu lưỡng phân. Lá nguyên hình giải nhọn, xếp xoắn ốc hướng lên trên áp gần với trục thân, màu vàng rơm hay vàng xanh, rất lâu héo khô. Thân, lá tuy khô nhưng có dáng rất mềm mại. Bông rất nhiều, treo thông ở đỉnh các nhánh nhỏ, màu nâu vàng.

Cây mọc nơi chân đồi, vừa che bóng vừa ưa sáng và chịu được khô hạn, do đó có thể làm cây cảnh phủ đất ở các bồn đất khô hay trồng trong các chậu đặt trong phòng.

III.A.29. CÂY THÔNG ĐẤT DÙI (Thạch tùng dùi)

Club moss; Griffe de loup; Soufre végétal

Lycopodium clavatum Linn.

Họ thông đất (Lycopodiaceae)

Cây mọc phổ biến ở rừng núi cao, nơi khí hậu mát, dưới tán các rừng thưa (chịu bóng một phần).

Cây mọc trên đất, thân bò dài, có nhiều rễ ở giữa, phần đầu mọc thẳng đứng, cao 5 - 10 cm, phân cành ít, thưa, sắp xếp dạng lồng chim. Lá ở trên thân chính và trên các cuống bông thì thưa áp sát vào thân, còn lá ở phần thân thẳng đứng thì tỏa rộng ra xếp xoắn ốc vào nhau, dạng hình giải nhọn, màu xanh bóng đậm hay pha vàng.

Bông dài 5 cm, có cuống mọc ra ở đỉnh, các cành bên lưỡng phân. Mỗi cuống có 2 - 6 bông.

Cây làm cảnh đẹp ở các chậu nhỏ, hiện nay chỉ thu hoạch tự nhiên để gây trồng làm cảnh.

III.A.30. CÂY TÓC THẦN (Tóc vệ nữ)

Maidenhair Fern; Venus hair fern; Capillaire cheveux de Venus; Capillaire vraie

Adiantum capillus - veneris L.

(*A. luddemanianum* Hort; *A. regine* Hort.)

Họ Đuôi chồn (Adiantaceae)

Cây có vùng phân bố rất rộng trên nhiều vùng khí hậu khác nhau Địa Trung Hải, châu Á, Nam châu Phi... và được trồng làm cảnh rất phổ biến. Cây có thân rễ mọc bò dài, phủ nhiều vẩy rất mỏng. Lá mọc cách xa nhau trên thân rễ, cuống lá mảnh, dài 20 - 30 cm, màu đen nhánh, bóng, nhẵn, phiến lá dài 15 - 35 cm hình tam giác thuôn, kép lông chim 2 lần. Lá phụ mọc cách hình tam giác thuôn, có cuống dài lại chia lông chim. Các phiến của những lá phụ cuối cùng nhẵn nheo, cụt đầu (Ảnh 66).

Toàn bộ lá màu xanh bóng mềm, nổi rõ trên cuống màu đen cứng. Ổ bào tử ở mép lá, đối diện với cuống, cong theo các thùy.

Cây được gây trồng làm cảnh ở chậu rất phổ biến, đôi khi cắt lá cắm lọ với các hóa khác.

III.A.31. CÂY TÓC

THẦN ĐUÔI (Đuôi chồn)

Adiantum

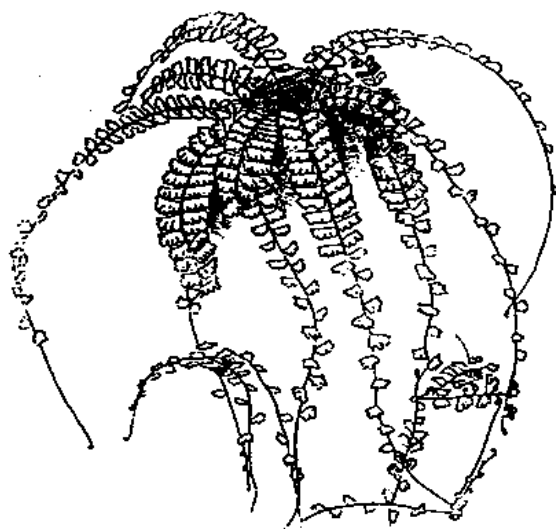
caudatum Bak.

(*A. ciliatum* Bl.)

Họ Đuôi chồn

(Adiantaceae)

Cây có thân rễ ngắn, với nhiều vẩy hình giáo hẹp, màu vàng nâu. Lá có cuống dài 5 - 20 cm, màu nâu sẫm, nhẵn, bóng, cứng có lông mềm.



H.86. Tóc thần đuôi -
Adiantum caudatum Bak.

Phiến lá dài tới 30 cm, cứng phủ lông mềm, có dạng kép lông chim, với các lá phụ nhiều xếp dày đặc, đều đặn. Lá phụ không cuống có mép dưới nguyên, mép trên khía thùy sâu, thùy cụt đầu. Đầu lá mềm, vuốt dài, các lá phụ thưa dần. Ổ bào tử tròn hay thuôn xếp ở đầu các thùy lá phụ, màu nâu sẫm. (Hình 86).

Cây mọc khỏe, dáng đẹp, mọc chủ yếu ở vùng núi đá vôi, do đó có thể gây trồng làm cảnh ở các hòn non bộ hay trong các chậu.

III.A.32. CÂY TÓC THẦN PHI (Đuôi chồn lệch)

Capillaire en forme de croissant

Adiantum philippinense L. (*A. arcuatum* Sw.;

A. lunulatum Burm.; *A. dolabriforme* Hook.)

Họ Đuôi chồn (Adiantaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Australia, châu Mỹ nhiệt đới nay phân bố rất rộng ở hầu hết các nước nhiệt đới. Cây sống ở các hốc đá, vách khe hay chân đồi, nơi đất ẩm và có nắng. Thân rễ mọc đứng, phủ nhiều vẩy ở gốc. Lá mọc sát nhau thành bụi thưa. Cuống lá màu đen nhẵn, mềm mại. Phiến lá dạng kép lông chim. Lá phụ ở sát gốc rất lệch, mọc cách, mép dưới thẳng hay lõm mép trên nguyên hay chia thùy, nhẵn, cuống lá



H.87. Tóc thần phi -
Adiantum philippinense L.

kéo dài ra ở đỉnh các lá phụ nhỏ dần hay thu hẹp lại, làm cho đầu lá mềm nhỏ, dài ra như tua cuống (Hình 87). Trồng cây trong chậu và treo cao cả chùm lá tỏa mềm rất duyên dáng. Ổ bào tử hình giải, nằm ở ngọn các thùy. Cây mọc dại nhưng có thể thu hoạch để gây trồng làm cảnh.

III.A.33. CÂY TÓC THẦN XANH (Vết, Dớn đen)

Capillaire

***Adiantum flabellulatum* L.**

Họ đuôi chồn (Adiantaceae)

Cây có thân rễ mọc nghiêng hay thẳng đứng, phủ nhiều vẩy hình giáo hẹp màu vàng rơm. Lá mọc sát nhau thành bụi nhỏ, cuống lá màu tím, nhẵn, bóng, hơi có vẩy ở gốc. Phiến lá dài và rộng gần bằng nhau lưỡng phân 2 - 3 lần. Lá phụ cuối cùng có cuống, mọc cách, dạng quạt, mép dưới thẳng, mép trên tròn, nguyên hay hơi có răng, màu xanh bóng nhẵn, óng ánh vàng, cứng, dày, khô.

Ổ bào tử thuôn dọc theo mép trên và mép ngoài của lá phụ.

Cây có dáng lá tỏa rộng, đẹp và lâu héo nên rất được ưa chuộng gây trồng làm cảnh. Cây chịu được che bóng và ưa ẩm nên có thể gây trồng ở chậu hay trên hòn non bộ, làm cây trang trí ở trong nhà hay ở vườn dưới tán che.

III.A.34. CÂY TỔ CHIM (Ráng ổ phụng, Tổ kiến)

Bird's nest Fern, Doradille nid d'oiseau

***Asplenium nidus* L.**

(*A. australasicum* Hook.; *Neottopteris nidus* (L.) J.Sm.)

Họ tổ chim (Aspleniaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, đảo Sandwich, Maurice và các rừng nhiệt đới châu Á khác (Ấn Độ, Nam Nhật Bản, Nam Trung Quốc, Madagasca và Australia), mọc rất phổ biến nên dễ thu hái.

Cây sống phụ trên vỏ các cây gỗ lớn trong rừng ẩm khắp nước ta. Cây có thân rễ ngắn, gốc có rễ chùm dày đặc, ken lại thành bụi lớn ở dưới đám lá, làm cho cây vừa bám chặt vào giá thể, vừa tích tụ được mùn để nuôi cây. Lá nguyên có cuống rất ngắn, dày, phủ nhiều vẩy dài ở gốc. Phiến lá dày, thuôn hình giáo rộng, màu lục nhạt, mép nguyên,

gân giữa lõi cao, gân bên sát nhau hợp lại ở gần mép lá. Lá xếp dạng hoa thị. Lá già ở ngoài, xòe ra như một tổ chim.

Ổ bào tử dạng vạch, mỏng, màu nâu vàng, xếp chéo góc với thân chính, song song với gân phụ, chiếm phần giữa lá ở mặt dưới.

Cây có dáng đặc sắc, mọc khỏe, có thể hái cả cụm dày bó áp sát vào cây gỗ ở vườn hay công viên. Cây dễ trồng, đặc trưng cho cảnh rừng nhiệt đới, đôi khi cây được gây trồng trong các chậu, treo cao trên giàn làm cây trang trí.

III.A.35. CÂY TỔ CHIM CONG

(Ráng can xỉ hình phẳng, Thiết giác lưới liềm)

Doradille en faux

***Asplenium falcatum* Lamk.**

Họ tổ chim (Aspleniaceae)

Cây có nguồn gốc từ Pôlinêsi, Tân Tây Lan và nhiều nước Đông Nam Á khác, mọc hoang dại và được thu hái trồng làm cây cảnh.

Cây có thân rễ ngắn, có nhiều vẩy màu nâu bóng. Lá xếp sát thân rễ, dạng hoa thị, và kép 1 lần lông chim. Cuống lá mọc đứng, cứng, có rãnh, màu nâu hay đen, gốc có vẩy. Phiến lá có dạng thuôn, mỗi bên có 6 - 9 lá phụ mọc cách, cong lại dạng lưới liềm, nhọn đầu thành mũi dài, có gốc không đều nhau, mép lá có răng cưa nhỏ, nhọn, gân giữa rất rõ, gân bên nghiêng. Lá phụ cuối cùng rộng hơn cả thường chẻ ba, có răng nhọn hình tam giác.

Ổ bào tử dài không đều, xếp ở đoạn giữa của gân đôi khi kéo dài đến tận mép lá, màu nâu. Cây mọc khỏe, xanh quanh năm, dáng khá hấp dẫn, có thể gây trồng làm cảnh trên thân các cây gỗ lớn hay trên các quang treo trong vườn.

III.A.36. CÂY TỔ CHIM DÀI

Doradille à frondes très allongées

***Asplenium longissimum* Blume**

Họ tổ chim (Aspleniaceae)

Cây mọc chủ yếu ở vùng núi cao miền Nam Trung Bộ, trong rừng ẩm.

Cây có thân rễ bò, phủ đầy vẩy hình tam giác màu đen. Lá rất dài, hình giáo rưỡi xuống, đôi khi dài đến 2 m, đầu thuôn kéo dài, mọc ra cây mới có đủ rễ và lá. Cuống lá mang nhiều vẩy ở gốc, lá phụ hẹp, nhọn đầu, mép khía răng tròn to, gốc có hai tai không đều, tai trên thường lớn hơn tai dưới, màu xanh bóng đậm, gân bên rất rõ và nghiêng đều.

Ổ bào tử dạng vạch, xếp hai hàng đều đặn theo gân bên ở sát với thân chính. Cây có dáng đẹp nên được thu hoạch để trồng làm cây cảnh, thường trồng ở các chậu và treo cao để cây đưa chùm lá ra ngoài, đầu buông thông các cây con.

III.A.37. CÂY TỔ CHIM THÚA

Doradille de Belanger

***Asplenium belangerii* (Borrey.) O. Ktze.**

(Asplenium veichianum Moore)

Họ Tổ chim (Aspleniaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Malaixia và các nước châu Á nhiệt đới khác (Ấn Độ...)

Cây có thân rễ mọc thẳng, đứng, ngắn, dày, phủ nhiều vẩy to màu nâu. Lá xếp sát nhau, dày đặc thành hình hoa thị, kép 1 lần lông chim. Cuống lá màu đen, xanh hay màu vàng rơm nhẵn hay có vẩy to, dày. Phiến lá thuôn, mỗi bên có 15 - 25 lá phụ xếp sát nhau, hơi cong hình liềm, đầu tròn, phiến lại chẻ đều, sâu như một lần kép lông chim nửa, dày, láng bóng, màu xanh đậm. Đầu lá thuôn dài có thể lại nảy chồi mọc ra một cây khác, có đủ rễ, lá.

Ổ bào tử dạng vạch nằm dọc theo gân bên của lá. Cây có dáng rất đẹp, được gây trồng khá phổ biến làm cây trang trí trong phòng và được treo cao để lộ rõ các đầu lá mang cây con buông thông trong không khí. Nhân giống bằng tách các cây con khỏi cây mẹ.

III.A.38. CÂY VI LÂN LÁ ĐẸP (Lá lược)

Microlepie à feuilles alangées

***Microlepie platyphylla* (Don.) J. Smith.**

(*Davallia platyphylla* Don., *D.lonchitidea* Wall.)

Họ Áo cốc (Dennstaedtiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ và các nước Đông Nam châu Á khác tới Nhật Bản. Cây mọc ở đất, thân rễ mập, bò có lông. Lá mọc thành bụi thưa cuống màu vàng, không có vẩy. Phiến lá kép lông chim 2 lần, có thể dài đến 2 m, nhẵn, dày. Lá phụ cấp 1 mọc cách, rần reo, hình giải ngọn giáo, nhọn đầu. Lá phụ cấp 2 dài 12 cm, mép khía răng rộng, đôi khi chia thùy ở gốc. Cuống lá cứng, mọc thẳng đứng, nhẵn bóng, màu đen nhạt. Lá non màu xanh nhạt bóng, mềm mại, khi già cứng hơn và mang ổ bào tử ở mép lá, trên các thùy hay răng cưa.

Cây mọc thành bụi đẹp, ưa đất ẩm, mát vùng núi cao. Có thể gây trồng trong các chậu để trang trí trong phòng được, vì cây chịu bóng một phần, tuy nhiên cần đủ độ ẩm và mát.

III.A.39. CÂY VI LÂN MẢNH MAI

Davallia à feuilles ténues

***Davallia tenuifolia* Swartz. var. *veitchiana* Hort.**

Họ vẩy lợp (Davalliaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, phân bố rộng lên tận miền Nam Trung Quốc (ưa khí hậu mát ẩm).

Cây có thân rễ ngắn bò dài, phủ đầy lông mềm như len. Lá có phiến dài, mềm cong rủ xuống, kép lông chim 3 lần với các thùy cuối rất mảnh như sợi, mềm mại, màu xanh bóng, mép hơi khía răng. Cây có dáng cây đẹp, lá xanh quanh năm rất lâu héo nên được ưa chuộng gây trồng làm cây trang trí ở vườn hay trong phòng. Cây được nhân giống chủ yếu bằng tách bụi hay các đoạn thân rễ.

III.B. NHÓM CÂY LÁ KIM : NGÀNH THỰC VẬT HẠT TRẦN

III.B.1. CÂY BÁCH TÁN

Araucaire élevé, Norfolk Island Pine; Australian pine, Christmas tree plant; Le Sapin d'appartement, Sapin de Colombie.

Araucaria excelsa R. Br,

Họ Bách tán (Araucariaceae)

Cây có nguồn gốc từ Norfolk, và được gây trồng làm cảnh ở rất nhiều nơi trên thế giới. Cây mọc cao đến 20 m, nhưng thường chỉ cao 1 - 2 m để trồng ở chậu làm cảnh. Cành mọc ngang và xếp vòng thành từng tầng. Lá ở cành non hình mũi dùi cong, có 4 cạnh và hơi dẹt, xếp sát nhau. Toàn bộ cây cả thân cành và lá đều một màu xanh bóng.

Nón đơn tính khác gốc. Nón đực hình trứng dài mọc lẻ ở đầu cành (khi rụng cả với một đoạn cành). Nón cái có lá noãn và lá bắc, dính liền nhau. Hạt có cánh mỏng ở 2 bên (Ảnh 67). Hạt rất khó nảy mầm, phải ươm gieo trong điều kiện ẩm mát.

Cây làm cảnh đẹp, cao lớn, phù hợp với các kiến trúc nhà có vườn hay trong công viên. Hiện nay, các nhà vườn thường hay gây trồng hai chủng :

III.B.1a. Cây Bách tán lớn

Araucaria excelsa R. Br. var *robusta* Hort.,

Cây rất cao lớn, màu xanh đậm, bóng.

III.B.1b. Cây Bách tán vàng

Araucaria excelsa R. Br. var *glauca* Hort.,

Cây nhỏ bé, có lá màu vàng.

III.B.2. CÂY BÁCH TÁN NAM (Vương tùng)

Cook - pine; Araucaire colonne; Araucaire de cook

Araucaria columnaris (G. Forst.) Hook.

(*Araucaria cookii* R. Br.)

Họ Bách tán (Araucariaceae)

Cây có nguồn gốc từ Tân - Calêdôni. Cây chỉ cao 4 - 10 m, nhánh mọc ngang và xếp 6 nhánh thành một vòng. Vòng dưới lớn, vòng trên nhỏ dần như một tháp nhọn. Vòng ở đỉnh thường cong xuống. Lá ngắn hẹp, cong, có 4 cạnh, làm cho cả cây có dáng mềm mại. Cây rất ít khi thấy nón đực và nón cái. Ươm gieo hạt rất khó khăn.

III.B.3. CÂY BÁCH TÁN ỨC (Bách tán gai)

Araucaire de Bidwill; Monkey puzzle; Bunya - bunya Pine

***Araucaria bidwill* Hook.**

Họ Bách tán (Araucariaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia (Queensland, núi Brisbane)

Cây gỗ, cao đến 40 m, cành nhánh rất phát triển, lá dạng trái xoan giáo, đỉnh kéo dài thành mũi, và cong ra phía ngoài, màu xanh đậm. Cây làm cảnh rất đẹp. Hiện nay phải nhập cây con để gây trồng. Có thể trồng ít đất để cây thấp nhỏ, trong chậu làm cảnh.

III.B.4. CÂY BÁCH TÁN XA MU (Bách tán lá gai)

Hoop pine

***Araucaria cunninghamii* D. Don**

Họ Bách tán (Araucariaceae)

Cây mới nhập hạt trồng làm cảnh ở chậu. Cây gỗ thẳng, cành ngang thành tầng. Lá hình kim cong, có 3 cạnh, màu xanh đậm. Nón thuôn tròn.

III.B.5. CÂY BÁCH XÀ (Tùng xà, Ngọc tùng)

Chinese Cedar, Chinese Juniper; Génévrier chine

***Sabina chinensis* (L.) Antoine, (*Juniperus chinensis* L.)**

Họ Bách (Cupressaceae)

Cây gỗ, cao khoảng 20 m vỏ màu đỏ nhạt, cành nhỏ tròn hay hơi vuông. Lá ở cành non hình kim, đầu nhọn màu xanh mốc, lúc già có dạng vẩy, gần lưng lá có tuyến hình bầu dục mọc gần đối, xếp dày đặc.

Nón đực mọc riêng rẽ, hình trứng thuôn dài, nón cái hình cầu. Nón quả gần hình tròn, đường kính 1 cm, có phần trắng, khi chín màu nâu đen hay màu lam xám có 1 - 4 hạt. (Ảnh 68).

Cây có dáng đẹp trông làm cảnh nơi công viên, trong vườn rộng. Cây ưa khí hậu mát ẩm vùng núi cao. Có thể hãm làm cây cảnh ở chậu.

III.B.6. CÂY BỤT MỘC

**Cypres chauve; Cypres de Louisiane, Bald cypress,
Deciduous cypress, Cypres des marais; Cypres distique
Taxodium distichum Rich.**

(*Cupressus disticha* L., *Schubertia disticha* Mirb.)

Họ Bụt mộc (Taxodiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Tây Nam Hoa Kỳ, Mêhicô và được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới khác. Cây gỗ lớn, có thể cao đến 50 m, có rễ khí sinh nổi trên mặt đất. Nếu cây mọc ở bờ nước, rễ khí sinh chồi lên khỏi mặt nước rất đẹp (vùng nguyên sản là cây mọc nơi đầm lầy). Do đó cây được ưa chuộng trồng làm cảnh nơi ven hồ hay đất trũng ẩm ướt, có bùn. Vỏ cây màu nâu nhạt, nứt dọc. Tán lá hình trụ tròn. Cành nhiều, thưa và xòe rộng. Lá hình chỉ, mọc cách, xếp hai dãy trên một mặt phẳng. Lá rụng cùng với cành.

Nón đơn tính cùng gốc. Nón đực cụm thành chùy ở đầu cành. Nón cái mọc riêng rẽ ở đầu cành già. Nón quả hình cầu hay hình trứng, vẩy nón quả dày, hóa gỗ hình khiên. Vẩy có 2 hạt dẹt, hình 3 cạnh lệch, có 3 cánh dày. Hạt nảy mầm trong bùn, đất ẩm.

Cây có dáng kỳ lạ, nhất là phần gốc xù xì, có rễ nổi hình trụ cao thấp khác nhau.

III.B.7. CÂY HOÀNG ĐÀN (Ngọc am)

Funeral or Weeping - Cypress

***Chamaecyparis funebris* (Endl.) Franco**

(*Cupressus funebris* Endl.; *C. pendula* Lam.)

Họ Bách (Cupressaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Trung Quốc, Bắc Việt Nam).

Cây gỗ lớn, cao tới 30 m, đường kính 80 cm. Thân tròn thẳng đáng đẹp, vỏ màu nâu xám trắng, tán dày đặc. Toàn thân có mùi thơm. Cành nhiều mảnh dẹt, màu xanh lục, buông rủ xuống. Lá hình vẩy, đầu nhọn, lưng có tuyến dọc. Tất cả cành lá đều mềm mại, đẹp và xanh quanh năm. Nón quả hình cầu, mỗi vẩy lấy 5 - 6 hạt, có cánh nhỏ.

Cây gỗ quý có đáng đẹp, ưa mọc vùng núi đá vôi có khí hậu mát, ẩm. Cây sinh trưởng chậm nên làm cảnh ở chậu được, nhưng thường gây trồng vùng núi cao làm cảnh cho các công trình kiến trúc cổ : chùa, miếu...

III.B.8. CÂY KIM GIAO

Decussocarpus wallichianus (Presl.) de Laubenf.
(*Podocarpus wallichianus* C. Presl.)

Họ Kim giao (Podocarpaceae)

Cây mọc vùng núi đá vôi miền Bắc và miền Trung nước ta, thường mọc lẫn lộn với các loài cây lá rộng (đặc biệt rừng quốc gia Cúc Phương - Ninh Bình, mới có rừng Kim giao thuần loại).

Cây gỗ trung bình, cao khoảng 20 - 25 cm, thân thẳng hình trụ cành mọc ngang đôi khi rủ xuống (để trồng làm cảnh thường chỉ trồng các cây tái sinh bằng hạt). Lá hình trái xoan đầu nhọn, gốc lá thuôn đều, mọc gần đối, phiến lá dày, cứng, nhẵn bóng, gân hình cung nổi rõ. Nón đực hình viên trụ, tập hợp 3 - 4 chiếc ở nách lá. Nón cái đơn độc ở nách lá. Hạt trần hình cầu có đế mập và cuống dài.

Cây gỗ quý có đáng đẹp nên có thể trồng làm cây phong cảnh hay hãm cho có dáng nhỏ trồng ở chậu làm cây uốn thế.

Cây được nhân giống chủ yếu bằng hạt. Hạt khó bảo quản nên khi thu hái nên trồng ngay. Cây ở vườn sau một năm đem trồng nơi cố định.

Ngoài ra, có thể khai thác cây Kim giao trung - *Decussocarpus fleuryi* (Hick.) de Laubenf., làm cây phong cảnh được.

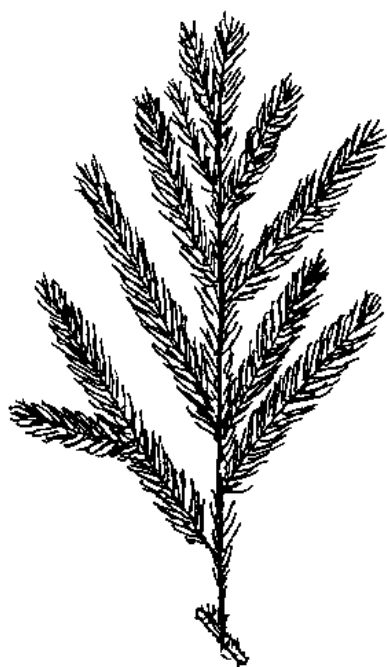
III.B.9. CÂY LIÊU SAM

***Cryptomeria fortunei* D. Don.**

Họ Bút mộc (Taxodiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, và do có dáng đẹp nên được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước để làm cảnh. Ở Việt Nam cây được nhập để gây trồng ở các tỉnh miền Trung và miền Bắc Việt Nam.

Cây gỗ lớn, có thể cao đến 40 m, ở nơi khí hậu ẩm mát, vùng núi đá vôi. Thân thẳng tròn, vỏ màu đỏ, cành nhánh nhiều xòe rộng. Lá nhỏ hình dùi, mọc vòng trên cành, màu xanh bóng rất lâu rụng. Cành mang lá rất đẹp. Nón đơn tính cùng gốc. Hạt non thường có cánh và chín trong 1 năm (Hình 88), rất khó mọc, do đó rất hiếm gặp cây tái sinh tự nhiên.



H.88. Liễu sam –
Cryptomeria fortunei D. Don

Cây ưa đất sâu vùng núi cao ẩm ướt, thường gây trồng bằng hạt ở vườn ươm. Cây con có thể hãm làm cây cảnh, cây uốn thế.

Cây có dáng đặc sắc có thể gây trồng làm cây phong cảnh nơi đình chùa vùng núi cao (chùa Yên Tử - Quảng Ninh).

III.B.10. CÂY LIÊU SAM NHẬT

***Cryptomeria japonica* (L.) D. Don**

Họ Bút mộc (Taxodiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản. Nước ta đã nhập trồng ở Hà Nội, Quảng Ninh, Quảng Bình. Cây gỗ lớn, tán hình tháp tròn. Cành buông rủ xuống. Lá hình giải hẹp, cong có 3 - 4 cạnh màu xanh bóng. Nón cái hình cầu, màu đỏ nâu. Hạt có cánh.

Cây dáng đẹp, tái sinh tốt nên trồng làm cảnh, cây uốn thế ở chậu. Có thể trồng bằng giâm cành, chiết hay bằng hạt. Có thể nhập mấy chủng đẹp là :

III.B.10.a - Cryptomeria japonica D. Don var. *elegans* Beissn.

Lá chuyển từ màu xanh đậm sang màu đỏ nâu.

III.B.10.b - Cryptomeria japonica D. Don var. *spiralis* Keitch.

Cây có lá cong xếp xoắn lại trên cành. Cây nhỏ.

III.B.10.c - Cryptomeria japonica D. Don var. *nana* Knight.

Cây lùn cành nhánh dày, rất thích hợp ở hòn non bộ.

III.B.10.d - Cryptomeria japonica D. Don var. *pyramidalis* Carr.

Cây có tán lá hẹp dạng tháp, làm cây phong cảnh rất đẹp.

III.B.11. CÂY SƠN THẾ (Thiên tuế biển)

Ceylon sago, Sago Palm, Fern palm

Cycas circinalis Linn.

(*C. rumphii*, *C. neocaledonica* Hort.)

Họ Thiên tuế (Cycadaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, và mọc chủ yếu ở vùng núi ven biển, các đảo Thái Bình Dương (từ Ấn Độ, Srilanka qua miền Trung Việt Nam đến các đảo Molucca...)

Cây to, thân hình trụ, có thể cao đến 10 m (nhưng thường tạo cây lùn ở chậu). Lá dài, phía gốc có gai. Sóng lá phía trên tròn, mang hai dãy lá nhỏ, dạng kép lông chim. Lá nhỏ, mọc đối hay so le, nằm ngang hẹp, có 1 gân giữa, đầu nhọn, không gai.

Nón đực mang rất nhiều nhị, có mũi nhọn dài. Nón cái dạng chóp màu vàng, dài 25 - 40 cm. Hạt hình trứng nhẵn giống quả mận, lúc non màu xanh sau vàng, rồi đỏ (Ảnh 69). Cây có dạng khỏe xanh tươi trồng làm cảnh ở mọi chỗ đều rất phù hợp.

III.B.12. CÂY SƠN TUẾ ĐẾ (Sơn tuế xiêm)

Cycas de Siam

Cycas siamensis Miq.

Họ Thiên tuế (Cycadaceae)

Cây có nguồn gốc từ miền Nam Việt Nam, Campuchia và Thái Lan, được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước.

Cây có thân trụ cao 1 - 3 m, gốc phình rộng thành đế như củ, thân có đốt, gần như nhẵn ở gốc. Lá làm thành tán thưa, dạng kép lông chim, mọc tập trung ở đầu thân. Lá dài 50 cm, mang khoảng 50 - 60 đôi lá nhỏ. Lá nhỏ hẹp, đầu có mũi, cuống chung tròn có lông. Nón cái dài 5 - 7 cm, phần gốc mang noãn, hẹp, phần không sinh sản ở trên dạng phiến rộng, có 10 khía sâu, có lông dày (Hình 89). Cây trồng ở công viên, đất tốt thì có dáng cây mập lớn, còn trồng trong chậu thì nhỏ hơn.



H.89. Sơn tuế đế - *Cycas siamensis* Miq.

III.B.13. CÂY THIÊN TUẾ

Burma sago

Cycas pectinata Griff.

Họ Thiên tuế (Cycadaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mianma, Ấn Độ, Nepal được gây trồng rộng rãi ở các nước châu Á. Cây cao 1 - 3 m, hình trụ lớn dần về phía gốc, có nhiều đốt sát nhau, xù xì do lá rụng để lại sẹo. Phần thân mang lá ở đỉnh lại phình lớn. Lá dài 1 - 2 m, mang hai dãy gai nhọn. Lá nhỏ xếp hai dãy đều đặn, dạng kép lông chim, mép hơi gấp lại xuống dưới và sóng lá lõm hình lòng thuyền. Lá nhỏ thẳng, đôi khi hơi cong có mũi nhọn cứng, nhọn, gân nổi rõ cả hai mặt (Ảnh 70).

Nón đơn tính. Nón cái gồm những lá noãn có lông vàng, phần cuối cùng không sinh sản có dạng tròn, xẻ hình lược. Hạt lớn màu vàng, đường kính 3 - 4 cm, nhẵn bóng. Hạt dính trên thân khá lâu nên làm cho thân có dáng đẹp.

Hiện nay, nhân dân ta khai thác loài Thiên tuế này làm cảnh chỉ bằng các đoạn phình ra ở đầu thân mang lá hay tạo ra chồi bên.

III.B.14. CÂY THIÊN TUẾ BẮC

Cycas du Marquis de Bellefont

Cycas bellifonti Lind. et Rod.

Họ Thiên tuế (Cycadaceae)

Thân mảnh và cao, phủ đầy những gai lớn và các sợi lông nhưng màu xám tro. Lá dạng kép lông chim nhọn, mọc thẳng đầu hơi cong. Cuống thẳng đứng, gốc có gai mập hình tam giác thẳng. Lá phụ không cuống, đầu nhọn màu xanh đậm bóng. Cây già mới cho nón đực và nón cái, nhưng hạt rất hiếm.

III.B.15. CÂY THÔNG HAI LÁ (Thông nhựa)

Pitch pin, Cord - pinet, Pin à deux feuilles

Pinus merkusiana Cool. et Gauss.

Họ Thông (Pinaceae)

Cây gỗ lớn, cao 30 - 35 cm, thân thẳng tròn, có nhựa. Vỏ dày,

màu nâu nhạt, nứt dọc sâu. Lá màu xanh thẫm, hơi thô và cứng, thường tập trung 2 lá trong 1 bẹ ở cành. Nón cái già hình viên trụ hay trái xoan dài, mặt vẩy hình thoi, cạnh sắc, mép trên dày và hơi lồi, phía dưới dẹt, rốn hơi lõm. Hạt hình trái xoan hơi dẹt, có cánh mỏng. (Ảnh 71).

Cây trồng chủ yếu lấy nhựa, nhưng do dáng đẹp và sống lâu nên có thể trồng làm cảnh nơi công viên hay ở các biệt thự vùng thấp. Cây ưa sáng chịu được nắng hạn, vùng đồi đá. Cây non mọc chậm, làm cây trồng trong chậu, cây uốn thế hay cây trên các hòn non bộ. Gây trồng chủ yếu bằng hạt, trong vườn ươm, sau 1 năm bứng bầu đem trồng.

III.B.16. CÂY THÔNG BA LÁ

Three leaf pine; Pin à trois feuilles

***Pinus kesiya* Royle. ex Cardon.**

(*P. insularis* Endl. var. *khasya* Royle).

Họ Thông (Pinaceae)

Cây gỗ lớn, cao 30 - 35 m, thân thẳng tròn, vỏ dày, màu nâu sẫm, nứt dọc sâu. Cành thô màu nâu đỏ. Lá màu xanh thẫm, mềm, thường dạng kim dài, xếp 3 chiếc trong 1 bẹ ở đầu cành ngắn. Nón cái non dạng trứng viên chùy, dài 5 - 10 cm, thường quặp xuống hay hơi vắn vẹo. Vẩy quả có rốn hơi lồi, đôi khi có gai nhọn. Hạt có cánh.

Cây ưa khí hậu mát ở vùng núi, cây con mọc bằng hạt. Cây trồng làm cảnh cho các biệt thự núi cao hay trồng làm cảnh trong chậu, làm cây uốn thế.

III.B.17. CÂY THÔNG LA HÁN (Kim giao lá to, La hán tùng)

Bamboo - juniper

***Podocarpus macrophyllus* (Thunb.) D. Don.**

Họ Kim giao (Podocarpaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, Trung Quốc được nhập trồng làm cảnh trong công viên, đình chùa, vườn nhà khắp nước ta. Cây gỗ lớn, cành nhánh nhiều, dài, mọc ngang hay rủ xuống. Lá

hình giải hẹp, thuôn nhọn ở đỉnh, gốc có cuống ngắn, màu xanh bóng ở mặt trên, hơi xám ở mặt dưới. Nón đực dạng bông. Nón cái gần tròn, màu xanh. Hạt tròn mập màu tím nhạt trên đế lớn. (Ảnh 72)

Để trồng làm cây uốn thế, nhân dân ta thường chọn chủng :

III.B.17.a. Cây thông la hán cảnh

Maki commun, Maki foetens

Podocarpus macrophyllus D. Don var *maki* (Sieb.) Endl.

Cây gỗ nhỏ dạng bụi, cành lá xum xuê, xanh quanh năm, mặt dưới lá có 2 vạch trắng trên nền xanh. Cây trồng bằng chiết cành và bằng hạt, dễ uốn, xén thành cây thế, trồng ở chậu. Cây chịu được bóng nên làm cây trang trí trong nhà đẹp.

III.B.18. CÂY THÔNG NÀNG (Bạch tùng, Thông lông gà)

Podocarpus imbricatus (Bl.) de Laubenf.

Họ Kim Giao (Podocarpaceae)

Cây gỗ lớn, có thể cao tới 40 m, thân thẳng có nhiều cành nhánh xòe rộng, các cành ở dưới thường thông xuống. Vỏ màu nâu đỏ gỗ ghê, có nhựa màu đỏ nâu nhạt. Lá có 2 loại, ở cành non và cây con, lá hình giải xếp thành hình lông chim. Trên cành già cây trưởng thành hay cành mang nón quả, lá hình vẩy ngắn xếp lợp lên nhau.

Nón đực ở nách lá, nón cái màu đỏ. Hạt hình trứng dạng cầu, màu đỏ nhẵn bóng, rộng hơn đế nạc nhiều.

Cây trưởng thành ưa sáng, lúc non chịu bóng nên có thể trồng ở chậu. Cây chịu được lạnh ẩm, có dáng đẹp nhất là cây non, nên có thể làm cây cảnh, cây uốn thế.

III.B.19. CÂY THÔNG TRE (Kim giao, Trước đào)

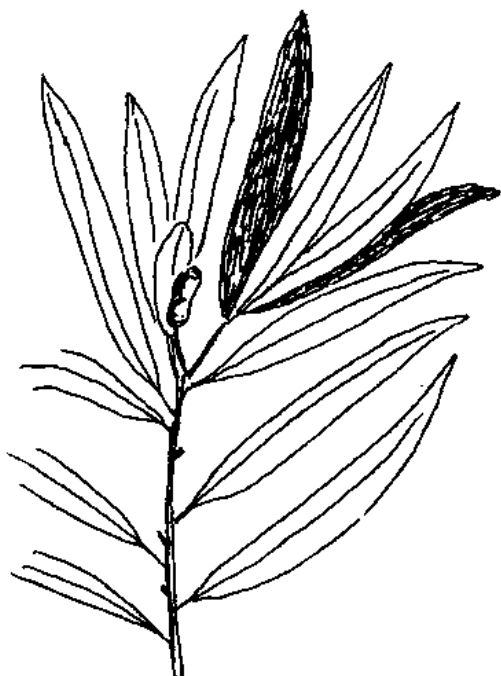
Podocarpus neriifolius D. Don

Họ Kim giao (Podocarpaceae)

Cây gỗ trung bình, thân thẳng, tròn, cành mọc vòng, vỏ màu nâu vàng. Lá mọc cách, dài, hẹp, có đường gân ở giữa nổi rõ ở mặt

trên, nhọn đầu, mép lá cong xuống phía dưới. Lá thẳng hay hơi cong lưỡi liềm.

Nón đực không cuống mọc đơn độc hay tập hợp 2 - 3 chiếc ở kẽ lá, gần đầu cành, khi non hình trứng, khi già hình trụ màu vàng. Nón cái mọc đơn độc trong một cuống có đế nạc, dẹt ở dưới, phình ở phía trên, 2 lá bắc dễ rụng. Hạt hình trứng hơi thót lại ở đỉnh, dài 1 cm. Vỏ dày, nạc, màu lam, dưới hạt có đế mập, khi chín mọng màu đỏ có phần trắng (Hình 90).



H.90. Thông tre – *Podocarpus neriifolius* D.Don

Cây có nguồn gốc từ Hymalaya, Trung Quốc đến Tân Ghinê. Cây mọc khỏe, dáng đẹp, lại chịu được bóng, cần đủ ẩm và nhiều mùn, nên được gây trồng làm cảnh ở vườn hay làm cây trang trí trong nhà. Cây trồng chủ yếu bằng hạt, và hãm cây để có dáng thấp lùn làm cây uốn thế.

III.B.20. CÂY THÔNG XANH (Thanh tùng, Thông đỏ)

Yew; If; Commun yew, Fausses baies

***Taxus baccata* L. var. *wallichiana* (Zucc.) Hook.
(*Taxus wallichianus* Zucc.)**

Họ Đinh tùng (Cephalotaxaceae)

Cây gỗ lớn, cao khoảng 20 m phân cành nhánh nhiều, hơi buông thông xuống. Thân tròn, vỏ màu vàng, nứt dọc. Lá hẹp hình giải, đầu hơi nhọn, gốc có phiến không đều, xếp xoắn ốc trên các cành, phiến màu xanh đậm ở mặt trên, màu xanh xám nhạt ở mặt dưới và màu vàng nâu lúc khô.

Nón đực màu trắng. Nón cái nạc dạng thuôn, hạt có cơm đỏ, mập bao lấy gần hết quả thành một cùi lớn, chỉ để lộ một lỗ hạt ở giữa.

Cây có dáng và tán lá xanh quanh năm, làm cây phong cảnh rất phù hợp trong các công viên lớn, nơi bãi trống hay ven bờ nước, có thể nhập để trồng chúng có lá màu vàng làm cảnh đẹp hơn.

III.B.20.a. Cây Thông xanh lá vàng

Taxus bacata L. var *aurea* Hort.

Cây bụi, phân cành từ gốc, cành mọc thẳng đứng làm cho cây có dạng hình trụ hẹp. Lá màu vàng bóng lúc non, khi già màu vàng xanh.

III.B.21. CÂY THÔNG ÚC

Kauri pine, New Zealand Kauri

Agathis australis Steud.

Họ Bách tán (Araucariaceae)

Cây có nguồn gốc từ Tân Tây Lan, Australia. Nơi nguyên sản là cây gỗ lớn, cho bóng mát, và trồng rừng. Nước ta mới nhập giống, trồng làm cây cảnh ở chậu. Thân thẳng, nhánh mọc ngang, lá non thuôn hình giải, màu xanh bóng. Nón dạng bầu dục.

Cây đẹp dễ trồng.

III.B.22. CÂY TÔ HẠP BÁCH (Viên trùng, Bách xanh)

Incens Cedar, Bois d'encens

Calocedrus macrolepis Kurz.

(*Libocedrus macrolepis* Benth. et Hook.)

Họ Bách (Cupressaceae)

Cây gỗ lớn, thẳng, phân cành nhánh nhiều, có dạng thẳng, dẹt. Lá dạng vẩy dẹt răn reo xếp áp sát cành, thường có 4 lá ở một vòng cành, đầu lá có mũi nhọn. Lá màu xanh đậm bóng, tán xòe tròn hay khi gãy trồng tạo dáng tháp nhọn. Nón cái có 6 vẩy xếp đối nhau, màu nâu đỏ nhạt hay vàng nhạt khi chín. Hạt có cánh xếp đôi một trong vẩy (Ảnh 73). Cây xanh quanh năm, trồng làm cây phong cảnh ở vùng núi cao hay hãm làm cây cảnh trong chậu.

III.B.23. CÂY TRẮC BÁCH DIỆP (Trắc bá)

Chinese Arbor- vitae; Biota d'orient,
Arbre de vie, Thuya de chine

Thuja orientalis L. (*Biota orientalis* (L.) Endl.)

Họ Bách (Cupressaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản và được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở nước ta.

Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều từ gốc, các nhánh xếp theo những mặt phẳng thẳng đứng, có dạng dẹt. Thân thường hơi vặn, vỏ màu nâu đen, nứt dọc sâu. Lá mọc đối, dạng vẩy, dẹt, xếp thành 4 hàng. (Ảnh 74).

Nón cái hình trứng hay gần hình cầu ở gốc cành nhỏ, ngắn, chỉ có 3 - 4 đôi vẩy dẹt. Hạt màu nâu, hình trứng vỏ cứng, nhẵn, không có cánh. Thân và hạt có dầu thơm.

Cây có dáng đẹp thường có dạng hình chóp, mọc dày đặc nhưng có thể tỉa xén thành các dạng khác nhau làm cây cảnh ở vườn hay trong chậu rất phù hợp.

Hiện nay trên thế giới, các nhà vườn tạo ra nhiều chủng khác nhau. Ở đây trình bày một vài chủng đẹp:

III.B.23.a. Thuja orientalis Endl. var. *aurea* Hort.

Cây có tán dày, hình cầu. Lá cành màu vàng kim vào mùa xuân sau đó chuyển màu xanh bóng.

III.B.23.b. Thuja orientalis Endl. var. *aurea-nana* Hort.

Cây lùn, tán dày, lá cành màu vàng kim.

III.B.23.c. Thuja orientalis Endl. var. *aurea-variegata* Hort.

Tán hình tháp, cành có vân vàng.

III.B.23.d. Thuja orientalis Endl. var. *falcata* Lindl.

Tán hình tháp dày, lá màu xanh cong lưỡi liềm.

III.B.23.e. Thuja orientalis Endl. var. *filiformis stricta* Hort.

Cây lùn, tán tròn lá xanh đậm xếp xoắn ốc.

III.B.23.g. Thuja orientalis Endl. var. *pyramidalis* Endl.

Tán lá dạng tháp nhọn, lá xanh bóng, đẹp.

III.B.23.h. Thuja orientalis Endl. var. *semperaurescens* Veitch.,
Cây lùn, tán hình cầu, lá màu vàng xanh quanh năm.

III.B.24. CÂY TRẮC BÁCH DIỆP LỚN XOẮN

Western Red Cedar

Thuja plicata D.Don. (*T. gigantea* Nutt., *T. lobbii* Hort.)

Họ Bách (Cupressaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (bờ biển Thái Bình Dương của Hoa kỳ và Tây Canada) và được gây trồng rộng rãi làm cảnh ở nhiều nước.

Nơi nguyên sản cây rất lớn, nhưng gây trồng làm cảnh trở thành cây bụi nhỏ cao 1 - 2 m, trồng ở chậu được. Vỏ thân màu nâu đỏ xám, cành mọc ngang, đôi khi rủ xuống. Lá hình vẩy, lớn hơn loài trên. Nón cái màu nâu. Loài này hiện nay được tạo thành nhiều chủng đẹp như :

III.B.24.a. Thuja plicata D.Don var. *pyramidalis* Hort.

Có thân dạng tháp, hẹp, lá màu xanh đậm.

III.B.24.b. Thuja plicata D.Don var. *zebrina* Hort.

Thân dạng trụ, thẳng đứng. Lá màu xanh xen với lá màu vàng xoắn lại với nhau.

III.B.25. CÂY TÙNG MỐC

Portuguese cypress, Cyprès de Lusitan, Cyprès glauque

Cupressus lusitanica Mill.

(*C. glauca* Lam., *C. sinensis* Hort.)

Họ Bách (Cupressaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng núi Mêhicô, Portugal (Nam châu Mỹ).

Cây gỗ, nhỡ cao khoảng 15 m, vỏ màu đỏ. Lá dạng vẩy xếp không áp sát vào cành và xếp 4 dãy đều nhau quanh cành, màu xanh trắng hơi mốc. Nhánh cành hơi dẹt.

Nón đực là bông, dài 10 cm. Nón cái tròn.

Cây có dáng tán đẹp, thuần nhon dạng tháp, nhánh dẹt và màu xanh mốc rất đặc sắc. Cây trồng chủ yếu làm cảnh vùng núi cao, khí hậu mát, ẩm.

III.B.26. CÂY TÙNG NGẮN (Bách xoắn, Phất dù tùng)

Hymalayan Cypress, Cypres

Cupressus torulosa D.Don. (*C. nepalensis* Loud.)

Họ Bách (Cupressaceae)

Cây gỗ cao 15 - 20 m, vỏ màu nâu đỏ, nhánh hình trụ hơi có 4 cạnh. Lá màu xanh lục sẫm; bóng xếp lợp sát nhau, nhẵn, tươi, có mép khía răng nhỏ, xếp 4 hàng. Nón đực, màu vàng nhạt. Nón cái mọc cụm hình cầu màu lục, gồm 6 - 8 vẩy có mũi nhọn ngắn.

Cây có dáng đẹp gây trồng làm cảnh nhiều, làm cây đường phố hay hãm nhỏ để trồng ở chậu. Có 1 chủng đẹp là :

III.B.26.a. *Cupressus torulosa* D.Don. var. *corneyana* Mast.

Cây có tán hình tháp thuôn cành buông rủ xuống. Nón cái thuôn rộng.

III.B.27. CÂY VẠN TUẾ (Thiên tuế uốn)

Sago Palm, Japan sago, Crozier cycas, Bread palm,
Funeral palm; *Cycas revoluta*

Cycas revoluta Thunb. (*C. taiwanensis* Miq.)

Họ Thiên tuế (Cycadaceae)

Cây có nguồn gốc từ các vùng ẩm ướt châu Á nhiệt đới (Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ) có dáng đẹp nhất nên được gây trồng làm cảnh nơi chùa đình.

Cây có thân hình trụ cao 2 - 3 m, ít khi chia nhánh. Lá mọc thành vòng, dày đặc ở đỉnh thân. Lá dài đến 2 m hình lông chim, cuống có gai, lá nhỏ thuôn về phía gốc và đỉnh. Phiến lá nhẵn bóng, màu xanh đậm, cứng, đầu có gai nhọn. gân lõm trên phiến và mép hơi gấp lại.

Nón đực hẹp, dài 25 - 28 cm, rộng 4 cm. Nón cái dạng phiến, dài tới 20 cm, có lông màu hung vàng dày, phần không sinh sản rộng, mép chia thành nhiều giải hẹp, cong và có mũi nhọn. Hạt hình trái xoan dẹt, non có lông sau nhẵn, màu da cam. (Ảnh 75)

III.B.28. CÂY VẠN TUẾ CHÌM (Vạn tuế trung)

Cycas immersa Craib.

Họ Thiên tuế (Cycadaceae)

Thân cao đến 1 m, lá dài 70 cm, kép lông chim. Lá phụ dài 15 cm, rộng 1 cm, đầu nhọn như gai, mặt lá xanh bóng lôm. Nón đực dài 20 cm, nón cái dạng vẩy phủ đầy lông, mép chia sợi sâu có 2 noãn.

III.B.29. CÂY VẠN TUẾ MỸ

Jamaica sago tree

Zamia pumila L.

Họ Tuế mỹ (Zamiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mehico (châu Mỹ) mới nhập gây trồng ở các tỉnh phía Nam nước ta. Cây thân cột lùn, dạng củ mập, lá kép lông chim lớn, tập trung ở đỉnh thân. Lá phụ lớn dày, có cạnh và khía ở đỉnh màu xanh đậm. Nón đực dài 10 cm, nón cái ngắn hơn.

III.B.30. CÂY VẠN TUẾ NAM (Sâm tuế)

Cycas micholitzii Dyer.

Họ Thiên tuế (Cycadaceae)

Cây mọc rải rác trong rừng ẩm nam Việt Nam, thân rất ngắn, u dày gần như nhẵn, màu nâu nhạt. Lá dạng kép lông chim, mềm, màu xanh nhạt uốn cong ra ngoài. Nón đực ít thấy, nón cái có noãn nhỏ. Hạt tròn lớn.

III.B.31. CÂY XA MU (Thông mù)

Broad leaved china Fir, Samou

Cunninghamia lanceolata (Lamb.) Hook.f.

(*C. sinensis* R. Br.)

Họ Bút mộc (Taxodiaceae)

Cây gỗ lớn, cao đến 30 m. Vỏ màu nâu đậm, nứt dọc và bong

vẩy. Cành nhánh lớn, mọc ngang hay hơi cong xuống. Lá thuôn hẹp, cứng, thẳng hay cong, đầu nhọn. Mép có răng nhỏ và phiến nổi rõ 3 gân, mặt trên xanh bóng, nhẵn, mặt dưới mốc hay trắng vàng. Nón đực mọc ở đầu cành, nón cái mọc đơn độc hay chụm nhau, hình trứng. Vẩy mỏng có đỉnh hình tam giác, đầu có mũi nhọn, gốc mỗi vẩy có 3 hạt. Hạt hình trái xoan có cánh hẹp.

Cây mọc chủ yếu ở các tỉnh vùng núi miền Bắc nước ta và nam Trung Hoa. Nhưng được gây trồng nhiều để lấy gỗ và làm cảnh vùng núi cao.

III.C. NHÓM CÂY LÁ RỘNG : NGÀNH THỰC VẬT HẠT KÍN

III.C.1. CÂY ẨM KIỂM

Episcia cuivré, Flame violet.

Episcia cupreata Hanst.

(*Achimenes cupreata* Hook.; *Cyrtodeira cupreata* Hanst.)

Họ Tai voi (Gesneriaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Phi (Nicaragua), được gây trồng làm cảnh khá phổ biến ở các tỉnh miền Nam nước ta, từ vùng núi xuống đồng bằng. Cây dễ trồng, ít đòi hỏi đất, chịu được bóng, nhân giống bằng các đoạn cành có rễ hay tách chồi ở gốc.

Cây thân cỏ mọc bò dài, thường được trồng trong các chậu treo cao để cành dài buông xuống hay vươn ra. Thân mọng dày, có lông và có rễ. Lá xếp sát nhau và tỏa tròn. Phiến lá dày màu xanh bóng có nhiều đốm trắng theo các mép chia thùy nông tròn. Gân lá nổi rõ, đẹp. Cây dùng để trang trí bằng lá, nhưng cho hoa rất đẹp.

Cụm hoa trên cuống chung dài, vươn ra hay buông xuống, mang 1 - 2 hoa. Hoa có kích thước trung bình. Cánh dài màu xanh có lông. Cánh tràng màu đỏ hợp thành ống dài, cong và loe rộng ở đỉnh, trên chia 2 môi gồm 5 thùy gần bằng nhau, dạng tròn đều. (Ảnh 76) Cây có hoa nở gần quanh năm.

Loài này có nhiều chủng cho lá màu sắc khác nhau, có thể sơ bộ kể :

III.C.1.a. Cây Ẩm kiểm bạc.

Episcia cupreata Hanst. var. *arlequin* Hort.

Lá xám bạc, mép lá màu nâu và có 1 vài vạch nâu trên phiến, giữa các gân. Hoa đỏ.

III.C.1.b. Cây Ẩm kiểm đốm

Episcia cupreata Hanst. var. *viridifolia* Hort.

Lá xanh có điểm các đốm nhỏ màu trắng. Hoa trắng.

III.C.1.c. Cây Ẩm kiểm trắng

Episcia cupreata Hanst. var. *acajou* Hort.

Lá màu hung có vạch trắng dọc gân chính và phụ.

III.C.2. CÂY BÁN HÀ VẦN

Xanthosoma plowmanii Schott. var. *albolineata* Hort.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil (châu Mỹ). Cây thảo có củ. Lá mọc sát đất, cuống dài 10 - 40 cm, phiến lớn chia thùy, gân chân vịt. Thùy giữa lớn, 2 thùy mỗi bên dính nhau, màu xanh bóng nổi rõ các vạch trắng theo gân lông chim. Cụm hoa dạng bông dày có mo trắng ngà.

Cây đẹp trồng ở chậu hay treo ở quang.

III.C.3. CÂY BÁN TỰ CẢNH

Hemigraphis coloré

Hemigraphis alternata (Burm. f.) T. and.

(*H. colorata* (Bl.) Hall. f.)

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới. Cây thân cỏ mọc bò dài, phân chia cành nhánh nhiều, cành non có lông. Lá đơn mọc đối, màu đỏ ở mặt dưới, màu xanh bóng có lông thưa ở mặt trên, lá thuôn tròn hay hình tim ở gốc, mép chia răng nông không đều, gân lá nổi khá rõ.

Cụm hoa ở đầu cành hay từ các nách lá phía đỉnh, dạng bông dày. Hoa màu trắng hay đỏ, gốc có lá bắc lớn, cao đến 2 cm, xếp lợp, che các hoa lúc non. Hoa có cánh hợp thành ống, trên chia thùy nông. Quả nang (Hình 91).



H.91. Bán tự cảnh -
Hemigraphis alternata T.And.

Cây có thân bò dài lá đẹp, nên thường được gây trồng làm cảnh trong các chậu hay bồn hoa. Cây mọc khỏe, phân cành nhánh nhiều, có thể gây trồng bằng hạt, giâm cành hay các đoạn thân cành tiếp xúc với đất có rễ.

III.C.4. CÂY BÙ CU ĐỐM (Hong tuyết diệp)

Snow bush, leaf flower.

Breynia disticha Forst. var. *rose - picta* Hort.

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Pôlynêsi, mới nhập trồng ở các tỉnh phía Nam nước ta. Cây gỗ dạng bụi, phân cành nhiều, dài, mềm màu hồng. Lá thuôn trái xoan phẳng, mỏng màu xanh bóng nhạt điểm các đốm trắng, hồng, có khi chiếm hết phiến lá.

Cây đẹp làm cây trang trí trong vườn hay ở chậu bầy trong nhà.

III.C.5. CÂY CÀNG CUA CẢNH (Lá Cẩm thạch)

Peperomia de Sanders; *Ballon de Rugby*

Peperomia argyreia (Miq.) E. Morr.

(*P. sandersii* A. DC. var. *argyreia* Hort.;

P. arifolia Miq. var. *argyreia* Hook.; *P. sandersii* DC.)

Họ Hồ tiêu (Piperaceae)

Cây có nguồn gốc ở các nước châu Mỹ nhiệt đới (Brazil, Venezuela, Bolivia) vì có lá rất đẹp, nên được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước trên thế giới.

Cây thân cỏ mọc ở đất hay gần như sống phụ, do đó gây trồng cần rất ít đất. Cây mọc bụi nhỏ, thân nạc. Lá mọc sát gốc, dày, nạc, dạng trái xoan thuôn nhọn ở đầu và tròn ở gốc. Phiến màu xanh bóng với các dải màu xanh đậm vòng theo các gân. Cuống lá dính ở gần gốc phiến (dạng hình khiên). (Hình 92).

Cụm hoa hiếm thấy, dạng bông dài, mọc thẳng đứng, nổi rõ trên đám lá dày đặc ở dưới.



H.92. Càng cua cảnh – *Peperomia argyreia* E. Morr.

Cây có thể gây trồng bằng tách bụi. Cây chịu bóng một phần nên làm cây trang trí trong phòng hay ở vườn cũng được.

III.C.6. CÂY CÀNG CUA ĐỐM

**Pepper face, American rubber plant variegata,
*Peperomia maculé***

***Peperomia maculosa* Hook.**

Họ Hồ tiêu (Piperaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước miền Nam châu Mỹ (Brazil,...).

Cây thân thảo lùn nhưng mập khỏe, thân đơn hay hơi phân nhánh, mọc cao 15 - 25 cm. Lá mọc dày đặc, trái rộng, hình giáo trái xoan, phiến dày, màu xanh đậm bóng ở mặt trên, và nổi rõ các đường gân màu xám nhạt. Mặt dưới lá màu xanh bóng phủ lông mảnh. Cuống lá màu xám, có nhiều vạch màu đỏ sậm, giống như thân và cuống hoa. Cụm hoa là bông dày đặc, dài đến 40 cm và đậu thành quả dễ dàng.

Cây có dáng đẹp và lá đặc sắc, thường được gây trồng trong các chậu, bồn hoa làm cây trang trí, lá mọc dày đặc, phủ kín mặt đất, trên nổi cao các cụm hoa mảnh.

III.C.7. CÀNG CUA TRÒN

***Peperomia obtusifolia* Hort.**

Họ Hồ tiêu (Piperaceae)

Cây thân cỏ mọc thẳng đứng, thân mập tròn đều. Lá mọc cách đều đặn, dạng thuôn bầu dục, tròn ở đỉnh, thuôn kéo dài thành bẹ ở gốc. Lá màu xanh bóng, dày, mập, gân từ gốc rõ. Cụm hoa dạng bông, ít gập.

Cây có lá đẹp và xanh quanh năm, lại chịu được bóng nên làm cây trang trí trong phòng được. Cây dễ trồng bằng các đoạn thân, ít đòi hỏi chăm sóc, cần đủ ẩm, mát. Cây trồng ở chậu hay gắn vào các hòn đá được.

III.C.8. CÂY CAO CẰNG (Xà thảo nhật, Mạch môn)

Herbe aux turquoises, Lily turf, Muguet du Japon

Ophiopogon japonicus (L.f.) Ker- Gawl.

(*Flueggia japonica* L. C. Rich.)

Họ Cao cẳng (Convallariaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Trung Quốc, Nhật bản). Ở Việt Nam cây mọc hoang dại trong các rừng ẩm thường xanh vùng núi cao miền Bắc và miền Trung.

Cây thân cỏ, sống lâu năm, có củ và chồi dài, thân rất ngắn làm cho lá như mọc sát đất, đôi khi rễ chồi khỏi mặt đất, đưa thân lên cao như đi cà kheo. Lá hình dải hẹp, mảnh, xếp 2 dãy, nhẵn, hơi có răng rấp ở mép, màu xanh đậm đầu cong rũ xuống, có 5 - 7 gân dọc. (Hình 93).



H.93. Cao cẳng – *Ophiopogon japonicus* Ker- Gawl.

Cụm hoa hình chùm mọc thẳng đứng, dài 10 - 20 cm. Hoa nhỏ tập trung ở đỉnh cuống chung, màu lam nhạt, thường xếp 1 - 3 hoa ở nách lá bắc màu trắng. Quả mọng màu tím. Có vài chủng làm cảnh đẹp là :

III.C.8.a. Cây Cao cẳng cảnh

Ophiopogon japonicus Ker- Gawl. var. *intermedia* Don.

Cây lớn hơn, lá rộng hơn có 7 - 9 gân dọc. Cụm hoa lớn cao khoảng 30 - 40 cm, mang hoa to hơn, mọc đơn độc hay hai chiếc ở gốc lá bắc.

III.C.8.b. Cây Cao cẳng trổ

Ophiopogon japonicus Ker- Gawl. var. *variegatus* Hort.

Cây có lá vằn.

Cả hai cây đều có dáng đẹp, hoa và quả có màu đặc sắc, nên được gây trồng làm cảnh nơi bồn hoa hay trong các chậu nơi mát (cây chịu bóng được một phần). Gây trồng dễ dàng bằng cách tách các chồi hay bằng củ.

III.C.9. CÂY CAO CẮNG VẠCH

Jaburan snake's heard; Ophiopogon à feuilles panachées

Ophiopogon jaburan Lodd.

Họ Cao cẳng (Convallariaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở nhiều nước. Cây thân cỏ, nhỏ bé, rễ phình thành củ. Lá hình dải hẹp thẳng; gân nhỏ dày đặc. Cụm hoa dạng chùy hẹp, phân nhánh ngắn, mang hoa tập trung từng nhóm 6 - 9 chiếc. Hoa màu trắng đến màu tím. Để làm cảnh, các nhà vườn tạo ra các chủng có màu sắc lá khác nhau :

III.C.9.a. *Ophiopogon jaburan* Lodd. var. *aureus variegatus* Hort.

Cây có lá xanh với các vạch vàng.

III.C.9.b. *Ophiopogon jaburan* Lodd. var. *argenteus variegatus* Hort.

Cây có lá xanh với các đốm trắng bạc.

III.C.9.c. *Ophiopogon jaburan* Lodd. var. *argenteus vittatus* Hort.

Cây có lá xanh với các vạch trắng.

III.C.9.d. *Ophiopogon jaburan* Lodd. var. *caeruleus* Hort.

Cây có hoa màu xanh.

III.C.10. CÂY CÔ CA CẢNH

Cocain plant

Erythroxylum novagranatense (Morris) Hieron

Họ Cô ca (Erythroxylaceae)

Cây có lẽ có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới châu Mỹ (Peru, Bolivia...)

Cây bụi, cao khoảng 2 - 2,5 cm, nhưng thường cắt xén hay giâm cành làm thành các bụi thấp làm cây viền các bồn hoa, dọc theo lối đi, hay làm hàng rào thấp. Lá đơn mọc cách đều đặn, luôn luôn xanh nhạt bóng, mềm mại. Phiến lá nguyên, thuôn tròn đều cả hai đầu, cuống ngắn, mảnh. Cụm hoa nhỏ bé, mang 3 - 10 hoa đều, lưỡng tính mọc ra ở nách lá. Hoa nhỏ, màu vàng xanh, hay vàng nhạt, thơm. Quả chín đỏ thuôn dài, gốc có cánh dài còn lại, đầu có mũi ngắn.

Cây trồng dễ dàng bằng các đoạn thân, cành hay bằng hạt. Giâm cành trong đất ẩm ướt và thoáng, các đoạn thân chóng có rễ và cho chồi.

III.C.11. CÂY CÔ TÔNG (Đuôi lươn)

Croton, variegated Laurel

Codiaeum variegatum (L.) Bl. var. *pictum* (Lodd.) Muell.-Arg.; (*C. pictum* Hook.; *Croton variegatus* L.)

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây bụi hoặc cây gỗ nhỏ, thân có nhựa mủ đục, phân cành nhánh nhiều, thường cắt tỉa thành cây nhỏ làm cây cảnh ở chậu. Lá cứng có hình dạng và màu sắc thay đổi tùy từng dạng thường từ hình giải hẹp, hình bầu dục đến hình trứng hơi tròn. Lá nguyên hay thất lại ở giữa đến tận gân chính làm lá chia 2 phần. Mép lá nguyên hay chia thành thùy lớn. Màu sắc từ màu xanh lục, trắng, vàng hay đỏ, một màu hay nhiều màu lẫn lộn thành các mảng hay đốm.

Hoa đơn tính cùng gốc hay khác gốc. Cụm hoa nhỏ dài ở ngọn thân hay nách lá, thường cong ra, mang nhiều hoa. Quả nang nhẵn. Hạt có vân, nhiều màu (Ảnh 77).

Cây được gây trồng thông thường vì lá đặc sắc, nhiều dạng, nhiều màu sắc, lại dễ trồng. Cây được nhân giống bằng các đoạn cành, có thể lai ghép cho nhiều dạng lá với màu sắc khác nhau, tăng vẻ đẹp của cây cảnh.

Sau đây là một vài dạng phổ biến :

III.C.11.a. Cây Cô tông lá rộng

Codiaeum variegatum BL. var. *pictum* Muell. - Arg., form. *platyphyllum* Pax.

Cây có phiến lá rộng ra ở giữa.

III.C.11.b. Cây Cô tông 3 thùy

Codiaeum variegatum BL. var. *pictum* Muell. - Arg., form. *disraeli* Bail.

Cây có lá chia 3 thùy tròn nông.

III.C.11.c. Cây Cô tông lá mũi

Codiaeum variegatum BL. var. *pictum* Muell. - Arg., form. *cornutum* Andre.

Cây có lá hẹp, dài, đỉnh có gân chính kéo dài thành mũi.

III.C.11.d. Cây Cô tông lá vặn

Codiaeum variegatum BL. var. *pictum* Muell. - Arg. form. *spirale* Bail.

Cây có lá hẹp dài và vặn xoắn lại.

III.C.11.e. Cây Cô tông lá nhăn

Codiaeum variegatum Bl. var. *pictum* Muell. - Arg., form. *crispum* Muell- Arg.

Cây có lá hẹp dài, mép rần reo gợn sóng hay thất vận.

III.C.11.g. Cây Cô tông lá đốt

Codiaeum variegatum Bl. var. *pictum* Muell. - Arg., form. *interruptum* Bail.

Cây có lá hẹp dài thất thành nhiều đốt đến gần gân giữa.

III.C.11.h. Cây Cô tông lá mũi

Codiaeum variegatum Bl. var. *pictum* Muell. - Arg., form. *appendiculatum* Celak.

Cây có lá thuôn dài, đầu lá có gân kéo dài thành mũi dạng phiến nhỏ.

III.C.11.i. Cây Cô tông lá sợi (Cây đuôi lươn)

Codiaeum variegatum Bl. var. *pictum* Muell. – Arg., form. *taeniosum* Muell- Arg.

Cây có lá hẹp, dài mảnh, màu đậm.

Ngày nay các nhà làm vườn trên thế giới đã tạo ra nhiều dạng Cô tông có màu sắc và dạng lá kỳ lạ hơn và đặt theo các tên người, do đó số lượng dạng rất phức tạp.

III.C.12. CÂY CÚC KIM THẮT

Scrambling Gynura

***Gynura procumbens* (Lour.) Merr. (*G. sarmetosa* D.C.)**

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây mọc hoang dại vùng đồng bằng miền Bắc và vùng đồi núi Nam Trung Bộ nước ta, đôi khi trồng làm cảnh.

Cây thân cỏ mọc bò, trườn dài, có thể sống dựa, cao đến 1 m. Thân dài phân nhánh nhiều và có khía dọc. Lá dày thuôn dài, đầu nhọn, gốc kéo dài thành cuống, mép chia thùy không đều và khía răng. Phiến lá, màu xanh hơi tía ở mặt trên, xanh đậm dọc theo các gân, mặt dưới lá màu xanh nhạt. Cụm hoa ở đỉnh thân, cuống chung dài mang nhiều cụm hình đầu, cao khoảng 2 cm. Lá bắc tổng bao ngắn, màu tía. Hoa ở trong hình ống màu vàng, quả có lông ở đỉnh.

III.C.13. CÂY CÚC KIM THẮT NHUNG

Velvet plant, Gynura orangé

***Gynura aurantiaca* (Bl.) DC.**

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Đông Nam châu Á.

Cây thân cỏ, mập, bò. Thân dày mọng nước, phủ lông cứng màu tía tím. Lá mọc cách, mập, dày, hình trái xoan nhọn, mép khía răng lớn, hay chia thùy rộng. Gốc lá kéo dài thành bẹ. Lá ở gốc, cuống có cánh, lá ở ngọn gần như không cuống. Cụm hoa dạng đầu trên cuống chung dài. Hoa màu đỏ cam, hay vàng. Cây làm cảnh

đẹp ở các chậu, treo hay trên kệ, cành lá vươn dài, mềm, chịu bóng một phần. (Ảnh 78).

Để trồng làm cảnh đẹp, thường chọn chủng :

III.C.13.a. Cây Kim thất nhung thuần

Gynura aurantica DC. var. *ovalis* DC.

Cây cho lá có dạng hình trái xoan dày, phủ đầy lông không có khía răng ở mép. Cụm hoa dạng đầu có ít hoa màu vàng.

III.C.13.b. Cây Kim thất nhung tía

Gynura aurantica DC. form *purple* Hort.

Cây cho lá có khía răng sau không đều nhau, mặt lá màu tím lam ở mặt trên, tím đậm tía ở mặt dưới. Đây là dạng được gây trồng phổ biến nhất, vì vừa làm cảnh bằng lá, lại cho hoa đẹp.

III.C.14. CÂY DỀN LỬA

Summer Poinsettia; Chinese apinach, Tricolor aurea, Eclatante; Soleil levant, Brède de Madagascar

Amaranthus tricolor L. var. *splendens* Bail.

Họ Rau dền (Amaranthaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới châu Mỹ và châu Phi.

Cây thân cỏ, cao 1 - 1,5 m (thường lùn hơn để trồng trong các chậu), nhẵn, và có nhiều khía dọc màu đỏ. Lá đơn dạng bầu dục thuôn dài có mũi ở đỉnh, gốc kéo dài thành cuống. Phiến lá màu tía, các lá ở đỉnh có màu sắc thay đổi, thường đỏ sẫm từ ngọn xuống cuống hoặc có một khoanh lớn màu đỏ vàng ở giữa, mép lá nguyên hay chia thùy nhỏ không đều, gân lá nổi rõ, mảnh. Toàn bộ lá và cuống đều có màu tía đậm hay nhạt, đỏ sáng hay tối đậm.

Cụm hoa gồm nhiều xim ở nách lá, làm thành bông dày đặc, màu đỏ tía. Quả nang, hạt đen (Ảnh 79)

Cây có chùm lá rất lộng lẫy, sắc sỡ làm cảnh ở bồn hoa hay theo lối rất đẹp. Cây dễ trồng bằng hạt, ưa nắng chịu được nóng, ương gieo ở vườn, sau khi có cây con, bứng trồng ở chậu.

Cây có nhiều dạng lai rất đẹp, do các nhà vườn tạo ra.

III.C.15. CÂY DỆU BÒ TÍA (Diếc bò tía)

Khaki weed

***Alternanthera repens* (L.) O. Ktze. *forma rubra* Hort.**

Họ Rau dền (Amaranthaceae)

Cây thân cỏ bò, hơi cứng, phân cành nhánh nhiều có lông trắng ngắn, tập trung chủ yếu ở đốt. Lá mọc đối hình mũi mác, thuôn đều hai đầu, mép nguyên màu đỏ tía

Cụm hoa ở nách lá dạng gần hình tròn, mang nhiều hoa không cuống, màu trắng. Quả bế 1 hạt.

Cây được gây trồng làm cảnh do màu lá đẹp, lại mọc bò dài phủ kín đất. Cây mọc khỏe dễ trồng bằng các đoạn cành hay hạt.

III.C.16. CÂY DỆU BÒ VÀN

Calico plant

Alternanthera ficoidea

Họ Rau dền (Amaranthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil (châu Mỹ) gây trồng làm cây phủ đất, hay viền lối đi, bồn hoa rất đẹp. Cây thân cỏ sống lâu năm, phân cành nhiều, lá mọc đối sát nhau, màu xanh bóng với các viền mép loang lổ màu trắng cụm hoa nhỏ hình đầu, màu trắng. Quả bế 1 hạt. Cây dễ trồng bằng các đoạn cành.

Gần đây có nhập trồng thêm 1 chủng đẹp là :

Cây Dệu bò vằn đỏ - *Alternanthera ficoidea* var. *bettzickiana* Hort. (Red calico plant)

III.C.17. CÂY DỆU CẢNH (Dền kiếng)

Copper alternanthera; Copper leaf; *Alternanthera aimable*

***Alternanthera amabilis* Versch.**

Họ Rau dền (Amaranthaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ nhiệt đới (Brazil) được gây trồng phổ biến ở các nước nhiệt đới làm cây cảnh, cây hàng rào và cây ven lối đi.

Cây thân cỏ mọc thành bụi dày như thảm cỏ, chỉ cao 8 - 10 cm. Lá nhỏ bé dạng trái xoan, thuôn nhọn cả hai đầu, có cuống dài. Lá mọc đối, phiến màu đỏ tươi, pha màu xanh hay vàng, dày, bóng, nhẵn.

Cụm hoa nhỏ ở nách lá, hoa nhỏ bé xếp dày đặc. Quả bế có 1 hạt.

Cây mọc khỏe dễ trồng, dễ chăm sóc, cho lá dày đặc làm cây phủ đất. Cây trồng chủ yếu bằng các đoạn thân, cành. Chỉ sau 8 - 10 ngày, các đoạn thân cành đã cho rễ và chồi.

Hiện nay, nhân dân ta thường trồng 2 chủng là :

III.C.17.a. Alternanthera amabilis Versch. var. *amoena* Hort.

Cây có lá chỉ có 1 màu đỏ son, do đó cây trông khá với các cây có lá màu khác trong bồn hoa rất đẹp.

III.C.17.b. Alternanthera amabilis Versch. var. *tricolor* Hort.

Cây có lá rộng, dạng bầu dục, mép màu xanh, ở giữa màu đỏ vàng.

III.C.18. CÂY DONG TÍA (Huỳnh tinh kiếng)

Player plant, Chiefly; Maranta de deux couleurs

***Maranta bicolor* Gawl. (*Calathea bicolor* Steud.)**

Họ Củ dong (Marantaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil (Nam châu Mỹ) và được trồng làm cảnh rất phổ biến ở nhiều nước nhiệt đới khác.

Cây mọc thành bụi thấp, dày, tỏa rộng, cao 15 - 30 cm, gốc thân có củ. Lá hình trái xoan hay gần tròn, dài 10 - 20 cm, đầu thuôn có mũi, gốc tròn hay hơi hình tim, mặt trên lá màu xanh xám hay hơi mốc với các đốm màu nâu, mép lá màu xanh đậm có 2 giải vân màu xanh đậm bóng nằm giữa phiến gần mép hơn là gân chính. Mặt dưới lá màu đỏ tía, nhẵn bóng.

Cụm hoa trên cuống chung mập, dài mang nhiều hoa nhỏ bé, màu trắng có sọc đỏ. Cây được gây trồng chủ yếu bằng củ tách từ các bụi dày.

III.C.19. CÂY DONG VẦN (Huỳnh tinh văn)

***Maranta leuconeura* Ed. Morr.**

Họ Củ dong (Marantaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil (châu Mỹ nhiệt đới) được gây trồng làm cảnh khá rộng rãi ở nhiều nước khác.

Cây mọc thành bụi thưa hay dày đặc, lùn, cao khoảng 15 - 30 cm. Lá thuôn bầu dục, tùy theo hình dạng và màu sắc các vân đốm mà chia ra các chủng khác nhau. Cụm hoa nhỏ, mọc thẳng đứng trên cuống chung mảnh như cuống lá và lộ ra ngoài đám lá. Lá bắc ở gốc cụm hoa. Hoa nhỏ xếp sát nhau, ít đặc sắc. Cây chủ yếu cho lá đẹp trang trí.

Hiện nay, ở các thành phố lớn nước ta có trồng mấy chủng đặc sắc làm cảnh là :

III.C.19.a. *Maranta leuconeura* Ed. Morr. var. *kerchoviana* Ed. Morr. (*Calathea kerchoviana* Hort.)

Cây mọc thành bụi dày, gốc có thân rễ mập. Lá thuôn, tù ở đỉnh, gốc hình tim, màu xanh xám ở mặt trên và 2 bên phiến đều có các vệt màu xanh đậm nằm giữa gân chính và mép lá. Ở các lá non, các vệt đó màu đỏ tía.

III.C.19.b. *Maranta leuconeura* Ed. Morr. var. *massangeana* Ed. Morr. (*Calathea massangeana* Hort.)

Khá giống cây trên, nhưng thấp lùn hơn, làm thành bụi rất dày. Lá có màu sắc rất đẹp, phiến màu xanh bóng, nổi rõ ở mỗi bên phiến những sọc vân rộng màu nâu, tía giữa các sọc lại nổi vân màu xanh xám óng ánh với mép màu xanh Oliu làm cho toàn bộ phiến lá rực rỡ như đuôi con công, mặt dưới lá màu đỏ tía.

Tất cả các loài, chủng kể trên đều mọc khỏe, dễ nhánh nhiều và dễ trồng. Nhân giống bằng cách tách các bụi, mỗi bụi để lại ít rễ và trồng lại trong các chậu có đất tơi xốp, đầy đủ phân tro. Cây có thể trồng ở chậu, trong các bồn hoa, dọc lối đi hay làm cây trang trí trong nhà, vì cây chịu bóng được một phần.

III.C.20. CÂY DỪA CẢNH (Khóm rần, Thơm kiếng)

Summer torch.

Billbergia pyramidalis (Sims.) Lindl.

Họ Dừa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc ở các nước châu Mỹ nhiệt đới (Brazil) và được gây trồng rộng rãi làm cảnh ở chậu trên nhiều nước nhiệt đới khác.

Cây thân cỏ sống lâu năm, thân ngắn, thẳng đứng. Lá thuôn dài cong hình lòng máng, màu xanh đậm, có nhiều đường vân màu trắng xám, mép nhẵn, bóng, đầu lá thuôn tròn, gốc hẹp lại và xếp lá nọ sát lá kia, tỏa tròn. Phiến lá mềm, uốn cong ra ngoài gốc có màu hơi hồng, nhất là các lá non.

Cụm hoa trên cuống chung mập, gốc có nhiều lá bắc lớn màu hồng đỏ, cuống chung thẳng hay cong ra ngoài. Hoa xếp dày đặc màu xanh xám ở gốc và màu hồng ở đầu thùy. Quả mọng (Ảnh 80).

Cây trồng vì dáng cây, lá và chùm hoa đẹp. Thường chỉ thưởng thức bởi màu sắc của lá và hoa khá hiếm. Cây đẹp, trồng trong các chậu rất phù hợp và nhân giống bằng các chồi ở gốc (tách bụi).

Có thể nhập để gây trồng một loài khác là :



H.94. Dừa cảnh đẹp -
Billbergia amoena Ldl.

III.C.21. CÂY DỨA CẢNH ĐẸP

Billbergia agréable

Billbergia amoena Lindl. (*B. speciosa* Thunb.; *B. discolor*. Beer; *B. variegata* Schult. f.)

Họ Dứa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc ở Brazil. Cây thân cỏ đứng. Lá hình máng dài 50 - 70 cm, rộng 5 cm, đầu tù, mép khía răng, màu xanh bóng với các vạch rằn ri màu trắng nhạt, đầu lá thuần uốn cong ra ngoài. Cụm hoa dạng bông thưa, dài 40 cm cong ra ngoài. Cụm hoa dạng bông thưa, dài 40 cm cong ra ngoài. Hoa màu xanh nhạt ở gốc và màu tím nhạt ở đỉnh, gốc có nhiều lá bắc lớn màu đỏ tươi (Hình 94).

III.C.22. CÂY DỨA CẢNH ĐẸT ĐỎ

Vriesea heterostachys

Họ Dứa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil đến Sao- Paulo (châu Mỹ). Cây sống phụ hay ở đất. Lá xếp sát gốc dạng hoa thị. Cụm hoa trên cuống mập, lá bắc xếp 2 dãy úp lên nhau. Hoa nhỏ màu vàng có vạch xanh.

Hiện nay nhập rất nhiều loài trong họ Dứa để làm cảnh ở chậu. Sơ bộ có mấy loài phổ biến :

III.C.23. CÂY DỨA CẢNH ĐẸT TÍM

Pink quill

Tillandsia cyanea

Họ Dứa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Equador, Manabi (châu Mỹ). Cây không thân, lá mọc sát đất dạng sợi mảnh. Cụm hoa dạng bông đẹt, do lá bắc xếp 2 dãy úp lên nhau. Hoa lớn màu tím lam cánh mềm. Cụm hoa lâu tàn.

III.C.24. CÂY DỨA CẢNH GAI HỒNG

Silver vase

Aechmea fasciata

Họ Dứa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (Argentina). Lá xếp hoa thị sát đất, phiến rộng, mép có gai. Cụm hoa dạng đầu, lá bắc thuần nhon, mép có gai, màu hồng ánh bạc. Hoa màu xanh lam.

III.C.25. CÂY DỨA CẢNH HỒNG TÂM

Striped blushing bromeliad

Neoregelia carolinae

Họ Dứa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil (châu Mỹ). Lá nhỏ xếp hoa thị, dày thuần, cứng. Cụm hoa ở giữa đám lá. Hoa màu tím đỏ gốc lam tím.

Chúng đẹp hơn cả là : *Neoregelia carolinae* var. *tricolor* Hort. Lá có mép viền màu trắng.

III.C.26. CÂY DỨA CẢNH LỬA GƯƠM

Flaming sword

Vriesea splendens (Brongn.) Lemaire

Họ Dứa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (Guyana, Venezuela, Trinidad). Cây sống phụ hay ở đất. Lá xếp sát nhau, dày, thuần màu xanh mốc, có vạch tía hay xám cả 2 mặt. Cụm hoa dạng bông hẹp, vắn như lá. Lá bắc màu đỏ tươi. Hoa màu vàng.

III.C.27. CÂY DỨA CẢNH MẪU TỬ

Neoregelia concentrica

Họ Dứa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Argentina (Nam châu Mỹ). Thân dài có rễ khí sinh đưa đám lá thành từng cụm cách xa nhau. Lá xếp hình hoa thị, dày, màu xanh bóng có các đốm loang lổ. Cụm hoa ở đỉnh màu đỏ tía có vạch đen. Hoa màu lam.

III.C.28. CÂY DỨA CÀNH NẾN ĐỎ

Christmas candle

***Tillandsia imperialis* Morr. et André**

Họ Dứa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhico (châu Mỹ). Sống phụ hay ở đất. Thân mập ngắn. Lá xếp sát gốc, mềm bóng, màu xanh pha vàng. Cụm hoa trên cuống chung cao, nhiều lá bắc màu đỏ xếp úp lên nhau. Hoa màu đỏ.

III.C.29. CÂY DỨA CÀNH SEN

Scarlet star

Guzmania lingulata

Họ Dứa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Equador (châu Mỹ), mọc ở đất hay sống phụ. Lá xếp hoa thị sát gốc, thuôn dài, mềm, dày, màu xanh nhạt. Cụm hoa ở giữa tán lá. Lá bắc giống lá, mềm, màu vàng cam. Hoa màu trắng gốc hồng.

III.C.30. CÂY DỨA ĐẠI CÀNH

Pandanus palm.

***Pandanus tectorius* Soland. ex Parkins**

Họ Dứa đại (Pandanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Đông Nam châu Á đến Pôlynêsi. Cây mọc bụi dày, thân cong queo, nhiều cành, gốc có nhiều rễ chống cao, thẳng, lá thuôn hẹp, màu xanh bóng, dài 1 - 2 m tập trung ở đỉnh, mép có răng nhỏ.

Chung đẹp nhất, gây trông làm cảnh là :

III.C.30.a. *Pandanus tectorius* var. *sanderi* Hort.

Lá có sọc vàng.

III.C.30.b. *Pandanus tectorius* var. *laevis* Hort.

Mép lá không có gai.

III.C.31. CÂY DỨA ĐẠI CẢNH LÙN

Dwarf pandanus

***Pandanus pygmaeus* Thou.**

Họ Dứa dại (Pandanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Madagasca, trồng thành bụi dày ở châu hay ven lối đi. Lá nhỏ dẹt, dài, màu xanh có viền trắng, ngà ở mép.

III.C.32. CÂY DỨA LẮNG LA

Vaquois utile., Screw- Pine

***Pandanus utilis* Bory. (*P. candelabrum* Hook.;**

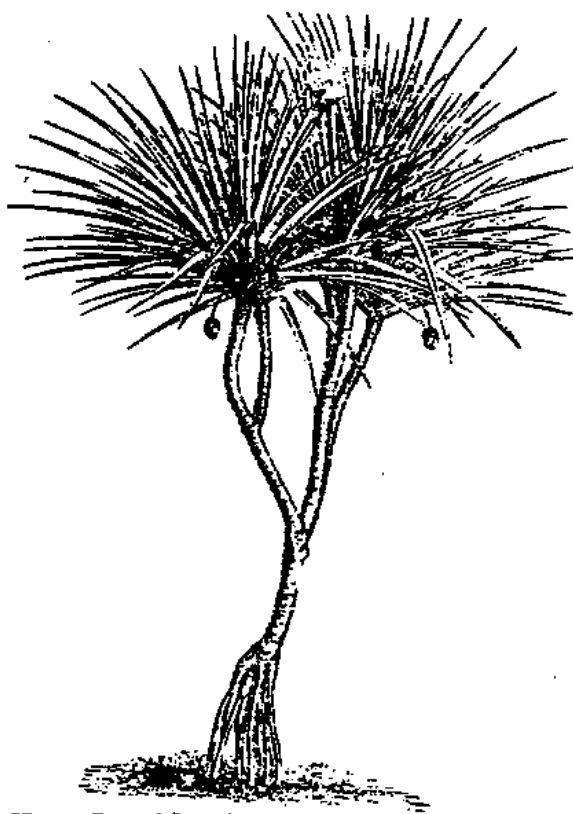
***P. flabelliformis* Carr.; *P. elegantissimus* Hort.;**

***P. odoratissimus* Hort.)**

Họ Dứa dại (Pandanaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo của Madagasca (Bourbon) và được gây trồng làm cảnh ở rất nhiều nước nhiệt đới.

Cây bụi mập, khỏe, phân cành nhánh lớn, gốc có nhiều rễ chống cao làm cho cây có dáng đẹp, cây có thể cao đến 15 m, nhưng thường cho phân cành rộng và làm thành cây có độ cao trung bình (4 - 6 m). Cành khẳng khiu gãy khúc, có nhiều sọc do lá rụng và ở đỉnh mang chùm lá. Lá thuôn dài hẹp



H.95. Dứa lẳng la - *Pandanus utilis* Bory

cứng thẳng hay cong uốn ra, xếp xoắn ốc dày đặc, dài đến 2 m, và rộng 10 cm, màu xanh bóng, hơi hồng ở gốc, mép và sống lá có gai nhỏ, nhọn màu đỏ, đầu lá nhọn, gốc lá có bẹ trên thân (Hình 95).

Cụm hoa sau thành quả trên cuống mập cong xuống, mọc ra từ nách các lá gần gốc, mang hoa dày đặc. Quả kép thuôn, dài 15 - 20 cm, rộng 10 - 15 cm, màu xanh nhạt, sau xám dần. Cả cây lẫn quả kép đều làm cảnh đẹp. Cây trồng được trồng ở bồn hoa lớn nơi cổng hay dọc lối đi.

III.C.33. CÂY DỨA LẮNG LA THƠM (Dừa trở vòng)

Padanus reversispiralis St. John

Họ Dừa đại (Pandanaceae)

Cây cũng mọc nơi ven biển, vùng đất cát. Cây mọc thành bụi dày, cao 6 - 7 m, có nhiều rễ chống dài, mập. Lá dài trên 1 m, rộng 5 - 6 cm mép và gân chính có gai nhọn. Quả kép dài 12 - 15 cm, rộng 11 - 14 cm gồm nhiều vẩy sát nhau. Cụm hoa đực có cánh hoa màu trắng, thơm. Cả cụm hoa đực dài đến 50 cm.

III.C.34. CÂY DỨA SỌC

Pine-apple; *Ananas*

Ananas sativus Lindl. var. *variegatus* Hort.

Họ Dừa (Bromeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, có dáng đẹp nên được gây trồng làm cảnh trong chậu ở các nước nhiệt đới khác. Cây có thân rất ngắn. Lá lõm hình lòng thuyền, rất dài, cong uốn ra ngoài, đầu nhọn, mép có gai, trên mặt phiến có sọc trắng dọc theo mép, nổi rõ trên nền xanh bóng.



H.96. Dừa sọc – *Ananas sativus*
Ldl. var. *variegatus* Hort.

Cụm hoa trên một cuống chung mập, ngắn, có lá bắc và cánh hoa màu tím đỏ (Hình 96). Rất ít khi có quả.

Cây mọc bằng tách bụi hay chồi ngọn, mọc khỏe, chịu được che bóng nên làm cây trang trí trong nhà đẹp.

III.C.35. CÂY DỨA THƠM

Vaquois à feuilles d'amarillis

***Pandanus amaryllidifolius* Roxb. (*P. odoratus* Ridl.)**

Họ Dứa dại (Pandanaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới (Amboine) và được gây trồng rộng rãi vì lá khi hấp nóng có mùi thơm (ở Việt Nam hấp vào gạo khi thổi cơm). Tuy nhiên cây có dáng đẹp và xanh quanh năm nên cũng được trồng làm cảnh, trong vườn hay ven lối đi.

Cây thân cỏ mọc thành bụi cao đến 1m, chia nhánh nhiều, gần như không có thân, mà do lá mọc xoắn ốc sát nhau, dày đặc làm thành. Lá thuôn hẹp, dài trên 1 m, rộng 3 - 4 cm, dạng lõm hình lòng máng phiến lá dày, cứng, màu xanh bóng đậm, mặt dưới hơi nhạt hơn, mép không gai, không lông. Lá rất thơm, mùi dịu. Rất hiếm khi có hoa.

Cây được gây trồng chủ yếu bằng cách tách các nhánh từ gốc chính. Cây mọc khỏe, dễ trồng, dễ nhánh thành bụi dày.

III.C.36. CÂY DỨA TRỐ (Dứa sọc)

Vaquois de veitch, Variegated screw- pine

***Pandanus veitchii* Hort.**

Họ Dứa dại (Pandanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Pôlinêsi. Cây mọc thành bụi thưa, chia nhánh khá xa nhau, cao 3 - 5 m, thân mập, khỏe, dày đến 10 cm, gốc có nhiều rễ chống. Lá xếp dày đặc, xoắn ốc, dài 1 - 1,5 m, rộng đến 10 cm phiến lá mềm cong ra ngoài, màu xanh bóng đậm với nhiều sọc trắng dọc theo gân ở phía gần mép. Mép có gai. Cây làm cảnh đẹp, có thể trồng ở các bồn đất lớn hay trong vườn rộng (Ảnh 81).

III.C.37. CÂY ĐA (Đa cao su)

India- rubber Plant; Figuier à caoutchouc;
Caoutchouc des jardins

Ficus elastica Roxb. ex Hornum.

(*F. decora* Hort.; *F. rubinervis* Sata)

Họ Dâu tằm (Moraceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Nepal, Mianma, gây trồng rộng rãi ở châu Á sau sang châu Âu. Cây thuộc loại gỗ lớn, nhưng thường trồng bằng cành nhánh để làm cây cảnh trồng ở chậu hay trong vườn (cắt tỉa làm cây nhỡ và lúc non sống phụ nên cho ra nhiều rễ trên cành). Thân cây và cành có nhiều rễ khí sinh, nếu phát triển đầy đủ có thể lớn như các thân cây khác. Cành dài, khỏe màu nâu xám nhẵn. Lá đơn, mọc cách dày bóng bóng, màu xanh ngọc bích, tù ở gốc, đầu có mũi nhọn, gân phụ nhiều, mảnh xếp gần như song song với nhau. Lá kèm rất dài màu đỏ mềm, bọc lấy lá non ở trong, do đó làm cây trang trí đặc sắc. Cụm hoa là sung xếp từng đôi ở một điểm, màu vàng nhạt. Quả phức không cuống, mềm, dễ nát (Ảnh 82).

Cây trồng chủ yếu bằng các đoạn cành và vì có rễ phụ nên cây dễ trồng và mọc khỏe.

Hiện nay có nhiều chủng của loài này được gây trồng rất rộng rãi làm cây trang trí nội thất, vì có dáng đẹp, lá có màu đặc sắc, có sức sống mãnh liệt, dễ trồng, vừa chịu được bóng vừa ưa sáng, nên các nhà vườn tạo ra nhiều chủng có màu sắc lá khác nhau làm cây trang trí trong nhà.

III.C.37.a. *Ficus elastica* Roxb. var. *nobilis* Hort.

Cây cho lá ngắn và tròn hơn, phiến xanh bóng, mượt.

III.C.37.b. *Ficus elastica* Roxb. var. *foliis aureo-marginalis* Hort.

Cây cho lá màu xanh đậm với phần mép lá có giải viền rộng màu vàng tươi.

III.C.37.c. *Ficus elastica* Roxb. var. *folis variegatis* Hort.

Cây cho lá màu xanh với các vạch không đều nhau màu trắng ngà hay màu vàng nổi rõ trên phiến màu xanh bóng.

III.C.38. CÂY ĐA ĐÀN

Fiddleleaf plant

Ficus lyrata Warb.

Họ Dâu tằm (Moraceae)

Cây có nguồn gốc từ Tây châu Phi nhiệt đới (Liberia đến Togo), nhập trồng làm cây cảnh ở châu rất đẹp. Cây gỗ (nơi nguyên sản cao đến 15 m). Lá có phiến rộng, dài 20 - 40 cm, thắt ở giữa như hộp đàn dày, đỉnh rộng hơi chia thùy, gốc hẹp hình tim. Cụm hoa dạng sung có đốm trắng.

Cây trồng bằng các đoạn thân làm thành cây bụi hẹp trồng ở chậu bày trong nhà được (cây chịu bóng tốt).

III.C.39. CÂY ĐƠN TƯỚNG QUÂN

(Đơn tía, Đơn mặt trời, Mặt quỷ, Dị liễu)

Excoecaria cochinchinensis Lour.

(*Excoecaria bicolor* Hassk.)

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây bụi nhỏ thường trồng ở vườn để làm cảnh (do lá có màu đặc sắc) và làm thuốc. Cây cao khoảng 1 m, phân cành nhánh nhiều. Lá mọc đối hình bầu dục ngược, thuôn dài ở gốc, có mũi nhọn ở đỉnh, mặt trên phiến màu lục thẫm, bóng láng, mặt dưới màu đỏ tía, mép có khía răng cưa thưa.

Hoa đơn tính cùng gốc hay khác gốc, cụm hoa ở nách lá hay đầu cành. Hoa có lá bắc gần giống cánh dài. Cả hoa đực và hoa cái đều có 3 cánh dài màu xanh. Quả nang 3 mảnh (Hình 97).



H.97. Đơn tướng quân -
Excoecaria cochinchinensis Lour.

Cây được gây trồng phổ biến nơi vườn hoa, công viên, vì cây mọc khỏe, dễ trồng lại có màu lá sặc sỡ.

III.C.40 - CÂY HỒNG DIỆP MÔN

Blushing philodendron

Philodendron erubescens

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Colombia (châu Mỹ). Cây leo, có đốt, rễ nhiều trên các đốt. Thân dẹt, mập, dài. Lá hình tim ở gốc, thuôn dài ở đỉnh, dài 20 - 30 cm, rộng 5 - 15 cm, mặt trên xanh bóng, mặt dưới màu hồng hay pha đồng. Cuống dài hồng đỏ, có bẹ dạng cánh.

Cây ưa ẩm, chịu bóng, trồng trang trí nội thất khá đẹp.

III.C.41. CÂY HUYẾT DỤ

Palm Lily, Cordyline terminal, Flaming dragon tree

Cordyline terminalis (L.) Kunth.

(*Coryline fruticosa* (L.) A. Chev.; *Dracaena terminalis* Rchb.; *Colodracon terminalis* Planch.)

Họ Huyết dụ (Asteliaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Ấn Độ, Malaixia, Australia) nay được gây trồng rất rộng rãi trên thế giới.

Cây có thân mảnh, mọc thẳng hay uốn cong, cao tới 2 - 3 m, đường kính 1 - 2 cm, rất ít khi phân nhánh. Lá xếp hai dãy, hình lưỡi kiếm, đầu nhọn, gốc thót lại thành cuống có rãnh. Phiến lá mỏng, màu xanh, nhẵn, bóng nổi rõ các gân mảnh.

Cụm hoa dạng chùy, dài tới 40 cm, rộng 20 cm. Hoa màu xanh mọc đơn



H.98. Huyết dụ - *Cordyline terminalis* Kunth.

độc ở nách của 2 lá bắc. Quả mọng hình cầu, 1 hạt (Hình 98).

Cây mọc khỏe dễ trồng bằng các đoạn thân hay chồi, lá xanh quanh năm và lâu rụng làm cây trang trí ở vườn hay trong nhà đều phù hợp. Ngoài ra, còn có thể gây trồng 1 vài chủng khác :

III.C.41.a - Cordyline terminalis (L.) Kunth. var. *angusta* Hort.

Cây nhỏ bé hơn, chỉ cao khoảng 1 - 2 m, thân tròn mập, đường kính 1 - 2 cm. Lá xếp hai dãy, nhỏ, hẹp, thuôn, đầu kéo dài thành mũi mềm, gốc kéo dài thành cuống bẹ. Phiến lá màu xanh đậm bóng ở mặt trên, màu đỏ tía ở mặt dưới, hay hai mặt lá đều đỏ tía. Hoa màu mận chín, mọc thành chùy thưa.

III.41.b. Cordyline terminalis (L.) Kunth. var. *tricolor* Hort.

Cây mọc thành bụi, thân thẳng cao 1 - 3 m (thường trồng trong chậu nên thân thấp hơn), rất ít khi phân nhánh. Lá thuôn, đầu kéo dài thành mũi, gốc hẹp lại thành cuống dẹt có bẹ ôm thân. Phiến lá mỏng, màu xanh có sọc đỏ. Cụm hoa dạng chùy mang hoa màu xanh. Quả mọng màu đỏ.

III.C.41.c - Cordyline terminalis (L.) Kunth. var. *ti* Bak.

Cây mọc bụi cỏ, thân cao 2 - 3 m, rất ít khi phân nhánh. Lá dạng bản rộng, thuôn, đầu tù, gốc thon hẹp thành cuống có bẹ ôm thân. Cụm hoa dạng chùy ở đỉnh. Hoa màu xanh hay tím nhạt.

Tất cả các chủng trên đều dễ trồng bằng các đoạn thân hay chồi gốc. Cây chịu bóng một phần nên làm cây trang trí trong nhà được.

III.C.42. CÂY HUYẾT HẸP

Cordyline resserre

***Cordyline stricta* Endl.**

Họ huyết dụ (Asteliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Tân Hà Lan (Nouvelle - Hollande) nhưng được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới.

Cây gỗ nhỏ mọc đơn độc hay bụi nhỏ, thân cao 1 - 3 m, thẳng, mảnh (thường mọc thấp để trồng ở chậu), tròn đều có nhiều sẹo do lá rụng. Lá không cuống mọc tập trung ở đỉnh hình giải giáo, cứng, thẳng, hẹp, đầu kéo dài thành mũi nhọn, gốc cong lại lồng máng,

ôm lấy thân, màu xanh nhạt bóng có sọc đỏ ở mép. Cụm hoa dạng chùy thưa, mọc ra ở nách các lá ngọn. Hoa màu tím nhạt. Cây mọc khỏe, có dáng đẹp, lá xanh quanh năm mọc xòe ra mọi phía như lông nhím nên được gây trồng làm cảnh rất phổ biến (Ảnh 83).

Hiện nay nhân dân ta có gây trồng 1 số chủng đặc sắc là :

III.C.42.a - *Cordyline stricta* Endl. var. *bruantii* Hort.
(*Dracaena bruanti* Hort.)

Lá lớn, dài đến 50 cm, rộng 5 cm, dạng thuôn nhọn ở đỉnh, màu đỏ nâu.

III.C.42.b - *Cordyline stricta* Endl. var. *congesta* Hort.
(*Dracaena congesta* Hort.).

Lá rất rộng và mọc dày đặc.

III.C.42.c - *Cordyline stricta* Endl. var. *discolor* Hort.
(*Dracaena congesta* Hort. var. *discolor*)

Lá có màu tím tía ở mặt dưới.

III.C.43. CÂY HUỲNH TINH CẢNH (Dong cảnh)

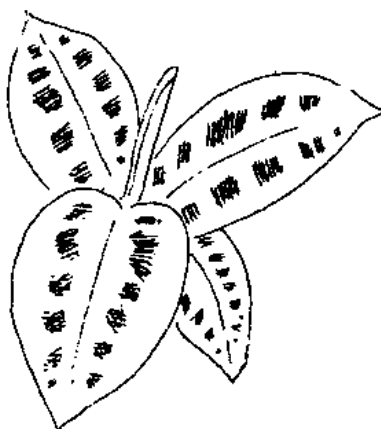
Calathea orné

***Calathea ornata* (Lind.) Koern. (*Phrynium ornatum* C. Kock.; *Maranta ornata* Lind; *M. regalis* Hort.)**

Họ Cỏ dong (Marantaceae)

Cây có nguồn gốc ở các nước châu Mỹ nhiệt đới (Côlômbia Ecuador, Guyan) và được gây trồng khá rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới, làm cây cảnh ở chậu hay trong vườn.

Cây mọc thành bụi, sống lâu năm, cao khoảng 1 - 1,5 m. Lá mọc tập trung từ gốc, thường chỉ có 3 - 4 chiếc. Phiến lá thuôn rộng, mặt trên màu xanh đậm, bóng và tùy theo các chủng có điểm thêm các đốm vết, vân màu trắng, hồng hay đỏ, mặt dưới lá



H.99. Huỳnh tinh cảnh - *Calathea ornata* Koern.

màu xanh bóng đậm. Cuống lá dài, cứng, thẳng, gốc phình rộng thành bẹ.

Cụm hoa dạng chùy ở giữa đám lá. Hoa màu xanh vàng. Nhị đực tím màu đỏ tía. Quả nang hai hạt (Hình 99).

Để trồng làm cảnh, nhân dân ta thường chọn mấy chủng sau :

III.C.43.a - Calathea oranata Koern. var. *regalis* Hort. (*Maranta regalis* Hort.)

Cây cho lá màu xanh với các đốm vệt màu đỏ.

III.C.43.b - Calathea oranata Koern. var. *roseo-lineata* Regel. (*Maranta roseo-lineata* Regel).

Cây cho lá màu xanh với các đốm vệt màu hồng.

III.C.43.c - Calathea oranata Koern. var. *albo-lineata* Regel.

(*Maranta albo-lineata* Hort.)



H.100. Huỳnh tinh rừng - *Calathea clossoni* Hort.

Cây cho lá màu xanh với các đốm vệt màu trắng.

III.C.44. CÂY HUỲNH TINH RỪNG (Dong dài)

Calathea cf. *clossoni* Hort.

Họ Củ dong (Marantaceae)

Cây mọc ở rừng nước ta dưới bóng cây gỗ, nơi đất ẩm và ven khe. Cây có dáng lá rất đặc sắc có thể gây trồng làm cây trang trí nội thất được.

Cây mọc thành bụi nhỏ, thấp, cao khoảng 20 - 40 cm, sống lâu năm. Lá mọc thẳng đứng, có cuống dài, cứng, gốc có bẹ, đỉnh mang

phiến lá thuôn dài. Đầu lá kéo dài thành mũi, gốc tù hơi tròn, phiến dài 15 cm, rộng 4 - 5 cm, gân bên mảnh, đều và khá rõ, gốc các gân phụ với gân giữa có các vết đốm màu sậm xếp đều đặn (mỗi bên có 5 - 6 vết đốm) trên nền phiến màu xanh bóng. Cụm hoa ngắn, mang 1 - 2 hoa. Hoa màu trắng nhỏ bé (Hình 100).

Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng cách tách bụi và chịu được bóng nên làm cây cảnh dưới tán cây gỗ hay trang trí trong nhà rất phù hợp.

III.C.45. CÂY HUỲNH TINH VÂN

Zebra plant; Calathea Zébré

***Calathea zebrina* (Sims.) Lindl. (*Maranta zebrina* Sims.)**

Họ Cù dong (Marantaceae)

Cây có nguồn gốc ở Brazil (Nam châu Mỹ) và được trồng làm cảnh rộng rãi ở nhiều nước.

Cây mọc thành bụi thưa, sống lâu năm do thân rễ dài, mạnh. Cây cao khoảng 1 m. Lá thuôn dài, mặt lá răn reo, mép gợn sóng, thuôn nhọn ở đầu, tù và kéo dài ở gốc. Cuống lá cong hình lòng máng, có cánh và dài ngang với phiến lá. Phiến lá mặt trên có lông mịn, màu xanh hay pha đỏ tía, nổi rõ các vân xếp song song theo gân bên màu xanh bóng hay xanh đậm pha đen. Mặt dưới lá màu tím tía. Lá có dáng đẹp, gân bên nổi rõ, mảnh, gần song song với nhau (Ảnh 84).

Cụm hoa hình cầu ở giữa đám lá, mọc từ gốc cuống chung mập, lớn, cao. Hoa màu tím xếp dày đặc ở đỉnh. Cây chủ yếu trồng làm cảnh bằng lá. Có thể trồng thành bụi dày ở chậu hay trồng dọc theo lối đi, viền các bờ cỏ, nơi công viên, vườn hoa. Cây còn có thể chịu bóng một phần, nên làm cây trang trí trong phòng được. Nhân giống chủ yếu bằng tách bụi có chồi non và rễ. Có một chủng đẹp là:

- *Calathea zebrina* Lindl. var. *binotii* Hort.

Phiến lá có màu xanh đậm.

III.C.46. CÂY LÁ MĂNG (Măng bàn tay, Thủy tùng)

Asparagus Fern; Asperge phumuse, Bride's bouquet

***Asparagus plumosus* Baker.**

Họ Lá măng (Asparagaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Phi, nay cây trồng rộng rãi làm cảnh ở các nước nhiệt đới.

Cây mọc bụi nhỏ, thân mảnh, màu xanh, mềm, phân cành nhánh nhiều vươn dài, có thể sống dựa, cành mọc ngang, rễ dài, hơi nạc. Cành nhỏ màu xanh mảnh như kim, dài 4 - 5 mm tụ hợp thành từng đám xếp trên cùng 1 mặt phẳng, màu xanh bóng (thường có 8 - 20 diệp chi). Lá thật hình tam giác nhỏ bé áp sát các cành.

Cụm hoa ngắn, mang 1 - 4 hoa trên 1 cuống ngắn, mọc ra ở gần ngọn các cành. Hoa nhỏ bé, màu trắng. Quả mọng hình cầu, màu đen tím có 1 - 3 hạt.

Cây có dáng rất đẹp nên được gây trồng nhiều ở các bồn hoa, chậu cảnh. Các diệp chi lại có thể cắt cắm trong các bình hoa, làm nền cho các cành hoa sặc sỡ. Để làm cảnh, nhân dân ta thường chọn các chủng sau :

III.C.46.a - *Asparagus plumosus* Bak. var. *compactus* Hort.

Cây mọc dày đặc thành bụi nhỏ, thấp bé. Cành lá xếp dày đặc làm cho cây không vươn rộng.

III.C.46.b - *Asparagus plumosus* Bak. var. *nanus* Hort.

Cây thấp, nhỏ bé, rất thích hợp làm cây cảnh ở chậu, cành lá thưa, vươn dài, tán thoáng.

Cây dễ trồng, được nhân giống bằng hạt hay giâm cành. Chọn các đoạn cành ở phía trên dài khoảng 12 - 15 cm, giâm nơi đất thoáng mát, đủ độ ẩm. Cây chóng cho rễ và phân cành nhiều (Ảnh 85).

Cây dùng để trang trí do lá có màu đặc sắc, lâu héo, cây chịu được bóng và sống lâu năm.

III.C.47. CÂY LÁ NGỰA VẦN

Zebra plant

***Aphelandra squarrosa* Nees.**

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (Brazil). Cây bụi thấp, phân cành nhiều, dày đặc. Lá lớn mọc đối, dạng bầu dục thuôn nhọn cả hai đầu, màu xanh bóng với các vạch màu trắng dọc theo gân. Cụm hoa dạng bông ở đỉnh, lá bắc màu vàng xếp úp lên nhau. Hoa màu vàng tươi, nở bền.

Gần đây các nhà vườn phía Nam có nhập chủng cho hoa màu vàng cam là :

- *Aphelandra squarrosa* var. *louisae* Hort.

III.C.48. CÂY LÁ SỌC DỨA (Hoa chuông)

***Sinningia speciosa* Benth. et Hook.**

(*Gloxinia speciosa* Lodd.; *Ligeria speciosa* Decne)

Họ Tai voi (Gesneriaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil được gây trồng làm cảnh trong chậu rất phổ biến ở các nước nhiệt đới khác. Cây có thân rễ dạng củ, lá mọc sát đất, vì thân rất ngắn. Lá có cuống, dạng thuôn tù, dày, nhiều lông. Hoa trung bình trên cuống dài. Cánh hoa hợp thành ống, màu tím hay đỏ tím, dạng chuông, trên chia thùy không đều.

Có nhiều chủng khá đẹp như :

III.C.48.a - *Sinningia speciosa* Benth. et Hook. var. *caulescens*
Hanst.

Cây có thân dài, mập, lá rộng.

III.C.48.b - *Sinningia speciosa* Benth. et Hook. var. *macrophylla*
Hanst.

Cây có lá rộng với gân màu trắng.

III.C.48.c - *Sinningia speciosa* Benth. et Hook. var. *albiflora*
Hanst.

Cây có hoa màu trắng.

III.C.48.d - *Sinningia speciosa* Benth. et Hook. var. *rubra* Hanst.

Cây có hoa màu đỏ.

III.C.49. CÂY LÁ TRẮNG (Bạch tạng)

Lolu, *Cordia*, Sebastier

***Cordia latifolia* Roxb.**

Họ Vòi voi (Boraginaceae)

Cây có nguồn gốc từ miền Tây Ấn Độ, hiện gây trồng rộng rãi làm cây trang trí ở các tỉnh miền Nam nước ta.

Cây gỗ lớn, phân cành nhánh nhiều, tán rộng, nhưng thường được cắt tỉa thành cây bụi có cành sát gốc, thậm chí còn hãm thành cây nhỏ trồng ở chậu. Thân cành có màu vàng nhạt, vỏ mỏng, nhẵn. Lá lớn, mỏng, dạng trái xoan, đầu thuôn, gốc hình nêm. Phiến lá màu xanh nhạt bóng pha vàng hay vàng nhạt gần như trắng, mềm mại, gân thưa, rất hấp dẫn. Cụm hoa dạng chùy ở đầu cành, phân chia nhiều nhánh thưa. Hoa nhỏ bé, dạng ống màu vàng trắng (Ảnh 86).

Cây mọc khỏe, phân cành mập, nẩy chồi dài cho lá non lớn. Cây thường được gây trồng làm cảnh ở bồn hoa, bờ tường, có thể cắt xén theo các hình dạng khác nhau hay cắt đều làm cây hàng rào, cây ven lối đi. Cây nhân giống chủ yếu bằng giâm cành, chôn cho rễ và chồi. Cây chịu được bóng một phần và sống lâu năm.

III.C.50. CÂY LỄ BẠN (Lão bạn, Sò huyết)

Boot Lily, *Rhoeo discolor*, Boule de Mars, Cros curage

***Rhoeo spathacea* (Sw.) Stearn. (*R. discolor* (L' Her.)**

Hance; *Tradescantia discolor* L'Herit).

Họ Thài lài (Commelinaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Trung Mỹ (Mêhicô) và được gây trồng rộng rãi ở khắp nước ta, từ miền Bắc vào miền Nam, từ thành thị đến nông thôn làm cây cảnh ở chậu và trong vườn, và làm cây thuốc.

Cây có thân rất ngắn làm cho lá gần như mọc sát đất. Lá không cuống, có bẹ, phiến lõm hình lòng thuyền, đầu thuôn dài. Mặt trên lá màu lục, bóng, nhẵn, mặt dưới lá màu đỏ tía.

Cụm hoa nhỏ ở nách lá, ngoài có 2 mo úp vào nhau (giống như vỏ con sò). Hoa màu trắng vàng. Quả nang dài thuôn.

Cây có dáng đẹp, mọc khỏe, không kén chọn đất, cho hoa gần như quanh năm. Cây làm cảnh bằng chùm lá. Để làm cảnh, có thể trồng chung :

III.C.50.a - *Rhoeo spathacea* Stearn. *foliis variegatis* Hort.

(*Tradescantia discolor* L'Hérit var. *lineata* Hort.).

Phiến lá ở mặt trên có những vạch màu vàng tươi rất đẹp, nổi rõ trên nền màu xanh. Mặt dưới màu đỏ tía. Cây dễ trồng bằng các đoạn thân rễ hay chồi tách từ đỉnh hoặc từ nhánh bên của cây mẹ. Cây mọc bụi, tỏa tròn đều, làm cảnh ở chậu rất phù hợp.

III.C.51. CÂY LỤC THẢO CẢNH (Mạch môn lá cụt)

***Chlorophytum bichetii* Back.**

Họ Tỏi rừng (Asphodelaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, và được gây trồng rộng rãi ở nước ta để làm cảnh.

Cây cỏ mọc thành bụi nhỏ, thân cao 30 - 40 cm, rễ phình thành củ dài 2 - 3 cm. Lá thuôn hình giáo, đầu kéo dài nhọn, mở rộng ở giữa, mép có viền trắng hay có sọc kéo dài màu trắng trên nền xanh ở giữa phiến lá. Cụm hoa là chùm dài mọc ra ở giữa đám lá, thẳng cao 10 - 20 cm, mang hoa thưa. Hoa màu trắng.

Cây có dáng lá đẹp, hoa màu sắc nhẹ nhàng, được ưa chuộng gây trồng làm cảnh ở chậu để ở ngoài vườn hay trong nhà. Cây mọc khỏe, lá xanh quanh năm. Có thể gây trồng bằng các củ rễ mập hay tách nhánh ở bụi lớn.

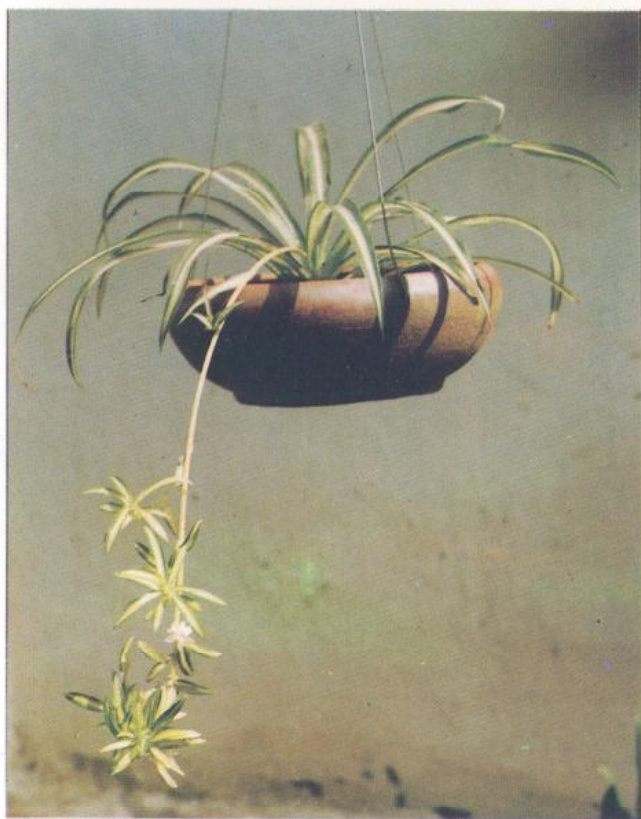
III.C.52. CÂY LỤC THẢO LAN (Tỏi lan)

***Chlorophytum orchidastrum* Lindl.**

Họ Tỏi rừng (Asphodelaceae)



Ảnh 87: Mao dài trổ
Pilea cadierii Gagnep. et Guill.



Ảnh 88: Mẫu tử
Chlorophytum elatum R. Br.
var. *variegata* Hort.



Ảnh 89: Minh ty rằn
Aglaonema marantifolium Bl.



Ảnh 90: Minh ty trắng
Aglaonema pseudobracteatum Hort.



Ảnh 91: Môn dỏm
Caladium bicolor (Ait.) Vent.



Ảnh 92: Môn trường sinh
Dieffenbachia picta Schott



Ảnh 93: Môn trường sinh
Dieffenbachia picta Schott.
var. roehrsii Hort.



Ảnh 94: Phất tài sọc
Dracaena sanderiana Hort.



Ảnh 96: Phu lê bò - *Pellionia repens* (Lour.) Merr.



Ảnh 95: Phát dụ trúc lang
Dracaena godseffiana Hort.



Ảnh 97: Tai tượng trỏ
Acalypha wilkesiana Muell. Arg.



Ảnh 98: Thái lái tím
Tradescantia pallida
(Roxb.) Hunt.



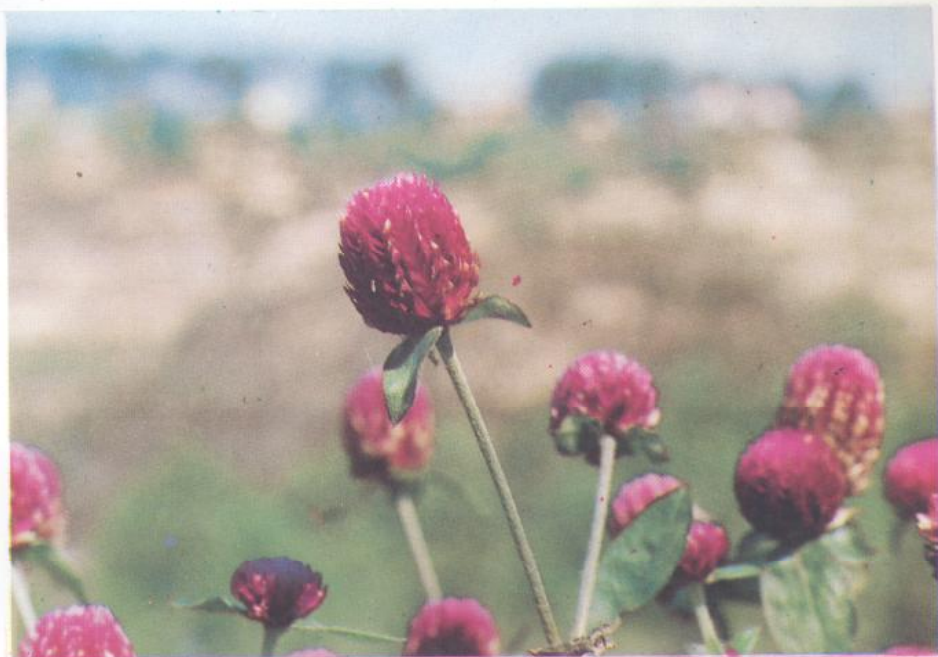
Ảnh 99: Thiết mộc lan
Dracaena fragrans Ker-Gawl
var. *massangeana* Hort.



Ảnh 100: Tì liêu
Tamarix indica Wall.

Ảnh 101: Tía tô canh
Coleus Blumei Benth.





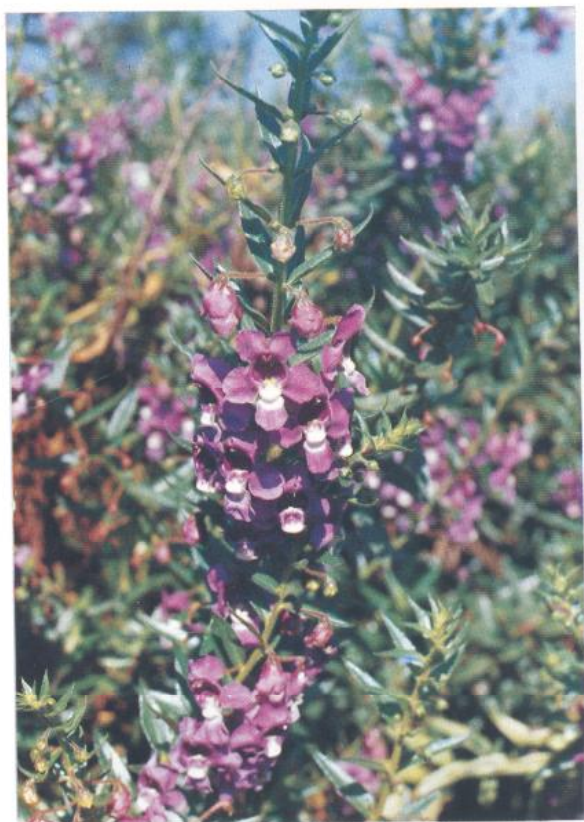
Ảnh 102: Bách nhật
Gomphrena globosa L.



Ảnh 103: Vĩ hoa trắng
Spathiphyllum patinii N. E. Br.



Ảnh 104: Bạch trinh biển
Hymenocallis americana Roem.



Ảnh 105: Bâng khuâng
Augelonia salicariaefolia
Humb. et Bonpl.



Ảnh 106: Bắt tử - *Helichrysum bracteatum* (Vent.) Andr.



Ảnh 107: Bóng nước - *Impatiens balsamina* L.



Ảnh 108: Cà hoa - *Petunia hybrida* Vilmor.



Ảnh 109: Cẩm chướng - *Dianthus caryophyllus* L.



Ảnh 110: Chuối hoa
Canna hybrida Hort.

Ảnh 111: Cúc cánh môi
Aster amellus L.





Ảnh 112: Cúc chuẩn - *Cosmos sulphureus* Cav.



Ảnh 113: Cúc chuẩn nhái - *Cosmos bipinnatus* Cav.



Ảnh 114: Cúc hoàng phần
Solidago virga - aurea L.

Ảnh 115: Cúc mốc
Crossostephium chinensis (L.) Merr.





Ảnh 116: Cúc vạn thọ
Tagetes erecta L.

Ảnh 117: Vạn thọ nhật
Tagetes erecta L. "Rose d' Inde"





Ảnh 118: Di nha
Zinnia elegans Jacq.



Ảnh 119: Đồng tiền
Gerbera jamesonii Hook.



Ảnh 120: **Duôi công xanh**
Plumbago capensis Thunb.



Ảnh 121: **Hoa hiên**
Hemerocallis flava L.f.



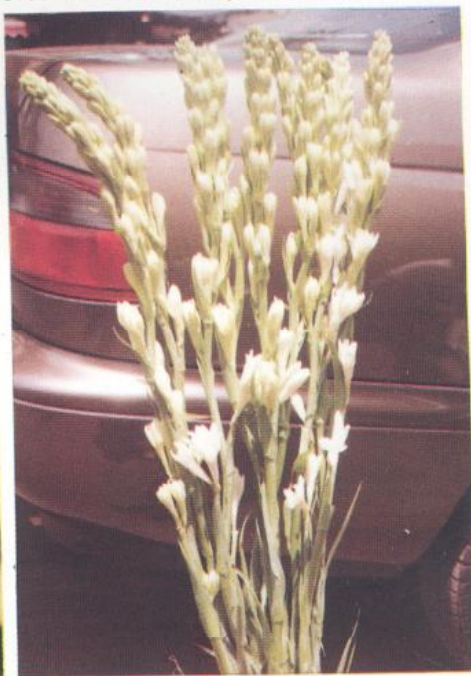
Ảnh 122: Hoa Plốc
Phlox drummondii Hook.



Ảnh 123: Hỏa hoàng
Crossandra undulaefolia Salisb.



Ảnh 124: Hồng anh - *Papaver rhoeas* L.



Ảnh 125: Huệ - *Polianthes tuberosa* L.

Cây có thân cao đến 80 cm. Rễ hơi phình lên. Lá hình mũi mác, đầu kéo dài thành mũi, gốc rộng bao lấy thân. Cụm hoa dài hơn lá, phân chia nhiều nhánh mang hoa ở đỉnh. Hoa màu trắng mọc rủ xuống. Quả có 1 hạt màu đen.

III.C.53. CÂY LỤC THẢO THỦY TIÊN (Lan thủy tiên)

Chlorophytum laxum. R.Br.

Họ Tỏi rừng (Asphodelaceae)

Cây có thân cao 20 - 40 cm, rễ có khi thành củ. Lá xếp hai dãy hình dải. Cụm hoa dài, mảnh như sợi, phân nhánh mang hoa thưa. Hoa nhỏ màu trắng xanh nhạt.

Quả hình cầu có 1 - 4 hạt dẹt.

III.C.54. CÂY MẠO ĐÀI TRỐ (Lăn tăn dóm, Lăn tăn trở)

Pilea de cadrière, Plante - Aluminium

Pilea cadierii Gagn. et Guill.

Họ Gai (Urticaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng núi cao miền Trung nước ta, được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi vì dáng cây và lá đẹp. Thường được trồng trên các lẵng treo để cây buông thân có lá xuống hay trồng ở các chậu thấp, rộng, để lá phủ kín mặt chậu.

Cây thân cỏ hơi vuông, mềm, mập xanh bóng, mọng nước, phân nhánh nhiều và có rễ ở phía sát đất. Lá mọc đối dạng trái xoan rộng ở đầu, kéo dài thành mũi, gốc thuôn hẹp, có cuống dài làm thành bẹ. Phiến lá màu xanh bóng, có nhiều đốm trắng dọc theo các gân bên, mép hơi khía răng tù và nổi rõ gân gốc.

Cụm hoa trên cuống chung dài bằng lá, hình cầu. Hoa nhỏ bé màu trắng (Ảnh 87).

Cây được gây trồng dễ dàng bằng các đoạn thân có rễ và mọc khỏe, chóng phân nhánh, cho lá xếp dày đặc. Cây làm cảnh đẹp do lá xếp gần như trên một mặt phẳng áp sát đất, nên có thể bò phủ lên các hòn đá hay che kín bờ tường thấp trong nhà (cây chịu bóng một phần).

III.C.55. CÂY MĂNG TÂY

Asparagus, Asperge

***Asparagus officinalis* L.**

Họ Lá măng (Asparagaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Âu. Cây có thân rễ sống dai, mọc dưới đất, sinh ra nhiều chồi hình trụ (gọi là măng) màu trắng, trên ngọn màu lục và mang nhiều lá vẩy hình tam giác, mặt dưới chồi có nhiều rễ nhỏ, dài. Mầm mọc cao thành các cành nhỏ cứng. Thân khí sinh của cây màu lục, hình trụ mang nhiều cành nhỏ biến đổi thành lá hình kim. Lá thật giảm và dễ rụng.

Hoa nhỏ màu xanh nhạt, hình chuông. Quả nhỏ bé tròn màu đỏ khi chín và mang 2 - 6 hạt đen.

Cây thường trồng lấy chồi làm rau ăn (nếu đầy đủ chất dinh dưỡng cây có thể sống đến 10 năm), và lấy diệp chi làm cây trang trí cho các hoa cảnh.

Trồng cây Măng tây khá công phu. Trồng bằng hạt hay bằng mầm. Trước khi gieo cần ngâm hạt 1 ngày đêm trong nước ấm hay nước vo gạo. Ở miền Bắc thường gieo vào mùa đông. Sau 1 năm có thể tách mầm để nhân giống thêm. Cần bón đầy đủ phân và để cây thật lớn mới thu hái măng (từ hạt, cây phải sau 4 năm mới cho măng lớn, còn từ mầm thì sau 2 năm). Cây con đem trồng cần cắt ngọn và xén bớt rễ, nếu không cây sẽ héo úa rồi chết. Cây mọc cao bao nhiêu thì vun đất vào gốc bấy nhiêu và cứ để cây mọc um tùm sau 1 - 2 năm rồi mới lấy măng. Do trồng lấy măng khó khăn nên hiện nay đa số các nhà vườn đều trồng lấy thân khí sinh làm cây trang trí cho các loại hoa. Cắt các đoạn thân dài 40 - 50 cm bó lại để bán.

III.C.56. CÂY MĂNG TÂY CÀNH

Emerald feather

***Asparagus sprengeri* Regel.**

Họ Lá măng (Asparagaceae)

Cây có thân và cành mềm buông xuống, có khi dài đến 1,5 m có gai màu lục, diệp chi thuôn dài 2 - 3 cm, mảnh xếp vòng trên cành. Hoa nhỏ bé màu trắng, hồng. Quả mọng đỏ, tròn.

Cây mọc khỏe làm thành bụi dày, có thể làm gây trồng ở các lối đi trong vườn, hay ở chậu. Cây chịu được bóng nên có thể bày cả chậu trong phòng. Có một vài chủng đẹp là :

III.C.56.a - Asparagus sprengeri Regel. var. *compactus* Hort.

Cây lùn

III.C.56.b - Asparagus sprengeri Regel. var. *variegatus* Hort.

Cây có lá vằn.

III.C.56.c - Asparagus sprengii Regel. var. *falcatoides* Hort.

Cây có lá rộng, lá kèm dạng lưỡi liềm.

III.C.57. CÂY MẪU TỬ (Lục thảo, Lan thủy tiên)

Sider plant, chlorophytum élevé

***Chlorophytum elatum* R. Br. (*Anthericum picturatum* Hort.; *A. vittatum* Hort; *A. williamsii* Hort.)**

Họ Tỏi rừng (*Asphodelaceae*)

Cây có nguồn gốc phân bố khá rộng rãi từ châu Phi nhiệt đới qua châu Mỹ nhiệt đới. Ngày nay, cây được gây trồng ở rất nhiều nước châu Á. Việt Nam đã gây trồng loại này từ lâu đời và trên khắp mọi miền đất nước.

Cây mọc thành bụi nhỏ, có dáng khá độc đáo, thường được gây trồng ở các chậu nhỏ có quang treo lơ lửng. Cây mọc khỏe, sống lâu năm do có thân chồi mập. Lá mọc sát đất, có nhiều chồi dạng thuôn. Phiến lá hẹp, dẹt, dài, thon dài cả hai đầu, màu xanh nhạt, bóng cong xuống. Cụm hoa dài, cuống chung cứng cong ra phía ngoài, mang hoa nhỏ và chồi mầm ở đỉnh. Chồi trưởng thành có đầy đủ lá, rễ. Khi hoa tàn cuống gãy, chồi rơi xuống đất sẽ mọc cho cây khác. Hoa nhỏ bé, màu trắng. Nhị vàng nổi rõ trên cánh hoa. Quả nang 3 cạnh, có nhiều hạt.

Cây dáng đặc sắc, gây trồng chủ yếu bằng tách bụi và chồi, cây rất được ưa chuộng làm cây trang trí. Tuy nhiên nhân dân ta ưa trồng một chủng đẹp hơn là :

III.C.57.a - Cholorophytum elatum R. Br. var. *variegatum* Hort.
(*Anthericum elatum* Ait.; *A. variegatum* Hort.)

Cây có nhiều rễ mập, màu trắng. Phiến lá màu xanh bóng, mép có viền trắng. Hoa nhỏ bé màu trắng, trên cuống chung dài, đỉnh có chồi mầm (Ảnh 88)

III.C.58. CÂY MINH TY RÀN (Vạn niên vạch)

Aglaonema changeante

(*Aglaonema marantifolium* Bl.

(*A. oblongifolium* Kth, *A. commutatum* Hort.,

A. marantifolium Bl. var. *commutatum* Schott.;

A. marantifolium var. *maculatum* Hook.)

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Mulucca, Xê - lép và Philippin. Cây được gây trồng rất rộng rãi làm cây cảnh, cây trang trí ở nhiều nước nhiệt đới.

Cây mọc thành bụi dày, sống lâu năm, thân cao 20 - 40 cm. Lá thuôn dài nhọn cả hai đầu, gốc có cuống dài, mở rộng ở đáy thành bẹ ôm thân. Phiến lá dày màu xanh đậm, có nhiều đốm vằn màu trắng dọc theo gân bên. Gân nổi rõ ở mặt dưới. Cụm hoa trên cuống chung dài, mang hoa ở đỉnh, ngoài có mo màu trắng nhỏ bao bọc. Quả mọng hình trái xoan dài 1 - 2 cm. (Ảnh 89).

Hiện nay các nhà làm vườn đã tạo ra nhiều dạng có lá đẹp bằng cách tăng tốc độ lớn của các đốm trắng trên mặt lá.

III.C.59. CÂY MINH TY SÓNG (Vạn niên bụi)

Pirak

Aglaonema costatum Veitch.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc ở Malaysia và các nước châu Á nhiệt đới khác (đảo Molluc) Cây được gây trồng rộng rãi để làm cảnh, do lá có màu sắc đẹp và dễ trồng.

Cây mọc thành bụi gần như không có thân, với thân rễ mập sống lâu năm. Lá mọc tập trung trên mặt đất, lớn, thuôn dài

đỉnh, mở rộng ở gốc và chia thùy hình tim. Cuống dài mảnh và mềm. Phiến lá màu xanh nhạt ở mặt dưới, màu xanh đậm ở mặt trên với các gân bên nổi rõ kéo dài, phần giữa các gân màu trắng. Cụm hoa là bông mo, thơm, có mo màu trắng, ngắn.

III.C.60. CÂY MINH TY TRẮNG (Vạn niên bạch, Minh ty lá dài)

Aglaonema pseudobracteatum Hort.

Họ Ráy (Araceae)

Cây mọc thành bụi, cao khoảng 30 - 50 cm, thân thẳng, màu trắng, có nhiều sẹo do vết lá rụng. Lá có phiến dạng trái xoan dài, thuôn nhọn ở đỉnh, gần tròn ở gốc và có cuống lá dài mở rộng ở gốc làm thành bẹ ôm thân. Lá có màu xanh đậm với các đốm lớn màu vàng hay trắng chiếm phần lớn diện tích. Cụm hoa trên cuống chung ngắn có mo màu trắng hơi xanh, bông mo màu vàng nhạt.

Quả một hạt. Cây trồng dễ dàng bằng chồi thân, hay tách bụi. (Ảnh 90).

III.C.61. CÂY MÔN ĐỐM (Môn lưỡng sắc, Môn trở)

Caladium du Brésil, Caladium bicolor

Caladium bicolor (Ait.) Vent. (*Arum bicolor* Ait.)

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ (Brazil, quần đảo Antil), và được gây trồng rộng rãi làm cảnh, đồng thời lai tạo ra rất nhiều dạng có màu sắc lá khác nhau, để tăng tính hấp dẫn của cây trang trí.

Cây có củ tròn ở gốc, từ đó mọc lên lá và cụm hoa. Lá hình khiên rộng, thuôn tù có mũi ở đỉnh, gốc chia thùy sâu dạng tim, tròn. Cuống lá dài gấp 3 - 7 lần phiến lá, mảnh cong và gốc có bẹ. Màu sắc lá rất hấp dẫn, phiến xanh có nhiều đốm đỏ, hồng, trắng xen lẫn nhau, lớn nhỏ không đều làm cho mặt lá khá rục rờ. Tùy theo màu sắc các đốm mà chia ra nhiều chủng và dạng khác nhau.

Cụm hoa dạng bông mo. Bông mập, ngắn hơn mo, cuống chung dài. Quả mọng màu trắng (Ảnh 91).

Cây trồng ở chậu trong vườn hay trong nhà đều thích hợp. Hiện nay có gây trồng vài chủng đẹp là :

III.C.61.a - Caladium bicolor Vent. var. *splendens* Engl.
(*C.roseum* Hort.)

Cây có lá màu xanh, mép xanh đậm, phần giữa có màu đỏ.

III.C.61.b - Caladium bicolor Vent. var. *wightii* Engl.
(*C. wightii* Hort.)

Cây cho lá màu xanh, mặt phiến có nhiều đốm trắng đỏ xen lẫn nhau.

III.C.61.c - Caladium bicolor Vent. var. *albomaculatum* Engl.
(*C. alfred* Bleu.)

Cây cho lá màu xanh nhạt, có nhiều đốm trắng ở giữa phiến.
Cụm hoa có mo màu đỏ.

III.C.62. CÂY MÔN ĐỐM BẠCH TẠNG

Caladium blanc pur

Caladium candidum Hort.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có củ ở gốc, cao đến 60 cm. Lá hình khiên, gốc chia thùy dạng tim, phiến hoàn toàn trắng, nổi rõ các gân màu xanh như vẽ.

Tất cả các loài và chủng Môn đốm kể trên đều mọc khỏe, dễ trồng và dễ nhánh nhiều. Cây trồng và nhân giống chủ yếu bằng các mảnh củ, hay tách bụi. Cây cần đất tơi xốp, đủ độ ẩm và màu sắc đậm.

III.C.63. CÂY MÔN THẠCH HỘC

Zamioculcas zamiifolia Engl.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Phi (Zanzibar). Cây thân cỏ, gốc có thân rễ lớn, thân khí sinh có gốc phủ dày thành củ dài trên mang lá xếp dạng lông chim : dày, bóng, màu xanh vàng rất đẹp. Cụm hoa dạng bông ngắn mọc ra nơi sát gốc, có mo nhỏ màu xanh.

Cây đẹp, trồng ở chậu nhỏ rất thích hợp.

III.C.64. CÂY MÔN TRƯỜNG SINH

Dumb - cane; *Dieffenbachia picta*

Dieffenbachia picta Schott.

(*D. brasiliensis* Veitch., *D. shuttleworthiana* Regel)

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, Colombia (Nam châu Mỹ), hiện nay được gây trồng rộng rãi trên toàn thế giới.

Cây có thân mập, tròn, cao 0,5 - 1 m, màu xanh bóng có nhiều sẹo ở gốc do lá rụng. Lá mọc dày ở phía đỉnh, dạng thuôn dài, đầu có mũi kéo dài, gốc tròn hay tù kéo xuống có cuống mập khía rãnh và có bẹ ôm lấy thân. Phiến lá mỏng màu xanh bóng, có gân lông chim mảnh và có nhiều đốm trắng, trắng vàng hay ánh bạc. Cụm hoa ở nách lá, cuống chung mập, ngắn hơn lá, ngoài hoa có mo bao bọc (Ảnh 92).

Cây rất đẹp do dạng lá với màu sắc các đốm, nên được ưa chuộng làm cảnh. Có vài chủng đẹp là :

III.C.64.a - *Dieffenbachia tachetée*

Dieffenbachia picta Schott. var. *Roehrsii* Hort.

Lá lớn hơn cả và phiến có màu vàng (nhất là các lá non) trừ gân giữa và mép lá ở các lá già, màu xanh dần mới chiếm ưu thế (Ảnh 93).

III.C.64.b - *Dieffenbachia de Bause*

Dieffenbachia picta Schott. var. *bausei* Engler.

(*D. bausei* Regel.) (*Dieffenbachia bausei* Hort.)

Lá có phiến màu trắng nhạt, mép màu xanh.

III.C.64.c - *Dieffenbachia mémoire de Corsi*

Dieffenbachia picta Schott. var. *memoria* Hort.

(*D. memoria corsi* Hort.)

Lá dày có đốm màu trắng xen với, màu ánh bạc lớn ra gần mép. Tất cả các loài Môn trường sinh đều được gây trồng dễ dàng bằng các đoạn thân bỏ dưới đất có rễ, cắt các đoạn thân, giâm sẽ cho chồi và rễ. Cây mọc khỏe, dễ trồng, làm cây trang trí rất đẹp cả ở ngoài vườn, trong chậu, dưới tán cây lẫn trong phòng.

III.C.65. CÂY MÔN TRƯỜNG SINH XANH

Dumb - cane; *Dieffenbachia agréable*

Dieffenbachia amoena Hort.

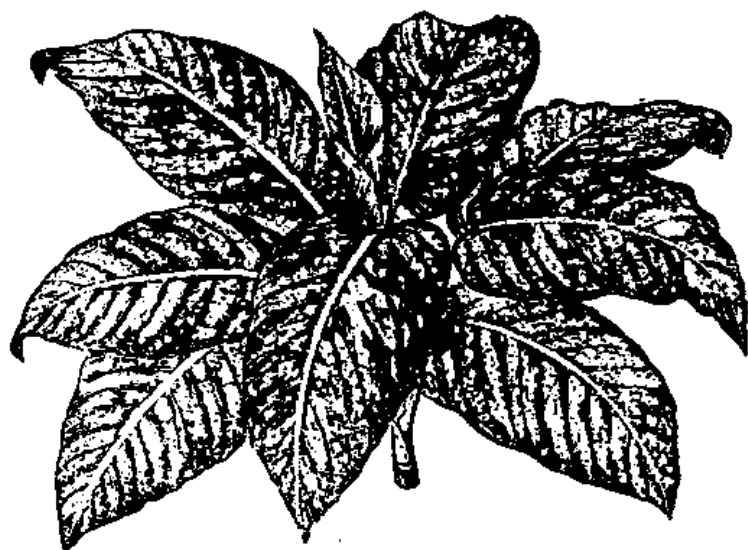
Họ Ráy (Areceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ nhiệt đới (Colombia)

Cây mọc bụi nhỏ sống lâu năm do phần thân rễ mọc trong đất. Thân hình trụ màu xanh bóng có sẹo ở gốc do lá rụng. Lá thuôn rộng, dài khoảng 30 cm, phình rộng ở giữa, thuôn cả hai đầu. Gốc kéo dài thành cuống có rãnh và có bẹ. Phiến lá mỏng màu xanh đậm với các vết dài màu vàng nhạt hay vàng xanh dọc theo gân bên, rất đều đặn làm cho lá như có bộ xương gân trắng.

Cụm hoa ở nách lá, hoa nhỏ xếp dày đặc thành bông ở đỉnh, ngoài có mo màu xanh bao bọc (hình 101)

Cây mọc khỏe, dễ trồng và chịu được hoàn cảnh khó khăn (thiếu ánh sáng) nên làm cây trang trí nội thất đẹp.



H.101. Môn trường sinh xanh - *Dieffenbachia amoena* Hort.

III.C.66. CÂY NGŨ SẮC DIỆP

Sanchezia noble

Sanchezia nobilis Hook.f.

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ecuador (Nam châu Mỹ), được gây trồng làm cảnh khá rộng rãi ở các tỉnh miền Trung nước ta.

Cây bụi, cao khoảng 1 - 1,5 m, thân non 4 cạnh, có đốt, màu trắng, nhẵn, phân nhánh nhiều. Lá thuôn hình giáo, nhọn ở đầu, thuôn ở gốc, dày, mép nguyên đều hay có răng tù, phiến lá mềm màu xanh bóng, trừ gân bên màu trắng, pha vàng nhạt làm thành một giải nhỏ và gân giữa màu đỏ, nhất là ở các lá non. Cụm hoa ở đỉnh cành dạng chùy với nhiều lá bắc màu đỏ rộng và dày xếp úp lên nhau như bông, trong mang hoa hình ống dài hơi cong màu vàng bóng như sáp. Quả nang 8 hạt (hình 102).



H.102. Ngũ sắc diệp -
Sanchezia nobilis Hook. f.

Cây có màu sắc lá đẹp hấp dẫn, trồng làm cảnh nơi công viên, vườn hoa rất thích hợp, thường được trồng ở chậu hay các bồn hoa lớn. Cây được gây trồng bằng giâm cành hay hạt. Chúng đẹp hơn cả là :

III.C.66.a. *Sanchezia nobilis* Hook. f. var. *glaucophylla* Lem.

Lá có vạch trắng hay vàng nhạt dọc theo gân.

III.C.67. CÂY NHUNG HOA (Cỏ xước đỏ)

Heef plant

***Iresine herbstii* Hook.f. (*Achyranthes verschaffeltii* Lem.)**

Họ Rau giền (Amaranthaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ, được gây trồng làm cảnh phổ biến ở vùng núi Nam Trung Bộ nước ta (Lâm Đồng, Đà Lạt). Cây thân cỏ cao khoảng 1 m, thân màu đỏ tím xẫm, nhẵn, phân cành ít. Lá mỏng, mọc đối, màu đỏ tím, nổi rõ các gân màu đỏ ở mặt trên, màu đỏ đậm ở mặt dưới. Lá thuôn rộng ở đỉnh và lõm như chia thùy. Cụm hoa thưa mang hoa nhỏ màu trắng, ngoài có lá bắc lớn dạng vẩy.

Cây được trồng làm cảnh do màu sắc của lá.

Có một chủng cho lá đẹp hơn là :

III.C.67.a - *Iresine herbstii* Hook. f. var. *aureo-reticulata* Hort.

Lá màu đỏ tím hay lam đỏ với các gân màu vàng.

Hiện nay ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long có gây trồng một loài khác là :

Cây Nhung hoa dài.

III.C.67.b - *Iresine linlenii* Van-Houtte (*Achyranthes acuminata* Hort.)

Cây có nguồn gốc từ Equador (Nam châu Mỹ) có thân đỏ tím xẫm, lá mọc đối, dạng thuôn dài, nhọn cả 2 đầu, màu đỏ xẫm. Cây trồng làm cảnh ở các bồn hoa rất đẹp.

III.C.68. CÂY Ô RÔ ĐỎ

***Pseuderantherum carruthersii* (Seem.) Guill. var. *atropurpureum* (Bull.) Fosb.**

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây gỗ nhỏ cao khoảng 1,5 m, nhưng thường được xén tỉa làm thành cây bụi thấp, trồng làm cảnh. Thân phân nhánh nhiều, nhẵn. Lá thuôn tròn, đầu lá kéo dài nhọn, gốc tù có cuống ngắn, màu đỏ bầm với các đốm nhạt, ít khi có màu vàng với các đốm đỏ.

Cụm hoa dạng chùm ở đỉnh, mang hoa màu trắng có trung tâm màu hồng và thùy cánh tràng có đốm vệt đỏ.

Do màu sắc đặc biệt của lá, nên thường được gây trồng dày đặc để khảm với các loài cây có màu lá khác, hay làm cây viền bồn hoa, dọc lối đi.

III.C.69. CÂY Ô RÔ SAO TÍM

Asystasia chelonoides Nees.

(*Pseuderanthemum gracilliflorum*)

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Srilanka...). Cây mọc bụi nhỏ cao khoảng 1 m, phân cành nhiều, dài. Lá mọc đối, thuôn bầu dục, màu xanh bóng. Cụm hoa ở đỉnh cành, thưa. Hoa màu tím, mép viền trắng, dạng ống chia thùy hình sao (phân biệt 2 môi) cây đẹp, trồng ở chậu nhỏ bày ở vườn hay trong nhà đều được.

III.C.70. CÂY Ô RÔ XANH

Pseuderanthemum crenulatum (Ldl.) R. Benoist

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây mọc hoang dại trong rừng ẩm. Cây thân cỏ, cao 50 cm. Lá mọc đối thuôn tù ở đầu, hẹp ở gốc thành cuống ngắn, phiến lá màu xanh bóng, mặt dưới lá nhạt hơn.

Cụm hoa dạng bông dài khoảng 10 cm, cho hoa to đẹp, màu tím nhạt với các đốm đỏ trên thùy tràng. Quả nang.

III.C.71. CÂY PHÁT TÀI (Phát dụ xanh)

Belgian evergreen

Dracaena sanderiana Sander forma *virescens* Hort.

Họ Bồng bồng (Dracaenaceae)

Cây được gây trồng rất phổ biến, nhất là được cắm trong các lọ nước để vừa làm cảnh, vừa là cho cây “phát tài” khi buôn bán. Cây mọc khỏe, xanh tươi quanh năm, cho rễ chùm lớn, sống lâu.

Cây mọc thành bụi, cao 1 - 1,5 m, nhưng thường cắt đoạn thân mang lá nên chỉ dài 36 - 50 cm, thân mảnh, đường kính khoảng 1 cm, có lông dài 10 - 15 cm. Lá thuôn hình giáo dài 10 - 20 cm màu xanh bóng, mềm, đầu lá thuôn nhọn uốn ra phía ngoài, gốc kéo dài thành bẹ mỏng ôm thân. Lá thường mọc tập trung ở đỉnh thân, và tỏa tròn đều.

Nếu trồng ở chậu có thể trồng thành bụi nhỏ, cây dễ nhánh mạnh, còn cắt đoạn cắm lọ mọc rễ khỏe có thể trồng lại ở đất. Sau một thời gian cắm lọ, lá xanh đậm già, thường bỏ đi thay các đoạn thân mới.

III.C.72. CÂY PHÁT TÀI SỘC (Phát dụ sọc)

Belgian evergreen, *Dracaena de Sander*

***Dracaena sandariana* Hort.**

Họ Bông bông (*Dracaenaceae*)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới (*Camerum*) và được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước để làm cảnh, làm cây trang trí.

Cây mọc bụi khá dày, cao đến 1 - 1,5 m và đường kính 1 cm, nhưng thường trồng bằng các đoạn thân nên trở thành cây lùn trồng ở các chậu. Lá mọc cách thường tập trung nhiều ở đoạn trên. Lá hình giáo, thuôn đều ở hai đầu, phình ở giữa phiến, đầu nhọn. Gốc lá kéo dài thành bẹ hẹp ôm thân. Phiến lá thẳng đứng hay hơi cong, mềm màu xanh bóng nhạt với các sọc hẹp màu trắng hay vàng nhạt dọc theo gân giữa cũng như có viền ở mép. (Ảnh 94)

Cây rất hiếm thấy có hoa, và gây trồng chủ yếu bằng cách tách các bụi hay đoạn thân.

III.C.73. CÂY PHÁT DỤ

***Dracaena deremensis* Engl. var. *warneckeii* Hort.**

Họ Bông bông (*Dracaenaceae*)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới, vì có lá đẹp nên trồng làm cảnh phổ biến ở nhiều nước.

Cây gỗ nhỏ, cao 3 - 5 m, chia nhánh lớn. Lá mọc tập trung ở đỉnh thân dạng thuôn hình giáo, dài 30 - 45 cm, rộng 4 - 5 cm đầu thuôn dài, hạp lại ở gốc thành cuống dẹt có bẹ ôm thân. Phiến màu xanh bóng, có sọc trắng ở giữa dọc theo gân chính. Mép lá màu xanh đậm, tiếp theo đó có hai dải dọc màu trắng bạc và ở giữa màu xanh xám.

Cụm hoa gần tròn mang hoa thưa. Hoa màu đỏ sẫm ở mặt ngoài, màu trắng ở trong.

Chủng đẹp hơn cả là :

III.C.73.a - Dracaena deremensis Engl. var. *bausei* Hort.

III.C.74. CÂY PHÁT DỤ HẸP (Bồng bồng)

Corn plant, dracaena

Dracaena angustifolia Roxb.

Họ Bồng bồng (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á và châu Phi nhiệt đới, nhưng được gây trồng khá rộng rãi làm cây cảnh ở trong chậu hay trong vườn trên nhiều nước nhiệt đới khác.

Cây thân gỗ nhỏ, dạng trụ, đường kính 3 - 4 cm, cao 1 - 3 m, thuôn đều có ngắn do sọc lá rụng để lại. Lá mọc tập trung ở đỉnh thân, dạng thuôn hẹp, mềm uốn cong màu xanh đậm, thuôn dài có mũi ở đỉnh, hẹp dần làm thành bẹ ở gốc.

Cụm hoa dạng chùy rộng, ở đỉnh thân, mọc thẳng đứng, mang nhiều hoa. Hoa màu vàng nhạt, lớn 2 cm. Quả hình cầu màu vàng hay đỏ, một hạt.

Cây dễ trồng bằng các chồi, nhánh hoặc các đoạn thân. Cây mọc khỏe, nhanh, chóng cho tán lá rộng, xanh quanh năm, làm cây trang trí ở vườn hay trồng ở chậu nơi hàng hiên.

III.C.75. CÂY PHÁT DỤ MÀNH

Madagascar dragon tree

Dracaena gracilis Wall. (*D. marginata*)

Họ Bồng bồng (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á nhiệt đới. Cây thân cột mảnh, cao 1 - 4 m, phân nhánh nhỏ, ít. Lá tập trung ở đỉnh, dạng thuôn hẹp, đầu nhọn, màu xanh bóng. Cụm hoa chùm có nhiều tán. Hoa nhỏ màu vàng nhạt. Chủng đẹp nhất là :

D. gracilis var. *tricolor* Hort. Lá có nhiều vạch dài màu vàng cam, chuyển dần sang xanh nhạt (Tiếng Anh là Rainbow tree).

III.C.76. CÂY PHÁT DỤ RỒNG (Huyết rồng)

Dragon tree, Dragon's blood

Dracaena draco L.

Họ Bông bông (Dracaenaceae)

Cây khai thác từ vùng núi đá, dọc bờ biển miền Trung, có dáng đồ sộ, đẹp, hấp dẫn nên được trồng làm cảnh gần đây. Cây có thể cao đến 20 m, mập, tròn, có nhiều sẹo lá rụng. Lá tập trung ở đỉnh, dày, mập, cứng, thuôn nhọn, màu xanh đậm bóng. Cụm hoa lớn, hoa nhỏ màu xanh nhạt. Quả màu đỏ.

Ở vùng nguyên sản (đảo Canary) chặt thân có nhựa đỏ. Cây vùng núi đá nước ta không có nhựa đỏ.

III.C.77. CÂY PHÁT DỤ TRÚC (Trúc nhật, Phát dụ dóm mờ)

Dracaena surculosa Lindl. var. *punctulata* Hort.

Họ Bông bông (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước miền Tây châu Phi nhiệt đới, nhưng dáng cây như các bụi trúc nhỏ Á châu, nên rất được ưa chuộng gây trồng làm cảnh ở chậu và trong vườn nhỏ.

Cây mọc thành bụi thưa, cao khoảng 1 m, thân mảnh dài, mềm mại phân nhánh ít, có lông dài do các sẹo do lá rụng hay có vẩy do lá thoái hóa. Lá mọc đối hay chụm ba xếp vòng quanh thân. Phiến lá rộng, hình bầu dục dài, mềm mại như lá tre, nhẵn bóng màu xanh nhạt hay xanh ô liu, với các đốm mờ tròn nhỏ màu xanh đậm rải rác, gân lá không nổi rõ, chỉ thấy 1 gân chính ở giữa, mép lá nguyên, thuôn dài cả hai đầu.

Cụm hoa trên cuống chung dài, thẳng mang hoa xếp tỏa tròn ở

đỉnh. Hoa nhỏ bé, dài, màu vàng nhạt hay trắng sữa, hẹp. Rất hiếm thấy quả.

Cây dễ trồng bằng cách tách bụi, giâm cành mọc khỏe, chịu được che bóng nên làm cây trang trí ở vườn hay trong nhà đều thích hợp.

III.C.78. CÂY PHÁT DỤ TRÚC LANG (Trúc nhật đốm)

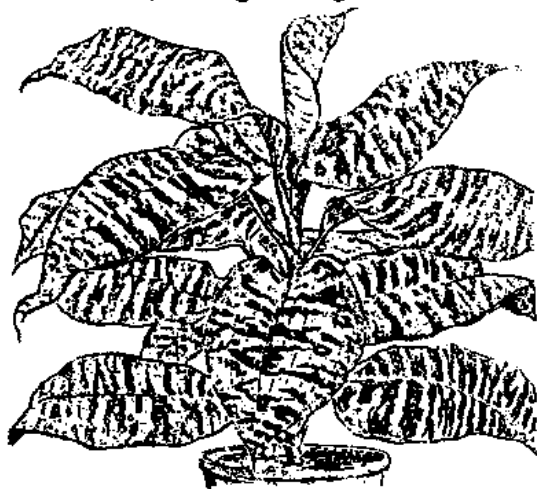
Gold dust dracaena, dracaena de godseff

Dracaena godseffiana Hort.

Họ Bồng bồng (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ Côngô (châu Phi) và được gây trồng làm cảnh ở nước ta từ khá lâu.

Cây mọc thành bụi như trúc sậy, cao khoảng 50 - 100 cm, phân chia nhánh nhỏ. Lá mọc đối hay vòng, thuôn tròn dài, trông như lá tre, nhưng mềm mại hơn và bóng hơn. Đầu lá thuôn có mũi, gốc có cuống rất ngắn gần như chỉ có bẹ nhỏ. Phiến màu xanh nhạt có nhiều đốm loang lỗ tròn màu trắng hay vàng nhạt (lá non càng loang lỗ nhiều). Cụm hoa chùm dài, cuống chung vươn ra cứng, mang hoa ở đỉnh. Hoa nhỏ, quả mọng tròn màu đỏ hay vàng. (Ảnh 95)



H.103. Phát dụ vân -
Dracaena goldieana Bull.

Cây trồng ở châu làm cảnh đẹp, trông như một bụi trúc, mảnh mai có lá đặc sắc xanh quanh năm. Cây chịu được che bóng nên có thể làm cây trang trí nội thất được. Cây được gây trồng chủ yếu bằng cách tách các bụi, hay giâm, các bụi nhỏ chóng đẻ nhánh cho chồi dài xanh bóng.

III.C.79. CÂY PHÁT DỤ VẦN

Dracaena de goldie

Dracaena goldieana Bull.

Họ Bồng bồng (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước ở bờ biển phía Tây của châu Phi nhiệt đới.

Cây có thân mềm, mọc thẳng đứng thành bụi cao đến 4 m (thường chỉ cao 1 m). Thân đơn, màu xanh đậm bóng. Lá mọc từ gốc thân, dạng trái xoan đầu nhọn kéo dài, gốc có phiến không đều, kéo dài thành cuống có bẹ ôm thân, mép lá răn reo, phiến mềm, trải rộng có nhiều vân răn rì ngang, màu lục nhạt hay trắng nhạt trên nền lá xanh, bóng. Cụm hoa dạng chùy tròn mang hoa sát nhau, dày đặc. Hoa lớn màu trắng thơm và lâu tàn. Quả mọng màu da cam (Hình 103)

Cây trang trí trong nhà rất phù hợp.

III.C.80. CÂY PHU LỆ BÒ (Lá lệch đá, Thổ yên hoa)

Pellionia de daveau

Pellionia repens (Lour.) Merr.

(*P. daveauana* N.E. Br.; *Begonia daveauana* Carr.)

Họ Gai (Urticaceae)

Cây có nguồn gốc ở Việt Nam (Nam Bộ) Mianma và Trung Hoa, do dạng lá đặc sắc nên được gây trồng làm cảnh ở hòn non bộ hay các chậu cảnh. Cây mọc tự nhiên ở vùng núi cao ẩm và núi đá vôi.

Cây thân cỏ mọc bò, nhẵn. Thân dày nạc gần như mọng nước, có đốt và có rễ ở các nơi tiếp xúc với đất. Thân phân nhánh nhiều. Lá mọc cách, dày, chẵn, dạng trái xoan thuôn hay hình giáo bầu dục, gốc chia thùy dạng tim không đối xứng, thuôn nhọn ở đỉnh, mép khía răng tù, màu đỏ nhạt hay tím ở giữa. Gốc phiến nổi rõ 4 gân mảnh, uốn cong.

Cụm hoa cái dạng lông ngắn ở nách lá, màu đỏ nhạt (Ảnh 96)

Cây chủ yếu trang trí bằng màu sắc và vân trên lá

Hiện nay còn trồng làm cảnh 1 chủng là :

III.C.80.a - *Pellionia rapens* (Lour.) Merr. var. *viridis* N.E.Br.

Cây tuy to lớn, mập mập hơn, lá rộng hơn, nhưng ít đẹp vì phiến lá chỉ có một màu xanh bóng, không có đốm.

III.C.81. CÂY PHU LỆ ĐẸP

Pellionia gracieux

***Pellionia pulchra* N.E.Br.**

Họ Gai (Urticaceae)

Cây mọc hoang dại trong các rừng ẩm nước ta, chủ yếu ở các tỉnh miền Nam.

Cây thân cỏ mọc bò, mập, phân cành nhánh nhiều và gốc đốt có rễ. Lá thuôn bầu dục, tròn ở đỉnh, lệch ở gốc, mặt trên màu xanh bóng, nổi rõ các gân có các vạch màu xanh đậm, có lông. Mặt dưới lá màu tím nhạt, và các gân lá cũng có màu đỏ đậm hơn.

Với dáng bò đẹp và lá có vân nên làm cây trồng ở chậu hay ở các hòn non bộ rất phù hợp. Nhân giống bằng các đoạn cành có rễ hay bằng hạt (ít phổ biến).

III.C.82. CÂY RÁY CẢNH (Ráy bụi)

Egyptian onion

***Alocasia macrorrhiza* (L.) G.Don**

(*Caladium odoratum* Lindl.; *Colocasia odorata* Brongn.)

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Srilanka). Cây có thân rễ mập và cả cây cao từ 0,5 - 1,5 m. Lá rất lớn hình thuôn mũi mác, màu xanh bóng, nhẵn, mép hơi gợn sóng. Cuống lá mập có khi dài đến 1 m. Lá xếp dày đặc, xòe rộng.

Cụm hoa trên cuống chung mập, mọc thẳng. Mo hoa có phần ống hình trứng thon, bên và phần phiến phía trên màu lục hay vàng lục, hơi uốn cong, chóng rụng. Quả mọng hình trứng ngắn (Hình 104).

Cây mọc khỏe, dễ trồng, xanh quanh năm, gây trồng ở vườn, dọc theo bờ tường hay trồng ở chậu rất thích hợp. Cây trồng chủ yếu bằng các đoạn thân rễ, mọc nhanh, chóng thành bụi dày.

III.C.83. CÂY RÁY XẼ

Alocasia de Sander

Alocasia sanderiana W. Bull.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ các quần đảo vùng Viễn đông châu Á. Hiện được gây trồng làm cảnh, vì có dáng cây rất đặc biệt. Ở Việt Nam, cây được trồng ở các tỉnh miền Nam.

Cây có thân rễ mập, lá mọc tập trung ở sát mặt đất. Lá lớn, chia thùy dạng lông chim, các thùy tròn đều, xếp tỏa ra khá đẹp. Lá dài đến 30 cm. Phiến lá dày, bóng mềm, màu xanh bóng, trừ các gân lá và viền theo mép có màu trắng hay xanh nhạt, mặt dưới lá màu đỏ thẫm. Cuống lá cứng, thẳng đứng mảnh, màu xanh đậm có các vạch mờ.



H.104. Ráy cảnh – *Alocasia macrorrhiza* G.Don

Cây quý hiếm, có thể nhân giống bằng cách tách các chồi từ thân rễ, cây làm cảnh đẹp, cần phát triển làm cây trồng ở chậu và trang trí trong phòng. Có thể trồng bằng một đoạn thân rễ.

III.C.84. CÂY SẮN VẦN

Variegated sweet Potato

Manihot esculenta Crantz. var. *variegata* Hort.

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ (Brazil). Cây có củ trong đất. Thân mọc thẳng cao 1 - 2 m. Lá xẻ thùy chân vịt sâu (5 - 8

thùy) màu xanh bóng có vân đốm màu trắng ngà dọc theo gân cuống dài màu đỏ. Cụm hoa chùm thưa, hoa nhỏ màu vàng, đơn tính trần. Bầu 3 ô. Quả nang có gai.

Cây trồng làm cảnh ở các bồn cỏ được.

III.C.85. CÂY SONG DỊ

False aralia, Fingerleaf aralia, Elegant aralia.

***Dizygotheca elegantissima* Vig. et Guill.**

Họ Ngũ gia bì (Araliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Tân Calédoni. Cây bụi, hóa gỗ ở gốc, phân cành nhiều (nơi nguyên sản cao đến 8 m) mềm, dài. Lá kép chân vịt, 7 - 9 lá phụ dạng hẹp, dài, mép có răng thưa, màu nâu tím đậm, cụm hoa tán, hoa nhỏ.

Cây trồng cho lá đẹp, làm cảnh ở chậu rất thích hợp.

III.C.86. CÂY TAI TƯỢNG TRỐ

Copper- leaf, Ricinelle de wilkes, Fire dragon plant,

Jacob's coat, Beefsteak plant

***Acalypha wilkesiana* Muell- Arg**

(*A. tricolor* Hort. ex Seem.).

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Tân Hêbrit (châu Phi) và các đảo Thái Bình Dương, được gây trồng rất rộng rãi làm cảnh, vì cây mọc khỏe, lá có nhiều dạng màu sắc khác nhau (các chủng).

Cây mọc thành bụi thấp, cao khoảng 1 m, phân cành nhánh nhiều, mọc thẳng đứng, mang lá đều đặn hay tập trung ở đầu cành.

Lá dạng trái xoan mở rộng, nhọn đầu, màu xanh đồng với mép có vạch đỏ, hay màu hồng đậm (tùy theo các chủng khác nhau).

Cụm hoa là bông mang hoa thưa, ngắn hơn lá. Hoa cái nằm trong một lá bắc lớn dạng nón, mép khía răng. Rất hiếm thấy quả (Ảnh 97).

Cây mọc khỏe, phân cành nhánh mập và lá luôn luôn xanh. Cây ưa sáng nên thường được trồng nơi thoáng ngoài vườn hay công viên rộng. Nhân giống chủ yếu bằng giâm cành. Nếu đầy đủ độ ẩm

và đất tơi xốp, chồi và rễ nảy ra rất sớm, cây chóng trưởng thành. Hiện nay ở nước ta có một số chủng đẹp được gây trồng là:

III.C.86a. Cây Tai tượng trở to

Ricinella à grandes feuilles

Acalypha wilkesiana Muell.- Arg. var. *macrophylla* Bail.

(*A. macrophylla* Humb. et Bonpl.)

Lá lớn, hình trái xoan, gốc hình tim đầu nhọn, mép lá khía răng cưa, màu đỏ nâu với các vạch màu hồng tươi hay đỏ da cam.

III.C.86b. Cây Tai tượng trở xoan

Ricinella à grandes feuilles obovales

Acalypha wilkesiana Muell.- Arg. var. *obovata* Hort. (*A. obovata* Benth.)

Lá hình trái xoan rộng, tròn ở gốc, màu xanh bóng (ô liu), khi non có mép màu vàng nhạt, khi già có màu ô liu nhạt với mép màu đỏ sẫm.

III.C.86c. Cây Tai tượng trở tim

Ricinella de Macafée

Acalypha wilkesiana Muell.- Arg. var. *macafeana* Hort.

(*A. macafeana*)

Lá dạng bầu dục, gốc chia thùy hình tim, nhọn đầu, mép có răng hay chia thùy không đều màu đỏ đồng, với các vân màu đỏ tía.

III.C.86d. Cây Tai tượng trở xanh

Ricinella mosaïque

Acalypha wilkesiana Muell.- Arg. var. *macafeana* Hort.

Lá màu xanh đồng, với các đốm vạch màu cam hay đỏ.

III.C.86e. Cây Tai tượng trở mép

Acalypha wilkesiana Muell.- Arg. var. *marginata* Hort.

Lá lớn, màu nâu ô liu, mép màu đỏ sẫm.

III.C.86g. Cây Tai tượng trở đốm

Ricine la triomphante

Acalypha wilkesiana Muell.- Arg. var. *triumphans* Hort.

(*A. triumphans* Lindl. et Rod.)

Cây có nguồn gốc ở đảo Salômôn. Lá to dạng túi, nhọn đều, mép có răng, nhiều đốm nâu đỏ, đỏ thẫm, lục, với gân lá màu lục nhạt.

III.C.87. CÂY TAI VOI

Chirita eberhardtii Pellegrin

Họ Tai voi (Gesneriaceae)

Cây mọc hoang dại ở vùng núi đá vôi miền Trung nước ta, nhưng do có dạng thân, lá khá đặc sắc nên thường được gây trồng làm cảnh trên các hòn non bộ ở khắp nước ta.

Cây thân cỏ ngắn cao khoảng 10 cm, có lông dày. Lá mọc cách, hình bầu dục, mép lượn sóng, gân nổi rõ, có 3 - 4 đôi, có lông cả hai mặt. Cuống có lông.

Cụm hoa gồm nhiều xim thưa, mang ít hoa, khoảng 12 chiếc. Hoa màu trắng có vạch tím hay xanh lơ. Quả nang hẹp, dài 3 cm. Hạt hình thoi màu nâu.

Cây có dáng lá và hoa đẹp, nên thường thu hoạch tự nhiên đem về trồng. Cây có thể gây giống bằng tách bụi hay bằng hạt.

Cây mọc khỏe ưa ẩm mát, có thể chịu được che bóng, rất thích hợp với vùng núi đá, làm cây trang trí trong phòng được.

III.C.88. CÂY THÀI LÀI TÍA (Hồng trai)

Cockroach grass, Wandering Jew, Zebrina, Misère,
Ephémère zébrée

Tradescantia zebrina Bosse (*Zebrina pendula* Schnizl.;
Cyanotis vittata Lindl.; *Commelina zebrina* Hort.)

Họ Thài lài (Commelinaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil (Nam châu Mỹ), lá có màu sắc đẹp và mọc khỏe nên được trồng làm cây cảnh rất phổ biến ở khắp các nước trên thế giới.

Cây thân cỏ, mọc bò dài và dựng đứng ở đầu, phân cành nhánh nhiều, mảnh, mang rễ ở các đốt sát đất và có lông trắng ở gần các đốt. Lá mọc cách, hơi xa nhau, dạng trái xoan nhọn đầu, phiến trên màu xanh có sọc màu trắng bóng và xanh đậm ở chính giữa dọc theo gân chính và ở mép. Mặt dưới màu đỏ tía. Cụm hoa ở ngọn

cành dạng chùm ngắn. Hoa nhỏ, không cuống thường xếp 4 chiếc ở giữa 2 lá ngọn màu hồng tía. Quả nang nhiều hạt (Hình 105).

Cây dễ gây trồng bằng các đoạn cành có rễ, mọc nhanh chóng phủ kín mặt đất. Có thể trồng thành bãi hay trong các chậu treo cao để cành dài thông xuống hay trên các tầng đá non bộ.

III.C.89. CÂY THÀI LÀI TÍM (Trai đỏ)

Purple tradescantia .

Tradescantia pallida (Roxb.) Hunt.

(*Setcreasia purpurea* B.K.Boom.)

Họ Thài lài (Commelinaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Mêhicô).

Cây mọc bò dài, phân cành ngắn cong hay thẳng đứng. Thân mảnh, dài màu tía có sọc xanh. Lá đơn, mọc cách, phiến dày, dạng trái xoan dài, thuôn cả hai đầu màu đỏ ở mặt dưới, màu tím tươi ở mặt trên, mép lá có lông dày và gân nổi rõ ở mặt dưới. Cụm hoa rất ngắn ở ngọn cành, ngay trong bẹ các lá ở đỉnh. Hoa lại nằm trong hai lá bắc lớn. Hoa nhỏ, màu đỏ thắm pha tím, ít hấp dẫn nhưng làm cành bằng lá tươi quanh năm. Rất hiếm thấy quả (Ảnh 98).

Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng các đoạn cành có rễ, chóng đẻ nhánh và lan kín mặt đất.



H.105. Thài lài tía –
Zebrina pendula Schn.

III.C.90. CÂY THÍCH TÍM

Red cutleaf japanese maple.

Acer palmatum L. var. *atropurpureum*

Họ Thích (Aceraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á phương Bắc (Nhật Bản, Triều Tiên). Cây gỗ nhỏ dạng bụi cao khoảng 8 m (nơi nguyên sản) lá mềm, mọc đối, chia 5 - 9 thùy chân vịt, màu đỏ tía hay tím hồng, rụng lá theo mùa. Lá đẹp. Hoa màu tím. Cây thường gây trồng cắt xén làm thành Bonsai phổ biến ở Nhật Bản. Nước ta mới nhập trồng bằng giâm cành. Quả có cánh.

III.C.91. CÂY THIÊN MÔN ĐÔNG (Tút thiên nhon)

Asparagus acerosus Roxb.

Họ Lá măng (Asparagaceae)

Cây bụi nhỏ, có cành nhánh mềm sống dựa, cao đến 1 - 3 m. Các nhánh mọc cách, nhẵn, màu vàng, có gai thẳng. Diệp chi dính 3 - 6 chiếc ở một chỗ, có 3 cạnh và hình mũi dùi ở đỉnh, dài đến 3 cm. Lá nhỏ dạng sợi.

Hoa tập trung thành chùm, mọc ra ở nách các nhánh con. Hoa màu trắng, rất thơm. Quả mọng có 1 hạt hình trứng, nhẵn.

Cây cho hoa nở vào mùa hè nên được ưa chuộng gây trồng làm cảnh, và lấy rễ củ làm thuốc. Ngoài ra cây còn mọc hoang dại ở các tỉnh miền Trung và miền Nam. Tuy nhiên do cành lá màu xanh bóng, lâu tàn nên vẫn thường dùng cây để trang trí ở vườn hay trong nhà.

III.C.92. CÂY THIẾT MỘC LAN (Phất dụ thơm)

Cornstalk- Plant, *Dracaena odorant*

Dracaena fragrans (L.) Ker- Gawl.

(*Aletris fragrans* L.; *Sansevieria fragrans* Jacq.)

Họ Bồng bồng (Dracaenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới, và được gây trồng làm cảnh rộng rãi trên thế giới, vì cây có dáng đẹp, lá đặc sắc.

Cây có thân hình cột, cao khoảng 3 - 5 m, đường kính 3 - 4 cm, nhưng thường chỉ để mọc cao 1 - 2 m làm cảnh, thân rất ít khi phân nhánh (trừ khi trồng ở vườn rộng và sống lâu năm). Lá hình giải giáo, mọc tập trung ở đỉnh, đầu thường cong xuống, gốc hẹp dần thành bẹ, màu xanh bóng. Cụm hoa là chùm dài, uốn cong ra ngoài đám lá. Hoa lớn màu trắng nhạt hay vàng nhạt, thơm, mọc sát nhau ở các điểm như tán giả. Quả mọng, màu đỏ.

Cây trồng làm cảnh-trong các chậu, ưa đất tốt, nhiều nắng, nhưng cũng có thể chịu được nơi đất xấu và che bóng một chút, do đó làm cây trang trí trong phòng được. Hiện nay thường gây trồng các chủng sau:

III.C.92a. *Dracaena fragrans* (L.) Ker.- Gawl. var. *lindenii* Hort.
(*Dracaena fragrans* (L.) Ker.- Gawl. var. *variegata* Hort.)

Lá màu xanh bóng, điểm 3 - 5 sọc vàng nhạt hay có 1 sọc giữa lớn hơn cả, chạy dọc theo gân chính và hai sọc ở mép.

III.C.92b. *Dracaena fragrans* (L.) Ker.- Gawl. var. *massangeana* Hort. (*Dracaena massangeana* Hort.)

Lá màu xanh đậm, có một sọc lõm màu vàng ngà ở giữa và một vài mảnh song song màu vàng (Ảnh 99).

Tất cả các chủng và loài Thiết mộc lan đều mọc khỏe, xanh tươi quanh năm và được gây trồng bằng cách giâm các khúc thân. Các đoạn thân rất chóng cho ra rễ và chồi mang lá trên các chồi ngủ nơi nách lá rụng. Các đoạn thân ngắn (dài 10 - 20 cm) có thể trồng ở chậu nhỏ hay trong chậu nước, cây vẫn mọc khỏe và lá xanh tươi do đó cây được trồng rất phổ biến làm cây trang trí ở các bàn làm việc hay bàn trà trong nhà.

III.C.93. CÂY TI LIỄU (Thùy ti liễu, Liễu bách)

Salt cedar, Tamarisk tree

Tamarix indica Wall. (*T. chinensis* Lour.)

Họ Ti liễu (Tamaricaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc. Cây gỗ nhỏ hay hơi nhỏ, phân cành nhiều, mảnh, màu nâu hơi đỏ. Lá rất nhỏ, hình vẩy xếp lợp

lên nhau như lá dạng từng bách, màu xanh bóng làm cho cả cành già có màu xanh. Cành dài, mềm, vươn cao hay buông rủ.

Cụm hoa là chùy dài gồm nhiều bông dày đặc. Lá bắc mảnh như sợi chỉ nhọn đầu. Hoa nhỏ bé (Ảnh 100).

Cây có dáng đẹp, mềm mại, xanh quanh năm nên rất được ưa chuộng trồng làm cảnh nơi bồn hoa hay trong chậu.

III.C.94. CÂY TI LIỄU RỬ (Liễu bách rủ)

Tamarix pallassii Desv. (*T. pentandra* Pall.)

Họ Ti liễu (Tamaricaceae)

Cây gỗ nhỏ, cành non màu hơi đỏ, mềm ít khi thẳng, thường nghiêng hay rủ xuống như cành liễu. Lá hình vẩy nhỏ, ôm lấy một phần nửa cành.

Cụm hoa hình chùy thưa, gồm nhiều bông mang hoa xếp dày đặc. Hoa nhỏ bé.

Cây được trồng làm cảnh khá phổ biến nơi vườn hoa, công viên hay trồng trong chậu lớn, làm cây uốn thế, cây ở hòn non bộ.

III.C.95. CÂY TÍA TÔ CẢNH (Tía tô tây, Cẩn cảnh)

Coleus de blume, Guillouk, Painted Nettle

Coleus blumei Benth. (*C. verochaffeltii* Lem.;

C. scutelerioides Benth. var. *blumei* Miq.).

Họ Hoa môi (Lamiaceae)

Cây có nguồn gốc ở Java và các đảo của Indonêsi-a, nay được gây trồng làm cảnh trên toàn thế giới.

Cây có thân cỏ, vuông góc rõ rệt, mọc thẳng đứng thành bụi dày, cao khoảng 35 - 60 cm. Thân phân nhiều nhánh. Lá mọc đối dày, hình trứng ngược mép khía răng, mặt trên lá màu tía có mép viền màu lục, hay lá có màu đỏ tím, mép có viền lớn màu vàng tươi. Viền không đều nhau, chỗ lớn chỗ nhỏ theo khía răng. Cứng lá dài, mảnh màu đậm như lá.

Cụm hoa ở ngọn cành, dạng xim đơn mang các đốm có các vòng hoa xếp dày. Lá bắc màu tím sẫm rụng. Hoa nhỏ, có cuống ngắn. Cánh tràng hợp thành ống dài gầy khúc, trên mở rộng chia 2 môi (Ảnh 101).

Cây mọc khỏe, chịu được nóng, trái nắng, cho lá rục rờ, Cây được gây trồng chủ yếu bằng hạt. Cây chóng lớn lá nhiều che phủ đất trồng.

Hiện nay các nhà vườn đã tạo ra nhiều màu sắc khác nhau trên mặt lá. Sơ bộ có thể kể:

III.C.95a. *Coleus Marie Bocher*

Toàn bộ cây và lá có màu vàng lục nhạt.

III.C.95b. *Coleus Marie Guillot*

Lá có màu đỏ sẫm bóng ở giữa, mép lá màu xanh bóng.

III.C.95c. *Coleus President Druez*

Lá có màu tím đậm gần như đen, nổi rõ những vạch vân đỏ tươi.

III.C.95d. *Coleus triomphe du Luxembourg*

Lá lớn màu đỏ nhạt ở giữa, mép lá màu vàng xanh nổi lên các hạt màu nâu.

III.C.95e. *Coleus verdier*

Lá mở rộng màu vàng có đốm đỏ, mép màu vàng tươi.

III.C.95g. *Coleus verschaffelti*

Lá răn reo, màu tím nâu có mép màu lục vàng nhạt.

III.C.95.h. *Coleus Queen victoria* : Lá màu nâu tươi ở giữa, mép màu vàng.

III.C.96. CÂY TÍA TÔ MẬP

Coleus à port de scutellaire

***Coleus scutellarioides* Benth. (*Ocimum scutellarioides* L.; *Plectranthus nudiflorus* Willd.)**

Họ Hoa môi (Lamiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ. Cây khỏe, mập, phân nhánh ngay

từ gốc. Lá hình bầu dục thuôn, kéo dài mũi ở đỉnh, tròn ở gốc, có cuống lá, mép khía răng cưa. Mặt trên lá màu xanh xám, mặt dưới màu nâu. Cụm hoa dạng xim đơn dài, hoa mọc vòng đều đặn, màu xanh, có vệt trắng. Cây làm cảnh, trang trí cho các bồn hoa hay trồng khảm với các loài cho lá có màu khác.

III.C.97. CÂY TÍA TÔ TÍM

Perilla

***Perilla frutescens* (L.) Britton (*Ocimum frutescens* L.;
P. ocymoides L.; *Mentha perilloides* Willd.)**

Họ Hoa môi (Lamiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Trung Quốc, do màu sắc đẹp của lá mà được gây trồng rộng rãi làm cây cảnh.

Cây thân cỏ, cao 0,5 - 1,5 cm. Thân vuông, mọc đứng, phân nhánh nhiều. Lá mọc đối hình trái xoan nhọn, hai mặt đều màu tím bóng nhẵn, óng ánh bạc, gân lá mảnh nổi rõ, mép khía răng cưa đều mảnh. Lá xếp chéo chữ thập sát nhau nên trông để phủ đất làm nền cho các loài cây có hoa đẹp khác rất thích hợp.

Cụm hoa ở đầu cành và kẽ lá. Hoa nhỏ màu trắng xếp rất sát nhau làm cho cụm hoa gần tròn. Quả bế bốn, hình cầu, màu nâu tím.

Cây trồng rất dễ dàng bằng hạt, hay các đoạn cành có rễ nơi tiếp xúc với đất. Cây mọc khỏe, cho lá sát nhau, dày đặc. Để làm cảnh, thường chọn mấy chủng có lá màu sắc đẹp là :

III.C.97.a. *Perilla frutescens* Brit. var. *nankinensis* Bailey

Lá lớn, mỏng, màu tím pha sáng hay nâu đỏ bóng, óng ánh bạc, gân rất mảnh có lông.

III.C.97.b. *Perilla frutescens* Brit. var. *variegata* Bailey

Lá màu tím hay nâu với các vạch đốm màu trắng rất đẹp.

III.C.97.c. *Perilla frutescens* Brit. var. *laciniata* Bailey

Lá xẻ thùy sâu đến gần giữa phiến, rần reo.

III.C.98. CÂY TRÓC BẠC

African evergreen

***Syngonium podophyllum* Schott. var.**

***"imperial white"* Hort.**

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Mehico, Costa-Rica (châu Mỹ). Cây mọc thẳng, rồi buông thõng xuống, dài, mềm, thân có đốt và rễ phụ. Lá hình tim sâu, mũi nhọn. Gân rõ màu trắng nổi bật trên phiến màu xanh bóng. Cuống lá dài mềm uốn cong. Cụm hoa dạng bông dày có mo.

Cây có dáng đẹp, mềm mại, thường trồng ở các giỏ có quang treo cao. Ngoài ra còn gây trồng loại Tróc bạc ba - *Syngonium wendlandii* với lá có 3 lá nhỏ, gân trắng sắc sảo.

III.C.99. CÂY TƯỚC KIM CHI

Jerusalem thorn, Mexican palo verde

***Parkinsonia aculeata* L.**

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Mỹ nhiệt đới đến đảo Cape Verde. Cây gỗ nhỏ cao 3 - 4 m có gai lớn. Lá kép lông chim. Lá phụ dạng sợi. Cụm hoa dài 20 cm, hoa màu vàng. Quả hình trụ dài.

III.C.100. CÂY VẠN NIÊN THANH (Trầu bà)

Pothos doré

***Scindapsus aureus* (Lind. et And.) Engl. (*Pothos aureus* Lind. et And.; *P. aureo - maculata* Hort).**

***Epipremnum pinnatum* (L.) Engl. *W. aureum* Nichols.**

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Salômôn (Thái Bình Dương) và được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi trên nhiều nước nhiệt đới khác. Ở Việt Nam cây được trồng hầu hết ở các gia đình từ Bắc vào Nam, làm cây trang trí nội thất phổ biến. Cây khi sống trong đất ẩm thì cho lá to, dày bóng, khi trồng trong nước thì cho lá hẹp lại, cành trắng ra và vươn dài (trong điều kiện ít ánh sáng).

Cây thân cỏ, leo dài, thân tròn mập, mềm có nhiều rễ mọc khí sinh, bò dài, hoặc buông thõng xuống trong không khí. Cây phân cành nhánh nhiều và dài. Lá đơn, dạng trái xoan rộng, gốc hình tim, đầu thuôn nhọn. Phiến lá dày, bóng màu xanh đậm có đốm vàng không đều hay lá có màu vàng lục, gân lá nổi rõ, lâu héo.



Cụm hoa có cuống ngắn. Mo hình lông thuyền, trục hoa dày, mập, dài bằng mo. (Hình 106).

H.106. Vạn niên thanh –
Scindapsus aureus Engl.

Cây rất dễ gây trồng bằng các đoạn cành và mọc khỏe trong đất cũng như trong nước. Cây chịu được bóng che, nên làm cây trang trí nội thất rất phù hợp. Chúng có lá đẹp hơn là :

III.C.100.a. Scindapsus aureus Engl. var. *marble* - Queen Hort.

Lá màu vàng ánh bạc rất đẹp, các đốm bạc rộng hơn và loang lổ hơn. Cây mọc khỏe, thân mập, trồng ở đất hay cắm trong nước đều cho lá xanh tươi.

III.C.101. CÂY VÀNG BẠC (Ngọc điệp)

Caricature plant, *Graptophyllum* des jardins

Graptophyllum hortense Nees

(*Justicia picta* L.; *J. caragana* Newman)

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ và các nước Đông nam châu Á.

Cây bụi nhỏ, mọc thẳng đứng, cao khoảng 1 - 1,5 m. Lá mọc đối nguyên mập, tròn, không lông, dạng thuôn bầu dục. Phiến lá màu xanh bóng với các vạch màu vàng loang lổ theo các gân rất đẹp. Gân lá nổi rõ, nhẵn bóng.

Cụm hoa mọc ở đầu cành hay nách lá, mang nhiều hoa màu trắng với các đốm màu đỏ tía hay gần như đỏ tía. Quả nang có vòi nhụy dài còn lại ở đỉnh và cánh dài ở gốc. (Hình 107).

Cây làm cảnh vừa bằng màu sắc ở lá vừa cho hoa đẹp, nên rất được ưa chuộng trong các bồn hoa nơi công viên hay trong vườn.

Cây mọc khỏe, ưa khí hậu ẩm mát, nhiều nắng. Cây trồng chủ yếu bằng hạt.

Hiện nay các nhà làm vườn đã tạo ra nhiều chủng có màu sắc lá và hoa đẹp để làm cảnh. Sơ bộ có thể kể :



H.107. Vàng bạc – *Graptophyllum hortense* Nees

III.C.101.a. *Graptophyllum hortense* Nees, var. *atro-sanguineum* Hort. (*Justicia picta* L. var. *lurido-sanguinea* Hort.)

Lá màu đỏ nhạt với các vân màu đỏ tía.

III.C.101.b. *Graptophyllum hortense* Nees, var. *versicolor* Hort.

Lá màu đồng có các vạch ở gân màu vàng.

III.C.101.c. *Graptophyllum hortense* Nees, var. *album* Hort.

Lá màu xanh có các đốm vàng nhạt hay trắng.

III.C.101.d. *Graptophyllum hortense* Nees, var. *viride* Hassk.

Lá màu xanh với các vân màu xanh đậm. Hoa màu đỏ sậm.

IV. NHÓM CÂY CÓ HOA LÀM CẢNH

IV.A. NHÓM CÂY THÂN CỎ

IV.A.1. CÂY BÁCH NHẬT (Nở ngày)

Globe Amaranth; Bachelor's button, Amaratoide

Gomphrena globosa Linn.

Họ Rau giền (Amaranthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, và các nước châu Á nhiệt đới. Cây được trồng rộng rãi ở các bãi cỏ, bồn hoa, trong chậu rộng để làm cây vừa phủ đất vừa cho hoa đẹp. Cây thân cỏ, phân cành nhiều, thẳng đứng, có đốt phình rộng, thân và lá có lông trắng. Lá mọc đối dạng trái xoan hay bầu dục, kéo dài thành cuống, gốc có bẹ, mặt dưới lá nhiều lông. Cụm hoa hình đầu tròn hay tròn dài, màu tím đậm, hay đỏ, trắng. Quả mở nắp có 1 hạt. (Ảnh 102).

Cây dễ trồng, không đòi hỏi đất đai tốt, nhưng cần đầy đủ ánh sáng và thoáng gió. Cây trồng bằng hạt, gieo sau 5 - 6 ngày, hạt nảy mầm. Cây con đưa thẳng ra vườn hoa, trồng cách nhau 40 x 50 cm. Cần vun cao gốc để cây không bị đổ. Sau khi trồng 70 ngày, cây nở hoa. Cây cho hoa vụ hè thu, nên chịu được khô, nóng.

Hiện nay, có nhiều chủng cho hoa có màu sắc khác nhau, nếu trồng xen nhau trong bồn, thì rất đẹp :

IV.A.1.a. *Gomphrena globosa* L. var. *alba* Hort. - Cây có hoa màu trắng.

IV.A.1.b. *Gomphrena globosa* L. var. *aurea* Hort. - Cây có hoa màu vàng kim.

IV.A.1.c. *Gomphrena globosa* L. var. *purpurea* Hort. - Cây có hoa màu tím đỏ.

IV.A.1.d. *Gomphrena globosa* L. var. *violacea* Hort. - Cây có hoa màu tím than.

IV.A.2. CÂY BẠCH PHIẾN (Vị hoa trắng)

Spathiphyllum patinii N.E.Br. (*S. candidum* N.E.Br.)

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc ở Colombia (Nam châu Mỹ) được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây mọc thành bụi, cao khoảng nửa thước, lá dạng thuôn rộng có cuống dài dạng bẹ làm thành thân giả ngắn ở gốc. Lá màu xanh bóng, mặt dưới màu nhạt hơn, nổi rõ các gân mảnh xa nhau. Cụm hoa có 1 mo thẳng, màu trắng ở mặt trong, màu xanh ở mặt ngoài. Cụm mang hoa dày, nạc, thẳng màu vàng nhạt dài 5 - 10 cm. Quả mọng. (Ảnh 103)

Cây có mo đẹp, làm cảnh rất thích hợp ở chậu. Hoa nở gần như quanh năm.

IV.A.3. CÂY BẠCH TRINH

Spider Lily; *Hymenocallis remarquable*

***Hymenocallis speciosa* Salisb.**

(*Pancratium speciosum* Salisb.)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ Tây Ấn Độ, được gây trồng rộng rãi ở các vườn hoa hay trong các chậu lớn. Cây thân cỏ có củ lớn, hình cầu, đường kính 4 - 10 cm. Lá nhiều, xếp dày đặc sát gốc dạng thuôn hình giáo, dài 50 cm, màu xanh bóng, sáng. Cụm hoa trên cuống chung mập, ngắn hơn lá, nhẵn, mang 10 - 15 hoa. Hoa lớn hình ống dài màu trắng, rất thơm, có cuống ngắn, gốc có lá bắc dạng mo. Quả nang.

Cây trồng chủ yếu bằng củ, mọc khỏe, dễ trồng và cho hoa gần như quanh năm (tập trung chủ yếu vào mùa mưa). Chúng được trồng làm cảnh đẹp là :

IV.A.3.a. *Hymenocallis speciosa* Salisb. var. *angustifolia* Worsley.
Lá thuôn hẹp và thưa hơn, do đó trồng ở chậu rất thích hợp.

IV.A.4. CÂY BẠCH TRINH BIỂN (Bạch trinh mỹ)

Sea Daffodil

***Hymenocallis americana* Roem.**

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, thân cỏ sống lâu năm do có củ lớn. Lá mọc sát đất, nhiều, dày đặc, dạng thuôn dài, màu xanh

bóng, nhẵn. Cụm hoa trên cuống chung mập, xanh bóng, dài 60 - 70 cm. Hoa tập trung ở đỉnh, gốc có lá bắc dạng mo, mỏng, mềm. Hoa lớn dạng ống dài, trên chia 6 thùy hẹp, dài, màu trắng thơm, chỉ nhị xanh. Quả nang. (Ảnh 104)

IV.A.5. CÂY BÁN HẠ ĐỎ (Môn cộng đỏ)

Homalomena rougeatre

***Homalonema pendula* (Bl.) Hook. f. (*H. rubra* Hassk.; *H. rubescens* Kth.; *H. singaporensis* Rgl.; *Calla rubens* Roxb.; *Zantedeschia rubens* C. Koth.)**

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Java, và các nước châu Á nhiệt đới. Cây có dáng lá và màu sắc đẹp nên được trồng ở chậu làm cây cảnh. Cây có thân rất ngắn, nên lá lớn gần như mọc sát đất. Lá có cuống màu đỏ tía, dài 30 - 35 cm, phiến rộng dạng tim tròn ở gốc, đầu thuôn đều, dài, màu xanh pha tím ở mặt trên, màu đỏ tía ở mặt dưới. Cụm hoa nạc, có mo màu đỏ đậm. Cây rất dễ trồng bằng tách bụi và đoạn thân rễ ngầm. Cây có lá xanh quanh năm và chịu được bóng, nên làm cây trang trí trong nhà. (Hình 108).



H.108. Bán hạ đỏ -
Homalonema pendula Hook.f.

IV.A.6. CÂY BÂNG KHUÂNG

***Angelonia salicariaefolia* Humb. et Bonpl.**

Họ Hoa mõm sói (Scrophulariaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ, được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Cây thân cỏ sống lâu năm, cao đến 1 - 1,5 m. Lá có lông thưa, dính. Lá không cuống, gần thẳng góc với thân, hình giáo hay bầu dục thuôn dài, mép khía răng thưa,

phiến lá lông dày. Hoa trung bình, màu xanh lam đậm, trừ phần môi màu trắng. Cánh tràng lớn hợp thành ống cong trên chia 2 môi, môi trên 2 thùy, môi dưới 3 thùy rộng. Quả nang (Ảnh 105).

Cây cho hoa đẹp, nở đều quanh năm, rất thích hợp cho vùng khí hậu ẩm, mát nước ta. Cây trồng chủ yếu bằng hạt, và trồng thành các thảm, trong các bồn hoa lớn làm cây ven lối đi, đôi khi cắt cành.

IV.A.7. CÂY BẤT TỬ (Bất tuyệt, Cúc bất tử)

Immortelle, Everlasting

Helichrysum bracteatum (Vent.) Andr.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc ở Australia, được gây trồng rộng rãi ở các tỉnh miền Bắc và vùng núi cao miền Nam. Cây thân cỏ sống hàng năm, cao khoảng 0,5 – 1 m, đôi khi phân nhánh, thẳng đứng nhẵn. Lá không cuống, dạng thuôn hình giáo, thu hẹp ở gốc, màu xanh mềm. Cụm hoa hình đầu ở đỉnh thân, cành, đường kính 3 – 6 cm, ngoài có nhiều lá bắc dạng vảy, cứng, khi khô không héo và giữ được màu sắc (vàng, hồng, tím) bền. Hoa bên trong hoàn toàn hình ống màu vàng nhạt hay hơi hồng (Ảnh 106).

Cây trồng chủ yếu bằng hạt, ươm gieo như các loại hoa Cúc một năm khác. Hiện nay các nhà vườn tạo ra được nhiều chủng có cụm hoa màu sắc khác nhau, nếu trồng xen kẽ nhau hay xếp chung vào một bó, cắm lọ rất đẹp.

IV.A.7.a. *Helichrysum bracteatum* Andr. var. *album* Hort.

Cây có cụm hoa hoàn toàn trắng.

IV.A.7.b. *Helichrysum bracteatum* Andr. var. *bicolor* Hort.

Cây có cụm hoa màu đỏ.

IV.A.7.c. *Helichrysum bracteatum* Andr. var. *atrococcineum* Hort.

Cây có cụm hoa màu đỏ thắm.

IV.A.7.d. *Helichrysum bracteatum* Andr. var. *floro-pleno* Hort.

(*H. monstrosus* Hort.) Cây có cụm hoa dày, nhiều lớp.

Lá bắc ở ngoài.

IV.A.8. CÂY BÊ BÊ

Chalk flower, Baby's breath.

***Gypsophila paniculata* L.**

Họ Cẩm chướng (Caryophyllaceae)

Cây có nguồn gốc phân bố rộng, từ châu Âu đến châu Á. Cây thân cỏ sống 1 - 2 năm, cao khoảng 1 m, phân nhiều cành mảnh, dài. Lá hẹp, nhưng hoa rất nhiều (có hàng trăm hoa trên một gốc). Hoa nhỏ màu trắng, đẹp, bền, cắt cắm lọ lâu tàn.

Chúng đẹp hơn cả là :

Gypsophila paniculata var. *flora-pleno* Hort. (Double baby's breath). Hoa có cánh kép, màu trắng.

IV.A.9. CÂY BÓNG NƯỚC (Móc tai, Nắc nê)

Garden Balsam; Balsamine

***Impatiens balsamina* L. (*Balsamina hortensis* DC.)**

Họ Bóng nước (Balsaminaceae)

Cây có nguồn gốc khá rộng rãi, từ vùng nhiệt đới và á nhiệt đới châu Á : Ấn Độ, Trung Quốc, Malaysia... Cây thân cỏ mập, sống hàng năm, mọc thẳng đứng, phân cành nhánh nhiều. Lá hình giáo hẹp, thuôn nhọn đầu, cuống có tuyến. Cụm hoa mang 1 - 4 hoa ở nách lá. Hoa lớn, màu trắng, hồng hay đỏ tím. Cánh đài dưới có móng dài, cánh tràng lớn, hợp lại ở gốc, trên chia thùy tròn, hai cánh bên tròn rộng, cánh môi nhỏ. Quả nang có lông, khi khô bị va chạm vỡ ra nhiều mảnh, bắn hạt đi xa. Hạt màu nâu, gần tròn (Ảnh 107).

Hiện nay, có nhiều chủng có hình dạng và màu sắc hoa khác nhau :

IV.A.9.a. *Impatiens balsamina* L. var. *vulgaris* Hook. f. - Lá hình giáo hẹp. Hoa lớn có cựa ngắn.

IV.A.9.b. *Impatiens balsamina* L. var. *coccinea* Hook. f. Lá hình giáo hẹp. Hoa trung bình có cựa dài và thon, mảnh.

IV.A.9.c. *Impatiens balsamina* L. var. *micrantha* Hook. f. Lá hình trái xoan. Hoa nhỏ có cựa dài và thon, mảnh.

Đặc biệt: *Impatiens balsamina* L. var. *rosea plena* Hort. Hoa có cánh kép, màu hồng.

Tất cả đều gây trồng bằng hạt. Hạt gieo sau 5 ngày đã nảy mầm. Sau 20 ngày đem trồng ở vườn hoa hay trong chậu. Cây dễ chăm sóc, ít đòi hỏi đất tốt, chỉ cần đủ ánh sáng. Sau 80 ngày, cây nở hoa, và mùa hoa dài 2 - 3 tháng. Thu hái quả chín khi chưa già (vì vỏ dễ vỡ), 1 g hạt có 100 - 120 hạt. Phơi nắng nhẹ 2 - 3 ngày rồi bảo quản.

IV.A.10. CÂY BÓNG NƯỚC ĐỎ

Sultana, Rose impatiens

***Impatiens sultanii* Hook. f. (*I. walleriana*)**

Họ Bóng nước (Balsaminaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới (Zangibar) cho hoa lớn đẹp, nên được gây trồng ở các tỉnh miền Nam nước ta. (Đà Lạt).

Cây thân cỏ, mọng nước, cao đến 50 cm, màu xanh bóng. Lá hình trái xoan rộng, nhẵn, mép có răng tròn. Cuống lá dài, màu trắng nhạt. Hoa lớn trên cuống dài 5 - 6 cm. Cánh hoa xòe rộng, phẳng màu hồng đậm với đốm lớn màu đỏ tươi ở giữa, gốc có móng cài cong. Hoa nở quanh năm (Hình 109).



H.109. Bóng nước đỏ - *Impatiens sultanii* Hook.f.

Cây ươm gieo bằng hạt ở vườn ươm sau đó bứng đem trồng ở chậu hay giỏ có quang treo. Cây ưa sáng, cần đủ nước và đủ phân tro.

IV.A.11. CÂY BỔ OANH

Browallia americana L. (*B. demissa* L.)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ, gây trồng làm cảnh ở vùng núi cao nước ta (Đà Lạt, Sapa). Cây thân cỏ, mảnh có lông mềm. Lá thuôn gần bầu dục, mọc cách. Hoa dạng ống, rộng ở đỉnh, màu tím xanh với một vạch trắng ở các cánh. Quả có đài bao kín.

Cây mọc khỏe gần như hoang dại.

IV.A.12. CÂY BÔNG TAI (Ngô thi)

Milkweed, Silkweed, Blood flower.

Asclepias curassavica Linn.

Họ Thiên lý (Asclepiadaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước trên thế giới. Ở Việt Nam cây được trồng chủ yếu ở các tỉnh miền Bắc và vùng cao nguyên Trung Bộ. Cây thân cỏ, sống lâu năm, cao 0,4 - 1 m, phân cành nhánh thưa, thẳng, nhẵn. Lá mọc đối có cuống ngắn, thuôn hình giáo, đầu nhọn, gốc thon. Cụm hoa dạng tán ở ngọn thân, mang 6 - 12 hoa màu đỏ vàng, hay vàng ở giữa, nâu ở xung quanh. Cánh tràng hợp thành ống ngắn, trên chia 5 thùy sâu, màu đỏ, có tràng phụ màu vàng, dạng thùy quần dính vào cột nhụy. Quả đại xếp một đôi, thuôn, dài. Hạt có mào lông. (Hình 110).



H.110. Bông tai -
Asclepias curassavica L.

IV.A.13. CÂY BÔNG TAI GAI

Club fruit, Faux cotonnier

Gomphocarpus fruticosus (L.) R. Br.

Họ Thiên lý (Asclepiadaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung châu Mỹ. Cây thân cỏ cao 1 - 1,5 m, phân cành ít. Lá mọc đối, dạng thuôn hẹp, nhọn đầu. Cụm hoa ở nách lá. Hoa mọc cong xuống màu vàng. Nhị và cánh tràng phụ làm thành trụ lớn. Quả gần tròn có gai.

Cây đẹp, làm cảnh vào dịp Tết Nguyên đán ở các tỉnh phía Nam.

IV.A.14. CÂY BÚP LỆ (Bọ chó cánh)

Buddleia davidii Franch

Họ Bọ chó (Buddleiaceae).

Cây gỗ nhỏ, cao 2 - 3 m, có lông dày. Lá hình trái xoan, dài 10 cm, rộng 4,5 cm, mặt trên màu nâu đậm, mặt dưới như nhung nâu, mép có răng nhọn. Cụm hoa bông dài 10 cm. Hoa nhỏ xếp sát nhau, màu tím nhạt, cánh hoa dạng ống cao 1 cm. Quả nang mở 2 mảnh.

Cây trồng làm cảnh ở trong vườn rất thích hợp.

Có thể nhập trồng loài *Buddleia crispa* (Curly butterfly bush) trồng làm cảnh, hoa màu tím nhạt, thơm.

IV.A.15. CÂY CÀ GAI

Prickly-poppy

Argemone mexicana Linn. (*A. speciosa* Hort.)

Họ Thuốc phiện (Papaveraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, nay mọc hoang dại khá phổ biến ở các tỉnh đồng bằng từ Bắc đến vùng núi Nam Trung Bộ của nước ta.

Cây thân cỏ, cao khoảng 0,30 - 0,40 m, thân và lá có nhiều gai. Thân mềm màu xanh bóng, phân cành nhánh thưa. Lá mọc cách có phiến lá xẻ sâu không đều, mép khía răng cưa sâu nhọn kéo dài

thành gai, gân lá màu trắng.

Hoa lớn mọc ở đầu thân, thường nở chiếc một, màu vàng tươi xếp tỏa tròn đều, nổi bật đầu nhụy màu đỏ ở giữa. Quả nang có gai.

Cây tuy mọc dại, nhưng có thể gây trồng ở các bồn hoa làm cây trang trí trong vườn, ven lối đi. Hoa nở gần quanh năm. Cây dễ trồng bằng hạt.

Có thể nhập để gây trồng một chủng cho hoa đẹp hơn :

IV.A.15.a. Argemone mexicana L. var. ochroleuca Lindl.

Hoa màu vàng nhạt.

IV.A.16. CÂY CÀ HOA (Pê-tun, Hoa muống)

Common Garden Petunia, Petunia

***Petunia hybrida* Vilmor.**

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước miền Nam châu Mỹ, hiện nay được gây trồng rộng rãi ở các bãi cỏ, vườn hoa, khắp nước ta. Ở miền Bắc, hoa nở vào dịp hè thu, còn ở miền Nam, hoa nở vào dịp Tết. Cây thân cỏ, sống hàng năm, mềm, phủ đầy lông dính, phân ít cành nhánh. Lá mọc cách, hình trái xoan, thuôn đều, mép răn reo, mềm, màu xanh bóng. Hoa lớn, thường đơn độc ở các nách lá. Một thân có thể cho nhiều hoa nở cùng một lúc, và có nhiều màu khác nhau, từ trắng, hồng đến tím, đỏ hay loang lổ các màu trên cùng một hoa. Cánh đài hợp ở gốc, thường còn lại ở quả. Cánh tràng hợp thành ống, loe rộng ra ở đỉnh, dạng loa kèn, mềm, nổi rõ các gân thùy. Quả nang 2 mảnh, nhiều hạt (Ảnh 108).

Cây dễ trồng bằng hạt hay giâm cành ngọn. Cần làm đất kỹ và đủ nắng (càng trái nắng, hoa càng nở nhiều). Hạt gieo sau 4 - 6 ngày đã cho cây con. Sau 20 ngày đem cấy ở vườn ươm. Ươm ở vườn từ 20 - 25 ngày nữa thì đem trồng ở vườn hoa. Đất trồng cần đủ phân. Còn cành giâm, sau 20 ngày đã có rễ. Sau 1 tháng bứng trồng nơi cố định. Cây chóng cho hoa, nhưng nở rộ và chóng tàn, quả cần thu hoạch kịp thời. (1 g hạt có 10.000 - 12.000 hạt).

Đây là một taxon lai mà tổ tiên có từ nhiều loài khác nhau của chi *Petunia*, ví như *P. axillaris* BSP. (Large white *Petunia*) hoa dạng

ống hẹp, màu trắng, hoặc *P. violacea* Lindl. (Violet-flowered Petunia) hoa dạng ống dài, thùy rộng, màu tím. Ngày nay các nhà vườn từ loài lai này còn cho ra các dạng hoa kép hay cánh hoa xòe ngón rất đẹp.

IV.A.17. CÂY CẨM CHƯỞNG

Clove Pink; Picotee Grenadine, Carnation; Oeillet

Dianthus caryophyllus Linn.

Họ Cẩm chướng (Caryophyllaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng Trung cận đông, được gây trồng rất rộng rãi ở châu Âu và phát triển ra nhiều nước ở châu Á, châu Mỹ. Cây thân cỏ, mọc thành bụi nhỏ, hơi bò dài và thẳng đứng ở ngọn, nhẵn, có đốt ngắn, hơi phình rộng chỗ mọc lá. Lá dày, dài hẹp, nhẵn, đầu nhọn, góc thành bẹ không cuống. Hoa đơn độc hay chỉ có 1 vài hoa thành xim ngắn, gốc có tổng bao gồm 4 lá bắc. Hoa lớn có nhiều màu khác nhau, từ trắng, hồng đến tím, thơm. Quả nang hình trụ có 4 mảnh vỏ. Hạt dẹt nhỏ, 1 g có 500 - 506 hạt.

Hiện nay các nhà vườn trên thế giới đã tạo ra hàng trăm chủng có màu sắc hoa khác nhau, và đã thành lập các hội của các nhà trồng cẩm chướng (Ảnh 109).

Cây trồng chủ yếu bằng hạt (đôi khi giâm ngọn). Đất gieo cần làm kỹ, gieo thưa, phủ lên hạt đất mùn mỏng, tưới nước đầy đủ hàng ngày. Sau 1 tuần đã có cây con. Sau 1 tháng, nhổ cấy ở vườn ươm. Sau 1 tháng đem trồng ở chậu hay vườn hoa. Sau khi ươm thì 4 tháng có hoa. Cây sau 2 tháng có thể cắt ngọn để giâm. (Sau 5 - 6 ngày cắt 1 lứa). Sau 25 ngày đã có rễ.

IV.A.18. CÂY CẨM CHƯỞNG NHUNG

Sweet william; Oeillet des poetes

Dianthus barbatus Linn.

Họ Cẩm chướng (Caryophyllaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Trung cận đông, nay được gây trồng rộng rãi trên toàn thế giới. Cây thân cỏ, nhẵn, có 4 cạnh,

đơn hay phân nhánh ở đỉnh. Lá thuôn dài, hẹp, không có cuống, có bẹ ngắn ôm thân, mọc đối làm thành u lồi ở thân. Cụm hoa ở đỉnh, dạng chùm dày gần hình cầu mang nhiều hoa sát nhau. Hoa nhỏ màu sắc thay đổi, từ màu trắng, hồng, đỏ, tím và các màu sắc khác (các dạng lai và các chủng khác nhau có cánh hoa đơn hay kép). Cây trồng bằng hạt. Mỗi cây cho 4 - 5 lứa hoa, cần bón phân và chăm sóc kỹ, chùm hoa mới có nhiều hoa.

IV.A.19. CÂY CẨM CHUỐNG TÀU (Cẩm chướng gấm)

Dianthus chinensis Linn. (*D. sinensis* Hort.)

Họ Cẩm chướng (Caryophyllaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc và Nhật Bản. Cây mọc thành bụi nhỏ, nhẵn, thân hóa gỗ và hơi cong ở gốc, thẳng ở ngọn, có lông thưa. Lá dài và hẹp, thuôn nhọn ở đỉnh, rộng ở gốc thành bẹ. Cụm hoa ít hoa hay chỉ 1 hoa đơn độc, màu tím nhạt hay tím hồng, có lông dài ở gốc. (Hình 111).

Cây sống 2 năm, nở hoa nhiều lần, quả có hạt nhỏ, 1 g hạt có 900 - 1000 hạt. Cây trồng chủ yếu bằng hạt. Sau 3 - 5 ngày gieo, hạt nảy mầm. Sau 20 ngày nhổ và đem cấy ở vườn ươm. Sau 1 tháng ở vườn ươm thì bứng trồng ở chậu. Cần bón đủ phân, nước cây sau 4 tháng (110 - 120 ngày) sẽ có hoa.

Hiện nay, các nhà vườn đã lai tạo ra nhiều chủng, dạng đẹp, nhưng gây trồng phổ biến nhất là :



H.111. Cẩm chướng tàu - *Dianthus chinensis* L.

IV.A.19.a. *Dianthus chinensis* L. var. *macrosepalus* Franch. Hoa màu đỏ tươi có đốm ở gốc.

IV.A.20. CÂY CHÂN CHIM (Hoa la lét)

Pied d'Alouette; Dauphinelle

Delphinium ajacis Linn.

Họ Mao lương (Ranunculaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng Địa trung hải và viễn đông, nay được gây trồng làm cảnh ở vườn hay cắt cành cắm lọ rất phổ biến. Cây thân cỏ, sống hàng năm, ít phân nhánh, cao dưới 1m, mảnh, màu xanh. Lá mọc cách, phiến xẻ thành thùy hẹp dạng chân vịt sâu, nhọn. Cụm hoa dạng chùy ở đầu thân, cành. Hoa không đều có màu sắc thay đổi từ trắng lục, xanh, hồng, đến tím. Cánh dài kéo dài thành cựa rộng ra phía sau. Quả đại nhiều hạt. (Hình 112)

Cây trồng làm cảnh bằng hạt, cần xử lý trước khi gieo bằng cách ngâm hạt trong nước nóng 50°C trong 2 giờ, sau đó rửa nước lã, để ráo nước, rồi ủ bằng cách vun đống. Rửa chua. Làm nhiều lần khi hạt nứt rỗ mầm thì đem gieo. Đất gieo làm kỹ. Sau 1 tháng đem bứng trồng ở vườn hay ở chậu. Cần bón phân và đủ nước vì cây chịu hạn kém, nhưng chịu rét khỏe (trồng chủ yếu ở miền Bắc và vùng núi cao Nam Trung Bộ).



H.112. Chân chim -
Delphinium ajacis L.

Hiện nay các nhà vườn tạo ra nhiều chủng khác nhau.

IV.A.20.a. *Delphinium ajacis* Linn. var. *hyacinthiflorum* Hort.

IV.A.20.b. *Delphinium ajacis* Linn. var. *majus* Hort.

IV.A.20.c. *Delphinium ajacis* Linn. var. *minus* Hort.

IV.A.20.d. *Delphinium ajacis* Linn. var. *ranunculiflorum* Hort.

IV.A.21. CÂY CHÂN CHIM LỚN (Phi yến)

Delphinium consolida Linn. (*Consolida arvensis* Opiz.)

Họ Mao lương (Ranunculaceae)

Cây rất giống cây trên. Cụm hoa mang ít hoa hơn, xếp thưa. Hoa có cuống ngắn hơn lá bắc, cánh hoa màu trắng, xanh hay tím. Có một chủng đẹp là :

IV.A.21.a. *Delphinium consolida* L. var. *imperialis* Hort. Hoa có cánh kép.

IV.A.22. CÂY CHUA ME ĐẤT

Surelle

Oxalis repens Thunb.

(*O. corniculata* Auct. non L., *O. pusilla* Salisb.)

Họ Chua me đất (Oxalidaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Âu, nhưng phân bố rất rộng, có mặt ở hầu hết trên các nước. cây mọc hoang dại nơi bãi cỏ, đất trống khắp miền nước ta. Cây thân cỏ, bò dài, sống lâu năm, mọc khỏe, che phủ kín đất, phần mọc thẳng đứng chỉ cao 5 - 7 cm. Lá có cuống dài, mảnh, mềm, trên có phiến rộng chia thành 3 lá nhỏ hình tim, màu xanh bóng, 3 gân gốc và mép có lông. Lá non cúp lại và khi đầy đủ ánh sáng thì xòe rộng. Cụm hoa cũng trên cuống chung dài, mang 1 - 2 hoa. Hoa lớn màu vàng trên cánh dài màu xanh. Quả nang có lông, khi chín bắn hạt ra khá xa. Hạt màu đen, bóng.

Cây mọc rất phổ biến. Để làm cảnh thường chọn chủng.

IV.A.22.a. *Oxalis repens* Thunb. var. *atropurpurea* Planch.

(*O. tropaeoloides* Schlecht.).

Cây cho hoa tập trung thành tán nhỏ, hoa nhỏ màu vàng.

IV.A.23. CÂY CHUA ME ĐẤT HOA ĐỎ

Oxalis rosea Jacq.

Họ Chua me đất (Oxalidaceae)

Cây có nguồn gốc từ Chi lê (Nam châu Mỹ), có thân mọc thẳng. Lá thưa, cuống ngắn. Hoa tập trung thành chùm thưa, cuống dài. Hoa có cánh tràng xòe rộng màu hồng đỏ với các vân màu đậm.

IV.A.24. CÂY CHUA ME ĐẤT HOA HỒNG

Oxalis maritiana Zucc.

(*O. urbica* St. Hil.; *O. floribunda* Lehm.)

Họ Chua me đất (Oxalidaceae)

Cây có nguồn gốc từ các vùng châu Mỹ nhiệt đới, thân bò dài, có lông, và có củ. Lá có cuống dài 30 cm, lá phụ có đốm sần màu vàng cam ở mép và mặt dưới. Cụm hoa dạng tán, mang hoa màu hồng có sọc.

IV.A.25. CÂY CHUA ME ĐẤT LÁ TÍM (Bướm đêm)

Fire fern.

Oxalis hedysavoides var *rubra* Hort.

Họ Chua me đất (Oxalidaceae)

Cây có nguồn gốc từ Colombia, Venezuela, Ecuador (châu Mỹ)

Cây thân cỏ nhỏ, mọc sát đất, bò dài. Lá có cuống dài, mảnh, phiến chia 3 thùy dạng tim ngược, rộng, màu tím đậm, nổi rõ các gân màu nhạt. Lá đẹp, chịu bóng được. Cụm hoa có 1 - 2 hoa trên cuống mảnh. Hoa lớn màu trắng pha tím ở gốc, dạng ống loe ở đỉnh. Quả nang.

Cây dễ trồng, làm cảnh ở chậu bầy trong nhà thích hợp.

IV.A.26. CÂY CHUỐI HOA

Indian Shot; Balisier

Canna indica Linn.

(*C. patens* Roscoe; *C. crocea* Hort.; *C. coccinea* Link.)

Họ Chuối hoa (Cannaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Trung và Nam châu Mỹ, nay được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở hầu hết các nước nhiệt đới. Cây

thân cỏ, có thân rễ ngầm, mọc bò dài phân nhánh, hàng năm nảy chồi cho các thân mới, mọc thẳng đứng cao từ 1 - 2 m. Lá to, mọc cách, dạng thuôn dài, màu xanh bóng, gân giữa to, gân phụ song song. Cụm hoa ở kẽ một mo chung, gần tròn, màu xanh, mang ít hoa lớn, xếp sát nhau. Hoa không đều, nhiều cánh lớn, có màu sắc sỡ. Quả nang có nhiều gai mềm, hạt nhiều, màu đen.

Cây có hoa gần như quanh năm, được gây trồng làm cảnh ở các bồn hoa trong công viên, vì cây dễ trồng bằng các đoạn thân rễ, mọc khỏe, chịu được khô nóng và trái nắng.

IV.A.27. CÂY CHUỐI HOA LAI (Ngái hoa)

Indian Shot, Balisier

Canna hybrida Hort.

Họ Chuối hoa (Cannaceae)

Cây được tạo thành do lai giữa nhiều loài khác nhau. Cây thân cỏ cao khoảng 1 - 1,5 m gốc có thân rễ bò dài. Lá rộng màu xanh bóng hay màu đỏ. Cụm hoa ở ngọn mang hoa lớn xếp sát nhau. Cánh dài và cánh tràng nhỏ, nhưng nhị lép biến thành các cánh hoa lớn. màu sắc thay đổi từ vàng đến đỏ, từ một màu đến điểm thêm các đốm đậm. Quả, nang có nhiều hạt hình cầu. (Ảnh 110)

Cây có hoa gần quanh năm, tập trung chủ yếu vào mùa khô. Cây trồng bằng thân rễ tách ra khỏi bụi lớn. Cây dễ trồng, mọc khỏe cần đất tơi xốp và đủ nắng. Cây rất thích hợp ở các vườn cây, bồn hoa lớn. Có thể trồng bụi lớn sát nhau thành các bức tường hoa, thấp, ven lối đi.

IV.A.28. CÂY CỎ ROİ NGỰA CẢNH (Mã tiên bồng)

Garden verbena

Verbena incisa Hook.

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ : Brazil, Paraguay, Arhentina, và được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước nhiệt đới. Cây thân cỏ, sống lâu năm, phân cành nhánh ít, có lông nhám. Lá mọc đối, phiến rộng chia thùy sâu đều và có răng lớn, cuống lá kéo dài như có

bẹ, có lông. Lá ở gốc lớn, hình tim hay nhút, chia thùy lông chim sâu. Lá ở đỉnh hình giáo có khía răng, không có cuống. Cụm hoa ở đỉnh thân, hình chùy dày đặc. Hoa hình ống dài xòe 5 thùy màu hồng hay màu tím nhạt. (Hình 113)

Cây có chùm hoa lớn đẹp, nên rất được ưa chuộng làm cây cảnh. Do màu sắc hoa khác nhau mà có thể trồng xen với các loài khác như :

IV.A.28.a. *Verbena chamaedryfolia* Juss.

Cây có hoa màu đậm tươi.

IV.A.28.b. *Verbena teucrioides* Gill. et Hook.

Cây có hoa màu trắng.

IV.A.28.c. *Verbena phlogiflora* Cham.

Cây có hoa màu hồng hay tím.

Tất cả các loài kể trên, đều được gọi theo một tên chung là : *Verbena hybrida* Hort. (The common garden verbenas)

IV.A.29. CÂY CÔ NỐC LAN (Lòng thuyền, Sâm cau)

Curculigo orchoides Gaertn.

Họ Cô nốc (Hypoxidaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây mọc hoang dại nơi ven rừng, trong các bãi cỏ, đồi hoang vùng Trung du, đôi khi gây trồng làm cảnh. Cây thân cỏ cao khoảng 0,5 m. Lá hình mũi mác thuôn hẹp, có cuống dài, màu xanh bóng, gân nổi rõ. Cụm hoa trên 1 cuống chung ngắn, nên hoa gần như sát đất giữa các bẹ lá. Hoa 3 - 8 chiếc, màu vàng, ngoài có lá bắc hình trái xoan nhọn bao bọc. Quả nang thuôn, có 1 - 4 hạt.

Cây có lá xanh quanh năm nên làm cảnh ở chậu khá đẹp. Để làm cảnh, các nhà vườn thường gây trồng 1 loài khác là :



H.113. Cỏ roi ngựa cảnh
Verbena incisa Hook.

IV.A.30. CÂY CÔ NỐC RỘNG (Sâm cau lá rộng)

Curculigo latifolia Dry.

Họ Cô nốc (Hypoxidaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Ấn Độ, Malaysia). Cây thân cỏ, sống lâu năm do thân rễ mập, ngắn. Lá mọc tập trung sát đất, hình giáo có cuống dài màu xanh bóng, gân nổi rõ như lá dừa. Cụm hoa có cuống chung ngắn, nên hoa mọc sát gốc, dạng đầu dày đặc ngoài có nhiều lá bắc hình mũi mác nhọn bao bọc, trong có nhiều hoa màu vàng tươi. Quả nang, hạt đen. Hoa nở từ tháng 6 - 7. (Hình 114).



H.114. Cô nốc rộng -
Curculigo latifolia Dry.

Cây mọc hoang dại ở rừng miền Nam nước ta, nhưng được gây trồng làm cảnh do dáng cây đẹp, lá cây thay đổi, mọc khỏe, dễ trồng. Cây được gây trồng bằng hạt hay các đoạn thân rễ.

IV.A.31. CÂY CÚC CÁNH MỐI (Thạch thảo)

Starwort, Aster, Oeil de Christ

Aster amellus Linn.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Âu và châu Á, được gây trồng làm cảnh nơi bồn hoa, công viên và cắt hoa cắm lọ. Cây thân cỏ sống lâu năm nhờ thân rễ mọc bò trong đất. Thân đơn hay phân nhánh. Lá không cuống dạng thuôn hình giáo tù, hơi có lông, mịn. Cụm hoa hình đầu đơn độc hay vài chiếc trên đỉnh thân. Lá bắc tổng bao thuôn tù, xếp nhiều hàng, màu xanh lục. Vòng hoa ngoài không đều có cánh môi thuôn dài hẹp, thẳng màu lam tím. Hoa giữa hình ống hẹp màu vàng xếp sát nhau. Quả bé có chùm lông. (Ảnh 111).

Cây trồng bằng hạt, (quả bế), mọc khỏe, dễ chăm sóc, cần đất tơi mịn, đủ phân và đủ nắng. Hoa nở quanh năm. Có 1 chủng đẹp hơn cả là :

IV.A.31.a. Aster amellus Linn. var. *bessarabicus* D.C.

Cây lớn hơn. Cụm hoa rộng hơn và màu tím đậm hơn.

IV.A.32. CÂY CÚC CÁNH MỐI DẠI (Cúc sao)

Aster trinervius Roxbg.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ dãy Himalaya, mọc phổ biến vùng trung du và núi cao nước ta. Cây thân cỏ sống lâu năm, có lông ráp. Lá thuôn, nhọn đầu, mép có răng. Cụm hoa hình đầu hợp lại thành ngù. Hoa ngoài không đều có cánh môi màu trắng, hoa giữa đều, màu vàng. Quả bế thuôn có lông.

IV.A.33. CÂY CÚC CHUỖN (Cốt một vàng)

Yellow cosmos, Cosmos

Cosmos sulphureus Cav.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô được gây trồng rất rộng rãi trên toàn thế giới để cắt cành cắm lọ, hay trồng thành thảm lớn trong công viên, bồn hoa. Cây thân cỏ sống hàng năm hay lâu năm cao khoảng 1 m, có lông, phân cành nhiều. Lá mọc đối, xẻ lông chim 2 - 3 lần, với các thùy hẹp hình giáo, nhọn đầu, không đều, có lông. Cuống lá dài, gốc rộng thành bẹ. Cụm hoa hình đầu rộng, trên cuống chung dài, mảnh đơn độc hay hợp thành chùy thưa. Lá bắc tổng bao dạng thuôn hình giải màu xanh, xếp 2 dãy 8 chiếc. Vòng hoa ngoài có 8 chiếc không đều với cánh môi lớn, màu vàng đỉnh khía 3 răng. Hoa ở giữa hình ống nhỏ, màu vàng. Quả bế thuôn có mỏ. (Ảnh 112)

Cây có hoa nở quanh năm (tập trung vào mùa hè - thu), gây trồng chủ yếu bằng hạt. Ươm trồng rất dễ ở vườn ươm. Gieo hạt theo luống, phủ 1 lớp đất mỏng, tưới đầy đủ. Khi cây cao trên 20 cm thì bứng trồng ở vườn. Cần đủ nắng và ẩm, tránh gió và úng nước. Chọn cụm hoa lớn già để lấy hạt làm giống.

IV.A.34. CÂY CÚC CHUỖN ĐỎ (Cốt mốt đỏ, Sao nhái đỏ)

Black cosmos

***Cosmos diversifolius* Otto. (*Bidens atrosanguinea* Ort.;
B. dahlioides Wats.; *Dahlia zimapanii* Roenzl.)**

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mehico, được gây trồng rộng rãi làm cảnh nơi công viên hay cắt hoa cắm lọ. Cây bụi sống hàng năm, thấp, cao khoảng 40 cm, có củ do rễ phình lớn. Lá kép lông chim với 5 - 7 lá nhỏ nguyên, lá phụ ở đỉnh lớn nhất, màu xanh bóng. Cụm hoa hình đầu trên cuống chung dài, lá bắc tổng bao màu xanh, ở gốc. Vòng hoa ngoài có cánh môi lớn màu hồng với các vạch đỏ, tím nhạt hay tím đỏ đậm. Hoa ở giữa hình ống, màu vàng. Quả bế thuôn dài 2 cm, có mỏ dài.

Cây trồng bằng hạt dễ dàng như các loài cúc khác. Cây ưa khí hậu mát, ẩm nhưng cần nhiều nắng.

IV.A.35. CÂY CÚC CHUỖN NHÁI (Sao nhái chuẩn chuẩn)

White or Pink Cosmos

***Cosmos bipinnatus* Cav.**

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, nhập nội vào các nước nhiệt đới khác để trồng ở vườn hoa, cắt cành cắm lọ. Cây thân cỏ sống hàng năm, nhẵn, có 0,5 - 0,8 m, thẳng, mảnh, phân cành nhánh nhiều. Lá xẻ lông chim sâu, thành các thùy hình giải dài, mảnh như sợi, màu xanh bóng. Cụm hoa hình đầu rộng ở đỉnh, trên cuống chung dài, mảnh. Lá bắc tổng bao dạng thuôn hình giáo nhọn đầu. Vòng hoa ngoài có cánh môi lớn, mỏng có gân và đỉnh chia răng không đều màu trắng, vàng nhạt, đỏ hay hồng. Hoa ở giữa màu vàng, dạng ống hẹp. Quả bế có mỏ (Ảnh 113).

Cây trồng bằng hạt, hoa mở quanh năm. Trồng thành thảm hoa, màu sắc xen kẽ nhau rất đẹp. Cây chịu được nắng, khô, cần thu hoạch hạt trước khi hoa héo úa. Chọn (quả bế) hạt mẩy, phơi khô nơi mát và ươm trồng ngay.

IV.A.36. CÂY CÚC CHÙY

Cone flower, Black eyed Susan

Rudbeckia fulgida Ait.

Họ Cúc (Asteraceae)



H.115. Cúc chùy -
Rudbeckia fulgida Ait.

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (Texas). Cây thân cỏ, sống hàng năm hay 2 năm, mọc thành bụi nhỏ cao đến 0,5 m. Lá mọc cách, thuôn dài, nguyên có lông nhám cả ở 2 mặt, mặt trên nổi rõ 3 gân. Cụm hoa hình đầu, trên cuống chung dài, có lông trắng. Lá bắc tổng bao có 2 - 4 lớp, lá bắc ở vòng ngoài lớn hơn cả. Hoa vòng ngoài hình môi, (có 10 - 15 chiếc) xếp vòng, cánh môi lật ra ngoài, màu vàng. Hoa giữa hình ống xếp xen dày đặc làm thành chùy cao, màu đậm. Đế hoa lõm. Quả bế có 4 cạnh. (Hình 115)

Cây trồng dễ dàng bằng quả bế. Chọn những cụm hoa mập, đậu quả nhiều để làm giống. Khi gần già cắt cả cụm hoa phơi và sàng lấy các hạt lớn, mập, cất giữ và gieo theo thời vụ. Đất trồng cần làm luống cao, tơi xốp và bón đầy đủ phân. Hiện nay các nhà vườn còn sưu tầm mấy chủng cho hoa đặc sắc là :

IV.A.36.a. *Rudbeckia fulgida* Ait. var. *compacta* Hort.

Cụm hoa dày đặc, lớn.

IV.A.36.b. *Rudbeckia fulgida* Ait. var. *variabilis* Hort.

Cụm hoa với các hoa ở xung quanh có cánh môi màu vàng điểm các sọc nâu, các hoa giữa hình ống có màu tím đậm.

IV.A.37. CÂY CÚC DIỆP TỖ (Ngải cứu cảnh)

Mugwort, Armoise

Artemisia capillaris Thunb.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng khí hậu ẩm mát, được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở nước ta. Cây thân cỏ, sống hàng năm cao từ 1 -

1,5 m, phân nhánh nhiều dạng bụi. Lá mọc cách, cắt xẻ dạng kép thành các phiến hẹp như sợi, màu xanh bóng. Cụm hoa dạng đầu trên các cuống dài, mảnh màu trắng nhạt. Lá bắc tổng bao màu xanh. Hoa hình ống hẹp, màu trắng. Quả bế thuôn.

Cây trồng bằng hạt (quả bế), ươm gieo như các loài hoa cúc khác. Cây trồng cần làm đất kỹ đủ phân bón lót và tưới nước hàng ngày. Trồng ở các bồn hoa và chậu cảnh đều đẹp.

IV.A.38. CÂY CÚC ĐẤT

Groundsel

***Senecio petraeus* Muschler.**

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây mọc dại hay được gây trồng làm cảnh. Cây thân cỏ, sống 1 - 2 năm, thân mềm bò dài và cao khoảng 0,5 m. Lá mọc cách dày, nhẵn, màu xanh nhạt, bóng láng, mép nguyên hay răn reo. Cụm hoa hình đầu trên cuống chung dài. Lá bắc tổng bao ở phía ngoài nhỏ, ở phía trong dính vào nhau. Cụm hoa toàn bộ hình ống trên để chung hơi lồi màu xanh hay vàng cam. Quả bế có chùm lông ở đỉnh màu trắng, mịn. Hoa nở vào dịp đầu mùa hạ (tháng 4 - 5). (Hình 116)

Cây trồng chủ yếu bằng hạt (quả bế).



H.116. Cúc đất -
Senecio petraeus Muschler

IV.A.39. CÂY CÚC ĐẤT LÔNG

Velvet Groundsel, California Geranium,

Senecio a aspect de Tussilage

***Senecio petasitis* DC. (*Cineraria petasitis* Sims.)**

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, mọc thành bụi nhỏ, dày, cứng, phân cành một chút, cũng khá dày. Cây cao khoảng 1 m có lông ở

phần non. Lá có cuống dài, phiến lá dày hình bầu dục, tròn hay gần hình tim ở gốc, trên chia 5 - 9 thùy khá sâu, màu xanh đậm ở mặt trên, màu xanh nhạt ở mặt dưới, có lông mịn cả 2 mặt. Cụm hoa nhiều, mọc ở đỉnh thân, làm thành chùy, mang toàn hoa hình ống, màu vàng tươi. Quả bế có chùm lông màu trắng.

Cây trồng bằng quả bế.

IV.A.40. CÂY CÚC HOÀNG PHẤN (Cúc vàng nhỏ)

Golden-Rods, verge d'or

Solidago virga-aurea L.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, nhưng được gây trồng rộng rãi ở các tỉnh phía Nam nước ta để cắt cả thân lá, hoa cắm lọ. Cây thân cỏ sống 1 - 2 năm, cao khoảng 0,6 - 1 m, cứng, mọc thẳng đứng, đôi khi phân cành, màu xanh bóng có lông. Lá mọc cách, xếp đều đặn từ gốc lên ngọn, dày, màu xanh đậm. Lá ở đỉnh nhỏ bé dần, thuôn hình dải, nguyên và không có cuống. Cụm hoa mọc dày đặc về một phía làm thành chùy dài, hẹp. Trong cụm hoa, lá bắc tổng bao hình dải thuôn tù. Hoa hình ống hẹp, nhỏ bé, màu vàng tươi, nở bền. (Ảnh 114).

Cây mọc khỏe, dễ trồng, hoa nở quanh năm. Cây trồng bằng hạt, ươm gieo ở vườn trong các luống dài. Cần làm kỹ đất và bón phân để cây mọc vươn cao, khi có hoa cắt cả đoạn thân, hay trồng thành bụi ở chậu làm cây trang trí trong nhà.

IV.A.41. CÂY CÚC HÔI (Cỏ cúc heo)

White weed, Ageratum, Agerate Bleue

Ageratum conyzoides Linn. (*A. caeruleum* Desf.)

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Mêhicô), nay mọc lan tràn, hoang dại ở hầu hết các nước nhiệt đới Bắc bán cầu. Cây thân cỏ sống hàng năm, phủ đầy lông, phân cành nhánh nhiều dạng cây bụi. Lá mọc đối, hình bầu dục hay 3 cạnh, mép có răng tròn. Cụm hoa hình đầu, lớn, tập trung ở đỉnh thân, làm thành ngù thưa. Lá bắc tổng bao dạng tròn dài làm thành đầu. Hoa hoàn toàn giống nhau hình ống hẹp màu trắng, lam hay tím nhạt. Quả bế có 5

cánh và 5 vảy ở đầu, màu đen.

Cây gieo trồng bằng hạt, mọc khỏe, không yêu cầu đất tốt, nhưng phải trái nắng, và ưa khí hậu mát.

Để trồng làm cảnh, các nhà vườn thường chọn 1 loại khác là :

IV.A.42. CÂY CÚC HÔI TÍM (Bù xít)

Ageratum houstonianum Mill. (*A. mexicanum* Sims.)

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng làm cảnh chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc và vùng núi Nam Trung Bộ nước ta. Cây mọc bụi dày, sống lâu năm, phân cành nhiều. Lá hình bầu dục thuôn. Cụm hoa hình đầu lớn xếp sát nhau thành ngù rộng, phía ngoài có lá bắc tổng bao, dạng sợi mảnh, dài. Hoa trong đều hình ống ngắn, trên chia 5 thùy màu tím. Quả bế có mào lông.

Cây cho hoa đẹp, rất thích hợp ở nơi vườn rộng, hay ở chậu. Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng hạt.

IV.A.43. CÂY CÚC LẠC

Blanket-flower, Gaillarde peinte

Gaillardia pulchella Foug.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ miền Nam châu Mỹ, được gây trồng làm hoa hè - thu của nước ta. Cây thân cỏ, mọc thẳng đứng, phân cành nhánh nhiều, có lông mềm. Lá thuôn hình giáo gần như không có cuống, mép nguyên hay chia thùy nông dạng lông chim. Cụm hoa hình đầu, lớn, ngoài có lá bắc tổng bao màu xanh. Hoa ở vòng ngoài không đều, có cánh môi cuộn lại dạng loa kèn hở, màu vàng ở đỉnh, gốc màu hồng tím. Hoa ở giữa hình ống, màu vàng. (Hình 117)



H.117. Cúc lạc - *Gaillardia pulchella* Foug. và cụm hoa của var. *lorenziana* Hort.

Cây trông dễ dàng bằng hạt hay tia chồi non của cây mẹ. Các nhà vườn tạo ra nhiều chủng khác nhau để trồng ở trong vườn, trong chậu hay cắt hoa cắm lọ, cắm bát. Đẹp hơn cả có :

IV.A.43.a. Gaillardia pulchella Foug. var. *lorenziana* Hort.

Cụm hoa hình đầu, hoa vòng ngoài hình loa kèn màu vàng hay cam. Hoa ở giữa đều, màu vàng.

IV.A.43.b. Gaillardia pulchella Foug. var. *picta* Gray (*G. picta* Hort.)

Cụm hoa lớn hơn mang hoa có nhiều màu sắc khác nhau.

IV.A.44. CÂY CÚC LẠC LÔNG (Hoa mặt)

Blanket - flower

***Gaillardia aristata* Pursh.**

(*G. grandiflora* Hort., *G. lutea* Hort.)

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có thân mềm bò lan, đỉnh thân thẳng đứng, phân cành nhánh nhiều, mọc khỏe, sống lâu năm. Lá thuôn hình giáo, có lông, nguyên hay chia thùy lông chim. Cụm hoa hình đầu lớn, hoa có nhiều màu sắc, hoa ở vòng ngoài không đều, màu vàng hay đỏ. Hoa ở giữa hình ống đều, màu đỏ.

Hoa nở quanh năm, gieo trồng chủ yếu bằng hạt. Hạt gieo sau 5 - 6 ngày đã nảy mầm. Sau 20 ngày đem cấy ở vườn ươm và cũng sau 20 ngày đem trồng ở vườn hoa hay ở chậu. Từ khi trồng đến ra hoa khoảng 70 - 80 ngày. Ngoài ra, có thể nhân giống bằng tách chồi ở gốc cây trưởng thành. Chồi tách chỉ sau 40 ngày đã có hoa.

IV.A.45. CÂY CÚC MỐC (Nguyệt bạch)

***Crossostephium chinensis* (L.) Merr.**

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có thân cứng, ngắn, phân chia nhánh sát gốc, phủ lông trắng dày đặc. Lá mọc sát nhau làm thành bụi dày, lá ở gốc chia 3 thùy, lá ở đỉnh nguyên phủ lông mịn cả 2 mặt, màu trắng như tuyết. Cụm hoa đơn độc ở đỉnh, lá bắc xếp nhiều dãy. Quả có một vòng vây. (Ảnh 115)

Cây trồng chủ yếu làm cảnh bằng đám lá, và do thân lùn, sống lâu năm nên được trồng ở chậu làm cây uốn thế.

IV.A.46. CÂY CÚC PHÁT TRẦN

Westem gay - feather

***Liatris punctata* Hook.**

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Trung châu Mỹ, mới nhập trồng làm cây hoa cắt cành. Thân cỏ, rễ củ, cao 50 - 70 cm. Lá hình dải hẹp, dài 10 cm, màu xanh đậm có nhiều đốm, mọc dài đến đỉnh. Cụm hoa dạng hình cầu xếp sát nhau thành bông dày lớn, màu tím. Hoa nhỏ dạng ống dài.

Cây cho hoa nở bền, cắm lọ lâu tàn, rất được ưa chuộng.

IV.A.47. CÂY CÚC SỢI TÍM

Brazilian button flower

***Centratherum intermedium* Less.**

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ (Brazil). Cây thân cỏ, mọc bụi, phân cành thấp sát đất. Lá dạng trái xoan hẹp, mép có răng không đều. Cụm hoa hình đầu ở ngọn cành. Hoa nhỏ hình ống dài, cánh dạng sợi màu tím lam.

IV.A.48. CÂY CÚC TẦN Ô (Rau cúc)

Chopsuy Green, Chrysanthemum des jardins

***Chrysanthemum coronarium* L. (*Anthemis coronaria* Hort.)**

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây trồng làm rau, nhưng cụm hoa đẹp cắt cắm lọ được. Cụm hoa hình đầu lớn, ngoài có lá bắc xanh, vòng hoa ngoài có cánh môi màu vàng sẫm, ở giữa hoa hình ống màu vàng lục, thơm. (Cây có nguồn gốc từ vùng Trung cận đông).

IV.A.49. CÂY CÚC TÍM (Kiều trang)

China Aster, Reine Marguerite, Aster de Chine

***Callistephus chinensis* (L.) Ness. (*C. hortensis* Cass.)**

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, được gây trồng rộng rãi ở vùng có khí hậu mát, lạnh của nước ta (Bắc Việt Nam và vùng núi Nam Trung Bộ). Cây thân cỏ, sống hàng năm, mọc thành bụi nhỏ, thẳng đứng, phân cành nhánh nhiều. Lá mọc cách, lá ở gốc có phiến chẻ thùy sâu gần đến gân chính và cuống lõm hình lòng thuyền. Các lá ở trên hình trái xoan, cuống có cánh, các lá ở đỉnh không có cuống. Cụm hoa lớn, đường kính 4 - 10 cm hình đầu, mọc ra ở đỉnh thân. Lá bắc tổng bao có nhiều lớp bao quanh ở ngoài, dạng thuôn dài và lõm, màu xanh bóng. Hoa ở vòng ngoài không đều, có cánh môi thuôn dài nhọn, lật ra ngoài màu hồng, trắng hay tím. Các hoa ở giữa đều xếp ken chặt nhau, màu vàng. Quả bế có chùm lông trắng ở đỉnh.

Cây trồng bằng hạt. Chọn hạt mập, chắc từ các hoa để giống, ươm gieo ở vườn ươm. Sau 1 tháng, bứng cây con trồng ở chậu hay bồn hoa. Đất cần làm kỹ, đủ nước và tránh gió.

IV.A.50. CÂY CÚC TRẮNG

Chrysanthemum morifolium Ramat. (*Ch. sinense* Sabine)

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc Trung Quốc, được trồng ở các tỉnh vùng núi Nam Trung Bộ và miền Bắc nước ta để làm cảnh và làm thuốc. Cây thân cỏ, sống hàng năm hay lâu năm. Thân nhẵn, có rãnh, mọc thẳng đứng phân chia thành bụi, mang lá xếp thưa. Lá thuôn bầu dục, dày, mặt dưới có lông và trắng hơn mặt trên, mép khía răng và chia 3 - 5 thùy gốc có tai, cụm hoa hình đầu lớn. Lá bắc tổng bao hình chỉ, phủ lông trắng, các lá bắc trong hình trái xoan thuôn. Trong đầu có 1 - 2 dây hoa vòng ngoài có cánh môi màu trắng, các hoa ở giữa hình ống, màu vàng nhạt. Quả bế dạng trái xoan, có 1 chùm với hoa màu sắc thay đổi là :

IV.A.50a. *Chrysanthemum morifolium* Ram. var. *gracile* Hemsl

Cây có lá chia thùy lông chim hay chân vịt, mép khía răng nhọn. Cụm hoa trắng, tím nhạt hay tím đậm.

IV.A.51. CÂY CÚC TRẮNG LỚN

Max Daisy, Grande Maguerite

Chrysanthemum maximum Ramond.

(*Leucanthemum maximum* DC.)

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước ở châu Âu (dãy Pyrênê) được trồng rộng rãi ở miền Bắc và vùng núi cao Nam Trung Bộ nước ta, cho hoa cắt cành, hay trồng ở các bồn lớn. cây thân cỏ, sống lâu năm, nhẵn, cao 0,7 - 1 m, phân chia nhánh ở gốc. Lá mọc cách, mép khía răng thưa gân rất mảnh và dày, đầu lá tròn, gốc kéo dài theo cuống thành bẹ. Cụm hoa hình đầu lớn, đường kính 6 - 10 cm. Ngoài có lá bắc mỏng, mép đen dài 1 cm, vòng hoa ở ngoài không đều có cánh môi lớn màu trắng xòe đều. Hoa ở giữa hình ống màu vàng. Quả bế nhẵn.

Hiện nay các nhà vườn tạo ra được nhiều chủng khác nhau, phổ biến hơn cả đó là :

IV.A.51.a. *Chrysanthemum maximum* Ram. var. *robinsonii* Hort.

IV.A.51.b. *Chrysanthemum maximum* Ram. var. *davidsii* Hort.

IV.A.51.c. *Chrysanthemum maximum* Ram. var. *filiforma* Hort.

IV.A.52. CÂY CÚC VÀNG (Kim cúc)

Chrysanthemum, *Chrysanthème*

Chrysanthemum indicum L.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản, được gây trồng rất phổ biến ở các nước châu Á vì hoa vừa đẹp, lại nở vào dịp tết Nguyên Đán. Cây thân cỏ, sống hàng năm, cao đến 1 m. Lá chia thùy sâu, nhẵn, mép khía răng không đều, phiến màu xanh lục. Cụm hoa hình đầu lớn màu vàng trên cuống chung dài. Lá bắc tổng bao ở ngoài dạng thuôn dài, mép khô, xếp nhiều dãy. Vòng hoa ở ngoài có cánh môi màu vàng. Hoa ở giữa lưỡng tính, hình ống dài, chia thùy tam giác. Quả bế nhẵn.

Ngoài ra, ở vùng núi nước ta còn có 1 loài cúc vàng mọc hoang dại, nhưng cho cụm hoa hình đầu lớn trên cuống dài, có thể cắt để cắm lọ được.

IV.A.53. CÂY CÚC VÀNG SỮA (Nhũ cúc đồng)

Laiteron des champs

Sonchus arvensis L.

Họ Cúc (Asteraceae)

IV.A.54. CÂY CÚC VẠN THỌ

African Marigold, Oeillet d'Inde

Tagetes erecta Linn.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, nhưng được gây trồng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Cây thân cỏ, sống hàng năm, cao khoảng 1 m, thẳng đứng, đôi khi phân nhánh. Lá chia thùy dạng lông chim, sâu như lá kép, nhẵn, mép có tuyến lớn và răng cưa. Cụm hoa hình đầu lớn, ở tận cùng của thân, màu vàng nhạt. Lá bắc tổng bao sát nhau làm thành ống dài, màu xanh bóng. Hoa ở ngoài không đều, cánh môi răn reo, xoắn lại với nhau. Hoa ở giữa hình ống hẹp. Quả bế có hai gai ngắn.

Cây được ưa chuộng vì vụ hoa đúng vào dịp Tết Nguyên Đán. (Ảnh 116)

Hiện nay ở các tỉnh phía Nam có gây trồng một vài loài Vạn thọ khác cho hoa đẹp nở vào dịp Tết, như cúc Vạn thọ Nhật Bản (cúc Vạn thọ Pháp) cho cụm hoa lớn hình cầu màu vàng tươi và cúc Vạn thọ Thượng Hải, có cụm hoa xòe rộng và dẹt.

Cây trồng bằng hạt, ươm gieo dễ dàng hơn các loài hoa cúc khác. Hiện nay ở các thành phố lớn có nhập một loại đẹp là cây VẠN THỌ NHẬT (*Tagetes erecta* L. – Rose d'Inde “Boule d'or”) cho hoa nở vào dịp Tết Nguyên đán. (Ảnh 117).

IV.A.55. CÂY CÚC VẠN THỌ LÙN (Vạn thọ nhỏ)

French Marigold

Tagetes patula L.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng ít phổ biến hơn, tuy nhiên hoa cũng đẹp và dễ trồng nên nhân dân vẫn giữ giống trồng làm cảnh. Cây thân cỏ, sống hàng năm, mọc thẳng, thấp, cao khoảng 30 cm, phân ít cành ở sát gốc, làm thành bụi dày. Lá màu xanh đậm, xẻ thùy kép lông chim, mép khía răng thưa. Cụm hoa hình đầu nhỏ trên một cuống chung dài, hoa ngoài có cánh môi màu đỏ nâu hay hoàn toàn vàng. Hoa ở giữa hình ống hẹp. Hoa nở vào mùa đông - xuân.

IV.A.56. CÂY CÚC VÀNG

Tickseed, *Coreopsis elegant*

Coreopsis tinctoria Nutt. (*C. bicolor* Reichb.;
C. elegans Hort.; *Callioptis tinctoria* DC.)

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Bắc và Trung châu Mỹ, cây thân cỏ, sống hàng năm, cao từ 0,3 - 1 m, thẳng, nhẵn, phân nhánh nhiều, thưa. Lá ở gốc có cuống dài, lá ở đỉnh không cuống đều, có phiến chia thùy mảnh, dài, dạng lông chim. Cụm hoa ở đỉnh, trên cuống dài mảnh, hình đầu rộng 1 - 5 cm. Lá bắc tổng bao ở ngoài ngắn. Vòng hoa ở ngoài có 6 - 8 hoa không đều với 1 môi lớn xòe ra, đỉnh chia thùy tròn, màu vàng có đốm đậm ở gốc. Hoa ở giữa hình ống đều, màu vàng. Quả bế hẹp, dài.

Cây trồng bằng quả (hạt) mọc khỏe, dễ trồng, cần làm đất kỹ và đủ phân tro. Để trồng làm cảnh thường chọn các chủng

IV.A.56.a. *Coreopsis tinctoria* Nutt. var. *nana* Hort.

Cây lùn, mọc bụi dày.

IV.A.56.b. *Coreopsis tinctoria* Nutt. var. *atropurpurea* Hook.
(*C. nigra* Hort.).

Cây có hoa với cánh môi có đốm đậm lớn chiếm gần hết cánh.

IV.A.57. CÂY CÚC VÀNG ĐƠN

Tickseed, lance leaf *Coreopsis*

Coreopsis lanceolata Linn.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Bắc châu Mỹ. Cây bụi sống lâu năm, thân cong ở gốc rồi thẳng đứng, cao 20 - 60 cm, nhẵn, phân nhánh nhiều. Lá mọc đối, tập trung ở gần gốc, dạng thuôn hay dạng lông chim, có cuống dài và có lông thưa. Cụm hoa hình đầu trên 1 cuống chung dài (20 - 25 cm) mảnh, thẳng. Lá bắc tổng bao 2 vòng, ngắn. Vòng hoa ngoài có 8 - 9 chiếc, không đều với một cánh môi lớn, xòe rộng, màu vàng, trên đỉnh chia 4 răng tam giác, hoa giữa hình ống, vàng. Quả bế dẹt, có cánh mỏng và có 2 răng.



H.118. Cúc vàng đơn - *Coreopsis lanceolata* L. var. *villosa* Michx.

Cây trồng bằng quả (hạt) cho hoa nở rộ vào mùa xuân, thường cắt cắm lọ hay thành bó. Để làm cảnh, thường trồng các chủng :

IV.A.57.a. *Coreopsis lanceolata* L. var. *glabella* Michx.

Cây thấp, lá hẹp.

IV.A.57.b. *Coreopsis lanceolata* L. var. *villosa* Michx.

Cây cao, có lông. Lá thuôn hay trái xoan (Hình 118)

IV.A.58. CÂY CÚC YÊN BẠCH (Cỏ lào trắng)

Eupatorium capillifolium (Lam.) Small.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới. Cây thân cỏ cao khoảng 1 m, màu xanh, phân nhánh. Lá xẻ thùy sâu thành các sợi dài 1 - 3 cm, màu xanh bóng. Cụm hoa dạng đầu xếp sát nhau ở đỉnh cành. Hoa có cánh màu trắng.

Cây trồng lấy hoa cắm lọ.

IV.A.59. CÂY DỀN ĐUÔI CHỒN

Amarante gigantesque

Amaranthus paniculatus Linn.

(*A. hybridus* L. var. *paniculatus* Uline et Bray)

Họ Rau giến (Amaranthaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á và châu Mỹ nhiệt đới, nhưng được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở các nước nhiệt đới khác. Ở Việt Nam, cây được trồng ở các chậu, trong các bồn hoa ở các tỉnh miền Nam. Cây thân cỏ cao từ 0,5 - 2m, hơi có lông. Lá thuôn bầu dục, hay trái xoan tù, màu xanh xám có vết hồng. Cụm hoa thành chùm thẳng, màu đỏ vàng hay trắng nhạt. Hoa xếp rất sát nhau chỉ có 5 cánh dài nhỏ như vẩy. Quả hap, 1 hạt đen, ngoài có lá bắc bao bọc.

Cây có cả chùm hoa đẹp nở gần như quanh năm, trồng làm cảnh rất thích hợp, cây được gây trồng chủ yếu bằng hạt. Trồng làm cảnh, thường chọn các chủng.

IV.A.59.a. *Amaranthus paniculatus* L. var. *speciosa* Sims.

Cây cho thân, lá màu đỏ nhạt hay đỏ tía. Cụm hoa màu đỏ tía rất đẹp.

IV.A.59.b. *Amaranthus paniculatus* L. var. *cruentus* Moq.

Cụm hoa phân nhánh trên các nách lá, hoa màu đỏ tươi.

IV.A.59.c. *Amaranthus paniculatus* L. var. *sanguineus* Moq.

Nhánh bên, dài mảnh. Hoa và lá màu đỏ máu.

IV.A.59.d. *Amaranthus paniculatus* L. var. *flavescens* Voss.

Cụm hoa chùy rộng, phân nhánh. Hoa màu vàng nhạt hay xanh nhạt.

IV.A.60. CÂY DỀN ĐUÔI NGẮN

Amarante queue de renard; Love - lies Bleeding

Amaranthus caudatus Linn.

Họ Rau giến (Amaranthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ và các nước nhiệt đới khác. Cây có thân mập và phân nhánh nhiều. Lá hình bầu dục hay thuôn, màu

xanh bóng có các vết đỏ. Cụm hoa không liên tục thường mọc ra từ các nách lá ở đỉnh, mềm, dài, buông thõng xuống, có đốt, màu đỏ hay trắng (tùy theo các chủng). Quả có hạt đen bóng. Cây trồng chủ yếu bằng hạt. Cây trồng làm cảnh do các màu sắc lá hoa khác nhau của các chủng sau :

IV.A.60.a. Amaranthus caudatus L. var. *atropurpureus* Hort.

Cây có lá màu đỏ máu.

IV.A.60.b. Amaranthus caudatus L. var. *albiflorus* Hort.

Cây có cụm hoa màu trắng hay lục nhạt trắng.

IV.A.60.c. Amaranthus caudatus L. var. *gibbosus* Hort.

Cây có cụm hoa đứt đoạn hay ngắn gần tròn, hoa màu đỏ.

IV.A.61. CÂY DI NHA (Duyên cúc)

Youth an old Age., *Zinnia commun*

Zinnia elegans Jacq.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ (Mêhicô) được gây trồng ở bồn rộng hay lấy hoa cắm lọ. Cây thân cỏ sống hàng năm, mọc thẳng, cao khoảng dưới 1 m. Lá mọc đối, không cuống, gốc mở rộng ôm lấy thân, mép lá nguyên, hình bầu dục, màu xanh nhạt bóng, có lông mềm ngắn, gân nổi rõ. Cụm hoa ở đỉnh thân, hình đầu lớn 2 - 4 cm, có nhiều màu rất đẹp (trừ màu xanh và xám). Lá bắc tổng bao ở thấp, gồm các cánh hẹp, ngắn xếp thưa. Các hoa ở ngoài là hoa không đều, có cánh môi lớn, dày, lật ra hay mọc thẳng đứng. Các hoa giữa hình ống xếp sát nhau. Quả bế dẹt có 2 răng ở đỉnh (Ảnh 118).

Cây thường được trồng ở các bồn hoa lớn, vì có nhiều màu sắc khác nhau nên trồng xen lẫn nhau, rất nổi trên nền lá xanh. Có hai dạng Di nha là : Di nha cánh đơn và Di nha cánh kép, được gây trồng rộng rãi hơn cả. Ngày nay, còn tùy thuộc vào vị trí trồng mà các nhà vườn còn tạo ra dạng Di nha cao và lùn khác nhau.

IV.A.62. CÂY DỪA CẠN (Bông dừa, Hải đằng)

Madagascar Periwinkle, Pervenche Malgache,
Cape periwinkle, Old maid

Catharanthus roseus (L.) G. Don (*Vinca rosea* L.)

Họ Trúc đào (Apocynaceae)



H.119. Dừa cạn –
Catharanthus roseus Don.

Cây mọc rất rộng rãi ở vùng nhiệt đới và gần như cây toàn cầu (có nguồn gốc ở vùng Cựu thế giới). Hiện nay cây được gây trồng làm cảnh, làm thuốc hay mọc hoang dại vùng đất cát, bãi cỏ nơi ven biển khắp nước ta. Cây thân cỏ, cao chừng 0,4 - 0,8 m, có nhựa trắng. Lá dạng bầu dục, thuôn hẹp ở gốc, có cuống ngắn. Cụm hoa chỉ có 2 chiếc mọc ra từ nách lá, màu đỏ, hồng hay trắng, với đốm vàng hay đỏ ở gần họng (tùy theo các chủng). Hoa có cánh hợp thành ống hẹp dài ở gốc, trên chia 5 thùy rộng, xòe ra, đầu có mũi. Quả gồm 2 đại, nhiều hạt đen, nhỏ (Hình 119).

Cây mọc khỏe, dễ trồng, gieo giống tự nhiên dễ dàng, cho hoa nở

gần quanh năm. Hiện nay các nhà vườn thường trồng xen kẽ với nhau nhiều chủng cho hoa màu sắc tương phản để làm cảnh ở các bồn hoa, bãi cỏ lớn, có hai chủng mọc khá phổ biến là :

IV.A.62.a. *Catharanthus roseus* G. Don var. *alba* Hort.

Hoa màu trắng

IV.A.62.b. *Catharanthus roseus* G. Don var. *oculata* Hort.

Hoa màu trắng, gốc cánh hoa ở họng màu tím hay đỏ.

Để trồng làm cảnh, các nhà vườn còn trồng các loài khác có kích thước khác nhau là :

IV.A.63. CÂY DỪA CẠN LỚN

Grande pervenche

***Vinca major* Linn.**

Cây cho lá hình bầu dục, tù ở đỉnh, gốc gần hình tim. Hoa màu xanh.

IV.A.63.a. Vinca major L. var. *elegantissima* Hort.

Lá có mép và đốm trên phiến màu vàng trắng.

IV.A.63.b. Vinca major L. var. *variegata* Hort.

Lá có vạch trắng trên phiến.

IV.A.64. CÂY DỪA CẠN NHỎ

**Petite pervenche, common periwinkle, Blue,
Running or Trailing Myrtle**

***Vinca minor* Linn.**

Cây có lá hình trái xoan thuôn, nhẵn có cuống ngắn. Hoa tím nhạt xanh.

Vinca minor L. var. *alba plena* Hort.

Cây có hoa trắng, cánh kép.

Vinca minor L. var. *alba variegata* Hort.

Cây có lá vằn, hoa cánh đơn trắng.

Vinca minor L. var. *atropurpurea compacta* Hort.

Hoa cánh đơn, màu đỏ thắm.

Vinca minor L. var. *purpurea plena* Hort.

Hoa màu đỏ thắm, cánh kép.

Vinca minor L. var. *rosea* Hort.

Hoa màu hồng, cánh đơn.

Vinca minor L. var. *rosea flore pleno* Hort.

Hoa màu hồng, cánh kép.

IV.A.65. CÂY ĐẬU KHẤU LỬA

Torch ginger

***Amomum magnificum* Benth. et Hook. (*Nicolaia eliator*)**

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á nhiệt đới. Cây có thân củ trong đất, thân giả cao 1 - 2 m (nơi nguyên sản Indonesia cao đến 6 m). Lá mọc cách xếp hai dãy đều đặn dài đến 60 cm. Cụm hoa lớn sát đất dạng hình đầu màu đỏ tươi (do lá bắc làm thành). Hoa màu đỏ, cánh môi có mép màu vàng.

Cây đẹp, hoa nở bền, trồng ở các bãi cỏ rất đẹp.



IV.A.66. CÂY ĐÔNG HẦU

H.120. Cây Đông hầu -
Turnera ulmifolia L.

Sulphur alder

Turnera ulmifolia Linn.

Họ Đông hầu (Turneraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, và các nước ở Nam châu Mỹ, hiện được gây trồng rộng rãi vì hoa đẹp, mặc dù chóng tàn. Cây thân cỏ mọc thành bụi, cao khoảng 0,5 - 1 m, nhám. Lá thuôn hình trái xoan hay hình giáo, gốc phiến có 2 tuyến. Cuống ngắn, có lông. Hoa thường đơn độc, cuống hoa sát dính vào cuống lá (gần như không có cuống). Cánh hoa rộng, hình bầu dục, màu vàng đậm dần từ đỉnh vào trung tâm. (Hình 120)

Cây có hoa đẹp, nở rộ vào buổi sáng, và tàn vào buổi trưa. Hoa nở gần như quanh năm, cây rất dễ trồng bằng hạt, ươm gieo ở vườn ươm sau bưng ra trồng ở chậu hay các bồn hoa. Cây ưa sáng, cần chăm sóc tốt để cho hoa nở rộ.

Để trồng làm cảnh trong chậu nhỏ bày ở trong phòng hay nơi có diện tích hẹp, thường chọn một chủng có dạng lùn và hoa đẹp là:

IV.A.66.a. *Turnera ulmifolia* L. var. *elegans* Hort.
(*T. trioniflora* Sims.)

Cây chỉ cao bằng nửa cây trên, hoa màu vàng nhạt với các đốm màu tím nâu.

IV.A.67. CÂY ĐỒNG TIỀN (CÚC TIỀN)

Gerbero jamesonii Hook.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi, nhập vào Việt Nam gây trồng làm cảnh vì hoa đẹp lâu tàn, trồng ở bồn hoa, chậu cảnh hay cắt cắm lọ đều thích hợp. Cây thân cỏ, sống lâu năm, vì rễ chùm mọc khỏe. Lá mọc chụm sát đất, có cuống dài, phiến dạng bản rộng chia thùy nhọn sâu, gốc kéo dài men theo cuống thành cánh. Cụm hoa hình đầu mọc thẳng hay hơi cong ở đỉnh, cuống chung dài 20 - 40 cm. Lá bắc có nhiều dãy, màu xanh bóng. Hoa ở vòng ngoài không đều, có 1 cánh môi thuần dài, hẹp màu đỏ mặt trên, hơi trắng ở mặt dưới. Hoa ở giữa tròn đều, cao 1 cm. Quả bế hẹp, dài, có lông trắng ở đỉnh (Ảnh 119).

Cây được trồng bằng tách chồi ở gốc cây mẹ hay gieo hạt. Nếu tách chồi, cần chọn cây khỏe, có chồi mập, cắt rời với ít rễ, đem trồng ngay. Cây chóng có hoa. Nếu trồng hạt, sau 15 ngày gieo, hạt nảy mầm và sau 90 - 100 ngày, cây cho hoa. Đất trồng cần đủ phân và trải nắng, có thể chịu được rét, ẩm. Hoa nở quanh năm, nhưng thường ương gieo để có hoa tập trung vào dịp tết Nguyên Đán.

Hiện nay đã tạo được nhiều chủng cho hoa lớn, số hoa có cánh môi nhiều và màu sắc khác nhau.

IV.A.67.a. *Gerera jamesonii* Hook. var. *transvaalensis* Hort.

Cây có cụm hoa hình đầu lớn, cánh kép, màu sắc đỏ tươi hơn.

IV.A.67.b. *Gerbera viridifolia* Schtz.

Lai với *Gerbera jamesonii* Hook.

Cho hoa có cánh môi màu vàng.

IV.A.68. CÂY ĐUÔI CÔNG (Bạch hoa xà)

Leadwort

Plumbago zeylanica Linn.

Họ Đuôi công (Plumbaginaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng nhiệt đới châu Á và châu Phi. Cây thân cỏ, mọc thành bụi, cũng có thể hơi trườn, phân cành nhánh

nhiều, cao khoảng 1 m. Lá mỏng, dạng thuôn bầu dục, tù, kéo dài theo cuống thành cánh nhỏ, màu xanh đậm, nhẵn. Cụm hoa ngắn có ít hoa, màu trắng. Lá bắc và cánh dài màu xanh, có lông dính, mềm, cánh tràng hình ống thuôn, trên chia 5 thùy rộng, xòe ngang.

Cây có dáng đẹp, hoa nở gần quanh năm, rất thích hợp với các bãi cỏ, ven lối đi và trong các chậu lớn. Cây dễ trồng.

IV.A.69. CÂY ĐUÔI CÔNG HỒNG (Bướm bướm hương)

Pink Leadwort

***Plumbago indica* Linn. in strick m. (*Pl. rosea* Linn.)**

Họ Đuôi công (Plumbaginaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Á, được gây trồng làm cảnh khá rộng rãi. Thân gãy khúc, cứng, hơi trườn. Lá hình trái xoan rộng, có cuống ngắn. Cụm hoa hẹp, mang hoa màu đỏ, cánh dài hình ống dài có lông dính mềm, cánh tràng hình ống dài, chia 5 thùy. Quả nang có 5 mảnh. Có 1 chủng cho hoa đẹp hơn cả là :

IV.A.69.a. *Plumbago indica* Linn. var. *coccinea* Hook.

(*P. coccinea* Salisb).

Hoa có kích thước lớn, màu đỏ đậm tươi, cây có hoa quanh năm.

IV.A.70. CÂY ĐUÔI CÔNG XANH (Bướm bướm xanh)

Blue Leadwort

***Plumbago capensis* Thunb. (*Pl. auriculata* Lamk.)**

Họ Đuôi công (Plumbaginaceae)

Cây có nguồn gốc ở Nam châu Phi, cây mọc thành bụi nhỏ, mềm gần như trườn, màu xanh xám. Lá thuôn bầu dục, cuống ngắn. Cụm hoa ở đỉnh nhiều hoa, nở dần ít một. hoa màu xanh lam nhạt, đẹp, duyên dáng. Cánh dài hình ống, có 5 múi và có lông dính. Cánh tràng hợp thành ống, trên có 5 thùy hình trái xoan rộng, xòe ra. Quả nang thuôn dài có cạnh và mở ra làm 5 mảnh (Ảnh 120).

Có thể trồng xen với 1 chủng có hoa màu trắng để tôn thêm màu xanh lam của loài trên là :

IV.A.70.a. *Plumbago capensis* Thunb. var. *alba* Hort.

Cây trồng chủ yếu bằng hạt, nhưng đôi khi cũng tách bụi. Hạt ươm gieo nơi đất tốt, ẩm, mát. Cây chịu bóng một phần.

IV.A.71. CÂY GIA CỐP (Ngọc long)

Flamingo plant

Jacobinia carnea Nichols

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ (Brazil) trồng ở chậu rất đẹp. Cây bụi thấp, thân thẳng, phân nhánh ít. Lá mọc đối, thuôn bầu dục khá lớn, màu xanh bóng, nổi rõ gân. Cụm hoa ở đỉnh, nhiều hoa trên cuống chung màu hồng. Hoa màu hồng, dạng ống hẹp, dài đến 5 cm đỉnh chia 2 môi. Hoa nở quanh năm, bền.

Chủng cho hoa đẹp hơn cả là :

IV.A.71.a. *Jacobinia carnea* var. *alba* Hort.

Hoa màu trắng.

IV.A.72. CÂY HOA HIỀN

Lemon lily, yellow Day Lily,
Lis jaune, Hémerocalle jaune

Hemerocallis flava Linn.f.

(*H. lilio-asphodelus* L.)

Họ Hoa hiên

(Hemerocallidaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Âu hay Nhật Bản (Bắc châu Á) nay được trồng rộng rãi ở vùng núi để làm cảnh và làm rau ăn. Cây thân cỏ, mọc bụi dày, sống lâu năm. Lá xếp hai dãy trên một mặt phẳng, dài 40 - 50 cm, rộng 0,5 - 1 cm, màu xanh bóng, mềm uốn cong ra. Cụm hoa trên cuống chung dài hơn lá, thẳng, cứng, màu xanh bóng. Hoa lớn tập trung thành



H.121. Hoa Hiên đỏ -
Hemerocallis fulva L.

tán (6 - 9 hoa), màu vàng, gốc hợp thành ống, trên chia 6 thùy thon dài, có hương thơm mát. Nhị thò ra ngoài bao hoa (Ảnh 121).

Mùa hoa tháng 5 - 7. Cây mọc khỏe, dễ nhánh dày có thể trồng bằng tách bụi có đủ rễ và chồi mầm (rất ít khi trồng bằng hạt). Cây ưa khí hậu mát lạnh, ẩm ướt, nhưng đủ nắng. Đất trồng cần làm kỹ bón lót đầy đủ. Cây trồng ở chậu bày dọc lối đi hay nơi hàng hiên rất đẹp.

IV.A.73. CÂY HOA HIÊN ĐỎ (Huyền thảo)

Orange day Lily, Lis rouge

Hemerocallis fulva (L.) L. (*H. disticha* Donn.)

Họ Hoa hiên (Hemerocallidaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á. Cây thân cỏ, sống lâu năm có củ nhỏ, thân rễ ngắn. Lá mọc tập trung ở gốc, hình mũi mác, hẹp, màu xanh bóng nổi rõ gân dọc. Cụm hoa có cuống chung dài bằng lá, phân nhánh mang 6 - 12 hoa. Hoa lớn màu vàng đỏ, không thơm. Cánh hoa hợp ở gốc thành hình phễu, trên chia 6 thùy có sọc ngang. Quả nang 3 cạnh, nhiều hạt bóng màu đen (Hình 121)

Các nhà vườn đã tạo ra nhiều chủng đẹp :

IV.A.73.a. *Hemerocallis fulva* L. var. *Kwanso* Hort.

Hoa lớn, cánh kép (The double orange Lily)

IV.A.73.b. *Hemerocallis fulva* L. var. *flore - pleno* Hort.

Hoa có cánh vàng đỏ và nhiều đốm đỏ ở giữa.

IV.A.73.c. *Hemerocallis fulva* L. var. *variegata* Hort.

Lá màu xanh với các vạch trắng.

IV.A.73.d. *Hemerocallis fulva* L. var. *hupehensis* Hort.

Hoa màu đỏ tươi, họng màu vàng.

IV.A.74. CÂY HOA LIS

Coral lily

Lilium pumilum DC.

Họ Hành (Liliaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á phương Bắc trồng chủ yếu ở vùng núi cao nước ta (Lâm Đồng) cây có củ, thân thẳng, tròn, cao

30 - 50 cm. Lá hình giải hẹp mọc đều đặn trên thân, màu xanh đậm, gân rõ. Hoa lớn mọc ở đỉnh thân, màu sắc thay đổi do các chủng lai khác nhau. Hoa nở bền, thơm, đẹp, rất ưa chuộng làm hoa cắm lọ hay trồng thành các bãi rộng.

IV.A.75. CÂY HOA PHẤN

Four o'clock; Marvel of Peru; Belle de nuit

Mirabilis jalapa L.

Họ Hoa giấy

(Nyctaginaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới; đôi khi mọc dại và được trồng rộng rãi ở khắp nước ta làm cây cảnh ở chậu, trong các bồn hoa. cây thân cỏ mọc thành bụi thưa, cao 0,4 - 1 m, phân cành nhánh nhiều, nhẵn, gốc có củ to. Lá đơn nguyên, cuống ngắn, mọc đối dạng bầu dục xanh bóng. Cụm hoa ở đầu cành hay ở nách các lá gần ngọn. Gốc cuống chung có 5 lá bắc xanh làm thành tổng bao. Hoa có nhiều màu khác nhau, từ trắng, vàng đến đỏ đậm. Cánh hoa hợp thành ống dài, đầu loe rộng, chia 5 thùy hình tam giác. Nhị thò ra ngoài cánh hoa. Quả bế trong cánh dài màu đen. (Hình 122)

Hoa nở quanh năm và rất thơm về đêm, thường nở về chiều tối, qua đêm và tàn vào sáng hôm sau.

Cây dễ trồng bằng hạt hay bằng các đoạn củ. Ươm gieo hạt dễ dàng ngay nơi bồn hoa. Sau 1 tháng đã có cây con và sau 1 năm, hoa đã nở rộ.



H.122. Hoa Phấn -
Mirabilis jalapa L.

IV.A.76. CÂY HOA PLỐC (Phước, Vẩy trúc)

Drummond Phlox

***Phlox drummondii* Hook.**

Họ Hoa Plốc (Polemoniaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (Texas), nay được gây trồng rất rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Cây thân cỏ mọc thành bụi nhỏ mềm, có lông trắng, nhám, phân cành ít, sống hàng năm, cao 40 - 50 mm. Lá mọc cách, thuôn hình giáo, không cuống, màu xanh bóng, có lông dài và thưa. Cụm hoa mang nhiều hoa có cuống dài, xếp sát nhau, dạng xim ở đỉnh, dài. Cánh hoa hợp thành ống trên chia 5 thùy rộng, tỏa tròn, màu sắc thay đổi từ trắng, hồng đến tím, đỏ có đốm đậm. Quả nang tròn có đài còn lại và mở theo 3 mảnh. (Ảnh 122).

Cây cho hoa rất đẹp, nở dần từng bông nên mùa hoa kéo dài, rất thích hợp trồng ở các bồn hoa, luống dài hay thành bãi rộng. Cây trồng bằng hạt hay giâm cành. Sau 2 tháng gieo, cây bắt đầu có nụ và sau 1 - 2 ngày hoa đã nở. Hoa nở bền, mùa hoa kéo dài cả tháng. Cây sau 3 tháng sẽ cho quả. Thu hoạch quả già, để khô lấy hạt. Bảo quản cho mùa trồng sau.

Hiện nay hoa Plốc có rất nhiều chủng và dạng đẹp, đều trồng làm cảnh. Thông thường chia làm 2 nhóm là :

IV.A.76.a. *Phlox drummondii* Hook. var. *rotundata* Voss.

Với cánh hoa gần tròn, rộng, mép nguyên.

IV.A.76.b. *Phlox drummondii* Hook. var. *stellaris* Voss.

Với cánh hoa hẹp, xếp dạng sao.

IV.A.77. CÂY HỎA HOÀNG

Crossandra à feuilles ondulées

***Crossandra undulaefolia* Salisb.**

(*C. infundibuliformis* Nees)

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, được gây trồng làm cảnh rất phổ biến ở các nước nhiệt đới khác, vì hoa đẹp, sắc sỡ, nở bền, rất thích hợp nơi bồn rộng, bãi cỏ hay vườn hoa. Cây thân cỏ, cứng, mọc

thẳng, tròn, có lông mịn, cao đến 1 m, phân cành nhiều. Lá mọc đối hay chụm 4 chiếc, dạng thuôn bầu dục, mép răn reo. Cụm hoa dạng bông dày đặc ở đỉnh, có nhiều lá bắc lớn bọc kín (khi còn nụ) và xòe rộng mang hoa kích thước trung bình, màu đỏ cam hay màu gạch tôm tươi, bóng. Hoa có dạng ống hẹp, trên chia 5 thùy không đều, lật ra ngoài. Quả nang mang 4 hạt (Ảnh 123).

Cây dễ trồng bằng hạt, cho hoa nở rộ vào đầu xuân.

IV.A.78. CÂY HỎA HOÀNG LAM (Cây hoa xinh)

Eranthemum pulchellum Andr. (*E. nervosum* R.Br.;
Daedalacanthus nervosus T. Anders.)

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ. Cây nhỡ, cao 0,7 - 1,5 m, nhẵn. Lá hình trứng, gốc thon có cuống dài, mép nguyên hay khía tròn, răn reo. Cụm hoa dạng bông dày đặc ở đỉnh. Lá bắc nhiều hình trứng hay nhọn đầu, có lông. Hoa lớn màu xanh hay tím. Cánh hoa hợp thành ống hẹp, dài, trên chia 5 thùy bằng nhau, loe rộng. Quả nang dài, có 4 hạt, dẹt.

Cây có hoa vào mùa xuân (tháng 2 - 3) hay cuối thu (tháng 9 - 10) cây trồng chủ yếu bằng hạt.

IV.A.79. CÂY HỒNG ANH

Corn Poppy, Coquelicot

Papaver rhoeas L.

Họ Thuốc phiện (Papaveraceae)

Cây có nguồn gốc từ Bắc châu Mỹ, được trồng rất rộng rãi ở châu Âu và châu Á. Cây thân cỏ, sống hàng năm, cao khoảng 60 - 80 m, có mũ trắng và có lông ráp. Lá chia thùy lông chim, mép khía răng, có cuống ngắn. Hoa lớn, trên cuống dài thẳng hay hơi cong, có lông ráp. Nụ hoa thuôn trái xoan. Hoa nở xòe rộng, cánh dài mau rụng. Cánh tràng xếp sát nhau thành một chén nông, loe ở miệng, màu đỏ, gốc có đốm đen. Nhị nhiều ở đáy hoa. Quả nang mở ra bằng lỗ ở đỉnh (Ảnh 124).

Cây ưa khí hậu ẩm, mát nên được gây trồng chủ yếu ở vùng núi

cao Nam Trung Bộ trở ra. Cây được gây trồng bằng hạt, chọn các quả già lớn, thu hoạch trước khi chín khô, đem phơi nơi mát thoáng gió để lấy hạt. Chọn hạt mẩy ươm gieo ở vườn hay trực tiếp ở chậu, bồn hoa. Hiện nay các nhà làm vườn đã tuyển chọn được chủng có màu sắc hoa khác nhau từ trắng, hồng đến đỏ, tím. Trồng xen lẫn nhau trong một bãi rộng rất đẹp. Sơ bộ có mấy chủng đặc sắc cho màu và kích thước của hoa khác nhau :

IV.A.79.a. *Papaver rhoeas* L. var. *umbrosum* Mott.

(*P. umbrosum* Hort.).

Hoa có cánh màu đỏ đậm, gốc họng có đốm đen.

IV.A.79.b. *Papaver rhoeas* L. var. *hookeri* W. Miller.

(*P. hookeri* Baker.).

Hoa có kích thước lớn; cánh hoa màu hồng nhạt, hay vàng nhạt, trắng, gốc họng có đốm đen.

IV.A.79.c. *Papaver rhoeas* L. var. *japonicum* Hort.

(Japanese pompons)

Cho hoa nhỏ rất đẹp, thích hợp với việc cắt cắm lọ bày ở bàn trà.

IV.A.80. CÂY HUỆ (Hoa huệ)

Tubèreuse, Tuberosa

***Polianthes tuberosa* Linn.**

Họ Thùa (Agavaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng rộng rãi ở khắp nước ta để lấy hoa cắm lọ. Đây là một loài rất phổ biến không những ở nước ta mà còn ở nhiều nước trên thế giới.

Cây thân cỏ sống hàng năm, gốc có củ trắng, thẳng đứng, tròn, mập màu xanh bóng, cao 0,8 - 1 m. Lá hình dải hẹp, màu xanh nhạt, mọc trắng, lõm lại thành hình máng, đầu thuôn dài, gốc thành bẹ ôm thân, mềm mọc đều đặn từ gốc. Cụm hoa dài khoảng 1 m thẳng đứng, mang hoa ở phần đỉnh, với lá tiêu giảm. Hoa thường xếp đôi một ở một điểm, trên cuống rất ngắn, hoa màu trắng thơm. Cánh hoa dính lại thành ống, hẹp và hơi cong, đỉnh loe rộng và có 6 thùy dài (Ảnh 125).

Cây rất được ưa chuộng, vì vẻ đẹp thanh cao và hương thơm ngát (nhất là về đêm), thường được bày cắm nơi bàn thờ và ngày lễ, tết. Cây dễ trồng ở các luống làm đất kỹ. Trồng bằng củ, xếp cách nhau đều đặn (20 - 25 cm). Lấp đất nhẹ, tưới nước đầy đủ. Sau khi trồng, khoảng 3 tháng, sẽ cho hoa và nở liên tiếp trong 3 - 4 tháng. Sau 2 - 3 năm, phải trồng lại và làm đất bón thêm phân... có thể gây trồng và cho hoa quanh năm.

Có hai dạng hoa khác nhau :

- Cây Huệ đơn (hay Huệ xẻ), cây thấp, hoa ngắn, thưa và có 2 vòng bao hoa (6 cánh), hương thơm ngát.

- Cây Huệ kép (hay Huệ tứ diện), cây cao, hoa dài, dày và cánh hoa có nhiều lớp. Tuy ít thơm hơn, nhưng cánh hoa kép được nhiều người ưa chuộng, nên gây trồng rộng rãi hơn.

IV.A.81. CÂY HUỆ DA CAM

Clivia a fleurs rouge minium

Clivia miniata Regel. (*Imantophyllum miniatum* Hook.)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ. Cây gần như không có thân, lá mọc dày đặc từ gốc; dạng giải, phẳng, màu xanh đậm bóng, trên cuống chung mập, thẳng, cao 30 - 40 cm mang hoa tập trung dạng tán dày ở đỉnh (12 - 20 chiếc). Cánh hoa hợp ở gốc chia 6 thùy dài, màu đỏ cam ở phần đỉnh, chuyển màu vàng ở gốc.

Hoa nở quanh năm, nhưng tập trung vào mùa mưa (Ảnh 126)

Cây trồng bằng tách bụi, rất ít khi bằng hạt. Cây cho cụm hoa đẹp, gây trồng ở chậu hay các bồn hoa rất thích hợp, cây ưa khí hậu mát, ẩm và đủ nắng. Có 1 vài chủng đặc sắc là :

IV.A.81.a. *Clivia miniata* Regel. var. *aurea* Hort.

Cây cho hoa màu vàng với họng rất đậm.

IV.A.81.b. *Clivia miniata* Regel. var. *striata* Hort.

Cây cho lá màu xanh với vạch trắng.

IV.A.82. CÂY HUỆ HỒNG

Eleutherine longifolia Gagnep.

Họ Lay ơn (Iridaceae)

Cây có củ màu đỏ. Lá thuôn dài mọc từ gốc thân sát đất. Cụm hoa có 3 đoạn cách xa nhau, mỗi đoạn có 3 - 5 hoa trong lá bắc lớn, hoa màu hồng. Quả nang mở 3 mảnh.

Cây được trồng bằng củ và làm cây cảnh ở chậu, ven lối đi hay trong các bồn hoa rộng.

IV.A.83. CÂY HUỆ TÂY (Bạch huệ, Loa kèn trắng)

Lys; Japanese Easter Lily, Long - Tubed white Lily,
Trumpet Lily

Lilium longiflorum Thunb.

Họ Hành (Liliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, hiện được trồng rất rộng rãi cả châu Âu, châu Mỹ và châu Á, vì hoa lớn, thơm, đẹp, rất thích hợp để cắm lọ. Cây thân cỏ sống lâu năm nhờ rễ củ dạng hàng mập, ngoài có lớp vẩy bao bọc. Thân tròn cứng, mập, thẳng đứng trên củ. Lá mọc dày đặc trên thân, tập trung nhiều ở gốc, màu xanh bóng, hơi thẳng, thuôn và mềm. Cụm hoa ở trên đỉnh thân, có 1 - 10 chiếc, lớn, màu trắng bóng ở cánh, hơi xanh ở gốc. Cánh hoa lớn, giống nhau làm thành một ống dài, loe rộng ở đỉnh, thùy hoa lớn, uốn cong ra. Nhị 6, bao phấn dài, màu vàng. Quả nang nhiều hạt (Ảnh 127).

Cây trồng chủ yếu bằng củ, đất phải tơi xốp, thịt hay pha cát. Làm đất kỹ, lên luống, đào lỗ, bón phân. Đặt củ, cách xa nhau 20 - 30 cm, sau 15 ngày, củ cho mầm và 50 ngày, cây mọc đều. Cần chăm sóc kỹ cây con, sau 5 tháng cây cho hoa. Mỗi củ cho một cây (rất hiếm có 2), mỗi cây cho 4 - 12 hoa. Cắt hoa phải để lại 1 phần thân, lá để củ tiếp tục sống.

IV.A.84. CÂY HUYẾT HOA (Hoa quốc khánh)

Blood Lily, *Haemanthus à fleurs nombreuses*

Haemanthus multiflorus (Tratt.) Martyn.

(*H. abyssinicus* Herb.; *H. tenuiflorus* Herb.)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới; hiện được trồng rất rộng rãi ở các tỉnh miền Bắc và vùng núi miền Nam nước ta. Cây trồng ở chậu rất đẹp, vì có củ hình cầu lớn, mọc ra thân mập tròn, thẳng, màu xanh với nhiều đốm đỏ nâu. Lá có 3 - 4 chiếc dính sát nhau, mềm, láng, có cuống ngắn. Cụm hoa trên cuống chung mập, thẳng, cao khoảng 30 cm, dẹt, màu xanh có đốm đỏ nâu, gốc cụm hoa có nhiều lá bắc làm thành tổng bao màu trắng. Hoa có cuống dài xếp dày đặc thành một tán dạng đầu, đường kính 10 - 15 cm, gồm 30 - 100 hoa màu đỏ tươi. Hoa có cánh hoa hợp thành ống dài, trên chia 6 thùy dài, hẹp. Nhị dọc dài, màu đỏ với bao phấn ở đỉnh màu vàng, thò ra ngoài cánh hoa.

Cây mọc khỏe, dễ trồng và cho hoa vào mùa thu. Có một chủng cho hoa màu tươi đậm hơn.

IV.A.84.a. Haemanthus multiflorus Martyn. var. *superbus* Hort.

IV.A.85. CÂY HUỐNG DƯƠNG (Cúc quỳ)

Common Sunflower; Soleil des jardins; Tournesol

***Helianthus annuus* Linn.**

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Bắc châu Mỹ, được trồng rộng rãi ở châu Âu lấy hạt có dầu. Ở Việt Nam chỉ trồng làm cảnh cho hoa đẹp vào dịp đầu năm. Cây thân cỏ sống hàng năm, thân dài, thẳng, tròn, cao 1 - 2 m, hơi có lông. Lá mọc đều đặn trên thân, gần như đối. Cuống lá dài, thẳng hay ngang, (10 - 20 cm). Phiến lá dạng bầu dục, gốc hình tim, thuôn hẹp và có mũi ở đỉnh, màu xanh nhạt, nhám. Cụm hoa hình đầu rất lớn ở phía đỉnh thân, rộng 20 - 25 cm, ngoài cụm hoa có 2 - 3 dãy lá bắc màu xanh mềm, dạng thuôn nhọn. Hoa ở xung quanh không đều, với cánh môi lớn, dài, màu vàng, mép khía răng. Hoa ở giữa đều, hình ống. Quả dẹt, cao, màu đen bóng. (Ảnh 128).

Cây trồng ở chậu hay ở bãi rộng làm cảnh cả cây, sau khi cụm hoa tàn thì cây cũng chết. Hiện nay, các nhà vườn để tạo ra nhiều dạng hoa đẹp với màu sắc khác nhau.

IV.A.85.a. Helianthus annuus L. var. californicus Hort.

Cụm hoa rất lớn, các cánh môi ở các hoa xung quanh đều kép.

IV.A.85.b. Helianthus annuus L. var. citrinus Hort.

Hoa xung quanh có cánh môi màu vàng với nhiều vạch hồng tươi.

IV.A.85.c. Helianthus annuus L. var. nanus Hort :

Cây lùn thấp (cao dưới 1 m) cụm hoa nhỏ, đường kính 10 - 12 cm, cánh môi của hoa xung quanh cũng kép.

Cây trồng bằng hạt. Sau khi gieo một tuần hạt đã nảy mầm. Sau 20 ngày nhổ ra và cấy ở vườn ươm. Sau 25 ngày bứng đem trồng ở chậu hay vườn hoa. Sau 70 - 75 ngày cây có hoa. Như vậy muốn có hoa vào dịp Tết Nguyên đán, cần gieo hạt vào tháng 10 dương lịch mỗi năm. Cần chăm sóc, làm đất, bón phân kỹ cho cây. Loại cây có thân cao cần có que chống hay ươm gieo 3 hạt 1 hốc, để chọn 1 cây mập.

IV.A.86. CÂY LA DƠN (Lay ơn, Đơn)

Glaieul, Gladiolus

***Gladiolus communis* Linn.**

Họ Lay ơn (Iridaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới và vùng Trung cận đông (phía tây của châu Á). Đây là một loài cho hoa đẹp, nên được gây trồng rất rộng rãi với nhiều dạng lai màu sắc khác nhau. Ở Việt Nam, cây được đưa từ châu Âu sang và đã lai nhiều thế hệ nên rất khó xác định taxon lai thật chính xác. Cây thân cỏ, có củ sống lâu năm. Củ dạng tròn, dẹt, cứng, chùm rễ ngắn mọc từ đáy củ. Thân dẹt, mềm mảnh, do đó khi trồng cần vun gốc và có que chống. Lá mọc 2 dãy trên một mặt phẳng, dạng hình kiếm nhọn, lá trước xếp chồng lên bẹ lá sau (có từ 7 - 9 lá), màu xanh bóng, gân rõ. Cụm hoa xim một ngã, mang hoa lớn, nở dần từ dưới lên đỉnh, hơi gầy khúc. Hoa không đều, cánh hoa xếp sát nhau thành hình phễu, trên loe rộng, màu sắc từ trắng qua vàng, cam đến đỏ, tím đậm. Quả nang, nhiều hạt. Cây có hoa gần như quanh năm, nhưng thường tập trung vào mùa rét (Đông Xuân), nhất là vào dịp Tết Nguyên đán. (Ảnh 129)

Ở Việt Nam, sơ bộ phân biệt một số dạng trồng phổ biến :

- *La đơn phần hồng cao* : cây cao trên 1 m, cụm hoa có 12 - 16 hoa, màu hồng.

- *La đơn phần hồng lùn* : cây cao dưới 1 m, cụm hoa có 10 - 14 hoa, màu hồng.

- *La đơn trắng* : cây cao 0,9 - 1,1 m, cụm hoa có 12 - 16 hoa, màu trắng.

- *La đơn tím đậm* : cây cao 0,6 - 0,8 m, cụm hoa có 10 - 12 hoa, cánh lớn màu tím đậm.

- *La đơn tím nhạt* : cây cao 0,6 - 0,8 m, cụm hoa có 10 - 12 hoa, cánh nhỏ, mỏng, màu tím nhạt.

- *La đơn đỏ* : cây cao 0,6 - 0,9 m, cụm hoa có 12 - 15 hoa màu đỏ tươi.

- *La đơn vàng* : cây cao 0,6 - 0,9 m, cụm hoa có 10 - 12 hoa màu vàng lợt

- *La đơn cá vàng* : cây cao 0,6 - 0,8 m cụm hoa có 10 - 12 hoa màu đỏ vàng

- *La đơn gạch* : cây cao 0,6 - 0,7 m, cụm hoa có 10 - 14 hoa, màu đỏ gạch.

- *La đơn san hô* : cây cao 1 - 1,2 m, cụm hoa có 13 - 17 hoa, màu đỏ nhạt.

Cây ưa khí hậu ẩm mát, chịu được rét, không chịu được nắng. Cây trồng bằng củ. Sau 60 ngày (giống ngắn ngày) đến 90 ngày (giống dài ngày), cây nở hoa. Cần làm đất kỹ, bón phân đầy đủ, nhất là phân đạm, đất trồng thích hợp là đất thịt nhẹ, nhiều mùn, dễ thoát nước. Chọn củ lớn (loại củ nhỏ cũng có hoa nhưng hoa nhỏ và dễ dể củ nhỏ), đường kính 2 - 4 cm, sau khi trồng vài vụ bỏ củ chính, thu hoạch các củ mới nảy ra thay thế. Đôi khi gây trồng bằng hạt (chủ yếu các dạng lai cho hoa màu sắc của bố mẹ) hạt gieo cũng sẽ cho ra củ, và lại chọn củ để giữ giống mới. Trồng củ theo các luống đã cày ải trước 10 - 15 ngày và trồng theo hàng kép (1 ha trồng 140.000 - 150.000 củ) hay hàng đơn (1 ha trồng 100.000 - 110.000 củ) củ trước khi trồng cần nhúng nước (10 phút) rồi để khô. Sau 3 - 5 ngày, có rễ non mới trồng. Sau 10 ngày, có 2 - 3 mầm và có 1 lá. Tia mầm phụ, cần vun gốc, tưới nước, bón phân đủ, cắt hoa khi còn đang nụ (1 - 2 hoa mới hé nở).

IV.A.87. CÂY LÁ GẤM

***Chrysothemis pulchella* (Donn.) Decaisne**

Họ Rau tai voi (Gesneriaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trinidad đến Amazone (châu Mỹ) nhập trồng ở các chậu nhỏ rất đẹp.

Cây thân cỏ mọc nước, mọc thành bụi nhỏ. Lá dày, mọc đối trên các đốt, dài 10 - 15 cm, màu xanh đậm ánh bạc, gân rõ, mép có răng. Cụm hoa ở nách lá, mọc xòe rộng, nhiều hoa dạng ống màu vàng có các vạch đỏ dọc ống và cạnh mép. Cánh hoa nở bền nhất là cánh dài màu đỏ cam.

Cây mọc khỏe, dễ trồng.

IV.A.88. CÂY LAN HUỆ (Náng trường sơn)

***Belladonna Lily*; *Amaryllis*, Barbados Lily**

***Hippeastrum equestre* Herb. (*Amaryllis equestris* Ait.)**

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ (Mêhicô, Chilê, và Brazil). Cây có củ hành hình cầu, lớn, màu nâu và có phần cổ ngắn. Lá mọc hai hàng, dày đặc sau khi hoa tàn. Lá hình dải hẹp, thuôn nhọn ở đỉnh. Cụm hoa mọc ra từ đỉnh củ, giữa đám lá, trên một cuống chung mập, tròn, thẳng màu xanh bóng, cao 30 - 40 cm (thường xuất hiện vào đầu mùa mưa) đỉnh mang 2 - 5 hoa. Gốc cụm hoa có 2 lá bắc lớn, màu xanh. Hoa có cuống ngắn, rất lớn. Cánh hoa dính lại thành ống ngắn, màu đỏ tươi, họng hơi xanh, và có vẩy. Quả nang hình cầu.

Để trồng làm cảnh, các nhà vườn thường chọn các chủng có hoa đẹp như :

IV.A.88.a. *Hippeastrum equestre* Herb. var. *alba* Hort.

Hoa màu trắng (Ảnh 130)

IV.A.88.b. *Hippeastrum equestre* Herb. var. *splendes* Truff.

Hoa màu đỏ, cuống dài (Ảnh 131).

IV.A.88.c. *Hippeastrum equestre* Herb. var. *fulgidum* Hort.

Hoa màu vàng cam tươi, mép cánh viền trắng.

IV.A.88.d. *Hippeastrum equestre* Herb. var. *ignescens* Hort.

Hoa màu đỏ thắm, mép và gốc cánh hoa màu trắng.

IV.A.88.e. *Hippeastrum equestre* Herb. var. *major* Hort.

Hoa lớn, màu vàng cam tươi, gốc cánh hoa màu xanh.

IV.A.89. CÂY LAN HUỆ MẠNG

Hippeastrum reticulé

Hippeastrum reticulatum Herb.

(*Amaryllis reticulata* L'Herit)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, được trồng rộng rãi ở nước ta làm cây cảnh ở chậu, cây viền lối đi, trên các bãi cỏ, bồn hoa. Cây có củ hành gần hình cầu, với một cổ ngắn ở đỉnh. Lá xuất hiện cùng với lúc hoa nở, dạng thuôn dài, dày, gân chính rất rõ, to, màu xanh bóng, nhẵn. Cụm hoa, dạng tán trên một cuống chung mập, thẳng, màu xanh bóng, dài 30 - 40 cm, đỉnh mang 3 - 6 hoa, gốc có lá bắc tổng bao nhỏ, mỏng. Hoa lớn có cuống dài, cánh hoa có màu hồng với các sọc đỏ dọc theo gân. Hoa nở vào đầu mùa mưa (mùa hạ).



Để trồng làm cảnh đẹp, các nhà vườn ở Lâm Đồng (Đà Lạt) thường chọn chủng :

IV.A.89.a. *Hippeastrum*

reticulatum Herb. var.

striatifolium Baker.

Cây có lá với gân giữa lớn màu trắng.

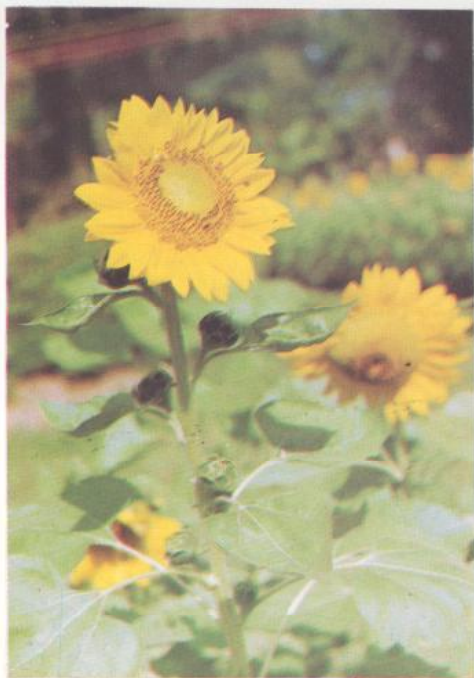
H.123. Liệt nữ -
Lychnis chalcidonica L.



Ảnh 126: Huệ da cam - *Clivia miniata* Regel.



Ảnh 127: Huệ tây - *Lilium longiflorum* Thunb.



Ảnh 128: Hường dương
Helianthus annuus L.



Ảnh 129: La đơn - *Gladiolus communis* L.



Ảnh 130: Lan huệ trắng
Hippeastrum equestre Herb. var. *alba* Hort.



Ảnh 131: Lan huệ đỏ
Hippeastrum equestre Herb. var. *splendens* Hort.



Ảnh 132: Mần mần cánh
Cloeme speciosa Raf.



Ảnh 133: Mào gà đỏ
Celosia cristata Linn.



Ảnh 134: Mào gà trụi - *Celosia cristata* L. forma *plumosa* Hort.



Ảnh 135: Mồm sói - *Antirrhinum majus* L.



Ảnh 136: Mười giờ - *Portulaca pilosa* L. Subsp. *grandiflora* (Hook.) Gees.



h 137: Náng tía - *Crinum amabile* Donn.



Ảnh 138: Nghệ sen - *Curcuma petiolata* Roxb.



Ảnh 139: Ngọc trâm - *Eucharis grandiflora* Planch & Linden



Ảnh 140: Păng xê - *Viola tricolor* L.



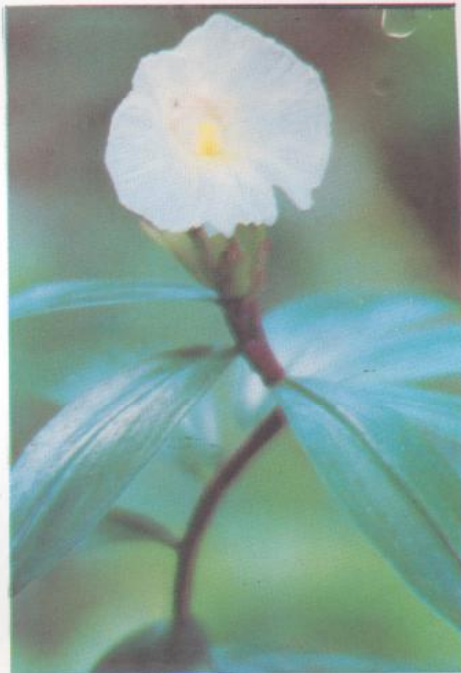
Ảnh 141: Phong huệ lớn
Zephyranthes carinata Herb.



Ảnh 142: Phong lữ
Pelargonium hortorum Closs.



Ảnh 143: Quả nố - *Ruellia tuberosa* L.



Ảnh 144: Sẻ vòng - *Costus speciosus* Smith.



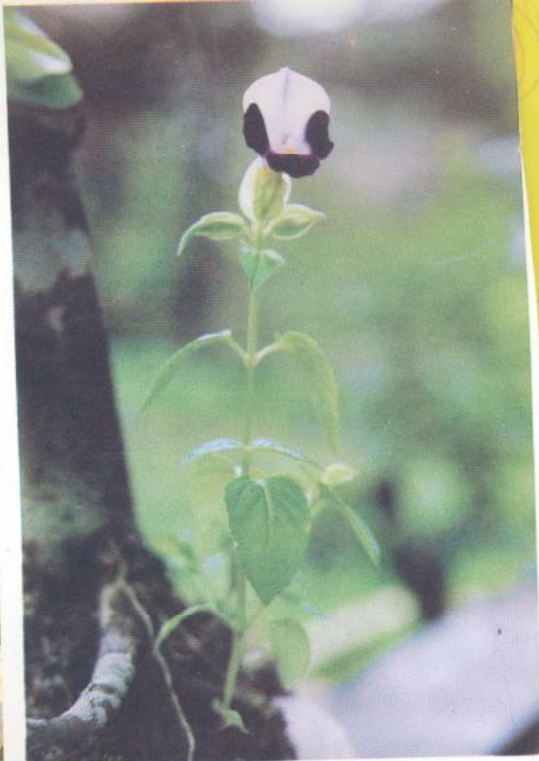
Ảnh 145: Thanh anh
Agapanthus umbellatus L' Her.



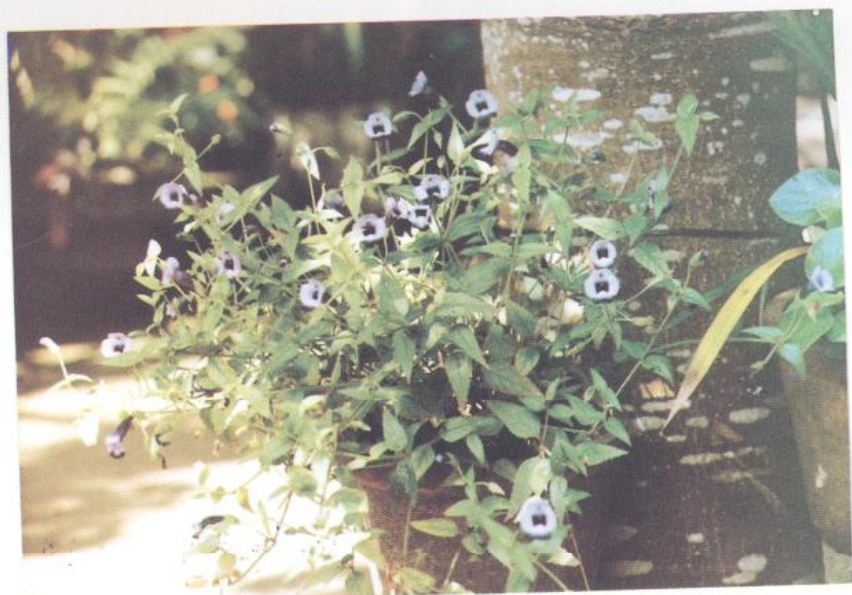
Ảnh 146: Thục quỳ - *Althaea rosea* (L.) Cav.



Ảnh 147: Thuộc được - *Dahlia pinnata* Cav.



Ảnh 148: Tô liên - *Torenia fournierii* Ldl.



Ảnh 149: Tô liên á - *Torenia asiatica* L.



Ảnh 150: Trường anh
Limonium sinuatum Mill.



Ảnh 151: Văn môn
Zantedeschia aethiopica Spreng.



Ảnh 152: Vĩ hoa tròn - *Anthurium andreaeanum* Ldl.



Ảnh 153: Anh đào đôi - *Prunus lannesiana* Wilson.



Ảnh 154: Bàng - *Terminalia catappa* L.



Ảnh 155: Bàng lăng nước - *Lagerstroemia speciosa* Pers.



Ảnh 156: Bồng nẻ - *Serissa foetida* Lam.



Ảnh 157: Bướm bạc phi - *Mussaenda philippica* var. *aurorae* Hort.



Ảnh 158: Bướm hồng - *Mussaenda erythrophylla* Schum et Thonn.



Ảnh 159: Cà độc dược cảnh
Datura suaveolens
Humb et Bonpl.

Ảnh 160: Cần thăng
Limonia accidissima L.





Ảnh 161: **Đại hớp** - *Magnolia grandiflora* L.



Ảnh 162: **Đại** - *Plumeria obtusifolia* L.



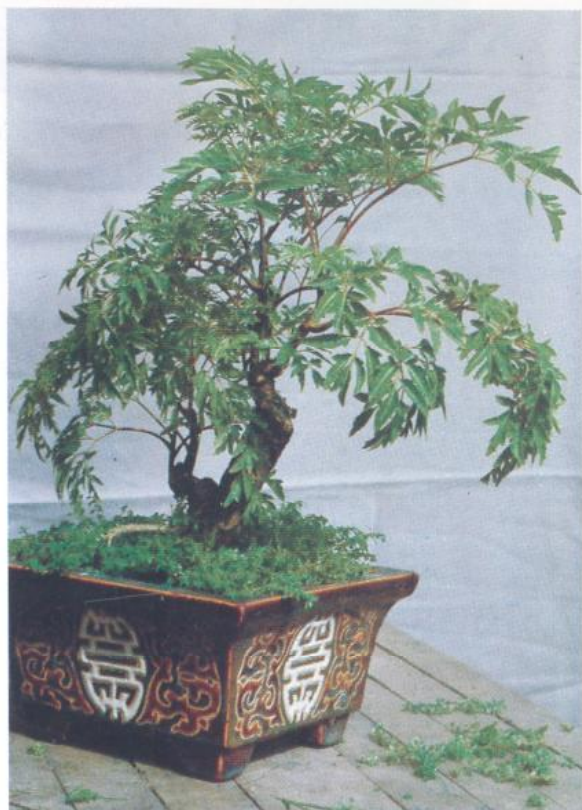
163: Đào - *Prunus persica* Sieb. et Zucc. Ảnh 164: Dầu lân - *Couroupita guianensis* Aubl.



Ảnh 165: Đơn đỏ - *Ixora macrothyrsa* Teijsm et Binn.



Ảnh 166: Đơn trắng
Ixora finlaysoniana Wall.



Ảnh 167: Đinh lăng lá ráng
Polyscias fruticosa Harms.

IV.A.90. CÂY LIỆT NỮ

Maltese Cross, Jerusalem Cross, Scarlet lightning

***Lychnis chalcedonica* Linn.**

Họ Cẩm chướng (Caryophyllaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, nhưng do được gây trồng làm cảnh từ rất lâu đời nên khó xác định xuất xứ, hiện cây được trồng nhiều ở Lâm Đồng - Đà Lạt. Cây thân cỏ sống lâu năm, cao khoảng 60 - 80 cm, nhẵn hay có lông thưa, thân đơn hay phân nhánh. Lá mọc đối màu xanh nhạt, dạng thuôn hình giáo, có gốc hình tim dính nhau, đầu thuôn nhọn, mặt lá răn reo nổi rõ 2 - 3 gân phụ. Cụm hoa hình đầu gồm nhiều hoa sát nhau. Cánh đài màu đỏ và tím ở đỉnh, cánh tràng màu đỏ hay tím, xòe ra đều đặn, có 2 phần phụ ở họng. Quả nang có nhiều hạt nhỏ (Hình 123).

Cây đẹp, hoa sắc sỡ, nở lâu tàn. Cây trồng bằng hạt. Các nhà vườn nước ngoài đã tạo ra được nhiều chủng cho hoa có màu sắc khác nhau, như màu đỏ gạch, màu đỏ thắm, màu hồng, màu trắng, và cánh hoa kép.

IV.A.91. CÂY LOA KÈN ĐỎ

Belladonna lily

***Amaryllis belladonna* Linn.**

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ Côlômbia, là một trong những loài cây cho hoa đẹp nhất, nên được gây trồng rất rộng rãi để lấy hoa cắm hoa lọ hay bày cả chậu. Cây thân cỏ sống lâu năm nhờ có củ dạng hành lớn, mập mọng nước, nhiều rễ ở gốc. Lá hình dải đẹp, nhọn, màu xanh bóng. Cụm hoa trên một cuống chung mập, màu xanh bóng, thẳng đứng, mang hoa lớn tập trung ở đỉnh, dạng tán. Hoa có 6 - 10 chiếc, trên cuống dài và có lá bắc tổng bao dạng mo ở gốc. Cánh hoa dính nhau thành ống, loe ra ở đỉnh, chia 6 thùy, lật cong ra ngoài, đầu thuôn dài, nhọn, màu đỏ hay thay đổi tùy các chủng và các dạng lai khác nhau. Quả nang tròn.

Hoa nở vào đầu xuân kéo dài qua mùa hè, thơm, cây trồng làm cảnh bằng củ. Hiện nay các nhà vườn tạo ra nhiều chủng có màu

sắc hoa khác nhau.

IV.A.91.a. Amaryllis belladonna Linn. var. *purpurea* Hort.

Hoa màu đỏ tía.

IV.A.91.b. Amaryllis belladonna Linn. var. *blanda* Voss

Hoa màu trắng.

IV.A.91.c. Amaryllis belladonna Linn. var. *rosea - perfecta* Hort.

Hoa màu hồng với các vạch trắng.

IV.A.91.d. Amaryllis belladonna Linn. var. *spectabilis tricolor* Hort.

Hoa màu hồng, ở gốc màu trắng.

IV.A.92. CÂY LỖ BÌNH (Lô biên)

Lobelia erinus L. (*L. bicolor* Sims., *L. gracilis* Hort.)

Họ Lỗ bê (Lobeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ miền Nam châu Phi. Ở Việt Nam, cây được trồng ở vùng núi cao Nam trung Bộ (Lâm Đồng - Đà Lạt). Cây thân cỏ, sống hàng năm, thẳng đứng, mọc thành bụi dày, có lông mịn, phân cành nhánh nhiều. Lá thay đổi, ở gần gốc thì dạng trái tù hay mo, mép khía răng, ở đỉnh lại thuần hình giáo, nguyên hay có răng, có lông thưa. Cụm hoa ở đỉnh thân, trên cuống dài, hoa thưa. Hoa nhỏ có cánh hoa hợp thành ống, chẻ về phía đến tận gốc, các thùy gần bằng nhau, màu xanh hay tím có đốm trắng hay hơi vàng, ở gần đỉnh. Quả nang (Hình 124)



H.124. Lỗ bình -
Lobelia erinus L.

Cây mọc khỏe, hoa nở quanh năm. Cây trồng chủ yếu bằng hạt, và đã được tạo ra rất nhiều chủng khác nhau

IV.A.92.a. *Lobelia erinus* L. var. *alba* Hort.

Cây có hoa màu trắng.

IV.A.92.b. *Lobelia erinus* L. var. *kermesina* Hort.

Cây có hoa màu đỏ tươi.

IV.A.92.c. *Lobelia erinus* L. var. *lindleyana* Hort.

Cây có hoa màu hồng với đốm lớn màu trắng.

IV.A.92.d. *Lobelia erinus* L. var. *marmorata* Hort.

Cây có hoa màu cẩm thạch.

IV.A.92.e. *Lobelia erinus* L. var. *speciosa* Hort.

Cây có hoa màu xanh da trời, và có đốm trắng.

IV.A.92.g. *Lobelia erinus* L. var. *tricolor* Hort.

Cây có hoa màu xanh hay tím, có đốm lớn trắng và các đốm nhỏ màu đỏ.

IV.A.92.h. *Lobelia erinus* L. var. *flore - pleno* Hort.

Cây có cánh hoa kép.

IV.A.93. CÂY LƯU LY THẢO (Đừng quên)

Scorpion grass, Forget me not; Ne m'oubliez pas

Myosotis palustris Hern. (*M. scorpioides* L.)

Họ Vòi voi (Boraginaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Âu và châu Á, mọc hoang dại trên vùng núi cao, nơi ẩm ướt (ven khe suối) của nước ta. Cây thân cỏ, sống lâu năm, mọc bò dài có rễ ở gốc. Lá thuôn hình giáo hay hình giáo ngược, gần như không có cuống. Lá màu xanh nhạt, nhẵn, gân



H.125. Lưu ly thảo -
Myosotis sylvatica Hoffm.

rõ. Cụm hoa thưa ở đỉnh. Hoa nhỏ xếp đều đặn trên cuống chung dài. Cánh hoa hợp lại thành ống nhỏ ở gốc, trên chia 5 thùy tròn xòe rộng màu xanh giữa có đốm màu vàng và 3 - 4 vạch ở mép. Mùa hoa tháng 5 - 7.

Cây nhỏ bé, dễ trồng và làm cảnh đẹp, nhất là trang trí cho các bờ nước, ven khe đá.

Để làm cảnh và trồng nơi chật hẹp, có thể chọn 1 chủng có dạng nhỏ hơn là :

IV.A.93.a. Myosotis palustris Hern. var. *semperflorens* Hort.

Ngoài ra còn có thể nhập trồng một loài tương tự.

IV.A.94. CÂY LƯU LY THẢO CẢNH

Myosotis sylvatica Hoffm.

Họ Vòi voi (Boraginaceae)

Cây thân thảo, sống lâu năm, mọc thẳng màu xanh. Lá thuôn hình giáo không cuống. Hoa màu xanh có đốm vàng. Cây có nguồn gốc ở Bắc châu Á. (Hình 125)

IV.A.95. CÂY MÀN MÀN CẢNH

Cleome speciosa Raf. (*Cl. speciosissima* Deppe)

Họ Màn màn (Capparaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng làm cảnh ở các tỉnh miền Nam nước ta (chủ yếu ở núi Nam Trung Bộ). Cây thân cỏ hàng năm hay bụi nhỏ sống lâu năm, phân cành nhánh nhiều, mập, cứng, có lông. Lá kép dạng chân vịt có 5 - 7 lá phụ, thuôn dài, nhọn cả 2 đầu, mép có lông, và răng cưa nhỏ. Cụm hoa dạng chùm lớn, thẳng đứng cao mang nhiều hoa tỏa rộng, đẹp, màu tím hay tím hồng mỗi hoa có một lá bắc đơn. Cánh tràng lớn có cuống, nở xòe rộng, dài đến 4 cm, mềm. Nhị dực dài, mảnh, thẳng, màu hồng. Bầu trên một cuống dài mảnh như nhị. Quả buồng xuống (Ảnh 132)

Cây cao hoa đặc sắc, đẹp. Hoa nở gần quanh năm rất thích hợp nơi vườn rộng, công viên hay bãi cỏ vùng núi cao. Có thể cắt hoa cắm lọ.

IV.A.96. CÂY MÀO GÀ (Mồng gà)

Cock's comb; crête de coq, Passe velours, Amarante crête de coq

Celosia argentea Linn.

Họ Rau giăn (Amaranthaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ). Cây thân cỏ sống hàng năm, mọc thẳng, mập có mủi, nhẵn, cao 0,3 - 1 m, màu xanh vàng. Lá hình-mũi mác, hẹp dần ở gốc, kéo dài và nhọn ở đỉnh. Cụm hoa ở ngọn, dạng bông mập, dày đặc, nhọn đầu. Hoa nhỏ, không cuống màu trắng hay đỏ hồng. Quả nang mở nắp. Hạt dẹt màu nâu đỏ hay đen, bóng.

Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng hạt, cho hoa nở vào dịp hè, thu lúc ít loài cây khác có hoa. Cây trồng cần đủ ánh sáng, ít đòi hỏi bón phân đậm. Khi có hoa, tia bỏ các mầm bên, cụm hoa rất lớn.

IV.A.97. CÂY MÀO GÀ ĐỎ

Cock's Comb

Celosia cristata Linn.

Họ Rau giăn (Amaranthaceae)

Cây thân cỏ thấp, nhẵn. Lá có cuống dài, dạng bầu dục, gốc thuôn dài hay dạng tim, nhẵn, mềm mại, màu xanh xám pha đỏ. Cụm hoa ở đỉnh, dạng khối dày, xoắn lại, phình rộng, mang nhiều hoa nhỏ bé xếp sát nhau, không cuống, màu đỏ. Hiện nay các nhà vườn đã tạo ra cụm hoa có nhiều màu sắc khác nhau để làm cảnh, từ màu đỏ tía, đỏ hồng, tím đến vàng. Cây trồng chủ yếu bằng hạt (Hạt dẹt, đẹp và nhẵn bóng). Hạt gieo sau 4 - 5 ngày đã nảy mầm. Sau 10 - 12 ngày nhổ đem cấy ở vườn ươm... Sau 15 ngày có thể đem trồng ở vườn hoa. Sau 70 ngày cây nở hoa (Ảnh 133).

Các dạng cho hoa đẹp, làm cảnh vào dịp tết nguyên đán có :

IV.A.97.a. *Celosia cristata* L. forma *bulba* Hort.

Cụm hoa rất lớn, xoắn lại thành hình cầu đỏ thắm (Mào gà lưỡi búa).

IV.97.b. *Celosia cristata* L. forma *plumosa* Hort.

(Célosie plumeuse).

Cụm hoa mảnh, dẹt đỉnh kéo dài, thưa, màu đỏ hay vàng xen nhau (Mào gà trụi) (Ảnh 134)

IV.A.98. CÂY MỠM SÓI (Mép dê)

Common or Large Snapdragon, Gueule de loup, Muflier

Antirrhinum majus Linn. (*An. latifolium* DC.)

Họ Mỗm Sói (Scrophulariaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng Địa trung hải, được trồng rất rộng rãi ở các vườn hoa, hoặc cắt cành cắm lọ. Cây cao 40 - 50 cm, thân cỏ sống hàng năm, thân tròn, thẳng mọc thành bụi nhỏ. Lá mọc đối ở phía dưới, mọc cách ở phía trên, dạng thuôn hình giáo, nguyên, mềm, xanh bóng. Cụm hoa dạng chùm ở đỉnh, mang nhiều hoa lớn xếp cách nhau đều đặn và nở dần từ dưới lên, màu sắc thay đổi từ trắng, vàng, hồng, đỏ, tím... Hoa có cánh tràng hợp thành ống rộng, hình túi ở gốc, có bướu, trên chia 2 môi như mỗm sói. Quả nang hình cầu, hạt nhỏ, ráp. (Ảnh 135)

Cây dễ trồng, chịu rét tốt, ưa nắng, không chịu được nóng hạn và úng nước. Cây trồng chủ yếu bằng hạt. Đất cần cày bừa kỹ, lên luống thấp. Hạt gieo được phủ lớp đất mỏng. Sau 6 - 8 ngày hạt nảy mầm, sau 1 tháng bung cây ở vườn ươm ra trồng. Sau 130 - 150 ngày, cây nở hoa. (gieo hoa mùa thu để đầu xuân có hoa). Các nhà vườn thường trồng các chủng có màu sắc hoa khác nhau.

IV.A.98.a. *Antirrhinum majus* L. var. *album* Hort.

Cây có hoa màu trắng.

IV.A.98.b. *Antirrhinum majus* L. var. *bicolor* Hort.

Cây có hoa hai màu khác nhau.

IV.A.98.c. *Antirrhinum majus* L. var. *coccineum* Hort.

Cây có hoa màu đỏ.

IV.A.98.d. *Antirrhinum majus* L. var. *variegatum* Hort.

Cây có lá xanh, vạch trắng.

IV.A.98.e. *Antirrhinum majus* L. var. *procerum* Hort.

Cây cao 60 - 90 cm, dùng để cắt hoa cắm lọ, hoa đủ màu sắc.

IV.A.99. CÂY MƯƠI GIỜ (Lệ nhi)

Rose moss; Pourpier à grandes fleurs

Portulaca pilosa L. subsp. *grandiflora* (Hook.) Gees.

Họ Rau sam (Portulacaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil và các nước Nam châu Mỹ. Cây thân cỏ mập, sống 1 hay nhiều năm, mềm, bò dài sát đất, mọc ra rễ nơi tiếp xúc với đất, nên bao phủ toàn bộ mặt đất nơi cây mọc. Lá mập, tiết diện tròn hay dẹt, phiến thuôn dài, đầu nhọn, gốc ôm thân. Hoa mọc ở đầu cành, lớn, rộng 2 - 4 cm gồm các cánh hoa mềm, rộng xếp tỏa tròn nhiều màu sắc khác nhau. Quả hộp, hạt nhỏ bé, màu đen. (Ảnh 136)

Cây rất dễ trồng bằng hạt hay các đoạn thân. Đất trồng cần tơi xốp và đầy đủ nắng vì càng nhiều nắng, cây càng cho nhiều hoa, và màu sắc càng sặc sỡ. Cây rất thích hợp trồng ở các bãi rộng nơi công viên hay ở bồn chậu lớn trồng xen các chủng có màu sắc hoa khác nhau. Hiện nay, có nhiều chủng rất đẹp với nhiều màu sắc như:

IV.A.99.a. *Portulaca pilosa* L. var. *thelusionii* Hort.
(*P. thellusionii* Lindl.)

Hoa màu vàng cam tươi.

IV.A.99.b. *Portulaca pilosa* L. var. *splendens* Hort.
(*P. gilliessii* Hook.)

Hoa màu đỏ tím tươi.

IV.A.99.c. *Portulaca pilosa* L. var. *albiflora* Hort.
Hoa màu trắng sáng.

IV.A.99.d. *Portulaca pilosa* L. var. *sulphurea* Hort.
Hoa màu vàng đậm.

IV.A.99.e. *Portulaca pilosa* L. var. *caryophylloides* Hort.
Hoa màu đỏ, vạch trắng.

IV.A.99.g. *Portulaca pilosa* L. var. *bedmannii* Hort.
Hoa màu trắng, vạch tím.

IV.A.100. CÂY MUỖI GIỜ NHỎ

Purslane, Pusley

Portulaca oleracea Linn.

Họ Rau sam (Portulacaceae)

Cây có nguồn gốc từ Bắc châu Mỹ, mọc hoang dại ở rất nhiều nước. Cây nhỏ bé, thân mập, tròn, nhẵn. Lá nhỏ dạng bầu dục hẹp, dày, màu xanh đậm hay đỏ nhạt. Hoa mọc ở đỉnh thân, nhỏ bé, màu vàng với cánh hoa mềm rần reo mở rộng.

Cây dễ trồng, mọc khỏe, thường được trồng để phủ đất nơi vườn hoa, ven lối đi hay trong các chậu nhỏ.

IV.A.101. CÂY NÁNG CỬ (Tỏi lơ trắng)

Long neck crinum

Crinum moorei Hook. f. (*C. makoyanum* Carr.;
mackeni Hort.; *C. natalense* Hort.; *C. colensoi* Hort.)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng Trung cận đông, được gây trồng làm cảnh ở vườn hoa, công viên khắp các nước nhiệt đới khác. Cây thân cỏ có củ lớn dạng bầu dục, rộng ở gốc thuôn ở đỉnh, mang ở đỉnh một phần cổ dài, cao đến 30 cm. Lá lớn, dài khoảng 1 m, xếp sát



nhau ở gốc, dạng thuôn dài nhọn ở đỉnh tù ở gốc thành bẹ, mép rần reo. Cụm hoa trên một cuống dài, mập mọc ra ở trên đám lá. Hoa tập trung 6 - 8 chiếc thành tán rộng, có cuống xanh. (Hình 126)

Hoa lớn dạng ống dài trên chia thùy rộng thuôn, màu trắng pha hồng. Nhị dài. Cây mọc

H. 126. Náng cử - *Crinum moorei* Hook. f.

khỏe, dễ trồng bằng củ hay tách chồi. Đất cần sâu, tơi xốp, đủ ẩm và nhiều nắng. Hoa nở đầu mùa mưa. Để làm cảnh thường chọn :

IV.A.101.a. Crinum moorei Hook. f. var. *album* Hort.
(*C. schmidtii* Rgl.)

Hoa hoàn toàn trắng.

IV.A.102. CÂY NÁNG TÍA (Tỏi lơi tía)

Sumatra crinum, *Crinole aimable*

Crinum amabile Donn.

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc ở Sumatra, cũng được gây trồng làm cảnh nơi bồn hoa, trong chậu lớn ở nhiều nước nhiệt đới. Cây thân cỏ, củ nhỏ hơn, với phần cổ ngắn nhưng có thân giả cao 50 cm. Lá mọc tập trung trên củ, lớn, dày, dài trên 1 m, dài thuôn có mũi, mép nguyên. Cụm hoa trên một cuống chung hơi dẹt, mang 20 - 30 hoa làm thành tán, rất thơm, gốc có một mo chung. Hoa có cuống dài, cánh hoa hợp thành ống trên chia 6 phiến dài, màu đỏ nhạt có vân tía ở giữa (Ảnh 137).

Nhị màu đỏ, tía, ngắn. Cụm hoa lớn có thể cắt cắm lọ.

Cây mọc khỏe, xanh tươi quanh năm, hoa nở đều vào mùa khô. Cây trồng bằng củ, đất trồng cần tơi xốp, thoát nước, bón phân đầy đủ.

IV.A.103. CÂY NGHỆ HƯƠNG

Freesia refracta, *Blazing star*

Freesia refracta Klatt.

(*Tritonia refracta* Ker.)

Họ Lay ƠN (Iridaceae)

Cây có nguồn gốc ở châu Âu.

Cây có củ nhỏ, dạng bầu dục. Lá hình giáo dài hẹp, mỏng màu xanh bóng, xếp 2 dãy uốn cong ra ngoài, mềm, đầu nhọn. Cụm hoa mang nhiều hoa xếp sát nhau, rất thơm,



*H.127. Nghệ hương -
Freesia refracta* Klatt.

màu trắng vàng nhạt, pha màu tím nhạt. Cánh hoa làm thành ống hẹp, dài khoảng 3 - 4 cm, đỉnh chia thùy loe rộng có 6 cánh thuôn nhọn. Cuống chung mảnh làm cho cả cụm hoa uốn cong xuống. (Hình 127)

Cây mọc thành bụi cho hoa dày đặc rất đẹp vào mùa đông - xuân. Cây trồng bằng củ hay hạt (vào tháng 4 - 6). Ở vùng núi Nam Trung Bộ nước ta (Đà Lạt) nhân dân còn trồng 1 loài khác là :

IV.A.104. CÂY NGHỆ HƯƠNG CẢNH (Nghệ hương lai)

Tritonia crocosmaeflora Lemoine

Họ Lay ƠN (Iridaceae)

Là loài lai giữa : *T. pottsii* Benth. (*Montbretia pottsii* Baker) với *Crocasmia aurea*. Cây có củ nhỏ. Lá hình dải hẹp, nhọn đầu, dài 20 - 40 cm, xếp 2 dãy đều đặn. Cụm hoa trên cuống chung cứng, cao 30 cm, mang hoa trên một mặt phẳng. Hoa lớn, hình ống ngắn ở gốc trên có 6 cánh lớn, màu vàng cam đậm. (Hình 128)

IV.A.105. CÂY NGHỆ HƯƠNG ĐÀI (Phong nhạn)

Trimezia martinicensis (L.) Herb.

Họ Lay ƠN (Iridaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được trồng rộng rãi ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây có củ. Lá mọc 2 dãy trên một mặt phẳng. Lá hẹp, dẹt, hình dải thuôn dài, màu xanh bóng, mềm. Cụm hoa trên cuống chung dài, mập, mọc ra ở giữa 2 dãy lá, cao 10 - 30 cm, màu xanh, mang 3 - 6 hoa ở đỉnh. Mỗi hoa có 1 lá bắc lớn ôm lấy cuống chung màu xanh bóng. Hoa màu xanh ở mặt ngoài, màu vàng và có gốc màu nâu ở mặt trong, khi hoa nở, cánh hoa xòe rộng. Quả nang.



H.128. Nghệ hương cảnh
Tritonia crocosmaeflora
Lem.

IV.A.106. CÂY NGHÊ SEN

Queen lily

Curcuma petiolata Roxb.

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ và các nước châu Á khác. Cây có củ bò dài mang lá lớn có bẹ làm thành thân giả thẳng màu xanh bóng. Phiến lá rộng, gân nổi rõ. Cụm hoa mọc từ củ, thẳng đứng trên 1 cuống chung mập, mang hoa lớn xếp dày đặc thành 1 bông ở đỉnh. Hoa màu tím sáng với điểm vàng lớn. (Ảnh 138)

Cây mọc rải rác vùng núi cao Nam Trung Bộ nước ta, và hoa nở rộ vào mùa mưa, sau đó lụi đi để năm sau ra chồi mới. Cây làm cảnh đẹp ở chậu hay cắt cành cắm lọ. Cây mọc tự nhiên và gây trồng bằng các đoạn củ, mọc khỏe, dễ trồng, cần đất tơi xốp, đủ nước, nhưng có thể chịu được mùa khô dài (lúc cây lụi).

IV.A.107. CÂY NGỌC TRÂM

Amazone lily

Eucharis grandiflora Planch. et Linden.

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ Columbia (châu Mỹ). Cây có củ trong đất. Lá mọc sát đất, có cuống dài trên mang phiến thuôn đều cả 2 đầu, dài 20 - 30 cm, gân khá rõ, màu xanh bóng mềm. Cụm hoa dạng tán trên cuống chung dài màu xanh. Hoa lớn màu trắng, cánh hoa dạng ống ở gốc. Nhị 6 dính nhau thành ống cao, hơi xanh. Hoa thơm. Quả nang 3 cạnh. (Ảnh 139).

IV.A.108. CÂY NGỌC TRÂM VOI (Ngải hùm)

Brisbane Lily, *Eurycles sylvestre*

Eurycles amboinensis (L.) Loudl.

(*E. silvestris* Slisb.; *Pancraticum amboinense* L.)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới của cả 2 bán cầu (Ostraylia). Cây có thân củ nhiều vảy bao bọc, và mọc cao từ 0,7 - 1 m. Lá dạng tròn màu xanh nhạt, đỉnh có mũi nhọn ngắn, mép

nguyên, gân cong. Cuống lá hình lòng máng. Cụm hoa dạng tán trên 1 cuống chung mập, dài 50 - 60 cm, mọc ra từ nách lá, mang 10 - 40 hoa đẹp. Hoa lớn, màu trắng hay trắng vàng nhạt có cuống dài. Cánh hoa hợp thành ống ở gốc, trên chia 6 thùy thuôn nhọn. Nhị 6 dính trên ống bao hoa.

Hoa nở rộ vào mùa mưa (tháng 5 - 8), đẹp làm cảnh ở chậu hay trong các bồn hoa rất thích hợp. Cây được gây trồng chủ yếu bằng tách củ hay hạt.

Cây dễ mọc, ưa đất tốt và đủ nắng, nhưng cũng chịu được che bóng một phần, do đó làm cây trang trí trong phòng khá đẹp (lúc cây nở hoa).

IV.A.109. CÂY NGŨ PHƯƠNG (Hoa tí ngọ)

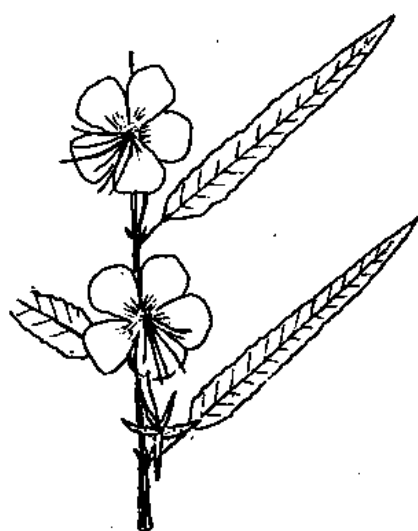
Pentapetes phoenicea Linn.

Họ Trôm (Sterculiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, được gây trồng làm cảnh ở các tỉnh phía Nam nước ta.

Cây thân cỏ sống hàng năm hay lâu năm, cao 1 - 2 m phân cành nhánh ít, mọc thẳng cứng, hẹp, nhọn. Lá hình giáo hẹp, mép có răng to, thuôn dài ở đỉnh, rộng ở đáy, gân giữa nổi rõ. Cuống lá mảnh, dài. Hoa đơn độc ở nách lá, lớn 3 - 4 cm. Cánh tràng 5 xếp tỏa rộng xòe ra trên mặt phẳng, màu đỏ đậm, tươi, đặc biệt có 5 nhị lép rất dài và lớn hơn thò ra ngoài hoa rất đẹp. Quả nang. (Hình 129)

Cây có hoa đẹp, nở xòe ra vào lúc nắng và cúp lại vào các buổi sáng và buổi chiều. Cây trồng ở chậu trong vườn rất



H.129. Ngũ phương -
Pentapetes phoenicea L.

thích hợp. Có thể trồng thành bụi dày hay thảm hoa nhỏ (mặc dù có lá nhiều), cây mọc khỏe, dễ trồng bằng hạt hay thảm hoa nhỏ (mặc dù có lá nhiều), cây mọc khỏe, dễ trồng bằng hạt hay giâm cành, ít đòi hỏi chăm sóc (đôi khi gặp mọc hoang dại).

IV.A.110. CÂY NGŨ TINH

Pentas lanceolata Schum.

(*P. carnea* Benth., *Ophiorrhiza lanceolata* Forsk.)

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới, hiện được gây trồng rộng rãi. Cây thân cỏ mọc thẳng hay bò dài thành bụi, có lông, có lông dài 5 - 15 cm. Lá mọc đối, hình bầu dục hay thuôn hình giáo, hẹp dần ở gốc và có cuống dài. Cụm hoa ngắn làm thành chùm ở đỉnh thân, thẳng, có lông. Hoa có cánh tràng hợp thành ống dài, trên chia 5 thùy hẹp, có lông, thường màu đỏ thắm ở trong, màu hồng ở ngoài. (Hình 130)



H.130. Ngũ tinh -
Pentas lanceolata Schum.

Cây trồng dễ dàng bằng hạt và chóng có hoa. Hoa nở bền và cụm hoa lớn rất thích hợp để trang trí cả chậu hay cắt cành cắm lọ.

Trên thế giới có vài chủng có màu sắc khác nhau, làm cảnh đẹp.

IV.A.110.a. *Pentas lanceolata* Schum. var. *kermesina* Hort.

Hoa có màu hồng tía, họng màu tím.

IV.A.110.b. *Pentas lanceolata* Schum. var. *alba* Hort.

Hoa có màu trắng.

IV.A.110.c. *Pentas lanceolata* Schum. var. *quartiniata* Hort.
(*P. quartiniana* Oliver).

Hoa màu hồng. Đây là chủng hoa đẹp nhất.

IV.A.111. CÂY PĂNG - XÊ (Hoa tím, Mộng tưởng)

Pansy, Violet, Heartsease Pensée,

Viola tricolor Linn.

Họ Hoa tím (Violaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Âu, nay được trồng rộng rãi ở các tỉnh miền Bắc và vùng núi Nam Trung Bộ nước ta, làm cây cảnh ở chậu nhỏ. Cây thân cỏ sống hàng năm hay lâu năm, ngắn, phân cành ít. Lá mọc sát gốc, dạng trái xoan, tròn hình tim có răng thưa, những lá ở phía trên dạng thuôn bầu dục hay hình giáo. Lá kèm lớn như lá thường, có dạng xẻ lông chim. Hoa lớn, mọc đơn độc trên một cuống dài. Cánh hoa 4, hướng lên, xòe rộng nhiều màu, tím, hồng, vàng xen lẫn nhau. Quả nang, nứt có 3 cạnh, mở ra 3 mảnh. (Ảnh 140)

Hiện nay các nhà vườn châu Âu đã gây trồng được nhiều chủng có hoa đẹp, kích thước khác nhau để làm cây trang trí trong vườn cũng như trong nhà.

IV.A.112. CÂY PĂNG XÊ THƠM (Hoa tím thơm)

Sweet violet, Violettes, Pensées,

Violette odorante

Viola odorata Linn.

Họ Hoa tím (Violaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Âu, nhưng gây trồng rộng rãi cả ở châu Á và châu Phi. Cây mọc thành bụi nhỏ, sống lâu năm, gốc có nhiều chồi nên dễ nhánh dày. Lá mọc sát đất có cuống dài, phiến hình tim, gốc tròn, mép có răng tù. Hoa trên cuống dài, vươn cao hay hơi cong, mang hoa lớn có cánh hoa mỏng, mềm mại, viền mép màu tím đậm, rất ít khi có màu hồng hay trắng, gốc hoa có 2 lá bắc và có móng. Hoa rất thơm. Quả nang nở 3 mảnh. (Hình 131)



H.131. Păng xê thơm -
Viola odorata Linn.

Cây dễ trồng, cho hoa nở vào năm thứ hai, cây được trồng chủ yếu bằng hạt (đôi khi nhân giống bằng tia mầm từ cây mẹ). Đất gieo cần làm kỹ, đủ phân tro và đủ ẩm. Sau 1 tuần gieo, hạt đã mọc. Cần che nắng và tưới ẩm nước. Sau 2 tháng có thể bứng cây ở vườn ươm đem trồng ở chậu hay các bồn hoa. Cây cần chăm sóc kỹ, nhổ cỏ dại, và đủ ẩm, mát. Sau 100 ngày trồng, cây có thể ra hoa và mùa hoa kéo dài 3 - 4 tháng. Chọn cây cho hoa đậu thành quả mập làm cây giống.

IV.A.113. CÂY PĂNG XÊ NHỎ

Viola hybrida Hort.

Họ Hoa tím (Violaceae)

Cây được trồng rộng rãi ở vùng núi Nam Trung Bộ. Cây thân cỏ, mọc thẳng chỉ cao dưới 20 cm. Lá có bẹ và mép khía răng cưa nhỏ. Hoa nhỏ ở đỉnh một cuống dài mảnh. Hoa có 2 cánh trên màu tím, hai cánh bên màu vàng, còn cánh giữa lớn nhất màu vàng có gốc và đỉnh màu tím, gốc hoa có móng ngắn. Hoa nở vào vụ đông xuân, rất thích hợp ở các chậu nhỏ bày ở bàn trà, trong nhà.

IV.A.114. CÂY PHONG HUỆ (Tóc tiên, Huệ đỏ)

Zephyrflower, Fairy Lily, Amaryllis de Virginie

Zephyranthes rosea (Spreng.) Lindl.

(*Amaryllis carnea* Schult.)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ Cuba. Ở Việt Nam, cây được trồng chủ yếu nơi bồn cỏ làm đường viền cho lối đi trong vườn, ít khi được trồng ở chậu. Cây có củ dạng hành, ngoài có vẩy và trong nạc. Lá hẹp dài, màu xanh bóng, mềm, mọc từ củ, sát đất. Cụm hoa mọc trên cuống chung dài giữa đám lá. Hoa xuất hiện vào mùa mưa, thường chỉ nở 1 hoa. Hoa có cánh hoa lớn xếp đều đặn 2 vòng, mỗi vòng 3 cánh, tỏa rộng ở phía đỉnh, mềm, nhẵn, bóng, gốc hơi dính nhau thành 1 ống ngắn, màu hồng tươi, rất thơm. Quả nang mở 3 mảnh...

Cây có dáng lá đẹp, lá xanh và hoa đều hấp dẫn nên rất được ưa chuộng trồng ở vườn. Cây trồng dễ dàng bằng tách củ ít khi bằng hạt.

IV.A.115. CÂY PHONG HUỆ LỚN

***Zephyranthes carinata* Herb. (*Z. grandiflora* Lindl.)**

Cây có nguồn gốc từ Cuba, Mêhicô, Guatemala, và có hình dạng giống cây trên, nhưng hoa lớn hơn, màu hồng rất đẹp, thường được trồng ở vùng núi cao Nam Trung Bộ (Đà Lạt) của nước ta. (Ảnh 141)

IV.A.116. CÂY PHONG HUỆ VÀNG

***Zephyranthes ajax* Hort.**

Cây có củ lớn khoảng 1 cm. Lá hẹp và dài màu xanh bóng, lõm hình lòng thuyền, mềm, uốn cong. Cụm hoa trên cuống dài mọc thẳng mang hoa ở đỉnh. Hoa màu vàng nhạt.

IV.A.117. CÂY PHONG HUỆ TRẮNG

Atamasco Lily

***Zephyranthes atamasco* Herb.**

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, nay được trồng làm cảnh chủ yếu ở các tỉnh phía Nam nước ta. Cây giống các loài trên, nhưng hoa lớn màu trắng.

IV.A.118. CÂY PHONG LŨ

Common Fish, Bedding Geranium, *Pelargonium des jardins*

***Pelargonium hortorum* Closs. (*P. zonale* (L.) W. Ait)**

Họ Phong lữ (Geraniaceae)

Cây có nguồn gốc không rõ ràng, có lẽ từ Nam châu Phi, nay được trồng rộng rãi ở vùng núi Nam Trung Bộ nước ta. Cây thân cỏ, sống lâu năm, mọc thành bụi dày, mập. Lá có cuống dài, phiến tròn, mép chia thùy tròn và có răng đều. Gân lá chân vịt, phiến lá màu xanh bóng điểm các vệt màu đậm xếp đồng tâm (giải viên có thể màu trắng hay hồng gọi là “Lá viên bạc”, “Lá viên vàng”). Cụm hoa trên cuống chung lớn, mọc thẳng, hoa xếp đều đặn trên cuống dài làm thành tán thưa.

Hoa có 4 cánh lớn xếp tỏa rộng, màu trắng, hồng hay đỏ với các vạch lớn đậm trên gân. Đầu cánh hoa mở rộng đôi khi lõm hình tim. Quả nang, 1 hạt (Ảnh 142).

Tùy theo màu sắc và các vết đốm của hoa, lá mà chia ra nhiều chủng khác nhau, vì đây là 1 loài lai có thể giữa *P. zonale* Willd. với *P. inquinans* Ait., nên các chủng sau khó xác định.

IV.A.119. CÂY QUẢ NỔ

***Ruellia tuberosa* L.**

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, nay mọc hoang dại rất rộng rãi trên các bãi cỏ suốt từ Bắc vào Nam của nước ta. Cây thân cỏ sống lâu năm, gốc có nhiều củ tròn dài, thân mọc thẳng tiết diện vuông, phình rộng ở các đốt mang lá. Lá mọc đối, hình bầu dục, đầu tù, gốc thuôn, mặt trên có lông thưa, mép lá có lông cứng. Cụm hoa ở nách lá, hoa thưa, lớn màu lam tím có cánh tràng hợp ở gốc, trên loe thành ống rộng, chia 5 thùy bằng nhau, lõm ở đầu. Quả nang cứng hơi cong, màu đen. Khi ướt, mở mạnh để tung hạt ra xa (Ảnh 143)

Cây mọc dại nhưng hoa lớn khá đẹp, có thể cắt cành cắm lọ được. Hoa nở gần quanh năm, tập trung vào mùa khô.

IV.A.120. CÂY RÂU HÙM (Củ nưa)

***Tacca pinnatifida* Forst.**

(*T. leontopetaloides* (Linn.) O. Ktze.)

Họ Râu hùm (Taccaceae)

Cây có nguồn gốc phân bố từ châu Phi qua châu Á (Ấn Độ) đến Australia. Cây có củ nạc sống lâu năm. Chỉ có 1 lá lớn, dài đến 1 m, cuống dài hình trụ, mặt màu xanh có nhiều vân đậm, gốc phình lớn thành bẹ. Phiến lá chẻ 3 lần lông chim không đều nhau. Cụm hoa trên một cuống dài hơn lá, mặt, màu xanh với các vân màu xanh đậm như cuống lá, trên mang hoa lớn xếp thành dạng tán. Mỗi cụm hoa có 15 - 25 hoa, hoa hình ống, trên chia 6 thùy màu xanh xám. Quả gần hình cầu.

Cây mọc hoang dại trong rừng nơi đất sâu, ẩm vùng núi cả ở Bắc lẫn Nam Trung Bộ. Cây có dáng kỳ lạ có thể gây trồng làm cảnh dưới tán các cây gỗ nơi công viên.

IV.A.121. CÂY RÂU MÈO

Orthosiphon aristatus (Bl.) Miq.

(*O. stamineus* Benth. in Wall.)

Họ Hoa môi (Lamiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ), nay được trồng làm cảnh ở khắp vùng nước ta. Cây thân cỏ, sống lâu năm, cao khoảng 1 m, thân cành có tiết diện vuông, nhẵn. Lá dạng bầu dục, thuôn dài ở gốc và đỉnh, mép khía răng cưa thưa lệch, cuống ngắn. Cụm hoa ở ngọn, gồm nhiều xim đơn cách xa nhau. Mỗi đốt có 6 hoa màu tím nhạt hay gần trắng, cánh tràng hợp thành ống dài, trên chia 2 môi. Nhị rất dài, thò ra ngoài và màu đỏ làm cho hoa rất hấp dẫn. Quả bế nhỏ, nhẵn bóng.

Cây trồng chủ yếu bằng hạt, cụm hoa lộ ra ngoài đám lá thưa rất đẹp.

IV.A.122. CÂY RÂU MÈO MÀNH (Phong diệp yếu)

Orthosiphon marmoritis Dunn.

Họ Hoa môi (Lamiaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á nhiệt đới và Australia. Cây thân cỏ sống lâu năm, cao độ 0,5 m. Lá hình bầu dục gần tròn, phình rộng ở giữa, thót lại ở gốc và có mũi ở đỉnh, mép khía răng to. Cụm hoa ở đỉnh dạng nhiều xim đơn, mỗi đốt có 6 hoa. Hoa trung bình, hình ống màu tím. Nhị rất dài thò ra ngoài hoa. Quả bế màu vàng đậm.

IV.A.123. CÂY RỄ QUẠT (Xạ can)

Fleur de Léopard, Iris tigré, Blackberry Lily, Leopard Flower

Belamcanda chinensis DC.

(*B. punctata* Moench, *Iris chinensis* L.;

Moraea chinensis Thunb.; *Pardanthus chinensis* Ker.)

Họ Lay ơn (Iridaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc - Nhật Bản, được gây trồng ở khắp nước ta để làm cảnh và làm thuốc. Cây cũng mọc hoang dại vùng đồi núi Trung du miền Bắc Việt Nam. Cây thân cỏ, sống lâu năm nhờ thân rễ dài, mọc bò. Thân cao khoảng 0,5 m. Lá mọc

thẳng xếp 2 hàng trên một mặt phẳng, hình kiếm có bẹ. Cụm hoa thưa, phân nhánh nhiều, trên cuống chung dài. Hoa xếp trên một mặt phẳng, màu vàng cam có đốm đỏ. Quả nang có sọc ngang, hạt màu xanh đen, hình cầu, sáng bóng. (Hình 132)

Cây trồng bằng hạt hay tách bụi (một phần thân rễ), ít đòi hỏi chăm sóc, cần đủ nắng và nước.

IV.A.124. CÂY RY ĐẸP (Riềng nước, Gừng ẩm)

Shell-flower

Catimbum speciosum (Wendl.) Holtt.

(*Alpinia nutans* Roscoe)

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Ấn Độ) mọc hoang dại nhiều ở các tỉnh vùng Trung du nước ta. Cây cho hoa đẹp, dáng bụi dày nên có thể gây trồng làm cảnh được.

Cây thân cỏ, cao đến 3 m, có thân rễ dài mọc ra nhiều lá lớn, xếp sát nhau làm thành thân giả mập, cứng, thành bụi dày. Lá hình mũi mác nhọn, nhẵn, màu xanh đậm, bẹ ngắn có lông mềm. Cụm hoa hình chùy nghiêng mọc ra ở đỉnh dài đến 30 cm, màu đỏ có lông vàng. Hoa hình ống to, đẹp, màu trắng có đỉnh tía. Cánh môi màu vàng, viền đỏ có 3 thùy. Quả nang hình cầu màu đỏ, có lông.

Cây dễ trồng bằng các đoạn thân rễ (củ) mọc khỏe, cho hoa đều trong năm.



H. 132. Rẻ quạt – *Belamcanda chinensis* DC.

IV.A.125. CÂY SÂM CHUA (Bụp giấm)

Roselle, Jamaica Servel, Oseille de Guinée

Hibiscus sabdariffa Linn. (*H. rosella* Hort.)

Họ Bông (Malvaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới Cựu lục địa, nay được gây trồng làm cảnh và làm rau. Cây thân cỏ, mập, lớn, cao đến 3 m, sống hàng năm. Thân nhẵn, hình trụ, ít phân nhánh, màu hồng. Lá ở gốc thân, thuôn hình giáo và mép khía răng, nhẵn. Hoa đơn độc ở nách lá, có cuống rất ngắn. Cánh dài và cánh dài phụ, mập màu vàng hay trắng, trung tâm đỏ. Nhị dính lại thành cột ngắn, bao quanh vòi nhụy. Quả nang có lông, nhiều hạt.

Cây trồng rất dễ bằng hạt. Cây mọc khỏe, ít chăm sóc, cho hoa nở rộ khá đẹp, gần như quanh năm.

IV.A.126. CÂY SẼ ĐỎ

Red ginger

Alpinia purpurata Linn.

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Cây có nguồn gốc từ Molucca đến Tân Calêdoni.

Cây mọc bụi nhỏ, do thân rễ lớn trong đất. Thân giả thẳng cao 2 - 5 m. Lá lớn, có cuống và có bẹ dài ở gốc. Cụm hoa ở đỉnh dài 30 - 50 cm, dạng bông dẹt. Lá bắc lớn màu đỏ rất bền. Hoa nhỏ màu trắng.

Cây trồng ở chậu hay sát bờ tường, dọc lối đi rất đẹp.

IV.A.127. CÂY SẼ VÒNG (Chóc, Cát lỏi)

Costus remarquable

Costus speciosus (Koenig) Smith.

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ). Ở Việt Nam, cây mọc hoang dại nơi ven đồi, ven rừng hay trong các bãi cỏ ẩm ướt vùng đồi núi. Cây có thể gây trồng làm cảnh vì hoa đặc sắc. Cây thân cỏ cao đến 3 m, có khi phân cành ở ngọn, và gốc hóa gỗ.

Lá hình trái xoan ngược, thuôn dài, đầu nhọn, gốc thuôn, xếp xoắn ốc do bẹ lá ở gốc phẳng hay nghiêng. Cụm hoa ở ngọn. Lá bắc màu đỏ. Hoa to, đẹp, màu hồng hay trắng ở ngoài, màu vàng nhạt trong họng. Quả nang, có nhiều hạt đen. (Ảnh 144)

Cây có hoa đẹp, nở rộ, liên tục quanh năm.

IV.A.128. CÂY SEN CẠN (Địa liên)

Nasturtium, Capucine

Tropaeolum majus Linn.

Họ Sen cạn (*Tropaeolaceae*)

Cây có nguồn gốc từ Peru, Colombia và Brazil. Thân mềm bò dài, mọng nước, sống lâu năm. Lá hình khiên, gần tròn, mặt trên nhẵn, bóng, mặt dưới hơi mốc. Hoa lớn màu vàng, vàng cam pha đỏ, hay có vạch đỏ. Cánh dài có móng dài 2 - 3 cm, cong ra ngoài. Cánh tràng không đều, nguyên hay rạn reo, có mùi thơm nhẹ. Quả có 3 cạnh tròn, 3 hạt (Hình 133).

Cây trồng chủ yếu bằng gieo hạt hay các đoạn thân. Sau 1 tuần gieo, hạt đã mọc. Sau 40 ngày có thể bung trồng ở vườn hoa. Đất đủ phân và đủ tưới ẩm. Khi cây cao trên 15 cm cần cắm cọc, hay giàn nhỏ để cây leo cao (Nếu không sẽ bò lan). Giàn leo có thể làm thành các



H.133. Sen cạn –
Tropaeolum majus L.

hình thù khác nhau. Cây rất thích hợp trồng ở trong chậu lớn và che các bể nước. Hoa bền, lâu tàn và nở quanh năm.

Hiện nay, các nhà làm vườn trên thế giới đã tạo ra nhiều chủng, dạng với hoa lá có màu sắc khác nhau, như :

IV.A.128.a. *Tropaeolum majus* L. form. *atropurpureum* Hort.

Hoa màu đỏ đậm.

IV.A.128.b. *Tropaeolum majus* L. form. *heinemannii* Hort.

Hoa màu nâu.

IV.A.128.c. *Tropaeolum majus* L. form. *hemisphaerum* Hort.

Hoa màu vàng tươi.

IV.A.128.d.

Tropaeolum majus L.

form. *regelianum*

Hort.

Hoa màu tím đậm.

IV.A.128.e.

Tropaeolum majus L.

var. *flore-pleno* Hort.

Hoa màu có cánh kép với nhiều màu khác nhau.

IV.A.128.g.

Tropaeolum majus L.

var. *nanum* Hort.

Cây và hoa nhỏ bé, làm cây trang trí trong phòng.



H.134. Song bào – *Disporum calcaratum* D. Don

IV.A.129. CÂY SONG BÀO (Tóc tiên rừng)

Fairy bells

Disporum calcaratum D. Don

Họ Tóc tiên (Convallariaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản) và mọc hoang dại ở rừng miền Bắc và vùng núi cao miền Trung nước ta.

Cây thân cỏ cao khoảng 0,5 m. Lá hình mũi mác nhọn, không có cuống, phiến mềm, mỏng. Cụm hoa dạng tán trên cuống chung dài 5 - 7 cm, mang 5 hoa lớn. Hoa có 6 cánh hoa màu xanh lục có cựa, dài bằng cánh hoa, tù. Quả mọng hình cầu, nhiều hạt (Hình 134)

Để trồng làm cảnh, thường chọn chủng.

IV.A.129.a. Disporum calcaratum D.Don var. *rubriflorum* Gagnep.

Lá lớn, hoa màu đỏ tươi.

IV.A.130. CÂY SÚ NHA

Dendelion Pissenlit

***Taraxacum officinalis* (L.) Weber (*T. dens-leonis* Desf.)**

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây mọc dại vùng núi cao, ẩm ướt và lạnh, hoa nở quanh năm màu vàng, có thể cắt hoa cắm lọ (có cuống chung dài, mập).

IV.A.131. CÂY THANH ANH (Lan phi)

African Lily, Lily of the Nile, Agapanthe

***Agapanthus umbellatus* L'Her (*A. africanus* Hoffm.)**

Họ Hành (Alliaceae)

Cây có nguồn gốc ở vùng cực Nam châu Mỹ, được gây trồng rất rộng rãi ở vùng núi cao Nam Trung Bộ nước ta và nhiều nước châu Âu khác. Cây thân cỏ có lá mảnh, dài, thuôn mọc chụm hình hoa thị sát đất màu xanh bóng, nhạt. Cụm hoa trên cuống chung mập, màu xanh, thẳng, cao đến 1 m, đỉnh mang 10 - 30 hoa màu lam xếp sát nhau thành một tán tròn. Hoa có cuống dài, gốc có lá bắc tổng bao như một mo. Hoa lớn, cánh hoa giống nhau, hợp thành ống dài thuôn, trên chia 6 thùy dài, đầu tròn nở xòe rộng, màu sắc có thể thay đổi tùy chủng. Nhị 6 có chỉ nhị màu lam tím. (Ảnh 145)

Cây có cụm hoa rất đẹp, nở bền và mùa hoa gần quanh năm. Có nhiều chủng khác nhau :

IV.A.131.a. Agapanthus umbellatus L'Her. var. *multiflorus* Voss.

Cây lớn, cụm hoa lớn mang nhiều hoa (30 - 60 chiếc) màu lam sáng.

IV.A.131.b. Agapanthus umbellatus L'Her. var. *minor* Hort.

Cây nhỏ bé, lá hẹp, hoa màu lam đậm.

IV.A.131.c. Agapanthus umbellatus L'Her. var. *albidus* Hort.

Cây có hoa hoàn toàn trắng.

IV.A.131.d. Agapanthus umbellatus L'Her. var. *weillighii* Hort.

Hoa màu xanh lam có các sọc màu nhạt.

IV.A.131.e. Agapanthus umbellatus L'Her. var. *atrocaeruleus* Hort.

Hoa màu tím đậm.

IV.A.131.g. Agapanthus umbellatus L'Her. var. *praecox* Hort.

Hoa nhỏ xếp dày (30 - 40 chiếc), màu xanh nhạt.

IV.A.131.h. Agapanthus umbellatus L'Her. var. *flore-pleno* Hort.

Hoa có cánh kép, màu xanh lam.

IV.A.131.i. Agapanthus umbellatus L'Her. var. *variegatus* Hort.

Lá nhỏ màu xanh có vạch trắng.

IV.A.131.k. Agapanthus umbellatus L'Her. var. *aureus* Hort.

Lá màu xanh, có vạch vàng.

IV.A.132. CÂY THOÁT BÀO LAN (Tỏi trời)

Golden spider Lily

Lycoris aurea Herb. (*Amaryllis aurea* L'Her.)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc được nhập vào nước ta gây trồng làm cảnh từ lâu đời. Cây sống lâu năm nhờ củ dẹt như củ hành tây. Lá đầu tiên có cuống, thuôn, dài 60 cm, rộng 2 cm, đầu tròn, gốc tập trung ở đỉnh củ, màu xanh bóng, nhạt, mép nguyên, gân giữa rõ. Mỗi củ có 5 - 6 lá. Cụm hoa trên cuống chung tròn, mập, thẳng đứng, cao 30 - 50 cm, mang 5 - 10 hoa tập trung ở đỉnh dạng tán. Hoa màu vàng kim, mọc thẳng đứng, cánh hoa giống

nhau, hình giải đầu thuôn nhọn, sát nhau ở gốc thành dạng phễu, trên xòe rộng. Nhị không đều nhau, màu vàng nhạt, đầu nhụy màu đỏ nhạt. (Hình 135)

Cây nhân giống bằng củ. Hoa nở vào Thu - Đông (tháng 8 - 10). Cây trồng ở chậu rất thích hợp.

IV.A.133. CÂY THỰC QUÌ

(Mãn đình hồng)

Hollyhock, Rose trémière,
Rose à baton, Passe rose

Althaea rosea (L.) Cav.

Họ Bông (Malvaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, được gây trồng làm cảnh vào dịp tết nguyên đán ở nước ta. Cây thân cỏ, sống 1 - 2 năm, thân thẳng, cứng, cao đến 2 m, phủ đầy lông cứng.

Lá có phiến rộng, chia 5 - 7 thùy chân vịt không đều, mặt lá khô ráp, có lông trắng. Cuống lá dài. Hoa mọc tập trung ở ngọn. Hoa lớn, rộng 10 - 15 cm, màu hồng, đỏ hay pha trắng. Cánh đài phụ có 5 - 8 chiếc dính nhau ở gốc. Cánh tràng lớn, phình rộng ở đỉnh, xếp sát nhau xòe ra. Nhị hợp thành cột ngắn. (Ảnh 146)

Cây trồng bằng hạt và cho hoa vào đầu mùa xuân (ở vùng núi cao, hoa nở quanh năm).

Hiện nay các nhà vườn đã tạo ra nhiều dạng lai, cho cây lùn, hoa có màu sắc khác nhau từ màu trắng đến đỏ đậm, cánh hoa đơn hay kép.



H.135. Thoát bào lan -
Lycoris aurea Herb.

IV.A.134. CÂY THỦY TIÊN

Chinese sacred Lyly; Narcisse a bouquets

Narcissus tazetta L. var. *orientalis* Hort.

(*N. orientalis* Linn.)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Có lẽ là taxon lai giữa 2 loài : *N. incomparabilis* Mill. và *N. Tazetta* Linn. Cây thân cỏ, mập, khỏe do có củ lớn ngoài có vỏ đen. Lá phẳng, dạng thuôn, màu xanh trắng. Cụm hoa trên một cuống chung dài, mọc ra từ nách lá, thẳng hay hơi cong. Các nghệ nhân cầu kỳ hay uốn cuống chung để có dáng khác nhau, như kiểu "Vũ kiếm", cuống thẳng vút cao, kiểu "Thủy ba" cuống chung uốn cong như sóng nước và kiểu "Phượng vũ" dung hòa vừa thẳng lại vừa cong, đỉnh mang 3 - 4 hoa làm thành tán, gốc có lá bắc thành mo mỏng. Hoa màu trắng hay vàng tươi, dạng ống dài cao 2 cm, trên chia thùy lớn hình trứng ngược cong ra ngoài. Cánh tràng phụ có mép răn reo màu vàng đậm, hình trụ chia thùy không đều. Nhị và nhụy không lộ ra ngoài cánh hoa. Quả nang (Hình 136).



H.136. Thủy tiên -
Narcissus tazetta L.

Cây trồng rất công phu, phải gọt tía. Có hai loại thủy tiên : Thủy tiên đơn và Thủy tiên kép (loại có cánh đơn được ưa chuộng hơn). Củ Thủy tiên nhẹ, xốp, phủ bề dài, rễ tương đối mập, dầy. Thủy tiên có thể trồng trong chậu cát hoặc thả nổi trong chậu nước (chậu trồng trong suốt để thưởng thức cả củ rễ hay chậu sứ men cổ). Nếu trồng chậu cần ngâm củ trong nước vài ngày, rồi đem trồng

trong cát. Cây mọc khỏe, lá xanh mượt, hoa tươi kéo dài cả tháng. Nếu thả trong nước, cần phải gọt tía, đặt mặt phẳng củ xuống dưới, mặt lõm quay lên trên để gọt. Dao gọt cần thật sắc, có một đầu phẳng để gọt bẹ và một đầu cong để cạo bẹ. Gọt dần từng bẹ lá ở mặt lõm để cho chồi hoa nhú ra. Cây thủy tiên thả nước cần thay nước mỗi ngày. Sau khi ngâm nước 5 - 6 ngày thì bắt đầu uốn tía. Cắt bớt lá và uốn cho cụm hoa có dáng đẹp.

Cây Thủy tiên nguyên thủy là : *Narcissus tazetta* Linn. (*Polyanthus narcissus*) có nguồn gốc từ các đảo Canary đến Trung Quốc, Nhật Bản có hoa trắng hoàn toàn. Các nhà vườn thế giới đã tạo ra nhiều chủng có màu sắc hoa khác nhau.

- Nhóm *bicolore* : Bao hoa màu trắng với phần phụ màu vàng.
- Nhóm *albae* : Bao hoa và phần phụ hoàn toàn trắng.
- Nhóm *lutea* : Bao hoa và phần phụ hoàn toàn vàng.

IV.A.135. CÂY THUỐC DƯỢC

Garden Dahlia; Dahlia

***Dahlia pinnata* Cav. (*D. variabilis* Desf.)**

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, trên vùng đồi núi cao, được nhập để gây trồng làm cảnh qua châu Âu sau lan truyền ra khắp thế giới. Cây thân cỏ cao khoảng 1 m, có củ phình lớn do rễ bàng ăn nổi làm thành. Lá kép mọc đối, thay đổi từ dạng đơn đến dạng lông chim lẻ, mặt trên màu xanh lục, mặt dưới màu nhạt. Thân mọng nước, có nhiều đốt mang lá hay cành bên. Cụm hoa hình đầu lớn trên cuống chung dài, màu sắc thay đổi tùy từng chủng. Tổng bao gồm 2 hàng lá bắc mà hàng trong lớn, mỏng, hàng ngoài nhỏ dày màu xanh đậm bóng. Hoa nhỏ xếp sát nhau, không cuống. Hoa ngoài không đều, có cánh môi lớn màu sắc sặc sỡ. Hoa giữa hình ống, màu vàng. Quả bế tròn dài, màu đen có 2 răng nhỏ. Mỗi cụm hoa có khoảng 40 - 60 quả (Ảnh 147).

Cây trồng chủ yếu bằng củ, ngọn và quả. Các nhà vườn hiện nay đã tạo ra được rất nhiều dạng lai cho hoa có nhiều cánh môi hơn (loại hoa kép) và có nhiều màu sắc độc đáo. Sơ bộ chia ra làm :

+ Thực được trắng có :

- Trắng sữa : cây thấp, hoa to, ít làm thành cụm hình đầu đường kính 20 - 30 cm.
- Trắng trong : cây cao, hoa to, làm thành cụm hình đầu đường kính 15 - 20 cm.

+ Thực được vàng, gồm loại vàng đậm, vàng nhạt, cánh môi phẳng và cuốn (như tai chuột).

+ Thực được đỏ, gồm loại đỏ tươi, đỏ thẫm.

+ Thực được nhung, có cánh môi đỏ đậm, phớt đen.

+ Thực được cánh sen, có cánh môi màu hồng nhạt, màu hồng đậm.

+ Thực được vằn : có cánh môi màu đỏ viền trắng.

+ Thực được vàng cam : cánh môi rộng, dài màu da cam.

+ Thực được tím : cánh môi tím nhạt đến đậm, bóng.

Thực được đều ưa khí hậu mát, nhiệt độ không cao quá 30°C, nhưng ưa sáng (càng đủ sáng, màu sắc hoa càng rực rỡ). Cây được ươm gieo nơi đất tốt, bón phân đầy đủ và chăm sóc kỹ. Cây cho hoa đẹp, cắt cành cắm lọ hay bày cả cây trong chậu, nơi bồn hoa rộng.

IV.A.136. CÂY TIỂU ĐÌNH HỒNG

Lavatera trimestris Linn. (*L. rosea* Medikus)

Họ Bông (Malvaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng Trung cận đông, được gây trồng làm cảnh ở Đà Lạt và vùng núi Nam Trung Bộ nước ta. Cây thân cỏ, sống nhiều năm, cao đến 2 m. Lá có cuống dài, phiến răn reo, chia 5 thùy, mép có răng thưa. Hoa có cuống dài, mọc đơn độc ở nách các lá phía đỉnh thân. Cánh hoa màu hồng có sọc tím rất nổi. Nhị dính thành cột ở giữa cánh hoa. Quả nang có cánh dài còn lại bao bọc ở gốc. (Hình 137)

Để làm cảnh, có thể trồng các chủng :

IV.A.136.a. *Lavatera trimestris* L. var. *alba* Hort.

Hoa màu trắng.

IV.A.136.b. Lavatera trimestris L. var. splendens Hort.

Hoa màu đỏ đậm.

Cây trồng chủ yếu bằng hạt. Ươm gieo chóng nảy mầm và cho hoa vào mùa hè - thu.

IV.A.137. CÂY TÔ LIÊN

Torenia fournierii Lindl. (T. endentula Hort. non Benth.)

Họ Hoa mõm sói (Scrophulariaceae)

Cây có nguồn gốc từ các vùng nhiệt đới châu Phi và châu Á, nay được trồng rộng rãi ở các tỉnh phía Nam Việt Nam trong các chậu cảnh nhỏ hay ở vườn hoa, bãi cỏ. Cây thân cỏ, sống hàng năm, mọc thẳng đứng thành bụi nhỏ, cao khoảng 50 - 70 cm, nhẵn. Lá mọc đối, hình giáo rộng, gốc hình tim, đầu thuôn dài, mép có răng và có cuống dài. Cụm hoa ở đỉnh thân, mang ít hoa. Hoa lớn có cánh tràng hợp thành ống hẹp màu vàng trên loe rộng chia 2 môi, môi dưới màu xanh nhạt, môi trên 3 thùy, tròn, tù, màu xanh tím đậm điểm chấm vàng. Quả nang có đài còn lại bao bọc, nhiều hạt. (Ảnh 148).



*H.137. Tiểu đình hồng -
Lavatera trimestris L.*

Cây trồng bằng hạt rất dễ dàng. Có thể nhập mấy chủng có hoa đặc sắc như :

IV.A.137.a. *Torenia fournierii* Ldl. var. *alba* Hort.

Hoa có cánh hoàn toàn trắng.

IV.A.137.b. *Torenia fournierii* Ldl. var. *grandiflora* Hort.

Hoa lớn, sắc sỡ hơn.

IV.A.138. CÂY TÔ LIÊN Á (Tô liên Thái lan)

Torenia asiatica Linn.

Họ Hoa mõm sói (Scrophulariaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, nay được gây trồng rộng rãi ở các tỉnh miền Nam nước ta, nhất là Đà Lạt. Cây thân cỏ, sống hàng năm, mọc thẳng. Lá mọc đối, hình bầu dục dài tù. Cụm hoa ở nách lá hay ở đỉnh, hoa nở dần từng chiếc. Hoa có cánh tràng rộng, hợp thành ống màu tím đậm, trên chia 4 thùy có đốm màu xanh tím đậm ở mép, không có đốm vàng. (Ảnh 149)

Hiện nay còn gây trồng một chủng có hoa đẹp hơn :

IV.A.138.a. *Torenia asiatica* Ldl. var. *pulcherrima* Hort.

Cánh hoa có đốm tím ở mép rộng hơn, gốc họng có đốm trắng.

IV.A.139. CÂY TRƯỞNG ANH

Sea lavender

Limonium sinuatum Mill. (*Statice sinuata* L.)

Họ Đuôi công (Plumbaginaceae)

Cây có nguồn gốc ở vùng Địa trung hải, được gây trồng rộng rãi vùng núi Nam Trung Bộ nước ta (Đà Lạt). Cây thân cỏ, sống 1 - 2 năm, cao khoảng 50 cm, thân có 3 cạnh, răn reo, mảnh có lông ráp. Lá mọc tập trung ở sát gốc, phiến xẻ lông chim với thùy lá gần tròn. Lá trên hẹp, nhọn, dài. Cụm hoa dạng chùy hẹp lưỡng phân ở đỉnh thân, cuống chung có 3 - 5 cánh, hình giải hẹp, giống như thân, cành. Mỗi điểm mang 3 - 5 hoa, trong một hốc nhỏ. Cánh dài màu xanh hay tím làm thành ống, đỉnh có răng nhọn như gai. Cánh tràng dạng ống ngắn có thùy rộng, xòe ra, màu trắng, tím nhạt hay hồng đỏ, rất lâu héo và mất màu. (Ảnh 150)

Có một chủng rất thích hợp để trang trí trong phòng là :

IV.A.139.a. *Limonium sinuatum* Mill. var. *candidissimum* Hubb.
(*Statice sinuata* L. var. *candidissima* Hort.)

Hoa hoàn toàn màu trắng.

Cây cho hoa nở gần như quanh năm. Cây rất đẹp, hoa nở bền nên ưa chuộng cắt cành cắm lọ. Cây trồng bằng hạt, ưa khí hậu mát, ẩm ướt, nhưng nhiều nắng. Đất trồng cần bón đầy đủ phân lót và tưới đủ nước.

Gần đây có nhập trồng 1 loài có hoa nhỏ, nở rất bền, cắm lọ đẹp là :

IV.A.139.b. *Trường anh nhĩ* - *Limonium latifolium*.

Cây có nguồn gốc ở châu Âu (Rumani đến Nga). Hoa màu lam trắng.

IV.A.140. CÂY TU LÍP

Common garden tulips

Tulipa gesneriana "Hybrids"

Họ Hành (Liliaceae)

Cây được nhập từ Hà Lan, trồng ở vùng núi nước ta (Đà Lạt). Cây có thân củ, lá lớn dày, màu xanh bóng. Hoa đơn độc trên cuống dài, thẳng đứng. Hoa lớn dài 6 - 12 cm, có 6 cánh xếp 2 vòng, nhiều màu và đốm trang điểm khác nhau. Hoa đẹp, bền trồng ở chậu hay cắt cành cắm lọ đều đẹp.

IV.A.141. CÂY TỬ BI (Đại bi)

Blumea balsamifera (Linn.) DC.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây mọc hoang dại ở các tỉnh miền Bắc nước ta và được gây trồng làm cảnh và làm thuốc khắp nước ta. Cây thân cỏ mập, cao khoảng 2 m, phân cành nhánh nhiều ở ngọn giống như một cây bụi, nhiều lông. Lá hình trái xoan, dài đến 30 cm mép nguyên hay khía răng cưa không đều, phiến dày màu xanh mốc. Cuống lá có nhiều tai, dạng như phiến lá nhỏ hay dạng sợi, có nhiều lông. Cụm hoa hình đầu làm thành chùm ở nách lá hay ngọn cành, có lông. Ngoài cụm hoa có lá bắc hẹp, ở trong có nhiều hoa xếp sát nhau dạng ống

khá cao. Quả bế có lông.

Cây có hoa vào đầu mùa mưa (tháng 4 - 5) và có quả vào cuối mùa mưa (tháng 7 - 8). Cây làm cảnh đẹp vì lá có mùi thơm.

IV.A.142. CÂY VẠN DIỆP (Dương kỳ thảo)

Yorror Milfoil, Mille Feuille

Archillea millefolium Linn.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc phân bố khá rộng rãi từ châu Âu, châu Á và châu Mỹ, nay được trồng phổ biến để làm cảnh hay mọc hoang dai ven đường, nơi bãi cỏ vùng núi cao. Cây thân cỏ, cao khoảng 0,4 - 0,8 m, chẻ 2 - 3 lần lông chim thành nhiều phiến nhỏ dạng sợi, hẹp và nhọn, phiến có lông trắng. Cụm hoa hình đầu, tập hợp thành ngù đơn hay kép dày đặc ở ngọn. Đầu nhỏ màu trắng, lá bắc tổng bao dạng thuôn, có lông màu xanh nhạt ở gốc, đậm ở mép. Vòng hoa ngoài có cánh môi màu trắng (4 - 6 chiếc). Hoa giữa hình ống, màu vàng. Quả bế dẹt (Hình 138)



H.138. Vạn diệp - *Achillea millefolium* L. var. *rubrum* Hort.

Cây cho hoa nở bền, vào mùa đông - xuân (tháng 10 - 2) làm cảnh khá đẹp, cây gieo giống tự nhiên bằng hạt, mọc khỏe, ít đòi hỏi đất đai, nhưng cần đủ nắng và khí hậu lạnh.

Để làm cảnh, các nhà vườn thường chọn các chủng :

IV.A.142.a. *Achillea millefolium* L. var. *rubrum* Hort.

Hoa màu đỏ tía.

IV.A.142.b. *Achillea millefolium* L. var. *roseum* Hort.

Hoa màu hồng.

IV.A.143. CÂY VÂN MÔN

Arum, Commum calla, Lily of the Nile

***Zantedeschia aethiopica* Spreng.**

(*Calla aethiopica* L.; *Richardia aethiopica* Hort.;

***Colocasia aethiopica* Spreng.)**

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Phi, được gây trồng nhiều ở vùng núi Nam Trung Bộ, để cắt hoa cắm lọ. Cây có củ lớn, sống lâu năm, lá mềm có cuống dài, mọc thẳng đứng, sát nhau ở ngay trên mặt đất. Phiến lá lớn, mềm, màu xanh đậm, đầu lá thuôn nhọn, gốc có tai dài phía sau cuống, răn reo, mép nguyên gợn sóng và cong xuống dưới. Cụm hoa trên cuống chung mập dài màu xanh bóng mọc thẳng đứng, trên mang mo lớn màu trắng hay hơi vàng, cuộn lại ở gốc, trên mở rộng kéo dài thành mũi, phiến mo dày, rất đẹp. Hoa đính trên cột nạc. Quả mọng ít gặp (Ảnh 151).

Cây ưa đất ẩm, sâu, mát, thường được gây trồng gần bờ nước hay trên các chậu đủ nước. Cây mọc khỏe, dễ nhánh nhiều, dễ trồng và nhân giống bằng tách bụi và cắt củ. Cây cho hoa gần quanh năm và thơm. Hiện nay các nhà vườn có tạo ra một dạng mới có mo kép.

IV.A.144. CÂY VÂN MÔN ĐỐM

Spotted calla

***Zantedeschia albo-maculata* Baill.**

(*Richardia albo-maculata* Hook.f.)

Họ Ráy (Araceae)

Cây cho lá có cuống ngắn, phiến hình mũi tên, dài, màu xanh đậm với nhiều đốm màu trắng. Cụm hoa có mo cuộn lại thành ống

dài, loe ở đỉnh màu trắng, vàng nhạt, với đốm màu đỏ đậm ở gốc (Hình 139).

IV.A.145. CÂY VĨ HOA ĐẸP

Anthurium magnifiquae

Anthurium magnificum

Linn.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Côlômbia, được gây trồng ở châu rất phổ biến tại nhiều nước trên thế giới. Cây có củ sống lâu năm, gần như không có thân. Lá có phiến to, tỏa rộng dạng bầu dục, gốc hình tim, đầu thuôn nhọn, nhẵn bóng, màu xanh đậm, gân rõ có màu nhạt hơn hay gần trắng. Cuống lá 4 cạnh, có cánh. Cụm hoa trên cuống chung dài 1 m, thẳng, mập mang hoa dạng bông dày đặc ở đỉnh, gốc có mo màu xanh nhỏ, thuôn, dài 20 cm, mép răn reo. Quả mọng.



H.139. Vân môn đốm -
Zantedeschia albomaculata Baill.

IV.A.146. CÂY VĨ HOA RĂNG

Anthurium denté

Anthurium dentatum Hort.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc lai giữa 2 loài : *Anthurium fissum* C. Koch. và *Anthurium leuconeurum* Ch. Lem. - Cây thân cỏ sống lâu năm. Thân ngắn. Lá dạng bầu dục, gốc hình tim, lúc non nguyên sau chia

13 - 15 thùy nhọn dạng răng thưa, phiến màu xanh bóng với các đốm màu vàng. Cuống lá dài 60 - 80 cm, tiết diện tròn. Cụm hoa trên cuống chung dài 30 - 40 cm, có 1 mo thon tròn dài 20 cm. Hoa tập trung thành 1 buồng nạc, hình trụ màu tím, dài 10 cm.

IV.A.147. CÂY VĨ HOA THƠM

Anthurium de Scherzer

Anthurium Scherzerianum Schott.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Costa-Rica, được gây trồng làm cảnh vì cả cây lẫn hoa rất đẹp. Cây sống lâu năm. Thân rất ngắn. Lá hình giáo thuôn dài, dày, nhẵn với các gân gần song song nổi rõ cả 2 mặt. Cuống lá dài bằng phiến lá, mập, cứng, gốc có bẹ. Cụm hoa trên một cuống chung cứng, dài bằng lá, màu đỏ. Mo dạng bầu dục rộng, gốc hình tim, màu đỏ tươi đậm. Hoa tập trung dày đặc thành buồng cong dính thẳng trên gốc mo, màu vàng. Quả mọng.

Cây có dạng mo đẹp nhất trong các loài Vĩ hoa, nên được các nhà vườn ưa chuộng, tạo ra nhiều chủng khác nhau :

IV.A.147a. *Anthurium Scherzerianum* Schott. var. *album* Hort.

Mo màu trắng.

IV.A.147b. *Anthurium Scherzerianum* Schott. var. *andegavense* Hort.

Mo có màu đỏ thẫm.

IV.A.147c. *Anthurium Scherzerianum* Schott. var. *nebulosum* Hort.

Mo màu trắng, đốm hồng.

IV.A.147d. *Anthurium Scherzerianum* Schott. var. *parisiense* Hort.

Mo màu hồng, buồng hoa màu vàng cam.

IV.A.148. CÂY VĨ HOA TRÒN (Buồm đỏ)

Anthurium de Ed. André

Anthurium andreanum Lindl.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ Côlômbia. Cây sống lâu năm, thân rất ngắn. Lá cong rủ xuống dạng bầu dục thuôn, gốc hình tim, đầu có

mũi nhọn, màu xanh bóng, dày. Cuống là dài, mập. Cụm hoa trên cuống chung dài, mô dạng bầu dục gốc hình tim, rộng, màu đỏ cam. Hoa tập trung dày đặc thành bông màu vàng nhạt với các vân màu trắng, mọc ngang hay cong xuống. Quả mọng (Ảnh 152).

Cây đẹp, được gây trồng nhiều, mọc khỏe, có cụm hoa tươi quanh năm. Các nhà vườn đã tạo ra nhiều chủng :

IV.A.148.a. Anthurium andreanum Ldl. var. *album* Hort.

Mo cụm hoa màu trắng.

IV.A.148.b. Anthurium andreanum Ldl. var. *gameri* Hort.

Mo cụm hoa màu đỏ tươi.

IV.A.148.c. Anthurium andreanum Ldl. var. *roseum* Hort.

Mo cụm hoa màu hồng tím.

IV.A.148.d. Anthurium andreanum Ldl. var. *salmoneum* Hort.

Mo cụm hoa màu đỏ bầm.

Gần đây còn nhập loài nhỏ có mo cụm hoa màu tím.

IV.A.149. CÂY VÔNG VANG (Bụp vang)

Musk Mallow, Ambrette,
ketmie musquée

Abelmoschus moschatus
Moench.

(*Hibiscus abelmoschus*
Linn.)

Họ Bông (Malvaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, nhưng mọc hoang dại khá phổ biến ở vùng trung du, trong vườn, trên nương rẫy, ven đường khắp nước ta. Cây thân cỏ sống hàng năm hay 2 năm, cao không quá 1 m, gốc thân hóa gỗ, có lông. Lá



H.140. Vông vang -
Abelmoschus moschatus Moench.

thay đổi, hình tim hay chia 5 - 7 thùy sâu, phiến thùy thuần hình giáo, mép khía răng và phủ lông cả 2 mặt. Hoa đơn độc, khá lớn, màu vàng hợt màu đỏ nâu. Tiểu đài có 6 - 12 chiếc hình giải. Cánh đài hợp ở gốc trên chia 15 răng, bọc lấy nụ hoa. Cánh tràng lớn xếp sát nhau xòe rộng. Nhị nhiều hợp lại thành 1 cột nhẵn. Quả nang hình trứng có lông trắng. Hạt nhiều hình thận. (Hình 140).

Cây có hoa nở vào hè thu và nhân giống bằng hạt.

IV.B. NHÓM CÂY THÂN GỖ

IV.B.1. CÂY ANH ĐÀO

Prunus cerasoides D.Don

(*P. puddum* Roxb.; *Cerasus puddum* Wall.,

C. phoshia Hamilt.)

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Cây có nguồn gốc ở vùng núi cao Hymalaya, nay được trồng làm cây cảnh trên các đường phố Đà Lạt của nước ta. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều, dài thẳng và nhẵn. Tán thưa, tròn đều. Lá mềm, dạng trái xoan, thuần dài, đầu có mũi, gốc tròn nhọn, nhẵn, gân bên nổi rõ, mảnh. Cụm hoa ngắn có ít hoa, trên cuống chung dài. Hoa màu hồng đỏ hay hơi trắng, cánh đài hợp thành ống hẹp, có lông ở ngoài. Cánh tràng, dạng bầu dục thuần, màu hồng. Nhị nhiều. Quả có hạch cứng, màu đỏ.

Cây mọc khỏe với khí hậu lạnh, ẩm, cho hoa đẹp nở rộ vào mùa xuân. Cây trồng bằng hạt, ươm gieo ở vườn ươm sau búng ra trồng nơi cố định. Nếu xén cắt cành thì tán lá cũng tròn đẹp, để mọc tự nhiên, cành vươn dài, khẳng khiu, làm cây phong cảnh.

IV.B.2. CÂY ANH ĐÀO ĐÔI

Japanese flowering-cherry

Prunus lannesiana Wilson. (*Cerasus lannesiana* Carr.)

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Cây có nguồn gốc ở Nhật Bản, được trồng nhiều ở các tỉnh miền Bắc và ở Huế làm cảnh. Cây gỗ nhỏ, cao 4 - 6 m, cành nhánh dài,

nhân, màu nâu đen. Chồi lá dài có vẩy bao bọc. Lá thuôn dài, đầu nhọn, gốc có tuyến, mép lá khía răng cưa nhỏ, đều đặn, màu xanh nhạt. Hoa trên các cành già, mọc đơn độc hay đôi một, lớn 3 - 4 cm, màu đỏ hồng, có hương thơm. Cánh dài, hợp ở gốc thành chén, có lông mịn. Cánh tràng có nhiều lớp, mềm, bóng, dễ rụng. Nhị nhiều, chỉ nhị mảnh. Quả 1 - 2 cm. (Ảnh 153). Cây có tán đẹp, mùa hoa nở rộ vào mùa đông-xuân nên được trồng làm cảnh và cắt cành cắm lọ vào dịp tết Nguyên đán. Cây trồng bằng chiết cành, chồi mầm mọc khỏe, chóng cho cành nhánh mới có thể xén tỉa cho thêm đẹp. Trên thế giới, các nhà vườn tạo ra nhiều chủng và dạng cho hoa đẹp và thơm. Đặc biệt ở Việt Nam có 1 dạng cho hoa màu trắng và rất thơm là :

IV.B.2.a. Prunus lannensiana Wilson. form. *donarium* Wilson.
(*Prunus donarium* Sieb.)

IV.B.3. CÂY BÀNG (Bàng biển)

**Tropical Almond, Indian Almond, Myrobalan, Almendro,
Amendoeina, Badaniero**

***Terminalia catappa* Linn.**

Họ Bàng (Combretaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ) và được gây trồng rộng rãi làm cây cho bóng mát trên các đường phố và trong sân trường học nước ta (các tỉnh phía Nam thường trồng ven biển). Cây gỗ lớn, cao trên 10 m, thân xù xì và ít thẳng. Cành nhiều gân như mọc vòng, nằm ngang làm cho tán cây có nhiều tầng. Lá lớn, gần tròn ở đỉnh, gốc hẹp (dạng trái xoan rộng). Cụm hoa dày đặc thành bông ngắn ở nách lá. Hoa nhỏ màu trắng nhạt. Quả hạch hình trứng dẹt, hai mép bên mỏng như cánh. (Ảnh 154)

Mùa hoa tháng 3 - 5. Quả chín tháng 5 - 8. Cây có dáng đẹp do tán lá và lá xanh bóng khi rụng thường đổi màu đỏ tím.

Cây mọc khỏe, nẩy chồi mạnh nên có thể xén tỉa làm cây uốn thế trồng ở chậu lớn.

IV.B.4. CÂY BẰNG LĂNG NƯỚC (Bằng lăng tím)

Entravel

Lagerstroemia speciosa (L.) Pers.

(*L. flos-reginae* Retz., *L. reginae* Roxb.)

Họ Tử vi (Lythraceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ và các nước châu Á nhiệt đới được trồng làm cây trang trí, lấy bóng mát và cho hoa đẹp rất phổ biến ở nhiều nước. Cây gỗ lớn, cao đến 20 m, phân cành cao, thẳng, tán dày. Lá hình bầu dục hay hình giáo dài, tù ở đỉnh, mọc gần đối. Cụm hoa hình thóp ở ngọn các cành, mọc thẳng. Nụ hoa hình cầu. Hoa lớn 6 cánh, có móng ngắn, rần reo màu tím hồng (Buổi sáng màu hồng sau chuyển sang màu tím vào buổi chiều). Quả nang ngoài có cánh dài bao bọc. Hạt có cánh mềm (Ảnh 155)

Cây mọc khỏe, thân thẳng, tán cao, nên làm cây cảnh, cây bóng mát trên các đường phố, trong các công viên rất đẹp. Cây trồng chủ yếu bằng hạt, ươm gieo như các cây thân gỗ khác. Có thể cắt xén làm cây lùn.

Mấy năm gần đây, các nhà vườn có khai thác 1 số loài khác thuộc chi Bằng lăng (*Lagerstroemia*) trồng lấy hoa và bóng mát như Bằng lăng tím - *Lagerstroemia reginae* Roxb., Bằng lăng xoan - *Lagerstroemia ovalifolia* Teijsm et Binn., đặc biệt cây Bằng lăng trung (*Lagerstroemia lecomtei* Gagn.) từ vùng núi đá ven biển miền Trung. Cây có gốc xù xì, lùn, lá nhỏ, hoa lớn màu hồng tím đậm, đẹp làm cây Bonsai và làm kiểng.

Để làm cây Bonsai đẹp, các nghệ nhân thường sử dụng gốc của các cây Bằng lăng làm gốc ghép, rồi ghép các nhánh cây Tường vi có lá nhỏ, hoa nở quanh năm.

IV.B.5. CÂY BẰNG PHI

Pemphis acidula J.R.et G. Forst.

Họ Tử vi (Lythraceae)

Cây mọc hoang ở vùng núi đá ven biển miền Trung và Nam nước ta. Thân thấp, xù xì, vỏ nứt sần, cành nhiều khẳng khiu. Lá mọc đối thuôn, nhỏ, màu xanh bóng đậm ở mặt trên, có lông bạc ở mặt dưới. Cụm hoa nhỏ, hoa màu trắng, dễ rụng. Quả nang.

Cây có dáng già cỗi, trồng ở chậu làm cây kiểng đẹp.

IV.B.6. CÂY BÔNG NẼ (Mã thiên hương, Bạch tuyết mai)

***Serissa foetida* Lam. (*S. japonica* Thunb.)**

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, được trồng làm cây trang trí, viền các bồn hoa, dọc theo lối đi hay uốn thành cây thế, cây dạng cầm thú. Cây bụi, phân cành nhánh nhiều, nhẵn, cao 20 - 50 cm. Cành non có 4 cạnh, màu nâu, có ít lông. Lá nhỏ, thuôn hình giáo nhọn cả hai đầu, dai, cứng, gân thưa khá rõ. Lá kèm ôm thân chia nhiều thùy nhọn. Cụm hoa hình cầu ở đầu cành. Hoa nhỏ màu trắng, có cánh tràng hợp thành ống loe rộng ở đỉnh, có lông ở mặt trong. Quả mọng có dài còn lại, 2 hạt. (Ảnh 156)

Mùa hoa tháng 11 - 4. Quả rất ít thấy. Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng giâm cành, chặt cành thành đoạn, cắm nơi định trồng, vào mùa xuân ở miền Bắc. Sau ít hôm, cành đã có rễ và nảy chồi mới.

IV.B.7. CÂY BÔNG NẼ TÍM (Hong tuyết mai)

***Cuphea hyssopifolia* (L.) Tranch.**

Họ Tử vi (Lythraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, Jarnica (châu Mỹ) được gây trồng rất phổ biến trong các chậu nhỏ, viền lối đi hay trồng dày thành thảm hoa.

Cây gỗ nhỏ, thấp, mọc khỏe, nảy chồi nhiều, có thể cắt cành giâm hay xén tỉa các dạng. Lá nhỏ lẫn tần; mọc gần đối, màu xanh bóng. Cụm hoa ngắn, hoa màu tím đậm, nở quanh năm. Quả rất hiếm.

Cây đẹp, dễ trồng, dễ nhân giống nên được ưa chuộng.

IV.B.8. CÂY BỒ ĐỀ

Peepul tree, Bo-tree, Figuier des Pagodes

***Ficus religiosa* Linn.**

Họ Dâu tằm (Moraceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á (Ấn Độ) tuy là cây gỗ lớn, nhưng có thể hãm và uốn thành cây cảnh, cây thế ở chậu hay ở hòn non bộ được. Cây có dạng lá đẹp với một mũi kéo dài.

IV.B.9. CÂY BỎ KẾT TÂY

Ebénier d'orient, Lebbeck tree, Siris tree, Woman's tongue tree

Albizzia lebbek Benth. (*Acacia lebbek* Willd.)

Cây có nguồn gốc từ châu Á nhiệt đới và Australia được gây trồng lấy bóng mát, và có chùm hoa đẹp. Cây gỗ trung bình, cao 10 - 15 m, phân cành nhánh nhiều, thưa, màu xám trắng. Lá kép lông chim 2 lần, với 10 - 18 đôi lá phụ dạng bầu dục thuôn đều cả 2 đầu, màu xanh nhạt. Cụm hoa hình đầu ở nách lá, trên một cuống chung dài mập. Hoa màu trắng, lục nhạt hay vàng nhạt, có cuống ngắn. Quả dẹt, màu vàng rom bóng, nổi rõ các hạt. Cây trồng bằng hạt, mọc ~~khỏe~~ ^{lành} cây dọc lộ nhỏ rất thích hợp.

IV.B.10. CÂY BƯỚM BẠC (Bướm trắng)

Mussaenda en fronde

Mussaenda frondosa Linn. (*M. pubescens* Dryand)

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, mọc thành bụi dày, cành nhánh nhiều, cành non có lông. Lá thuôn bầu dục, dài, đầu nhọn, mặt trên xanh bóng, mặt dưới có lông. Cụm hoa dạng tán nhỏ ở ngọn cành. Hoa trung bình, cánh dài nhỏ, màu xanh hợp ở gốc thành ống nhỏ, có 1 cánh dài lớn gần tròn, dài 6 - 8 cm, màu trắng, nổi rõ gân màu xanh. Cánh tràng màu vàng đậm, hợp thành ống hẹp, dài, có lông, trên chia 5 thùy hình tam giác, xòe rộng. Quả mỏng dày dạng trái xoan nhăn. Nhiều hạt (Hình 141).



H.141. Bướm bạc -
Mussaenda frondosa L.

Cây có dạng hoa đặc sắc nên thường được gây trồng làm cảnh nơi bãi cỏ rộng hay trong chậu lớn. Gây trồng chủ yếu bằng hạt, hay cành ươm gieo dễ dàng. Cây mọc khỏe, ít đòi hỏi đất đai và chịu được khô, nóng.

IV.B.11. CÂY BƯỚM BẠC PHI

***Mussaenda philippica* var. *aurorae* Hort.**

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, được gây trồng làm cảnh rất đẹp trong các chậu lớn. Cây gỗ nhỏ, mọc thành bụi do phân cành nhiều, cao 1 - 5 m. Cành non có lông. Lá lớn, dạng thuôn bầu dục, đầu nhọn, gốc gần tròn, mép lá nguyên, màu xanh đậm. Cụm hoa lớn ở đầu cành, mang nhiều hoa, có lông. Cánh dài có 5 cánh lớn, dạng bầu dục, màu trắng, đẹp. Cánh tràng hợp thành ống hẹp, màu vàng nhạt, gốc hẹp, đỉnh chia 5 thùy hình tam giác, nhọn (Ảnh 157).

Cây mọc khỏe có hoa gần như quanh năm. Cây dễ trồng bằng chiết cành (vì hiếm thấy quả). Cành chiết chóng ra rễ và sớm phân cành. Khi cây nhiều cành có thể xén tỉa dạng tròn.

IV.B.12. CÂY BƯỚM HỒNG (Bướm đỏ)

Mussaenda à bractées rouges

***Mussaenda erythrophylla* Schum. et. Thonn.**

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Côngô (châu Phi nhiệt đới), được trồng làm cảnh ở nhiều nước nhiệt đới khác. Cây bụi, mọc thẳng đứng hay hơi dựa, cành nhánh ít, non có lông tơ mịn như len. Lá mọc đối, dạng bầu dục, màu xanh có lông, mềm. Cụm hoa ở đỉnh thân, hay cành, dạng chùy dày, nhiều hoa. Hoa lớn, có cánh dài hợp thành ống ngắn ở gốc, có lông, đỉnh, chia thùy màu đỏ và có 1 cánh lớn màu đỏ thẫm, dạng bầu dục tròn, dài 8 - 9 cm, bóng, có lông. Cánh tràng hợp thành ống hình trụ, có lông đỏ, chia 5 thùy ở đỉnh màu trắng, gốc màu vàng nhạt. Quả hình trứng, có lông đỏ (Ảnh 158).

Cây trồng làm cảnh dễ dàng bằng hạt hay chiết giâm cành, cây mọc khỏe thành bụi lớn và hoa nở quanh năm. Các nhà vườn còn tạo ra chủng có 5 cánh dài đều phát triển, màu đỏ xếp tỏa rộng, rất đẹp.

IV.B.13. CÂY CÀ ĐỘC DƯỢC CẢNH

Angel's trumpet, Stramoine adorante

Datura suaveolens Humb. et Bonpl. (*Brugmania suaveolens* D.Don.; *Stramonium arboreum* Moench.)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, Pêru, được gây trồng làm cảnh ở các vườn rộng hay làm cây hàng rào có hoa đẹp ở vùng núi nước ta. Cây mọc khỏe, dạng bụi thường được cắt xén để cho cành nhiều, màu trắng nhạt ken chặt nhau. Lá thuôn bầu dục rộng, gốc lệch, màu xanh bóng, mặt trên nhẵn, mặt dưới hơi có lông. Hoa đơn độc, cong rủ xuống với cánh tràng thành ống thuôn, loe dần ở đỉnh, xếp nếp dọc và chia 5 thùy ngắn xòe ra ở đỉnh màu trắng. Quả nang không gai. (Ảnh 159)

Cây cho hoa lớn, có khi đến 30 cm nở liên tục quanh năm, vừa đẹp vừa rất thơm vào chiều tối. Cây trồng dễ dàng bằng giâm cành hay bằng hạt, ít chăm sóc, mọc khỏe và chóng có hoa. Đầu mùa mưa, cắt cành bánh tẻ dài chừng 20 cm, cắm nghiêng nơi định trồng, vun đất chặt. Sau 1 tháng đã có chồi và rễ.

IV.B.14. CÂY CÀ ĐỘC DƯỢC THUỐC

Datura

Datura metel Linn. (*D. fastuosa* Linn.)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới châu Á (Ấn Độ) và mọc hoang dại nơi ven đường, ở miền hoang, bãi cỏ khắp nước ta. Cây được trồng làm thuốc, nhưng cũng có thể cắt hoa cắm lọ được. Tuy nhiên để lấy hoa thường sử dụng chủng có cánh kép là :

IV.B.14.a. *Datura metel* L. var. *flore pleno* Hort. (*Horn of plenty*)

IV.B.15. CÂY CÁT ANH

Drooping head

Brownea Rosa de Monte Berger. (Brownea ariza Benth.)

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng Nam châu Mỹ, nhưng do có hoa đẹp và cụm hoa lớn nên được trồng làm cảnh rất phổ biến ở nhiều tỉnh phía Nam nước ta. Cây gỗ nhỏ, mọc thẳng đứng, phân cành nhánh nhiều. Lá kép lông chim buông thõng xuống, lớn, dài 50 cm, gồm 2 - 4 đôi lá phụ chẵn, màu xanh bóng, đặc, hoa màu đỏ tươi.

Cây cho hoa nở vào đầu mùa hạ (tháng 3 - 4)

Cây có thể nhập để trồng cảnh 1 loài hoa đẹp là :

IV.B.16. CÂY CÁT ANH LỚN

Brownea à grande tête; Rose of Venezuela

Brownea grandiceps Jacq.

Họ Vang

(Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ nhiệt đới. Cây gỗ nhỏ, cành nhánh dài, có lông. Lá lớn, kép lông chim với 10 - 12 đôi lá phụ dạng thuôn hình giáo, nhọn đầu, mép nguyên, và răn reo, màu xanh bóng. Lá non mềm, rủ xuống màu hồng nhạt. Cụm hoa hình đầu lớn đến 20 cm dày đặc. Hoa màu đỏ tươi (Hình 142)



H.142. Cát anh lớn –
Brownea grandiceps Jacq.

IV.B.17. CÂY CẨM THỊ

Diospyros chevalieri Lec.

Họ Thị (Ebenaceae)

Cây gỗ nhỏ mọc hoang nơi đất khô cần dọc ven biển miền Trung. Thân đen xù xì, phân cành lớn từ gốc, lúc non có lông mịn. Lá nhỏ hình trái xoan ngược, rộng dần ở đỉnh. Hoa đơn tính nhỏ. Quả tròn có đài ở gốc cong xuống.

Cây có dáng đẹp, được khai thác trồng ở chậu làm cây cảnh.

IV.B.18. CÂY ĐÀNG ĐỪNG

Thunbergia erecta (Benth.) T. Anders.

(*Meyenia erecta* Benth.)

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ghinê (châu Phi nhiệt đới), được gây trồng làm cảnh chủ yếu ở các tỉnh phía Nam nước ta. Cây bụi nhỏ cao chừng 1 - 2 m, phân cành nhánh nhiều sát gốc mềm vươn dài, non có tiết diện vuông. Lá mọc đối dạng bầu dục hay gần tròn có cuống dài, mép nguyên hay có răng rộng, thưa. Hoa đơn độc ở nách lá với cánh tràng hợp thành ống ngắn, cong, gốc màu vàng, trên chia 5 thùy rộng màu tím.

Cây được ưa chuộng vì có hoa đẹp, rất thích hợp trồng ở vườn nhỏ quanh nhà. Gây trồng chủ yếu bằng chiết giâm cành.

Có hai chủng hoa đẹp là :

IV.B.18.a. *Thunbergia erecta* T. Anders. var. *alba* Hort.

Hoa màu trắng.

IV.B.18.b. *Thunbergia erecta* T. Anders. var. *caerulea* Hort.

Hoa màu tím, họng màu vàng.

IV.B.19. CÂY CẦN THẮNG

Wood-Apple

Limonia acidissima L.

(*Feronia elephantum* Corr.; *Schinus limonia* L.)

Họ Cam (Rutaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ,

Srilanca, Đông Dương). Cây gỗ nhỏ, có gai nhọn, cành nhánh cứng dài, non có lông. Lá kép lông chim với 3 đôi lá phụ có cánh theo cuống chung. Cụm hoa dày đặc ở nách lá, mang hoa nhỏ màu trắng. Quả mọng to, màu xanh (Ảnh 160).

Cây mọc khỏe chịu được khí hậu nóng, khô và trải nắng. Gây trồng bằng hạt để uốn làm cây thế nhỏ trồng ở chậu, hay chiết cành để chóng ra hoa. Hiện nay, Cần thăng là cây trồng chủ yếu để làm cây uốn thế.

IV.B.20. CÂY CHÙM NGÂY

Horse-radish tree, Ben

Moringa oleifera Lam.

(*M. pterygosperma* Gaertn.)

Họ Chùm ngây

(Moringaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, được gây trồng rải rác trong các đồn điền cũ ở các tỉnh miền Bắc Việt Nam để lấy dầu nhưng do có dáng cây đẹp, hoa thơm cũng được trồng làm cây bóng mát, cây phong cảnh. (Hình 143)

IV.B.21. CÂY CHUỐI ĐỎ

Flowering banana.

Musa coccinea Andr.

Họ Chuối - Musaceae.

Cây có nguồn gốc ở Việt Nam, gây trồng làm cảnh từ lâu đời.

Cây có thân củ trong đất, thân giả lùn, mập, cao 1 - 2 m. Lá như lá chuối, màu xanh bóng. Cụm hoa ở đỉnh thân giả, mọc thẳng, lá bắc màu đỏ cam ở gốc, vàng ở đỉnh xếp úp chặt lên nhau. Hoa màu vàng.

Cây đẹp, trồng làm cảnh rất thích hợp (ở chậu cũng như ở các bồn hoa).



H.143. Chùm ngây -
Moringa oleifera Lam.

IV.B.22. CÂY CHUỐI SEN (Chuối kiểng đỏ)

Musa ornata Roxb.

(*M. rubra* Wall.; *M. speciosa* Tenore)

Họ Chuối (Musaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước châu Á nhiệt đới. Cây có thân rễ dạng củ dài. Thân giả cao 1 - 1,5 m. Lá thuôn hình giải, bẹ cuống màu đỏ. Cụm hoa trên 1 cuống chung mập, cứng mọc thẳng đứng hay cong dài 50 - 70 cm, lá bắc dạng mo hình bầu dục thuôn dài, màu đỏ cam, đỏ nhạt tím hay xanh nhạt rất đẹp. Các lá bắc xếp úp lên nhau thành bắp dài 10 - 15 cm. Hoa nhiều. Quả thuôn nhỏ, dài, có 4 - 5 cạnh, màu vàng xanh. Hạt nhỏ màu đen.

Cây trồng chủ yếu bằng thân rễ, tách từ chồi và trồng như chuối thường. Cây mọc khỏe, chịu được ẩm ướt và mát. Cây làm cảnh đẹp cả lá lẫn buồng hoa.

IV.B.23. CÂY CHUỐI SEN HƯỜNG

Musa rosacea Jacq.

Họ Chuối (Musaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ. Thân giả cao 1 - 1,5 m, gốc có bẹ do lá rụng. Lá lớn gốc lệch. Cụm hoa thẳng hay cong, lá bắc màu cánh sen hay lam nhạt, trong có ít hoa, màu vàng. Quả dài 5 - 7 cm, nhiều hạt đen.

Cây đẹp, trồng làm cảnh ở chậu, nhân giống dễ bằng chồi từ củ trong đất.

IV.B.24. CÂY CHUỐI SEN CONG

Musa sanguinea Hook.f.

Họ Chuối (Musaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, được trồng làm cảnh và tạo dáng lùn để dễ trang trí. Cây có thân rễ dạng củ, thân giả cao 1 - 1,5 m. Lá thuôn, mảnh, màu xanh bóng, có cuống cong. Cụm hoa trên cuống chung mập, lúc non thẳng sau buồng thông xuống. Lá bắc dạng mo màu đỏ thẫm, màu vàng tươi. Quả thuôn có 3 cạnh, màu

xanh nhạt với các vạch đỏ, nhẵn. Hạt nhỏ có cạnh, màu đen.

Hiện nay các nhà vườn gây trồng bằng hạt, gieo lấy cây con, giữ cho không lớn, làm cây cảnh lùn, trồng ở các hòn non bộ, còn thông thường vẫn tách từ thân rễ cây già.

IV.B.25. CÂY CÙ ĐỀ

Breynia rhamnoides Muell-Arg.

Họ Thào đầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc phân bố ở các nước châu Á nhiệt đới và đảo Thái Bình Dương. Ở Việt Nam, cây mọc hoang dại nơi đất trống từ Bắc vào Nam. Do cây mọc khỏe, phân cành nhiều dễ uốn tĩa nên được dùng làm cây cảnh, cây uốn thế, cây tạo dáng trồng ở chậu.

IV.B.26. CÂY CÙM RUM (Cườm rụng)

Carmone microphylla (Lam.) Don

(*Carmona retusa* (Vahl.) Matsam.; *Ehretia buxifolia* Roxb.)

Họ Cườm rụng (Ehretiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới. Cây gỗ nhỏ, phân nhánh ngắn. Lá nhỏ, màu xanh bóng, đậm, thường mọc tập trung ở từng điểm trên cành, mép có răng nhỏ. Cụm hoa xim ở các nhánh màu trắng. Quả tròn màu đỏ cam, dẹp (Hình 144).

Cây mọc khỏe nơi đất khô, trái nắng, chịu được cả mùa hạn dài, nên được trồng làm cây thế, cây tạo dáng ở chậu. Nhân giống bằng giâm cành, chôn cho chồi và dễ uốn nắn.

IV.B.27. CÂY CÙM RUM NHỎ (Sơn trà nhám)

Heliotrope tree

Ehretia acuminata R.Br. (*E. serrata* Roxb.)

Họ Cườm rụng (Ehretiaceae)

Cây có nguồn gốc phân bố ở châu Á (Nhật Bản xuống các nước nhiệt đới) và Australia. Cây gỗ nhỏ, thường xén tĩa thành bụi hay hãm thành cây uốn thế. Lá mỏng, mịn. Cụm hoa dạng chùy mang nhiều hoa. Hoa nhỏ, màu trắng, thơm. Quả hạch có 4 hạt.

Cây được trồng rộng rãi vì dễ trồng, ít phải chăm sóc. Cây mọc

khỏe, hoa nở rộ, hấp dẫn. Nhân giống bằng hạt hay giâm cành, trồng ở chậu hay trong vườn đều thích hợp.

Để trồng làm cảnh hay xén tỉa thành Bonsai, các nhà vườn thường khai thác cây.

IV.B.28. CỤM RUM RĂNG

Ehretia dentata Courch.

Cây gỗ nhỏ, sống dựa. Lá trái xoan ngược, mép có răng thưa, màu xanh đậm, bóng. Cụm hoa nhỏ, có 2 - 3 hoa.



H.144. Cụm rum -
Carmona retusa Mat.

IV.B.29. CÂY CỤM RÌA

Malpighia coccigera L.

Họ Dùi đục (Malpighiaceae)

Cây có nguồn gốc ở các nước vùng Trung châu Mỹ.

Cây gỗ nhỏ, dạng bụi. Lá dạng trái xoan, dày cứng, mép có răng nhọn và gốc răng lõm, màu xanh đậm, bóng. Cụm hoa có 1- 2 hoa ở nách lá. Hoa nhỏ màu trắng hay hơi hơi hồng. Quả hạch gần hình cầu, đỏ. Cây có dáng đẹp, dễ uốn tỉa nên thường trồng làm cảnh, tạo dáng hay hãm nhỏ để uốn thế làm cây trồng ở chậu, lá xanh quanh năm, lâu rụng.

Cây trồng bằng hạt hay giâm cành.



H.145. Cừu ly hương -
Ruta graveolens L.

IV.B.30. CÂY CỬU LY HƯƠNG

Rue, Herb of grace

Ruta graveolens Linn. (*R. chalepensis* Linn.)

Họ Cam (Rutaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng Địa Trung Hải và châu Á, được gây trồng từ rất lâu đời ở miền Bắc nước ta làm thuốc và làm cảnh.

Cây bụi nhỏ, sống lâu năm. Lá mọc cách, kép 2 - 3 lần xẻ lông chim, màu xanh mốc, cuống dài. Cụm hoa dạng ngù hay xim ở đỉnh cành, ít hoa.

Hoa có đế lõi, màu vàng, phiến uốn lượn ở mép. Quả có cánh dài còn lại. Mùa hoa tháng 6 - 8 (Hình 145)

IV.B.31. CÂY DẠ HỢP (Sen đất)

Bull Bay, Magnolia à grandes fleurs

Magnolia grandiflora Linn. (*M. foetida* Sarg.)

Họ Ngọc lan (Magnoliaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, được trồng rộng rãi ở các nước châu Á phương Bắc. Ở Việt Nam, cây trồng ở các tỉnh miền Bắc và vùng núi Nam Trung Bộ. Cây gỗ, lá xanh quanh năm, phân cành nhánh nhiều, tán dạng tháp. Cành non và chồi có lông. Lá thuôn bầu dục, dày màu xanh đậm, nhẵn bóng ở mặt trên, mặt dưới có lông dày màu gỉ sắt. Hoa lớn màu trắng bóng, thơm. Cánh hoa 1 - 12 chiếc lớn, dày lõm lòng thuyền, xếp úp sát nhau, mở xòe rộng. Nhị nhiều, chỉ nhị dày màu tía. Quả màu nâu xám, có lông. (Ảnh 161)

Cây cho hoa rất đẹp, có hương thơm, nở vào mùa hè thu. Rất thích



H.146. Dạ hợp nhỏ -
Magnolia Coco DC.

hợp trồng nơi vườn quanh nhà. Hiện nay các nhà vườn đã tạo ra được rất nhiều chủng có dạng lá, hoa khác nhau. Cây trồng bằng chiết cành để cho cây thấp có hoa sớm. Cành chiết phải bó cẩn thận, đủ ẩm để chóng có rễ. Cắt cành chiết vào mùa xuân và đem trồng ngay.

IV.B.32. CÂY DẠ HỢP NHỎ (Trứng gà nhỏ)

Talaume humble

Magnolia coco DC. (*M. pumila* Andr., *Talauma pumila* Bl.)

Họ Ngọc lan (Magnoliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, được gây trồng làm cảnh nhiều, nơi đền chùa, sân vườn quanh nhà. Cây nhỏ, dạng bụi cao 1 - 4 m, phân cành nhánh nhiều, nhẵn. Lá hình trái xoan thuôn, nhọn cả hai đầu, dày, tròn, nhẵn, màu xanh bóng ở mặt trên, xanh nhạt pha vàng ở mặt dưới. Hoa đơn độc ở nách lá, có cuống cong, lớn. Cánh hoa lúc non hơi xanh sau thành màu trắng, nhẵn. Nhị nhiều. Hoa rất thơm, nở đều gần quanh năm (ở miền Bắc nở từ đầu mùa xuân đến giữa mùa hạ) (Hình 146)

Cây trồng chủ yếu bằng chiết, giâm cành. Cây mọc khỏe, cần chăm sóc kỹ, hoa sẽ nở đều và lớn.

IV.B.33. CÂY DẠ LÝ HƯƠNG TÍM

Cestrum purpureum Standl. (*C. elegans* Schlecht.)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở các nước nhiệt đới. Cây thân bụi cao 1 - 2 m, thân màu xám hồng, có nhiều đốm trắng, phân cành nhánh nhiều, dài, yếu. Lá dạng trái xoan thuôn dài nhọn ở đầu, tròn tròn ở gốc, nhẵn, màu xanh đậm. Cụm hoa dạng chùm ở đỉnh. Hoa hình ống dài màu đỏ tím, rất đẹp, không thơm. Quả mọng màu xanh bóng gần như trong, ngoài có cánh dài còn lại.

Cây có hoa quanh năm nếu đất tốt, tưới xấp. Cây trồng bằng giâm cành. Chọn cành bánh tẻ cắt các đoạn dài 20 cm có chồi mắt, giâm nơi ẩm mát. Có 1 chủng hoa đặc sắc là :

IV.B.33.a. *Cestrum purpureum* Standl. var. *smithii* Hort.

Hoa màu hồng.

IV.B.34. CÂY DÀNH DÀNH

Cape Jasmine, *Gardenia a aspect de Jasmin*, Jasmin du Cap.

Gardenia jasminoides Ellis (*G. florida* L.)

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản). Ở Việt Nam, cây trồng chủ yếu ở các tỉnh miền Bắc làm cây cảnh ở vườn, bồn hoa lớn, dọc lối đi hay hàng rào trong công viên. cây gỗ nhỏ, cao 1 - 3 m, thường xén tỉa cho có dạng lùn và nhiều cánh dày, nhẵn. Lá mọc đối, dạng trái xoan nhọn cả hai đầu, màu xanh đậm bóng nhẵn. Hoa lớn, có cuống dài và mọc tập trung ở đỉnh. Hoa rất thơm, cánh hoa dạng ống trên chia thùy răn reo màu trắng sau khi nở xòe thì chuyển sang màu vàng nhạt. Quả có đài còn lại ở đỉnh. Hiện nay, có thể trồng 1 vài chủng đặc sắc là :



H.147. Dành dành - *Gardenia jasminoides* Ellis var. *flore-pleno* Hort.

IV.B.34.a. *Gardenia jasminoides* Ellis var. *flore - pleno* Hort

Hoa có cánh kép (Hình 147).

IV.B.34.b. *Gardenia jasminoides* Ellis var. *variegata* Hort

Lá có viền màu trắng vàng.

Cây trồng bằng hạt hay giâm cành, mọc khỏe cho thân mập, đâm chồi nhiều, có thể cắt tỉa để tạo cây uốn thế hay làm cây cảnh lùn bày ở trong chậu nhỏ. Cây cho lá xanh quanh năm và mùa hoa kéo dài nên rất được ưa chuộng.

IV.B.35. CÂY DÀNH DÀNH VÀNG (Mẫu đơn)

***Gardenia lucida* Roxb.**

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Mianma...) được gây trồng rộng rãi làm cây cảnh, cây hàng rào hay cây ở bờ nước. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều, thẳng, dạng cây bụi, cao 1 - 3 m. Lá mọc đối, thuôn tròn, dai, bóng nhẵn. Hoa mọc đơn độc, lớn, cánh kép màu trắng rồi chuyển sang màu vàng tươi, rất thơm. Quả mọng có đài còn lại.

Hoa nở gần như quanh năm.

Mấy năm gần đây, các nhà vườn còn khai thác cây Dành dành với - *Gardenia angkorensis* Pit., có dáng đẹp làm cây Bonsai.

Mọc nơi đất khô gần ven bờ biển miền Trung. Thân cứng, màu trắng mốc, nhẵn, chia cành gãy khúc, khô khẳng khiu. Lá dạng trái xoan ngược, dày, màu xanh mốc. Hoa màu trắng vàng nhạt ở đỉnh cành.

Cây đẹp, chịu được khô, nóng.

IV.B.36. CÂY DẦU DA XOAN (Sơn cóc)

***Allospondias lakoensis* (Pierre) Stapf.**

(*Spondias lakoensis* Pierre)

Họ Đào lộn hột (Anacardiaceae)

Cây mọc hoang dại ở rừng miền Bắc và miền Trung nước ta, nhưng nay được trồng rất rộng rãi trên các đường phố ở các tỉnh lớn làm cây phong cảnh và cho bóng mát, rất thích hợp với các công trình kiến trúc thấp. Cây có hoa nở rộ, dày đặc trên tán lá vào mùa hè (tháng 7 - 9) nên càng được ưa chuộng. Cây gỗ nhỏ, cành non có lông. Lá kép lông chim dài, mượt, có 15 - 25 đôi lá phụ, mềm xanh nhạt. Cụm hoa rất lớn, dạng tán mang hoa nhỏ màu trắng xếp dày đặc. Quả hạch màu vàng nhạt.

Cây ươm gieo dễ dàng bằng hạt. Chọn quả chín già, mập, xử lý bằng nước ấm, rồi gieo ở bầu. Cây cao trên 1 m bứng trồng nơi đường phố. Cây mọc khỏe phân cành sớm, tán rộng, thưa, ưa khí hậu nóng, đủ nắng, không chịu được úng nước.

IV.B.37. CÂY DẦU LAI VẢI

Bellyache Bush : Cotton - Leafed Physixnut,
Médicinier sauvage

Jatropha gossypifolia Linn.

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ quần đảo Antille và vùng châu Mỹ nhiệt đới. Cây gỗ nhỏ, dạng bụi cao 1 - 2 m, thân cành màu xám có mủ trong. Lá chia 3 - 5 thùy có lông và có tuyến trên mép phiến và trên cuống. Cuống dài và gân trên phiến màu đỏ. Cụm hoa ở đỉnh cành, có cuống ngắn. Hoa có cánh hoa màu đỏ lớn, xòe rộng. Quả nang hình cầu thuôn.

Cây trồng làm cảnh đẹp vì hoa nở bền, gần như quanh năm. Cây trồng bằng hạt.

IV.B.38. CÂY DẦU LAI XÊ

(Bạch phụ tử, Dầu lai nhiều
khía)

Physic nut, coral - bush,
Médicinier d'Espagne

Jatropha multifida Linn.

Họ Thầu dầu
(Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước ở Nam châu Mỹ, từ Texas đến Brazil. Cây bụi nhỏ, cao 2 - 3 m, nhẵn, có nhựa mủ. Lá xẻ thùy chân vịt sâu thành 7 - 11 thùy, các thùy lại khía răng hẹp, sâu, gốc phiến lá gần tròn. Cuống lá dài bằng phiến. Lá kèm hình sợi, chia nhánh. Cụm hoa có cuống dài màu đỏ. Hoa màu đỏ. Quả nang, hình trứng, nhẵn, màu vàng nhạt (Hình 148).



H.148. Dầu lai xê -
Jatropha multifida L.

Cây trồng làm cảnh trong các chậu lớn, có dáng lá và hoa đẹp. Hoa nở bền, mùa hoa kéo dài. Cây dễ trồng bằng hạt hay giâm cành, mọc khỏe, chóng có tán lá dày và hoa nở rộ.

IV.B.39. CÂY ĐAI (Sứ cùi)

Frangipani, Frangipancier, Pagoda tree, Temple Tree...

Plumeria rubra L. (*P. acutifolia* Poir., *P. acuminata* Ait.)

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô (châu Mỹ) được gây trồng rộng rãi ở nước ta, nơi đình chùa, công viên lớn.

Cây gỗ trung bình, mập, khẳng khiu, phân cành nhánh dài, cong queo, xù xì và mập. Vỏ màu trắng xám, xốp. Lá thuôn dài, rộng ở giữa và hẹp lại ở cả hai đầu, màu xanh bóng, nhẵn, gân nổi rõ màu trắng kéo dài nối với gân viền ở mép. Lá xếp sát nhau thành vòng ở ngọn cành, khi rụng để lại sẹo lớn ở cành. Cụm hoa trên một cuống chung, mập, dài 30 - 50 cm, phân nhánh vòng ở đỉnh, có nhiều sẹo do hoa rụng. Hoa có cánh hoa dày, mập, khi còn nụ thì xếp vặn màu trắng có trung tâm vàng, lớn. (Ảnh 162). Quả ít gặp, gồm 2 đai. Hạt có cánh. Hoa nở quanh năm và thơm. Cây trồng bằng giâm cành vào mùa mưa. Mọc khỏe, chóng có rễ.

Có nhiều dạng với màu hoa khác nhau :

IV.B.39.a - *Plumeria rubra* f. *rubra*.

Hoa màu hồng, gốc họng vàng.

IV.B.39.b - *Plumeria rubra* f. *lutea* (R. et P.) Woods.

Hoa màu vàng đôi khi lẫn với màu hồng.

IV.B.39.c - *Plumeria rubra* f. *acutifolia* (Ait.) Woods.

Hoa màu trắng, gốc họng màu vàng, có khi lẫn với màu hồng.

IV.B.39.d - *Plumeria rubra* f. *tricolor* (R. et P.) Woods.

Hoa màu trắng, viền mép cánh màu hồng, gốc họng màu vàng.

IV.B.40. CÂY ĐẠI TRẮNG

Frangipani, Frangipanier (West Indian red jasmine)

Plumeria alba L.

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, Guyan và Equador (châu Mỹ). Cây thấp hơn loài trên, cánh nhánh nhiều mập, mọc xòe ra, thành các tầng thấp.

Lá thuôn hẹp dài, nhọn ở đỉnh, màu xanh bóng, mặt dưới có lông dày, xếp sát nhau ở đầu cành và thường rụng vào mùa khô. Cụm hoa ở đầu cành trên cuống chung dài. Hoa có cánh dày màu trắng, gốc họng màu vàng nghệ. Rất ít khi có quả. Gây trồng bằng cành.

IV.B.41. CÂY ĐẠI TÙ

Temple tree, Lirio de la Costa.

Plumeria obtusa L.

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Về hình dạng, cây giống với cây Đại, lá lớn hơn, đầu tù, gân trắng. Cụm hoa lớn, hoa lớn cánh trắng, nhưng có tâm màu vàng đậm.

IV.B.42. CÂY ĐÀO

Peach, Pêcher

Prunus persica Sieb et Zucc.

(*Amygdalus persica* Linn., *Persica vulgaris* Mill.)

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Mông Cổ và được gây trồng ở nhiều nước trên thế giới vừa cho hoa đẹp (đặc biệt nở vào đầu xuân), vừa cho quả ăn (chỉ ở vùng núi Bắc Việt Nam mới có quả), còn hầu hết chỉ trồng chủ yếu cắt cành cắm lọ vào ngày tết Nguyên Đán). Cây nhỏ, vỏ màu nâu hồng hay xám, cánh dài mềm, dễ uốn. Lá hình giáo, hẹp, đầu thuôn và nhọn, gốc có 2 tuyến nhẵn, mép lá khía răng nhỏ, đều, cuống lá mảnh. Hoa đơn độc, nở cùng một lúc với chồi lá. Hoa màu hồng, gần như không cuống. Cánh dài hợp ở

gốc hình chuông. Cánh tràng mềm bóng, hình trứng ngược. Nhị nhiều dài bằng cánh hoa. Quả hạch nhiều lông có 1 rãnh bên (Ảnh 163).

Đào có nhiều loại khác nhau, như Đào phai (hoa màu hồng, nhiều, lá màu xanh nhạt); Đào bạch (hoa màu trắng, thưa); Đào quả (hoa màu hồng nhạt, cánh đơn), nhưng đẹp nhất là Đào bích, còn gọi là Đào kép (*Prunus persica* Sieb. et Zucc. var. *camelliaeflora* Hort. sub. var. *plena*). Hoa màu đỏ thắm, dày đặc, nở sát nhau, cánh hoa kép. Lá màu xanh đậm.

Trồng đào và thường ngoạn cành đào vào dịp tết là truyền thống lâu đời của nhân dân ta (chủ yếu là ở miền Bắc). cây ưa khí hậu mát, lạnh, ẩm, nhưng chịu được hạn (không chịu úng) do đó đất trồng đào phải vừa ẩm, vừa cao ráo để thoát nước. Cây trồng bằng hạt hay ghép. Chọn quả mập, tốt làm giống, bỏ hết phần thịt ở ngoài rồi đem gieo, sau 6 tháng hạt nảy mầm và sau 1 năm đem cấy ở vườn ươm. Sau 2 - 3 năm. cây bắt đầu có hoa. Để có hoa sớm, thường ghép. Sau khi gieo hạt 6 tháng (gieo tháng 4 - 5 âm lịch, thì tháng 12 - 1 hạt mọc) sau 1 tháng hạt mọc, bứng trồng vào bầu để cuối năm đưa ghép vào gốc đào giống, vạt sâu 1/3 thân cành giống cũng như ở gốc ghép rồi buộc chặt. Sau 1 tháng, cành và gốc đã liền nhau. Cắt ngọn của gốc ghép và cắt 2/3 đường kính thân ghép. Sau 10 ngày cắt tiếp phần còn lại. Đem cây ghép và bầu trồng ở vườn ươm. Sau 1 năm rưỡi, cây sẽ có hoa. Sau khi cây mọc khỏe thì công việc cắt sửa cành cho có tán tròn đẹp và hãm cho cây nở hoa đúng vào dịp tết rất quan trọng. Cây sau khi ra chồi non cần phải cắt ngay. Lần đầu cắt thật nhiều để đâm ra nhiều cành. Sau đó cứ mỗi tháng lại cắt bỏ 1 lần (tỉa nhẹ các cành yếu để có tán tròn). Sau 6 lần cắt tỉa, cây đào mới có dáng đẹp. Muốn có hoa đúng dịp, thì dùng dao sắc cắt bỏ 1 vòng vỏ nơi gần cổ gốc thân. Lá đào sẽ chuyển từ xanh đậm sang xanh nhạt và hơi rũ xuống. Nếu lá vẫn xanh tươi thì lại tiếp tục bóc thêm 1 vòng nữa ở cao hơn (gọi là thiến đào). Thời gian thiến đào cần làm vào tháng 8 âm lịch. Sau đó tiến hành tuốt lá để cây bắt đầu ra nụ. Thời gian tuốt lá sớm muộn tùy theo thời tiết hàng năm và sức sống của mỗi cây, thường làm vào đầu tháng 11 âm lịch. Sát đến ngày nụ hoa nhũ to lại phải

hãm cho hoa nở đúng ngày mong muốn. Có thể che bớt nắng, không tưới nước, chặt bớt rễ (dùng mai xén bớt quanh gốc để rễ đứt 10 - 20%) và tiếp tục cắt bỏ lớp vỏ quanh gốc thân. Nếu hoa nở muộn thì thúc bằng cách làm ngược lại (xới xáo đất, tưới đẫm nước, thấp đèn ban đêm cho vườn đào...).

Gốc đào khi cắt càng cấm lợ, nếu chăm sóc tốt sẽ có chồi non và cho cành đào mới trong năm tới.

IV.B.43. CÂY ĐÀO ĐẬU (Sát thử đốm)

Madera

Gliricidia maculata HBK (*Lonchocarpus maculatus* DC.)

Họ Đậu (Fabaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ (Guatamala trở xuống) được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi, vì cây mọc nhanh, khỏe, dễ trồng lại có hoa đẹp.

Cây gỗ nhỏ, cao 4 - 8 m, phân cành nhiều, dài mọc thẳng vút làm cho phần gốc thân rất ngắn, tán mở rộng. Lá kép lông chim với 15 - 17 lá nhỏ mọc đối, dạng thuôn, tù, màu xanh pha trắng, mép răn reo. Cụm hoa dài 0,5 - 1 m, nhiều trên cành, mang hoa trung bình, màu hồng tím nhạt với cánh có một đốm vàng nổi rõ trên nền hồng. Hoa nở rộ vào mùa xuân, trước khi cây ra lá non. Quả đậu dài 5 - 10 cm.

Cây trồng chủ yếu bằng giâm cành, ít khi bằng hạt. Cành giâm dễ mọc, có thể cắt cả cành dài cắm xuống đất, cũng đâm rễ, ra chồi. Cây ưa khí hậu mát ẩm, nhưng cũng mọc được nơi khô nóng (hoa có màu nhạt hơn và chóng tàn). Cắt cành vào mùa xuân cấm lợ làm cây trang trí nội thất thay cho hoa đào.

IV.B.44. CÂY ĐÀO TRẮNG (Mận)

Japanese Plum, Prunier japonais

Prunus salicina Lindl.

(*P. triflora* Roxb., *P. japonica* Hort., *P. hattan* Tamari, *P. ichangana* Schneid., *P. botan* Hort., *P. masu* Hort.)

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Nhật Bản, Trung Quốc, Bắc Việt Nam), chủ yếu để lấy quả ở miền núi. Lá thuôn dài có mũi ở đỉnh, màu xanh bóng, sáng, gân nổi rõ. Cụm hoa ngắn, thưa mang 1 - 3 hoa, màu trắng. Quả hình cầu màu vàng hay đỏ sẫm.

IV.B.45. CÂY ĐẠT PHƯỚC

Millingtonia hortensis L.f.

Họ Núc nác (Bignoniaceae)

Cây mọc hoang trong rừng ẩm thường xanh, miền Nam nước ta. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhiều, dài. Lá kép lông chim 2 - 3 lần, lá phụ nhỏ, rụng vào mùa khô. Cụm hoa lớn, hoa nhỏ màu trắng dạng ống dài, đỉnh chia 2 môi, rất thơm. Quả nang dẹt.

Cây đẹp trồng làm cảnh ở vườn (vùng xứ lạnh rất ưa chuộng).

IV.B.46. CÂY ĐÀU LÂN

Cannon ball tree

Couroupita guianensis Aubl.

Họ Lộc vừng (Lecythidaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ nhiệt đới (Guian) được trồng làm cảnh ở vườn hay trong công viên vì có dạng hoa đặc sắc, nở rộ quanh năm. Cây gỗ lớn, thân thẳng, phân cành sớm, vỏ xộp, mềm, tán rộng nhưng thưa. Lá thuôn bầu dục dài, hay hình giáo, màu xanh nhạt bóng, cứng mép nguyên hay khía răng nhỏ, mọc chụm ở cành.

Cụm hoa dạng chùm mập, dài (có khi đến 1 m) uốn cong ra, và tập trung ngay trên thân, cành già. Hoa lớn, thơm, sắc sỡ. Cánh dài dày ở gốc, dạng bầu dục nhọn. Cánh tràng lõm, cong, nở ra tròn đều, màu đỏ vàng, gốc màu đỏ tím hay vàng. Nhị nhiều xếp sát nhau kín cả họng hoa, màu vàng. Quả hình cầu lớn, đường kính 10 - 20 cm, màu đỏ nhạt, nhiều hạt (ở Việt Nam, rất hiếm có quả) (Ảnh 164)

Cây rất đẹp, do hoa hấp dẫn nên được gây trồng nhiều ở các tỉnh miền Nam nước ta.

IV.B.47. CÂY ĐƠN ĐỎ (Trang son, Mồ đỏ)

Ixora cocciné

***Ixora coccinea* Linn. (*I. grandiflora* Ker.)**

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Srilanca, Ấn Độ. Cây bụi, phân cành nhánh nhiều. Lá thuôn dài, nhọn ở đầu, gần như không cuống, gốc tròn hay hình tim, rất bóng, dày, màu xanh đậm. Cụm hoa lớn đến 20 cm mang nhiều hoa xếp sát nhau ở đầu cành. Hoa màu đỏ tươi, cánh tràng hợp thành ống dài, mảnh, cao 2 - 2,5 cm, trên chia 4 thùy gần nhọn, xếp xòe đều. Quả có 2 nhân, cứng, màu đen.

Cây cho hoa đẹp, nổi bật trên đám lá xanh, thường trồng trên bãi cỏ hay ven đường làm cây cảnh cả cây ít khi cắt hoa cắm cành. Hoa nở quanh năm. Cây dễ trồng bằng hạt hay giâm cành, mọc khỏe ít đòi hỏi đất đai. Có thể cắt tỉa bụi thành các hình khối khác nhau làm nền cho các cây có hoa khác.

IV.B.48. CÂY ĐƠN ĐỎ LỚN (Trang to)

***Ixora macrothyrsa* Teijsm. et Binn. (*I. duffii* Moore)**

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ. Cây gỗ dạng bụi dày đặc, lớn, cao 2 - 4 m, cành nhánh nhiều làm thành tán rậm, nhẵn. Lá thuôn hình giải hay thuôn hình giáo, nhẵn, có cuống dài. Cụm hoa lớn, rộng trên 20 cm, mang nhiều hoa màu đỏ thắm xếp dày đặc thành tán dày.

Hoa nở quanh năm (tập trung vào mùa mưa) làm cây cảnh ở vườn rất đẹp. Cụm hoa lớn có thể cắt để bày bàn hay cắm lọ (Ảnh 165).

IV.B.49. CÂY ĐƠN TRẮNG (Trang trắng)

***Ixora finlaysonianana* Wall.**

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây gỗ dạng bụi, cao 5 - 6 m, phân cành nhánh nhiều, dày đặc. Cánh non có cạnh, màu xanh nâu. Lá hình trái xoan rộng, đầu nhọn, gốc tù, màu xanh đậm. Cụm hoa dạng ngù gồm nhiều xim

dày đặc ở đầu cành. Hoa trắng, không có cuống với cánh tràng hợp thành ống dài, hẹp, nhẵn, trên chia 4 thùy hình trái xoan. Quả hạch 2 ô, mỗi ô có 1 hạt tròn (Ảnh 106).

Cây có hoa nở gần như quanh năm (tập trung vụ hè – thu), vừa đẹp vừa có hương thơm, trồng làm cảnh rất thích hợp trong các bồn hoa, bãi cỏ hay ven lối đi trong công viên. Cây trồng bằng chiết cành.

IV.B.50. CÂY ĐƠN VÀNG (Tràng vàng, Mò vàng)

Ixora de Jave

Ixora lutea Hutc. (*I. coccinea* L. var. *lutea* Hort.)

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Java. Cây gỗ nhỏ dạng bụi, nhẵn. Lá thuôn dài, gốc hẹp dần và có cuống ngắn. Cụm hoa dạng tán dày đặc gồm nhiều hoa xếp sát nhau. Hoa có cánh tràng màu vàng nhạt, hợp thành ống dài, trên chia thùy. Quả có nhân cứng.

Cây được trồng rất rộng rãi ở các tỉnh miền Nam nước ta, để làm cảnh trong vườn hay nơi công viên. Hoa nở quanh năm.

IV.B.51. CÂY ĐƠN VÀNG CAM (Tràng vàng cam)

Ixora de java

Ixora javanica DC.

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Java. Cây bụi phân cành nhánh nhiều, nhẵn. Lá dạng thuôn bầu dục, nhọn đầu, mép gợn sóng. Cụm hoa dày đặc ở đỉnh gồm nhiều xim có cuống dài. Hoa màu vàng cam với cánh tràng hợp thành ống dài, trên chia 4 thùy tròn, xòe rộng.

IV.B.52. CÂY ĐÌNH LĂNG ĐĨA

Nothopanax scutellarius (Burm.f.) Merr.

Họ Ngũ gia bì (Araliaceae)

Cây gỗ nhỏ, dạng bụi, vỏ thân màu đen có đốm trắng. Lá đơn hay kép với 2 - 3 lá phụ, dạng tròn lõm hay dạng bán cầu, màu xanh bóng hay loang lổ. Cụm hoa dạng tán kép buồng thông xuống.

Mỗi tán có 5 - 8 hoa màu xanh.

Cây trồng làm cảnh do lá đặc sắc, rất thích hợp ở chậu.

IV.B.53. CÂY ĐÌNH LĂNG LÁ NHỎ

Polyscias filicifolia Bailey

(*Aralia filicifolia* Moore, *Panax filicifolium* Hort.)

Họ Ngũ gia bì (Araliaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Thái Bình Dương. Được gây trồng làm cây cảnh ở chậu. Cây bụi thấp, thân thẳng, mập, nhẵn, màu nâu xám với các đốm màu trắng. Lá lớn có cuống dài, thành bẹ ôm thân. Phiến lá chia cắt sâu dạng kép lông chim 2 lần. Thùy lá hẹp, thuôn nhọn ở đỉnh, mép khía răng cưa nhỏ, đều. Lá mềm, màu xanh bóng, rất đẹp. Lá ở gốc có thể nguyên, hình bầu dục rộng có cuống ngắn, mép chia răng nhỏ và có thùy không rõ. Cụm hoa ít gập, dạng tán tập hợp thành chùy. Hoa nhỏ đều, màu nhạt (Hình 149).

Cây đẹp vì tán lá có thể cắt xén cho cây có dạng xù xì, nhỏ làm cây cảnh lùn trang trí trong phòng khách, thích hợp nơi đình chùa. Cây trồng bằng chiết cành hay tách bụi có cả rễ củ.



H.149. Đình lăng lá nhỏ –
Polyscias filicifolia Bail.

IV.B.54. CÂY ĐÌNH LĂNG LÁ QUẠT (Đình lăng tro)

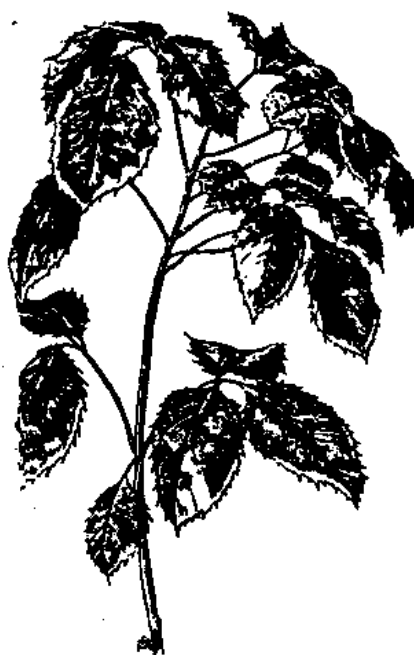
Wild coffee

Polyscias guilfoylei Bailey

(*Aralia guilfoylei* Bull.; *Nothopanax guilfoylei* Merr.)

Họ Ngũ gia bì (Araliaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Thái Bình Dương và được trồng từ lâu đời ở các nước nhiệt đới (châu Á và châu Mỹ). Cây bụi, mọc thẳng, nhẵn, phân cành nhánh ít, màu xám. Lá rộng, kép lông chim không đều, cuống lá dài, mảnh có rãnh ở mặt trên và rộng ở gốc thành bẹ ôm thân, trên cuống có dốm hay vạch. Lá nhỏ dạng bầu dục hay trái xoan gần tròn, nhụt hay tròn ở gốc, đầu thuôn tù, mép lá khía răng cưa nông màu xanh trắng có viền, bóng, gân nổi rõ. Cụm hoa dạng tán tập hợp thành chùy ở đỉnh. Hoa nhỏ, màu xanh nhạt, ít hấp dẫn. Quả dẹt có vòi còn lại. Cây được gây trồng làm cảnh ở châu hay trồng hãm nhỏ thành cây cảnh lùn (Hình 150).



H.150. Đình lăng lá quạt –
Polyscias guilfoylei Bail.

Có vài chủng cho lá đẹp làm cảnh thông dụng hơn cả :

IV.B.54.a. *Polyscias guilfoylei* Bailey. var. *laciniata* Bailey
(*Panax lacinatum* Hort.)

Lá có mép viền trắng, khía răng hẹp.

IV.B.54.b. *Polyscias guilfoylei* Bailey. var. *monstrosa* Bailey
(*Aralia monstrosa* Hort.)

Lá không đều, khía răng sâu, mép cũng có viền trắng.

IV.B.54.c. *Polyscias guilfoylei* Bailey. var. *victoriae* Bailey
(*Panax victoriae* Rod.; *Aralia victoriae* Hort.)

Cây nhỏ bé, lá phân cắt nhiều thành các thùy sâu không đều nhau.

IV.B.55. CÂY ĐÌNH LĂNG LÁ RĂNG

***Polyscias fruticosa* Harms.**

(*Panax fruticosum* Linn., *Aralia fruticosa* Hort.,
Nothopanax fruticosum Miq., *Panax excelsum* Hort.)

Họ Ngũ gia bì (Araliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Polynêsi đến Ấn Độ, được gây trồng phổ biến nhất trong các loài Đình lăng, từ nơi đình chùa đến sân vườn nhà thường trồng trong chậu và hãm thành cây cảnh lùn.

Cây mọc thành bụi nhỏ, nhẵn, không gai, cành non có nhiều đốm trắng. Lá lớn, dài đến 40 cm, kép lông chim 3 lần, phiến lá xẻ sâu. Cuống lá có đốm dài, lá nhỏ có cuống ngắn chia thùy không đều, khía răng, đầu nhọn và có mùi thơm. Cụm hoa dạng tán tập hợp thành chùm ngắn. Hoa nhỏ màu trắng. Quả dẹt màu trắng bạc. (Ảnh 167)

Mùa hoa tháng 4, rất hiếm thấy quả.

Cây mọc khỏe, sống lâu năm, dễ trồng bằng tách bụi hay các đoạn thân rễ dạng củ. Cây ít đòi hỏi chăm sóc, vừa ưa sáng vừa chịu được bóng, nên làm cây trang trí trong phòng. Để làm cảnh đẹp thường trồng 1 chủng.

IV.B.55.a - *Polyscias fruticosa* Harms. var. *plumata* Bailey
(*Panax plumatum* Hort.)

Lá nhỏ hơn, nhưng chia cắt sâu hơn, thành các sợi hẹp.



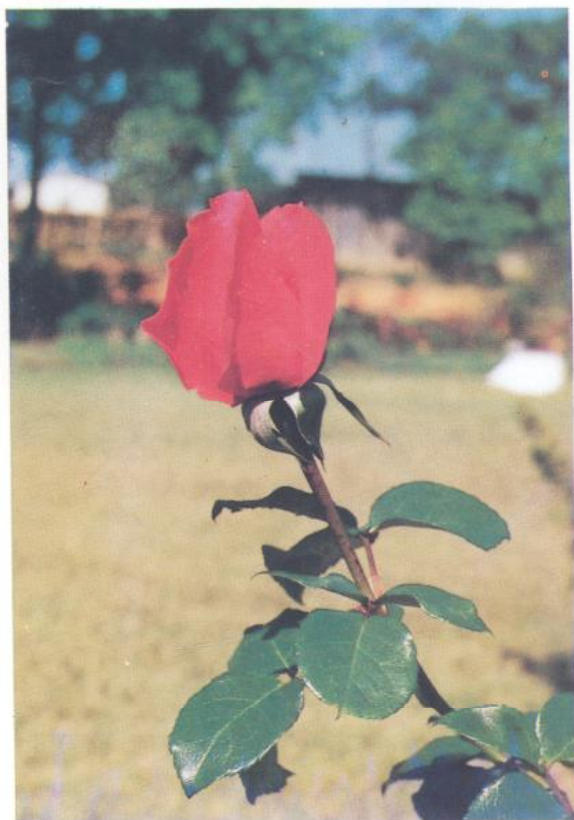
Ảnh 168: Đỗ quyên lai
Rhododendron "hybride"

Ảnh 169: Hoa chông vàng
Barleria lupulina Ldl.





Ảnh 170: Hoa chuông đỏ
Spathodea campanulata P. Beauv.



Ảnh 171: Hoa hồng
Rosa chinensis Jacq.



Ảnh 172: Hoa hồng vàng - *Rosa chinensis* Jacq.



Ảnh 173: Hoàng lan - *Canarium odoratum* King.



Ảnh 174: Hồng mai - *Jatropha pandurifolia* Andr.



Ảnh 175: Hường dương đại
Tithonia diversifolia A. Gray.



Ảnh 176: Kiều hùng
Calliandra haematocephala Hassk.



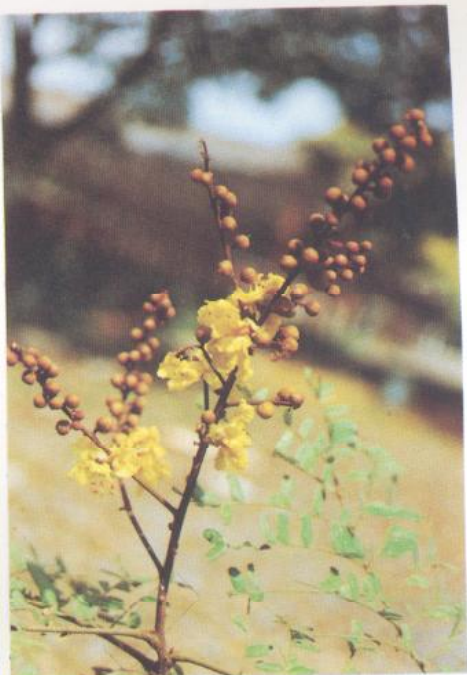
Ảnh 177: Kiều hùng đỏ
Calliandra smarginata



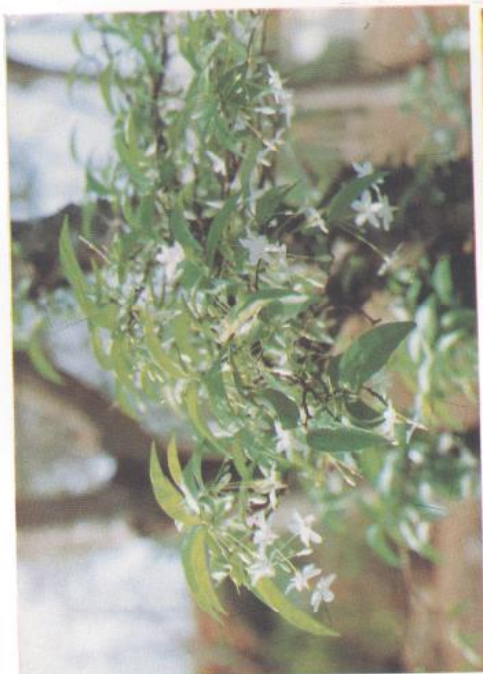
Ảnh 178: Kim đồng
Galphimia glauca Cav.



Ảnh 179: **Lài mỹ**
Brunfelsia hopeana Benth.



Ảnh 180: **Lim xẹt**
Peltophorum pterocarpum Back.



Ảnh 181: **Long thủ**
Beloperone guttata Brana.



Ảnh 182: **Mai chấm thủy**
Wrightia religiosa Hook. f.



Ảnh 183: Mai vàng
Ochna integerrima Merr.



Ảnh 184: Me - *Tamarindus indica* L.



Ảnh 185: Mồ phượng
Heliconia bihai Sweet.



Ảnh 186: Móng bò tím
Bauhinia purpurea L.



Ảnh 187: Muồng hoa vàng
Cassia splendida Vog.



Ảnh 188: Ngâu tàu
Aglaia odorata Lour.



Ảnh 189: Ngọc bút
Tabernaemontana coronaria Willd.



Ảnh 190: Ngọc lan trắng
Michelia alba L.



Ảnh 191: Nhội đàn - *Citharexylum quadrangulare* Jacq.



Ảnh 192: Phước hoa - *Fuchsia speciosa* Hort. (Đơn)



Ảnh 193: Phước hoa - *Fuchsia speciosa* Hort. (Kép)



Ảnh 194: Phượng vĩ tím - *Jacaranda mimosaeolia* D. Don.



Ảnh 195: So đo bông vàng - *Stenolobium stans* Seem.



Ảnh 196: Sờn liểu
Sorylianthus fasciculatus Muell. Arg.



Ảnh 197: Tai tượng đuôi chồn
Acalypha hispida Burm f.



Ảnh 198: Thiên điều
Strelitzia reginae Banks.

Ảnh 199: Thơm ổi
Lantana camara L.





Ảnh 200: Thông thiên - *Thevetia peruviana* Sch.



Ảnh 201: Tràm bông đỏ
Callistemon lanceolatus Sweet.



Ảnh 202: Trạng nguyên
Poinsettia pulcherrima Grah.



203: Trúc đào kép - *Nerium odorum* Soland. Ảnh 204: Tú cầu - *Hydrangea opuloides* K. Kochia.



Ảnh 205: Tử tiêu - *Michelia figo* Spreng.



Ảnh 206: Tường vi - *Lagerstroemia indica* L. Ảnh 207: Vàng anh - *Saraca indica* L.



Ảnh 208: Vông nem - *Erythrina orientalis* Merr.



Ảnh 209: Cà chua cảnh
Lycopersicum esculentum
Mill. var. *pyriforme* Alef.



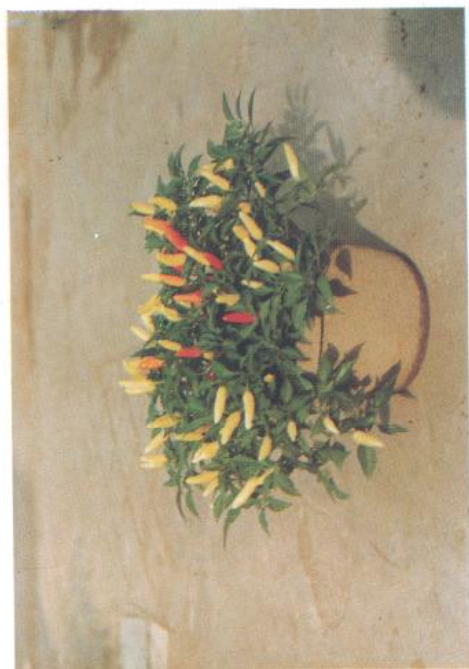
Ảnh 210: Cà vú
Solanum mammosum L.



Ảnh 211: Khủ khối
Lycium chinense Mill.



Ảnh 212: Kim quít
Triphasia trifolia P. Wilson.



Ảnh 213: Ổt - *Capsicum annuum* L.
var. *fasciculatum* Irish.



Ảnh 214: Ổt cảnh - *Capsicum annuum* L.
var. *Ruby king*

IV.B.56. CÂY ĐÌNH LĂNG LÁ TRÒN

***Polyscias balfouriana* Bailey**

(*Aralia balfouriana* sander, *Panax balfourii* Sander,

Polyscias rumphiana Harms.)

Họ Ngũ gia bì (Araliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Tân - Calêdoni. Cây mọc bụi dày, phân cành rất thấp nên tán lá rất dày từ gốc lên đỉnh, thơm, vỏ màu xám xanh nhẵn. Lá lớn cuống dài, phiến kép 3 lá nhỏ dạng gần tròn tù ở đỉnh, tròn ở gốc, mép khía răng, và phiến có đốm. Cụm hoa dạng tán làm thành chùy thưa. Hoa nhỏ, mẫu 4 - 5, màu nhạt.

Cây trồng làm cảnh phổ biến vì tán lá đẹp. Cây dễ trồng bằng tách bụi.

IV.B.57. CÂY ĐỔ QUYÊN ẮN (Hồng thụ ắn)

***Rhododendron simsii* Planch.**

(*R. indicum* Sweet var. *simsii* Maxim, *R. indicum* Sweet var. *ignescens* Sweet; *Azalea indica* Sims. non Linn.)

Họ Đỗ quyên (Ericaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng núi cao châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Đông Dương) và đã được gây trồng làm cảnh từ lâu đời ở các tỉnh miền Bắc Việt Nam. Cây bụi dày, phân cành đều, thẳng làm thành tán tròn đẹp. Lá tập trung ở đầu cành, dạng thuôn có mũi ở đỉnh, màu xanh bóng, mềm. Cụm hoa ngắn mang ít hoa. Hoa lớn, màu đỏ hồng, dạng ống, loe rộng ở đỉnh. Quả nang.

Hoa nở rộ vào mùa xuân, mùa hoa kéo dài, bền, làm cảnh ở chậu rất thích hợp. Cây ưa khí hậu mát, ẩm, cần chăm sóc làm đất kỹ hoa mới nở rộ.



H.151. Đỗ quyên ắn –
Rhododendron indicum Sw.

Loài này cùng với một số loài khác như *R. Kaempferi* Planch.; (hoa màu đỏ cam tươi); *R. obtusum* Planch. (hoa từ màu trắng, đỏ gạch, đỏ tía) đều là chủng của *R. indicum* Sweet (Hình 151).

Hiện các nhà làm vườn đã tạo ra nhiều chủng cho hoa lớn, tạo ra màu sắc lộng lẫy (Ảnh 168) và nhập nhiều loài có hoa đẹp từ Trung Quốc bày bán vào dịp Tết Nguyên đán.

IV.B.58. CÂY ĐUÔI SAM

***Sterculia pexa* Pierre**

Họ Trôm - Sterculiaceae

Cây được các nhà vườn trồng bằng hạt sát nhau, khi có thân thì tết lại như đuôi sam rất đẹp. Cây thân gỗ mềm, dễ uốn tía (cao đến 10 m). Lá kép chân vịt 7 - 9 lá phụ, màu xanh bóng nhật, mặt dưới có lông hung. Cụm hoa dạng chùm dài 20 cm.

Cây đẹp trồng ở chậu làm cảnh khá thú vị.

IV.B.59. CÂY GẠO

Silk cotton Tree, Fromager; Arbra à soie; Cotonnier Mapou

***Bombax ceiba* Burme. (*B. malabaricum* DC.)**

Họ Gòn (Bombacaceae)

Cây có nguồn gốc từ Srilanca, Ấn Độ, được gây trồng rộng rãi ở các nước châu Á nhiệt đới, vì cây mọc nhanh, dễ trồng, cho bóng mát, hoa đẹp, có sợi.

IV.B.60. CÂY GIỀNG GIỀNG (Lâm vồ)

Flame of the forest, Bengal Kino

***Butea frondosa* Roxbg.**

Họ Đậu (Fabaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới : Srilanca, Ấn Độ, Đông Dương. Cây mọc hoang đại nơi rừng thưa và có 2 mùa nở rộ. (Tây Nguyên).

IV.B.61. CÂY HẢI ĐƯỜNG (Trà mi)

Camellia amplexicaulis (Pit.) Coh. - Swact.
(*Thea amplexicaulils* Pitard.)

Họ Chè (Theaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Trung Quốc, Bắc Việt Nam) được gây trồng rất lâu đời làm cây cảnh nơi đền chùa, và cắt cành cắm lọ để thờ cúng. Cây bụi hay gỗ nhỏ phân cành nhánh dài. Lá dày, màu xanh đậm, bóng, nổi rõ gân, mép có răng cưa nhỏ, đều đặn. Cụm hoa thưa, mang 1 - 3 hoa ở ngọn cành, trên cuống dài. Hoa lớn có cánh màu đỏ tía xếp đều đặn, làm nổi bật đám nhị nhiều ở giữa màu vàng. Mặc dù hoa không thơm, nhưng sắc màu long lanh làm cây cảnh rất nổi trên đám lá xanh. Ít khi có quả.

Hoa nở rộ vào mùa xuân, mùa hoa dài. Cây trồng chủ yếu bằng chiết cành. Cành chiết nếu bó kỹ, đủ ẩm, rễ mọc khỏe. Cây trồng nơi đất tối xốp, tránh úng. Cây ưa khí hậu ẩm mát và đủ nắng.

IV.B.62. CÂY HOA CHÔNG

Barleria cristée

Barleria cristata Linn.

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, gây trồng ở chậu, tron bồn hoa lớn ở các tỉnh Nam Việt Nam. Cây gỗ nhỏ, mọc thành bụi thấp, cành non có lông. Lá thuôn hình trứng, đều, mép nguyên, có lông cả 2 mặt. Cụm hoa dạng tán nhỏ ở đỉnh cành hay nách lá. Lá bắc có răng nhọn như gai. Cánh tràng hợp thành ống dài cong, loe rộng và chia 5 thùy lớn ở đỉnh, màu hồng. Quả nang có 4 hạt.

Cây có hoa đẹp, nở đều quanh năm, làm cây trang trí trong vườn rất thích hợp. Cây mọc khỏe, luôn xanh tươi, gây trồng bằng hạt và cành.

IV.B.63. CÂY HOA CHÔNG VÀNG (Gai kim)

Barlerie lupuline

***Barleria lupulina* Lindley.**

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Maurice được gây trồng làm cây cảnh, cây hàng rào ở các tỉnh miền Nam Việt Nam. Cây gỗ nhỏ, phân cành từ gốc, nếu xén tỉa đều làm thành bờ tường thấp, ken chặt với nhau, có gai, nên khó xuyên qua. Lá nguyên, nhẵn, mọc đối khá bóng. Gốc lá có gai nhọn, thẳng, cứng. Cụm hoa ở ngọn, ngoài có lá bắc lớn xếp lợp lên nhau, che kín nụ hoa. Hoa lớn, màu vàng bóng, cánh dài hợp ở gốc trên chia thùy nhọn như gai. Cánh tràng hợp thành ống hẹp, dài trên chia 2 môi, 4 thùy tròn gần đều. Quả nang, có 2 hạt (Ảnh 169)

Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng hạt hay giâm cành. Hoa nở quanh năm, khá đẹp.

IV.B.64. CÂY HOA CHUÔNG ĐỎ (Đình phượng hoàng, So đo cam)

African Tulip Tree,

***Spathodea campanulata* P. Beauv.**

Họ Núc nác (Bignoniaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới được gây trồng làm cây bóng mát cho hoa đẹp, trên đường phố, trong công viên nước ta.

Cây gỗ lớn, nhẵn, vỏ màu nâu xám, phân cành nhánh cao, tán tập trung ở đỉnh và xòe rộng. Lá kép lông chim 1 lần, mọc đối, cuống chung có lông, với 9 - 10 lá nhỏ gần như không có cuống dạng bầu dục thuôn dài, nhẵn, đôi khi có lông ở lá non. Cụm hoa ngắn, dày đặc ở đỉnh cành. Hoa lớn dạng ống rộng hơi cong trên chia thùy rần reo màu vàng đậm, hay đỏ cam xếp sát nhau, mọc thẳng đứng. Quả nang, đứng, cao 20 cm, rộng 3 - 5 cm, nhẵn. Hạt có cánh (Ảnh 170).

Cây đẹp, tán lá dày xanh bóng quanh năm. Hoa nở rộ trên tán lá, rất hấp dẫn. Hoa nở tập trung vào mùa khô, mùa hoa kéo dài.

IV.B.65. CÂY HOA HỒNG

Rosier, China Rose, Bengal Rose

Rosa chinensis Jacq.

(*R. indica* Lindl. non Linn, *R. chinensis* Jacq. var. *indica* Koehne., *R. indica* var. *vulgaris* Lindl.)

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc (chúng mọc hoang dại đã phát hiện ở Trung Quốc là *Rosa chinensis* Jacq. var. *spontanea* Rehd et Wilson, có hoa mọc đơn độc, cánh hoa đơn màu đỏ đậm hay tím đỏ) cây hiện được gây trồng rất rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới và được lai ra rất nhiều chủng có kích thước và màu sắc khác nhau. Cây bụi thấp, thẳng hay có cành mềm có gai cong. Lá kép lông chim với 3 - 7 lá phụ, nhẵn, khía răng ở mép. Cụm hoa chỉ có một hoa hay tập trung ít hoa, trên cuống chung dài, cứng, có gai. Hoa lớn có cánh dài hợp thành chén ở gốc. Cánh tràng mềm, xếp một hay nhiều vòng, màu sắc thay đổi, từ trắng, hồng đến đỏ, mùi thơm nhẹ. Quả hình trái xoan, có cánh dài còn lại (Ảnh 171)

Cây được gây trồng chủ yếu bằng chiết cành, giâm cành, rất chóng có rễ và đâm nhiều chồi mới. Hiện nay các nhà vườn đã tạo ra rất nhiều dạng, có hoa với màu sắc và kích thước khác nhau (từ màu trắng, vàng đến đỏ tím xậm) (Ảnh 172)

Sơ bộ có thể kể một vài chủng còn nguyên thủy là :

IV.B.65.a. *Rosa chinensis* Jacq. var. *semperflorens* Koehne
(Crimson chinese rose)

Hoa thường đơn độc, màu đỏ đậm.

IV.B.65.b. *Rosa chinensis* Jacq. var. *longifolia* Rehd.

Hoa màu hồng đỏ

IV.B.65.c. *Rosa chinensis* Jacq. var. *minima* Redh. (The Fairy Rose).

Cây nhỏ bé, hoa đơn hay kép màu hồng, nhỏ bé. (có thể là hoa Hồng tử muội được nhiệt đới hóa, trồng ở các tỉnh phía Nam nước ta).

IV.B.65.d. *Rosa chinensis* Jacq. var. *viridiflora* Dipp. (Green rose)

Hoa màu xanh.

IV.B.65.e. *Rosa chinensis* Jacq. var. *manetti* Dipp.

Hoa màu tím đậm.

IV.B.66. CÂY HOÀNG LAN (Ngọc lan ta, Công chúa)

Ylang - ylang, Ilangilang, Moso'oi, Moto - oi

Canangium odoratum (Lamk.) King (*Waria odorata* Lam.)

Họ Na (Annonaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Malaixia, Philippin và các đảo Thái Bình Dương), hiện được gây trồng rộng rãi làm cây bóng mát cho hoa thơm lấy hương liệu. Cây gỗ lớn, cành lớn mọc ngang, dễ gãy, cành non rủ xuống. Lá mọc cách, dạng trứng, đầu thon, gốc tròn mép hơi lượn sóng, hai mặt nhẵn, màu xanh nhạt pha vàng. Hoa mọc thành cụm trên các nhánh ngắn. Hoa lớn, thơm, đẹp. Cánh dài, hình tam giác, dày. Cánh tràng 6, dài, thuôn nhọn ở đỉnh gốc hơi hẹp, mỏng lượn sóng, màu vàng lục nhạt, cong rủ xuống. Nhị nhiều. Quả thắt đốt, hoa nở quanh năm có hương thơm đậm đà rất được ưa chuộng trồng ở vườn hoa, vườn gia đình. Cây trồng dễ dàng bằng hạt, ươm gieo hạt ở vườn ươm. Sau 1 năm, cây cao khoảng 1 m búp bấu trông nơi cố định. Cây mọc nhanh, cao vút, và sớm có hoa.

IV.B.67. CÂY HÒE (Hoa hòe)

Japan pagoda tree

Sophora japonica Linn.

(*Styphnolobium japonicum* Schott.)

Họ Đậu (Fabaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc và được gây trồng rất rộng rãi ở Nhật Bản và Bắc Việt Nam, làm cây cảnh, cây thuốc. Cây gỗ có thể cao đến 20 m, nhưng thường cắt xén cho phân cành sớm thành cây gỗ nhỏ, có cành nhánh nhiều, tán dày nhiều hoa quả (có khi tạo dáng cho tán thành tròn). Lá kép lông chim lẻ, cuống chung mảnh, có rãnh ở mặt trên. Lá phụ có 7 - 17 đôi, dạng bầu dục hay thuôn,

có mũi nhọn ở đỉnh, tròn ở gốc, màu xanh nhạt. Cụm hoa lớn, mang hoa xếp thưa ở đỉnh cành. Hoa màu vàng trắng, dựng đứng, nhỏ bé với cánh cờ lớn lật ra phía sau. Quả đậu hình tràng hạt, thắt lại không đều giữa các hạt, nhẵn. Hạt 4 - 6 hình bầu dục, dẹt, màu nâu vàng, sáng bóng. Mùa hoa tháng 5 - 6. Mùa quả chín tháng 10 (Hình 152)



H.152. Hòe - *Sophora japonica* L.

Cây trồng cho hoa thơm làm thuốc, ướp chè. Cây có dáng đẹp nên được gây trồng làm cảnh ở vườn hoa, trong sân nhà và trong chậu lớn (cắt tỉa làm cây thế). Có các chủng đẹp là :

IV.B.67.a - *Sophora japonica* L. var. *pendula* Loud.

Cây có cành nhánh dài rủ xuống, mềm mại.

IV.B.67.b - *Sophora japonica* L. var. *columnaris* Schwerin.

Cây có tán hẹp hình tháp.

IV.B.68. CÂY HỒNG MAI

Médecinier

Jatropha pandurifolia Andr.

(*J. acuminata* Desv.; *J. hastata* Griseb.)

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Bắc châu Mỹ, nay được gây trồng làm cảnh ở các nước nhiệt đới trong các vườn, bồn hoa và nơi công viên. Cây bụi cao, phân cành ít, thưa và gốc có thân dài, cao 1 - 3 m. Lá

hình bầu dục thuôn dài, nguyên ở phần trên, có khía răng ở gần gốc Cuống lá mảnh, dài. Cụm hoa trên cuống chung dài, mang nhiều hoa xếp thưa. Hoa có cánh dài màu đỏ thẫm, xòe rộng. (Ảnh 174). Hoa nở bền vì nở dần nên có hoa quanh năm. Cây ưa sáng, chịu được khô hạn, gãy trồng bằng chiết cành. Cây mọc khỏe, cành nhánh nảy chồi nhanh.

IV.B.69. CÂY HƯỚNG DƯƠNG ĐẠI (Sơn quỳ)

Mexican sunflower, Soleil de Mexique

***Tithonia diversifolia* (Hemsl.) A. Gray**

(*Mirasolia diversifolia* Hemsl.)

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Nam Mêhicô và Guatemala, nay mọc hoang đại rất phổ biến ở các tỉnh Trung du miền Bắc, miền Trung và vùng núi miền Nam nước ta. Cây mọc hoang đại theo bờ đường làm thành hàng dậu tự nhiên, mùa đông cho hoa nở vàng. (Ảnh 175)

Cây đôi khi được trồng bằng hạt, để làm cây hàng rào, có thể cắt cụm hoa cắm lọ được. Cây mọc khỏe dễ trồng, và chóng có hoa. Hàng năm cây lại đi đến mùa đông lại nảy chồi mới. Rất ít gãy trồng.

IV.B.70. CÂY HƯỚNG DƯƠNG ĐẠI TRÒN (Sơn quỳ lá tròn)

***Tithonia rotundifolia* (Mill.) Blake.**

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây được gãy trồng để làm cảnh ở các bồn hoa lớn hay trên bãi rộng. Cây bụi sống lâu năm, cao khoảng 2 m, phân cành nhánh nhiều và phủ lông xám trắng.

Cây đẹp, hoa nở rộ vào mùa đông – xuân nên được ưa chuộng, khi có hoa, có thể cắt cắm lọ.

IV.B.71. CÂY HUYỀN DIỆP (Hoàng nam)

Asoka tree, Mast tree

***Polyalthia longifolia* (Lam.) Hook. f. var. *pendula*.**

Họ Na (Annonaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á (Ấn Độ). Thân gỗ, thẳng cao đến 15 m, tán hẹp dạng tháp. Lá thuôn dài, mềm, cong xuống, dày đặc,

che kín hết cành thân. Hoa màu xanh xám, cánh răn reo thơm. Quả dạng bầu dục, màu đen.

Cây mọc khỏe, xanh quanh năm, làm cảnh đẹp.

IV.B.72. CÂY KEN

***Aesculus chinensis* Bunge**

Họ Kẹn (Hippocastanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, được gây trồng lấy bóng mát và làm cảnh ở các tỉnh Bắc Việt Nam. Cây gỗ lớn cao trên 10 m, phân cành sớm, mập màu xám nâu với nhiều lỗ bì rỗ. Chồi có vảy. Lá mọc đối, cuống dài, kép chân vịt, có 5 - 9 lá phụ thuần dài mép khía có răng nhỏ. Cụm hoa dạng chùy lớn mọc ở đỉnh, lộ ra ngoài đám lá. Hoa màu trắng lớn có móng khá dài. Quả nang có 1 - 3 hạt.

Cây cho hoa đẹp làm cảnh thích hợp, nở rộ vào mùa thu đông. Gây trồng bằng hạt ở vườn ươm. Sau 1 năm, búp bầu trồng nơi cố định.

IV.B.73. CÂY KEO LÁ DÀI

Sidney Golden wattle, Chenille

***Acacia longifolia* Willd.**

(*A. intertexta* Sieb.; *A. obtusifolia* A. Cunn.)

Họ Trinh nữ (Mimosaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia, được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở vùng núi nước ta. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh dài. Lá thuần hình giáo hẹp, hơi cong, hẹp ở gốc và đỉnh, có 3 - 4 gân chính dài, có tuyến ở gân gốc. Cụm hoa dạng bông dày ở nách lá, mang nhiều hoa nhỏ màu vàng, thơm. Quả dẹt, dài 5 - 15 cm, thắt lại ở hạt. Hạt đen. Hoa nở quanh năm.

Để trồng làm cảnh, các nhà vườn chọn các chủng :

IV.B.73.a. *Acacia longifolia* Willd. var. *sophorae* F.V.M.

Lá ngắn tròn. Cụm hoa dạng bông ngắn.

IV.B.73.b. *Acacia longifolia* Willd. var. *floribunda* F.V.M.

Lá hình giải nhọn. Hoa màu vàng nhạt gần trắng.

IV.B.74. CÂY KEO SƠN

Acacia à fleurs durables

Acacia retinodes Schlecht.

(*A. floribunda* Hort.; *A. semperflorens* Hort.)

Họ Trinh nữ (Mimosaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia, được gây trồng nhiều để làm cảnh, cắt cành. Cây gỗ nhỏ, cao khoảng 2 m, phân cành nhiều, dài, mọc thẳng, lúc non màu xanh sau chuyển sang màu đỏ. Lá hình giáo hẹp, thuôn ở gốc, rộng ở phần trên, tròn ở đỉnh, có 1 gân chính, màu xanh đậm, bóng. Cụm hoa dạng đầu hợp lại thành chùy ở đỉnh thân. Mỗi đầu mang 30 - 40 hoa nhỏ, có cuống chung dài, màu vàng. Quả dẹt, mỏng, màu nâu. Hạt dẹt có cán hạt đỏ.

Cây trồng làm cảnh bằng hạt hay chiết cành. Hoa nở vào đầu mùa mưa, rất lâu tàn.

IV.B.75. CÂY KEO TRÒN (Cây Mi - mô - sa)

Acacia podalyriaefolia Cunn.

(*A. fraseri* Hook.; *A. caleyi* Cunn.)

Họ Trinh nữ (Mimosaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia, được gây trồng làm cảnh ở vườn, trong công viên vùng núi cao Nam Trung Bộ nước ta. Cây có dáng đẹp, lá đặc sắc và có hoa nở rộ vào mùa xuân. Cây gỗ nhỏ cao 3 - 5 m, nhẵn, phân cành nhiều, dài, màu xám trắng, lúc non phủ lông mềm.

Lá dạng bầu dục tròn hay thuôn, đầu có mũi nhọn, gốc tròn, có lông mịn và phần mốt trắng, gân phụ mảnh, rõ. Cụm hoa dạng đầu, hợp lại thành chùy, dài hơn lá. Đầu lớn gần 1 cm, màu vàng tươi, thơm. Quả dẹt, có lông, mép răn reo gợn sóng, 6 - 7 hạt.



H.153. Kiến cò -
Rhinacanthus nasutus Kurz.

Cây làm cảnh đẹp, cả về thân, lá và hoa. Gây trồng bằng hạt hay giâm cành.

IV.B.76. CÂY KIẾN CÒ (Bạch hạc)

Rhinacanthus nasutus (L.) Kurz.

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ). Ở Việt Nam, cây được trồng làm thuốc, làm cảnh, làm hàng rào (đôi khi mọc hoang dại). Cây nhỏ mọc thành bụi lớn, vì cành nhiều, xum xuê. Lá mọc đối, hình trứng thuôn dài, nhẵn bóng ở mặt trên, hơi có lông ở mặt dưới.

Cụm hoa dạng xim thưa, mang hoa nhỏ màu trắng. Cánh hoa hợp thành ống hẹp, dài trên chia thùy lật ra hai bên như con cò bay. Quả nang, dài, có lông.

Cây có hoa rải rác quanh năm (tập trung vào mùa mưa), trồng bằng hạt, cành. (Hình 153)

IV.B.77. CÂY KIẾN SẦU

Guaiacum officinale L.

Họ Qui kiến sầu (Zygophyllaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Mỹ, gây trồng làm cảnh vì tán đẹp, gỗ cứng, thơm. Cây gỗ cao 2 – 5 m. Lá kép chẵn mọc đối, 4 – 6 lá phụ. Cụm hoa ở nách lá, hoa nhỏ màu lam. Quả nang tròn có 2 cạnh, màu vàng.

IV.B.78. CÂY KIỀU HÙNG

Calliandra hematocephala Hassk.

Họ Trinh nữ (Mimosaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, gây trồng làm cảnh ở các tỉnh miền Nam Việt Nam (chủ yếu ở vùng núi cao Nam Trung Bộ). Cây gỗ nhỏ, phân cành sớm sát gốc, dài cong làm cho tán cây xòe rộng, sát đất. Lá kép lông chim 2 lần, lá phụ nhỏ, mảnh, dài, khi mất nước cũng rủ xuống. Cụm hoa hình đầu thưa, ở nách lá, trên cuống chung mảnh. Cánh hoa màu trắng ở gốc, nhưng nhị đực dài hơn rần reo, màu tím nổi bật trên cánh hoa. Hoa nở rõ

vào mùa khô, (sau mùa mưa) và chống tàn, cúp lại. Quả đậu, dài có 2 - 3 hạt dẹt (Ảnh 176).

Cây mọc khỏe, dễ trồng cả bằng hạt lẫn giâm cành. Cành giâm chống có rễ và ra chồi mới, ít đòi hỏi chăm sóc. Cây ưa khí hậu mát, ẩm. Nếu khô nóng, cây ít có hoa.

IV.B.79. CÂY KIỀU HÙNG ĐỎ (Điệp lảo, Ban hoa đầu)

Calliandra emarginata Benth.

Họ Trinh nữ (Mimosaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, được trồng làm cảnh và làm cây uốn thế trong chậu ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây gỗ nhỏ dạng bụi, cành dài mềm, lòa xòa sát đất. Lá kép lông chim có 2 - 4 đôi lá phụ dạng thuôn lệch, màu xanh bóng, nhẵn. Cụm hoa dạng đầu, mọc ra ở nách lá. Hoa nhỏ, màu đỏ tươi, cả cánh hoa ở gốc lẫn nhị đực dài thò ra thẳng. Quả ít gặp (Ảnh 177).

Cây rất đẹp cả dáng cây lẫn cụm hoa. Hoa nở rộ vào dịp Tết. Cây dễ uốn xén làm thành cây thế ở chậu hay trên hòn non bộ. Để làm cảnh có thể chọn.

IV.B.79 - CALLIANDRA BREVIPES BENTH.

Hoa màu hồng.

IV.B.80.- CALLIANDRA GRACILIS KL.

Hoa màu vàng.

IV.B.81. CÂY KIỀU QUÌ (Cúc quì núi)

Montanoa grandiflora (DC.)

Hemsl.

Họ Cúc (Asteraceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô (Nam châu Mỹ) trồng làm cảnh chủ yếu ở vùng núi Nam Trung Bộ (Đà Lạt - Lâm Đồng). Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều như cây bụi. Cành non có lông. Lá mọc đối, phiến chia thùy dạng lông chim



H.154. Kiều quì - *Montanoa grandiflora* Hemsl.

không đều, có lông, mép nguyên hay khía răng, mặt trên màu xanh bóng, mặt dưới có lông nâu hung. Cụm hoa hình đầu tập hợp thành chùy lớn. Trong cụm hoa, lá bắc tổng bao ở xung quanh màu xanh bóng, lá bắc dưới các hoa thì nhỏ, mỏng như vẩy. Hoa ở vòng ngoài không đều với cánh môi lớn, màu trắng. Hoa ở giữa hình ống màu vàng. Quả bế phẳng ở đỉnh, không có chùm lông. (Hình 154)

Cây trồng bằng hạt, ươm gieo như các loài Cúc khác. Cây ưa khí hậu ẩm mát, hoa nở rộ vào dịp đầu năm nên được ưa chuộng.

IV.B.82. CÂY KIM ĐỒNG

Galphimia glauca Cav. (*Thryallis glauca* (Cav.) O. Ktze.)

Họ Dùi đục (Malpighiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô đến Panama (châu Mỹ). Ở Việt Nam, cây được trồng chủ yếu ở miền Trung và miền Nam. Cây gỗ nhỏ mọc thành bụi dày, chỉ cao đến 1 m, phân cành nhiều. Lá thuôn bầu dục đều, nhẵn. Cụm hoa dạng tán thưa ở đỉnh. Hoa màu vàng tươi, với cánh tràng 5 có móng ngắn, nhị 10 chỉ nhị mảnh màu vàng sau chuyển màu đỏ. Quả hạch, hình cầu, nhỏ (Ảnh 178).

Cây trồng ở các bồn hoa hay trong chậu rất thích hợp. Hoa nở quanh năm, bền màu và lâu rụng. Cây ưa sáng, chịu được khô hạn, mọc khỏe. Cây gây trồng chủ yếu bằng hạt và chiết cành.

IV.B.83. CÂY KIM PHƯỢNG (Điệp ta, Điệp cúng)

Poincillade élégant; *Petit Flamboyant*, *Barbados Pride*, *Barbados Flower - Fence*, *Dwarf Poinciana*

Caesalpinia pulcherrima Swartz.

(*Poinciana pulcherrima* Linn.)

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ) được gây trồng làm cảnh rộng rãi vì cây mọc khỏe, hoa đẹp nở gần quanh năm (cắt hoa để thờ cúng ngày rằm, mừng một), Cây gỗ nhỏ, nhẵn, không có gai, phân cành nhiều, tán rộng. Lá kép lông chim 2 lần chẵn, lá phụ trên 20 đôi, nhỏ thuôn tròn có mũi nhọn ở đỉnh. Cụm hoa dạng chùm rộng, hoa có cuống dài màu vàng cam với các

vạch màu đỏ có móng dài bằng phiến. Nhị đực dài đỏ, uốn cong trông như đuôi phượng. Bầu có vòi dài cũng màu đỏ. Quả dẹt màu nâu, thẳng hay hơi cong, mỏng, 8 hạt dẹt.

Cây trồng bằng hạt và được gây trồng nơi đất thoáng rộng ở vườn hay công viên. Hiện nay trong nhân dân còn trồng 1 chủng có hoa hoàn toàn vàng là :

IV.B.83.a - Caesalpinia pulcherrima Sw. var. flava Hort.

Hoa cũng nở quanh năm, cắt hoa cắm lọ đẹp.

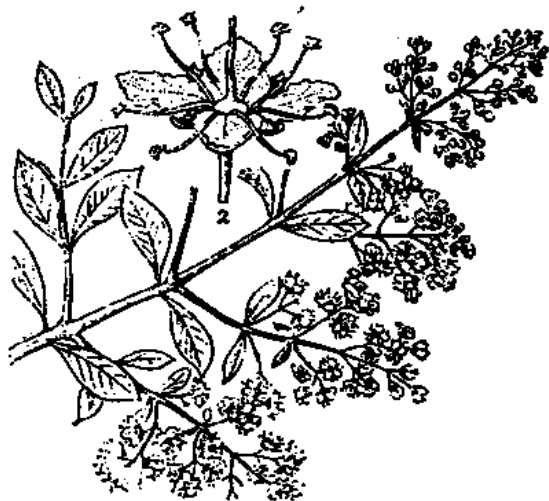
IV.B.84. CÂY LÁ MÓNG (Nhuộm móng tay)

Henna, Henné

Lawsonia inermis Linn.

Họ Tử vi (Lythraceae)

Cây có nguồn gốc rộng rãi từ Bắc châu Phi, đến Nam châu Á (Ấn Độ), được gây trồng rất rộng rãi ở các nước nhiệt đới. cây gỗ thấp, phân cành nhánh thưa, nhẵn, có khi có gai. Lá nhỏ dạng trái xoan ngược, đầu nhọn, nguyên, mọc đối. Cụm hoa dạng ngù ở kẽ lá



hay thành chùy ở đầu cành. Hoa nhỏ có móng ngắn, xếp dày đặc có màu sắc khác nhau từ trắng, hồng đến đỏ (tùy theo chủng). Quả nang hình cầu, có cánh dài bao bọc ở nửa dưới. Hạt nhỏ, màu nâu đỏ (Hình 155).

Cây có hoa đẹp, nở rộ vào mùa xuân, hương thơm ngát.

Các chủng có hoa màu sắc khác nhau là:

H.155. Lá móng - *Lawsonia inermis* L.

IV.B.84.a - *Lawsonia inermis* L. var. *alba* Hassk. (L. *alba* Lam.)

Hoa hoàn toàn trắng.

IV.B.84.b - *Lawsonia inermis* L. var. *rubra* Hort.

Hoa màu hồng.

IV.B.84.c - *Lawsonia inermis* L. var. *miniata* Hassk.

Hoa màu đỏ.

IV.B.85. CÂY LÁ RẢI BÀN (Cánh phượng)

Silk oak, *Grevillea robusta*

Grevillea robusta A. Cunn. ex R. Br.

Họ Côm vàng (Proteaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia, gây trồng làm cây phong cảnh chủ yếu ở miền Bắc và vùng núi cao Trung Bộ. Cây gỗ lớn, cành lá xum xuê, tán rộng và thưa, cành non hơi rũ xuống. Lá lớn kép 2 lần như lá Dương xỉ, màu xanh đậm bóng ở mặt trên, màu trắng bạc ở mặt dưới (có lông trắng). Cụm hoa dạng bông kép mang hoa thuần dài màu vàng. Quả có hạt có cánh. Cây có hoa vào mùa mưa, nhưng lá xanh quanh năm rất đẹp. Cây rất thích hợp với các vườn lớn và các công trình kiến trúc đồ sộ (Hình 156).



H.156. Lá rải bàn -
Grevillea robusta A. Cunn

Có mấy chủng đặc sắc :

IV.B.85.a. *Grevillea robusta* A. Cunn. var. *compacta* Hort.

Tán cây tròn đầy

IV.B.85.b. *Grevillea robusta* A. Cunn. var. *pyramidalis* Hort.

Tán cây hình tháp.

IV.B.86. CÂY LÀI MỸ (Cà hoa xanh)

Manaca Rain - tree, Yesterday, to day, tomorrow

***Brunfelsia pauciflora* (Pohl.) D.Don.**

(*B. hopeana* Benth.; *Franciscea uniflora* Pohl.)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, được gây trồng làm cảnh nơi công viên, chậu lớn, bãi cỏ vùng núi cao Trung Bộ nước ta. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều, dài mọc thẳng, dạng bụi, vỏ nứt dọc, nhẵn. Lá thuôn hình giáo, màu xanh đậm, bóng nhẵn, mép nguyên. Hoa đơn độc hay tập trung 2 - 3 chiếc ở đầu cành. Hoa có cuống ngắn và cánh tràng hợp thành ống rộng, trên chia 5 thùy tròn xòe ra trên mặt phẳng, lúc mới nở màu lam tím sau chuyển dần sang màu trắng. Trên một cây, hoa non và già lẫn lộn làm cho cụm hoa có màu sắc thay đổi đặc sắc. Hoa rất thơm (Ảnh 179).

Cây trồng cho hoa đẹp thơm, dễ chăm sóc, và nhân giống chủ yếu bằng chiết, giâm. Cành giâm chôn ngập mầm và mọc rễ mới. Cây ưa khí hậu ẩm, mát, nhưng nhiều nắng.

IV.B.87. CÂY LÀI TÀU (Dạ hoa)

Tree of sadness; night jasmine

***Nyctanthes arbortristis* Linn.**

Họ Hoa nhài (Oleaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ...). Cây gỗ nhỏ, cành nhánh dài có 4 cạnh và có lông cứng. Lá mọc đối, dạng trái xoan, gốc hình tim, nguyên hay hơi khía răng. Cụm hoa dạng tán thưa có ít hoa, gốc mỗi lá bắc có 3 hoa. Hoa màu trắng, cánh hoa ở đỉnh chia 4 - 8 thùy, gốc hình ống màu vàng cam. Quả nang có cánh, 2 hạt.

Cây có hoa nở vào mùa hè - thu, khá đẹp được gây trồng làm cảnh ở chậu lớn, bồn hoa hay trong vườn. Cây trồng bằng chiết cành, và bằng hạt.

IV.B.88. CÂY LÂN BÁCH

Muehlenbeckia platyclada (F. Muell.) Meissn.
(*Coccoloba platyclada* F. Muell.)

Họ Rau răm (Polygonaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Salomon thuộc Thái Bình Dương, nay mọc hoang dại khá phổ biến ở vùng ven biển nước ta và được gây trồng làm cảnh do dáng cây đẹp.

IV.B.89. CÂY LIỄU TƯỜNG HOA ĐỎ (Xác pháo)

Coral Plant

Russelia equisetiformis Schl.
(*R. juncea* Zucc. *R. scopania* Hort.)

Họ Hoa mõm sói
(Scrophulariaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, nay mọc hoang dại hay được gây trồng làm cảnh ở khắp nước ta. Cây mọc thành bụi nhỏ, thưa, chỉ có lá ở phần non, còn toàn bộ cơ thể như bộ xương khô, khẳng khiu và cong dài. Lá nhỏ bé, hẹp, mọc tập trung 5 - 8 chiếc ở mỗi đốt phía gốc còn ở đỉnh lá rộng hơn và mọc đối. Cụm hoa chùm thưa, mang hoa cong rủ xuống, có cuống nhỏ, mảnh và cánh tràng hợp thành ống, hẹp, dài 2 cm, màu đỏ chói, trên chia thùy nhỏ. Quả nang mở 4 mảnh. (Hình 157)

Cây có dáng đẹp, làm cảnh ở vườn rất thích hợp, mọc khỏe, dễ trồng, hoa nở quanh năm. Các nhà vườn còn lai tạo với các loài khác để cho các chủng có hoa sắc sảo hơn, như :



H.157. Liễu tường hoa đỏ -
Russelia equisetiformis Schl.

IV.B.89.a. *Russelia equisetiformis* Schl. var. *semperflorens* Hort.
Hoa nở bền.

IV.B.90. CÂY LIM XÉT (Muồng vàng thắm)

Yellow Flame

Peltophorum pterocarpum (DC.) Back.

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia và châu Á nhiệt đới. Cây gỗ lớn, phân cành mập, lúc non có lông gỉ sắt. Lá kép lông chim 2 lần chẵn, lá phụ nhỏ bé xếp đều đặn. Cụm hoa dạng chùy thẳng đứng ở ngọn, có lông màu hoe đỏ như nhung. Hoa trung bình màu vàng tươi, cánh hoa rộng, răn reo. Nhị ở giữa cũng vàng và ngắn. Quả dẹt có cánh ở mép, 2 - 4 hạt (Ảnh 180).



H.158. Lo bo - *Paulownia tomentosa* Steud.

Hoa nở rộ vào mùa xuân - hè, làm cây phong cảnh và che bóng rất thích hợp. Cây trồng bằng hạt, ươm gieo ở vườn, khi cây cao trên 1 m (khoảng 1 năm) thì đem trồng nơi cố định. Cây mọc khỏe, lá xanh quanh năm và hoa nở rộ.

Ở miền Bắc còn trồng một loài khác cho hoa cũng màu vàng nhưng kém tươi hơn :

Peltophorum ferrugineum Benth.

IV.B.91. CÂY LO BO

Paulownia tomentosa Steud. (*P. imperialis* Sieb. et Zucc)

Họ Hoa mõm sói (Scrophulariaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc và Nhật Bản. Cây gỗ nhỏ, thường tạo dáng thành cây bụi có cành nhánh xum xuê từ gốc, tán cây tròn hoặc bầu dục. Lá rộng gốc hình tim, nguyên hay chia 3 thùy nông, nhẵn bóng ở mặt trên, có lông mềm ở mặt dưới. Cuống lá dài. Cụm hoa chùy mang hoa màu tím nhạt, thơm. Hoa có cánh dài phủ lông, cánh tràng hợp thành ống trên chia thùy nông, tròn. Quả nang (hình 158). Có hai chủng được gây trồng phổ biến là :

IV.B.91.a. *Paulownia tomentosa* Steud. var. *pallida* Schneid.

Hoa màu tím nhạt. Lá màu xanh ở mặt bên.

IV.B.91.b. *Paulownia tomentosa* Steud. var. *lanata* Schneid.

Lá có lông dày màu vàng nhạt ở mặt dưới. Hoa có lông ở cánh dài.

IV.B.92. CÂY LONG THỦ (Cửu long nhả ngọc)

Beloperone

Callispida guttata (Brand.) Brem.

(*Beloperone guttata* Brand.)

Họ Ô rô (Acanthaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước thuộc châu Mỹ nhiệt đới, được trồng làm cảnh ở chậu vì cụm hoa đặc sắc.

Cây thân bụi nhỏ, cao khoảng 60 - 80 cm, phân cành nhánh nhiều từ gốc. Lá mọc đối, thuôn bầu dục, mềm, màu xanh bóng. Cụm hoa ở đỉnh cành dạng bông dày và dẹt, ngoài có lá bắc lớn màu hồng đậm xếp úp lên nhau. Hoa màu hồng nở dần trong ở khe các lá bắc, cánh hoa hình ống, chia 2 thùy lớn, xòe ra, môi trên lõm, môi dưới xẻ đôi. Quả nang có 4 hạt (Ảnh 181).

Cây cho hoa nở tập trung vào mùa xuân và được gây trồng bằng hạt. Ươm gieo vào mùa thu hay trước mùa xuân 2 - 3 tháng, sau khi nảy mầm, bứng trồng ở chậu hay các bồn hoa lớn. Cây có hoa nở bền và nở dần ít hoa một, làm cây trang trí trong phòng được.

Gần đây, các nhà vườn có nhập trồng một loài đẹp hơn là :

IV.B.93. CÂY LONG THỦ VÀNG

Lollypops

Pachystachys lutea.

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ (Pêru). Cây bụi thấp (cao 20 - 40 cm), ít phân nhánh. Lá mọc đối, hình giáo, màu xanh bóng, nổi rõ các gân. Cụm hoa thẳng đứng ở đỉnh cây, ngoài có nhiều lá bắc màu vàng cam xếp sát nhau, hoa dạng ống cong màu trắng. Hoa chóng tàn, nhưng lá bắc rất bền.

IV.B.94. CÂY LU CU

***Luculia pinceana* Hook.f.**

Họ Cà phê (Rubiaceae)

Cây vùng núi cao (Sapa), gỗ nhỏ, nhẵn, phân cành nhiều. Lá, thon nhọn, dài. Cụm hoa ở đầu cành, dạng tán. Hoa lớn, màu hồng, đẹp. Quả nang nhiều hạt.

Cây trồng cho hoa đẹp ở sân vườn, ưa khí hậu lạnh, ẩm.

IV.B.95. CÂY MÃ HỔ

***Mahonia nepalensis* DC. (*Berberis nepalensis* Spreng.)**

Họ Mã hổ (Berberidaceae)

Cây có nguồn gốc từ dãy núi Hymalaya, Ấn Độ, nhưng mọc hoang dại phổ biến ở vùng núi cao nước ta (Lâm Đồng - Đà Lạt). Quả mọng màu lam đậm.

IV.B.96. CÂY MÃ KỲ (Trứng chì)

***Styphelia malayana* Spreng.**

Họ Mã kỳ (Epacridaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, ở Việt Nam cây mọc hoang dại vùng cát ven biển phía Nam.

Cây có dáng kỳ lạ, có thể khai thác làm cây cảnh, uốn thế trồng ở chậu được.

IV.B.97. CÂY MAI

Japanese Apricot

Prunus mume Sieb. et. Zucc. (*Armeniaca mume* Sieb.)

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, được trồng rộng rãi ở các tỉnh miền Bắc nước ta để làm cảnh và cắt cành cắm lọ vào dịp Tết Nguyên đán. Cây gỗ nhỏ, vỏ thân màu xám hay hơi xanh, cành nhánh dài, khẳng khiu, vươn dài, sần sùi và dễ uốn. Lá hình bầu dục, có cuống dài, mép khía răng nhỏ, đều đặn. Hoa mọc đơn độc, có cuống rất ngắn, cánh tràng có 1 hay nhiều lớp, mềm, dạng bầu dục màu trắng, có hương thơm. Nhị nhiều. Quả màu vàng xanh, trong có hạch cứng.

Cây cho hoa đẹp, dáng thanh cao nên rất được trồng làm cảnh nơi đình chùa, trong sân nhà. Hoa nở vào cuối đông đầu xuân, cắt cành trang trí trong nhà vào dịp tết.

Thường trồng một chủng cho hoa đặc sắc hơn là :

IV.B.97.a. *Prunus mume* Sieb. et Zucc. var. *albo plena* Hort.

Hoa có cánh kép, nụ lúc đầu hơi hồng sau chuyển sang màu trắng.

Cây trồng bằng hạt hay chiết, ghép cành như Hoa đào.

IV.B.98. CÂY MAI CHẤM THỦY (Mai chiếu thủy)

Wrightia religiosa (Teijsm. et Binn.) Hook. f.

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Đông Nam châu Á (Đông Dương) được trồng làm cảnh, làm cây uốn thế rất lâu đời của nhân dân các tỉnh phía Nam nước ta. Cây gỗ, thân xù xì, nhiều cành nhánh nhỏ dễ uốn nắn và cắt tỉa. Lá mỏng, hình trái xoan thuôn, gần như không cuống, màu xanh bóng. Cụm hoa dạng xim thưa, mang hoa nhỏ có cuống dài buông chúc xuống. Hoa màu trắng xòe rộng, rất thơm. Quả đại 1 đôi màu xanh, dạng dài hẹp cũng buông thẳng xuống. Hạt có lông mềm (Ảnh 182).

Cây được trồng bằng hạt hay chiết cành. Cây mọc khỏe, có thể bứng gốc để trồng một ít ngày rồi mới trồng lại, cây vẫn sống. Cây vừa có dáng đẹp, vừa có hoa thơm, mọc nơi cao ráo hay chịu nước vẫn được. Cây sống càng lâu năm, dáng càng đẹp.

Thường chọn chủng có lá nhỏ hơn để làm cảnh ở chậu (Cẩm mai).

IV.B.98.a. Wrightia religiosa Hook. f. var. *microphylla* Hort.

IV.B.99. CÂY MAI TỬ QUÍ (Mai đỏ)

Ochna atropurpurea DC.

Họ Lão mai (Ochnaceae)

Cây gỗ nhỏ, cao 1 - 5 m, phân nhánh ít, tán thưa, nhưng lá đậm nên khá xum xuê. Cành hoa màu nâu đỏ. Lá cứng dày, hình bầu dục màu xanh bóng, mép có răng cưa thưa, răng có 1 gai nhọn nhỏ. Cụm hoa có ít hoa, hoa nhỏ màu vàng, có 5 cánh dài màu xanh, cứng, còn lại ở quả, chuyển sang màu đỏ tía. Cánh tràng màu vàng, mau rụng. Nhị nhiều. Bầu có 3 - 10 ô, mỗi ô một noãn. Quả có nhân cứng xếp 1 - 5 chiếc, không cuống xung quanh đế hoa, trong cánh dài đồng trường màu đỏ. Quả rất bền cho cây.

Cây vừa cho hoa đẹp và quả đặc sắc nên làm cảnh rất thích hợp. Cây có quả trên cây gần như quanh năm. Cây trồng bằng hạt, dễ nảy mầm, cây con mọc khỏe, chỉ cần đất tơi xốp và đủ nắng.

IV.B.100. CÂY MAI VÀNG (Huỳnh mai)

Ochna integerrima (Lour.) Merr. (*O.harmandii* H. Lec.)

Họ Lão mai (Ochnaceae)

Cây mọc hoang dại trong rừng miền Trung và miền Nam nước ta (đôi khi gặp ở rừng miền Bắc) được gây trồng làm cảnh ở các chậu lớn hay cắt các cành già lớn cắm lọ, bình như cắm hoa đào. Cây gỗ nhỏ cao 3 - 7 m, cành nhánh thưa dài, mảnh. Lá thưa thường xanh (để có hoa nở rộ thường cắt bớt lá vào mùa có nụ). Lá đơn mọc cách, mềm, xanh nhạt bóng, mép có răng cưa nhỏ. Cụm hoa thành chùm nhỏ ở nách lá. Hoa có cuống ngắn. Cánh dài 5, màu xanh bóng, dày, không che kín nụ. Cánh tràng 5 - 10 (hiện nay

nhiều nhà vườn đã tạo ra các cây mai vàng có số cánh rất nhiều : trên 20) màu vàng tươi. Đĩa hoa dày có khía. Nhị nhiều. Bầu có 3 - 10 múi, mỗi múi một noãn. Quả có nhiều hạch nhỏ, không cuống xếp quanh đế hoa. (Ảnh 183)

Cây cho hoa nở vào dịp tết Nguyên đán (ở các tỉnh phía Nam) và có hương thơm nên rất được ưa chuộng. Muốn có hoa nở đúng dịp tết, cần tưới lá trước độ 1 tháng (tùy theo thời tiết và chồi nẩy xuất hiện).

IV.B.101. CÂY MAI VÀNG THƠM

Ouratea lobopetala Gegnep.

Họ Lão mai (Ochnaceae)

Cây gỗ nhỏ mọc thành bụi. Hoa màu vàng rất thơm. Thường được trồng ở miền Trung.

IV.B.102. CÂY ME

Tamarind, Tamarinier, Tamarindo

Tamarindus indica Linn.

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, nay được trồng rất rộng rãi ở các nước nhiệt đới làm cây bóng mát và lấy quả. Ở Việt Nam, cây còn được hãm thành cây cảnh lùn trồng ở chậu, vì có dáng thân xù xì, cong queo và mọc khỏe. (Ảnh 184)

Cây cho hoa nở tháng 4 - 6 và quả chín tháng 8 - 10. Cây trồng bằng hạt.

IV.B.103. CÂY MÍ

Lysidice rhodostegia Hance

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc ở miền Nam Trung Quốc và Bắc Việt Nam, mọc hoang dại trong rừng nước ta, nhưng có hoa đẹp, dáng cây hấp dẫn nên thường được gây trồng làm cây phong cảnh.

IV.B.104. CÂY MÒ CUA (Sữa)

Alstonia scholaris R. Br.

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây mọc phổ biến khắp các vùng và được gây trồng làm cây bóng mát và làm cảnh. Cây gỗ lớn, có mủ trắng, vỏ vàng trắng mềm xốp, hơi có mùi. Cành mọc vòng và ngang (4 - 6 nhánh một tầng). Lá mọc vòng thuôn dài, đầu tù, gốc thuôn theo cuống ngắn, dày, màu xanh bóng, gân rõ, song song. Cụm hoa dạng xim dày đặc. Hoa nhỏ dạng ống hẹp màu lục nhạt hay vàng nhạt, có mùi thơm mạnh, nhất là chiều tối. Quả đại một đôi, dài, mảnh, buồng thông xuống. Hạt nhiều, có 2 chùm lông ở hai đầu.

Cây có hoa nở rộ vào mùa thu - đông (tháng 8 - 12), lúc các loài cây khác rất ít khi có hoa. Hoa thơm ngát nên làm cây phong cảnh rất thích hợp. Cây trồng bằng hạt. Cây con dễ uốn tía làm cây trồng ở chậu được.

IV.B.105. CÂY MỎ PHƯỢNG (Chuối tràng pháo)

Balicier, Wild Plantain, Firebird.

Heliconia bihai (L.) Sweet.

(*Musa bihai* L.; *Heliconia caribaea* Lam.)

Họ Thiên diếu (Heliconiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các đảo Antille, nay được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây được trồng chủ yếu ở các tỉnh miền Nam. Cây mọc thành bụi thưa, gốc có thân rễ mập dễ nhiều nhánh. Thân giả cao khoảng 1 - 2 m, dạng như cây Chuối, thẳng, cứng. Lá có cuống dài 30 - 50 cm, phiến dạng thuôn bầu dục, dài 50 - 80 cm, màu xanh bóng, gân bên mảnh song song với nhau. Cụm hoa trên cuống chung dài, mọc ra giữa đám lá, trên chót ngọn, cụm hoa buồng dài xếp 2 dãy mo trên mặt phẳng, dài 10 - 15 cm màu đỏ tươi và vàng cam, mép viền màu xanh. Hoa trong mo có 4 - 8 chiếc, cánh hoa hợp và 1 cánh rời màu lục (Ảnh 185).

Cây mọc khỏe, dễ trồng bằng cách tách bụi hay đoạn thân rễ (như trồng chuối). Mùa hoa kéo dài vì mo có màu sắc bền. Cây

trồng ở các bồn hoa, ven tường, dọc lối đi, làm cảnh cả cây, đôi khi cắt cụm hoa để bày trong phòng.

Ngoài ra ở các tỉnh phía Nam nước ta còn nhập trồng :

IV.B.105.a. Cây Mỏ phượng đứng - *Heliconia wagneriana*

Có nguồn gốc từ Costa - Rica, Panama.

IV.B.105.b. Cây Mỏ phượng rủ - (*Hanging lobster - Claws*) -
Heliconia rostrata.

Cây có nguồn gốc từ Pêru.

IV.B.103.c. Cây Mỏ phượng treo - *Heliconia pendula*

IV.B.106. CÂY MÓNG BÒ HỒNG (Đơn hùng)

Pink Bauhinia

***Bauhinia monandra* Kurz.**

Họ Vang (Caesalpinaceae)

Cây được trồng làm cảnh rộng rãi vì có hoa đẹp. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhiều, dài, mọc ngang. Lá gần hình tròn, đỉnh có hai thùy thuôn nhọn tam giác, gốc có 12 gân rõ, phiến xanh tươi mặt trên nhẵn, bóng, mặt dưới có lông. Cuống chung dài, mảnh. Cụm hoa dạng chùm thẳng đứng, mang hoa lớn màu hồng hay màu vàng có đốm đỏ, đặc biệt có 1 cánh thìa lớn màu vàng với đốm đỏ rộng, có móng. Quả thuôn, dài 20 cm đầu có mũi nhọn.

Cây làm cảnh ở nơi công viên, trong vườn, hoa nở vào mùa hạ (tháng 3 - 6). Cây trồng bằng hạt, ươm gieo như các loài cây gỗ khác.

IV.B.107. CÂY MÓNG BÒ SỌC

Variegated Bauhinia

***Bauhinia variegata* Linn.**

Họ Vang (Caesalpinaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, được gây trồng rộng rãi làm cảnh vì hoa đẹp. Cây gỗ nhỏ trung bình, phân cành dài, mềm, lúc non có lông. Lá gần tròn, gốc dạng tim, đỉnh có hai thùy sâu thuôn tròn nhọn, màu xanh nhạt, nhẵn, mềm. Cuống lá dài, cứng. Cụm hoa dạng chùm, dài

đến 30 cm, hơi cong rủ xuống, mang 5 - 7 hoa lớn, xếp thưa. Hoa có 5 cánh trắng màu đỏ hơi tím có sọc đỏ, hay vàng dạng thuôn dài nổi bật cánh thìa rộng có nhiều vết đỏ sậm. Quả dẹt, có 9 - 10 hạt.

Có thể trồng 1 chủng có hoa màu sắc khác là :

IV.B.107.a. Bauhinia variegata L. var. *candida* Roxbg.

Cây có hoa màu trắng với các vân màu xanh, đẹp.

IV.B.108. CÂY MÓNG BÒ TÍM (Lan hoàng hậu, Móng bò lan)

Orchid tree, bauhinia à fleurs violettes

***Bauhinia purpurea* Linn. (*B. triandra* Roxbg.)**

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Ấn Độ, Mianma. Cây gỗ nhỏ, cao 2 - 6 m, phân cành dài, tán rộng, thưa. Lá to, hình tim ở gốc, đầu có 2 thùy sâu dạng tròn, màu xanh bóng, nhẵn, gốc có 9 - 11 gân rõ. Cụm hoa dạng chùm thưa, mang hoa lớn, màu đỏ tím, rất đẹp, ở ngọn cành hay nách các lá ở đỉnh, có hương thơm. Hoa có cánh trắng mềm, mép răn reo kéo dài và hẹp thành móng ở gốc, ở giữa có một cánh thìa dạng thuôn hình giáo nổi rõ đốm trắng. Quả lớn, dẹt thuôn đều, dài 30 cm, hạt dẹt (Ảnh 186).

Cây cho hoa đẹp, nở đều quanh năm, được ưa chuộng trồng ở vườn hoa, công viên, trong vườn làm cây phong cảnh cho các công trình kiến trúc. Cây trồng bằng hạt, ươm gieo ở vườn ươm trong bầu, sau 1 năm đem trồng nơi cố định. Cần có đất tốt, đủ nước và đủ nắng. Cây ít đòi hỏi chăm sóc.

IV.B.109. CÂY MÓNG BÒ TRẮNG (Móng bò nhọn)

White bauhinia, Bauhinia à fleurs blanches

***Bauhinia acuminata* L.**

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Ấn Độ, Trung Quốc, Malaixia...) được trồng làm cảnh phổ biến ở nơi công viên vườn hoa hay trong các chậu lớn khắp nước ta. Cây gỗ nhỏ cao khoảng 2 m, phân cành mảnh, thẳng đứng như bụi. Lá dạng bầu dục chia 2 thùy nhọn ở đỉnh có lông ở mặt dưới và 7 gân gốc. Cụm hoa dạng chùm

thưa, nụ dạng thuôn nhọn có lông. Hoa có 5 cánh tràng lớn gần bằng nhau, màu trắng nở xòe rộng, khá bền. Quả dẹt có 3 - 11 hạt.

Cây có hoa nở quanh năm, ưa đất thoáng, nhiều nắng. Cây trồng chủ yếu bằng hạt.

IV.B.110. CÂY MÓNG BÒ VÀNG

Yellow Bauhinia, St. Thomas tree

***Bauhinia tomentosa* L.**

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc từ Srilanka, Ấn Độ và các nước châu Á khác. Cây gỗ nhỏ dạng bụi, cành nhánh ngắn có lông mịn. Lá gần tròn có hai thùy tù, nhẵn, mặt dưới hơi mốc trắng. Cụm hoa thưa có 1 - 3 hoa lớn với cánh tràng dạng bầu dục dài xòe rộng màu vàng tươi, đặc biệt có một cánh dưới nổi rõ 1 đốm lớn màu đỏ đậm. Quả dẹt, có 4 - 12 hạt.

Hoa nở chủ yếu vào mùa xuân. Cây trồng làm cảnh ở chậu, trong bồn hoa hay bãi cỏ nơi công viên, vườn nhà. Cây mọc khỏe, chịu nắng và gây trồng bằng hạt.

IV.B.111. CÂY MỘC

Olivier odorant

***Osmanthus fragrans* Lour.**

(*Olea fragrans* Thunb.)

Họ Nhài (Oleaceae)

Cây có nguồn gốc từ Himalaya, Trung quốc, Nhật Bản, nay được gây trồng rất rộng rãi ở nước ta nơi đình chùa, vườn gia đình vì hoa rất thơm. Cây gỗ nhỏ dạng bụi, nhánh non dẹt, thưa màu trắng. Lá hình trái xoan hay thuôn hình giáo dài, nhẵn, mép có răng nhọn, gân mảnh nổi rõ. Cuống lá dày và nâu ở gốc. Cụm hoa dạng chùm ngắn, mọc ra từ nách các lá ngọn. Hoa màu trắng hay vàng nhạt, rất thơm. Quả hạch hình bầu dục. Hạt 1 (Hình 159).



H. 159. Mộc -
Osmanthus fragrans Lour.

Cây có hoa nở gần quanh năm (tập trung vào mùa thu). Cây trồng bằng chiết cành, ít khi bằng hạt. Cây ưa khí hậu mát, ẩm và có nắng.

IV.B.112. CÂY MÒ THƠM (Ngọc nữ thơm, Mò mâm xôi)

Peragut odorant

***Clerodendrum fragrans* (Vent.) (Willd.)**

(*C. Coronaria* Hort.; *Volkameria fragrans* Vent.;

***Volkameria japonica* Vent.)**

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, Trung Quốc, được gây trồng làm cảnh khá rộng rãi ở nhiều nước châu Á và châu Mỹ. Cây thân gỗ dạng bụi cao 1 - 2 m, có lông mịn, phân cành nhiều có cạnh. Lá bầu dục, đầu thuôn nhọn, gốc tù hay hình tim, màu xanh đậm, nhám, mép có răng thưa. Cụm hoa dạng chùy ở đỉnh, mang nhiều hoa sát nhau dày đặc như dạng đầu. Hoa có cánh dài hợp ở gốc thành ống, màu đỏ. Cánh tràng lớn màu trắng hay hơi hồng, thơm. Nhị dài, mảnh mọc thò ra ngoài. Quả hạch cứng, lớn 1 cm, có đài bao ở ngoài. Hoa nở vào vụ đông - xuân.

Có một chủng cho hoa đẹp hơn cả là :

IV.B.112.a. *Peragut odorant* à fleurs pleines

***Clerodendron fragrans* (Vent.) Willd. var. *pleniflora* Schau.**

Cánh hoa kép.

IV.B.113. CÂY MỖ VẮY (Ngọc nữ vảy)

***Clerodendrum squamatum* Vahl. (*C. coccineum* Dietr.;**

***C. japonicum* Hort., non Thunb.; *C. kaempferi* Sieb.;**

***Volkameria coccinea* Herb.)**

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, nhưng mọc dại rất phổ biến ở khắp miền nước ta. Cây bụi cao 1 - 3 m, phân cành nhiều, tiết diện vuông, có lông mịn. Lá hình trái xoan tròn, có mũi ngắn ở đầu, hình tim ở gốc, mép khía răng cưa nhỏ, mặt dưới có tuyến. Cụm hoa hình chùy ở ngọn màu đỏ tươi, thắm hoặc hồng.

Cây cho hoa đẹp nở rộ vào cuối đông, đầu thu.

IV.B.114. CÂY MUỒNG ĐEN (Muồng xiêm)

Kassod tree, casse du Siam

***Cassia siamea* Lamk.**

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây mọc trong rừng thưa miền Nam nước ta, nhưng được gây trồng làm cảnh, cây lấy gỗ và bóng mát ở khắp nước ta.

Cây cho hoa nở rộ vào mùa hè (tháng 6 - 8) có thể kéo dài đến mùa thu. Cây trồng bằng hạt, nảy mầm khỏe, dễ trồng, nhưng chậm lớn.

IV.B.115. CÂY MUỒNG HOA ĐÀO (Muồng Java)

Java cassia casse de Java

***Java cassia* Linn.**

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Malaysia, Srilanka...). Cây gỗ trung bình, phân cành nhiều, thấp. Cành dài, xòe rộng tán thưa. Lá kép lông chim với 8 - 12 đôi lá phụ xếp cách nhau đều đặn, dạng thuôn dài, màu xanh nhạt, mọc. Cụm hoa dạng chùy lớn, kép, thẳng đứng mang nhiều hoa màu hồng rất đẹp. Hoa có cánh tràng gần bằng nhau, mảnh dễ rụng. Quả hình trụ dài 30 - 40 cm, màu đen bóng. Hạt dẹt.

Cây có mùa hoa nở rộ vào đầu mùa mưa làm cho cây có tán màu hồng, đẹp nhưng hoa chóng tàn. Cây rất thích hợp nơi vườn rộng, tropic công viên hay ven lối đi. Cây trồng bằng hạt, rất ít khi chiết cành.

IV.B.116. CÂY MUỒNG HOA VÀNG (Bò cạp vàng)

Shunshine tree

***Cassia splendida* Vogel.**

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước miền Nam châu Mỹ, nay gây trồng rất rộng rãi ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh thấp, tán xòe rộng. Lá kép lông chim với 8 - 12 đôi lá phụ màu xanh bóng, mềm mại. Cụm hoa dạng chùy, mang hoa xếp

thưa. Hoa lớn có cánh tràng lớn tròn mở rộng, màu vàng sáng. Hoa nở bền và mùa hoa kéo dài gần quanh năm. Quả đậu dẹt, thẳng. (Ảnh 187).

Cây mọc khỏe, dễ trồng, ít đòi hỏi chăm sóc, ưa khí hậu nóng, nhiều nắng, chịu được khô hạn, không chịu được úng nước. Cây trồng bằng hạt, ươm gieo như các loài cây gỗ khác, hạt chónh nảy mầm, cây con vươn dài. Cây rất thích hợp trồng trong công viên, ven lối đi nhỏ, phù hợp với các công trình kiến trúc thấp.

IV.B.117. CÂY MUỒNG HOÀNG YẾN (Bò cạp nước)

Indian Laburnum, Averse dorée, Pudding - Pipe tree, Golden Shower

***Cassia fistula* Linn.**

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Srilanka, nhưng được trồng rất rộng rãi ở các nước nhiệt đới khác vì chùm hoa đẹp. Cây gỗ trung bình, cao 10 - 20 m, thân tròn nhẵn, phân cành nhánh dài, mềm mọc thẳng, tán hẹp và thưa. Lá kép lông chim với 3 - 8 đôi lá phụ, dày màu xanh nhạt, hơi mốch ở mặt dưới. Chùm hoa buông xuống, mọc ra từ nách lá, dài 30 - 50 cm mang nhiều hoa xếp thưa có cuống dài. Hoa lớn trung bình màu vàng chanh, cánh hoa mềm mở rộng và nở dần từ gốc lên ngọn, rất hấp dẫn. Quả lớn, dài 30 - 40 cm. Hạt dẹt, mảnh.

Cây có mùa hoa nở rộ vào tháng 4 - 7, chùm lên hết tán lá nên được trồng làm cảnh nhiều ở nơi công viên, vườn hoa và tô điểm cho các công trình kiến trúc. Cây trồng bằng hạt hay các chồi rễ.

IV.B.118. CÂY MUỒNG NGỬ (Cồng)

Saman, Rain, tree, Zaman

***Samanea saman* Merrill.**

(*Mimosa saman* Jacq.; *Pithecolobium saman* Benth.;

***Enterolobium saman* Prain.)**

Họ Trinh nữ (Mimosaceae)

Cây có nguồn gốc từ miền Trung châu Mỹ, nhưng nay được

trồng rất rộng rãi ở nhiều nước nhiệt đới làm cây che bóng mát cho hoa đẹp. Ở nước ta, cây được trồng dọc theo các phố lớn hay trồng trong các công viên rộng.

Cây gỗ lớn, thân mập, phân cành nhánh sớm lớn, dài, tỏa rộng làm tán có dạng ô thưa. Cành non có lông tơ nhung. Lá kép lông chim 2 lần với 2 - 8 cặp lá nhỏ. Phiến lá hình trái xoan thuôn, gần như tròn. Cụm hoa hình đầu thưa, cuống chung dài, cuống hoa ngắn. Hoa có cánh tràng màu hồng mềm mại làm nền cho 20 nhị màu hồng, dài, thò thẳng ra ngoài. Quả thuôn dài, dẹt, màu đen. Hạt 10 - 15 có cơm dính.

Cây mọc nhanh, khỏe, dáng đẹp. Hoa nở rộ vào cuối mùa khô (tháng 3 - 4). Lá nhỏ rụng lại khi trời tối, và dễ rụng. Gỗ trồng chủ yếu bằng hạt, ương gieo như các loài cây gỗ khác. Có thể giám canh làm cây cảnh lùn trồng ở chậu (chọn cành khẳng khiu, có hoa). Cây rất được ưa chuộng, vì sống lâu năm, mọc khỏe, tán đặc sắc.

IV.B.119. CÂY NGÂU

Aglaia duperreana Pierre

Họ Xoan (Meliaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á và được gây trồng làm cảnh rất phổ biến ở vườn, sân đình chùa, vì hoa thơm, lá xanh quanh năm. Cây gỗ nhỏ dạng bụi, vỏ xám. Lá kép lông chim với 2 - 3 đôi lá phụ, đầu tròn, gốc thuôn nhọn, màu xanh bóng, nhẵn. Cuống lá chung có cánh do phiến kéo dài. Cụm hoa dạng chùm ở nách lá cánh hoa mềm màu vàng, thơm. Quả hạch màu đỏ, hình cầu, có 1 hạt.

Cây cho hoa nở gần quanh năm. Cây ưa khí hậu ẩm mát, gây trồng bằng hạt hay chiết cành. Cây mọc khỏe, cần chăm bón đất tơi xốp để hoa nở rộ. Có thể uốn tỉa để tạo dáng đẹp.

IV.B.120. CÂY NGÂU TÀU

Aglaia adorata Lour.

Họ Xoan (Meliaceae)

Cây được gây trồng rộng rãi để làm cảnh vì hoa thơm không những ở nước ta mà còn ở nhiều nước châu Á khác. Cây gỗ nhỏ, dạng bụi, gỗ vàng nhạt. Lá mọc cách, dạng kép lông chim lẻ có 3 -

5 lá phụ hình trứng ngược, đầu tù, gốc làm thành cánh men theo cuống, nhẵn, màu xanh đậm bóng. Cụm hoa dạng chùy ở nách lá. Hoa hình cầu nhỏ, màu vàng, rất thơm. Quả hạch hình cầu đỏ, 1 hạt có áo hạt. (Ảnh 188)

Cây ra hoa tập trung vào mùa hè - thu. Cây vừa trồng làm cảnh vì lá xanh quanh năm, hoa thơm lại có thể uốn tỉa thành cây thế, cây tạo dáng đẹp. Cây trồng bằng hạt và chiết cành.

IV.B.121. CÂY NGỌC BÚT (Bánh hời, Lài trâu)

Crape Jasmine, Nero's crown

Tabernaemontana coronaria Willd. (*T. divaricata* R. Br.)

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có lẽ có nguồn gốc châu Mỹ nhưng gây trồng phổ biến ở Ấn Độ, cây bụi thấp, cành nhánh dài. Lá thuôn hình giáo, màu xanh bóng, phình rộng ở giữa, thuôn dài có mũi ở đỉnh. Cụm hoa dạng chùy nhỏ mang hoa lớn, màu trắng cánh dài xanh, cánh tràng trắng mép rần reo, rất thơm. Quả có 2 đại, hạt có cơm đỏ (Ảnh 189).

Cây mọc khỏe, lượn xanh tươi, hoa nở quanh năm, khá bền. Cây được trồng nhiều làm cảnh ở bồn hoa, bãi cỏ trong vườn hay trong công viên rộng. Cây trồng bằng chiết, giâm cành.

Chúng có hoa đẹp, thường được gây trồng là :

IV.B.121.a. *Tabernaemontana coronaria* Willd.

var. *flore - pleno* Hort.

Hoa có cánh kép, rất thơm.

IV.B.122. CÂY NGỌC LAN (Sứ)

Champaca

Michelia champaca Linn.

Họ Ngọc lan (Magnoliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Hymalaya được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở nhiều nước châu Á từ Bắc xuống xích đạo. Cây gỗ lớn, phân cành nhánh nhiều, tán rộng, cành non có lông. Lá hình bầu dục thuôn, dài 20 cm, màu xanh đậm, bóng ở mặt trên, màu xanh



Ảnh 215: Phật thủ - *Citrus medica* L.
var. *sarcodactylis* Swingle.

Ảnh 216: Quất
Citrus microcarpa Bunge.





Ảnh 217: Sung
Ficus racemosa L.

Ảnh 218: Xổ-ri
Malpighia glabra L.





Ảnh 219: Lỗ danh
Laurentia longiflora Peterm.

Ảnh 220: Mỏ két
Heliconia psittacorum Druce.





Ảnh 221: Sen - *Nelumbium nelumbo* Druce.



Ảnh 222: Sen hoàng hậu - *Victoria regia* Ldl.



Ảnh 223: Súng trắng - *Nymphaea lotus* L.



Ảnh 224: Súng đỏ - *Nymphaea rubra* Roxb.

nhạt và có lông ở mặt dưới. Hoa mọc đơn độc ở nách lá, gồm nhiều cánh hoa hình giải, màu vàng rất thơm.

Cây trồng lấy hoa ướp chè.

IV.B.123. CÂY NGỌC LAN TRẮNG

Michelia alba Linn.

Họ Ngọc lan (Magnoliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ. Cây gỗ lớn, vỏ nhẵn màu xám, phân cành nhánh dài, thẳng. Lá thuôn bầu dục, đầu nhọn, gốc tù, mặt trên nhẵn, mặt dưới có lông thưa. Hoa đơn độc ở nách lá có 10 - 15 cánh hoa hình giải thuôn, xếp xoắn ốc. Nhị nhiều, ngắn và dẹt. Quả kép, hình nón, gồm nhiều đại, mỗi đại 1 - 8 hạt (Ảnh 190).

Cây có hoa rất thơm, đẹp, nở rộ vào mùa xuân hạ (tháng 2 - 6). Cây được gây trồng làm cảnh đẹp, trong vườn hay nơi công viên thoáng mát. Hoa dùng để thờ cúng. Cây trồng chủ yếu bằng hạt, ươm gieo ở vườn ươm trong túi bầu. Sau khi cây cao 1 m thì đem trồng. Đôi khi chiết cành để cây nhỏ chóng có hoa.

IV.B.124. CÂY NGŨ TRẢO

Vitex negundo Linn.

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Ấn Độ. Cây gỗ nhỏ, dạng bụi, cao khoảng 3 - 5 m. Cành non tròn, phủ lông mịn, dày màu trắng mốc. Lá kép chân vịt mọc đối hình trái xoan, có mũi ở đỉnh, gốc thuôn, mặt trên nhẵn, mặt dưới có lông trắng bạc, thơm. Cụm hoa hình chùy ở đỉnh cành có phủ lông màu trắng xám. Hoa nhỏ màu lam tím với cánh tràng hợp thành ống, trong họng có lông dài, trên chia 2 môi. Môi trên có hai thùy cong ra, môi dưới 3 thùy, to. Quả màu vàng, nhẵn có cánh dài phát triển bọc ở ngoài.

Để làm cảnh, thường trồng chủng :

IV.B.124.a. *Vitex negundo* Linn. var. *incisa* Clarke
(*V. incisa* Lam.; *V. laciniata* Hort.).

Cây có lá nhỏ, khía răng sâu và dài dạng như kép lông chim, rất đẹp.

IV.B.125. CÂY NGUYỆT QUỖI (Nhâm hôi)

Murraya paniculata (L.) Jack. (*Chalcas paniculata* L.)

Họ Cam (Rutaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Malaixia, Đông Dương). Cây gỗ nhỏ, thân thẳng, vỏ mỏng, màu vàng nhạt. Cành khẳng khiu dễ uốn xén. Lá kép lông chim lẻ gần tròn, nhẵn, xanh bóng. Cụm hoa dạng xim mang ít hoa. Hoa màu trắng hơi vàng, thơm. Quả hình cầu màu đỏ. Cây có dáng đẹp, hãm thành cây lùn làm cây uốn thế, tạo dáng rất dễ dàng.

Cây trồng bằng hạt. Ươm gieo trực tiếp ở chậu để cho cây con. Cắt tỉa các cành để thân nảy nhiều chồi. Cây vừa có lá xanh bóng, vừa có hoa thơm (hoa nở vào đầu mùa mưa) nên rất được ưa chuộng trồng nơi vườn hoa, bãi cỏ hay trong chậu nơi đình chùa.

IV.B.126. CÂY Ô MÔI (Muồng hồng lớn)

Pink shower, Horse cassia, Averse rose.

Cassia grandis Linn. f.

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ được gây trồng làm cây bóng mát cho hoa đẹp ở nhiều nước trên thế giới. Ở Việt Nam, cây trồng chủ yếu ở các tỉnh phía Nam. Cây gỗ trung bình, cao 10 - 20 m, phân cành lớn, mọc ngang thẳng. Lá kép lông chim với 8 - 20 đôi lá phụ dạng thuôn dài tròn cả hai đầu, màu xanh bóng, gân rõ. Cụm hoa nở rộ khi lá rụng, dạng chùm dài mang hoa lớn, xếp thưa, màu hồng đậm. Quả hình trụ dẹt dài 60 cm. Hạt dẹt, màu vàng, cứng.

Cây làm cảnh vì hoa đẹp, gây trồng bằng hạt. Ươm gieo hạt vào đầu mùa mưa (sau khi rửa sạch hết cơm ở hạt). Đất bầu vườn ươm cần tơi xốp, đủ phân và tưới nước. Cây con chịu bóng một phần. Sau 1 năm, đem trồng cả bầu nơi cố định.

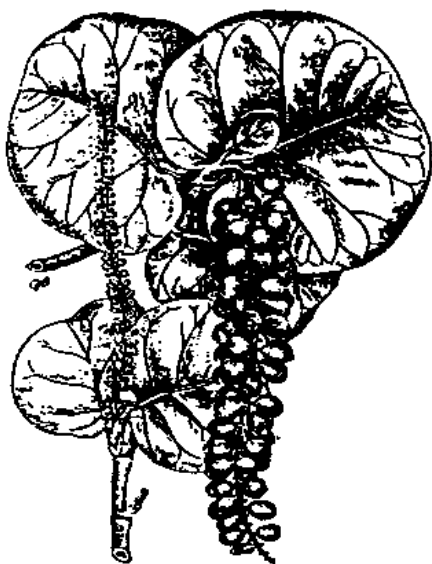
IV.B.127. CÂY NHO BIỂN

Sea grape, Raisinier de mer, Shore - Grape, Uvadel Mar.

Coccoloba uvifera (L.) L.

Họ Rau răm (Polygonaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung châu Mỹ, được gây trồng làm cây cho bóng mát, làm cảnh đẹp. Cây gỗ lớn cao 10 - 20 m, phân cành nhiều cong queo, nhẵn. Lá rộng dạng tròn, gốc hình tim, đầu hơi lõm, mép nguyên, răn reo, nhẵn, màu xanh bóng, phần gốc đỏ. Cụm hoa dạng chùm, dài 10 - 20 cm, mang nhiều hoa nhỏ bé màu lục vàng, hay trắng, thơm. Quả mọng, mập, lớn 1 cm nằm trong đài, đồng trưởng, phần thịt màu đỏ nhạt (Hình 160)



H.160. Nho biển -
Coccoloba uvifera L.

Cây mọc khỏe nơi bờ biển, bãi cát, làm cây phong cảnh rất thích hợp. Có thể trồng dọc đường ven biển hay trong công viên, các nhà nghỉ vùng duyên hải. cây trồng chủ yếu bằng hạt.

IV.B.128. CÂY NHỘI ĐÀN (Cầm mộc)

Citharexylum quadrangulare Jacq.

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, được gây trồng làm cảnh vì dáng cây đẹp, hoa thơm. Cây gỗ nhỏ cao 3 - 4 m, phân cành dài mềm, có tiết diện vuông màu xám trắng, vỏ nhẵn, đẹp. Lá thuôn trái xoan, dài nhẵn, màu xanh trắng với cánh tràng hình ống chia hai môi không đều. Quả hạch cứng (Ảnh 191).

Hoa nở vào mùa xuân hè (tháng 2 - 6). Cây dễ trồng bằng hạt, ít đòi hỏi chăm sóc, mọc khỏe phân cành nhiều, tán thưa. Hiện được gây trồng rộng rãi trong vườn rộng, trong công viên hay dọc lối đi, làm cây phong cảnh đẹp.

IV.B.129. CÂY ỐC TỬ

Cochlospermum religiosum (L.) Alst.
(*C. gossypium* DC.;
Maximiliana gossypium Kuntze)

Họ Ốc tử
(Cochlospermaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, mọc hoang dại ở vùng núi cao nước ta. Cây gỗ nhỏ, cành nhánh có lông dày (Hình 161).

Cây ưa khí hậu ẩm ướt, cho hoa nở rộ, lớn, nên làm cây phong cảnh đẹp. Cây trồng bằng hạt, mọc khỏe nơi đất sâu, ẩm.



H.161. Ốc tử - *Cochlospermum religiosum* Alst.

IV.B.130. CÂY ỔI TÀU (Ổi lùn)

Psidium cujavillus Burm. f.
(*Psidium pumila* Linn. var. *crispa* Lec.)

Họ Sim (Myrtaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước thuộc Trung châu Mỹ.

Cây gỗ nhỏ, cao 2 - 4 m, nhưng thường hãm cho nhỏ để trồng trong các chậu làm cây cảnh lùn. Thân mềm dễ uốn và tạo dáng, vỏ mỏng bong từng mảng. Cành nhánh dài, khẳng khiu. Lá nhỏ, dạng thuôn dài, màu xanh bóng mềm, mép nhẵn như gợn sóng, đôi khi màu nhạt hơn, gân lá mảnh nổi rõ đều đặn. Cuống ngắn nhưng làm cho lá rủ hay ngang ra.

Hoa trắng, nhỏ, mọc đơn độc ở nách lá với cánh tràng 5, mềm, mỏng, thuần, dễ rụng. Nhị nhiều, xếp nhiều vòng. Quả hình cầu nhiều hạt, ít thấy.

Cây có dáng đẹp, dễ trồng và dễ cắt xén nên rất được ưa chuộng làm cây cảnh. Để làm cây cảnh lùn có thể trồng cả cây Ổi ăn quả thông thường (*Psidium guajava* L.) (goyavier)

IV.B.131. CÂY PHI LAO (Dương)

Horsetail Tree, Australian Pine, Filao a feuilles du Prêlé

Casuarina equisetifolia J.S. et G. Forst.

Họ Phi lao (Casuarinaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia, nay được gây trồng trên toàn thế giới (chủ yếu vùng nhiệt đới, á nhiệt đới). Cây to, cành nhánh nhiều, dài, dễ cắt xén (nảy chồi nhiều) để làm cây tạo dáng, cây cảnh lùn hay làm cây hàng rào. Cây trồng bằng hạt.

IV.B.132. CÂY PHÙ DUNG

Cotton rose, Confederate Rose, Ketmie changeante

Hibiscus mutabilis L.

Họ Bông (Malvaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Ấn Độ, được gây trồng làm cảnh vì hoa đẹp. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh ít, cao khoảng 2 - 6 m, thẳng, tán hẹp, thưa, có lông hình sao trắng, cứng. Lá hình tim, trên chia 5 thùy nông, mép khía răng màu xanh bóng nhậy nổi rõ gân và lông, mặt dưới lá màu trắng. Hoa mọc đôi một ở nách lá. Hoa to đẹp, buổi sáng màu trắng, buổi chiều chuyển sang màu hồng sẫm rồi đỏ.



H.162. Phù dung - *Hibiscus mutabilis* L.

Hoa có tiểu đài dạng giải hẹp, có lông. Cánh dài hợp thành chén rộng, cánh tràng đơn hay kép, hình bầu dục. Nhị nhiều dính nhau thành một cột nhẵn. Quả nang hình cầu có lông màu vàng nhạt. Hạt hình trứng, có lông dài (Hình 162).

Cây được trồng làm cảnh ở nơi vườn hoa, bãi cỏ vì hoa nở gần như quanh năm. Hiện nay các nhà vườn tạo ra được nhiều dạng cho cánh hoa kép, xoắn lại nhau và xòe rộng, màu sắc thay đổi từ hồng đến đỏ sậm, rất lâu tàn.

IV.B.133. CÂY PHƯỚC HOA (Hoa văn anh)

Fuchsia brilliant., Ladies' Ear Drops

***Fuchsia hybrida* Voss. (*Fuchsia speciosa* Hort.)**

Họ Rau dứa nước (Oenotheraceae)

và *Fuchsia magellanica* Lam.

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô, có thể là loài lai giữa *F. magellanica* Lam. và *F. fulgens* Moc. et Sesse.

Cây có nguồn gốc ở Peru. Cây gỗ nhỏ, cao 1 - 2 m, phân cành nhiều, nhẵn. Lá mọc đối hay vòng 3 chiếc, dạng bầu dục, thuôn nhọn ở đỉnh, mép khía răng, có cuống dài. Hoa có cuống dài buông thõng xuống, cánh dài hợp thành ống dài chia thùy thuôn hình giáo, màu đỏ, và dài hơn cánh tràng màu xanh tím rần reo. Nhị dục dài thò ra ngoài (Ảnh 192 và 193)

Loài này có rất nhiều chủng đều làm cây cảnh đẹp :

IV.B.133.a. *Fuchsia magellanica* Lam. var. *globosa* Bailey
(*F. globosa* Lindl.)

Cây có nguồn gốc ở Chilê. Cây bụi cao 1 - 2 m, phân cành nhánh rất nhiều. Lá mọc đối, nhẵn, dạng bầu dục nhọn đầu, mép khía răng. Hoa có cuống buông xuống, hình cầu. Cánh dài màu đỏ tía, hơi xòe ra. Cánh tràng màu đỏ tím, hẹp hơn cánh dài. Nhị và vòi rất dài lộ ra khỏi bao hoa.

IV.B.133.b. *Fuchsia magellanica* Lam. var. *discolor* Bailey
(*F. discolor* Lindl.)

Cây bụi lùn, cành nhiều, dày đặc, màu đỏ tía. Lá nhỏ mép khía

răng rần reo, hoa đỏ ở nách lá, cuống hoa dài cong xuống. Hoa nhỏ màu đỏ cánh dài làm thành ống hẹp, trên xòe rộng. Cánh tràng tù, ngắn hơn thùy dài.

IV.B.133.c. *Fuchsia magellanica* Lam. var. *gracilis* Bailey
(*F. gracilis* Lindl.)

Cây có nguồn gốc ở Mêhicô. Cây bụi phân cành nhánh rất nhiều, mảnh, khi non hơi có lông. Lá mọc đối, nhỏ bé, mép khía răng nhỏ, thưa. Hoa có cuống mảnh, cong xuống. Cánh dài màu hồng đều. Cánh tràng màu đỏ tía, ngắn hơn cánh dài.

IV.B.134. *FUCHSIA FULGENS* MOC. et SESSE.

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô. Cây bụi cao 1,5 - 2 m, rễ có u lồi. Thân mập như phị nước, nhẵn, màu đỏ. Lá lớn dạng tim, bầu dục, nhọn ở đỉnh, nhẵn, mép khía răng nhỏ. Cụm hoa thành chùm buông thõng xuống. Cánh dài hợp thành ống dài 5 - 6 cm, màu đỏ son, trên chia thùy ngắn có đỉnh màu xanh xám. Cánh tràng màu đỏ tím, hoặc đỏ thẫm, tận cùng bằng 1 điểm. Nhị hơi thò ra ngoài một chút.

Cây dạng lai *Fuchsia speciosa* Hort. được gây trồng rộng rãi làm cảnh trong chậu trên vùng núi Nam Trung Bộ (Đà Lạt) nước ta, và chia ra loại hoa đơn, loại hoa kép, loại có lá màu xanh, loại lá có vạch trắng, hồng, loại cây bụi cao, loại cây bụi lùn.

IV.B.135. CÂY PHƯỢNG VĨ (Me tây)

Flame of the Forest, Flamboyant, Royal poinciana, Peacock Flower

Delonix regia (Boj.) Raf. (*Poinciana regia* Boj.)

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc từ Madagasca, nay được trồng rất rộng rãi ở các nước nhiệt đới làm cây bóng mát với hoa đẹp. Ở nước ta, cây được trồng ở hầu hết các thành phố lớn và gắn liền với mùa hè, nên còn được gọi là cây của mùa thi (vì được trồng nhiều trong các sân trường học) (Hình 163).

Cây gỗ lớn, cao 10 - 20 m, vỏ thân màu xám trắng, nhẵn, phân

cành nhánh nhiều, lớn, dài mọc nghiêng, nên tán mở ra rất rộng và dày. Lá kép lông chim 2 lần với 20 đôi lá phụ, rụng thưa vào mùa khô, màu xanh bóng. Cụm hoa lớn, dài 20 - 50 cm, mang hoa xếp thưa, xòe rộng. Hoa lớn, màu đỏ tươi với cánh tràng có cuống dài, phiến rộng rần reo, trong đó có cánh lớn màu cam đỏ và các vạch chấm màu trắng.



H.163. Phượng vĩ

Delonix regia Faf.

Nhị có bao phấn cong màu đỏ. Quả rất lớn, dài 20 - 60 cm, rộng 4 - 6 cm, dẹt, vỏ hóa gỗ. Hạt rất cứng.

Cây dễ trồng bằng hạt, ươm gieo trong vườn ươm như các cây gỗ khác. Khi cao 1 - 2 m, đánh ra trồng nơi cố định. Hoa nở rộ vào tháng 4 - 7, làm cho tán cây có dạng đỏ tươi.

IV.B.136. CÂY PHƯỢNG VĨ TÍM (Phượng tím)

Green Ebony, Flam boyant blue.

Jacaranda mimosaeifolia D. Don (*J. ovalifolia* R.B.)

Họ Núc nác (Bignoniaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, nay được gây trồng chủ yếu ở vùng núi Nam Trung Bộ, làm cây phong cảnh đẹp. cây gỗ trung bình, phần cành nhánh dài, thẳng. Lá kép lông chim mọc đối thưa với các lá phụ nhỏ xếp sát nhau. Cụm hoa chùm bông mang hoa nhỏ bé, màu lam tím nhạt. Hoa có cánh tràng hợp lại thành ống dài hẹp, đầu loe rộng chia thùy gần đều. Rất ít khi thấy có quả (Ảnh 194)

Cây ưa khí hậu mát ẩm, nhân giống chủ yếu bằng giâm cành. Chọn cành bánh tẻ, cắt ra từng đoạn dài trên 20 cm, giâm trên đất ẩm, mát. Sau 20 ngày đã thấy có rễ con. Cần chăm sóc kỹ và bón phân lót đủ.

Ngoài ra, còn có *Jacaranda obtusifolia* H.B.K. subsp. *rhombofolia* (Mey.) A. Gentry, có lá rụng vào mùa khô, hoa hình ống màu lam. Cây gốc ở Nam Mỹ, được trồng làm cảnh đẹp.

IV.B.137. CÂY QUANH CHÂU

Hedge sageretia

***Sageretia theezans* (L.) Brong.**

Họ Táo ta (Rhamnaceae)

Cây gỗ nhỏ, phân cành nhiều thành bụi dày. Lá dạng bầu dục, màu xanh bóng, nhẵn. Cụm hoa dạng chùm thẳng. Hoa nhỏ màu trắng xanh. Quả hạch màu đen, chua.

Cây dễ mọc, có thể trồng làm hàng rào hay khai thác gốc già cắt xén làm cây cảnh ở chậu (Bonsai).

IV.B.138. CÂY RÂM (Nữ trinh, Giâm)

Troènes., Privet, Prim

***Ligustrum nepalense* Wall. (*L. spicatum* Don.)**

Họ Nhài (Oleaceae)

Cây có nguồn gốc từ Hymalaya, được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở nước ta nơi công viên, vườn hoa, quanh nhà, đền chùa... Cây gỗ nhỏ dạng bụi, cao 1 - 5 m, nhánh non có lông ngắn, dày, màu hơi vàng, đốm trắng. Lá thuôn hình trái xoan, tròn hay tù ở gốc, nhọn ở đỉnh, nhẵn bóng ở mặt trên, có lông ngắn ở mặt dưới. Cụm hoa dạng chùy ở đầu cành. Hoa có cánh tràng hợp thành hình phễu màu trắng rất thơm. Nhị 2, thò ra ngoài. Quả hạch hình cầu, màu đen khi chín.

Cây cho hoa thơm, gỗ nhẹ cũng thơm, cây lại có lá xanh quanh năm, tán rậm đẹp nên trồng làm cây cảnh phổ biến. Cây trồng chủ yếu bằng chiết, giâm cành, cần chăm sóc bón phân đầy đủ cho cây để hoa luôn nở rộ.

IV.B.139. CÂY ROI TIÊN TRẮNG (Lài đuôi chồn)

Aloysia virgata (*Lippia urticoides* Steud.)

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ Peru, Brazil, được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước nhiệt đới. Cây bụi cao 2 - 3 m, phân cành nhánh nhiều, gần tròn, thẳng, nhẵn. Lá mọc đối, dạng bầu dục, thuôn, nhọn ở đầu, màu xanh đậm, nhám, mép khía răng. Cụm hoa dạng trụ đơn hay kép mang nhiều hoa màu trắng, rất thơm. Hoa nhỏ xếp sát nhau. Cánh đài hình ống có lông, trên chia 4 thùy nhọn. Cánh hoa hợp thành ống hẹp, chia 4 thùy xòe rộng. Quá ít gặp (Hình 164).



H.164. Roi tiên trắng -
Lippia urticoides Steud.

Cây có hoa vào mùa xuân (tháng 1 - 3), nở rộ trên cành làm cho cây có màu trắng đẹp. Hoa nở dần trên cụm hoa, nên mùa hoa kéo dài. Cây trồng chủ yếu bằng giâm cành.

IV.B.140. CÂY SAM ĐÁ

Portulacaria afra Jacq. var. *macrophylla*

Họ Rau sam (Portulacaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Phi nhiệt đới, trồng ở chậu thành cây cảnh hay cắt xén thành Bonsai. Cây có thân mập, mọng nước, phân cành dài cong queo màu nâu đỏ. Lá dày, cứng, xếp dày đặc ở các đốt, màu xanh bóng.

Cây đẹp, chịu được nóng khô, làm cây trang trí đẹp.

IV.B.141 - CÂY SANH (*Ficus retusa* L.); CÂY SANH LÁ NHỎ (*Ficus virens* Ait.); CÂY SI (Gừa tàu) (*Ficus benamina* L.) cùng với các loài khác như GỪA (*Ficus microcarpa* L.); SỘP (*Ficus pisocarpa* Bl.); LÂM VỒ (*Ficus rumphii* Bl.); GỪA TRUNG (*Ficus strita* Miq.) và CÂY SUNG (*Ficus racemosa* L.) đều thuộc họ Dâu tằm (*Moraceae*)

Là những cây gỗ ít nhiều có rễ phụ và quả mọc trên thân, được các nhà vườn cắt xén và hãm, trở thành cây cảnh, cây uốn thế trồng ở chậu rất đặc sắc.

Đặc biệt, gần đây có nhập trồng một chủng đặc sắc là :

IV.B.142. CÂY SI ĐỐM

Variegated mini - rubber.

Ficus benamina L. var. *variegata* Hort.

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Malaixia, cây gỗ lớn, nhưng thường trồng bằng cành cho các cây nhỏ, lùn. Thân không rễ phụ. Lá thuôn trái xoan, dài 6 - 10 cm, dày, bóng màu xanh đậm có nhiều đốm không đều nhau màu trắng ngà, tập trung nhiều ở mép lá. Cụm hoa dạng sung màu đỏ sau màu đen.

Cây đẹp, trồng làm cảnh hay ghép lên loài Si khác để cho lá nhiều màu khác nhau.

IV.B.143. CÂY SO ĐO BÔNG VÀNG (Huỳnh liên)

Yellow elder, yellow bignonia

Tecoma stans (L.) H.B.K. (*Stenolobium stans* (L.) Seem.)

Họ Núc nác (*Bignoniaceae*)

Cây có nguồn gốc từ Nam châu Mỹ, nay được trồng ở các tỉnh miền Nam nước ta làm cây cảnh trong vườn hoa, công viên. Cây gỗ nhỏ, chỉ cao 2 - 4 m, phân cành nhiều sát đất như dạng cây bụi lớn. Lá kép lông chim 2 lần, mọc đối. Lá nhỏ 5 - 11 chiếc, gần như không có cuống, hình bầu dục thuôn dài, mép khía răng đều, nhọn, đầu nhọn. Cụm hoa chùm kép ở đầu cành. Hoa lớn màu vàng tươi với cánh tràng hợp lại thành ống, cong trên chia 5 thùy lớn bằng nhau xòe rộng. Hoa nở quanh năm, dày đặc làm cho cả tán cây có

màu vàng. Quả nang dẹt, dài 5 - 7 cm, quả xanh trên cây cũng gần như có quanh năm. Quả chín chuyển dần màu vàng, nứt nhanh, hạt tung ra xa nhờ có hai cánh mỏng (Ảnh 195).

Cây trồng dễ dàng bằng hạt, sau khi gieo ở vườn ươm 5 - 7 ngày đã nảy mầm. Khi cây cao có 2 - 4 lá đem đi cấy vào trong bầu, sau đó đem đi trồng (tùy độ cao thích hợp ở nơi công viên, thường sau 6 tháng cao 50 - 70 cm). Khi trồng cần có cọc chống vì cây có thân mềm và đâm cành nhiều. Sau 1 năm, cây đã cho hoa. Hoa vừa đẹp, vừa có hương thơm nên rất được yêu chuộng.

IV.B.144. CÂY SÓI (Hoa sói lang)

Chloranthus glaber (Thunb.) Mark. (*Chl. brachystachys* BL.)

Họ Sói (Chloranthaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Sri lanca...) được gây trồng làm cảnh, lấy hoa ướp trà, ướp thuốc lá. Cây gỗ nhỏ dạng bụi, cao khoảng 1 m, có thể gây trồng ở chậu lớn hay trong vườn, phân cành nhiều, xum xuê, gần tròn, nhẵn. Lá mọc đối, thuôn dài, đầu có mũi nhọn cụt, kéo dài ở gốc, mỏng, nhẵn, xanh bóng, mép có răng dày, nhọn. Cụm hoa dạng bông phân nhánh. Hoa nhỏ màu vàng. Quả có nhân cứng, đỏ. Hạt hình trái xoan. (Hình 165).



H.165. Sói - *Chloranthus glaber* Mark.

Cây có hoa chủ yếu vào mùa đông - xuân, rất thơm nên được trồng nơi đình chùa, gần nhà, trong vườn làm cho không khí thêm mát, lành. Cây trồng bằng hạt hay chiết cành. Cây cần chăm sóc, làm đất kỹ bón phân đầy đủ. Cây ưa ánh sáng có thể chịu bóng một phần.

IV.B.145. CÂY SƠN LIỄU

Phyllanthus Welwitschianus Muell. - Arg.

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây mọc hoang nơi đất trống, khô, thân cong queo cứng, làm thành bụi thấp, cành nhánh mềm dài, buông xuống. Lá nhỏ xếp sát nhau đều đặn, dạng thuôn bầu dục, mặt trên xanh bóng, mặt dưới hơi trắng. Hoa nhỏ bé, ít hấp dẫn. Quả nang màu đỏ (Ảnh 196).

Cây mọc khỏe, chịu được khô hạn và nhiều nắng, được các nhà vườn uốn tía tạo ra nhiều dáng đẹp. Nhân giống bằng giâm cành.

IV.B.146. CÂY SƠN TRÀ

Rinorea anguifera (Lour.) O.Ktze

Họ Hoa tím (Violaceae)

Cây mọc hoang nơi đất trống khô hạn hay trong các rừng còi nhiều sỏi đá. Cây gỗ nhỏ, thân xù xì, dễ tróc vỏ. Cành phân thấp, cong queo, non có lông hung. Lá tập trung từng đám, dạng bầu dục ngược, mép có răng không đều. Cụm hoa ngắn ở nách lá. Hoa nhỏ màu trắng hay đỏ. Quả nang có gai mềm.

Cây được khai thác trồng ở chậu làm cây cảnh.

IV.B.147. CÂY SƠN TRÀ NHẬT BẢN (Nhót tây)

Loquat, Néflier du Japon, Bibacier

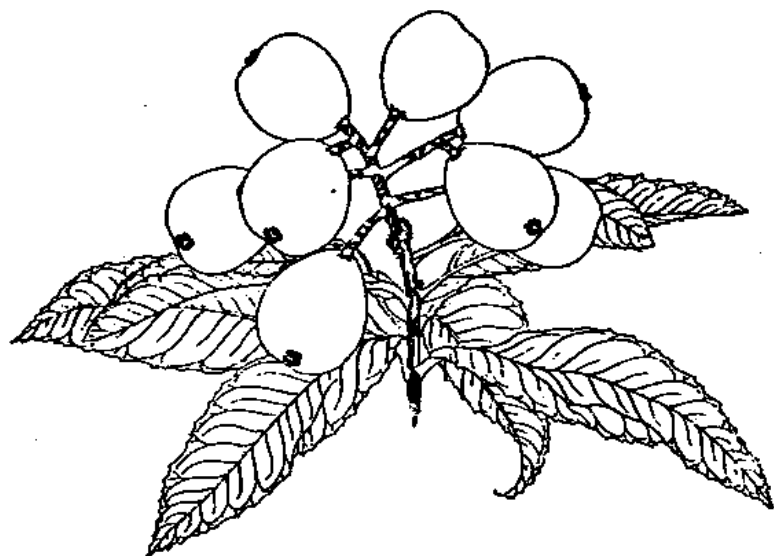
Eriobotrya japonica (Thunb.) Lindl.

(*Mespilus japonica* Thunb.; *Photinia japonica* Gray.)

Họ Hoa hồng (Rosaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản và được gây trồng rộng rãi khắp thế giới để làm cảnh ở vườn, nơi công viên hay ở các bồn lớn. Cây gỗ nhỏ cao 4 - 5 m, cành non có nhiều lông rậm. Lá lớn, hình trái xoan thuôn dài, dày, gần như không có cuống, mặt trên nhẵn, màu lục sáng, mặt dưới phủ lông dày màu xám hay vàng nhạt, mép lá phần nửa trên có răng. Cụm hoa hình chùy phân nhánh nhiều, mọc ra ở ngọn cành, phủ đầy lông vàng hoe. Hoa lớn, có 5 cánh tràng, hình trứng ngược, mềm, bóng, màu trắng. Nhị

nhiều, chỉ nhị ngắn. Quả thịt gắn hình cầu, chín màu vàng, có 1 - 5 hạt lớn (hình 166).



H.166. Sơn trà Nhật bản - *Eriobotrya japonica* Ldl.

Cây làm cảnh đẹp, do dáng cây, lá và hoa (Hoa nở vào cuối đông, đầu xuân).

Để làm cảnh có thể chọn chủng :

IV.B.147.a. *Eriobotrya japonica* Lindl. var. *variegata* Sander.

Lá có vân xám xanh, xanh đậm và trắng xen kẽ nhau.

IV.B.148. CÂY SÔ ĐỎ (Xác pháo núi, Sơn)

Sauge éclatante; Scarlet sage.

Salvia splendens Ker. - Gawl.

(*S. colorans* Hort. *S. brasiliensis* Spreng.)

Họ Hoa môi (Lamiaceae)

Cây có nguồn gốc ở Brazil, được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở rất nhiều nước, làm thành các bụi hay thành các bờ tường thấp, dọc theo lối đi trong vườn, công viên. Cây mọc thành bụi,

hóa gỗ ở gốc, cao khoảng 1 m, phân cành nhánh nhiều, có tiết diện vuông. Lá mọc đối, dạng bầu dục, thuôn nhọn ở đỉnh, gốc tròn hơi hình tim. Cụm hoa ở đỉnh mang hoa dày đặc trên 1 cuống chung không phân nhánh. Lá bắc hình bầu dục thuôn dài, màu đỏ. Cánh dài hợp thành ống rộng trên chia 3 răng tròn cũng màu đỏ. Cánh tràng hợp thành ống dài thẳng hay hơi cong, rủ xuống, trên chia 2 môi không đều, màu đỏ, nhẵn. Nhị thò ra ngoài. Quả nang. (Hình 167).



H.167. Sô đỏ – *Salvia splendens* Ker-Gawl.

Cây dễ trồng, chịu được nắng và khí hậu ẩm mát.

Càng đầy đủ ánh sáng, hoa càng đỏ tươi rực rỡ, do đó rất thích hợp trồng ở vườn rộng. Cây cho hoa nở rộ vào mùa đông xuân. Cây trồng bằng hạt hay giâm ngọn. Hạt gieo sau 1 tuần đã nảy mầm và sau 1 tháng rưỡi có thể đem trồng ở vườn (Cây mọc khỏe do đó ở vườn ươm nên gieo thưa). Còn giâm ngọn thì sau 20 ngày đã có rễ, nhỏ và trồng ở vườn hoa. Sau 80 - 100 ngày, cây bắt đầu trổ hoa.

Các nhà vườn trên thế giới còn tạo ra nhiều chủng có màu sắc hoa khác nhau như :

IV.B.148.a. *Salvia splendens* Ker - Gawl. var. *alba* Hort.

Hoa màu trắng.

IV.B.148.b. *Salvia splendens* Ker - Gawl. var. *atropurpurea* Hort.

Hoa màu tím đậm.

IV.B.148.c. *Salvia splendens* Ker - Gawl. var. *bicolor* Hort.

Cây cho chùm bông màu đỏ đậm, hoa già màu trắng.

Ngoài ra, ở các tỉnh miền Bắc còn trồng 1 loài khác là :

IV.B.149. CÂY SÔ ĐỎ LÙN (Hoa diên đỏ)

Salvia coccinea L. (*S. rosea* Vahl.)

Cây mọc bụi hàng năm, thân thấp, chỉ cao 40 - 50 cm, cụm hoa màu đỏ rực, nở vào dịp cuối Đông, đầu Xuân, cây rất đẹp, nhất là trồng dày thành các thảm. Hoa lớn.

IV.B.150. CÂY TAI TƯỢNG ĐUÔI CHỖN

Red hot cat - tail, Ricinelle de Sander.;

Queue de chat incendiaire

Acalypha hispida Burm. f. (*A. sanderi* N.E.Br.)

Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Ấn Độ, Srilanka, Tân Ghinê) được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở nhiều nước vì chùm hoa rất đẹp. Cây gỗ nhỏ hay bụi, cao 1 - 2 m, phân cành đều, màu nâu xanh. Lá mọc dày đặc làm thành bụi màu xanh bóng. Lá dạng bầu dục thuôn nhọn ở đỉnh, gốc hình tim rộng, mặt trên nhẵn, mặt dưới có lông thưa, gân nổi rõ. Cuống lá mảnh, dài. Cụm hoa dạng bông dày đặc, mập, dài hơn lá, buồng thông ra ngoài, dài 20 - 40 cm, màu đỏ tươi (Ảnh 197).



H.168. Thần lằn - *Quassia amara* L.

Cây cho hoa rất đặc sắc, nở đều quanh năm, nhất là vào mùa nắng. Các nhà vườn tạo ra các chủng có cụm hoa hấp dẫn :

IV.B.150.a. *Acalypha hispida* Burm. f. var. *alba* Hort.

Cụm hoa dạng bông, màu trắng vàng nhạt.

IV.B.150.b. *Acalypha hispida* Burm. f. var. *ramosa* Hort.

Cụm hoa dạng bông, phân nhánh, màu đỏ tươi.

IV.B.151. CÂY THẦN LẦN

Quassia amara Linn.

Họ Thanh thất (Simaroubaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, được gây trồng rộng rãi ở các tỉnh miền Nam nước ta để làm cảnh, làm thuốc. Cây gỗ nhỏ, chỉ cao đến 3 m, dạng bụi. Cành dài mềm. Lá mọc đối dạng 3 lá phụ dính nhau, gốc có cánh dài theo cuống, lúc non gân lá màu đỏ. Cụm hoa mọc thẳng đứng màu đỏ. Hoa nhỏ có cánh vặn xoắn lại, cánh dài và cánh tràng đều màu đỏ. Quả hạch hình trái xoan màu đen, có đốm ở gốc (hình 168).

Cây mọc khỏe, dễ trồng, dễ uốn tỉa, nên tạo dáng dễ dàng. Cây trồng bằng hạt hay giâm cành.

IV.B.152. CÂY THIÊN ĐIỀU (Chim trời)

Bird of Paradise Flower, Oiseau de Paradis

Strelitzia reginae Banks.

Họ Thiên điều (Strelitziaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Phi, được gây trồng rộng rãi ở các tỉnh phía Nam nước ta để làm cây cảnh ở chậu lớn (chủ yếu là ở Đà Lạt). cây thân cỏ, mọc thành bụi lớn cao trên 1 m, thân rễ mập, khỏe. Lá có cuống dài, mọc sát nhau từ mặt đất. Phiến lá rộng, dạng lá chuối, đầu thon hẹp dần, gốc hơi rộng, màu xanh đậm, bóng, gân nổi rõ. Cụm hoa cũng trên cuống, mập, thẳng đứng mang hoa tập trung ở đỉnh trong 2 mo lớn xếp úp lên nhau. Khi hoa nở, mọc ra trong khe của mo, mang 8 - 10 hoa lớn, màu vàng cam có một phiến màu xanh lam bóng như mỏ chim, mọc thẳng, hướng lên trên. Các hoa khác lật ra phía sau như mào và đầu chim. Quả ít gặp, hạt đen tròn (Ảnh 198).

Cây được ưa chuộng vì có bụi đẹp, hoa đặc sắc, nở bền. Cây trồng chủ yếu bằng tách bụi với một phần thân rễ có chồi. Cây ưa khí hậu mát lạnh, ẩm ướt và chịu bóng một phần, nên khi trồng cần có giàn che bớt nắng.

IV.B.153. CÂY THƠM ỔI (Ngũ sắc, Cứt lợn)

Camara commum, yellow sage

***Lantana camara* L. (*L. aculeata* L.; *L. scabrida* Ait.)**

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, Jamaica và các nước châu Mỹ nhiệt đới khác, hiện mọc hoang dại và được gây trồng làm cảnh rộng rãi ở nước ta. Cây mọc khỏe, sống lâu, đâm chồi mạnh, nên được cắt xén làm cây cảnh lùn, tạo dáng đẹp. Cây bụi, thân gỗ. Cành non dài, mềm, có lông và có gai mềm, cong xuống. Lá hình trái xoan, nhọn đầu, gốc hình tim, dày, xanh nhạt, mặt trên phủ lông ngắn, mặt dưới có lông mềm. Cuống ngắn. Cụm hoa dạng tán hình cầu mang nhiều hoa sát nhau. Hoa không có cuống, có cánh hoa dạng ống hẹp màu trắng, vàng cam và đỏ xen lẫn nhau. Quả hạch, vỏ nhẵn hình cầu màu xanh chuyển sang tím đậm (Ảnh 199).

Cây ưa sáng, chịu được khô hạn, đất xấu, phân bố rất rộng từ vùng ven biển lên núi cao, cho hoa nở quanh năm, cây được trồng bằng hạt hay giâm cành, chồi rễ. Do khả năng nảy mầm khỏe nên được chú ý để lai tạo làm cây cảnh. Hiện nay có thể trồng 1 vài chủng có hoa đặc sắc:

IV.B.153.a. *Lantana camara* L. var. *nivea* Bailey.

Cụm hoa gần tròn, hoa vòng ngoài hơi xanh, hoa ở giữa trắng.

IV.B.153.b. *Lantana camara* L. var. *mutabilis* Bailey.

Cụm hoa hình cầu, hoa có màu sắc thay đổi từ trắng sang vàng nhạt, tím hồng và xanh.

IV.B.153.c. *Lantana camara* L. var. *mista* Bailey.

Cụm hoa ở ngoài màu vàng nhạt sau thành màu đỏ gạch, hoa ở trong màu vàng sau thành màu vàng cam.

IV.B.153.d. *Lantana camara* L. var. *crocea* Bailey.

Hoa lúc mới nở màu vàng tươi sau đổi sang màu đỏ vàng nghệ.

IV.B.153.e. *Lantana camara* L. var. *sanguinea* Bailey.

Hoa mới nở màu vàng nghệ sau đổi sang màu đỏ gạch.

Các nhà làm vườn đã đặt tên theo các màu sắc của hoa như : boule de neige (Hoa trắng); Feu follet (Hoa vàng sau hồng); Incendie (Hoa đỏ); Prince soleil (Hoa vàng kim)...

IV.B.154. CÂY THÔNG THIÊN

Yellow oleander, Trumpet - flower

Thevetia peruviana (Pers.) Sch. (*Thevetia nereifolia* Juss.)

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô và các nước Nam châu Mỹ, nay được gây trồng phổ biến ở khắp nước ta, làm cây cảnh trong công viên hay hãm nhỏ làm cây cảnh lùn trong chậu.

Cây gỗ nhỏ cao 2 - 4 m, có nhựa mủ trắng, phân cành nhánh nhiều, thấp nên tán rộng và thưa. Lá hẹp hình giải ngắn, màu xanh đậm bóng, nổi rõ một gân giữa, đầu lá nhọn, gốc thuôn thành cuống ngắn. Cụm hoa ở nách lá có ít hoa (thường nở từng chiếc một). Hoa lớn và dài màu vàng tươi. Cuống hoa mềm, thường đưa hoa cong ra ngoài và cánh tràng lớn, mềm xếp vặn đều đặn, loe ở đỉnh. Quả hai đại dính sát nhau thành hình cầu có cạnh. (Ảnh 200)

Cây rất được ưa chuộng vì dáng cây đẹp, hoa nở gần như quanh năm lại có hương thơm. Cây trồng bằng hạt hay giâm cành, mọc khỏe, chịu được khô, nắng, cho hoa nở quanh năm làm cây phong cảnh, cây hàng rào được.

IV.B.155. CÂY THỰC ĐỊA GỖ

Guacima

Guazuma ulmifolia Lam.

Họ Trôm (Sterculiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Mêhicô). Cây gỗ trung bình, phân cành nhánh nhiều, ngắn, lúc non có lông mịn. Lá hình bầu dục hay thuôn hình giáo, đầu nhọn, gốc hình tim, có lông mịn, ráp. Cụm hoa ngắn ở nách lá, hoa nhỏ màu trắng, hay vàng đậm với phần phụ thẳng đứng màu nâu. Quả hình cầu.

Cây có dáng đẹp, trông làm cảnh, thường hãm và xén tỉa làm cây cảnh lùn ở chậu.

Có 1 chủng thường được trồng vì mặt lá có lông mềm :

IV.B.155.a. *Guazuma ulmifolia* Lam. var. *tomentosa* H. Schum.

IV.B.156. CÂY TRÀ MI

Camellia

Camellia japonica Nois.

Họ Chè (Theaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, Trung Quốc, nay được gây trồng rộng rãi ở các nước châu Âu. Ở Việt Nam đã nhập trồng làm cảnh ở châu, chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc và ngày nay đã ghép lai nhiều dạng hoa có màu sắc đẹp. Cây gỗ nhỏ, dạng bụi, cành nhánh nhiều, dài, xum xuê. Lá mọc cách, nhẵn bóng, màu xanh đậm, mép có răng nhỏ. Hoa đơn độc hay 2 - 3 chiếc ở đầu cành. Cánh hoa chuyển tiếp từ cánh dài đến cánh tràng, mềm, xếp sát nhau, từ màu trắng, vàng, hồng đến đỏ. Nhị rất nhiều. Hoa nở vào dịp đầu xuân, có hương thơm. Cây trồng chủ yếu bằng chiết cành (ngày nay đã nuôi cấy mô) đôi khi giâm hom. Cây mọc chậm, đòi hỏi khí hậu mát ẩm, đất tốt, chăm sóc kỹ.



H.169. Trà mi - *Camellia japonica* Nois. var. *flore pleno* Hort.

Chúng có hoa đẹp hơn cả là :

IV.B.156.a. *Camellia japonica* Nois. var. *flore - pleno* Hort.

Cánh hoa kép nhiều lớp xếp xoắn ốc. (Hình 169).

IV.B.157. CÂY TRÀM BÔNG ĐỎ (Liễu đỏ, Kiều nhụy)

Bottle - Brush.

Callistemon citrinus (Curtis) Skeels.

(*Callistemon lanceolatus* Sweet;

Metrosideros lophanta Vent.)

Họ Sirí (Myrtaceae)

Cây có nguồn gốc từ Australia, được gây trồng rộng rãi ở các

nước nhiệt đới làm cảnh do cụm hoa đặc sắc. Cây gỗ nhỏ cao 2 - 4 m, phân cành nhiều, dài, rủ xuống như liễu. Lá hình giáo thuôn đều cả hai đầu, có 3 gân, lúc non có lông, và màu đỏ nhạt. Cụm hoa bông dài, xếp sát nhau dày đặc với chỉ nhị màu đỏ, nổi trên cánh hoa. Quả nang hình chuông, nhỏ. (Ảnh 201)

Cây rất thích hợp trồng ở vườn rộng, nơi công viên, bờ nước, vì hoa đẹp, nở quanh năm. Đối với khu đất hẹp có thể chọn chủng :

IV.B.157.a. *Callistemon lanceolatus* Sweet. var. *semperflorens* Hort.

Cây thấp lùn nhưng tán rộng cho hoa dày đặc, cụm hoa nhiều.

IV.B.158. CÂY TRANG TÂY

Kopsia fruticosa AD.

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (từ Ấn Độ qua Malaixia đến Philippin). Cây bụi xanh quanh năm, cao 1- 3 m, phân cành nhánh nhiều, nhẵn. Lá hình trái xoan, thuôn hình giáo, đầu có mũi nhọn, gân khá rõ, màu xanh bóng, nhẵn. Cụm hoa dạng tán nhiều hoa, mọc ra ở đầu cành. Hoa màu hồng tím với cánh tràng hợp thành ống dài hẹp, trên chia 5 thùy thuôn tròn, xếp chồng lên nhau, khi chín xòe rộng. Quả mập, chứa 2 hạt trong 2 đại.

Hoa nở quanh năm rất đẹp, được gây trồng rất rộng rãi trong vườn hay ở bồn hoa (miền Bắc, hoa nở vào mùa thu).

IV.B.159. CÂY TRANG NGUYÊN

Easter flower; Christmas flower, Mexican flame leaf.

Euphorbe très élégante

Poinsettia pulcherrima (Willd.) Grah.

(*Euphorbia pulcherrima* Willd.)

Họ Thàu dầu (Euphorbiaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mêhicô. Cây gỗ nhỏ cao trên 1 m, phân cành nhánh nhiều, dài, mềm, có nhựa mủ trắng. Lá ở thân dạng bầu dục thuôn dài, chia thùy hay có răng rộng, cuống mập, màu xanh đậm, bóng, gân nổi rõ. Lá bao quanh cụm hoa có màu đỏ chói (hoàn toàn đỏ hay chỉ đỏ 1 phần lớn phía gốc, phần đỉnh vẫn màu

xanh). Chén hoa màu xanh nhạt, có một tuyến lớn màu vàng. Quả nang tròn. (Ảnh 202)

Cây dễ trồng bằng giâm cành, mọc khỏe phân cành nhánh nhiều và chịu được nắng và hạn. Hoa nở quanh năm, các lá có màu rất bền, thường rất ưa chuộng trồng ở nơi công viên rộng và cắt cành để cắm ở chậu xen với các hoa khác. Ở nước ngoài, đây là 1 cây rất phổ biến trong mùa Giáng sinh ở châu Mỹ, và châu Âu vì mùa đông rét, ít có cây màu sắc đẹp, rực rỡ như cây Trạng nguyên.

IV.B.160. CÂY TRÚC ĐÀO (Trước đào)

Rose Bay, Oleander, Laurier rose d'Europe

Nerium oleander Linn. (*N. lauriforme* Lam.)

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng Địa trung hải, được gây trồng làm cảnh ở khắp châu Âu và châu Á. Ở Việt Nam, cây được gây trồng ở đình chùa, nơi công viên, vườn rộng. Cây gỗ nhỏ, cao 3 - 5 m, có nhựa trắng, cành dài mềm. Lá mọc vòng 3 chiếc, hình mác, dai, cứng, mặt trên xanh thẫm, mặt dưới nhạt, gân bên mảnh song song, nổi rõ. Cụm hoa dạng xim ở đầu cành, mang nhiều hoa xếp thưa cánh xoắn lúc non, xòe rộng khi nở, màu hồng hay trắng, không thơm. Quả đại 2, dài 15 - 20 cm, nhiều hạt có mào lông.

Cây có dạng thân tán lá và hoa rất hấp dẫn, nở gần quanh năm. Hiện nay các nhà vườn trên thế giới tạo ra rất nhiều chủng :

IV.B.160.a. *Nerium oleander* L. var. *album* Hort.

Hoa màu trắng.

IV.B.160.b. *Nerium oleander* L. var. *album - plenum* Hort.

Hoa màu trắng, cánh kép.

IV.B.160.c. *Nerium oleander* L. var. *atropurpureum* Hort.

Hoa màu đỏ thẫm

IV.B.160.d. *Nerium oleander* L. var. *aurantiacum* Hort.

Hoa màu vàng cam đậm ở họng.

IV.B.160.e. *Nerium oleander* L. var. *formosum* Hort.

Hoa có màu hồng, gốc rất nhạt.

IV.B.160.g. *Nerium oleander* L. var. *luteum* Hort.

Hoa màu vàng.

IV.B.160.h. *Nerium oleander* L. var. *splendens* Hort.

Hoa màu đỏ có vạch trắng, thơm.

IV.B.161. CÂY TRÚC ĐÀO KÉP

Sweet - scented oleander, Laurier - rose d'asie

***Nerium odorum* Soland. (*N. indicum* Mill.)**

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ba Tư hay Nhật Bản, được gây trồng phổ biến hơn cả ở nước ta. Cây gỗ cao 3 - 5 m, phân cành nhánh nhiều thẳng, tròn hay có cạnh, có nhựa trắng. Lá mọc vòng 3 chiếc, dạng thuôn hẹp hình giải, gân phụ song song, mép gấp xuống. Cụm hoa dạng chùy dày ở đỉnh. Hoa có cánh tràng hợp thành ống, trên loe rộng, họng có 5 - 10 vảy, màu hồng hay trắng rất thơm. Quả đại 2, hạt có mào lông. (Ảnh 203)

Cây cho hoa đẹp, thơm nở quanh năm, rất thích hợp nơi vườn hoa, bãi cỏ rộng, gần các công trình kiến trúc.

Cây trồng chủ yếu bằng giâm cành. Cây mọc khỏe, chịu được đất xấu, nẩy chồi mạnh. Các nhà vườn cũng tạo ra các chủng có hoa từ màu trắng, vàng cam, hồng đỏ, và đỏ có vạch trắng như cây Trúc đào đơn.

IV.B.162. CÂY TÚ CẦU (Bát tiên, Hoa đĩa)

Hydrangea, Hortensia

***Hydrangea opuloides* K. Kochia**

(*H. hortensia* DC.; *H. japonica* Hort., *H. macrophylla* Ser.)

Họ Tú cầu (Hydrangeaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản, được gây trồng làm cảnh rất rộng rãi ở vùng núi cao Nam Trung Bộ nước ta (Lâm Đồng - Đà Lạt). Cây gỗ nhỏ, mọc thành bụi hay xén tia cho có dáng tròn, cao khoảng 1 m, nhẵn. Lá mọc đối, dạng bầu dục rộng, đầu có mũi, mép có răng. Cụm hoa dạng tán dày đặc và lớn, gần tròn, màu trắng, hồng, tím hay pha xanh bao gồm cả hoa hữu thụ và bất thụ. Màu sắc cụm hoa là do hoa bất thụ ở xung quanh có cánh dài lớn xòe rộng. (Ảnh 204)

Cây cho hoa đẹp, lớn, sắc sỡ và khá bền, rất thích hợp trồng ở chậu và bồn hoa, làm cây trang trí trong vườn hay nơi công viên rộng. Hiện nay các nhà vườn đã gây trồng rất nhiều chủng khác nhau để làm cảnh. Sau đây là một vài chủng đặc sắc :

IV.B.162.a. *Hydrangea opuloides* Koch. var. *acuminata* Dipp.

Lá bầu dục thuôn, nhọn. Cánh đài hoa bất thụ hình trái xoan, nguyên, màu xanh.

IV.B.162.b. *Hydrangea opuloides* Koch. var. *belzonii* Schneid.

Cây lùn, lá bầu dục ngược, dày. Cánh đài hoa bất thụ nguyên, gần tròn, màu trắng nhạt, tím nhạt, xanh nhạt.

IV.B.162.c. *Hydrangea opuloides* Koch. var. *japonica* Schneid.

Lá trái xoan hay bầu dục nhọn. Cánh đài hình bầu dục rộng, khía răng, màu tím.

IV.B.162.d. *Hydrangea opuloides* Koch. var. *cyanoclada* Dipp.

Cành nhánh màu tím, đen. Lá trái xoan, bầu dục. Cụm hoa lớn. Cánh đài màu tím hồng hay xanh nhạt.

IV.B.162.e. *Hydrangea opuloides* Koch. var. *fimbriata* Dipp.

Cụm hoa dày, hoa hoàn toàn bất thụ, cánh đài có tua viền, màu trắng, tím ở gốc.

IV.B.162.g. *Hydrangea opuloides* Koch. var. *rubro-plena* Dipp.

Cụm hoa dày, hoa hoàn toàn bất thụ. Cánh đài chuyển màu từ tím nhạt đến đỏ.

IV.B.162.h. *Hydrangea opuloides* Koch. var. *variegata* Hort.

Lá có mép trắng.

IV.B.162.i. *Hydrangea opuloides* Koch. var. *tricolor* Hort.

Lá có mép vàng và trắng.

IV.B.162.k. *Hydrangea opuloides* Koch. var. *roseo-marginata* Hort.

Lá có mép tím và đốm trắng ở giữa.

IV.B.163. CÂY TỬ TIÊU (Lan tiêu, Hàm tiêu)

Michelia figo (Lour.) Spreng

Họ Ngọc lan (Magnoliaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, được gây trồng từ rất lâu đời ở các tỉnh miền Bắc nước ta làm cây cảnh ở chậu bầy trong vườn hay nơi đình chùa. Cây gỗ nhỏ dạng bụi, cành nhánh màu xanh bóng đậm, mặt dưới có lông thưa (nhất là lá non). Hoa khá lớn đường kính 4 - 5 cm, mọc đơn độc ở nách lá, gồm nhiều cánh hoa màu xanh vàng nhạt điểm các đốm màu nâu tía, rất thơm. Rất hiếm gặp quả (Ảnh 205).

Cây ưa khí hậu mát ẩm, đất tốt, chăm sóc kỹ, nhân giống chủ yếu bằng chiết hay giâm cành. Chọn cành bánh tẻ rồi chiết, bó kỹ giữ đủ ẩm. Sau 1 năm, khi rễ đủ dài mới cắt cành chiết đem trồng riêng ở chậu.

IV.B.164. CÂY TƯỜNG VI (Tử vi tàu, Bá tử kinh)

Rose of India, crape Myrtle

Lagerstroemia indica Linn. (*L. chinensis* Lam.)

Họ Tử vi (Lythraceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, nhưng được trồng làm cảnh rất rộng rãi ở Ấn Độ và nhiều nước nhiệt đới khác. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều, cành non có 4 cạnh, nhẵn, màu nâu trắng. Lá mọc gần đối, hình trái xoan ngược thuôn, gần như không có cuống, màu xanh pha tím, mép nguyên, răn reo. Cụm hoa hình chùy ở đầu cành. Nụ hoa hình cầu. Hoa lớn trung bình màu tím hay tím hồng, đôi khi gần trắng với cánh hoa có móng dài, phiến mảnh nhẵn nhéo. Nhị nhiều. Quả nang hình cầu, ngoài có cánh đài bao bọc. Hạt có cánh (Ảnh 206).

Cây dễ trồng, ưa khí hậu mát ẩm (chủ yếu trồng ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung nước ta). Cây được trồng bằng hạt. Ươm gieo như các cây thân gỗ khác, nhưng cũng có thể nhân giống bằng giâm cành. Cây ra hoa sau 2 - 3 năm, và hoa nở tập trung vào mùa hè - thu.

Lagers. indica. var. latifolia Kochne. Lá rộng

Lagers. indica. var. angustifolia Kochne. Lá hẹp

IV.B.165. CÂY VÀNG ANH

Saraca indica Linn.

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây có nguồn gốc ở Ấn Độ, Malaixia. Cây gỗ nhỏ cao 5 - 10 m, cành nhánh nhiều làm thành tán dày, gần tròn. Lá kép lông chim chẵn với 6 - 12 lá phụ thuần hình giáo, nguyên, mềm màu xanh bóng. Lá non thường hơi tím, xếp lại và buông thõng xuống. Cụm hoa chùy dày đặc dạng cầu có cuống chung mập. Hoa màu vàng tươi ken chặt nhau, để lộ các nhị dục dài thò ra ngoài, thơm. Quả đậu, dẹt, hóa gỗ, mở 2 mảnh xoắn lại, có 4 - 8 hạt (Ảnh 207).

Cây làm cảnh đẹp vì chùm hoa lớn, nở rộ sắc sỡ, rất thích hợp trồng ở vườn rộng, nơi công viên hay dọc lối đi.

Ở các tỉnh phía Bắc còn trồng 1 loài khác khá giống loài trên.

IV.B.165.a. *Saraca dives* Pierre

Cây có lá phụ khá lớn. Cụm hoa thưa hơn, dạng ngù, hoa màu vàng.

IV.B.166. CÂY VẤP

Ironwood, *Mesua*, Bois d'Anis

Mesua ferrea L.

Họ Bứa (Clusiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới: Srilanka, Ấn Độ, Malaixia. Ở Việt nam cây mọc dại ở rừng miền Nam nước ta, nhưng cũng được gây trồng làm cây phong cảnh nơi đền chùa trong cả nước, vì cây đẹp, gỗ tốt, cho hoa lớn đặc sắc có hương thơm (Hình 170).



H.170. Vấp - *Mesua ferrea* L.

IV.B.167. CÂY VÒNG NEM

Coral tree

Erythrina orientalis (L.) Merr. (*E. variegata* L.; *E. picta* L.; *E. carnea* Blanco, *E. indica* Lamk.)

Họ Đậu (Fabaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Polynêsi, nhưng mọc hoang dại rải rác ở các tỉnh miền Nam nước ta. Hiện nay cây được gây trồng khắp cả nước làm cây cảnh, cây hàng rào. Cây gỗ trung bình, có gai ngắn, vỏ non màu xanh sau chuyển sang màu nâu dày, xốp. Cành nhỏ thẳng, khẳng khiu mang lá tập trung ở gần đỉnh. Lá có 3 lá phụ dạng bầu dục gần tròn hay hình tam giác lệch, lá phụ cuối cùng lớn hơn cả, màu lục bóng, nhẵn, rụng vào mùa mưa. Cụm hoa dạng chùm dày mang nhiều hoa màu đỏ chói sẫm nhau. Hoa lớn, dài 3 cm, lúc non cong dạng liềm với cánh tràng lớn có 1 cánh cờ dạng trái xoan thuôn rộng, cuộn lại. Nhị hợp lại thành bó dài. Quả dài 25 cm màu đen, nhẵn, thắt lại ở hạt. Hạt 5 - 8, hình thận, đỏ hay nâu (Ảnh 208).

Hoa nở rộ vào lúc lá rụng nên cây trơ cành nhánh vừa có màu đỏ làm cây phong cảnh nơi bồn rộng, bãi cỏ hay ven đường rất thích hợp. Có vài chủng làm cảnh, đặc sắc là :

IV.B.167.a. *Erythrina orientalis* Merr. var. *picta* Hort.

Cây có lá vằn, vạch.

IV.B.167.b. *Erythrina orientalis* Merr. var. *parcellii* Hort.

Cây có màu vàng, hoa màu đỏ nâu.

IV.B.167.c. *Erythrina orientalis* Merr. var. *alba* Hort.

Cây có hoa trắng.



H.171. Bí dặc - *Kigelia pinnata* DC.

V. NHÓM CÂY CÓ QUẢ LÀM CẢNH

V.1. CÂY BÍ ĐẶC (Xúc xích)

Fetish - tree, Sausage - tree

Kigelia africana (Lam.) Benth. (*Kigelia pinnata* Jacq. DC.)

Họ Đinh (Bignoniaceae)

Cây có nguồn gốc từ Mozambic (châu Phi) được gây trồng lấy bóng mát và làm cảnh do có dáng quả đặc sắc. Ở Việt Nam, có gây trồng ở vườn Bách Thảo - Hà Nội.

Cây gỗ lớn, cao 10 - 20 m, cành nhánh nhiều, tán dày màu xanh đậm. Lá kép lông chim 3 lần, mọc đối, có 7 - 9 lá nhỏ dạng thuôn trái xoan hay bầu dục, màu xanh bóng, mép nguyên, nhẵn ở mặt trên, hơi có lông ở mặt dưới. Cụm hoa ở đỉnh cành, mang ít hoa, lớn, màu tối. Hoa có cánh tràng làm thành hình phễu lớn, trên chia 2 môi màu đỏ vàng. Quả thịt, thuôn dài, tròn ở đỉnh và gốc, nguyên hay hơi thắt đốt, buồng thông trong không khí với cuống quả dài treo lơ lửng. Vỏ quả màu nâu, tồn tại bền trên cây. Hạt lớn, xếp nối tiếp nhau. (Hình 171)

Cây có dáng đẹp làm cây phong cảnh đặc sắc, nhất là khi có quả.

V.2. CÂY BUỒI

Shaddock, Pumelo, Grapefruit; Pamp - le - mousse

Citrus grandis (L.) Osbeck

V.3. CÂY CAM

Orange tree, Oranger

Citrus sinensis (L.) Osbeck.

V.4. CÂY THANH YÊN

Citron

Citrus medica L.

Họ Cam (Rutaceae)

Là những cây trồng lấy quả, nhưng vào dịp tết Nguyên đán những năm gần đây cũng được chiết cành bán làm cây cảnh.

V.5. CÂY CÀ CÀNH (Cà đỏ)

Chinese scarlet, egg plant, ornamental egg plant,
Ethiopian egg plant

Solanum integrifolium Poir.

(*S. coccineum* Hort.; *S. lobelii* Tenore)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Phi, đã được gây trồng rộng rãi từ lâu đời ở các nước nhiệt đới khác. Cây thân cỏ mọc thành bụi nhỏ, sống hàng năm, cao 0 - 60 cm, cành nhánh nhiều, có lông và có gai mập, nhọn. Lá đơn, mọc cách, phiến hình trái xoan rộng, gốc gần tròn, đầu thuôn, chia thùy tròn dạng lông chim và có răng thưa, màu xanh xám có gai nhọn trên gân giữa và trên cuống, cuống dài. Cụm hoa ngắn, ít hoa mọc ra từ nách lá. Hoa nhỏ màu trắng. Quả gần hình cầu có múi tròn, thưa không rõ gốc, dẹt, màu đỏ tươi hay vàng, khá hấp dẫn. (Hình 172)



H.172. Cà cành - *Solanum integrifolium* Poir.

Cây trồng làm cảnh chủ yếu bằng màu sắc của quả.

V.6. CÂY CÀ CÀNH MỸ

Slender vine, Morelle de Seaforth.

Solanum seaforthianum Andr.

(*S. kerrii* Bon., *S. azureum* Hort.; *S. venustum* Kunth.)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, được trồng làm cảnh ở nhiều nước nhiệt đới. Cây bụi leo hay sống dựa, nhẵn, thân tròn, dài đến hàng thước, gốc hóa gỗ, cành nhánh mềm. Lá mọc dày đặc, có cuống dài và chia thùy dạng kép lông chim (thường có 3 lá nhỏ), lá nhỏ không đều, nguyên hay chia thùy, hình giáo hay bầu dục dài.

Cụm hoa ở đầu cành dạng chùy dài cong xuống có nhiều hoa. Hoa lớn màu tím nhạt hay xanh gốc có họng trắng với cánh tràng thành ống hẹp trên có 5 thùy lớn, dài, lật ra phía sau. Nhị 5, lớn màu vàng tươi, chụm lại ở đỉnh. Quả mọng, tròn, lớn, nhẵn màu vàng cam và đỏ tươi.

Cây trồng dễ dàng bằng hạt, làm giàn leo thưa để uốn cành theo các dạng khác nhau. Quả chín nổi bật trên đám lá xanh. Cây làm cảnh bằng quả vào dịp đầu xuân.

Có thể chọn 1 chủng.

V.6.a. *Solanum seaforthianum* Andr. var. *album* Hort.

Hoa màu trắng.

V.7. CÂY CÀ CHUA CẢNH (Cà kiu trứng)

Pear, Plum tomato

Lycopersicum esculentum (Linn.) Mill. var. *pyriforme* Alef.

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ, được gây trồng rộng rãi trên toàn thế giới để lấy quả. Nhưng do quả có dáng đẹp, màu đỏ tươi nên cũng được làm cảnh vào dịp tết Nguyên đán.

Cây thân cỏ phân cành nhiều, có lông trắng thưa, thẳng. Lá phân thành dạng kép không đều, màu trắng xanh, có lông thưa. Cụm hoa dạng tán thưa, mọc ra ở nách lá. Quả mọng thuôn tròn dài, dạng trứng, màu đỏ tươi, nhẵn bóng, nhiều hạt. (Ảnh 209)

Cành nhánh dài có thể uốn thành dạng hình cầu hay làm giàn nhỏ để quả mọc tập trung đỏ rực trên đám lá xanh.

V.8. CÂY CÀ KIU CẢNH (Tô mách chim)

Cherry tomato

Lycopersicum esculentum (Linn.) Mill. var. *cerasiforme* Hort. (*L. cerasiforme* Dunal)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ và châu Á nhiệt đới. Cây thân cỏ mềm, phân cành nhánh nhiều mang nhiều lá, cong rủ xuống hay

sống dựa, có lông trắng. Lá mọc cách, lớn dạng kéo lông chim với các lá nhỏ không đều nhau, lớn nhỏ xen kẽ, mềm, màu xanh nhạt. Cụm hoa dạng chùm, dài 4 - 8 cm, mang hoa thưa màu tím nhạt. Quả mọng, tròn hình cầu màu đỏ tươi hay đỏ cam, lớn 1 - 2 cm, có 2 ô, nhiều hạt.

V.9. CÂY CÀ ỚT

Jerusalem cherry, Cerisier de jerusalem, Cerisier d'amour;
Oranger des savetiers

Solanum pseudo - capsicum Linn.

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước ở cực lục địa nay phân bố rất rộng rãi ở các vùng nhiệt đới và á nhiệt đới cả hai bán cầu. Cây mọc thành bụi thưa, phân cành nhỏ, cao 30 - 80 cm, cành tròn, nhẵn, mọc thẳng. Lá hình giáo hẹp, thuôn tròn ở đỉnh, hẹp dần ở gốc thành cánh trên cuống, mép nguyên, hơi gợn sóng, mặt trên màu xanh bóng. Hoa đơn độc hay 3 chiếc hợp thành tán nhỏ, đối diện với lá. Hoa nhỏ bé, màu trắng hay xanh nhạt, với cánh tràng hợp thành ống ngắn, chia 5 thùy dài, thuôn, xòe rộng ra. Nhị 5, chụm lại ở bao phấn thành ống nhọn. Quả tròn, nhẵn, màu vàng cam hay đỏ tươi, gốc có đài còn lại và quả rất bền trên cây. Hạt có cánh. (Hình 173)



H.173. Cà ớt - *Solanum pseudo capsicum* L.

Cây dễ mọc, dễ chăm sóc. Cây được trồng chủ yếu bằng hạt, nơi khí hậu mát, ẩm. Nếu trồng ở chậu nhỏ, làm cây cảnh lùn bày trong nhà vào dịp đầu xuân có thể chọn chủng :

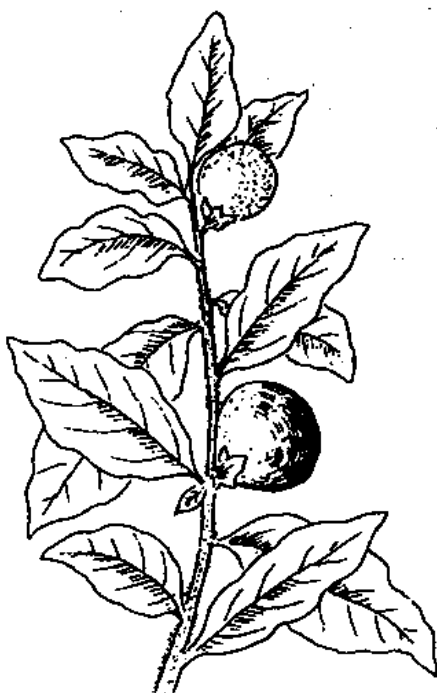
V.9.a. *Solanum pseudo - capsicum* L. var. *nanum* Hort.

V.10. CÂY CÀ ỚT LÔNG

Solanum capsicastrum Link.

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil và Uruguay, được trồng làm cảnh bằng quả ở nhiều nước nhiệt đới. Cây bụi nhỏ, thân cỏ. như cây cà ớt, nhưng chỉ cao 30 - 50 cm, thân, cành và chồi có lông hình sao. Lá đơn, dạng bầu dục thuôn dài, gốc kéo dài theo cuống, tù ở đỉnh, mép nguyên và răn reo, mặt trên lá màu xanh bóng, đôi khi có lông, mặt dưới màu nhạt hơn. Hoa mọc thành tán nhỏ, mang 1 - 3 hoa. Hoa nhỏ màu trắng. Quả tròn, đường kính 1 - 2 cm, màu đỏ cam hay đỏ tươi, mau rụng (Hình 174)



H.174. Cà ớt lông - *Solanum capsicastrum* Link.

Để làm cảnh, có thể chọn các chủng :

V.10.a. *Solanum*

capsicastrum Link. var. *melvinii* Hort.

Cây mọc rậm rạp hơn, quả dạng bầu dục.

V.10.b. *Solanum capsicastrum* Link. var. *variegatum* Hort.

Lá có vân trắng.

V.11. CÂY CÀ VÚ

Solanum mammosum Linn.

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Trung châu Mỹ, gây trồng làm cảnh vì có dạng quả đẹp, mặc dù có chất độc. Cây thân cỏ, cứng, mọc thẳng, phân cành nhánh dài có lông và có gai. Cây cao 1 - 2 m,

lá hình bầu dục rộng, tròn hay tù ở gốc, đầu thuôn hẹp, mép chia thùy và có răng không đều, mặt lá có lông mịn và gai thưa, nhọn, thẳng đứng. Cuống lá dài, cứng, có lông. Cụm hoa ngắn có 1 - 6 hoa ở nách lá. Hoa trắng, hẹp, có lông và cánh tràng hợp ngắn ở gốc, trên chia thùy dài, hẹp, uốn cong ra. Quả mập lớn, buồng rủ xuống, dài 4 - 10 cm, màu vàng, nhẵn bóng, thuôn dài và tròn ở đỉnh, phình rộng ở gốc và nổi lên nhiều u tròn ở gần cuống (Ảnh 210)

Cây cho quả chín vào đầu xuân, nên được trồng làm cảnh ở các chầu. Cây trồng chủ yếu bằng hạt.



H.175. Cơm cháy thơm -
Sambucus canadensis L.

V.12. CÂY CƠM CHÁY

Elder, Sureau

Sambucus simpsonii Rehder (*S. eberhardtii* Dang.)

Họ Cơm cháy (Caprifoliaceae)

Cây mọc hoang dại từ Bắc vào vùng núi cao Nam Trung Bộ nước ta, nơi ẩm mát và nhiều nắng. Hoa nở quanh năm.

Để trồng làm cảnh, ở vùng núi cao Nam Trung Bộ thường trồng 1 loài khác là :

V.12A. CÂY CƠM CHÁY THƠM (Cơm cháy mỹ)

American or Sweet elder

Sambucus canadensis Linn.

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, cho cụm hoa lớn, che kín cả đầu cành. Hoa nhỏ thơm và quả chín rất lâu rụng. Cây trồng nơi hàng rào, bờ tường, ven lối đi vừa làm cảnh bằng quả, vừa cho hoa nở quanh năm (Hình 175). Cây trồng chủ yếu bằng giâm cành.

V.13. CÂY ĐA ĐA

Krassang

Feroniella oblata Swingle

Họ Cam (Rutaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Đông Dương (Campuchia, Nam Việt Nam). Cây gỗ nhỏ, có gai. Lá kép lông chim lẻ, với 3 - 4 đôi lá phụ có lông tơ trắng, cuống rất ngắn. Cụm hoa dạng chùy mang rất nhiều hoa. Hoa trắng, rất thơm với 4 - 5 cánh hoa, nhiều nhị đực. Hoa nở rộ, khá đẹp và hấp dẫn. Quả hình cầu dẹt (Hình 176)

Cây trồng làm cảnh do hoa thơm, nhưng cũng làm cảnh bằng quả.



H.176. Đa đa - *Feroniella oblata* Swingle

V.14. CÂY ĐA ĐA BÓNG (Cần thăng)

Kavista Batu

Feroniella lucida (Scheff.) Swingle

(*Feronia lucida* Scheff.)

Họ Cam (Rutaceae)

Cây gỗ nhỏ cao đến 25 m, có gai, cành có lông, lớn xanh bóng. Lá kép lông chim với 3 - 6 đôi lá phụ. Cụm hoa ở nách lá. Hoa màu xanh lúc non sau trắng nhạt, thơm. Quả hình cầu dẹt màu vàng nâu, vỏ dày, ăn được.

Cây dễ trồng làm Bonsai đẹp, dễ uốn cắt, tỉa.

V.15. CÂY ĐÀO TIÊN

Calabash tree, Calabassier

Crescentia cujete Linn.

Họ Đinh (Bignoniaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, được gây trồng khá phổ biến làm cây cảnh ở vườn, trong công viên, nơi đình chùa ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây gỗ nhỏ, nhẵn, lá mọc chụm đầu cành,

dạng thuôn hình giảo, gốc kéo dài ở cuống, đầu lá rộng, màu xanh đậm, bóng cứng, tán lá dày tối. Hoa mọc đơn độc ở đầu cành hay kẽ lá, buồng thông xuống, với cánh tràng màu xám, gốc màu đỏ tía, điểm các mụn nhỏ (Hình 177) hợp thành ống loe ở đỉnh trên chia 2 môi. Quả lớn hình cầu đường kính đến 20 cm, vỏ cứng, bón, nhiều hạt. Cây có quả đẹp, lâu héo nên làm cảnh hay bày mâm ngũ quả. Quả sau khi hái để lâu cả vài năm, chỉ đổi màu sang nâu bóng và khô.



H.177. Đào tiên –
Crescentia cujete L.

V.16. CÂY HẢI CHÂU

Scolopia buxifolia Gagnep.

Họ Mùng quân (Flacourtiaceae)

Cây mọc tự nhiên trong rừng khô, thưa ven biển miền Trung nước ta. Cây thân gỗ dạng bụi cao 2 - 6 m, có gai. Cành nhiều, khẳng khiu. Lá dày dạng trái xoan ngược, màu xanh bóng, lúc non màu hồng tím nhạt. Cụm hoa nhỏ, hoa màu trắng vàng. Quả hình cầu, màu đỏ, bền, rất đẹp.

Cây trồng ở chậu làm Bonsai cho quả hấp dẫn.

V.17. CÂY KHẾ

Carambola, Carambolier, Pommier de Goa

Averrhoa carambola Linn.

Họ Chua me đất (Oxalidaceae)

Cây trồng chủ yếu lấy quả, nhưng quả đẹp mọc ngay ra trên cành già và rất sai, nên các nhà vườn đã hãm làm cây uốn thế trồng ở chậu, cây nhỏ, thấp nhưng trĩu quả lớn.

Để làm cảnh, cây Bonsai, các nhà vườn thường sử dụng 1 loài khác là :

Cây khế tàu. Cucumber tree, Bilimbi.

Cây có nguồn gốc từ Malaysia đến Indonesia.

V.18. CÂY KHỦ KHỞI (Kỷ tử, Câu khởi)

Box - thorn, Matrimony - vine

Lycium chinensis Mill.

Họ Cà (Solanaceae)

Cây bụi nhỏ, cành rất dài mềm, mọc cong xuống, màu xám vàng đôi khi có gai ngắn mọc ở kẽ lá. Lá mọc cách gần như vòng, màu xanh bóng, hình thoi - trái xoan, mép nguyên. Hoa nhỏ mọc ra từ kẽ lá, màu tím đỏ. Quả hình trứng thuôn tròn, màu đỏ sẫm hay đỏ cam, bóng, nhẵn, hạt nhiều, dẹt (Ảnh 211).

Hoa nở vào mùa thu (tháng 8 - 9) và quả chín vào mùa đông (tháng 10 - 11), nhưng các nhà vườn đều ép để cây sai quả vào mùa xuân, làm cây cảnh ở chậu bày dịp tết. Quả rất lâu rụng.

Cây trồng bằng hạt hay giâm cành. Gieo hạt vào mùa hạ. Sau 1 tuần, hạt nẩy mầm, đem bứng trồng ở chậu hay ở vườn. Cây trồng 2 - 3 năm, xén tỉa uốn làm cây cảnh cho quả chín trong nhiều năm.

Có thể trồng các chủng đặc sắc là :

V.18.a. *Lycium chinense* Mill. var. *ovatum* Schneid.

Cây có quả lớn hơn, rất tù ở đỉnh

V.18.b. *Lycium chinense* Mill. var. *inerme* Schnelle

Cây không có gai.

V.19. CÂY KIM QUẤT (Kim quýt)

Lime - Berry, Kumquat, Lemon china

Triphasia trifolia P. Wilson (*Limonia trifolia* Burm, *T. aurantiola* Lour., *T. trifoliata* DC.)

Họ Cam (Rutaceae)

Cây có nguồn gốc từ Đông Nam châu Á (Mianma, Ấn Độ) được gây trồng làm cảnh ở các bồn, chậu và hãm thành cây cảnh lùn rất đẹp. Cây mọc bụi có gai nhọn hướng lên phía trên. Lá mọc cách, kép 3 lá. Hoa đơn độc hay tập hợp 2 - 3 chiếc ở nách lá, màu trắng, thơm. Cánh hoa dài có lông. Quả tròn bằng đầu ngón tay út, màu đỏ, 1 hạt (Ảnh 212).

Cây mọc khỏe, dễ uốn, tạo dáng. Cây trồng bằng hạt, ươm gieo trong vườn, sau trồng ở chậu để tạo dáng.

V.20. CÂY LU LU CẢNH (Thù lù lông, Lồng đèn)

Cape Gooseberry, Peruvian cherry, Amour en cage, Coqueret de Perou, Alkekeng de Perou, Cerise d'hiver.

Physalis peruviana Linn. (*P. edulis* Sims.)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc ở các nước nhiệt đới châu Mỹ (Pêru) trồng ở nhiều nước làm cảnh hay lấy quả (đôi khi mọc dại ở các tỉnh miền Bắc Việt Nam). Cây thân cỏ cao gần 1 m, phân cành nhánh dài, mềm, gãy khúc, phủ đầy lông. Lá hình tam giác rộng, và gần hay hình tim ở gốc, đầu thuôn nhọn, phiến lá nguyên hay phân thùy nông, không đều, nhiều lông. Hoa đơn độc ở nách lá. Cánh dài hợp hình chuông, xẻ 5 thùy sâu ở đỉnh, hình mũi nhọn. Cánh tràng màu vàng, gốc màu tím, cũng hợp ở gốc hình chuông, trên chia 5 thùy ngắn. Nhị màu tím. Quả mọng, hình cầu màu vàng, nhăn, đường kính 1 - 1,5 cm, cánh dài lớn theo quả và bọc kín ở ngoài. Hạt dẹt màu vàng (Hình 178). Cây trồng chủ yếu bằng hạt, ưa khí hậu mát, ẩm, ít phải chăm sóc, cho quả gần quanh năm, làm cảnh ở chậu rất thích hợp.



H.178. Lu lu cảnh -
Physalis peruviana L.

V.21. CÂY LU LU ĐỎ (Đèn lồng tàu)

Chinese lantern plant, Lanterne chinoise, Coqueret, Amour en cage

Physalis franchetii Mast.

(*P. alkekengi* Linn. var. *franchetii* Hort.)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, gây trồng rộng rãi ở các nước

châu Á và châu Mỹ, nơi có khí hậu mát, ẩm. Cây thân cỏ mọc thành bụi, phân cành dài, mềm, gãy khúc, nhẵn, cao khoảng 1 m, lá mọc cách, hình trái xoan, gốc có cuống ngắn, mép răn reo, chia thùy không rõ. Cụm hoa ngắn, mang ít hoa. Hoa nhỏ, màu trắng, bao phấn màu vàng. Quả tròn, nhẵn bóng, màu đỏ cam, có cánh dài lớn, bọc trùm ra ngoài, như đèn lồng.

Cây có quả đẹp, chín rộ vào mùa xuân nên làm cây cảnh trồng ở chậu rất thích hợp, nhất là bày trong phòng.

V.22. CÂY LỰU

Pomegranate, Grenade, Grenadier commun

***Punica granatum* Linn.**

Họ Lựu (Punicaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ba Tư, Afghanistan đến Ấn Độ. Cây được gây trồng rộng rãi cho cả hoa, quả và ăn được. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh từ gốc thành bụi dày, cành non dài dài, vươn cao, tiết diện vuông, màu trắng hay đỏ. Lá mọc đối, dạng thuôn tù, nguyên, nhẵn, bóng, màu xanh pha tía, cuống đỏ. Hoa đơn độc mọc ra ở nách lá, cuống dài. Cánh dài hợp ở gốc trên chia thùy, dày, màu đỏ tía. Cánh tràng mềm, nhẵn nheo, màu đỏ thắm tươi. Nhị nhiều, gắn trên ống dài. Quả lớn, tròn, vỏ cứng, dày bóng có đài còn lại ở đỉnh, nhiều hạt đỏ, thơm (Hình 179).



H.179. Lựu - *Punica granatum* L.

Cây trồng bằng hạt hay chiết cành. Cây làm cảnh đẹp vì quả tồn tại lâu trên cành, từ màu xanh chuyển sang đỏ nâu, buông thõng xuống. Hoa nở rộ vào mùa hạ còn quả có quanh năm, rất

thích hợp trồng ở chậu lớn.

Hiện nay để trồng làm cảnh, các nhà vườn đã tạo ra vài chủng đặc sắc :

V.22.a. *Punica granatum* L. var. *nana* Hort. (*P. nana* Linn.)
(Dwarf. Pomegranate).

Cây lùn, lá nhỏ, quả đỏ tươi.

V.22.b. *Punica granatum* L. var. *legrellei* Hort.

Hoa có cánh tràng kép, làm cảnh cả hoa lẫn quả.

V.23. CÂY ỚT

Piment à fruit rond, Cayenne pepper

Capsicum annuum Linn. (*C. frutescens* L., *C. baccatum* L.)

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Brazil), được gây trồng rộng rãi ở các nước nhiệt đới làm cây gia vị và do quả đẹp, nở rộ, màu tươi nên cũng làm cảnh. Để làm cảnh bằng quả, có thể trồng các chủng :

V.23.a. *Capsicum annuum* L. var. *conoides* Irish
(*C. conoides* Mill.) (Cone pepper, Tabasco)

Quả hình chùy thẳng đứng cao 2 - 4 cm, màu tím.

V.23.b. *Capsicum annuum* L. var. *fasciculatum* Irish.
(*C. fasciculatum* Sturt.) (Red cluster pepper)

Quả thuôn nhọn ở đỉnh, thẳng đứng, màu đỏ thẫm, bóng. (Ảnh 213)

V.23.c. *Capsicum annuum* L. var. *acuminatum* Fingh.
(*C. chilense* Hort.) (Fing Chilies)

Quả thuôn, rộng ở gốc, dài 7 - 10 cm, cong và buông thõng.

V.23.d. *Capsicum annuum* L. var. *longum* Sendt.
(*C. longum* DC.) (long pepper)

Quả rất dài thuôn, buông thõng xuống, màu vàng.

V.23.e. *Capsicum annuum* L. var. *grossum* Sendt.
(*C. grossum* Linn.) (Bell pepper, Sweet pepper, Poivron)

Quả to, nhăn nheo, màu đỏ hay vàng, thơm, không cay (Ảnh 213)

V.23.g. *Capsicum annuum* L. var. *abbreviatum* Fingh.
(*C. umbilicatum* Vell.; *C. luterum* Lam.)

Quả thuôn bầu dục, răn reo nhiều, màu đỏ hay vàng bóng.

V.23.h. *Capsicum annuum* L. var. *cerasiforme* Irish.
(*C. cerasiforme* Mill.) (Cherry pepper)

Quả tròn, đứng hay buông thông xuống, màu đỏ.

Hiện nay ở miền Nam, các nhà vườn trồng chủng cho quả đẹp vào dịp tết Nguyên đán (*Capsicum annuum* L. var. *Ruby king*) (Ảnh 214).

V.24. CÂY ỚT TÀU

Papaya chili, Tabanero

***Capsicum chinensis* L.**

Họ Cà (Solanaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, Honduras (châu Mỹ). Cây mọc bụi, cao 50 cm, nhiều cành có đốt, gãy khúc. Lá mọc cách, thuôn bầu dục, mép răn reo. Hoa nhỏ ở nách lá. Quả buông rủ xuống, dạng trái lê có mũi tròn màu xanh chuyển sang đỏ tươi khi chín.

Cây đẹp, làm cảnh dịp tết Nguyên Đán.

V.25. CÂY PHẬT THỦ

Foshu Kan, Bushukan, Main de Bouddha, Fingered citron

***Citrus medica* Linn. var. *sarcodactylis* (Sieb.) Swingle.**

Họ Cam (Rutaceae)

Cây có nguồn gốc từ Nhật Bản, Trung Quốc, được gây trồng làm cảnh, lấy quả bày dịp tết. Cây gỗ nhỏ, cao 2 - 5 m, phân cành ít, có gai ngắn. Lá dạng trái xoan tròn, cuống lá dài 4 - 7 cm, tròn. Cụm hoa ít hoa. Hoa có cánh tràng dày màu trắng ở mặt trong, màu hồng tím ở mặt ngoài. Quả màu vàng, thuôn tròn dài, vỏ dày, trên đỉnh có nhiều ngón cong queo, cuộn vào trong. Hạt có mầm trắng. Quả rất thơm (Ảnh 215).

Cây có hoa vào tháng 8 - 10 và cho quả vào dịp Tết Nguyên đán. Cây trồng bằng hạt hay chiết cành. Cành chiết chóng có quả và được trồng ở chậu bày trong nhà. Quả rất lâu héo và đáng đặc sắc. Cây được trồng làm cảnh nhiều ở vườn, nơi đình chùa, khi có quả, cắt bày ở mâm ngũ quả.

V.26. CÂY QUẤT (Tắc, Hạch)

Marumi, Kumquat, Kumquat rond, Clémentine

Citrus microcarpa (Hassk.) Bunge

(*C. japonica* Thunb., *Fortunella japonica* Swingle)

Họ Cam (Rutaceae)

Cây có nguồn gốc từ Trung Quốc, Nhật Bản và được trồng rộng rãi làm cây cảnh đẹp trong dịp tết Nguyên đán ở nhiều nước châu Á. cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều có thể cắt tỉa và uốn ghép thành, tán dày tròn, nhẵn, thường không có gai (hoặc gai nhỏ ngắn mọc đứng). Lá hình trái xoan hay tròn dài, hình nêm ở gốc, thu hẹp ở đỉnh nguyên hay hơi lõm. Cuống lá có cánh rất nhỏ hay gần hình trụ. Hoa mọc đơn độc, màu trắng. Nhị nhiều dính nhau ở gốc và ngắn hơn cánh hoa. Quả hình cầu hay gần hình trứng, màu xanh chuyển vàng cam bóng, vỏ quả dày (Ảnh 216).

Cây cho quả chín rộ, chùm lên che kín tán cây nên làm cảnh đẹp. Cây trồng được chăm sóc cẩn thận vì hãm cây cho quả chín vào đúng dịp tết (thường cho hoa quả quanh năm), bằng cách cắt bớt rễ khi có hoa (đào quất). Để làm cảnh, có thể chọn các chủng :

V.26.a. *Citrus microcarpa* Bunge var. *ragami* Hort.

Quả hơi thuôn dài, màu vàng cam đậm.

V.26.b. *Citrus microcarpa* Bunge var. *newa* Hort.

Quả tròn, màu cam vàng đậm.

V.26.c. *Citrus microcarpa* Bunge var. *marumi* Hort.

Quả tròn, màu cam đậm.

V.27. CÂY ROI ẤN ĐỘ (Trâm sơ ri)

Pitanga, Surinam cherry, Cersier de cayenne

Syzigium michelii (Lamk.) Tranh. nom. nov.

(*Eugenia michelii* Lamk.; *E. uniflora* Bing. - Th.)

Họ Sim (Myrtaceae)

Cây có nguồn gốc từ Brazil, được gây trồng làm cảnh trong chậu và ở vườn, nơi công viên vì có dáng cây và quả đẹp. Cây bụi, cao 4 - 5 m, nhẵn, phân cành dài. Lá dạng trái xoan dài, tù ở gốc gần như không cuống, đầu thuôn nhọn, nhẵn, xanh bóng. Hoa trên cuống dài, mịn, có cánh dài hình chén nhỏ và cánh tràng màu trắng mềm. Nhị nhiều, màu vàng. Quả mọng, hình cầu có 8 múi tròn giống như quả cà chua nhỏ, đường kính 1 - 2 cm.

Cây trồng làm cảnh cả cây khi có quả chín rộ. Cây trồng bằng hạt hay chiết. Cây ưa khí hậu mát, lạnh, ẩm nhưng đủ nắng. Trồng ở chậu tạo dáng thành cây lùn rất đẹp.

V.28. CÂY SƠN THÙ DU NHẬT (Kiba)

Japanese Laurel ,

Aucuba japonica Thunb.

Họ Sơn thù du (Cornaceae)

Cây có nguồn gốc từ Hymalaya đến Nhật Bản. Ở Việt Nam, cây có mọc vùng núi cao Việt Bắc (Lạng Sơn). Cây gỗ nhỏ, nhẵn. Lá mọc đối hay tập trung ở đỉnh dạng bầu dục, mép có răng thưa, to. Cụm hoa thưa ở đỉnh cành. Hoa màu xanh nhạt đơn tính. Quả mọng dạng trái xoan dài 1 - 2 cm, màu đỏ tươi khi chín.

Cây mọc nơi lạnh ẩm, làm cảnh khi có quả chín rộ. Có chủng làm cảnh bằng lá là :

- *Aucuba japonica* var. *variegata* Hort. (Gold dust Tree).

Lá xanh có đốm trắng.

V.29. CÂY SUNG

Ficus racemosa Linn.

Họ Dâu tằm (Moraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, gây trồng để giữ đất ven bờ nước, lấy quả ăn nhưng do mọc khỏe, quả rất sai và bền trên thân và cành già, nên được trồng làm cảnh (nhân dân cho rằng trồng cây này, trong nhà luôn sung túc, đủ ăn). Hiện nay trồng thành cây cảnh lùn, cây uốn thế ở chậu. Cây gỗ nhỏ, nhẵn, thân xù xì, cành mập, vươn dài. Lá hình trái xoan ngược, mỏng, có

nhiều u lồi do sâu làm tổ. Cụm hoa (quả) có cuống ngắn, dạng nón ngược, mọc rất sát nhau, dày đặc trên thân, cành, màu xanh vàng lúc non và đỏ bầm khi già (Ảnh 217).

Cây mọc tự nhiên bằng hạt, có thể gây trồng dễ dàng bằng giâm cành, dễ uốn tỉa và tạo dáng.

V.30. CÂY SỪNG TRÂU

Strophanthus caudatus (Burm. f.) Kurz.

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây mọc ở rừng ẩm nước ta. Thân gỗ mập ở gốc, có khi phình rộng xù xì, nhưng cành dài mềm, sống dựa, vươn cao. Lá mọc đối, thuôn bầu dục, nhẵn, màu xanh bóng. Cụm hoa đầu cành. Hoa lớn dạng ống loe rộng chia 5 thùy ở đỉnh. Đầu thùy kéo dài cong ra, màu đỏ ở đỉnh, nhạt dần ở ống. Quả 2 đại lớn, lâu rụng.

Cây dễ trồng, uốn tỉa ở chậu đẹp.

V.31. CÂY TRAI TÍCH LAN

Fagraea ceilanica Thunb.

Họ Long đởm (Loganiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Srilanka). Cây gỗ nhỏ, lúc nhỏ sống phụ sau mọc thẳng. Lợi dụng đặc điểm này, các nhà vườn khai thác cây con trồng làm cảnh ở các hòn non bộ hay trong chậu, bám gốc cây gỗ khác. Lá thuôn bầu dục, dày mềm, màu xanh bóng. Cụm hoa ở nách lá. Hoa lớn màu vàng nhạt. Quả hình cầu đường kính 2 - 4 cm, Cây trồng cho hoa, quả đẹp.

V.32. CÂY TRÁI NẤM

Aegle marmelos Correa Egle' (*Cratea (marmelos)* Linn.)

Họ Cam (Rutaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, nhưng được gây trồng rộng rãi ở các nước Đông Nam châu Á, làm cây cảnh và cây thuốc. Cây gỗ nhỏ, có gai. cành nhánh nhiều, dài. Lá kép 3 lá phụ, cuống chung có cánh, màu xanh bóng, dễ rụng theo mùa, gốc lá có gai thẳng. Cụm hoa có ít hoa, màu trắng, lớn trung bình. Nhị nhiều, rời nhau. Quả lớn hình cầu thuôn dài, đường kính 5 - 15 cm, màu xanh vàng.

Vỏ quả ngoài cứng, thịt quả dày màu vàng cam. Hạt nhiều.

Cây cho quả có dáng đẹp, làm cảnh rất thích hợp ở vườn hay nơi đất rộng công viên. Cây trồng bằng chiết cành.

V.33. CÂY TRỌNG ĐŨA (Cơm nguội nhân)

Ardisia crénelé

Ardisia crispa Hort. (*A. crenata* Sims., *A. crenulata* Lodd.)

Họ Đơn nem (Myrsinaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, Trung Quốc hay miền Nam châu Mỹ. cây bụi, thân cứng nhiều, cành nhánh thẳng, mảnh ở đỉnh thân. Lá hình bầu dục, thuôn nhọn cả 2 đầu, mép khía răng tròn rộng, dày, màu xanh bóng hay hồng. Cụm hoa ở đầu cành, dạng tán thưa, xòe rộng. Hoa nhỏ có cánh mềm, xếp vặn màu trắng hay hồng đỏ. Quả hình cầu, màu đỏ tía, có mũi nhọn ở đỉnh, xếp đều đặn trên cuống dài, đôi khi cong xuống (Hình 180).

Cây có quả đẹp, chín bền. Các nhà vườn đã tạo ra các màu sắc khác nhau ở quả và lá.

V.33.a. *Ardisia crispa* Hort.

var. *fructu - albo* Hort.

Quả màu trắng.

V.33.b. *Ardisia crispa* Hort.

var. *fructu - luteo* Hort.

Quả màu vàng.

V.33.c. *Ardisia crispa* Hort. var. *variegata* Hort.

Lá nhiều vạch trắng.



H.180. Trọng đũa
Ardisia crispa Hort.

V.34. CÂY TU HÚ ĐỎ (Thuốc kè)

***Callicarpa dichotoma* (Lour.) K. Koch.**
(*C. purpurea* Juss.; *C. gracilis* Sieb. et Zucc.)

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á (Nhật Bản, Trung Quốc) và mọc dại khá phổ biến ở vùng Trung du miền Bắc nước ta.

Cây được gây trồng ở chậu để thưởng ngoạn màu sắc quả. Quả chín bền và gây trồng bằng hạt.

V.35. CÂY TU HÚ MỸ

***Callicarpa americana* Linn.**

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước miền Trung châu Mỹ, nhưng được gây trồng làm cảnh khá đẹp ở nhiều nước nhiệt đới khác. Cây thân bụi cao 1 - 2 m, phân cành nhánh nhiều, có lông hung. Lá bầu dục thuôn hay trái xoan nhọn đầu tù ở gốc lá và ánh bạc ở mặt dưới. Cụm hoa dạng xim ngắn, mọc sát nách lá. Hoa màu xanh nhạt, hình chuông nhẵn, trên chia 4 thùy tròn. Quả hình cầu màu tím rất đẹp.

Cây làm cảnh chủ yếu bằng quả, bền trên cành. Có thể gây trồng 1 chủng khác :

V.35.a. *Callicarpa americana* L. var. *alba* Hort.

Cây cho quả màu trắng, đẹp.

V.36. CÂY TU HÚ TRẮNG (Tu hú lá dài)

***Callicarpa longifolia* Lam.**

Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)

Cây có nguồn gốc từ vùng núi Hymalaya, Trung Quốc, và mọc dại ở vùng đồi núi khắp nước ta.

V.37. CÂY XA KÊ (Bánh mì)

Bread fruit tree, Arbre à pain.

***Artocarpus altilis* (Park.) Forb.**

(*A. communis* J. R. et G. Forst.)

Họ Dâu tằm (Moraceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Malaixia, Tahiti...) đã gây trồng ở nhiều nước lấy quả làm lương thực (thay bánh mì), nhưng ở các tỉnh miền Nam nước ta chỉ trồng làm cây phong cảnh, do dáng cây đẹp, tán nhiều tầng, lá lớn đặc sắc và quả lớn, đẹp. Cây trồng rất thích hợp ở vườn nhà, nơi công viên, hỗ trợ cho các công trình kiến trúc.



H.181. Xa kê – *Artocarpus altilis*
Forb.

Cây gỗ nhỏ, có nhựa mủ, cành mảnh mọc ngang, dài, làm thành tán rộng, dày. Lá lớn chia 3 - 9 thùy dạng thuôn dài, cuống mập, rụng để lại sẹo trên cành, đặc biệt lá màu xanh bóng, khi rụng đổi màu vàng nâu khô, cứng làm vật trang trí. Cụm hoa đực dạng bông dài, hoa nhỏ màu vàng. Cụm hoa cái hình cầu thuôn, mập khi non màu xanh trắng đứng trên cành, già chuyển dần sang vàng, rất bền (Hình 181)

Cây cho quả làm cảnh đặc sắc. Gây trồng chủ yếu bằng hom rễ (chồi rễ) rất ít khi chiết cành. Xa kê có hai loại : loại quả không hạt và loại quả có hạt. Cả hai đều không gây trồng bằng hạt.

V.38. CÂY XI RÔ

Christ's Thorn, Caraunda

Carissa carandas Linn.

Họ Trúc đào (Apocynaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ, được gây trồng làm cảnh do dáng cây đặc sắc, quả đẹp ăn được. Cây gỗ nhỏ cao 3 - 4 m, thân cong

queo, phân nhánh dài, mềm có gai cứng chia nhánh. Lá hình bầu dục hay trái xoan nhọn đầu, gốc thuôn tròn, nhẵn, bóng, màu xanh đậm. Hoa mọc thành cụm nhỏ 2 - 3 chiếc ở đầu cành, thơm, cánh hoa lớn, mềm màu đỏ hồng hay gần trắng. Quả hạch cứng, non màu đỏ sẫm sau tím đậm. Hạt màu đỏ.

Cây cho hoa quả quanh năm, làm cây phong cảnh đẹp. Cây ưa bờ nước, thoáng, nhiều nắng.

V.39. CÂY XƠ - RI

Barbados cherry, Cerisier des Antilles, Serise carrée

Malpighia glabra Linn.

Họ Dùi đục (Malpighiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới, được gây trồng làm cây cảnh và cho quả đẹp. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhánh nhiều xum xuê, mềm dài, nên làm cây hàng rào hay xán tía cho tán tròn, dày. Lá nguyên dạng bầu dục, trái xoan, màu xanh bóng, hoa nhỏ màu hồng đỏ, cánh mềm rần reo xòe rộng. Quả màu đỏ hay đỏ thẫm, nhẵn bóng, vị chua, đường kính 1,5 - 3 cm, có 3 khía nông, 3 hạt (Ảnh 218).

Cây trồng bằng hạt. Sau 2 năm, cây có hoa và hoa nở chóng kết trái (sau 3 - 5 tuần nở hoa đã kết thành quả). Có thể chiết trên không hay uốn xuống đất (cành bánh tẻ đường kính trên 6 mm) và cắt cành ươm hom.

VI. NHÓM CÂY Ở TRONG NƯỚC, BỜ NƯỚC LÀM CẢNH

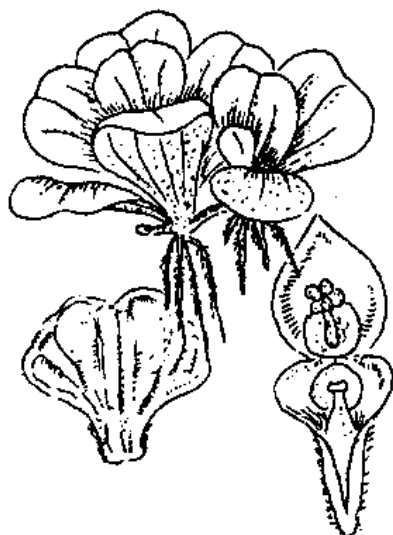
VI.1. CÂY BÈO CÁI

Water Lettuce, Tropical Duck - weed.

Pistia stratiotes Linn.

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ nhiệt đới, nay phân bố rộng rãi ở hầu hết các nước nhiệt đới khác. (Hình 182)



VI.2. CÂY BÈO CÁM

Duck - weed, Duck meat; Lentille d'eau

Lemna minor Linn.

Họ Bèo tấm (Lemnaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ nay lan tràn ở ao hồ nước ngọt khắp hoàn cầu. (Hình 183)

VI.3. CÂY BÈO HOA DÂU (Bèo giầu)

Azolla pinnata Br. (*A. imbricata* Nakai)

Họ Bèo dâu (Azollaceae)

Cây phân bố rất rộng, khắp các nước có khí hậu nhiệt đới và gây trồng làm phân xanh, chăn nuôi, làm thuốc và thả ở các chậu cá cảnh để làm cho mát, đẹp.

VI.4. CÂY BÈO TẤM (Bèo phấn)

Wolffia schleidenii Miq.

Họ Bèo tấm (Lemnaceae)

Cây có khu phân bố rất rộng, chiếm hầu hết mặt nước ngọt vùng nhiệt đới.

H.182. Bèo cái
Pistia stratiotes L.

VI.5. CÂY BÈO VẮY ỐC

Salvinia natans (Linn.) Ait.

Họ Bèo ong (Salviniaceae)

Cây sống trôi nổi chủ yếu ở các ao đầm và vớt để nuôi nơi các bể cá (Hình 184).

VI.6. CÂY CHÓC GAI

Kohilla

Lasia spinosa (Linn.) Thw.

(*L. heterophylla* Schott.)

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ, Srilanka, Đông Dương...). Ở Việt Nam cây mọc dại bờ nước, nhiều bùn ven ao hồ (Hình 185). Cây mọc khỏe, dễ nhánh nhiều và có cụm hoa quanh năm.

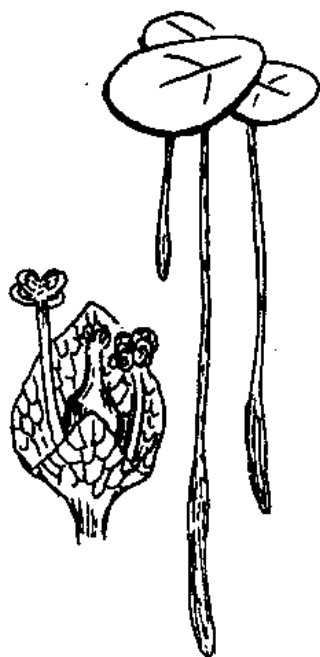
VI.7. CÂY CHOI

Cape pond-weed; water hawthorn,
Aponogeton à deux épis

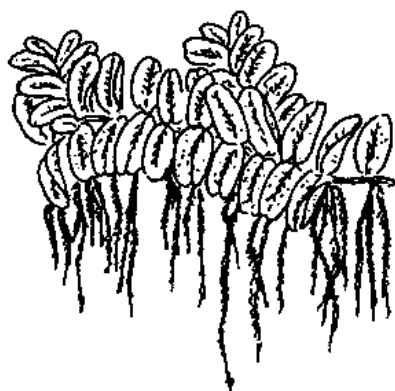
Aponogeton distachyus
Linn.f.

Họ Chối (Aponogetonaceae)

Cây có nguồn gốc ở Nam châu Mỹ, được gây trồng làm cây cảnh trong các bể cá, vì lá đẹp, hoa thơm. Cây thân cỏ, sống lâu năm, củ tròn nhỏ. Lá mọc nổi ở nước, dạng thuôn dài hình giáo, tròn ở gốc, đầu thuôn dài, gân song song khá rõ, màu xanh bóng tươi. Cuống



H.183. Bèo cám – *Lemna minor* L.



H.184. Bèo vẩy ốc – *Salvinia natans* Ait.

lá dài. Cụm hoa dạng bông xẻ ngón ở trên đỉnh một cuống dài thẳng, lộ ra khỏi mặt nước. Hoa có cánh màu trắng, hồng tím, thơm.

Cây có dáng lá và cụm hoa đẹp. Có thể chọn chủng : - Water ribbon - weed.



H.185. Chóc gai - *Lasia spinosa* Thw.



H.186. Cỏ nến - *Typha latifolia* L.

VI.7.a. *Aponogeton distachyus* L. f. var. *lagrangei* Hort.

Hoa đẹp hơn. Lá bắc màu tím và lá cũng có mặt trên màu tím
(Water ribbon - weed)

VI.8. CÂY CỎ NẾN (Hương bồ)

Cattail, Bulrush, Reed Mace

Typha angustifolia Linn.

Họ Cỏ nến (Typhaceae)

Cây có nguồn gốc phân bố rộng rãi từ Bắc châu Mỹ, châu Mỹ nhiệt đới, châu Âu và châu Á, mọc nơi đầm lầy và được gây trồng nơi ven hồ, bờ nước.

Cây có dáng đẹp, lá xanh biếc. Cụm hoa lâu tàn và có gân như quanh năm nên làm cây cảnh ở bờ nước rất thích hợp. Có thể trồng 1 loài khác cũng phân bố rộng từ châu Mỹ, châu Âu và châu Á là :

VI.9. *TYPHA LATIFOLIA* LINN. (HÌNH 186)

VI.10. CÂY CỦ NIỀNG

Water oats

Zizania caduciflora (Turcz.) Hand - Mzt.

(*Z. latifolia* Turcz.)

Họ Cỏ (Poaceae)

Cây có nguồn gốc và phân bố ở Bắc châu Á. Ở Việt nam cây mọc ven bờ hồ, ngập trong nước nông, (thường được trồng ở bờ hồ nhiều bùn) (Hình 187).

VI.11. CÂY DIỄM MAO

Callitriche antoginalis

Hort. (*C. stagnalis* Scop.)

Họ Diễm mao

(Callitrichaceae)

Cây mọc rộng rãi ở các nước châu Á nhiệt đới. Cây thân cỏ sống trong nước (vừa chìm vừa nổi). Lá mọc thành chùm ở trong nước, màu xanh bóng nổi rõ 3 gân. Hoa mọc đơn độc ở nách lá. Hoa trần chỉ có 2 lá bắc mỏng bao bọc. Quả bế bốn có 1 hạt.

Cây ưa nước trong, nơi khí hậu lạnh mát.



H.187. Củ niềng - *Zizania caduciflora* Hand - Mzt.

VI.12. CÂY ĐUÔI CHỖN (Kim ngư)

Ceratophyllum demersum Linn.

Họ Đuôi chồn (Ceratophyllaceae)

Cây phân bố trên toàn thế giới, chiếm hầu hết các ao hồ nước ngọt vùng nhiệt đới. Cây thân cỏ sống chìm trong nước, lâu năm, phân cành nhánh nhiều, dài lơ lửng sát mặt nước. Lá mọc chụm ở các đốt, chia đôi 2 - 3 lần thành các sợi hẹp, màu xanh bóng. Hoa mọc đơn độc, hoa đực, hoa cái trên cùng một gốc. Quả bế có mũi nhọn và hai sừng dài.

Cây đẹp, trồng ở trong các bể cá rất hấp dẫn, sinh sản nhanh bằng các đoạn thân.

VI.13. CÂY KÈO NÈO (Nê thảo)

Water poppy

Limnorchis flava (L.) Buch. (*L. plumieri* Rich.)

Họ Nê thảo (Butomaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Mỹ, ở Việt Nam cây mọc ở ven bờ nước khắp các tỉnh miền Nam, đôi khi trồng làm rau (Hình 188).

VI.14. CÂY LÁC DỪ (Thủy trúc)

Umbrella grass, umbrella palm.

Cyperus involucratus Poiret

(*C. flabelliformis* Rottb.)

Họ Cói (Cyperaceae)

Cây có nguồn gốc từ Madagasca (châu Phi), có dáng đặc sắc, mọc thành bụi dày, thẳng như cây dừa, cau tí hon. Cây có thân tròn màu xanh đậm, lá giảm thành các bẹ ở gốc, thay vào đó các lá bắc ở đỉnh lại lớn, xếp vòng xòe ra, dài, cong xuống, khá đẹp. Cuống chung của hoa dài thẳng, xếp tỏa ra nổi trên đám lá bắc, hoa lúc non màu



H.188. Kèo nèo -
Limnorchis flava Buch.

trắng sau chuyển sang nâu.

Cây mọc khỏe, chịu được đất úng, nước, nên được gây trồng làm cảnh ở vườn, trên hòn non bộ.

Có thể chọn mấy chủng đẹp sau :

VI.14.a. Cyperus involucratus. var. variegatus Hort.

Cây có thân và lá có nhiều vạch trắng, đôi khi hoàn toàn trắng.

VI.14.b. Cyperus involucratus. var. gracilis Hort.

Cây nhỏ bé, lá hẹp, ngắn, làm cảnh ở chậu rất đẹp.

VI.15. CÂY LÁC GIẤY

Egyptian paper plant, Papyrus

Cyperus papyrus L.

Họ Cói (Cyperaceae)

Cây có nguồn gốc từ Egyp., mới nhập trồng làm cảnh (hay cắt cây cắm lọ). Thân mảnh, thẳng, màu xanh đậm, bóng (nơi nguyên sản cao đến 2 m). Lá xếp ở đỉnh, dạng sợi cong rủ xuống như cái dù. Cụm hoa ở đỉnh, giữa đám lá.

Cây đẹp, dễ trồng.

VI.16. CÂY LIỄU (Liễu rủ)

Weeping willow, Saule, Napoleon's Willow

Salix babylonica Linn. (S. pendula Moench.)

Họ Liễu (Salicaceae)

Cây có nguồn gốc Trung Quốc. Cây gỗ nhỏ, phân cành nhiều, mềm, cong rủ xuống. Cành non có lông mịn, màu lục hay tím nhạt. Lá mọc cách, hình giải dài và hẹp, đầu và gốc thuôn đều, mép có răng cưa nhỏ, mặt trên màu lục nhạt, mặt dưới mốc trắng, nhẵn, cuống ngắn cong, đưa lá rủ xuống. Cụm hoa dạng đuôi sóc ngắn. Quả nang mở hai mảnh nhỏ. Mùa hoa tháng 3 - 4. Mùa quả tháng 5 - 6.

Cây có dáng đẹp, mềm mại rất thích hợp với trồng cảnh ven lối đi bờ hồ.

VI.17. CÂY LỖ DANH (Mù mắt)

Star of Beethlehem

Hippobroma longiflora (L.) G.Don.

Laurentia longiflora (L.) Peterm.

(*Isotoma longiflora* (L.) Presl.)

Họ Lô bê (Lobeliaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á và Australia, được gây trồng làm cảnh từ lâu vì hoa nở đẹp quanh năm. Ở Việt nam, cây được gây trồng trên các hòn non bộ, nơi bờ nước. Cây thân cỏ, sống lâu năm. Lá thuôn dài, mép khía răng nhọn, to và có lông dài, màu xanh mượt, xếp tỏa tròn ở sát gốc. Hoa đơn độc ở nách lá nhưng mọc thẳng, dạng ống hẹp, trên xòe ra 5 cánh thuôn nhọn như hình hình sao, màu trắng, làm nổi nhị đực ở giữa màu vàng. Hoa bền, nở dần từng chiếc nên mùa hoa kéo dài quanh năm. Quả nang dài, nhiều hạt (Ảnh 219).



H.189. Lục bình – *Eichhornia crassipes* Solms.

Cây mọc khỏe, trồng bằng hạt, chịu được đất xấu và ngập nước, thường mọc nơi vách đá bờ nước.

VI.18. CÂY LỤC BÌNH (Bèo Nhật Bản)

Water hyacinth, Eichhornie à pétioles épais

Eichhornia crassipes (Mort.) Solms.

(*E. speciosa* Kth. *Pontederia crassipes* Martins)

Họ Lục bình (Pontederiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Brazil) nay lan tràn trên khắp các nước nhiệt đới khác, chịu được từ nước ngọt đến nước lợ (Hình 189).

VI.19. CÂY MẠO ĐÀI LÁ NHỎ (Lân tăn)

Artillery plant, Plant au feu d'artifice

Pilea microphylla (L.) Liebm. (*P. muscosa* Lindl.;

Họ Gai (Urticaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ (Mêhicô) nay mọc hoang dại rất phổ biến ở nhiều nước châu Á. Ở Việt nam thường được gây trồng nơi các hòn non bộ hay bờ nước làm cây phủ đất, giữ đất và làm cảnh (giống như bãi cỏ nhỏ).

VI.20. CÂY MỎ KẾT LÁ DONG

Heliconia psittacorum Sesse. et Moc.

Họ Thiên diếu (Heliconiaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới. Ở Việt Nam cây được gây trồng rộng rãi ở nơi bờ nước, nhiều bùn, lấy hoa cắm lọ. Cây có thân giả khá cao, gốc có thân rễ bò dài, sống lâu năm. Lá có cuống dài, phiến thuôn đều, rộng, màu xanh bóng, mềm, gốc tròn, đỉnh thuôn. Cụm hoa ở đỉnh, có nhiều lá bắc dạng mo xếp cách nhau đều đặn, mở 2 hướng trên mặt phẳng. Mo hẹp, màu vàng bóng, nhọn đầu. Hoa lớn có 6 cánh màu vàng cam, với 3 cánh ở trong màu xanh (Ảnh 220). Quả mọng.

Cây có hoa đẹp, nở bền, gần như quanh năm, trồng làm cảnh ở các chậu lớn hay dọc lối đi ven hồ rất đẹp. Cây trồng dễ dàng bằng các đoạn thân rễ có chồi thân giả. Cây dễ bụi nhiều, dày ở nơi đất ngập nước.

- Cây Mỏ kết đỏ - *Heliconia lanceana*, mới nhập có hoa màu vàng, nhưng lá bắc màu đỏ rất đẹp.

VI.21. CÂY MUÔNG TRÂU

Seven Golden, Candlesticks

Cassia alata L.f.

Họ Vang (Caesalpiniaceae)

Cây mọc hoang dại vùng đất ẩm ướt, nơi bờ nước, ven ruộng hay bãi thấp. Cụm hoa thẳng, dài 40 cm. Hoa lớn màu vàng tươi.

VI.22. CÂY NÁNG TRỤ (Đại tướng quân, Tỏi loi trụ)

Crinole d'Asie;

Crinum asiaticum Linn.

(*C. anomalum* Herb.; *C. procerum* Carey)

Họ Thủy tiên (Amaryllidaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới, được gây trồng làm cảnh ở nhiều nước châu Á, châu Mỹ. Cây có củ lớn, đường kính 5 - 10 cm, trên có cổ ngắn. Lá tập trung ở đỉnh củ với bẹ hợp lại thành thân giả cao đến 60 cm. Lá lớn, phiến hẹp, dài trên 1 m, dày, nguyên. Cụm hoa trên 1 cuống chung lớn dài đến 70 cm, màu xanh bóng, thẳng, đỉnh mang 20 - 50 hoa làm thành tán rộng, gốc có lá bắc dạng mo lớn. Hoa có cuống, cánh hoa hợp thành ống, màu xanh nhạt, trên chia thùy dài hình giải, tỏa rộng; rú xuống màu trắng, rất thơm.

Nhị dài, màu đỏ, bao phấn vàng. Quả nang hình cầu, 1 hạt. Cây ưa nơi đất sâu, ẩm ướt (thường mọc ở bờ nước). Có thể chọn các chủng sau :

VI.22.a. *Crinum asiaticum* L. var. *sinicum* Baker.

Hoa lớn màu trắng.

VI.22.b. *Crinum asiaticum* L. var. *declinatum* Baker.

Hoa lớn màu trắng, có đỉnh thùy màu đỏ.

VI.23. CÂY NGÀI TIÊN

Hedychium à bouquets butterfly Lily, Garland flower, Ginger Lily.

Hedychium coronarium Koen.

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Cây có nguồn gốc từ Ấn Độ (châu Á nhiệt đới) được trồng thành bụi lớn làm cảnh nơi bờ nước hay trong chậu ở các tỉnh miền Nam nước ta. Cây thân cỏ, cao đến 1 m, có thân rễ mập khỏe, đâm chồi nhiều thành bụi thưa. Lá mọc cách đều đặn trên thân, phiến thuôn dài, mềm, đầu nhọn, gốc có bẹ ôm thân, màu xanh bóng, mềm. Cụm hoa ở đỉnh, dạng chùm rộng. Hoa thưa, nở dần ít một. Hoa khá lớn, đường kính 5 - 8 cm, rất thơm, gốc có nhiều lá bắc màu xanh. Hoa có cánh hoa màu trắng tuyền hay ở nách có đốm xám. Quả nang tròn.

Cây trồng bằng các đoạn thân rễ, mọc khỏe rất thích hợp với nơi bờ nước, ẩm ướt, khí hậu mát. Có thể trồng xen với các loài có màu hoa khác như :

VI.24. CÂY NGẢI TIÊN ĐỎ

Hedychium coccineum Buch - Ham

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á nhiệt đới (Ấn Độ), mọc hoang đại vùng núi cao ẩm ướt nước ta.

VI.25. CÂY NGẢI TIÊN VÀNG

Hedychium flavaum Roxb.

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới (Ấn Độ), mọc được nơi bờ nước vùng núi cao nước ta.

VI.26. CÂY QUYẾN BÁ MỎNG (Quyến bá vẩy)

Resurrection plant, Club moss, Sélaginelle à feuilles
ecaillieuses, Plant à la resurrection

Selaginella lepidophylla Spring.

Họ Quyến bá (Selaginellaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ nhiệt đới (Texas, Mêhicô, Peru), được gây trồng làm cảnh nơi bờ nước hay trên các hòn non bộ.

Cây có thân rất ngắn, mọc thấp thẳng đứng, cao 2 - 10 cm, gốc có thân rễ dày đặc, đỉnh mang nhiều nhánh xếp hoa thị, khi non cúp lại với nhau thành một khối tròn, sau nở xòe rộng dày đặc, đường kính 10 - 20 cm, màu xanh bóng đậm, các nhánh dài hẹp, phân chia 2 lần, mảnh, dạng sợi. Lá hình vẩy, nhỏ bé, nhọn đầu, xếp dày đặc trên nhánh phụ.

Cây có dáng kỳ lạ, rất thích hợp với nơi ẩm ướt (vì có nước mới nở xòe rộng) nên được trồng ở bờ nước làm cây cảnh.

VI.27. CÂY RAU MÁC (Từ cô)

Old - World Arrow - head,
Fléchière, Sagittaire.

Sagittaria sagittaeifolia Linn.

Họ Rau mác (Alismaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á và châu Mỹ nhiệt đới, mọc rất phổ biến ở trong ruộng nước, nơi bờ rạch nước nông. Cây có thân rễ dày, dạng củ. Lá có cuống và phiến thay đổi, hoặc hình bản dài (chìm trong nước) hoặc hình mũi mác chia 3 thùy (lộ ra mặt nước). Cụm hoa nằm ở nửa phần trên của một cuống chung, mập dài đến 1 m, phân nhánh. Mỗi nhánh đều xếp 3 vòng hoa, ở nách những lá bắc hình tam giác. Hoa có 3 cánh tràng, lớn, màu trắng, nhị xếp thành nhiều vòng. Hoa cái có nhiều lá noãn xếp thành khối hình cầu. Quả bế dẹt, có 1 hạt (Hình 190).

Cây có mùa hoa từ tháng 6 đến tháng 10. Có thể trồng là cảnh vì mùa hoa dài. Các nhà vườn đã tạo ra một chủng có hoa đẹp hơn :

VI.27.a. *Sagittaria sagittaeifolia* Linn. var. *flore - pleno* Hort.
(*S. japonica* Hort.)

Cánh tràng gấp đôi xếp 2 vòng, hoa đẹp hơn.



H.190. Rau mác -
Sagittaria sagittaeifolia L.

VI.28. CÂY RAU MÁC TRÒN (Củ dĩa)

***Monochoria vaginalis* (Burm.f.) Presl.**

Họ Lục bình (Pontederiaceae)

Cây có thân rễ trong bùn.
Lá trên cuống dài mọc thẳng đứng, lộ ra khỏi nước. Phiến hình tròn hay hình tim, xanh bóng, nhẵn. Cụm hoa trên cuống mập như cuống lá. Hoa thưa, màu xanh khá đẹp. Quả nang, hạt màu nâu (Hình 191).

Có thể gây trồng 1 chủng có lá nhỏ hơn ở các bể cá lớn.

VI.28.a. *Monochoria vaginalis* Presl. var. *plantaginea* Solms.

Cây trồng dễ dàng bằng tách bụi hay các đoạn thân rễ, ít khi bằng hạt.



VI.29. CÂY RONG ĐUÔI CHÓ
(Rong xương cá)

Parrot's feather

***Myriophyllum tetandrum* Roxb.**

Họ Rong xương cá (Haloragaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước miền Nam châu Mỹ, nay được gây trồng ở hầu hết các nước nhiệt đới, để thả vào bể cá cảnh.

VI.30. CÂY RONG ĐUÔI CHỖN (Gạt nai nổi)

Water fern, *Ceratopteris* à aspect de pigamon

***Ceratopteris thalictroides* (L.) Brongn.**

(*Pteris thalictroides* Swartz.)

Họ Rau cần trôi (Parkeriaceae)

Cây có nguồn gốc rộng rãi từ các nước nhiệt đới Cựu lục địa, và phân bố rộng ở khắp các nước nhiệt đới trên thế giới.

**H.191. Rau mác tròn –
Monochoria vaginalis Presl.**

VI.31. CÂY RONG ĐUÔI CHỖN MỸ

Ceratopteris pteridoides Hort.

Họ Rau cần trôi (Parkeriaceae)

Cây có nguồn gốc ở Nam châu Mỹ, được gây trồng để trang trí các hồ nuôi cá cảnh trên toàn thế giới.

VI.32. CÂY SEN

East Indian lotus, Lotus lily, Sacred lotus, Lotus.

Nelumbium nelumbo (L.) Druce

(*N. speciosum* Willd. *N. nucifera* Gaertn.)

Họ Sen (Nelumbonaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Á nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây mọc suốt từ Bắc vào Nam trong các ao hồ, đầm ngòi nhiều bùn. Cây có thân rễ mập (ngó sen) sống lâu năm. Lá gần hình tròn, trải rộng trên mặt nước trên lộ ra ngoài không khí trên một cuống dài, màu xanh bóng, gân rõ. Ở miền Bắc, về mùa đông, toàn bộ lá bị héo tàn. Hoa to trên cuống dài, có nhiều cánh hoa mềm, bóng xếp tỏa tròn đều, màu hồng hay trắng vàng (tùy chủng). Nhị nhiều màu vàng làm viền nổi cho phần nhụy dạng nón ngược, màu xanh (gương sen). Quả bế thường gọi là hạt sen. (Ảnh 221)

Cây mọc khỏe nơi nước tĩnh, nhiều bùn. Gây trồng bằng các đoạn thân rễ có chồi mầm (Ngó sen), ít khi trồng bằng hạt. Ở miền Bắc, trồng vào giữa mùa xuân, (ở các tỉnh phía Nam trồng vào mùa mưa). Sau đó cho nước ngập khoảng 2/3 thân rễ. Sau 3 - 4 tháng có chồi dài mới cho ngập nước. Mùa hè năm sau đã có hoa.

Ngoài loài có hoa màu hồng (màu cánh sen) kể trên, còn có :

VI.33. CÂY SEN TRẮNG

Lotus magnolia

Nelumbium alba Hort.

Hoa có cánh hoàn toàn trắng.

VI.34. CÂY SEN VÀNG

Lotus jaune d' Amerique

Nelumbium lutea Pers.

Hoa có cánh màu vàng, đặc biệt có chủng :

VI.34.a. *Cây Sen sẻ* (Sen tiêu)

Nelumbium nelumbo Druce var. *nanum* Hort.

Cây thấp, lá và hoa nhỏ, thường trồng ở chậu, trong bể nông hay bờ nước hờn non bộ.

VI.35. CÂY SEN HOÀNG HẬU (Sen Amaxôn)

Giant water lily, Royal water lily

Victoria regia Lindl. (*V. amazonica* (Poep.) Klotzsch.)

Họ Súng (Nymphaeaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước Nam châu Mỹ (từ Guian đến Arhentina), hiện được gây trồng làm cảnh ở các hồ nước vùng nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây được trồng ở Thảo Cầm Viên (thành phố Hồ Chí Minh). Cây có thân rễ mập, nằm trong bùn, sống lâu năm. Lá rất to, phiến rộng đường kính 1 m, mép gấp thẳng góc lên, cao đến 10 cm, nguyên hay rách nhỏ không đều. Mặt trên xanh bóng có lông, gân tỏa tròn đều, mặt dưới màu đỏ, gân nổi rõ vừa tỏa tròn vừa mạng lưới. Cuống mập cứng. Hoa mọc đơn độc, lớn, trên một cuống dài, đưa hoa nổi trên mặt nước, đường kính 20 - 40 cm, nở về đêm, màu đỏ bầm tối. Hoa có 4 cánh dài gần tròn và cánh tràng xếp nhiều vòng. Nhị nhiều xếp nhiều vòng dày đặc. Bầu hạ có 30 - 40 ô. Quả có nhiều hạt hình trái xoan tròn. (Ảnh 222)

Cây được nhân giống bởi các đoạn thân rễ trong bùn. Gây trồng dễ, thường làm cảnh nơi hồ rộng và nhiều bùn.

VI.36. CÂY SÚNG TRẮNG

White lotus of Egypt., Lotus blanc d'Egypte

Nymphaea lotus Linn. (*N. edulis* DC.; *N. thermalis* DC.)

Họ Súng (Nymphaeaceae)

Cây có nguồn gốc vùng Trung cận Đông, nay mọc rộng trên toàn thế giới. Ở Việt Nam, cây mọc rất phổ biến nơi ruộng nước, hồ ao nước nông, nhiều bùn khắp nước ta. Cây có thân rễ bò dài trong bùn. Lá to, nổi trên mặt nước, dạng gần tròn, gốc hình tim, mép có răng hình tam giác, màu lục hồng, tối. Cuống lá dài. Hoa lớn màu

trắng hay hơi hồng, với các cánh hoa dài thuôn, mềm xếp nhiều vòng, đều. Nụ hoa đẹp, hoa nở ít bền, chóng tàn. Nhị nhiều. Quả 15 - 18 ô, hạt nhiều (Ảnh 223).

Cây mọc khỏe nơi đủ nước, đủ nắng, nóng, nơi nước đọng hay chảy nhẹ. Cây trồng chủ yếu bằng các đoạn thân rễ, rất ít khi bằng hạt. Để làm cảnh đẹp, có thể trồng các loài khác.

VI.37. CÂY SÚNG ĐỎ

Water lily, Nymphaea

***Nymphaea rubra* Roxb.**

Hoa có cánh màu hồng đậm (Ảnh 224)

VI.38. CÂY SÚNG LAM

Blue lotus of India, lotus bleu des Indes

***Nymphaea nouchali* Burm. f. (*N. stellata* Willd.)**

Lá lớn, mép lượn sóng, mặt dưới màu tím. Hoa lớn có cánh màu xanh nhạt (có khi gần trắng).

VI.39. CÂY THẠCH XƯƠNG BỔ

***Acorus gramineus* Soland.**

Họ Ráy (Araceae)

Cây có nguồn gốc ở Nhật Bản, Trung Quốc, được gây trồng và mọc dại ở các tỉnh miền Bắc nước ta, nơi bờ suối, trên kẽ đá có nước chảy, gây trồng làm cảnh rất đẹp ở bờ nước các hòn non bộ.

Dễ làm cảnh, các nghệ nhân thường sử dụng 1 chủng.

VI.39.a. *Acorus gramineus* Soland. var. *pusillus* Engl.

Cây có thân rễ màu trắng, mọc ngang, có đốt rõ ràng. Lá nhỏ, rậm xếp 2 dãy. Cụm hoa đẹp, hình trụ tròn, màu vàng lục nhạt. Quả mọng hình trứng. Cây nhỏ thích hợp với các hòn non bộ.

Ngược lại để trồng làm cây viền lối đi, bờ cỏ có thể trồng :

VI.39.b. *Acorus gramineus* Soland. var. *variegatus* Hort.

Lá xanh với viền mép màu trắng.

VI.40. CÂY THỦY NỮ

Water snow flake

Limnanthemum indicum Linn.

(*Nymphoides indicum* (L.) O.ktze)

Họ Long đởm (Gentianaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước nhiệt đới. Ở Việt Nam, cây mọc hoang dại trong ruộng ngập nước, theo các kinh rạch nông.

VI.41. CÂY THỦY XƯƠNG BỐ

Sweet flag., Wadakaba

Acorus calamus Linn.

Họ Ráy (Aeaceae)

Cây có nguồn gốc từ châu Á nhiệt đới, mọc hoang dại hay gây trồng ở nước ta để làm cảnh và làm thuốc.

Cây được trồng ở bờ nước, thân cỏ có thân rễ nằm ngang, thơm. Lá hình dải hẹp, có 1 gân giữa, phiến xanh bóng, mép hơi lượn sóng. Cụm hoa ở trên đỉnh 1 cuống chung. Mo có dạng giống lá, ngắn. Trụ hoa nạc, hơi cong mang rất nhiều hoa. Quả mọng thuôn, khi chín màu đỏ.

Cây có hoa vào mùa hạ và quả vào mùa thu. Để làm cảnh, có thể chọn chủng :

VI.41.a. *Acorus calamus* L. var. *variegatus* Hort.

Lá non có nhiều vạch vàng đậm.

VI.42. CÂY TIÊM LIÊN

Finsh grass, Washington - plant

Colomba caroliniana Gray

(*C. aquatica* DC.; *C. viridiflora* Hort.)

Họ Tiêm liên (Colombaceae)

Cây có nguồn gốc từ các nước châu Mỹ. Cây mọc chìm trong nước trong, không sâu. Lá trong nước thường xẻ lông chim có phiến nhỏ như sợi. Lá ở trên, nổi trên mặt nước, màu xanh bóng có dạng tròn đều, nổi rõ gân, cuống dài dính ở giữa phiến. Hoa đơn độc trên

cuống dài lộ ra khỏi mặt nước, cánh hoa xòe rộng đều, màu trắng với 2 đốm vàng. Hoa ít gặp. (Hình 192)

Cây trồng rất phổ biến trong các bể cá cảnh vì dáng cây đẹp, xanh quanh năm. Nhân giống bằng các đoạn thân, chôn thành cây trưởng thành.

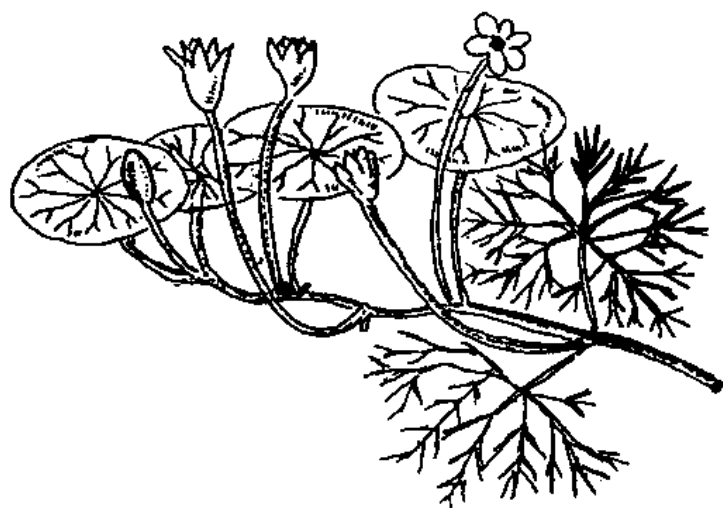
Để làm cảnh, có thể chọn chủng :

VI.42.a. *Colomba caroliniana* Gray. var. *rosaefolia* Hort.

Cây lá màu đỏ nhạt.

VI.42.b. *Colomba caroliniana* Gray. var. *pulcherrima* Harper.

Thân màu đỏ nhạt, lá màu xanh đậm, chia phiến hẹp, hoa có cánh tràng màu đỏ tươi.



H.192. Tiem liên - *Colomba caroliniana* Gray.

BẢNG TRA CỨU TÊN CÂY THEO TIẾNG VIỆT

Agao lùn 148	Bách tán gai 194
Agao Mỹ 146	Bách tán lá gai 194
Agao to 148	Bách tán lớn 193
Ang - ti - gôn 10	Bách tán nam 193
Anh đào 357	Bách tán úc 194
Anh đào đôi 357	Bách tán vàng 193
Ác - ó 10	Bách tán xa mu 194
Ánh hồng 11	Bách xanh 204
Ấm kiếm 210	Bách xà 194
Ấm kiếm bạc 210	Bách xoắn 207
Ấm kiếm dóm 210	Bán hạ đỏ 273
Ấm kiếm trắng 210	Bán hạ vằn 211
Bàng khuâng 273	Bán tự cảnh 211
Bát tử 274	Bánh hời 416
Bát tuyết 274	Bánh mì 461
Bằng lăng nước 359	Báo hi 153
Bằng lăng tím 359	Bát tiên 439
Bằng phi 359	Bê bê 275
Bạc thau 12	Bèo cái 464
Bạch hạc 395	Bèo cá 464
Bạch hoa xà 306	Bèo giầu 464
Bạch huệ 315	Bèo hoa dâu 464
Bạch liêm 30	Bèo nhật bản 471
Bạch phiến 271	Bèo phấn 464
Bạch phụ tử 374	Bèo tấm 464
Bạch tạng 239	Bèo vẩy ốc 465
Bạch thư 156	Bí kỳ nam 123
Bạch trình 272	Bí đặc 444
Bạch trình biển 272	Biện lý 47
Bạch trình mỹ 272	Bìm bìm 13
Bạch tùng 202	Bìm bìm biếc 13
Bạch tuyết mai 360	Bìm bìm lam 15
Ban hoa đầu 396	Bìm bìm ngón 16
Bàng 358	Bìm bìm nhung 17
Bàng biển 358	Bìm bìm đỏ 14
Bá tử kinh 441	Bìm bìm tím 18
Bách nhật 271	Bìm bìm tím đậm 19
Bách tán 193	Bìm bìm trắng 19

Bìm bìm trắng khôi 19
 Bìm Hi Lạp 13
 Bìm mạp 19
 Bìm đẹp 13
 Bìm tay 16
 Bồ kết tây 361
 Bồ đề 360
 Bồ oanh 277
 Bội tinh 20
 Bội tinh ngũ hùng 21
 Bội tinh xanh 21
 Bồng bồng 253
 Bông búp 22
 Bông cần 22
 Bông dừa 303
 Bông rìa trắng 67
 Bông tai 277
 Bông tai gai 278
 Bông vàng 51
 Bông xanh 21
 Bọ chó cảnh 278
 Bò cạp nước 414
 Bò cạp vàng 413
 Bướm bướm hương 307
 Bướm bướm xanh 307
 Bờm ngựa 104
 Bông bong 169
 Bông bong lá nhỏ 169
 Bông bong nhật 170
 Bưởi 444
 Bướm bạc 361
 Bướm bạc phi 362
 Bướm hồng 362
 Bướm đêm 284
 Bướm đỏ 362
 Bướm trắng 361
 Bông nẻ 360
 Bông nẻ tím 360
 Bống nước 275
 Bống nước đỏ 276

Búp 22
 Búp giấm 340
 Búp kín 24
 Búp đơn bóng 23
 Búp đơn đốm đỏ 24
 Búp đơn vàng 23
 Búp rìa 25
 Búp vằn 23
 Búp vạch tím 23
 Búp vang 356
 Búp xi - ry 25
 Búp xi - ry tím 26
 Búp xoắn 23
 Búp xòe 23
 Bụt mọc 195
 Bù cu đốm 212
 Bù xít 293
 Buồm đỏ 355
 Búng báng 77
 Búp lẹ 278
 Cẩm chương 280
 Cẩm chương gấm 281
 Cẩm chương nhung 280
 Cẩm chương tàu 281
 Cẩm cù 29
 Cẩm cù nhiều hoa 30
 Cẩm cù tím 30
 Cẩm mộc 419
 Cẩm thạch 120
 Cẩm thạch lùn 120
 Cẩm thạch vằn 120
 Cẩm thị 365
 Cẩn cảnh 265
 Cẩn thẳng 365
 Cẩn thẳng 450
 Câu khởi 452
 Cam 444
 Cam thảo dây 26
 Cao cảnh 214
 Cao cảnh cảnh 214

Cao cẳng trở 215
 Cao cẳng vạch 215
 Cà cảnh 445
 Cà cảnh mỹ 445
 Cà chua cảnh 446
 Cà gai 278
 Cà hoa 279
 Cà hoa xanh 400
 Cà kiu cảnh 446
 Cà kiu trứng 446
 Cà độc dược cảnh 363
 Cà độc dược thuốc 363
 Cà đỏ 445
 Cà ớt 447
 Cà ớt lông 448
 Cà vú 448
 Càng cua 121
 Càng cua cảnh 212
 Càng cua đốm 213
 Càng cua tròn 213
 Cành giao 136
 Cau 77
 Cau bụi 79
 Cau bụi cảnh 80
 Cau bưng 78
 Cau cảnh 79
 Cau chuột 80
 Cau chuột mã lai 80
 Cau kiếng đỏ 80
 Cau kiếng vàng 82
 Cau đỏ bẹ 80
 Cau đỏ bẹ lớn 81
 Cau đỏ bẹ máu 81
 Cau đuôi phượng 82
 Cau sâm banh 81
 Cau trắng 81
 Cau trụ 78
 Cau trúc 82
 Cau tua 82
 Cau úc 79

Cau vàng 82
 Cẳng gà 170
 Cẳng gà dẹt 170
 Cẳng gà trắng 171
 Cẳng gà xanh 171
 Cánh phượng 399
 Cát anh 364
 Cát anh lớn 364
 Cát lõi 340
 Cát dăng 26
 Cát dăng cánh 27
 Cát dăng cánh trắng 28
 Cát dăng cánh vằn 28
 Cát dăng cánh vàng 28
 Cát dăng cọp 45
 Cát dăng thơm 28
 Cát dăng thơm lông 28
 Cát dăng thơm nhẵn 29
 Cát dăng thon 29
 Chân chim 282
 Chân chim bầu dục 122
 Chân chim lớn 283
 Chân chim tám lá 122
 Chân chim vằn 123
 Chân rết 120
 Chân rết lùn 120
 Chân rết vằn 120
 Chà là 83
 Chà là bụi 84
 Chà là miền 86
 Chà là nam 83
 Chè vàng 62
 Chia vôi 30
 Chia vôi vuông 51
 Chim trời 433
 Choi 465
 Chóc 340
 Chóc gai 465
 Chua me đất 283
 Chua me đất hoa hồng 284

Chua me đất hoa đỏ 284
 Chua me đất lá tím 284
 Chuối hoa 284
 Chuối hoa lai 285
 Chuối kiểng đỏ 367
 Chuối ngọc 67
 Chuối đỏ 366
 Chuối rẽ quạt 91
 Chuối sen 367
 Chuối sen công 367
 Chuối sen hương 367
 Chuối tràng pháo 408
 Chùm bao dừa 39
 Chùm ngây 366
 Chùm ớt 31
 Cô ca cảnh 216
 Cô nóc lan 286
 Cô nóc rộng 287
 Cô tông 216
 Cổng chào 93
 Công chúa 390
 Cốt cán chẻ 179
 Cốt mốt đỏ 289
 Cốt mốt vàng 288
 Cốt rắn 177
 Cọ cảnh 85
 Cọ dầu 86
 Cọ mỹ 87
 Cọ đỏ 86
 Cọ quạt 99
 Cọ sa - ba 88
 Cọ saba nhẵn 88
 Cọ saba xanh 88
 Cọ sê 89
 Cọ tàu 89
 Cọ úc 90
 Cơm cháy 449
 Cơm cháy rẫy 449
 Cơm cháy tơm 449
 Cơm nguội nhẵn 460

Cồng 414
 Cườm rưng 368
 Cỏ bông lau 109
 Cỏ cát vi 108
 Cỏ cựa gà 104
 Cỏ cứt heo 292
 Cỏ gừng 104
 Cỏ gừng gấp 105
 Cỏ hoa 105
 Cỏ hương bài 108
 Cỏ lảo trắng 300
 Cỏ lá tre 105
 Cỏ luống 171
 Cỏ luống bạc 172
 Cỏ luống đỏ 172
 Cỏ mỹ 106
 Cỏ nển 466
 Cỏ nhung 109
 Cỏ đuôi ngựa 104
 Cỏ ống 104
 Cỏ roi ngựa cảnh 285
 Cỏ seo gà 173
 Cỏ seo gà trổ 173
 Cỏ voi 106
 Cỏ xước đỏ 250
 Cứt lợn 434
 Cửu long nhả ngọc 403
 Cửu ly hương 370
 Cùm rìa 369
 Cù đề 368
 Cùi dĩa 475
 Cùm rụm 368
 Cùm rụm nhọn 368
 Cùm rụm răng 369
 Củ khát nước 177
 Củ niễng 467
 Củ nưa 337
 Cúc bắt tử 274
 Cúc cánh mối 287
 Cúc cánh mối đại 288

Cúc chuẩn 288
 Cúc chuẩn nhai 289
 Cúc chuẩn đỏ 289
 Cúc chùy 290
 Cúc điệp tơ 290
 Cúc hôi 292
 Cúc hôi tím 293
 Cúc hoàng phần 292
 Cúc kim thất 218
 Cúc kim thất nhung 218
 Cúc kim thất nhung thuần 219
 Cúc kim thất nhung tía 219
 Cúc lạc lông 294
 Cúc lạc 293
 Cúc mốc 294
 Cúc đất 291
 Cúc đất lông 291
 Cúc phát trần 295
 Cúc quì 316
 Cúc quì núi 396
 Cúc sao 288
 Cúc sợi tím 295
 Cúc tản ô 295
 Cúc tiền 306
 Cúc tím 295
 Cúc trắng 296
 Cúc trắng lớn 297
 Cúc vạn thọ 298
 Cúc vạn thọ lùn 298
 Cúc vàng 297
 Cúc vàng 299
 Cúc vàng nhỏ 292
 Cúc vàng đơn 299
 Cúc vàng sữa 298
 Cúc yên bạch 300
 Dâm xanh 67
 Dâu da xoan 373
 Dấu lai củ 135
 Dấu lai nhiều khía 374
 Dấu lai vải 374

Dấu lai xẻ 374
 Dây bông cánh 27
 Dây bông thơm 28
 Dây bông xanh 26
 Dây búp búp 36
 Dây cẩm văn 62
 Dây chanh mỹ 55
 Dây chi chi 26
 Dây chia với đỏ 50
 Dây công chúa 33
 Dây cườm 26
 Dây giun 34
 Dây huỳnh 51
 Dây kim ngân 54
 Dây kim đồng 34
 Dây lãng 34
 Dây my ê 35
 Dây my ê lông 36
 Dây đăng tiêu 44
 Dây sừng dê 35
 Dây tấm phong 36
 Dây thiên lý 37
 Dây tóc tiên 38
 Dây trung châu 38
 Dây vắng sán 64
 Dây vác nhật 39
 Dạ hoa 400
 Dạ hợp 370
 Dạ hợp nhỏ 371
 Dạ hương 32
 Dạ hương đỏ 32
 Dạ hương vàng 33
 Dạ lý hương 32
 Dạ lý hương 37
 Dạ lý hương tím 371
 Dành dành 372
 Dành dành vàng 373
 Dải lụa 177
 Đèn kiếng 220
 Đèn lửa 219

Dền đuôi chồn 301
 Dền đuôi ngắn 301
 Dệu bò tía 220
 Dệu bò vằn 220
 Dệu cánh 220
 Di nha 302
 Diệc bò tía 220
 Diễm mao 467
 Diệp long nhon 158
 Diệp vĩ dụ 115
 Dị liễu 231
 Dưa gang tây 39
 Dưa gang tây vằn 40
 Đơn 317
 Dong cảnh 234
 Dong đại 235
 Dong tía 221
 Dong vằn 222
 Dừa 92
 Dừa cạn 303
 Dừa cạn lớn 304
 Dừa cạn nhỏ 304
 Dừa dầu 86
 Dừa hawaii 82
 Dừa rủ 92
 Dừa rủ úc 92
 Dừa rủ chùm 93
 Dừa xụ lá 92
 Dương 421
 Dương kỳ thảo 352
 Dương xỉ chân thỏ 175
 Dương xỉ gỗ 173
 Dương xỉ gỗ bóng 174
 Dương xỉ mộc 173
 Dương xỉ mộc nhẵn 174
 Dứa cánh 223
 Dứa cánh dẹt đỏ 224
 Dứa cánh dẹt tím 224
 Dứa cánh gai hồng 225
 Dứa cánh hồng tâm 225

Dứa cánh lửa gươm 225
 Dứa cánh mẫu tử 225
 Dứa cánh nền đỏ 226
 Dứa cánh đẹp 224
 Dứa cánh sen 226
 Dứa đại cánh 226
 Dứa đại cánh lùn 227
 Dứa lẳng la 227
 Dứa lẳng la thơm 228
 Dứa Mỹ 146
 Dứa sọc 228
 Dứa sọc 229
 Dứa thơm 229
 Dứa trở 229
 Dứa trở vòng 228
 Dớn đen 189
 Duối nhám 64
 Duyên cúc 302
 Đa 230
 Đa cao su 230
 Đa đa 450
 Đa đa bóng 450
 Đa đàn 231
 Đại vàng 51
 Đáng 122
 Đào 376
 Đào đậu 378
 Đào tiên 450
 Đào trắng 378
 Đại 375
 Đại bi 351
 Đại kích biển 150
 Đại tướng quân 472
 Đại trắng 376
 Đại tù 376
 Đạt phúc 379
 Đậu biếc 40
 Đậu biếc lam 41
 Đậu biếc trắng 41
 Đậu khấu lửa 304

Đậu khế 41
 Đậu kiếm 42
 Đậu lân 379
 Đậu rồng 41
 Đậu rựa 42
 Đậu tắc 42
 Đậu thơm 42
 Đậu thơm màu hồng nhạt hòng trắng 44
 Đậu thơm màu hồng điều 43
 Đậu thơm màu trắng xám 44
 Đậu thơm màu xanh 43
 Đậu thơm màu xanh đậm 44
 Đậu thơm nhiều màu 44
 Đậu vương 41
 Đậu xương rồng 41
 Đăng đưng 365
 Đăng tiêu 44
 Đăng tiêu kép vàng 45
 Đăng tiêu đỏ 45
 Đăng tiêu vàng 45
 Đinh phượng hoàng 388
 Diệp cúng 397
 Diệp lão 396
 Diệp ta 397
 Đinh lăng lá nhỏ 382
 Đinh lăng lá quạt 383
 Đinh lăng lá răng 384
 Đinh lăng lá tròn 385
 Đinh lăng đĩa 381
 Đinh lăng tro 383
 Địa liên 341
 Đỗ quyên ấn 385
 Đông hầu 305
 Đồng tiền 306
 Đoác 77
 Đơn hùng 409
 Đơn mặt trời 231
 Đơn đỏ 380
 Đơn đỏ lớn 380

Đơn tía 231
 Đơn tướng quân 231
 Đơn trắng 380
 Đơn vàng 381
 Đơn vàng cam 381
 Đèn lồng tàu 453
 Dừng quên 323
 Đường quân tử 53
 Đuôi chồn 187
 Đuôi chồn 468
 Đuôi chồn lệch 188
 Đuôi công 306
 Đuôi công hồng 307
 Đuôi công xanh 307
 Đuôi lươn 216
 Đuôi sam 386
 Đuôi voi 106
 Đuôi voi mỹ 106
 Đùng đình 93
 Đùng đình ngựa 94
 Đùng đình đơn 94
 Găng tu hú 75
 Gai kim 388
 Gạo 386
 Gạt nai nổi 475
 Gia cốp 308
 Giâm 425
 Giang tâm 156
 Giếng giếng 386
 Gừa trung 427
 Gừng ám 339
 Guột 174
 Hắc sủu 13
 Hạnh 457
 Hạt bí nhỏ 46
 Hạt bí túi 47
 Hàm cạp 45
 Hàm tiểu 441
 Hải châu 451
 Hải đăng 303

Hải đường 387
Hèo ấn 95
Hèo bắc 95
Hèo gai 94
Hèo lại 95
Hèo ngón 98
Hèo nhẫn 96
Hèo quạt 97
Hèo to 97
Hiếu nữ 10
Hoa chông 387
Hoa chông vàng 388
Hoa chuông đỏ 388
Hoa chuông 238
Hoa diên đỏ 432
Hoa giấy 47
Hoa giấy hồng 48
Hoa giấy hồng tím 49
Hoa giấy hồng văn 49
Hoa giấy đỏ gạch 48
Hoa hiên 308
Hoa hiên đỏ 309
Hồ hoa nhiều hoa 30
Hồ hoa xẻ 30
Hoa hồng 389
Hoa hờ 390
Hoa huệ 313
Hoa kèn 49
Hoa kèn lớn 49
Hoa la lét 282
Hoa lis 309
Hoa lý 37
Hoa mặt 294
Hoa muống 279
Hồ đăng hai màu 50
Hồ đăng hai màu mềm 50
Hồ đăng hai màu văn 51
Hồ đăng vương 51
Hoa nho 10
Hồ nhĩ 138

Hoa đĩa 439
Hồ đôi tử 63
Hoa phấn 310
Hoa ploc 311
Hoa quốc khánh 315
Hoa sói lang 428
Hoa tai 24
Hồ thiết 130
Hồ thiết văn 129
Hoa tí ngọ 332
Hoa tím 334
Hoa tím thơm 334
Hoa văn anh 422
Hồ vĩ 129
Hoa xác pháo 31
Hoa xinh 312
Hồng anh 312
Hồng điệp môn 232
Hồng kích 164
Hồng mai 391
Hồng thụ ấn 385
Hồng trai 261
Hồng tuyết điệp 212
Hồng tuyết mai 360
Hoàn thảo 107
Hoàn thảo mảnh 107
Hoàng lan 390
Hoàng nam 392
Hoàng đàn 195
Hòe 390
Hương bài 108
Hương bồ 466
Hương dương 316
Hương dương đại 392
Hương dương đại tròn 392
Hỏa hoàng 311
Hỏa hoàng lam 312
Huệ 313
Huệ da cam 314
Huệ hồng 315

Huệ lồng đèn 60
 Huệ đỏ 335
 Huệ tây 315
 Huyền diệp 392
 Huyền thảo 309
 Huyết dụ 232
 Huyết hợp 233
 Huyết hoa 315
 Huyết rồng 254
 Huỳnh anh 51
 Huỳnh anh kép 52
 Huỳnh anh lá hẹp 52
 Huỳnh anh lớn 52
 Huỳnh anh vằn nâu 52
 Huỳnh anh vằn đỏ 52
 Huỳnh liên 427
 Huỳnh mai 406
 Huỳnh tinh cảnh 234
 Huỳnh tinh kiểng 221
 Huỳnh tinh rừng 235
 Huỳnh tinh vằn 222
 Huỳnh tinh vằn 236
 Kẹn 393
 Kề buồn 101
 Kề chỉ 87
 Kề cuống đỏ 98
 Keo lá dài 393
 Kề nam 86
 Kề nhật bản 97
 Kề đỏ 86
 Kề quạt 99
 Kề quạt bạc 99
 Kề quạt mỹ 100
 Keo sơn 394
 Kề tàu 89
 Keo tròn 394
 Kề voi 106
 Kẹo nèo 468
 Khế 451
 Khóm rần 223

Khù khởi 452
 Kiba 458
 Kiến cò 395
 Kiến ngư 13
 Kiến sâu 395
 Kiều hùng 395
 Kiều hùng đỏ 396
 Kiều nhụy 436
 Kiều quì 396
 Kiều tràng 295
 Kim anh 53
 Kim cúc 297
 Kim giao 196
 Kim giao 202
 Kim giao lá to 201
 Kim mẫu 108
 Kim mẫu vằn 108
 Kim ngân gân vàng 55
 Kim ngân hoa 54
 Kim ngân hoa tàu 55
 Kim ngân hoa trắng 55
 Kim ngư 468
 Kim đồng 397
 Kim phượng 397
 Kim quất 452
 Kim quít 452
 Kỳ nam kiến 123
 Kỳ tử 452
 La đơn 317
 La hán tùng 201
 Lâm nhung 56
 Lâm nhung áo 56
 Lâm vố 386
 Lâm vồ 427
 Lân bách 401
 Lân tăn 471
 Lân tăn đốm 241
 Lân tăn trở 241
 Lạc tiên cảnh 55
 Lan hoàng hậu 410

Lan huệ 319
 Lan huệ mạng 320
 Lan phi 343
 Lan thủy tiên 241
 Lan thủy tiên 243
 Lan tiêu 441
 Lanh sa mẫu tử 176
 Lanh sa tròn 176
 Lài 61
 Lài mỹ 400
 Lài nhiều hoa 61
 Lài đuôi chồn 426
 Lài tàu 400
 Lài trâu 416
 Lau 109
 Lá buồn ẩn 101
 Lá buồn đỏ 101
 Lá buồn to 101
 Lá cấm thạch 212
 Lá gấm 319
 Lá gói 86
 Lá lệch đá 256
 Lá lược 192
 Lá măng 237
 Lá mỏng 175
 Lá móng 398
 Lá mỏng đẹp 176
 Lá ngựa vằn 238
 Lá non 86
 Lá non xẻ 89
 Lá rải bàn 399
 Lá rết 179
 Lá sọc dưa 238
 Lá tối 11
 Lá trắng 239
 Lác dù 468
 Lác giấy 469
 Lão bạn 239
 Lay ơn 317
 Lệ nhi 327

Lễ bạn 239
 Liên đài 123
 Liên đài gù 124
 Liên đài lệch 126
 Liên đài đỏ 124
 Liên đài thùa 126
 Liệt nữ 321
 Liễu 469
 Liễu bách 264
 Liễu bách rủ 265
 Liễu đỏ 436
 Liễu rủ 469
 Liễu sam 197
 Liễu sam nhật 197
 Liễu tường hoa đỏ 401
 Lim xẹt 402
 Lo bo 403
 Lô biên 322
 Lỗ bình 322
 Lỗ danh 470
 Lô hội 127
 Lô hội cánh 128
 Lô hội vằn 128
 Lô hội vằn nhỏ 129
 Loa kèn đỏ 321
 Loa kèn trắng 315
 Lông heo 109
 Lồng đèn 453
 Lồng đèn 59
 Lựu 454
 Long thủ 403
 Long thủ vàng 404
 Lối thợ leo 75
 Lòng thuyền 286
 Lưỡi cọp vằn 129
 Lưỡi cọp xanh 130
 Lưỡi cọp xanh mép vàng 130
 Lưỡi hổ 127
 Lưỡi lân 173
 Lưỡi lân 179

Lưỡi lê 146
 Lưỡi lê 147
 Lưỡi mèo 131
 Lưỡi rắn thông 177
 Lưu ly thảo 323
 Lưu ly thảo cảnh 324
 Lu cu 404
 Lu lu cảnh 453
 Lu lu đỏ 453
 Lục bình 471
 Lục thảo 243
 Lục thảo cảnh 240
 Lục thảo lan 240
 Lục thảo thủy tiên 241
 Mận 378
 Mật cật 97
 Mật cật gai 94
 Mật cật ngón 98
 Mật cật nhỏ 96
 Mật cật to 97
 Mẫu đơn 373
 Mẫu tử 243
 Mộc tiên 46
 Măng bàn tay 237
 Măng tây 242
 Măng tây cảnh 242
 Mặt quỷ 231
 Mai 405
 Mai chấm thủy 405
 Mai chiếu thủy 405
 Mai đỏ 406
 Mai tứ quý 406
 Mai vàng 406
 Mai vàng thơm 407
 Mạch môn 214
 Mạch môn lá cụt 240
 Mạo dài lá nhỏ 471
 Mạo dài trổ 241
 Mạ san 114
 Mã hồ 404

Mao kiên ngư 15
 Mã kỳ 404
 Mã thiên hương 360
 Mã tiên bông 285
 Mần mần cảnh 324
 Mần đình hồng 345
 Mào gà 325
 Mào gà đỏ 325
 Me 407
 Me tây 423
 Mép dê 326
 Mi - mô - sa 394
 Mí 407
 Minh ty lá dài 245
 Minh ty rắn 244
 Minh ty sóng 244
 Minh ty trắng 245
 Mơ tam thể 57
 Mộc 411
 Mộc tiên bầu 47
 Môn cọng đỏ 273
 Môn lưỡng sắc 245
 Môn dóm 245
 Môn dóm bạch tạng 246
 Môn thạch học 246
 Môn trổ 245
 Môn trường sinh 247
 Môn trường sinh xanh 248
 Mồng gà 325
 Mộng tưởng 334
 Mò cua 408
 Mò mâm xôi 412
 Mò đỏ 380
 Mò thơm 412
 Mò vàng 381
 Mỡ vảy 412
 Mỡm sỏi 326
 Mười giờ 327
 Mười giờ nhỏ 328
 Mỏ két 128

Mỏ két lá dong 471
 Mỏ phượng 408
 Mỏ phượng đứng 409
 Mỏ phượng rủ 409
 Mỏ phượng treo 409
 Móc câu dò 131
 Móc điều 47
 Móc dùng đình 93
 Móc tai 275
 Móc. 94
 Móng bò hồng 409
 Móng bò lan 410
 Móng bò nhọn 410
 Móng bò sọc 409
 Móng bò tím 410
 Móng bò trắng 410
 Móng bò vàng 411
 Móng cạp xanh 57
 Móng rồng 33
 Móng trâu 177
 Móng trâu dày 178
 Móng trâu dẹt 178
 Móng trâu dẹt lông chim 178
 Móng trâu tròn 179
 Móng trâu xẻ 179
 Mù mắt 470
 Muồng hoa đào 413
 Muồng hoa vàng 413
 Muồng hồng lớn 418
 Muồng hoàng yến 414
 Muồng java 413
 Muồng đen 413
 Muồng ngũ 414
 Muồng trâu 472
 Muồng vàng thắm 402
 Muồng xiêm 413
 Nắc nẻ 275
 Nấp ẩm 58
 Nanh heo 133
 Náng củ 328

Náng đế 132
 Náng đế lá dài 132
 Náng tia 329
 Náng trường sơn 319
 Náng trụ 472
 Nê thảo 468
 Ngâu 415
 Ngâu tàu 415
 Ngà voi 133
 Ngải cứu cánh 290
 Ngải hoa 285
 Ngải hùm 331
 Ngải tiên 472
 Ngải tiên đỏ 473
 Ngải tiên vàng 473
 Nghệ hương 329
 Nghệ hương cánh 330
 Nghệ hương lai 330
 Nghệ hương dài 330
 Nghệ sen 331
 Ngô đồng 135
 Ngô thi 277
 Ngọc am 195
 Ngọc bút 416
 Ngọc điệp 269
 Ngọc giá 134
 Ngọc giá cuộn 134
 Ngọc giá vân 134
 Ngọc lan 416
 Ngọc lan ta 390
 Ngọc lan trắng 417
 Ngọc long 308
 Ngọc nữ 59
 Ngọc nữ hồng 59
 Ngọc nữ đỏ 59
 Ngọc nữ thơm 412
 Ngọc nữ vẩy 412
 Ngọc trâm 331
 Ngọc trâm voi 331
 Ngọc tùng 194

Ngót 70
 Ngót ngào 60
 Ngũ phương 332
 Ngũ sắc 434
 Ngũ sắc điệp 249
 Ngũ tinh 333
 Ngũ trảo 417
 Nguyệt bạch 294
 Nguyệt quới 418
 Nha đam 127
 Nha đam vắn 128
 Nhâm hôi 418
 Nhài 61
 Nhài leo 61
 Nhài vàng 62
 Nho 62
 Nho đen nhỏ 63
 Nho đen lớn 63
 Nho đỏ 63
 Nho trắng 63
 Nho biển 419
 Nhội đàn 419
 Nhót 63
 Nhót tây 429
 Nhum 102
 Nhung hoa 250
 Nhũ cúc đồng 298
 Nhuộm móng tay 398
 Nữ trinh 425
 Nở ngày 271
 Nứa 109
 Ô liêm mẫu 39
 Ô môi 418
 Ô rô đỏ 250
 Ô rô núi 64
 Ô rô sao tím 251
 Ô rô xanh 251
 Ổ rồng 180
 Ổ rồng kẻ 180
 Ốc tử 420

Ối lùn 420
 Ối tàu 420
 Ốt 455
 Ốt tàu 456
 Păng - xê 334
 Păng xê nhỏ 335
 Păng xê thơm 334
 Pê - tra 21
 Pê-tun 279
 Phát dụ 252
 Phát dụ hẹp 253
 Phát dụ mảnh 253
 Phát dụ dóm mờ 254
 Phát dụ rộng 254
 Phát dụ thơm 263
 Phát dụ trúc 254
 Phát dụ trúc lang 255
 Phát dụ vắn 256
 Phát dụ tùn 207
 Phát tải sọc 252
 Phật thủ 456
 Phát dụ sọc 252
 Phát dụ xanh 251
 Phát tải 251
 Phi lao 421
 Phi yến 283
 Phong diệu yếu 338
 Phong huệ 335
 Phong huệ lớn 336
 Phong huệ trắng 336
 Phong huệ vàng 336
 Phong lữ 336
 Phong nhạn 330
 Phượng tím 424
 Phượng vĩ 423
 Phượng vĩ tím 424
 Phượng vũ 83
 Phước 311
 Phước hoa 422
 Phụ lệ bò 256

Phu lệ đẹp 257
 Phù dung 421
 Quất 457
 Quạt xòe 176
 Quanh châu 425
 Quả nổ 337
 Quyển bá 180
 Quyển bá bò 180
 Quyển bá cuộn 181
 Quyển bá lá dày 181
 Quyển bá mỏng 473
 Quyển bá đứng 181
 Quyển bá thận 182
 Quyển bá thận bạc 182
 Quyển bá trường sinh 182
 Quyển bá vẩy 473
 Quỳnh 135
 Quỳnh đỏ 136
 Râm 425
 Râm bọt 22
 Râm bọt sè 25
 Râu cây 183
 Râu hùm 337
 Râu mèo 338
 Râu mèo mảnh 338
 Râu ông lão 64
 Râu rồng 183
 Râu rồng lá 183
 Râu rồng tua 184
 Rạng đông 31
 Ràng ràng 174
 Rau cúc 295
 Rau mác 474
 Rau mác tròn 475
 Ráng can xỉ hình phẳng 190
 Ráng chò chanh 185
 Ráng liên sơn lưỡi dao 176
 Ráng liên tọa bần 173
 Ráng ổ phụng 189
 Ráng tây sơn 174

Ráng thận lân 179
 Ráng thận lân chẻ 179
 Ráng thận lân hình tim 177
 Ráng thận lân đứng 178
 Ráy bụi 257
 Ráy cảnh 257
 Ráy cửa sổ 70
 Ráy leo lá lớn 69
 Ráy leo lá xè 70
 Ráy xè 258
 Rẻ quạt 338
 Rìa xanh 67
 Riêng nước 339
 Rỗng nhà ngọc 59
 Roi ấn độ 457
 Roi tiên trắng 426
 Rong đuôi chồn 475
 Rong đuôi chồn mỹ 476
 Rong đuôi chó 475
 Rong xương cá 475
 Ruối 64
 Ruối ô rô 64
 Ry đẹp 339
 Sâm cau 286
 Sâm cau lá rộng 287
 Sâm chua 340
 Sâm nam 122
 Sâm tuế 208
 Sậy 112
 Sậy cảnh 110
 Sậy núi 112
 Sậy trở 112
 Sậy trở sọc 113
 Saba xanh 88
 Sắn vằn 258
 Sặt 110
 Sặt cảnh 111
 Sặt cong 111
 Sặt cỏ 111
 Sặt nhỏ 111

Sặt sọc 112
 Sam đá 426
 San hô xanh 136
 Sanh 427
 Sanh lá nhỏ 427
 Sao nhái chuẩn chuẩn 289
 Sao nhái đỏ 289
 Sàn sạt 65
 Sát thủ dóm 378
 Sẹ đỏ 340
 Sẹ vòng 340
 Sen 476
 Sen Amaxôn 477
 Sen cạn 341
 Sen hoàng hậu 477
 Sen đất 370
 Sen trắng 476
 Sen vàng 476
 Si (gừa tàu) 427
 Si dóm 427
 Sư nha 343
 So đo bông vàng 427
 So đo cam 388
 Sô đỏ 430
 Sô đỏ lùn 432
 Sôn 430
 Sống đời 149
 Sộp 427
 Sơn cóc 373
 Sơn liễu 429
 Sơn quì 392
 Sơn quì lá tròn 392
 Sơn thế 198
 Sơn thù du nhật 458
 Sơn trà 429
 Sơn trà nhật bản 429
 Sơn trà nhám 368
 Sơn tuế đế 199
 Sơn tuế xiêm 199
 Song bào 342

Song di 259
 Sò huyết 239
 Sũa 408
 Sừng hươu 151
 Sừng hươu 185
 Sừng trâu 459
 Sứ 416
 Sứ cùi 375
 Sứ quân tử 34
 Sứ thái 137
 Sói 428
 Sung 427
 Sung 458
 Sung thần lằn 74
 Súng lam 478
 Súng đỏ 478
 Súng trắng 477
 Tầm sét 16
 Tầm vông 114
 Tầm xuân 66
 Tắc 457
 Tai cùi 139
 Tai hùm 138
 Tai tượng đuôi chồn 432
 Tai tượng trở 259
 Tai voi 61
 Tế 174
 Thần tiên bát tử 167
 Thận tử 102
 Thận tử sọi 102
 Thập nhị 136
 Thần lằn 433
 Thạch thảo 287
 Thạch trụ thiên 139
 Thạch tùng dài 186
 Thạch tùng nghiêng 186
 Thạch tùng thân gấp 183
 Thạch tùng tua mọc 184
 Thạch tùng vẩy 183
 Thạch tùng xoan 184

Thạch xương bồ 478
Thanh anh 343
Thanh long 154
Thanh quan 67
Thanh quan trắng 67
Thanh táo 68
Thanh tùng 203
Thanh yên 444
Thài lài tía 261
Thài lài tím 262
Thảo bạc mềm 17
Thảo bạc tím 12
Thích lệ tử 53
Thích tím 263
Thiên môn đông 263
Thiên điều 433
Thiên tuế 200
Thiên tuế bắc 200
Thiên tuế biển 198
Thiên tuế uốn 207
Thiết giác lưỡi liềm 190
Thiết mộc lan 263
Thổ yên hoa 256
Thông ba lá 201
Thông hai lá 200
Thông la hán 201
Thông la hán cánh 202
Thông lông gà 202
Thông mù 208
Thông đất 186
Thông đất dùi 186
Thông nang 202
Thông nhựa 200
Thông đỏ 203
Thông thiên 435
Thông tre 202
Thông úc 204
Thông xanh 203
Thông xanh lá vàng 204
Thốt nốt 103

Thoát bào lan 344
Thơm dùm 140
Thơm kiểng 223
Thơm ổi 434
Thược dược 347
Thượng cán 69
Thượng cán cuống mập 71
Thượng cán mỹ rách 70
Thượng cán mỹ xẻ 70
Thượng cán đuôi phượng 71
Thượng cán xẻ 70
Thượng nữ 149
Thượng nữ núi 149
Thường sơn 68
Thu hải đường bắc 141
Thu hải đường châu đốc 141
Thu hải đường mỹ 142
Thu hải đường đá 142
Thu hải đường nguyên 143
Thu hải đường thau dầu 143
Thu hải đường trắng 143
Thu hải đường trường xuân 144
Thu hải đường vằn 144
Thu hải đường xẻ 145
Thu thảo 104
Thục địa gỗ 435
Thục quỳ 345
Thù lù lông 453
Thùa 146
Thùa cánh 147
Thùa nhỏ 148
Thùa xanh 148
Thuốc bông 149
Thuốc dẫu 120
Thuốc giò 150
Thuốc kê 461
Thuốc trặc 68
Thùy ti liễu 264
Thủ lân 145
Thủy nữ 479

Thủy tiên 346
 Thủy trúc 468
 Thủy tùng 237
 Thủy xương hổ 479
 Tỉ liểu 264
 Tỉ liểu rủ 265
 Tía tô cảnh 265
 Tía tô mập 266
 Tía tô tây 265
 Tía tô tím 267
 Tiềm liên 479
 Tiêu đội 71
 Tiêu lốt 72
 Tiêu long 72
 Tiêu long Java 71
 Tiểu đình hồng 348
 Tigôn 10
 Tổ chim 189
 Tổ chim cong 190
 Tổ chim dài 190
 Tổ chim thưa 191
 Tô hạp bách 204
 Tô liên 349
 Tô liên á 350
 Tô liên Thái Lan 350
 Tô mách chim 446
 Tổ diều 189
 Từ bi 351
 Từ cô 474
 Tương tư đậu 26
 Tường liên 154
 Tường vi 441
 Tước kim chi 268
 Tử tiêu 441
 Tử vi tàu 441
 Tóc thần 187
 Tóc thần đuôi 187
 Tóc thần phi 188
 Tóc thần xanh 189
 Tóc tiên 335

Tóc tiên 38
 Tóc tiên rừng 342
 Tóc vệ nữ 187
 Tỏi lan 240
 Tỏi lơ tía 329
 Tỏi lơ trắng 328
 Tỏi lơ trụ 472
 Tỏi trời 344
 Trâm hùng 74
 Trâm sơ ri 457
 Trầu bà 268
 Trầu cổ 74
 Trầu cổ nhỏ 75
 Trầu không 73
 Trầu trời (ráy leo) 73
 Trầu trời lá lớn 70
 Trầu trời mỹ 74
 Trắc bá 205
 Trắc bách diệp 205
 Trắc bách diệp lớn xoắn 206
 Trai đỏ 262
 Trai tích lan 459
 Trạng nguyên 437
 Trang sơn 380
 Trang tây 437
 Trang to 380
 Trang trắng 380
 Trang vàng 381
 Trang vàng cam 381
 Trà hàng rào 72
 Trà mi 387
 Trà mi 436
 Trâm bông đỏ 436
 Trái nấm 459
 Tre mạnh tông lớn 114
 Tre mạnh tông đặc 114
 Tre dùi gà 113
 Tre ống diều 113
 Tre trở 115
 Tre vàng sọc 115

Trị rắn 51
Trọng dừa 460
Trường an 350
Trường sinh dẹt 150
Trường sinh hồng 151
Trường sinh lá to 152
Trường sinh lá tròn 152
Trường sinh lá xẻ 151
Trường sinh ống 153
Trường sinh phụ 149
Trường sinh rắn 153
Trường sinh rách 151
Trường sinh xuân 153
Trước đào 202
Trước đào 438
Trúc bạc 268
Trứng chí 404
Trứng gà nhỏ 371
Trứng vịt 182
Trùm bao trứng 55
Trúc cảnh 115
Trúc cảnh 117
Trúc hóa long 116
Trúc lùn 117
Trúc lùn nhật 118
Trúc đào 438
Trúc đào kép 439
Trúc đen 116
Trúc nhật 254
Trúc nhật dóm 255
Trúc sặt 110
Trúc vàng 118
Trúc vương 118
Tu hú lá dài 461
Tu hú mỹ 461
Tu hú đông 75
Tu hú đỏ 461
Tu hú phi 76
Tu hú trắng 461
Tu líp 351

Tùng mốc 206
Tùng ngắn 207
Tùng xà 194
Tú cầu 439
Túc vàng 116
Tút thiên nhon 263
Tuyển nha 76
Vân môn 353
Vân môn dóm 353
Vẩy ốc 74
Vẩy trúc 311
Vấp 442
Vạn diệp 352
Vạn niên bạch 245
Vạn niên bụi 244
Vạn niên thanh 268
Vạn niên vạch 244
Vạn thọ nhỏ 298
Vạn tuế 207
Vạn tuế chìm 208
Vạn tuế mỹ 208
Vạn tuế nam 208
Vạn tuế trung 208
Vàng anh 442
Vàng bạc 269
Vi lân lá dẹt 192
Vi lân mảnh mai 192
Viên trùng 204
Vi hoa đẹp 354
Vi hoa rắng 354
Vi hoa thơm 355
Vi hoa trắng 271
Vi hoa tròn 355
Vông nem 443
Vông vang 356
Vọt 174
Vọt gai 154
Vọt gai biển 155
Vọt gai cánh 155
Vương tùng 193

BẢNG TRA CỬU TÊN CÂY BẰNG TIẾNG LA TÍNH

Abelmoschus moschatus Moench.

356

Abrus pauciflorus Desv. 26

Abrus precatorius L. 26

Acacia caleyi Cunn. 394

Acacia floribunda Hort. 394

Acacia fraseri Hook. 394

Acacia intertexta Sieb.; 393

Acacia lebbek Willd. 361

Acacia longifolia Willd. 393

Acacia longifolia Willd. var.

floribunda F.V.M. 393

Acacia longifolia Willd. var.

sophorae F.V.M. 393

Acacia obtusifolia A. Cunn. 393

Acacia podalyriaefolia Cunn. 394

Acacia retinodes Schlecht. 394

Acacia semperflorens Hort. 394

Acalypha eurardii Gagn. 72

Acalypha fruticosa Auct. 72

Acalypha hispida Burm. f. 432

Acalypha hispida Burm. f.

var. *alba* Hort. 432

Acalypha hispida Burm. f.

var. *ramosa* Hort. 433

Acalypha sanderi N.E.Br. 432

Acalypha tricolor Hort. ex Seem. 259

Acalypha uilkesiana Muell- Arg 259

Acanthaceae 10, 26, 27, 28, 29, 45,

68

Acanthaceae 211, 238, 249, 250, 251

269, 308, 311, 312, 337, 365,

387, 388, 395, 403

Acanthus integrifolius T. Anders 10

Acer palmatum L.

var. *atropurpureum* 263

Aceraceae 263

Achania malvaviscus Swartz. 24

Achillea Millefolium L.

var. *roseum* Hort. 353

Achillea Millefolium L. var. *rubrum*

Hort. 353

Achimenes cupreata Hook. 210

Achyranthes verschaaffeltii Lem. 250

Acorus calamus L.

var. *variegatus* Hort. 479

Acorus calamus Linn. 479

Acorus gramineus Soland. 478

Acorus gramineus Soland.

var. *pusillus* Engl. 478

Acorus gramineus Soland.

var. *variegatus* Hort. 478

Actinophleus macarthurii Becc. 79

Adamia versicolor Fortune 68

Adenium obesum Roem. et Sch. 137

Adiantaceae 187, 187, 188, 189

Adiantum arcuatum SW. 188

Adiantum capillus - veneris L. 187

Adiantum caudatum Bak. 187

Adiantum ciliatum Bl. 187

Adiantum dolabriforme Hook. 188

Adiantum flabellulatum L. 189

Adiantum luddemanianum Hort.

187

Vết 189
 Vuốt cạp 57
 Xa kê 461
 Xa mu 208
 Xạ can 338
 Xạ thảo nhật 214
 Xác pháo 401
 Xác pháo núi 430
 Xi rô 462
 Xơ - ri 463
 Xộp 74
 Xương khô 136
 Xương rắn 164
 Xương rồng ba cạnh 164
 Xương rồng bạc đầu 156
 Xương rồng bạch điều 157
 Xương rồng bạch thổ 157
 Xương rồng bạch vũ 158
 Xương rồng bà 156
 Xương rồng bà nhãn 156
 Xương rồng bàn tay 139
 Xương rồng cầu vòng 167
 Xương rồng cột 139
 Xương rồng dẹt 154
 Xương rồng dẹt cánh 155
 Xương rồng điệp long 158

Xương rồng điệp long lớn 159
 Xương rồng dưa 159
 Xương rồng dưa gang 160
 Xương rồng gai heo 161
 Xương rồng gai đỏ 131
 Xương rồng hồng tử đình 161
 Xương rồng huỳnh hoa 121
 Xương rồng kẽm trồng đỏ 161
 Xương rồng khế 162
 Xương rồng kim cương 162
 Xương rồng long cốt (nọc trụ) 163
 Xương rồng móc câu 163
 Xương rồng năm cạnh 156
 Xương rồng đào lê tiên 160
 Xương rồng ông 164
 Xương rồng ông cảnh 164
 Xương rồng tàu 164
 Xương rồng thần tiên 167
 Xương rồng thần tiên vàng 167
 Xương rồng thái dương 165
 Xương rồng thái dương đỏ 166
 Xương rồng thái dương tím 167
 Xương rồng trứng 168
 Xương rồng xoài riêng 168
 Xúc xích 444

Adiantum lunulatum Burm. 188
Adiantum philippinense L. 188
Adiantum regine Hort. 187
Aeaceae 479
Aechmea fasciata 225
Aegle marmelos Correa Egle' 459
Aeschynanthus evardii Pell. 145
Aesculus chinensis Bunge 393
Agapanthus umbellatus L'Her. var.
albidus Hort. 344
Agapanthus umbellatus L'Her. var.
atrocaeruleus Hort. 344
Agapanthus umbellatus L'Her. var.
aureus Hort. 344
Agapanthus umbellatus L'Her. var.
flore-pleno Hort. 344
Agapanthus umbellatus L'Her. var.
minor Hort. 344
Agapanthus umbellatus L'Her. var.
multiflorus Voss. 344
Agapanthus umbellatus L'Her. var.
praecox Hort. 344
Agapanthus umbellatus L'Her. var.
weillighii Hort. 344
Agapetes poilanei Dop. 149
Agapetes velutina Guill. 149
Agaphanthus africanus Hoffm. 343
Agaphanthus umbellatus L'Her 343
Agathis australis Steud. 204
Agavaceae 134, 146, 147, 148, 313
Agave altissima Zun. 146
Agave americana Linn. 146
Agave angustifolia Haw. 148
Agave bulbifera Salm. - Dyck. 147
Agave cantula Roxb. 147

Agave foetida Linn. 148
Agave Jacquiniiana Schult.f. 148
Agave lucida Jacq. 148
Agave ramosa Moench. 146
Agave spectabilis Salisb. 146
Agave vivipara L. 147
Agave wrightii Prain. 148
Ageratum caeruleum Desf. 292
Ageratum conyzoides Linn. 292
Ageratum houstonianum Mill. 293
Ageratum mexicanum Sims. 293
Aglaia odorata Lour. 415
Aglaia duperreana Pierre 415
Aglaonema commutatum Hort. 244
Aglaonema costatum Veitch. 244
Aglaonema marantifolium Bl. 244
Aglaonema marantifolium Bl. var.
commutatum Schott. 244
Aglaonema marantifolium var.
maculatum Hook. 244
Aglaonema oblongifolium Kth, 244
Aglaonema pseudobracteatum Hort.
 245
Albizia lebbek Benth. 361
Aletris fragrans L. 263
Alismaceae 474
Allamanda cathartica L. 51
Allamanda hendersoni Hort. 51
Allamanda neriifolia Hook. f. 52
Alliaceae 343
Allospondias lakoensis (Pierre)
 Stapf. 257
Alocasia macrorrhiza (L.) G. Don
 257

Alocasia sanderiana W. Bull. 258
Aloe abyssinica Lamk. 128
Aloe barbadensis Mill. 127
Aloe elongata Murr. 127
Aloe flava Pers. 127
Aloe foetida Crantz. 148
Aloe maculata Fork. 128
Aloe perforliata vera Linn. 127
Aloe punctata Haw. 128
Aloe variegata Linn. 128
Aloe vera Linn. 127
Aloe vulgaris Lam. 127
Aloysia virgata 426
Alpinia nutans Roscoe 339
Alpinia purpurata Linn. 340
Alsophyla contaminans Wall. 173
Alsophyla glauca J. Smith. 173
Alstonia scholaris R. Br. 408
Alternanthera amabilis Versch. 220
Alternanthera ficoidea 220
Alternanthera repens (L.) O. Ktze.
 forma rubra Hort. 220
Althaea rosea (L.) Cav. 345
Amaranthaceae 219, 220
Amaranthaceae 250, 271, 301, 301,
 325
Amaranthus caudatus Linn. 301
Amaranthus hybridus L. var.
 paniculatus Uline et Bray 301
Amaranthus paniculatus Linn. 301
Amaranthus tricolor L. var.
 splendens Bail. 219
Amaryllidaceae 272, 272, 314, 316,
 319, 320, 321, 328, 329, 331,

 335, 344, 346, 472
Amaryllis aurea L'Her. 344
Amaryllis belladonna Linn. 321
Amaryllis carnea Schult. 335
Amaryllis equestris Ait. 319
Amaryllis reticulata L'Herit 320
Amomum magnificum Benth. et
 Hook. 304
Ampelidaceae 50
Amygdalus persica Linn. 376
Anacardiaceae 373
Ananas sativus Lindl. var.
 variegatus Hort. 228
Andropogon muricatus Retz. 108
Angelonia salicariaefolia Humb. et
 Bonpl. 273
Annonaceae 33
Annonaceae 390, 392
Anthemis coronaria Hort. 295
Anthericum picturatum Hort. 243
Anthericum vittatum Hort. 243
Anthericum williamsii Hort. 243
Anthurium andreanum Ldl. var.
 album Hort. 356
Anthurium andreanum Ldl. var.
 gameri Hort. 356
Anthurium andreanum Ldl. var.
 salmonium Hort. 356
Anthurium andreanum Lindl. 355
Anthurium dentatum Hort. 354
Anthurium magnificum Linn. 354
Anthurium Scherzerianum Schott.
 355
Anthurium Scherzerianum Schott.
 var. *album* Hort. 355

Anthurium Sherzerianum Schott.
 var. *andegavense* Hort. 355
Anthurium Sherzerianum Schott.
 var. *nebulosum* Hort. 355
Anthurium Sherzerianum Schott.
 var. *parisiense* Hort. 355
Antigonon leptopus Hook. et Arn. 10
Antirrhinum latifolium DC. 326
Antirrhinum majus Linn. 326
Aphelandra squarrosa Nees. 238
Apocynaceae 303, 375, 376, 405,
 408, 416, 435, 437, 438, 439,
 459, 462
Apocynaceae 35, 49, 51, 52, 76
Aponogeton distachyus L. f. var.
lagrangei Hort. 466
Aponogeton distachyus Linn.f. 465
Aponogetonaceae 465
Araceae 211, 232, 244, 244, 245, 245,
 246, 247, 257, 258, 268, 271,
 273, 353, 354, 355, 464, 465,
 478, 248, 354
Araceae 69, 70, 70, 71, 73
Aralia balfouriana Sander 385
Aralia filicifolia Moore 382
Aralia fruticosa Hort. 384
Aralia guilfoylei Bull. 383
Aralia monstrosa Hort. 383
Aralia victoriae Hort. 384
Araliaceae 122, 259, 381, 382, 383,
 384, 385
Araucaria bidwill Hook. 194
Araucaria columnaris (G. Forst.)
 Hook. 193
Araucaria cookii R. Br. 193

Araucaria cunninghamii D. Don 194
Araucaria excelsa R. Br. 193
Araucariaceae 193, 194, 204
Archillea Millefolium Linn. 352
Archontophoenix alexandrae
 Wendl. et Drude 79
Ardisia crenata Sims. 460
Ardisia crenulata Lodd. 460
Ardisia crispa Hort. 460
Ardisia crispa Hort. var. *fructu-*
albo Hort. 460
Ardisia crispa Hort. var. *fructu-*
luteo Hort. 460
Ardisia crispa Hort. var. *variegata*
 Hort. 460
Areca catechu L. 77
Areca gracilis Thouars 82
Areca lutescens Borry. 82
Areca nobilis Hort. 102
Arecaceae 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83,
 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 92,
 93, 94
Arecaceae 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100,
 101, 102, 103
Arecastrum romanzollianum Becc.
 92
Arenga pinnata (Warmb.) Merr. 77
Argemone mexicana Linn. 278
Argemone speciosa Hort. 278
Argyreia argentea Miq. 17
Argyreia mollis (Burm.f.) Choisy 17
Argyreia nervosa (Burm.f.) Boi 12
Argyreia speciosa Sweet. 12
Armeniaca mume Sieb. 405
Artabotrys odoratissima R. Br. 33

- Artabotrys uncinatus* (Lam.) Merr. 33
- Artemisia capillaris* Thunb. 290
- Artocarpus altilis* (Park.) Forb. 461
- Artocarpus communis* J. R. et G. Forst. 461
- Arum bicolor* Ait. 245
- Arundinaria auricoma* 112
- Arundinaria falcata* Nees in L. 111
- Arundinaria japonica* Sieb. et Zucc. 118
- Arundinaria pusilla* Chev. et Cam. 111
- Arundinaria sat* Bul. 110
- Arundinaria viridistriata* 112
- Arundo donax* L. 110
- Asclepiadaceae* 277, 278
- Asclepiadaceae* 29, 37, 46, 47, 74
- Asclepias carnosa* L. 29
- Asclepias cordata* Burm. f. 37
- Asclepias curassavica* Linn. 277
- Asclepias pulchella* Roxb. 74
- Asparagaceae* 237, 242, 263
- Asparagus acerosus* Roxb. 263
- Asparagus officinalis* L. 242
- Asparagus plumosus* Baker. 237
- Asparagus sprengeri* Regel. 242
- Asphodelaceae* 127, 128, 129
- Asphodelaceae* 240, 241, 243
- Aspleniaceae* 189, 190, 191
- Asplenium australasicum* Hook. 189
- Asplenium belangerii* (Borrey.) O. Ktze. 191
- Asplenium falcatum* Lamk. 190
- Asplenium longissimum* Blume 190
- Asplenium nidus* L. 189
- Asplenium veichianum* Moore 191
- Asteliaceae* 232, 233
- Aster amellus* Linn. 287
- Aster trinervius* Roxbg. 288
- Asteraceae* 218, 274, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300, 302, 306, 316, 343, 347, 351, 352, 392, 392, 396
- Asystasia chelonoides* Nees. 251
- Attalea macro carpa* Linden. 92
- Aucuba japonica* Thunb. 458
- Averrhoa carambola* Linn. 451
- Azalea indica* Sims. non Linn. 385
- Azolla imbricata* Nakai 464
- Azolla pinnata* Br. 464
- Azollaceae* 464
- Balsamina hortensis* DC. 275
- Balsaminaceae* 275, 276
- Bambusa argentea* Hort. 112
- Bambusa aurea* Hort. 118
- Bambusa falcata* Hort. 111
- Bambusa mitis* Hort., non Poir 115
- Bambusa nigra* Lodd. 116
- Bambusa quadrangularis* Penzi. 118
- Bambusa stricta* Roxb. 114
- Bambusa ventricosa* Mc. Clure 113
- Bambusa vulgaris* Schrader ex Wendl. var. *aurea - variegata* Hort. 115
- Bambusa vulgaris* var. *striata* Gamble 115

Barleria cristata Linn. 387
Barleria lupulina Lindley. 388
Bauhinia acuminata L. 410
Bauhinia monandra Kurz. 409
Bauhinia purpurea Linn. 410
Bauhinia tomentosa L. 411
Bauhinia triandra Roxbg. 410
Bauhinia variegata Linn. 409
Beaucarnea longifolia Baker. 132
Beaucarnea recurvata Ch. Lem. 132
Beaumontia fragrans Pierre 49
Beaumontia grandiflora Wall. 49
Begonia baviensis Gagnep. 141
Begonia bowringiana Champ. 145
Begonia daveauana Carr. 256
Begonia davisii Veitch. 142
Begonia dolifolia Hort. 143
Begonia harmandii Gagnep. 141
Begonia integrifolia Dalz. in Hook.
 143
Begonia laciniata Roxb. 145
Begonia rex Putz. 144
Begonia ricinifolia Hort. 143
Begonia rupicola Miq. 142
Begonia semperflorens Link. et Otto
 144
Begonia spathulata Willd. 144
Begoniaceae 141, 142, 143, 144, 145
Belamcanda chinensis DC. 338
Belamcanda punctata Moench, 338
Beloperone guttata Brand. 403
Berberidaceae 404
Berberis nepalensis Spreng. 404
Bidens atrosanguinea Ort. 289

Bidens dahlioides Wats. 289
Bignonia floribunda Hort. 11
Bignoniaceae 11, 31, 44
Bignoniaceae 379, 388, 424, 427
Bignoniaceae 444, 450
Billbergia amoena Lindl. 224
Billbergia discolor. Beer. 2 24
Billbergia pyramidalis (Sims.) Lindl.
 223
Billbergia speciosa Thunb. 224
Billbergia variegata Schult. f. 224
Biognonia venusta Ker. 31
Biota orientalis (L.) Endl. 205
Bombacaceae 386
Bombax ceiba Burme. 386
Bombax malabaricum DC. 386
Boraginaceae 239, 323, 324
Borassus flabellifer L. 103
Borassus flabelliformis Mart. 103
Bougainvillea glabra Choisy 48
Bougainvillea speciosa Lindl. non
 SchintzL. 47
Bougainvillea spectabilis Willd. 47
Bougainvillea splendens Hort. 47
Brahea dulcis Mart. 101
Brahea filamentosa Hort. 87
Breynia disticha Forst. var. *rose-*
 picta Hort. 212
Breynia rhamnoides Muell-Arg. 368
Bromeliaceae 140, 223, 224, 225,
 226, 228
Brownea ariza Benth. 364
Brownea grandiceps Jacq. 364
Brownea Rosa de Monte Berger. 364

Brugmania suaveolens D. Don. 363
Brunfelsia hopeana Benth. 400
Brunfelsia pauciflora (Pohl.) D. Don. 400
Bryophyllum calycinum Salisb. 149
Bryophyllum tubiflorum Haw. 153
Buddleia davidii Franch. 278
Butea frondosa Roxbg. 386
Butomaceae 468
Cactaceae 121, 131, 135, 136, 139, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 165, 166, 167, 168
Cactus peruvianus Linn. 163
Caesalpinia pulcherrima Sw. var. *flava* Hort. 398
Caesalpinia pulcherrima Swartz. 397
Caesalpinaceae 268, 364, 397, 402, 407, 409, 410, 411, 413, 414, 418, 423, 442, 472
Caladium bicolor (Ait.) Vent. 245
Caladium candidum Hort. 246
Caladium odorum Lindl. 257
Calathea bicolor Steud. 221
Calathea cf. *clossoni* Hort. 235
Calathea ornata (Lind.) Koern. 234
Calathea zebrina (Sims.) Lindl. 236
Calla aethiopica L. 353
Calla rubens Roxb. 273
Calliandra emarginata Benth. 396
Calliandra hematocephala Hassk. 395
Callicarpa americana L. var. *alba* Hort. 461

Callicarpa americana Linn. 461
Callicarpa dichotoma (Lour.) K. Koch. 461
Callicarpa gracilis Sieb. et Zucc. 461
Callicarpa longifolia Lam. 461
Callicarpa purpurea Juss. 461
Calliopsis tinctoria DC. 299
Callispida guttata (Brand.) Brem. 403
Callistemon citrinus (Curtis) Skeels. 436
Callistemon lanceolatus Sweet 436
Callistemon lanceolatus Sweet. var. *semperflorens* Hort. 437
Callistephus chinensis (L.) Ness. 295
Callistephus hortensis Cass. 295
Callitrichaceae 467
Callitriche antoginalis Hort. 467
Callitriche stagnalis Scop. 467
Calocedrus macrolepis Kurz. 204
Calomyction aculeatum Ochse. 19
Calomyction speciosum Choisy 19
Camellia amplexicaulis (Pit.) Coh. - Swact. 387
Camellia japonica Nois. 436
Camellia japonica Nois. var. *flore pleno* Hort. 436
Campsis radicans Seem. 44
Canarium odoratum (Lamk.) King 390
Canavallia ensiformis (L.) DC. 42
Canavallia microcarpa (DC.) Merr. 42
Canna coccinea Link. 284
Canna crocea Hort. 284

Canna hybrida Hort. 285
Canna indica Linn. 284
Canna patens Roscoe 284
Cannabinaceae 65
Cannaceae 284, 285
Capparaceae 324
Caprifoliaceae 54, 449
Capsicum annuum L. var.
 abbreviatum Fingh. 456
Capsicum annuum L. var.
 acuminatum Fingh. 455
Capsicum annuum L. var.
 cerasiforme Irish. 456
Capsicum annuum L. var. *conoides*
 Irish 455
Capsicum annuum L. var.
 fasciculatum Irish. 455
Capsicum annuum L. var. *grossum*
 Sendt. 455
Capsicum annuum L. var. *longum*
 Sendt. 455
Capsicum annuum Linn. 455
Capsicum baccatum L. 455
Capsicum cerasiforme Mill. 456
Capsicum chilense Hort. 455
Capsicum chinensis L. 456
Capsicum conoides Mill. 455
Capsicum fasciculatum Sturt. 455
Capsicum frutescens L. 455
Capsicum grossum Linn. 455
Capsicum longum DC. 455
Capsicum luterum Lam. 456
Capsicum umbilicatum Vell. 456
Cardiospermum halicacabum Linn.

Carissa carandas Linn. 462
Carmona retusa (Vahl.) Matsam. 368
Carbone microphylla (Lam.) Don
 368
Caryophyllaceae 275, 280, 281, 321
Caryota furfuraca Bl. 93
Caryota mitis Lour. 93
Caryota sobolifera Wall. 93
Caryota urens L. 94
Cassia alata L.f. 472
Cassia fistula Linn. 414
Cassia grandis Linn. f. 418
Cassia siamea Lamk. 413
Cassia splendida Vogel. 413
Casuarina equisetifolia J.S. et G.
 Forst. 421
Casuarinaceae 421
Catharanthus roseus (L.) G. Don 303
Catimbum speciosum (Wendl.)
 Holt. 339
Cayratia japonica (Thunb.) Gagnep.
 39
Celosia argentea Linn. 325
Celosia cristata Linn. 325
Centratherum intermedium Less.
 295
Centrosema pebescens Benth. 38
Cephalocereus senilis (Haw.) Pfeiff.
 156
Cephalotaxaceae 203
Cerasus lannesiana Carr. 357
Cerasus phoshia Hamilt. 357
Cerasus puddum Wall. 357
Ceratophyllaceae 468

Ceratophyllum demersum Linn. 468
Ceratopteris pteridoides Hort. 476
Ceratopteris thalictroides (L.)
 Brongn. 475
Cereus candicans Hort. 167
Cereus pectinatus EngL. 166
Cereus peruvianus (L.) Mill. 163
Cereus rigidissimus Hort. 167
Cereus senilis DC. 156
Cereus viridiflorus Engl. 165
Cestrum aurantiacum Lindl. 33
Cestrum elegans Schlecht. 32
Cestrum elegans Schlecht. 371
Cestrum nocturnum Linn. 32
Cestrum purpureum Standl. 371
Chalcas paniculata L. 418
Chamaecereus sylvestri (Speg.) Britt.
 et Rose 160
Chamaecyparis funebris (Endl.)
 Franco 195
Chamaedorea elegans 82
Chamaerops chinensis Hort. 85
Chamaerops exelsa Thunb. 85
Chamaerops fortunei Hook. 85
Cheiropleuriaceae 180
Chimonobambusa quadrangularis
 (Fenzi.) Mak. 118
Chirita eherhardtii Pellegrin 261
Chloranthaceae 428
Chloranthus brachystachys Bl. 428
Chloranthus glaber (Thunb.) Mark.
 428
Chlorophytum bichetii Back. 240
Chlorophytum elatum R. Br. 243

Chlorophytum laxum. R.Br. 241
Chlorophytum orchidastrum Lindl.
 240
Chrysalidocarpus lutescens H.
 WendL. 82
Chrysanthemum coronarium L. 295
Chrysanthemum indicum L. 297
Chrysanthemum maximum Ramond.
 297
Chrysanthemum morifolium Ramat.
 296
Chrysanthemum sinense Sabine 296
Chrysothemis pulchella (Donn.)
 Decaisne 319
Cineraria petasitis Sims. 291
Cissus discolor Vent. ex Planch. 50
Cissus japonica Willd. 39
Cissus modeccides Planch. 30
Cissus quadrangularis (L.) Planch.
 51
Cissus triloba Merr. 30
Cissus velutinus Lindl. 50
Cissus vitiginea Lour. (non. L.) 30
Citharexylum quadrangulare Jacq.
 419
Citrus grandis (L.) Osbeck 444
Citrus japonica Thunb. 457
Citrus medica L. 444
Citrus medica Linn. var.
sarcodactylis (Sieb.) Swingle
 456
Citrus microcarpa (Hassk.) Bunge
 457
Citrus microcarpa Bunge var.
marumi Hort. 457

Citrus microcarpa Bunge var. *nagami* Hort. 457
Citrus microcarpa Bunge var. *newa* Hort. 457
Citrus sinensis (L.) Osbeck. 444
Clematis umbellifera Gagnep. 64
Cleome speciosa Raf. 324
Cleome speciosissima Deppe 324
Cleorodendrum coccineum Dietr. 412
Cleorodendrum japonicum Hort., non Thunb. 412
Cleorodendrum kaempferi Sieb. 412
Cleorodendrum squamatum Vahl. 412
Clerodendrum Coronaria Hort. 412
Clerodendrum fragrans (Vent.) (Willd.) 412
Clerodendron balfouri Hort. 59
Clerodendron thomsonae Balf. 59
Clitoria spectabilis Salisb. 40
Clitoria ternatea L. 40
Clivia miniata Regel. 314
Clusiaceae 442
Coccoloba platyclada F. Muell. 401
Coccoloba uvifera (L.) L. 419
Coccothrinax argentea Schum. 99
Cochlospermaceae 420
Cochlospermum gossypium DC. 420
Cochlospermum religiosum (L.) Alst. 420
Cocos flexuosa Mart. 92
Cocos nucifera L. 92
Cocos plumosus Hook. 92
Cocos romanzoliana Cham. 92

Codiaeum pictum Hook. 216
Codiaeum variegatum (L.) Bl. var. *pictum* (Lodd.) Muell.-Arg. 216
Coleus blumei Benth. 265
Coleus scutellarioides Benth. var. *blumei* Miq. 265
Coleus scutellarioides Benth. 266
Coleus verochaffeltii Lem. 265
Colocasia aethiopica Spreng. 353
Colocasia odora Brongn. 257
Colodracon terminalis Planch. 232
Colomba aquatica DC. 479
Colomba caroliniana Gray 479
Colomba caroliniana Gray. var. *pulcherrima* Harper. 480
Colomba caroliniana Gray. var. *rosaefolia* Hort. 480
Colomba viridiflora Hort. 479
Colombaceae 479
Combretaceae 34, 358
Commelina zebrina Hort. 261
Commelinaceae 239, 261, 262
Congea pedicellata Munir 56
Congea tomentosa Roxb. var. *subvestita* Munir. 56
Congea vestita Griff. 56
Consolida arvensis Opiz. 283
Convallariaceae 214, 215, 342
Convolvulaceae 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 38
Convolvulus cairica L. 13
Convolvulus majus Hort. 15
Convolvulus minor Hort. 18
Cordia latifolia Roxb. 239

Cordyline stricta Endl. 233
Cordyline terminalis (L.) Kunth. 232
Coreopsis bicolor Reichb. 299
Coreopsis elegans Hort. 299
Coreopsis lanceolata Linn. 299
Coreopsis tinctoria Nutt. 299
Cornaceae 458
Coryline fruticosa (L.) A. Chev. 232
Corypha australis R. Br. 90
Corypha dulcis Humb. et Bonpl. 101
Corypha elata Roxb. 101
Corypha frigida Lodd. 101
Corypha gebanga Bl. 101
Corypha umbraculifera L. 101
Cosmos bipinnatus Cav. 289
Cosmos diversifolius Otto. 289
Cosmos sulphureus Cav. 288
Costus speciosus (Koenig) Smith.
 340
Cotyledon agavoides Bak. 126
Cotyledon coccinea Cav. 124
Cotyledon gibbiflora Moc. et Sessé
 124
Cotyledon glauca Baker 123
Cotyledon pinnata Lamk. 149
Cotyledon secunda Baker 126
Couroupita guianensis Aubl. 379
Crassulaceae 123, 124, 126, 149,
 150, 151, 152, 153
Cratea (marmelos) Linn. 459
Crescentia cujete Linn. 450
Crimson chinese Rose 389
Crinum amabile Donn. 329
Crinum anomalum Herb. 472

Crinum asiaticum L. var. *declinatum*
 Baker. 472
Crinum asiaticum L. var. *sinicum*
 Baker. 472
Crinum asiaticum Linn. 472
Crinum colensoi Hort. 328
Crinum mackeni Hort. 328
Crinum makoyanum Carr. 328
Crinum moorei Hook. f. 328
Crinum natalense Hort. 328
Crinum procerum Carey 472
Crossandra infundibuliformis Nees
 311
Crossandra undulaefolia Salisb. 311
Crossostephium chinensis (L.) Merr.
 294
Croton variegatus L. 216
Cryptanthus acaulis Beer. 140
Cryptanthus undulatus Otto et
 Dietr. 140
Cryptomeria japonica (L.) D. Don
 197
Cryptomeria fortunei D. Don. 197
Cunninghamia lanceolata (Lamb.)
 Hook. f. 208
Cunninghamia sinensis R. Br. 208
Cuphea hyssopifolia (L.) Tranh. 360
Cupressaceae 194, 195, 204, 205,
 206, 206, 207
Cupressus funebris Endl. 195
Cupressus glauca Lam. 206
Cupressus lusitanica Mill. 206
Cupressus nepalensis Loud. 207
Cupressus pendula Lam. 195
Cupressus sinensis Hort. 206

Cupressus torulosa D. Don. 207
Curculigo latifolia Dry. 287
Curculigo orchiioides Gaertn. 286
Curcuma petiolata Roxb. 331
Cyanotis vittata Lindl. 261
Cyathea contaminans (Wall.) Cop.
 173
Cyathea glabra (Bl.) Copel. 174
Cyatheaaceae 173, 174
Cycadaceae 198, 199, 200, 200, 207,
 208, 208
Cycas bellifonti Lind. et Rod. 200
Cycas circinalis Linn. 198
Cycas immersa Craib. 208
Cycas micholitzii Dyer. 208
Cycas neocaledonica Hort. 198
Cycas pectinata Griff. 200
Cycas revoluta Thunb. 207
Cycas rumphii 198
Cycas siamensis Miq. 199
Cycas taiwanensis Miq. 207
Cyperaceae 107, 468, 469
Cyperus flabelliformis Rottb. 468
Cyperus involucratus Poir. 468
Cyperus involucratus. var. *gracilis*
 Hort. 469
Cyperus involucratus. var. *variegatus*
 Hort. 469
Cyperus papyrus L. 469
Cypripedium disticha L. 195
Cyrtoceras lindleyanum Hort. 30
Cyrtoceras multiflorum Heyn. 30
Cyrtodeira cupreata Hanst. 210
Cyrtostachys lakka Becc. 80

Cystostachys renda Bl. 81
Daedalacanthus nervosus T. Anders.
 312
Dahlia pinnata Cav. 347
Dahlia variabilis Desf. 347
Dahlia zimapanii Roenl. 289
Darura fastuosa Linn. 363
Darura metel Linn. 363
Datura metel L. var. *flore pleno*
 Hort. 363
Datura suaveolens Humb. et Bonpl.
 363
Davallia canariensis Swartz. 175
Davallia elegans Swartz. 176
Davallia lonchitidea Wall. 192
Davallia platyphylla Don. 192
Davallia tenuifolia Swartz. var.
veitchiana Hort. 192
Davalliaceae 175, 176, 192
Decussocarpus wallichianus (Presl.)
 de Laubenf. 196
Delonix regia (Boj.) Raf. 423
Delphinium ajacis Linn. 282
Delphinium consolida Linn. 283
Dendrocalamus giganteus Munro 114
Dendrocalamus strictus (Roxb.) Nees
 114
Dennstaedtiaceae 192
Dianthus barbatus Linn. 280
Dianthus caryophyllus Linn. 280
Dianthus chinensis Linn. 281
Dianthus sinensis Hort. 281
Dichroa febrifuga Lour. 68
Dicranopteris linearis (Burm) Underw.
 174

Dieffenbachia amoena Hort. 248
Dieffenbachia brasiliensis Veitch.
 247
Dieffenbachia picta Schott. 247
Dieffenbachia shuttleworthiana
 Regel 247
Diospyros chevalieri Lec. 365
Dipladenia harrisii Purd. 76
Dischidia nummularia R. Br. 46
Dischidia raffesiana Wall. 47
Disporum calcaratum D. Don var.
rubriflorum Gagnep. 343
Disporum calcaratum D. Don 342
Dizygotheca elegantissima Vig. et
 Guill. 259
Dracaena angustifolia Roxb. 253
Dracaena deremensis Engl. var.
warneckei Hort. 252
Dracaena draco L. 254
Dracaena fragrans (L.) Ker- Gawl.
 263
Dracaena godseffiana Hort. 255
Dracaena goldieana Bull. 256
Dracaena gracilis Wall. 253
Dracaena marginata 253
Dracaena sanderiana Hort. 252
Dracaena sanderiana Sander forma
virescens Hort. 251
Dracaena surculosa Lindl. var.
punctulata Hort. 254
Dracaena terminalis Rchb. 232
Dracaenaceae, 129, 130, 133, 251,
 252, 253, 254, 255, 256, 263
Duranta Ellisa Jacq. 67
Duranta erecta L. 67

Duranta plumieri Jacq. 67
Duranta repens L. 67
Dypsis pinnatifrons Mart. 82
Ebenaceae 365
Echeveria agavoides Lem. 126
Echeveria coccinea DC. 124
Echeveria gibbiflora DC. 124
Echeveria glauca Hort. en Baker 123
Echeveria secunda Lindl. 126
Echinocactus capricornis A. Dietz.
 167
Echinocactus grusonii Hildmann 167
Echinocactus pectinatus (Scheidw.)
 Engl. 166
Echinocereus rigidissimus Engl. 167
Echinocereus viridiflorus Engl. 165
Ehretia acuminata R. Br. 368
Ehretia buxifolia Roxb. 368
Ehretia dentata Courch. 369
Ehretia serrata Roxb. 368
Ehretiaceae 368
Eichhornia crassipes (Mort.) Solms.
 471
Eichhornia speciosa Kth. 471
Elaeagnaceae 63
Elaeagnus latifolia L. 63
Elaeis guineensis Jacq. 86
Eleutherine longifolia Gagnep. 315
Enterolobium saman Prain. 414
Epacridaceae 404
Epiphyllum akermannii Haw. 136
Epiphyllum oxypetalum (DC.) Haw.
 135
Epiphyllum truncatum Haw. 121

Epipremnum aureum Nichols. 268
Epipremnum giganteum Schott. in
 Bonpl. 69
Epipremnum mirabile Schott. 70
Epipremnum pinnatum (L.) Engl.
 268
Epipremnum pinnatum (L.) Schott. 70
Episcia cupreata Hanst. 210
Eranthemum nervosum R.Br. 312
Eranthemum pulchellum Andr. 312
Ericaceae 385
Eriobotiva japonica (Thunb.) Lindl.
 429
Eriobotrya japonica Lindl. var.
 variegata Sander. 430
Eriocactus leninghausii (Hge jr.)
 Backbg. 168
Erythrina carnea Blanco 443
Erythrina indica Lamk. 443,
Erythrina orientalis (L.) Merr. 443
Erythrina orientalis Merr. var. *alba*
 Hort. 443
Erythrina orientalis Merr. var. *picta*
 Hort. 443
Erythrina picta L. 443
Erythrina variegata L. 443
Erythroxylaceae 216
Erythroxylum novagranatense
 (Morris) Hieron 216
Eucharis grandiflora Planch. et
 Linden. 331
Eugenia michelii Lamk. 457
Eugenia uniflora Bing. - Th. 457
Eulalia speciosa (Debeaux) O. Ktze.
 108

Eulalia zebrina Hort. 108
Eupatorium capillifolium (Lam.)
 Small. 300
Euphorbia antiquorum Linn. 164
Euphorbia atoto Forst. 150
Euphorbia canaliculata Lodd. 120
Euphorbia carinata Don. 120
Euphorbia havanensis Hort. 164
Euphorbia lactea Haw. 164
Euphorbia ligularia Roxb. 156
Euphorbia milii Ch. des Moulins
 164
Euphorbia neriiifolia L. 156
Euphorbia pulcherrima Willd. 437
Euphorbia splendens Bojer. ex Hook.
 164
Euphorbia tirucalli Linn. 136
Euphorbia tithymaloides L. 120
Euphorbiaceae 72, 120, 135, 136,
 150, 156, 164, 212, 216, 231,
 258, 259 368, 374, 374, 391,
 429, 432, 437
Eurycles amboinensis (L.) Loudl. 331
Eurycles silvestris Slisb. 331
Excoecaria bicolor Hassk. 231
Excoecaria cochinchinensis Lour. 231
Fabaceae 26, 38, 40, 42, 42, 57, 41,
 378, 386, 390, 443
Fagraea ceilanica Thunb. 459
Ferocactus latispinus (Haw.) Britt. et
 Rose 161
Ferocactus peninsulæ Britt. et Rose
 163
Feronia elephantum Corr. 365
Feronia lucida Scheff. 450

Feroniella lucida (Scheff.) Swingle 450
Feroniella oblata Swingle 450
Ficus benjamina L. var. *variegata*
 Hort. 427
Ficus decora Hort. 230
Ficus elastica Roxb. ex Hornum. 230
Ficus lyrata Warb. 231
Ficus pumila L. 74
Ficus racemosa Linn. 458
Ficus religiosa Linn. 360
Ficus repens Hort. 74
Ficus rubinervis Sata 230
Ficus stipulata Thunb. var. *repens*
 Hort. 74
Flacourtiaceae 451
Flueggia japonica L. C. Rich. 214
Fortunella japonica Swingle 457
Franciscea uniflora Pohl. 400
Freesia refracta Klatlt. 329
Fuchsia discolor Lindl. 422
Fuchsia globosa Lindl. 422
Fuchsia gracilis Lindl. 423
Fuchsia hybrida Voss. 422
Fuchsia magellanica Lam. 422
Fuchsia magellanica Lam. var.
discolor Bailey 422
Fuchsia magellanica Lam. var.
globosa Bailey 422
Fuchsia magellanica Lam. var.
gracilis Bailey 423
Fuchsia speciosa Hort. 422
Funium piliferum Willem 148
Furcraea gigantea Vent. 148
Gaillardia aristata Pursh. 29

Gaillardia grandiflora Hort. 294
Gaillardia lutea Hort. 294
Gaillardia pulchella Foug. 293
Galphimia glauca Cav. 397
Gapanthus umbellatus L'Her. var.
variegatus Hort. 344
Gardenia florida L. 372
Gardenia jasminoides Ellis 372
Gardenia jasminoides Ellis var.
flore-pleno Hort 372
Gardenia jasminoides Ellis var.
variegata Hort 372
Gardenia lucida Roxb. 373
Gebanga rotundifolia Bl. 101
Gendarussa vulgaris Nees 68
Gentianaceae 479
Geraniaceae 336
Gerbera jamesonii Hook. 306
Gesneriaceae 145, 210, 238, 261
Gesneriaceae 319
Gladiolus communis Linn. 317
Gleichenia linearis Clarke 174
Gleicheniaceae 174
Gliricidia maculata HBK 378
Gloriosa simplex Don. 60
Gloriosa superba L. 60
Gloxinia speciosa Lodd. 238
Glycine abrus L. 26
Gmelina asiatica L. 75
Gmelina hystrix Sch. 76
Gmelina parviflora Pers. 75
Gmelina philippinensis Cham. 76
Gomphocarpus fruticosus (L.) R. Br.
 278

Gomphrena globosa Linn. 271
Graptophyllum hortenise Nees 269
Grevillea robusta A. Cunn. ex R. Br. 399
Grevillea robusta A. Cunn. var. *compacta* Hort. 399
Grevillea rubusta A. Cunn. var. *pyramidalis* Hort. 399
Guazuma ulmifolia Lam. 435
Guazuma ulmifolia Lam. var. *tomentosa* H. Schum. 435
Guiaicum officinale L. 395
Guzmania lingulata 226
Gymnocactus saueri (Bod.) Backbg. 160
Gymnocalycium damsii (K.Sch.) Britt. et Rose 162
Gymnogramme calomelanos Kunze. 185
Gymnogrammeaceae 185
Gynura aurantiaca (Bl.) DC. 218
Gynura procumbens (Lour.) Merr. 218
Gynura sarmetosa D.C. 218
Gypsophila paniculata L. 275
Haemanthus abyssinicus Herb. 315
Haemanthus multiflorus (Tratt.) Martyn. 315
Haemanthus tenuiflorus Herb. 315
Haloragaceae 475
Haworthia limifolia Marloth. 129
Hedychium coccineum Buch - Ham 473
Hedychium coronarium Koen. 472
Hedychium flavaum Roxb. 473

Helianthus annuus Linn. 316
Helichrysum bracteatum (Vent.) Andr. 274
Heliconia bihai (L.) Sweet. 408
Heliconia caribaea Lam. 408
Heliconia pendula 409
Heliconia psittacorum Sesse. et Moc. 471
Heliconia wagneriana 409
Heliconiaceae 408, 471
Hemerocallidaceae 308, 309
Hemerocallis disticha Donn. 309
Hemerocallis flava Linn. f. 308
Hemerocallis fulva (L.) L. 309
Hemerocallis lilio-asphodelus L. 308
Hemigraphis alternata (Burm. f.) T. and. 211
Hemigraphis colorata (BL.) Hall. f. 211
Hexacentris mysorensis Wight. 45
Hibiscus abelmoschus Linn. 356
Hibiscus mutabilis L. 421
Hibiscus rosa-sinensis Linn. 22
Hibiscus rosella Hort. 340
Hibiscus sabdariffa Linn. 340
Hibiscus schizopetalus (Mast.) Hook.f. 25
Hibiscus sinensis Hort. 22
Hibiscus syriacus L. 25
Hippeastrum equestre Herb. 319
Hippeastrum reticulatum Herb. 320
Hippobroma longiflora (L.) G.Don. 470
Hippocastanaceae 393

- Homalocephala texensis* (Hopffe.) Britt. et Rose 162
- Homalonema pendula* (Bl.) Hook. f. 273
- Homalonema rubescens* Kth. 273
- Homalonema rubra* Hassk. 273
- Homalonema singaporensis* Rgl. 273
- Hoya carnosae* R.Br. 29
- Hoya multiflora* Blume 30
- Hoya obovata* Dece. in. DC. var. *kerrii* (Craib.) Cost. 30
- Humulus japonicus* Sieb. et Zucc. 65
- Humulus scandens* (Lour.) Merr. 65
- Huperzia obovalifolia* (Bonap.) Bon. 184
- Huperzia phlegmaria* (L.) Roth. 183
- Huperzia squarrosa* (Forst.) Trevis. 183
- Hydnophytum formicarum* Jack 123
- Hydrangea hortensia* DC. 439
- Hydrangea japonica* Hort. 439
- Hydrangea macrophylla* Ser. 439
- Hydrangea opuloides* K. Kochia 439
- Hydrangea opuloides* Koch. var. *cyanoclada* Dipp. 440
- Hydrangea opuloides* Koch. var. *acuminata* Dipp. 440
- Hydrangea opuloides* Koch. var. *belzonii* Schneid. 440
- Hydrangea opuloides* Koch. var. *fimbriata* Dipp. 440
- Hydrangea opuloides* Koch. var. *japonica* Schneid. 440
- Hydrangea opuloides* Koch. var. *roseo-marginata* Hort. 440
- Hydrangea opuloides* Koch. var. *rubro-plena* Dipp. 440
- Hydrangea opuloides* Koch. var. *tricolor* Hort. 440
- Hydrangea opuloides* Koch. var. *variegata* Hort. 440
- Hydrangeaceae* 439
- Hylocereus undulatus* (Haw.) Britt et Rose 154
- Hymenocallis americana* Roem. 272
- Hymenocallis speciosa* Salisb. 272
- Hyophorbe amaricaulis* Mart. 81
- Hyophorbe commersoniana* Mart. 82
- Hyophorbe indica* Gaertn. 82
- Hyophorbe lagenicaulis* 81
- Hypoxidaceae* 286, 287
- Imantophyllum miniatum* Hook. 314
- Impatiens balsamina* L. 275
- Impatiens sultanii* Hook. f. 276
- Impatiens walleriana* 276
- Inbina agavoides* Rose 126
- Ipomoea coccinea* L. 14
- Ipomoea alba* L. 19
- Ipomoea cairica* (L.) Sw
- Ipomoea carnea* Jacq. sub sp. *fistulosa* (Chois.) Austin 19
- Ipomoea congesta* R. Br. 19
- Ipomoea crassicaulis* (Benth.) Roxb. 19
- Ipomoea hederacea* Jacq. 13
- Ipomoea hookeri* G. Don. 18
- Ipomoea learii* Paxt. 19
- Ipomoea mauritiana* Jacq. 16
- Ipomoea nil* (L.) Roth. 13

Ipomoea palmata Hort. 16
Ipomoea paniculata (L.) 16
Ipomoea purpurea (L.) Kunth. 15
Ipomoea quamoclit L. 38
Ipomoea rubro-coerulea L. 18
Iresine herbstii Hook.f. 250
Iridaceae 315, 317, 329, 330, 338
Iris chenensis L. 338
Isolepis gracilis Nees 107
Isotoma longiflora (L.) Presl. 470
Ixora coccinea L. var. *lutea* Hort.
 381
Ixora coccinea Linn. 380
Ixora grandiflora Ker. 380
Ixora duffii Moore 380
Ixora finlaysoniana Wall. 380
Ixora javanica DC. 381
Ixora lutea Hutc. 381
Ixora macrothyrsa Teijsm. et Binn.
 380
Jacaranda mimosaeifolia D. Don 424
Jacaranda ovalifolia R.B. 424
Jacobinia carnea Nichols 308
Jasminum multiflorum (Burm.)
 Andr. 61
Jatropha acuminata Desv. 391
Jatropha gossypifolia Linn. 374
Jatropha hastata Griseb. 391
Jatropha multifida Linn. 374
Jatropha pandurifolia Andr. 391
Jatropha podagrica Hook. 135
Jawa Cassia Linn. 413
Jaxminum sambac (L.) Ait. 61
Juniperus chinensis L. 194

Justicia caragana Newman 269
Justicia gendarussa L. 68
Justicia picta L. 269
Kalanchoe integra (Medik.) O. Ktze.
 150
Kalanchoe laciniata (L.) DC 151
Kalanchoe pinnata (Lamk.) Pers.
 149
Kalanchoe spathulata DC. 152
Kalanchoe tubiflora Hamet. 153
Kalanchoe blossfeldiana Poelln. 153
Kentia macarthurii Hort. 79
Kereus triangulais Haw. 154
Kigelia africana (Lam.) Benth. 444
Kigelia pinnata Jacq. DC. 444
Kopsia fruticosa AD. 437
Lagerstroemia chinensis Lam. 441
Lagerstroemia flos-reginae Retz. 359
Lagerstroemia indica Linn. 441
Lagerstroemia reginae Roxb. 359
Lagerstroemia speciosa (L.) Pers.
 359
Lamiaceae 265, 266, 267, 338, 430
Lantana aculeata L. 434
Lantana camara L. 434
Lantana camara L. var. *crocea*
 Bailey. 434
Lantana camara L. var. *mista*
 Bailey. 434
Lantana camara L. var. *mutabilis*
 Bailey. 434
Lantana camara L. var. *nivea*
 Bailey. 434
Lantana camara L. var. *sanguinea*
 Bailey. 434

- Lantana scabrida* Ait. 434
Lasia heterophylla Schott. 465
Lasia spinosa (Linn.) Thw. 465
Latania borbonia Hort. 89
Latania commersonii L. 98
Latania lontaroides 98
Lathyrus odoratus Linn. 42
Laurentia longiflora (L.) Peterm.
 470
Lavatera rosea Medikus 348
Lavatera trimestris L. var. *alba*
 Hort. 348
Lavatera trimestris L. var. *splendens*
 Hort. 349
Lavatera trimestris Linn. 348
Lawsonia alba Lam. 399
Lawsonia inermis L. var. *alba*
 Hassk. 399
Lawsonia inermis L. var. *miniata*
 Hassk. 399
Lawsonia inermis L. var. *rubra*
 Hort. 399
Lawsonia inermis Linn. 398
Lecythidaceae 379
Lemna minor Linn. 464
Lemnaceae 464
Leucanthemum maximum DC. 297
Liatris punctata Hook. 95
Libocedrus macrolepis Benth. et
 Hook. 204
Licuala fatua Becc. 95
Licuala grandis H. Wendl. 97
Licuala horrida Bl. 94
Licuala peltata Roxb. 95
Licuala radula Gagnep. 98
Licuala ramosa Bl. 94
Licuala spinosa Wurm. 94
Licuala tonkinensis Becc. 95
Licuala Veitchii Watson. 97
Ligeria speciosa Decne. 238
Ligustrum nepalense Wall. 425
Ligustrum spicatum Don. 425
Liliaceae 309, 315, 351
Lilium longiflorum Thunb. 315
Lilium pumilum DC. 309
Limncharis flava (L.) Buch. 468
Limncharis plumieri Rich. 468
Limnanthemum indicum Linn. 479
Limonia acidissima L. 365
Limonia trifolia Burm. 452
Limonium latifolium. 351
Limonium sinuatum Mill. 350
Limonium sinuatum Mill. var.
candidissimum Hubb. 351
Lindsaea cultrata (Willd.) Sw. 176
Lindsaea longipes C. Chr. et Tard.
 176
Lindsaeaceae 176
Lippia urticoides Steud. 426
Livistona australis Mart. 90
Livistona chinensis R. Br. ex Mart.
 89
Livistona cochinchinensis Mart. 86
Livistona hoogendorpii Teysm. et
 Bnd. 86
Livistona mauritiana Wall.; 89
Livistona saribus (Lour.) Merr. ex
 Cheval. 86
Lobelia bicolor Sims. 322

Lobelia erinus L. 322
Lobelia gracilis Hort. 322
Lobeliaceae 322, 470
Lobivia famatimensis (Spreg.) Britt
 et Rose 159
Loganiaceae 459
Lonchocarpus maculatus DC. 378
Lonicera japonica Thunb. 54
Luculia pinceana Hook.f. 404
Lychnis chalconica Linn. 321
Lycium chinense Mill. var. *inermis*
 Schnelle 452
Lycium chinense Mill. var. *ovatum*
 Schneid. 452
Lycium chinensis Mill. 452
Lycopersicum cerasiforme Dunal 446
Lycopersicum esculentum (Linn.)
 Mill. var. *cerasiforme* Hort. 446
Lycopersicum esculentum (Linn.)
 Mill. var. *pyriforme* Alef. 446
Lycopode 183
Lycopodiaceae 183, 184, 186
Lycopodiella cernua (L.) Franco et
 Vahl. 186
Lycopodium cernuum Linn. 186
Lycopodium clavatum Linn. 186
Lycopodium epiceaefolium Desv. 183
Lycopodium hookeri Wall. 183
Lycopodium obovatifolium Bonap. 184
Lycopodium phlegmaria L. 183
Lycopodium squarrosum Forst. 183
Lycoris aurea Herb. 344
Lygodium japonicum Swartz. 170
Lygodium microphyllum (Cav.) R.Br.

Lygodium scandens Sw. 169
Lysidice rhodostegia Hance 407
Lythraceae 359, 360, 398, 441
Magnolia coco DC. 371
Magnolia foetida Sarg. 370
Magnolia grandiflora Linn. 370
Magnolia pumila Andr. 371
Magnoliaceae 370, 371, 416, 417,
 441
Mahonia nepalensis DC. 404
Malpighia coccigera L. 369
Malpighia glabra Linn. 463
Malpighiaceae 34, 369, 397, 463
Malvaceae 22, 24, 25, 340, 348, 356,
 421, 345
Malvaviscus arboreus Cav. 24
Mammillaria bocasana Poselg. 158
Mammillaria candida Scheifdw. 157
Mammillaria centricirrha Lem. 168
Mammillaria deflexispina Lem. 168
Mammillaria hahniana Werd. et
 Backbg. 161
Mammillaria plumosa Web. 157
Mammillaria schmidtii Sencke 168
Mammillaria sphaerotrache Lem.
 157
Mammillaria tetracantha Hort. 168
Manihot esculenta Crantz. var.
variegata Hort. 258
Maranta bicolor Gawl. 221
Maranta leuconeura Ed. Morr. 222
Maranta ornata Lindl. 234
Maranta regalis Hort. 234
Maranta zebrina Sims. 236

- Marantaceae* 221, 222, 234, 235, 236
Maximiliana gossypium Kuntze 420
Melanthiaceae 60
Meliaceae 415
Mentha perilloides Willd. 267
Mesua ferrea L. 442
Methonica superba Lamk. 60
Metrosideros lophanta Vent. 436
Meyenia erecta Benth. 365
Michelia alba Linn. 417
Michelia champaca Linn. 416
Michelia figo (Lour.) Spreng 441
Microlepia platyphylla (Don.) J. Smith. 192
Millingtonia hortensis L.f. 379
Mimosa saman Jacq. 414
Mimosaceae 393, 394, 395, 396, 414
Mirabilis jalapa L. 310
Mirasolia diversifolia Hemsl. 392
Monochoria vaginalis (Burm.f.) Presl. 475
Monochoria vaginalis Presl. var. *plantaginea* Solms. 475
Monstera deliciosa Liemb. 70
Monstera leichtinii 70
Monstera obliqua expilta 70
Montanoa grandiflora (DC.) Hemsl. 396
Moraceae 64, 75, 230, 231, 360, 458, 462
Moraea chinensis Thunb. 338
Moringa oleifera Lam. 366
Moringa pterygosperma Gaertn. 366
Moringaceae 366
Mospilus japonica Thunb. 429
Muehlenbeckia platyclada (F. Muell.) Meissn. 401
Murraya paniculata (L.) Jack. 418
Musa bihai L. 408
Musa coccinea Andr. 366
Musa ornata Roxb. 367
Musa rosacea Jacq. 367
Musa rubra Wall. 367
Musa sanguinea Hook.f. 367
Musa speciosa Tenore 367
Musaceae 366, 367
Mussaenda erythrophylla Schum. et. Thonn. 362
Mussaenda frondosa Linn. 361
Mussaenda philippica var. *aurorae* Hort. 362
Mussaenda pubescens Dryand 361
Myosotis palustris Hern. 323
Myosotis scorpioides L. 323
Myosotis sylvatica Hoffm. 324
Myriophyllum tetandrum Roxb. 475
Myrsinaceae 460
Myrtaceae 420, 436, 458
Narcissus orientalis Linn. 346
Narcissus tazetta L. var. *orientalis* Hort. 346
Nelumbium alba Hort. 476
Nelumbium lutea Pers. 476
Nelumbium nelumbo (L.) Druce 476
Nelumbium nucifera Gaertn. 476
Nelumbium speciosum Willd. 476
Nelumbonaceae 476
Neohouzeaua dulloo A. Camus 109

- Neoregelia carolinae* 225
Neoregelia concentrica 225
Neottopteris nidus (L.) J.Sm. 189
Nepenthaceae 58
Nepenthes mirabilis (Lour.) Druce 58
Nephrolepidaceae 177, 178, 179
Nephrolepis acuminata Presl. non Kuhn. 179
Nephrolepis acuta Presl. 179
Nephrolepis biserrata (Sw.) Schott. var. *furcans* Bail. 179
Nephrolepis cordata Hort. 177
Nephrolepis cordifolia (L.) C. Presl. 177
Nephrolepis duffii Moore 179
Nephrolepis exaltata (L.) Schott. 178
Nephrolepis tuberosa Hook. 177
Nephrosperma van-houtteana Bal f. 102
Nerium indicum Mill. 439
Nerium lauriforme Lam. 438
Nerium odorum Soland. 439
Nerium oleander L. var. *album* - *plenum* Hort. 438
Nerium oleander L. var. *album* Hort. 438
Nerium oleander L. var. *atropurpureum* Hort. 438
Nerium oleander L. var. *formosum* Hort. 438
Nerium oleander L. var. *luteum* Hort. 439
Nerium oleander L. var. *splendens* Hort. 439
Nerium oleander L. var. *aurantiacum* Hort. 438
Nerium oleander Linn. 438
Nicolaia eliator 304
Nolina longifolia Hemsl. 132
Nolina recurvata Hemsl. 132
Nolinaceae 132
Nopalea cochenillifera (Mill.) Salm - Dyck. 139
Nopalea dejecta Salm - Dyck 156
Nopalea inaperta Schott. 139
Nothopanax fruticosum Miq. 384
Nothopanax guifloylei Merr. 383
Nothopanax scutellarius (Burm.f.) Merr. 381
nthurium andreanum Ldl. var. *roseum* Hort. 356
Nyctaginaceae 48, 310
Nyctanthus arborescens Linn. 400
Nymphaea edulis DC. 477
Nymphaea lotus Linn. 477
Nymphaea nouchali Burm. f. 478
Nymphaea rubra Roxb. 478
Nymphaea stellata Willd. 478
Nymphaea thermalis DC. 477
Nymphaeaceae 477
Nymphoides indicum (L.) O.ktze 479
Ochna atropurpurea DC. 406
Ochna harmandii H. Lec. 406
Ochna integerrima (Lour.) Merr. 406
Ochnaceae 406, 407
Ocimum frutescens L. 267
Ocimum scutellarioides L. 266
Odontadenia grandiflora Miq. 76

Odontadenia macrantha (Roem. et Sch.) Markgr. 76
Odontadenia speciosa Benth 76
Oenocarpus regius Spreng. 78
Oenotheraceae 422
Olea fragrans Thunb. 411
Oleaceae 61, 62, 400, 411, 425
Oncosperma filamentosa Blume 102
Oncosperma tigillaria (Jack.) Ridl. 102
Oncosperma van-houtteana H. Wendl. 102
Ophioderma pendulum Presl. 177
Ophioglossaceae 177
Ophioglossum pendulum L. 177
Ophiopogon jaburan Lodd. 215
Ophiopogon japonicus (L.f.) Ker-Gawl. 214
Ophiorrhiza lanceolata Forsk. 338
Oplismenus burmannii (Retz.) P. Beauv 105
Oplismenus imbecilis Kunth 105
Opuntia dillenii (Ker. - GawL.) Haw. 154
Opuntia elatior Mill. 155
Opuntia ficus-indica (L.) Mill. 155
Oreodoxa regia H.B. et. K. 78
Orthosiphon aristatus (Bl.) Miq. 338
Orthosiphon marmoritis Dunn. 338
Orthosiphon stamineus Benth. in Wall. 338
Osmanthus fragrans Lour. 411
Ouratea lobopetala Gegnep. 407
Oxalidaceae 283, 284, 451
Oxalis corniculata Auct. non L. 283

Oxalis floribunda Lehm. 284
Oxalis hedysavoides var. *rubra* Hort. 284
Oxalis maritima Zucc. 284
Oxalis pusilla Salisb. 283
Oxalis repens Thunb. 283
Oxalis rosea Jacq. 284
Oxalis urbica St. Hil. 284
Pachyptera hymenaea (DC.) Gentry 11
Pachystachys lutea 404
Padanus reversispiralis St. John 228
Paederia sacandens (Lour.) Merr. var. *tomentosa* (Bl.) Hand.-Mazz. 57
Paederia tomentosa Bl. 57
Palma argentea Jacq. 99
Panax balfourii Sander 385
Panax excelsum Hort. 384
Panax filicifolium Hort. 382
Panax fruticosum Linn. 384
Panax lacinatum Hort. 383
Panax plumatum Hort. 384
Panax victoriae Rod. 384
Pancraticum amboinense L. 331
Pancraticum speciosum Salisb. 272
Pandanaceae 226, 227, 228, 229
Pandanus amaryllidifolius Roxb. 229
Pandanus candelabrum Hook. 227
Pandanus elegantissimus Hort. 227
Pandanus odoratissimus Hort. 227
Pandanus odoratus Ridl. 229
Pandanus pygmaeus Thou. 227
Pandanus tectorius Soland. ex Parkins 226

Pandanus utilis Bory. 227
Pandanus Veitchii Hort. 229
Pandanus flabelliformis Carr. 227
Panicum imbecile Trin. 105
Panicum plicatum L. 105
Panicum repens L. 104
Papaver rhoeas L. 312
Papaveraceae 278, 312
Pardanthus chinensis Ker. 338
Parkeriaceae 475, 476
Parkinsonia aculeata L. 268
Parodia mutabilis Backbg. 131
Parodia setosa Backbg. 161
Passiflora edulis Sims. 55
Passiflora incarnata L. var. *edulis*
 Hook. 55
Passiflora quadrangularis L. 39
Passifloraceae 39, 55
Paulownia imperialis Sieb. et Zucc
 403
Paulownia tomentosa Steud. 403
Paulownia tomentosa Steud. var.
lanata Schneid. 403
Paulownia tomentosa Steud. var.
pallida Schneid. 403
Pedilanthus tithymaloides (L.) Poit.
 120
Pelreskia aculeata Mill 158
Pelreskia grandifolia Haw. 159
Pelargonium hortorum Closs. 336
Pelargonium zonale (L.) W. Ait 336
Pellionia daveauana N.E. Br. 256
Pellionia pulchra N.E.Br. 257
Pellionia repens (Lour.) Merr. 256

Peltophorum pterocarpum (DC.)
 Back 402
Pemphis acidula J.R.et G. Forst. 359
Pennisetum americanum (L.) Schum.
 106
Pennisetum purpureum Schumach.
 106
Pennisetum typhoides (Burm.f.)
 Stapf.et Hub. 106
Pentapetes phoenicea Linn. 332
Pentas carnea Benth. 333
Pentas lanceolata Schum. 333
Peperomia argyreia (Miq.) E. Morr.
 212
Peperomia arifolia Miq. var. *argyreia*
 Hook. 212
Peperomia maculosa Hook. 213
Peperomia obtusifolia Hort. 213
Peperomia sandersii A. DC. var.
argyreia Hort. 212
Peperomia sandersii DC. 212
Pereskia foetans Speg. 158
Perguaria odoratissima Sm. 37
Pergularia monor Andr. 37
Perilla frutescens (L.) Britton 267
Perilla ocymoides L. 267
Persica vulgaris Mill. 376
Petrea volubilis Jacq. 21
Petunia hybrida Vilmor. 279
Phalaris arundinacea L. 112
Pharbitis hederacea Choisy 13
Pharbitis hispida Choisy 15
Pharbitis learii Lindl. 19
Pharbitis nil Choisy 13
Philodendron canniifolium 71

- Philodendron discolor* Hort. 74
Philodendron erubescens 232
Philodendron scandens Koch. et Sello ex. Koch et Bouché 74
Phlox drummondii Hook. 311
Phoenix hanceana Naud. 85
Phoenix leonensis Houtte, 84
Phoenix Loureiri (Becc.) Kunth. 83
Phoenix reclinata Jacq. 84
Phoenix roebelenii O'Brien 83
Phoenix zanzibariensis Hort. 84
Photinia japonica Gray. 429
Phragmites karka (Retz.) Trin ex Steud. 112
Phrynium ornatum C. Kock. 234
Phyllanthus welwitschianus MuelL. - Arg. 429
Phyllocactus akermannii Valp. 136
Phyllocactus grandis Lem. 135
Phyllostachys aurea A. et C. Rivière 116
Phyllostachys aurea Munro 118
Phyllostachys bambusoides Sieb. et Zucc. Var. *aurea* (Carr. ex Riv.) Mak. 116
Phyllostachys mitis A. et C. Rivière 115
Phyllostachys nigra (Lodd) Munro 116
Physalis alkekengi Linn. var. *franchetii* Hort. 453
Physalis edulis Sims. 453
Physalis franchetii Mast. 453
Physalis peruviana Linn. 453
Pilea cadierii Gagn. et Guill. 241
Pilea microphylla (L.) Liebm. 471
Pilea muscosa Lindl. 471
Pilocereus senilis Lem. 156
Pinaceae 200, 201
Pinanga kuhlii Bl. 80
Pinanga paradoxa Scheff. 80
Pincinctita tuberculata Hort. 132
Pinus insularis Endl. var. *khasya* Royle 201
Pinus kesiya Royle. ex Cardon. 201
Pinus merkusiana Cool. et Gauss. 200
Piper bettle L. 73
Piper longum L. 72
Piper retrofractum Vahl. 71
Piperaceae 71, 72, 73, 212, 213
Piptanthocareus peruvianus Riec. 163
Pistia stratoites Linn. 464
Pithecolobium saman Benth. 414
Pityrogramma calomelanos (L.) Link. 185
Platycerium grande (A. Cunn. msc.) J. Smith. 180
Platyopuntia ficus-indica Fric. et Schelle 155
Plectranthus nudiflorus Willd. 266
Plumbaginaceae 306, 307, 350
Plumbago auriculata Lamk. 307
Plumbago capensis Thunb. 307
Plumbago indica Linn. in strick m. 307
Plumbago rosea Linn. 307
Plumbago zeylanica Linn. 306
Plumeria acuminata Ait. 375

Plumeria acutifolia Poir. 375
Plumeria alba L. 376
Plumeria obtusa L. 376
Plumeria rubra f. *acutifolia* (Ait.) Woods. 375
Plumeria rubra f. *lutea* (R. et P.) Woods. 375
Plumeria rubra f. *rubra*. 375
Plumeria rubra f. *tricolor* (R. et P.) Woods. 375
Plumeria rubra L. 375
Poaceae 104, 105, 106, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 467
Podocarpaceae 196, 201, 202
Podocarpus imbricatus (Bl.) de Laubenf. 202
Podocarpus macrophyllus (Thunb.) D. Don. 201
Podocarpus neriifolius D. Don 202
Podocarpus wallichianus C. Presl. 196
Pogonatherum crinitum (Thunb.) Kunth. 104
Poinciana pulcherrima Linn. 397
Poinciana regia Boj. 423
Poinsettia pulcherrima (Willd.) Grah. 437
Polemoniaceae 311
Polianthes tuberosa Linn. 313
Polyalthia longifolia (Lam.) Hook. f. var. *pendula*. 392
Polygonaceae 10, 401, 419, 327, 328, 426
Polyscias balfouriana Bailey 385

Polyscias filicifolia Bailey 382
Polyscias fruticosa Harms. 384
Polyscias fruticosa Harms. var. *plumata* Bailey 384
Polyscias guilfoylei Bailey 383
Polyscias guilfoylei Bailey. var. *laciniata* Bailey 383
Polyscias guilfoylei Bailey. var. *monstrosa* Bailey 383
Polyscias guilfoylei Bailey. var. *victoriae* Bailey 384
Polyscias rumphiana Harms. 385
Pontederia crassipes Martins 471
Pontederiaceae 471, 475
Portulaca oleracea Linn. 328
Portulaca pilosa L. subsp. *grandiflora* (Hook.) Gees. 327
Portulacaria afra Jacq. var. *macrophylla* 426
Pothos aureo - maculata Hort 268
Pothos aureus Lind. et And. 268
Pothos scandens L. 73
Pritchardia filifera Lind. 87
Pritchardia grandis Hort. 97
Proteaceae 399
Prunus botan Hort. 378
Prunus cerasoides D. Don 357
Prunus donarium Sieb. 358
Prunus hattan Tamari 378
Prunus ichangana Schneid. 378
Prunus japonica Hort. 378
Prunus lannensiana Wilson. form. *donarium* Wilson. 358
Prunus lannesiana Wilson 357
Prunus masu Hort. 378

Prunus mume Sieb. et Zucc. var.
albo plena Hort. 405
Prunus mume Sieb. et. Zucc. 405
Prunus persica Sieb et Zucc. 376
Prunus puddum Roxb. 357
Prunus salicina Lindl. 378
Prunus triflora Roxb. 378
Pseuderanthemum crenulatum (Ldl.)
R. Benoist 251
Pseuderanthemum gracilliflorum
251
Pseuderantherum carruthersii
(Seem.) Guill. var.
atropurpureum (Bull.) Fosb.
250
Psidium cujavillus Burm. f. 420
Psidium pumila Linn. var. *crispa*
Lec. 420
Psophocarpus tetragonolobus DC. 41
Pteridaceae 170, 171, 173
Pteris cretica Linn. 170
Pteris ensiformis Burm. 173
Pteris quadriaurita Retz. 171
Pteris thalictroides Swartz. 475
Ptychosperma alexandrae F. V.
Muell. 79
Ptychosperma macarthurii H. Wendl.
79
Punica granatum L. var. *legrellei*
Hort. 455
Punica granatum L. var. *nana* Hort.
455
Punica granatum Linn. 454
Punica nana Linn. 455
Punicaceae 454

Purple tradescantia 262
Pyrostegia ignea (Vahl.) Presl. 31
Pyrostegia venusta Baill. 31
Quamoclit pinnata Boj. 38
Quamoclit vulgaris Choisy. 38
Quamoclit coccinea Moench. 14
Quassia amara Linn. 433
Quisqualis indica Linn. 34
Quisqualis pubescens Burn 34
Quisqualis sinensis Lindl. 34
Ranunculaceae 64, 282, 283
Raphidophora decursiva (Roxb.)
Schott. 71
Raphistemma pulchellum (Roxb.)
Wall. 74
Raupellia grata Wall. et Hook. 35
Ravenala madagascariensis J.f.
Gmel. 91
Rhamnaceae 425
Rhapis aspera Hort. 97
Rhapis excelsa (Thunb.) Henry 997
Rhapis flabelliformis L' Herit ex W.
Ait. 97
Rhapis humilis Blume 96
Rhapis sirotsik Sieb. 96
Rhinacanthus nasutus (L.) Kurz. 395
Rhodocactus aculeata (Mill.) Tranh.
n. comb. 158
Rhodocactus grandifolius (Haw.)
Kunth. 159
Rhododendron indicum Sweet var.
ignescens Sweet 385
Rhododendron indicum Sweet var.
simsii Maxim 385
Rhododendron simsii Planch. 385

Rhoeo discolor (L' Her.) Hance 239
Rhoeo spathacea (Sw.) Stearn. 239
Richardia aethiopica Hort. 353
Richardia albo-maculata Hook.f. 353
Rinorea anguifera (Lour.) O.Ktze 429
Rosa camellia Hort. 53
Rosa cherokensis Don 53
Rosa chinensis Jacq. 389
Rosa chinensis Jacq. var. *indica*
 Koehne. 389
Rosa chinensis Jacq. var. *longifolia*
 Rehd. 389
Rosa chinensis Jacq. var. *manetti*
 Dipp. 390
Rosa chinensis Jacq. var. *minima*
 Redh. 389
Rosa chinensis Jacq. var.
semperflorens Koehne 389
Rosa chinensis Jacq. var. *viridiflora*
 Dipp. 390
Rosa indica Lindl. non Linn 389
Rosa indica var. *vulgaris* Lindl. 389
Rosa intermedia Carr. 66
Rosa laevigata Michx. 53
Rosa multiflora Thunb. 66
Rosa nivea DC. 53
Rosa polyantha Sieb. 66
Rosa sinica Murr. 53
Rosa ternata Poinr 53
Rosa thyrsoflora Leroy 66
Rosa wichurae Koch. 66
Rosaceae 53, 66, 357, 376, 378, 389,
 405, 429
Roystonea regia O.f. Cook. 78

Rubiaceae 57, 123, 333, 360, 361,
 362, 372, 373, 380, 381, 404
Rudbeckia fulgida Ait. 290
Ruellia tuberosa L. 337
Russelia equisetiformis Schl. 401
Russelia equisetiformis Schl. var.
semperflorens Hort. 402
Russelia juncea Zucc. 401
Russelia scoparia Hort. *Russelia*
 401
Ruta chalepensis Linn. 370
Ruta graveolens Linn. 370
Rutaceae 279, 363, 365, 370, 363,
 371, 400, 418, 444, 445, 446,
 447, 448, 450, 452, 453 455,
 456, 457, 459,
Sabal galbra Sarg. 88
Sabal mauritiaeformis Griseb. et H.
 Wendl. 88
Sabina chinensis (L.) Antoine 194
Saccharum arundinaceum Retz. 109
Sageretia theezans (L.) Brong. 425
Sagittaria japonica Hort. 474
Sagittaria sagittaeifolia Linn. 474
Sagittaria sagittaeifolia Linn. var.
flore - pleno Hort. 474
Salicaceae 469
Salix babylonica Linn. 469
Salix pendula Moench. 469
Salvia brasiliensis Spreng. 430
Salvia coccinea L. 432
Salvia colorans Hort. 430
Salvia rosea Vahl. 432
Salvia splendens Ker - Gawl. var.
alba Hort. 431

Salvia splendens Ker - Gawl. var.
atropurpurea Hort. 431
Salvia splendens Ker - Gawl. var.
bicolor Hort. 431
Salvia splendens Ker - Gawl. 430
Salvinia natans (Linn.) Ait. 465
Salviniaceae 465
Samanea saman Merrill. 414
Sambucus canadensis Linn. 449
Sambucus eberhardtii Dang. 449
Sambucus simpsonii Rehder 449
Sanchezia nobilis Hook.f. 249
Sansevieria canaliculata Carr. 133
Sansevieria cylindrica Bojer 133
Sansevieria guineensis Willd. 129
Sansevieria hahnii Hort. 131
Sansevieria sulcata Boj. 133
Sansevieria thyrsiflora Thunb. 129
Sansevieria trifasciata Prain. 129
Sansevieria trifasciata Prain. var.
hahnii Hort. 131
Sansevieria zeylanica Willd. 130
Sansevieria fragrans Jacq. 263
Sapindaceae 36
Saraca dives Pierre 442
Saraca indica Linn. 442
Saribus chinensis Bl. 89
Sasa humilis (Mif.) Cam. 117
Sasa japonica Mak. 118
Saxifraga chinensis Lour. 138
Saxifraga japonica Hort. 138
Saxifraga sarmentosa Linn.f. 138
Saxifraga stolonifera Merr. 138
Saxifragaceae 138

Saxifragaceae 68
Schefflera arboricola var. *variegata*
 Hort. 123
Schefflera elliptica (Harms.) Bl. 122
Schefflera octophylla (Lour.) Harms.
 122
Schinus limonia L. 365
Schizaeaceae 169, 170
Schubertia disticha Mirb. 195
Scindapsus aureus (Lind. et And.)
 Engl. 268
Scindapsus decursivus Zoll. 70
Scirpus cernuus Vahl. 107
Scirpus wichurai Boeck. 107
Scolopia buxifolia Gagnep. 451
Scrophulariaceae 273, 326, 349, 350,
 401, 403
Sedum lineare Thunb. 152
Sedum telephium Linn. 151
Selaginella amaema Hort. 182
Selaginella bellula Cesati non Moore
 182
Selaginella caesia arborea Hort. 180
Selaginella caulescens Spring 182
Selaginella frondosa Warb. 181
Selaginella involvens (SW.) Spring
 181
Selaginella laevigata Spring 180
Selaginella lepidophylla Spring. 473
Selaginella tamariscina (Beauv.)
 Spring 182
Selaginella uncinata arborea
 Meteen. 180
Selaginella willdenowii (Desv.)
 Baker 180

Selaginellaceae 180, 181, 182, 473
Senecio petasitis DC. 291
Senecio petraeus Muschler. 291
Serissa foetida Lam. 360
Serissa japonica Thunb. 360
Setcreasea purpurea B.K.Boom. 262
Simaroubaceae 433
Sinningia speciosa Benth. et Hook.
 238
Solanaceae 32
Solanum azureum Hort. 445
Solanum capsicastrum Link. 448
Solanum capsicastrum Link. var.
melvinii Hort. 448
Solanum capsicastrum Link. var.
variegatum Hort. 448
Solanum coccineum Hort. 445
Solanum integrifolium Poir. 445
Solanum kerrii Bon. 445
Solanum lobelii Tenore 445
Solanum mammosum Linn. 448
Solanum pseudo - capsicum L. var.
nanum Hort. 447
Solanum pseudo - capsicum Linn.
 447
Solanum seaforthianum Andr. 445
Solanum seaforthianum Andr. var.
album Hort. 446
Solanum venustum Kunth. 445
Solidago virga-aurea L. 292
Sonchus arvensis L. 298
Sophora japonica L. var. *columnaris*
 Schwerin. 391
Sophora japonica L. var. *pendula*
 Loud. 391

Sophora japonica Linn. 390
Spathiphyllum candidum N.E.Br.
 271
Spathiphyllum patinii N.E.Br. 271
Spathodea campanulata P. Beauv.
 388
Sphenodesma pentandra Jacq. 21
Sphenodesma thorelii Dop. 20
Spondias lakoensis Pierre 373
Statice sinuata L. 350
Statice sinuata L. var. *candidissima*
 Hort. 351
Stenolobium stans (L.) Seem. 427
Sterculia pexa Pierre 386
Sterculiaceae 386, 332, 435
Stramonium arboreum Moench. 363
Streblus asper Lour. 64
Streblus ilicifolia (Kurz.) Corn. 64
Strelitzia reginae Banks. 433
Strelitziaceae 91, 433
Strongylodon macrobitrys L. 57
Strophanthus caudatus (Burm. f.)
 Kurz. 459
Strophanthus gratus (Wall. ex
 Benth.) Baill. 35
Strophanthus hispidus DC. 36
Styphelia malayana Spreng. 404
Styphnolobium japonicum Schott.
 390
Syngonium podophyllum Schott. var.
 "imperial white" Hort.
Syzigium michelii (Lamk.) Tranh.
 nom. nov. 457
Tabernaemontana coronaria Wild.
 var. *flore - pleno* Hort. 416

Tabernaemontana coronaria Willd. 416
Tabernaemontana divaricata R. Br. 416
Tacca leontopetaloides (Linn.) O. Ktze. 337
Tacca pinnatifida Forst. 337
Taccaceae 337
Tagetes erecta Linn. 298
Tagetes patula L. 298
Talauma pumila Bl. 371
Tamaricaceae 264, 265
Tamarindus indica Linn. 407
Tamarix chinensis Lour. 264
Tamarix indica Wall. 264
Tamarix pallassii Desv. 265
Tamarix pentandra Pall. 265
Taraxacum dens-leonis Desf. 343
Taraxacum officinalis (L.) Weber 343
Taxodiaceae 195, 197, 208
Taxodium distichum Rich. 195
Taxotrophis ilicifolia (Kurz.) Vidal. 64
Taxus baccata L. var. *wallichiana* (Zucc.) Hook. 203
Taxus wallichianus Zucc. 203
Tecoma radicans Juss. 44
Tecoma stans (L.) H.B.K. 427
Tecoma venusta Ch. Lem. 31
Telosma cordata (Durmf.) Merr. 37
Terminalia catappa Linn. 358
Ternatea vulgaris H.B. et K. 40
Thea amplexicaulis Pitard 387
Theaceae 387, 436

Thevetia nereifolia Juss. 435
Thevetia peruviana (Pers.) Sch. 435
Thrinax argentea Lodd. 99
Thrinax chuco Lindl. 100
Thrinax parviflora Swartz. 99
Thryallis glauca (Cav.) O. Ktze. 397
Thuja gigantea Nutt. 206
Thuja lobbii Hort. 206
Thuja orientalis L. 205
Thuja plicata D. Don. 206
Thunbergia alata Boj. ex Sims. 27
Thunbergia erecta (Benth.) T. Anders. 365
Thunbergia erecta T. Anders. var. *alba* Hort. 365
Thunbergia erecta T. Anders. var. *caerulea* Hort. 365
Thunbergia grandiflora Roxb. 26
Thunbergia laurifolia Ldl. 29
Thunbergia mysorensis T. Anders. 45
Thunbergia fragrans Roxb. 28
Tillandsia acaulis Lindl. 140
Tillandsia cyanea 224
Tillandsia imperialis Morr. et André 226
Tithonia diversifolia (Hemsl.) A. Gray 392
Tithonia rotundifolia (Mill.) Blake. 392
Torenia asiatica Ldl. var. *pulcherrima* Hort. 350
Torenia asiatica Linn. 350
Torenia endentula Hort. non Benth. 349

- Torenia fournierii* Ldl var. *alba*
Hort. 350
- Torenia fournierii* Ldl. var.
grandiflora Hort. 350
- Torenia fournierii* Lindl. 349
- Trachycarpus excelsus* H.Wendl. 85
- Trachycarpus fortunei* Wendl. 85
- Tradescantia discolor* L'Herit 239
- Tradescantia pallida* (Roxb.) Hunt.
262
- Tradescantia zebrina* Bosse 261
- Trichocereus candicans* (Gill.) Britt.
et Rose. 139
- Trichosporum evardii* (Pell.) Tranh.
comb. nov. 145
- Trimezia martinicensis* (L.) Herb.
330
- Triphasia aurantiola* Lour. 452
- Triphasia trifolia* P. Wilson 452
- Triphasia trifoliata* DC. 452
- Tristellateia australis* A. Richard 34
- Trithrinax brasiliensis* Mart. 100
- Trithrinax mauritiaefrume* Karst. 88
- Tritonia crocosmaeflora* Lemoine 330
- Tritonia refracta* Ker. 329
- Tropaeolaceae* 341
- Tropaeolum majus* L. form.
atropurpureum Hort. 342
- Tropaeolum majus* L. form.
heinemannii Hort. 342
- Tropaeolum majus* L. form.
hemisphaerum Hort. 342
- Tropaeolum majus* L. form.
regelianum Hort. 342
- Tropaeolum majus* L. var. *flore-pleno*
Hort. 342
- Tropaeolum majus* L. var. *nanum*
Hort. 342
- Tropaeolum majus* Linn. 341
- Tulipa gesneriana* "Hybrids" 351
- Turnera ulmifolia* Linn. 305
- Turneraceae* 305
- Typha angustifolia* Linn. 466
- Typhaceae* 466
- Urticaceae* 241, 256, 257, 471
- Vacciniaceae* 149
- Veitchia merrilli* l. Wendl. 81
- Verbena incisa* Hook. 285
- Verbenaceae* 20, 21, 56, 59, 67, 75,
76, 285, 412, 417, 419, 426
434, 461
- Vetiveria arundinacea* G. 108
- Vetiveria zizanioides* (L.) Nash. 108
- Victoria amazonica* (Poep.) Klotzsch.
477
- Victoria regia* Lindl. 477
- Vinca major* Linn. 304
- Vinca minor* Linn. 304
- Vinca rosea* L. 303
- Viola hybrida* Hort. 335
- Viola odorata* Linn. 334
- Viola tricolor* Linn. 334
- Violaceae* 334, 335, 429
- Vitaceae* 30, 39, 50, 51, 62
- Vitex incisa* Lam. 417
- Vitex laciniata* Hort. 417
- Vitex negundo* Linn. 417
- Vitex negundo* Linn. var. *incisa*
Clarke 417

- Vitis quadrangularis* Wall. 51
Vitis vinifera L. 62
Volkameria coccinea Herb. 412
Volkameria fragrans Vent. 412
Volkameria japonica Vent. 412
Vriesea heterostachys 224
Vriesea splendens (Brongn.) Lemaire 225
Waria odorata Lam. 390
Washington filifera (Lind.) H. Wendl. 87
Wolffia schleidenii Miq. 464
Wrightia religiosa (Teijsm. et Binn.) Hook. f. 405
Wrightia religiosa Hook. f. var. *microphylla* Hort. 406
Xanthosoma plowmanii Schott. var. *albolineata* Hort. 211,
Yucca aloifolia L. 134
Yucca filamentosa Linn. 134
Yucca serrulata Haw. 134
Zamia pumila L. 208
Zamiaceae 208
Zamioculcas zamiifolia Engl. 246
Zantedeschia aethiopica Spreng. 353
Zantedeschia albo-maculata Baill. 353
Zantedeschia rubens C. Koth. 273
Zebrina pendula Schnizl. 261
Zephyranthes ajax Hort. 336
Zephyranthes atamasco Herb. 336
Zephyranthes carinata Herb. 336
Zephyranthes grandiflora Lindl. 336
Zephyranthes rosea (Spreng.) LilndL. 335
Zingiberaceae 304, 331, 339, 340, 473
Zinnia elegans Jacq. 302
Zizania caduciflora (Turcz.) Hand - Mzt. 467
Zizania latifolia Turcz. 467
Zoysia tenifolia Willd. ex Trin. 109
Zygocatus truncatus (Haw.) K. Schum 121
Zygocereus truncatus Fric. et Krewz. 121
Zygophyllaceae 395

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Lê Khả Kế và cộng sự : 1969 - 1976.** *Cây cỏ thường thấy ở Việt Nam (I - VI).* Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật - Hà Nội.
2. **Vũ Công Hậu - 1987.** *Cây ăn trái miền Nam* - Nhà xuất bản Nông nghiệp - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
3. **Phạm Hoàng Hộ - 1970 - 1972.** *Cây cỏ miền Nam Việt nam (I, II),* in lần thứ hai. Bộ Giáo Dục. Trung tâm Sản xuất Học liệu - Sài Gòn.
4. **Phạm Hoàng Hộ - 1991 - 1993.** *Cây cỏ Việt nam (I, III),* Montréal, Canada
5. **Trần Hợp - 1968.** *Phân loại thực vật học* - Nhà xuất bản Đại học và Trung học Chuyên nghiệp - Hà Nội.
6. **Đỗ Tất Lợi - 1981.** *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam.* In lần thứ tư - Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật - Hà Nội.
7. **Nguyễn Tích - Trần Hợp - 1971.** *Tên cây rừng Việt Nam* - Nhà xuất bản Nông Nghiệp - Hà Nội.
8. **Trương Hữu Tuyên - 1979 -** *Kỹ thuật trồng hoa.* Nhà xuất bản Nông nghiệp - Hà Nội.
9. **Võ Văn Chi - Trần Hợp - Trịnh Minh Tân - 1993.** *Bonsai* - Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật - Hà Nội.
10. **L.H. Bailey 1940 - 1958 -** *The standard cyclopedie of Horticulture (I - III)* The Macmillan company - NewYork.
11. **Maurice Coutancean 1957 -** *Encyclopédie des jardins* - Larousse - Paris.
12. **G. Bellair et Saint Leger 1900.** *Les plantes de serre* - Paris.
13. **H. Schwarzenbach 1959 -** *Les arbres et arbustes de jardin.* Edition du Message - Berne.

14. **Francesco Vallardi et all.** 1964 *Encyclopedie du monde vegetale (I - II)* - Librairie Aristide Quillet. Paris.
15. **André Leroy** 1957 *Plants d'eau et bassins fleuris* - Paris.
16. **Paul Grisvard, Victor Chaudun (Pierre Chouard, André Guillaumin)**
17. **1964 - Le bon jardinier** (Encyclopedie horticole) 152e édition. Tome second. La maison rúsique - Paris.
18. **S.N.Prikhodko - M. V. Mikhailovkaia** 1989. *Cây hoa trong nhà* - Yrazai - Kieb.
19. **G.K.Tablinova** - 1990. *Cây hoa trong nhà và ngoài bao lon* - Leningrad.
20. **H.F. Macmillan, F.L.S; A.H.R.H.S.** 1949. *Tropical planting and gardening (Fifth edition)* Macmillan and Co.; limited St. Martin's street London.
21. **H. de Wit** (1963) *Les plantes du monde (I - II) (plantes à fleurs)* - Hachette - Paris.
22. **Aubréville, Jean F. Leroy, Ph. Morat et all.** 1960 - 1987 *Flore du Cambodge, du Laos et du Vietnam (1 - 23 fascicules)* Muséum national d'Histoire naturelle - Paris.
23. **H. Lecomte, F. Gagnepain et all** 1907 - 1951 *Flore générale de l' Indochine (7 tomes et supplément)* Masson édition - Paris.
24. **Derek Fell.** 1992 - *Encyclopedia of flowers* - Michael Friedman Publishing Group, Inc. NewYork.
25. **Graf A.B.,** 1970. *Exotic Plant Manual* (second edition) -- Roehrs company -- East Rutheford, New Jersey 07073, USA
26. **Graf A.B.,** 1992 - *Hortica*. Published by Roehrs Company - New Jersey, USA.

MỤC LỤC

Trang

LỜI MỞ ĐẦU.....	3
I. Nhóm cây leo, cây hàng rào.....	10
II. Nhóm cây làm cảnh bằng thân.....	77
II.A. Nhóm cây thân cột.....	77
II.B. Nhóm cây thân rỗng.....	104
II.C. Nhóm cây thân mọng nước.....	120
III. Nhóm cây làm cảnh bằng lá.....	169
III.A. Nhóm cây lá xanh ngành Quyết thực vật.....	169
III.B. Nhóm cây lá kim ngành Thực vật hạt trần.....	193
III.C. Nhóm cây lá rộng ngành Thực vật hạt kín.....	210
IV. Nhóm cây có hoa làm cảnh.....	271
IV.A. Nhóm cây thân cỏ.....	271
IV.B. Nhóm cây thân gỗ.....	357
V. Nhóm cây có quả làm cảnh.....	444
VI. Nhóm cây ở nước, bờ nước làm cảnh.....	464
- Bảng tra cứu tên cây theo tiếng Việt.....	481
- Bảng tra cứu tên cây theo tiếng La Tinh.....	500
- Tài liệu tham khảo.....	533
- Mục lục.....	535

Chịu trách nhiệm xuất bản :

LÊ VĂN THỊNH

Biên tập: Vũ Thị Hòa

Trình bày bìa: Nguyễn Phụng Thoại

Sửa bản in: Trần Tuyết Oanh - Trần Hợp

Ảnh: Phạm Lê Chuẩn - Trần Hợp -
Nguyễn Lệ Hường -

Nguyễn Bội Quỳnh - Bùi Công Trạng

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

D14 - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội

ĐT : (04) 8523887 - 8525070 - 8521940

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

58 - Nguyễn Bình Khiêm - Q.1 - TP.HCM

ĐT : (08) 8297157 - 8299521

In 1.030 bản khổ 14,5 x 20,5cm tại Công ty In Bao bì và XNK.

Chấp nhận đề tài số 1354/XB-QLXB, ngày 30/12/1998.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 4/2000.

- **Địa lý các họ cây Việt Nam**
(cùng Vũ Văn Chuyên - Lê Trần Chấn)
Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật - 1987.
- **Thế giới màu xanh kỳ diệu (I)**
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1987.
- **Kỹ thuật nuôi trồng Phong Lan xuất khẩu**
(cùng Hoàng Quý Châu - Nguyễn Hồng Đăng - Phan Thúc Huân - Nguyễn Văn Uyển)
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1987.
- **Đời sống họ Lan** (dịch từ tiếng Nga)
(Lâm Xuân Sanh dịch - Trần Hợp hiệu đính)
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1988.
- **Phong lan Việt Nam (I và II)**
Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật (1988-1990).
- **Việt Nam - Non nước thần tiên (I)**
(cùng Lê Văn Hảo - Nguyễn Hồng Đăng)
Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật - 1989.
- **Cây gỗ trong kinh doanh**
(cùng Nguyễn Hồng Đăng)
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1990.
- **Bonsai**
(cùng Võ Văn Chi - Trịnh Minh Tân)
Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật - 1993.
- **Phong lan có hương thơm**
Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật - 1993.
- **Cây cảnh, hoa Việt Nam**
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1993.
- **Cây gỗ kinh tế ở Việt Nam**
(cùng Nguyễn Bội Quỳnh)
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1993.
- **Bonsai, cây kiểng cổ**
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1993.
- **Cây xanh và cây cảnh thành phố Vũng Tàu**
(cùng Nguyễn Đình Thái - Trần Minh)
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1994.
- **Hoa, cây cảnh trong kiến trúc gia thất**
(cùng Phạm Tạo - Minh Lê)
Nhà xuất bản Hà Nội - 1997.
- **100 loài cây gỗ bản địa**
(cùng Hoàng Quảng Hà)
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1997.
- **Cây xanh và cây cảnh Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh**
(sách kỷ niệm 300 năm Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh)
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1998.
- **Phong lan Việt Nam**
Nhà xuất bản Nông nghiệp - 1998.
- **Cây cỏ có ích ở Việt Nam (I)**
(cùng Võ Văn Chi)
Nhà xuất bản Giáo dục - 1999.

Ảnh bìa 1: *Sở* - *Oilenia ovata* Wall. ex Hook. f. et Thoms.
họ *Sở* - *Dilleniaceae*

Ảnh bìa 4: *Hải đường* - *Camellia amplexicaulis* (Pit.) Coh.-Swan
họ *Chè* - *Theaceae*



Các sách sẽ xuất bản :

- ❖ Hoa, cây cảnh trong thiết kế sân vườn.
- ❖ Cây Quế Việt Nam.